

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(CẬP NHẬT NĂM 2017)

NGÀNH: LÂM NGHIỆP (Tiếng Anh: FORESTRY)

MÃ NGÀNH: 52620201

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

TẬP I
BỐ CỤC VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CÁC HỌC PHẦN

HUẾ, THÁNG 5 NĂM 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Lâm nghiệp (Tiếng Anh: Forestry)

Mã ngành: 52620201

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 469 /QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)*

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo người kỹ sư Lâm nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân tốt; có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực lâm nghiệp, có khả năng làm việc độc lập tại các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo và các cơ quan có liên quan đến quản lý và phát triển Lâm nghiệp; có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Thời gian đào tạo: 4,0 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Quy trình đào tạo: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

6. Chuẩn đầu ra:

6.1. Chuẩn về kiến thức:

a. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn (B1 hoặc tương đương).

b. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành lâm nghiệp;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng.

c. Kiến thức chung khối ngành:

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

d. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để giải quyết các vấn đề trong quản lý, phát triển rừng đặt ra tại các địa phương;

- Tích lũy và tổng hợp các kiến thức khoa học cơ bản, tri thức bản địa và xã hội trong lĩnh vực lâm nghiệp để phát triển kiến thức mới;
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

d. Kiến thức bổ trợ:

- Có những kiến thức sâu về tiếp cận và làm việc với cộng đồng, phân tích được thực trạng địa phương, hiệu quả sản xuất và các chương trình, dự án lâm nghiệp;
- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực hành trong nghiên cứu khoa học và đề xuất giải pháp kỹ thuật để đưa lại hiệu quả trong sản xuất lâm nghiệp.

6.2. Chuẩn về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp:

- Có kỹ năng hoàn thành các công việc phức tạp trong tiếp cận cộng đồng, chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp và quản lý tài nguyên rừng;
- Biết và thực hiện tốt các hoạt động trong quản lý, thực hành nghề nghiệp các chuyên đề lâm nghiệp và phát triển nông thôn;
- Có kỹ năng và thực hiện tốt việc thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin trong lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển nông thôn, để đề xuất các giải pháp giải quyết hiệu quả;
- Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn lâm nghiệp với các lĩnh vực chuyên môn khác để giải quyết các vấn đề quy mô địa phương hay vùng miền.

b. Kỹ năng mềm:

- Năng lực tốt trong tiếp cận cộng đồng, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số; chuyển giao được khoa học công nghệ cho người dân và đánh giá được hiệu quả những đầu tư tại cộng đồng cũng như viết được một báo cáo nghiên cứu hay trình bày kết quả làm việc, nghiên cứu của bản thân;
- Có khả năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn đời sống, xây dựng ý tưởng và đưa ra được những lý giải khoa học hoặc các ứng dụng vào công việc dựa trên các kết quả nghiên cứu về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm và quản lý nhóm, giao tiếp bằng tiếng Anh trong công việc và thành thạo trong tin học, ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn, đặc biệt là các phần mềm, ứng dụng chuyên ngành và GIS, viễn thám trong nghiên cứu và quản lý ngành lâm nghiệp, phát triển nông thôn.

6.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có tinh thần đoàn kết, chia sẻ với cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn lâm nghiệp, sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc được giao; Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Có năng lực cao trong huy động sự tham gia của tập thể, điều phối các hoạt động chung trong quá trình làm việc; Có năng lực tự đánh giá và đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp ở các mức độ khác nhau.

7. Cấu trúc chương trình đào tạo

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 tín chỉ
 - Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ
 - + *Bắt buộc: 19 tín chỉ*
 - + *Tự chọn: 4 tín chỉ*
 - Kiến thức chuyên ngành: 46 tín chỉ

- + *Bắt buộc*: 40 tín chỉ
- + *Tự chọn*: 6 tín chỉ
- Thực tập nghề nghiệp: 10 tín chỉ
- Kiến thức bổ trợ: 8 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp/học phân thay thế: 10 tín chỉ.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		31	
I	Lý luận chính trị		10	
1	CTR1016	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	CTR1017	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	CTR1033	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
4	CTR1022	Tỷ tưởng Hồ Chí Minh	2	
II	Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và môi trường		17	
5	CBAN12002	Toán cao cấp	2	
6	CBAN12202	Toán thống kê	2	
7	CBAN12302	Vật lý	2	
8	CBAN10304	Hóa học	4	
9	CBAN11803	Sinh học	3	
10	CBAN11902	Tin học	2	
11	NHOC15302	Sinh thái và môi trường	2	
III	Khoa học xã hội và nhân văn		4	
12	KNPT14602	Xã hội học đại cương	2	
13	TNMT29402	Nhà nước và pháp luật	2	
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		97	
I	Kiến thức cơ sở ngành		26	
	<i>Bắt buộc</i>		20	
14	NHOC31022	Sinh lý thực vật	2	
15	NHOC22502	Hóa sinh thực vật	2	
16	NHOC31172	Thực hành sinh lý và hoá sinh thực vật	2	
17	NHOC31082	Thỏ nhưỡng	2	
18	LNGH25302	Thực vật rừng	2	
19	LNGH22002	Giống cây rừng	2	
20	LNGH31102	Khí tượng	2	
21	LNGH24302	Sinh thái rừng	2	
22	LNGH24902	Thống kê ứng dụng trong lâm nghiệp	2	
23	LNGH22502	Khoa học gỗ	2	
	<i>Tự chọn (Chọn 6/12)</i>		6	
24	LNGH20302	Bảo tồn đa dạng sinh học	2	
25	LNGH12102	Hình thái và phân loại thực vật	2	
26	KNPT28702	Quản trị doanh nghiệp lâm nghiệp	2	
27	LNGH31192	Phyõng phạp nghiên cứu hệ sinh thái rừng	2	
28	LNGH29302	Đánh giá tác động môi trường Lâm nghiệp	2	
29	KNPT27902	Kinh tế lâm nghiệp	2	
II	Kiến thức ngành		43	
	<i>Bắt buộc</i>		33	
30	TNMT22902	Pháp luật và chính sách lâm nghiệp	2	
31	LNGH31072	Đo đạc lâm nghiệp	2	
32	LNGH31253	Sâu bệnh hại rừng	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
33	LNGH21702	Điều tra rừng	2	
34	LNGH31233	Quy hoạch và điều chế rừng	3	
35	LNGH21602	Công trình lâm nghiệp	2	
36	LNGH21802	Động vật rừng	2	
37	LNGH22302	Khai thác lâm sản	2	
38	LNGH23702	Nông lâm kết hợp	2	
39	LNGH23002	Kỹ thuật lâm sinh	2	
40	LNGH23202	Lâm nghiệp đô thị	2	
41	LNGH23802	Phòng và chống cháy rừng	2	
42	LNGH25803	Trồng rừng	3	
43	LNGH23302	Lâm nghiệp xã hội	2	
44	LNGH24102	Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp	2	
	Tự chọn (Chọn 10/19)		10	
45	LNGH31242	Sản lượng rừng	2	
46	LNGH20802	Công cụ và máy lâm nghiệp	2	
47	LNGH26002	Lâm sản ngoài gỗ	2	
48	LNGH31212	Quản lý giống cây lâm nghiệp	2	
49	TNMT21403	Hệ thống thông tin địa lý	3	
50	LNGH23502	Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp	2	
51	LNGH24002	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	
52	LNGH25702	Tổ chức và quản lý các loại rừng	2	
53	LNGH29602	Quản lý rừng bền vững	2	
III	Kiến thức bổ trợ		8	
54	LNGH22902	Khuyến lâm	2	
55	KNPT21602	Kỹ năng mềm	2	
56	KNPT24802	Xây dựng và quản lý dự án	2	
57	KNPT23002	Phyõng pháp tiếp cận khoa học	2	
IV	Thực tập nghề nghiệp		10	
58	LNGH25501	Tiếp cận nghề	1	
59	LNGH31283	Thao tác nghề	3	
60	LNGH31346	Thực tế nghề	6	
V	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế		10	
61	LNGH22710	Khóa luận tốt nghiệp	10	
62	LNGH28706	Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp	6	
63	LNGH29202	Công nghệ sinh học trong chọn tạo giống trồng rừng	2	
64	LNGH29802	Trồng rừng phòng hộ	2	
	KHỐI LÝƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA		128	

9. Điều kiện tốt nghiệp:

- Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng;
- Chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Chứng chỉ ngoại ngữ B1;
- Chuẩn CNTT cơ bản.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lê Văn An

PHẦN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC HUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khoa Lý luận chính trị Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: *Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1*
- Mã học phần: CTR1012
- Số tín chỉ: 2
- Học phần:
- + Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ đối với các hoạt động: 30
- + Nghe giảng lý thuyết: 20
- + Làm bài tập: 5
- + Thảo luận: 5

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức:

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các nguyên lý thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần hình thành cho người học thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận các môn khoa học khác.

- Kỹ năng:

Giúp người học xác lập cơ sở lý luận để hiểu các nguyên lý kinh tế - chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; góp phần rèn luyện, phát triển năng lực tư duy và thực tiễn của người học.

- Thái độ:

Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

Chương mở đầu, trình bày khái lược những trọng tâm, quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, đối tượng, phạm vi, mục tiêu và các yêu cầu của môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chương 1, trình bày kiến thức cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin về vật chất và ý thức, nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các nguyên lý duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

Chương 2, khái lược lịch sử phép biện chứng; trình bày các nguyên lý cơ bản, các cặp phạm trù cơ bản và các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, quan điểm duy vật biện chứng về nhận thức.

Chương 3, trình bày những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, về con người và bản chất của con người, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử xã hội.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương Mở đầu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và tổng quan về môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần tập trung trình bày những nguyên lý thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu

NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1.1. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin

1.1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành

1.1.2. Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin

1.2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

1.2.1. Đối tượng và mục đích của việc học tập, nghiên cứu

1.2.2. Những yêu cầu chủ yếu về phương pháp học tập, nghiên cứu

Chương 1

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - hình thức cao nhất của chủ nghĩa duy vật

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức

1.2.1. Phạm trù vật chất

1.2.2. Phạm trù ý thức

1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Bài tập 1

1.1. Vấn đề cơ bản của triết học và các trường phái triết học trong lịch sử?

1.2. Phạm trù vật chất và phạm trù ý thức? Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

Chương 2

PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

2.1.2. Phép biện chứng duy vật

2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển

2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.3.1. Cái riêng và cái chung

2.3.2. Nguyên nhân và kết quả

2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

2.3.4. Nội dung và hình thức

2.3.5. Bản chất và hiện tượng

2.3.6. Khả năng và hiện thực

2.4. Các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.4.1. Qui luật chuyển hóa những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại

2.4.2. Qui luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

2.4.3. Qui luật phủ định của phủ định

2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.5.1. Nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Bài tập 2

2.1. Cơ sở lý luận và yêu cầu của các nguyên tắc toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể?

2.2. Ý nghĩa phương pháp luận của các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật?

2.3. Ý nghĩa phương pháp luận của các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật?

2.4. Vị trí và vai trò của thực tiễn trong quá trình nhận thức chân lý

Chương 3

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất

3.1.1. Sản xuất vật chất

3.1.2. Qui luật QHSX phù hợp với trình độ của LLSX

3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội

3.3.1. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội

3.3.2. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

3.4.1. Khái niệm và kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội

3.4.2. Quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội

3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội

3.5.1. Khái niệm giai cấp và nguồn gốc giai cấp

3.5.2. Khái niệm đấu tranh giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp

3.5.3. Khái niệm cách mạng xã hội và vai trò của cách mạng xã hội

3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử

3.6.1. Bản chất của con người

3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của QCND

Bài tập 3

3.1. Phương thức sản xuất? Qui luật phổ biến của sự vận động và phát triển của phương thức sản xuất?

3.2. Khái niệm và kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội? Mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố cấu thành hình thái kinh tế - xã hội?

3.3. Khái niệm giai cấp? Nguyên nhân của sự phân chia giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội?

3.4. Luận điểm: “trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”? Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân?

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

THỜI GIAN	NỘI DUNG	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC					YÊU CẦU SINH VIÊN CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI LÊN LỚP
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành	Tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Tuần 1	Chương mở đầu: Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin 1.2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	2				3	Đọc 1: tr11-34.
Tuần 2	Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức	2				3	Đọc 1: tr37-65 - Chuẩn bị BT 1.1, 1.2. - Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 1
Tuần 3	Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức	1	1			3	Đọc 1: tr66-129 - Làm BT 1.1, 1.2. - Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 1.
Tuần 4	Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức	1		1		3	Đọc 1: tr66-129 <i>Thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 1</i>
Tuần 5	Chương 2: Phép biện chứng duy vật 2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.4. Các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	2				3	Đọc 1: tr66-129 - Chuẩn bị BT 2.1, 2.2, 2.3, 2.4. - Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 2.

Tuần 6	<p>Chương 2: Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.4. Các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>	1	1			3	<p>Đọc 1: tr66-129</p> <p>- Làm BT 2.1, 2.2</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 2.</p>
Tuần 7	<p>Chương 2: Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.4. Các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>	2					<p>Đọc 1: tr66-129</p> <p>- Làm BT 2.3, 2.4</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 2.</p>
Tuần 8	<p>Chương 2: Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.4. Các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p><i>* Kiểm tra giữa kỳ</i></p>	1	1				<p>Đọc 1: tr66-129</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ 45 phút.</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 2.</p>
Tuần 9	<p>Chương 2: Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.4. Các qui luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>			2			<p>Đọc 1: tr66-129</p> <p><i>Thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 2.</i></p>

Tuần 10	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế-XH</p> <p>3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội</p> <p>3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng ND trong lịch sử</p>	2				3	<p>Đọc 1: tr130-188</p> <p>- Chuẩn bị BT 3.1, 3.2, 3.3, 3.4.</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 3.</p>
Tuần 11	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội</p> <p>3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử</p>	2				3	<p>Đọc 1: tr130-188</p> <p>- Chuẩn bị BT 3.1, 3.2, 3.3, 3.4.</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 3.</p>

Tuần 12	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội</p> <p>3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử</p>	1	1			3	<p>Đọc 1: tr130-188</p> <p>- Làm BT 3.1, 3.2.</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 3.</p>
Tuần 13	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội</p> <p>3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử</p>	2				3	<p>Đọc 1: tr130-188</p> <p>Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 3.</p>
Tuần 14	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội</p>	1	1				<p>Đọc 1: tr130-188</p> <p>Làm BT 3.3, 3.4</p> <p>Chuẩn bị thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 3.</p>

	3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử					
Tuần 15	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Sản xuất vật chất và qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.3. Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.5. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội</p> <p>3.6. Vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử</p>		2			<p>Độc 1: tr130-188</p> <p><i>Thảo luận theo chủ đề lấy ở BT 3.</i></p>

III. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

1. Chính sách đối với học phần

1.1. Giảng viên

- Xây dựng đề cương môn học đến từng bài theo mỗi tuần
- Khái quát mục tiêu, những nội dung chính của bài học (cấu trúc tri thức) trong giờ lý thuyết
- Xác định câu hỏi và bài tập của học phần, hướng dẫn sinh viên làm bài tập trên lớp và bài tập ở nhà theo nhóm (các câu hỏi và bài tập phải sát với nội dung của bài học)
- Giới thiệu giáo trình để sinh viên đọc trước khi nghe giảng lý thuyết và làm bài tập, giúp sinh viên xác định tài liệu cần đọc thêm.
- Định hướng chủ đề thực hành cho sinh viên
- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

1.2. Sinh viên

- Lập kế hoạch học tập cho đến từng bài theo mỗi tuần, nắm bắt và thực hiện các yêu cầu của môn học, bài học, giờ học; xác định và đọc trước các tài liệu theo hướng dẫn để chuẩn bị cho việc nghe giảng lý thuyết và làm bài tập
- Dự giờ lý nghe giảng lý thuyết, ghi chép đầy đủ mục tiêu và nội dung chính của bài học, những yêu cầu tự học và chuẩn bị bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
- Làm đầy đủ các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
- Tham dự đầy đủ các giờ làm bài tập trên lớp và làm bài tập theo nhóm, trình bày bài tập của nhóm theo phân công
- Làm đầy đủ bài kiểm tra giữa kỳ (tối thiểu 1 lần trong mỗi học kỳ) và bài thi cuối kỳ

2. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

2.1. *Kiểm tra – đánh giá thường xuyên*: 10% = 1,0 điểm

2.2. *Kiểm tra – đánh giá định kỳ*: 30% = 3,0 điểm, gồm có:

- Tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt trước khi nghe giảng lý thuyết): 10% = 1,0 điểm

- Tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành nội dung tự học, làm bài tập trên lớp và bài tập theo nhóm), kiểm tra giữa kỳ: 20% = 2,0 điểm

2.3. *Thi cuối kỳ*: 60% = 6,0 điểm

2.4. *Lịch trình kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ*:

- Kiểm tra giữa kỳ: tuần thứ 8

- Thi cuối kỳ: sau tuần thứ 15; thi lần 2: sau tuần thứ 20

IV. TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

V. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

1. Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng

Chức danh, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, chính trị học, Văn hóa

2. Họ và tên: Hồ Minh Đồng

Chức danh, học vị: GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học, Kinh tế chính trị

3. Họ và tên: Hoàng Ngọc Vĩnh

Chức danh, học vị: GVC.ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học, TT Hồ Chí Minh

4. Họ và tên: Phan Doãn Việt

Chức danh, học vị: GVC.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học

5. Họ và tên: Lê Bình Phương Luân

Chức danh, học vị: GVC.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học

6. Họ và tên: Hà Lê Dũng

Chức danh, học vị: GV.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học

7. Họ và tên: Thái Thị Khương

Chức danh, học vị: GV.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698
Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học

8. Họ và tên: Nguyễn Thị Kiều Sương

Chức danh, học vị: GV.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698
Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học

9. Họ và tên: Nguyễn Thị Phương

Chức danh, học vị: GV.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698
Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học,

10. Họ và tên: Nguyễn Việt Phương

Chức danh, học vị: GV.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698
Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học,

11. Họ và tên: Nguyễn Thanh Tân

Chức danh, học vị: GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698
Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học, Khoa học chính trị, Quản lý xã hội.

12. Họ và tên: Đinh Thị Phòng

Chức danh, học vị: GV.Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 10 tháng, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
Đ.c liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHKH. Điện thoại: 054.3825698
Mail liên hệ: dinhthiphongtan@gmail.com
Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học, Khoa học chính trị, Quản lý xã hội.

Huế, ngày tháng năm 2017

Duyệt

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên

Đinh Thị Phòng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2.
- Mã học phần: CTR 1013 Số tín chỉ: 03
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần 1 Những nguyên lý cơ bản của CNMLN.
- Phân giờ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - + Làm bài tập và thảo luận: 14 tiết
 - + Tự học:

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức:

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Kỹ năng:

Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học.

- Thái độ:

Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

Chương IV: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết giá trị: Hàng hóa và sản xuất hàng hóa, về tiền tệ, nội dung và tác động của quy luật giá trị.

Chương V: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư: sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản, sự sản xuất giá trị thặng dư trong CNTB và tích lũy tư bản, các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư.

Chương VI: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước, về vai trò và giới hạn của CNTB.

Chương VII: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó, về tính tất yếu, qui luật hình thành và phát triển Đảng cộng sản, về cách mạng XHCN và hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

Chương VIII: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết Mác – Lênin về những vấn đề có tính quy luật của tiến trình cách mạng XHCN.

Chương IX: Từ lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin đánh giá về chủ nghĩa xã hội hiện thực: hình thành, phát triển, thành tựu, khủng hoảng và nguyên nhân của sự sụp đổ mô hình CNXH ở Liên xô và Đông âu; triển vọng của CNXH.

3. Tóm tắt nội dung

Học phần Những nguyên lý cơ bản của CNMLN (phần 2) bao gồm 6 chương, bắt đầu từ chương thứ IV đến chương thứ IX trong giáo trình Những nguyên lý cơ bản của CNMLN. Nội dung cơ bản như sau:

Chương IV: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết giá trị: Hàng hóa và sản xuất hàng hóa, về tiền tệ, nội dung và tác động của quy luật giá trị.

Chương V: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư: sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản, sự sản xuất giá trị thặng dư trong CNTB và tích lũy tư bản, các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư.

Chương VI: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước, về vai trò và giới hạn của CNTB.

Chương VII: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó, về tính tất yếu, qui luật hình thành và phát triển Đảng cộng sản, về cách mạng XHCN và hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

Chương VIII: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết Mác – Lênin về những vấn đề có tính quy luật của tiến trình cách mạng XHCN.

Chương IX: Từ lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin đánh giá về chủ nghĩa xã hội hiện thực: hình thành, phát triển, thành tựu, khủng hoảng và nguyên nhân của sự sụp đổ mô hình CNXH ở Liên xô và Đông âu; triển vọng của CNXH.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 4

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa

4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

4.2. Hàng hóa

4.2.1. Hàng hóa và 2 thuộc tính của hàng hóa

4.2.2. Tính 2 mặt của lao động sản xuất hàng hóa

4.2.3. Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

4.3. Tiền tệ

4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ

4.3.2. Các chức năng của tiền tệ

4.4. Nội dung qui luật giá trị

4.4.1. Nội dung của qui luật giá trị

4.4.2. Tác động của qui luật giá trị

Bài tập 4

4.1. Hai thuộc tính của hàng hóa? Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa? Các hình thái giá trị và bản chất, chức năng của tiền tệ?

4.2. Nội dung và tác động của qui luật giá trị. Biểu hiện của quy luật này trong các giai đoạn phát triển của CNTB và ý nghĩa của việc nghiên cứu đối với việc phát triển kinh tế thị trường ở nước ta?

Chương 5

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

5.1. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản

5.1.1. Công thức chung của tư bản

5.1.2. Mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản

5.1.3. Hàng hóa sức lao động

5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản

5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư.

5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến.

5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản.

5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công

5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản

5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

5.4. Sự chuyển hóa giá trị thặng dư thành tư bản- tích lũy tư bản

5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản

5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội

5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản

5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

5.6.3. Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất

5.5.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản

Bài tập 5

5.1. Tại sao nói công thức chung của Tư bản có mâu thuẫn? Vì sao phân tích hàng hóa sức lao động là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn đó? Giá trị thặng dư là gì? Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư? Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong CNTB?

5.2. Tích lũy, tích tụ và tập trung tư bản? Cấu tạo hữu cơ của tư bản? Những nhân tố tác động đến sự thay đổi cấu tạo hữu cơ của tư bản? Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản? Bản chất, nguyên nhân và tính chu kỳ của khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản?

5.3. Lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất? Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản?

Chương 6

HỌC THUYẾT KINH TẾ VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.1.1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền

6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.1.3. Sự hoạt động của qui luật giá trị và qui luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

6.3. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại

6.3.1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất

6.3.2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức

6.3.3. Sự điều chỉnh trong quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp

6.3.4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn

6.3.5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường

6.3.6. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường

6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB

6.4.1. Vai trò của CNTB đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

6.4.2. Hạn chế của CNTB

6.4.3. Xu hướng vận động của CNTB

Bài tập 6

6.1. Nguyên nhân hình thành, bản chất và đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền?

6.2. Nguyên nhân ra đời, bản chất và những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước? Xu hướng vận động và giới hạn của chủ nghĩa tư bản?

Chương 7

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

7.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

7.1.1. Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

7.1.2. Những điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

7.1.3. Vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

7.2.1. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

7.2.3. Liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

7.3. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Bài tập 7

7.1. *Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân?*

7.2. *Nguyên nhân, mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa? Tính tất yếu, đặc điểm, thực chất, nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH? Những đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN?*

Chương 8

NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUI LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

8.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

8.2. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

8.2.1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

8.2.2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

8.3.1. Vấn đề dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

8.3.2. Tôn giáo và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Bài tập 8

8.1. Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa? Đặc trưng và tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước XHCN? Đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa?

8.2. Những nguyên tắc cơ bản của CNMLN trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa?

Chương 9

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

9.1.1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới

9.1.2. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó

9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội

9.3.1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

9.3.3. Chủ nghĩa xã hội là tương lai của xã hội loài người

Bài tập 9

9.1. Những đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết? Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết?

9.2. Giới hạn của chủ nghĩa tư bản và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện nay?

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Nội dung	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực hành	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 4: Học thuyết giá trị 4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa 4.2. Hàng hóa 4.3. Tiền tệ 4.4. Quy luật giá trị	5	1			5	Đọc: 6.1, chương IV, chuẩn bị bài tập 4.
Chương 5: Học thuyết giá trị thặng dư 5.1. Sự chuyển hóa tiền thành tư bản 5.2. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản 5.3. Tiền công trong CNTB 5.4. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư	6	1	2		3	Đọc: 6.1, chương V; làm bài tập 4, chuẩn bị bài tập 5 và làm bài tập 5; chuẩn bị bài tập 6.

5.5. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư					
Chương 6: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại 6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	4	1			5 Đọc: 6.1, chương VI làm bài tập 6.
Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.3. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa	6	1	2		5 Đọc: 6.1, Chương VII, chuẩn bị bài tập 7.
<i>* Ôn tập phần kinh tế chính trị Kiểm tra giữa kỳ</i>	1	1			
Chương 8: những vấn đề chính trị - xã hội có tính qui luật của tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa 8.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 8.2. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa 8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo	6	1	1		5 Đọc: 6.1, Chương VIII; làm bài tập 7, chuẩn bị bài tập 8.
Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng 9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó 9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội	4				5 Đọc: 6.1, Chương IX; làm bài tập 9.
<i>* Ôn tập và giải đáp thắc mắc toàn bộ học phần 2.</i>			2		5 Sinh viên chuẩn bị các vấn đề thắc mắc cần giải đáp.

III. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

1. Chính sách đối với học phần

- Yêu cầu sinh viên phải nghe giảng lý thuyết đầy đủ.
- Sinh viên phải tích cực tham gia thảo luận và làm bài tập đầy đủ, đúng thời gian qui định.
- Tham gia kiểm tra học trình đầy đủ.

Căn cứ vào mức độ sinh viên thực hiện các yêu cầu trên mà giáo viên đánh giá, cho điểm theo qui định của Bộ giáo dục đào tạo và nhà trường khi thực hiện đào tạo theo tín chỉ.

2. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

2.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: 10% (tương đương 1/10 điểm)

- Kiểm tra đi học chuyên cần
- Nghe giảng, ghi chép
- Tích cực tham gia xây dựng bài

2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ: 30% (tương đương 3/10 điểm)

- Đánh giá bài kiểm tra tại lớp
- Đánh giá làm bài tập ở nhà
- Đánh giá thảo luận (theo nhóm)

2.3. Thi cuối kỳ: 60% (tương đương 6/10 điểm)

2.4. Lịch trình kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ (kể cả thi lại)

- Kiểm tra học trình theo kế hoạch ở mục 7.2
- Thi cuối kỳ theo lịch của trường

IV. TÀI LIỆU HỌC PHẦN

1. Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hà Nội, 2011.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học Mác – Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2007.

3. Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2007.

4. Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2007.

V. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

1. Họ và tên: LÊ THANH HÀ

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học (Kiêm phụ trách học phần NNLCBCNMLN 2), Giảng viên chính, Thạc sỹ.

Địa điểm liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Điện thoại, Email: 0914192709; lethanhha1963@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Chủ nghĩa xã hội khoa học, kinh tế chính trị, lịch sử phong trào công nhân, lịch sử tư tưởng XHCN...

2. Họ và tên: LÊ THỊ KIM PHƯƠNG

Chức danh, học hàm, học vị: CBGD, giảng viên chính, Thạc sỹ.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Điện thoại:

Các hướng nghiên cứu chính: Chủ nghĩa xã hội khoa học, kinh tế chính trị, lịch sử phong trào công nhân, lịch sử tư tưởng XHCN...

3. Họ và tên: DU THỊ HUYỀN

Chức danh, học hàm, học vị: CBGD, Thạc sỹ.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Điện thoại:

4. Họ và tên: NGUYỄN THỊ THẮNG

Chức danh, học hàm, học vị: CBGD, Thạc sỹ.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Điện thoại:

5. Họ và tên: NGUYỄN THỊ GIANG

Chức danh, học hàm, học vị: CBGD, Thạc sỹ.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Hiệu trưởng

Khoa

Giảng viên biên soạn

GVC, Th.S Lê Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Mã học phần: CTR1022
- Số tín chỉ: 2
- Học phần: Bắt buộc
- Các mã học phần tiên quyết: Sinh viên phải học xong các môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: Cung cấp những hiểu biết có hệ thống về tư tưởng đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

- Kỹ năng: Có tư duy biện chứng, biết liên hệ với thực tiễn để giải quyết những vấn đề liên quan đến công việc

- Thái độ chuyên cần: Nghiêm túc, đọc và chuẩn bị bài học trước khi lên lớp

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, gồm có 7 chương, từ chương 1 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Khái niệm tư tưởng và nhà tư tưởng

- Khái niệm tư tưởng
- Khái niệm nhà tư tưởng

b) Định nghĩa và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

- Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh
- Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh
- Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Hệ thống các quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh

b) Sự vận động của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Quan hệ với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận
2. Các phương pháp cụ thể

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Chương I

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở khách quan

a) Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- Bối cảnh thời đại (quốc tế)

b) Các tiền đề tư tưởng, lý luận

- Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam
- Tinh hoa văn hóa nhân loại
- Chủ nghĩa Mác - Lênin

2. Nhân tố chủ quan

Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh

- Khả năng tư duy, trí tuệ
- Nhân cách, phẩm chất đạo đức
- Năng lực hoạt động, tổng kết thực tiễn

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

- Tiếp thu truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước.
- Những bài học thành, bại rút ra từ các cuộc đấu tranh chống Pháp.
- Nung nấu ý chí yêu nước và quyết tâm ra đi tìm con đường cứu nước mới.

2. Thời kỳ từ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

- Đến Pháp và các nước châu Âu, nơi sản sinh những tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái.
- Kiên trì chịu đựng gian khổ, ra sức học tập và khảo sát thực tiễn
- Tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội tiến bộ
- Tìm hiểu các cuộc cách mạng thế giới

- Đến với chủ nghĩa Lênin và tán thành tham gia đệ tam quốc tế, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn.

3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

- Tiếp tục hoạt động và tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin
 - Kết hợp nghiên cứu với xây dựng lý luận
 - Hình thành hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam
4. Thời kỳ từ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng
- Giữ vững lập trường quan điểm trước khuynh hướng "tả khuynh" của Quốc tế cộng sản
 - Theo sát tình hình để chỉ đạo cách mạng trong nước
 - Xây dựng và hoàn thiện chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, xác lập tư tưởng độc lập, tự do dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám
 - Tư tưởng về các quyền dân tộc cơ bản (trong *Tuyên ngôn độc lập*)
5. Thời kỳ từ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện
- Tư tưởng kết hợp kháng chiến với kiến quốc
 - Tư tưởng về chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính
 - Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 - Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
 - Tư tưởng và chiến lược về con người của Hồ Chí Minh
 - Xây dựng Đảng Cộng sản với tư cách là một đảng cầm quyền
 - Về quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại...

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

a) *Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam*

b) *Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam*

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

a) *Phản ánh khát vọng thời đại*

b) *Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người*

Chương II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

a) *Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa*

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc
- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

b) *Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa*

- Phương thức tiếp cận - từ quyền con người
- Nội dung của độc lập dân tộc

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

a) *Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau*

b) *Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*

c) Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa

- Sự phân hóa của xã hội thuộc địa
- Mâu thuẫn của xã hội thuộc địa
- Đối tượng của cách mạng ở thuộc địa
- Yêu cầu bức thiết của cách mạng thuộc địa
- Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa
- Tính chất của cách mạng thuộc địa

b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc
- Giành độc lập dân tộc
- Giành chính quyền về tay nhân dân

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó

- Con đường cứu nước theo lập trường phong kiến
- Con đường cứu nước theo lập trường tư sản
- Khủng hoảng về đường lối cứu nước

b) Cách mạng tư sản là không triệt để

- Cách mạng tư sản Mỹ
- Cách mạng tư sản Pháp

c) Con đường giải phóng dân tộc

- Cả hai cuộc giải phóng giai cấp vô sản và dân tộc bị áp bức chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới
- Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

a) Cách mạng trước hết phải có Đảng

- Yêu cầu tổ chức và giác ngộ quần chúng
- Phải liên lạc với cách mạng thế giới
- Phải có cách làm đúng

b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất

- Đảng mang bản chất giai cấp công nhân
- Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

a) Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức

- Một cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng

- Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp chung của toàn dân tộc
- Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi

b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc

- Lực lượng toàn dân tộc
- Động lực cách mạng
- Bạn đồng minh của cách mạng

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo

- Sức sống của chủ nghĩa tư bản tập trung ở các thuộc địa
- Khả năng cách mạng to lớn của nhân dân các dân tộc thuộc địa
- Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập
- Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực

tự giải phóng

b) Quan hệ của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc

- Cùng chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc
- Quan hệ bình đẳng với cách mạng vô sản
- Cách mạng giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi trước

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

a) Quan điểm về bạo lực cách mạng

- Tính tất yếu của con đường cách mạng bạo lực
- Bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng
- Hình thức của bạo lực cách mạng

b) Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình

- Tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình
- Phải tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng
- Khi tiến hành chiến tranh, vẫn tìm mọi cách vẫn hồi hòa bình

c) Hình thái bạo lực cách mạng

- Khởi nghĩa toàn dân
- Chiến tranh nhân dân

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc*

+ Nhận diện chính xác thực chất vấn đề dân tộc thuộc địa

+ Tìm đúng con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa

+ Quan điểm về tính chủ động và khả năng giành thắng lợi trước của cách mạng giải phóng dân tộc

- *Ý nghĩa của việc học tập.*

+ Thấy rõ vai trò to lớn, vĩ đại của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc

+ Nhận thức đúng sức mạnh của dân tộc, củng cố niềm tự hào, tự tôn dân tộc, từ đó có những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong xây dựng, phát triển dân tộc giàu mạnh, phồn vinh.

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản

b) Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm giải phóng con người một cách triệt để

2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội ưu việt

- Phương thức tiếp cận chủ nghĩa xã hội
- Một số định nghĩa tiêu biểu về chủ nghĩa xã hội

b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội

- Bản chất của chủ nghĩa xã hội- Các đặc trưng tổng quát:
 - + Nhân dân làm chủ, đoàn kết
 - + Có nền chính trị dân chủ
 - + Có nền kinh tế, văn hóa, xã hội, con người phát triển
 - + Có mối quan hệ hữu nghị, bình đẳng, hòa bình, hợp tác với các quốc gia trên thế giới.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới

- Những mục tiêu cụ thể:

- + Về chính trị
- + Về kinh tế
- + Về văn hóa - xã hội
- + Về con người phát triển toàn diện

b) Động lực

- Động lực vật chất và động lực tinh thần
 - + Động lực vật chất
 - + Động lực tinh thần
- Kết hợp sức mạnh, động lực của tập thể, cá nhân con người
 - + Động lực tập thể
 - + Động lực cá nhân
- Kết hợp sức mạnh trong nước và quốc tế

II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Con đường

a) *Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*

b) *Con đường cách mạng không ngừng*

2. Biện pháp

a) *Phương châm*

- Dần dần, từng bước vững chắc trên cơ sở xác định một cách đúng đắn bước đi
- Tổng kết kinh nghiệm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đồng thời học tập kinh nghiệm của các nước khác trên thế giới
- Có kế hoạch và có quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân

b) *Biện pháp*

- Có nhiều biện pháp khác nhau
- Quan trọng nhất là phát huy tài dân, sức dân, của dân

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.*

+ Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

+ Quan điểm thực tiễn trong tiếp cận chủ nghĩa xã hội

+ Nhấn mạnh yếu tố đạo đức nhân văn trong bản chất của chủ nghĩa xã hội

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản

- *Ý nghĩa của việc học tập.*

+ Có cơ sở khoa học tin tưởng vào sự thắng lợi tất yếu, bản chất tốt đẹp và những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa

+ Xác định thái độ và có những hành động thiết thực đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Chương IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) *Cách mạng trước hết cần có Đảng*

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Kinh nghiệm cách mạng thế giới
- Kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam

b) *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử*

- Khái quát sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam
- Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân
- Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào yêu nước

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) *Lựa chọn con đường, xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng*

- Lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc
- Xác định chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn
- Xác định phương pháp cách mạng

b) *Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng*

- Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng trong nước
- Đoàn kết các lực lượng cách mạng quốc tế

c) *Vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên*

- Tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên
- Khả năng thu hút, tập hợp quần chúng của cán bộ, đảng viên

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) *Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân*

- Mục tiêu, lý tưởng của Đảng
- Nền tảng tư tưởng – lý luận của Đảng
- Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng

b) *Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động, là Đảng của dân tộc*

- Cơ sở xã hội của Đảng
- Lợi ích mà Đảng đại diện

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

a) *Đảng lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống xã hội*

b) *Đảng cầm quyền, dân là chủ*

c) *Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân*

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

a) *Đảng phải thường xuyên tự xây dựng*

- Mục đích xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh
- Nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

b) *Quan điểm chỉ đạo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*

- Về lý luận
- Về thực tiễn

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a) *Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận*

- Lý luận và vai trò của lý luận
- Giáo dục lý luận Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên

b) *Xây dựng Đảng về chính trị*

- Xây dựng đường lối cách mạng khoa học, đúng đắn
- Giáo dục đường lối, chính sách của Đảng

- Thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên
- c) *Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ*
 - Hệ thống tổ chức của Đảng
 - Các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng
 - Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng
- d) *Xây dựng Đảng về đạo đức*
 - Tư cách và đạo đức cách mạng của Đảng
 - Phương pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.*
- + Về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam
- + Về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
- + Lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền
- + Quan niệm xây dựng Đảng về đạo đức
- *Ý nghĩa của việc học tập.*
- + Thấy rõ vai trò lãnh đạo không thể thiếu được của Đảng trong cách mạng Việt Nam
- + Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng
- + Tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt
- + Có phương hướng phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng

- Đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài
- Đại đoàn kết dân tộc nhằm tập hợp mọi lực lượng
- Đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được khẳng định là vấn đề sống còn

b) Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

- Đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực
- Đại đoàn kết dân tộc phải được khẳng định là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng

- Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc

2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Khái niệm DÂN, NHÂN DÂN và đại đoàn kết dân tộc - đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công - nông

- b) Đại đoàn kết toàn dân là tập hợp được mọi người dân vào cuộc đấu tranh chung. Để thực hiện được đại đoàn kết toàn dân cần cần chú ý:*

- Kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc
- Phải khoan dung, độ lượng với con người, tin ở con người
- Phải có lập trường giai cấp rõ ràng

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a) *Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất*

b) *Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất*

- Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

- Khối đoàn kết trong Mặt trận phải xuất phát từ mục tiêu chung
- Mặt trận phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ
- Mặt trận là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, thật sự, chân thành

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

a) *Cơ sở khách quan*

- Mục tiêu chung
- Lợi ích chung

b) *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*

- Sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại
- Sự cần thiết phải kết hợp

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

a) *Các lực lượng cần đoàn kết*

- Với giai cấp công nhân quốc tế
- Với các dân tộc thuộc địa bị áp bức
- Các lực lượng tiến bộ trên thế giới

b) *Hình thức*

- Đoàn kết trên cơ sở xây dựng mặt trận giữa ba nước Đông Dương
- Mặt trận trong phe dân chủ
- Mặt trận các lực lượng tiến bộ

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a) *Nguyên tắc chung*

- Mục tiêu và lợi ích chung
- Có lý, có tình

b) *Nguyên tắc cụ thể*

- Tùy từng giai đoạn lịch sử
- Trên lập trường của giai cấp công nhân

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh*

- + Quan niệm rộng rãi, có nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế
- + Quan niệm về đại đoàn kết có tổ chức, có lãnh đạo

- Ý nghĩa của việc học tập.

+ Thấy rõ vai trò, sức mạnh to lớn của đại đoàn kết; tin tưởng vào tiềm năng cách mạng của quần chúng nhân dân

+ Đóng góp sức mình vào xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; thật sự đoàn kết trong tập thể nhằm tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Chương VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm về dân chủ

a) *Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân*

b) *Dân chủ là cơ sở đảm bảo quyền làm chủ, các quyền cơ bản của nhân dân lao động*

c) *Dân là chủ và dân làm chủ*

- Quyền lực tối thượng trong cấu tạo quyền lực của Nhà nước là nhân dân

- Quyền hành và lực lượng là ở nơi dân

- Dân lập ra Đảng, chính quyền

d) *Cơ chế bảo đảm quyền dân chủ: tất cả vì lợi ích của nhân dân*

- Các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể phải phục vụ nhân dân

- Cán bộ, đảng viên, chính quyền làm công bộc cho nhân dân

- Nhân dân phải làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước.

2. Thực hành dân chủ

a) *Thực hành dân chủ là động lực phát triển cách mạng*

b) *Phương thức thực hành dân chủ*

- Thực hành dân chủ rộng rãi

- Thực hành dân chủ thông qua các thiết chế chính trị - xã hội

- Thực hành dân chủ thông qua việc đề ra và thực hiện đường lối, chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước

II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

a) *Nhà nước của dân*

- Xác lập quyền lực của nhân dân trong hệ thống quyền lực

- Các Hiến pháp do Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng

- Các hoạt động thực tế của Hồ Chí Minh trong việc bầu cử Quốc hội

b) *Nhà nước do dân*

- Nhân dân lập ra Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

- Quan niệm về chức vụ cán bộ Nhà nước là bởi dân ủy thác cho

- Nhân dân có quyền kiểm soát, giám sát và bãi miễn các đại biểu.

c) Nhà nước vì dân

- Mục tiêu hoạt động của Nhà nước là tất cả vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

- Nhà nước kết hợp các loại lợi ích khác nhau của nhân dân

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

a) Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

- Do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

- Biểu hiện ở định hướng mục tiêu xã hội chủ nghĩa

- Biểu hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản là tập trung dân chủ

b) Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

- Cơ sở khách quan

- Biểu hiện cụ thể

3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

a) Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

b) Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật, chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

- Vai trò của luật pháp trong quản lý xã hội

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức, tài

- Vị trí, vai trò của cán bộ, công chức

- Tiêu chuẩn cán bộ, công chức

4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

a) Tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp

b) Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

- Các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước

- Các giải pháp phòng ngừa và khắc phục

c) Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức cách mạng

- Tăng cường giáo dục pháp luật

- Tăng cường giáo dục đạo đức

- Kết hợp giáo dục pháp luật và đạo đức, hình thành pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.*

+ Lựa chọn kiểu Nhà nước phù hợp với thực tế Việt Nam

+ Bản chất dân chủ triệt để của Nhà nước mới

+ Quan niệm về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

+ Kết hợp cả đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội

- *Ý nghĩa của việc học tập*

- + Thấy được vai trò của Hồ Chí Minh trong việc khơi nguồn dân chủ và xác lập Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam
- + Nhận thức bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta
- + Có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng Nhà nước trong sạch, sáng suốt, mạnh mẽ.

Chương VII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Phương thức tiếp cận văn hoá

b) Định nghĩa văn hoá của Hồ Chí Minh

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

a) Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội

- Văn hóa là đời sống tinh thần, thuộc kiến trúc thượng tầng
- Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị
- Văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng

b) Quan điểm về chức năng của văn hóa

- Khẳng định, nêu cao lý tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp
- Mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí
- Bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách tốt đẹp, lành mạnh

c) Quan điểm về tính chất của nền văn hóa

- Trong cách mạng dân tộc dân chủ: Dân tộc, khoa học và đại chúng
- Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa: Có tính chất dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

a) Văn hóa giáo dục

- Mục tiêu của văn hóa giáo dục: Thực hiện ba chức năng của văn hóa
- Nội dung giáo dục toàn diện
- Phương châm, phương pháp giáo dục

b) Văn hóa văn nghệ

- Văn hóa - văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ
- Văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân
- Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới

c) Văn hóa đời sống

- Đạo đức mới
- Lối sống mới
- Nếp sống mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a) Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng
- + Hồ Chí Minh coi đạo đức là *nền tảng*
- + Hồ Chí Minh coi đạo đức là *sức mạnh*, là *tiêu chuẩn hàng đầu* của người cách mạng.
- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội
- + Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, nhân văn
- + Cán bộ, đảng viên của Đảng phải là một tấm gương đạo đức

b) Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- Trung với nước, hiếu với dân.
- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.
- Thương yêu con người, sống có tình nghĩa.
- Có tinh thần quốc tế trong sáng.

c) Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức
- + Nói đi đôi với làm - chống thói đạo đức giả
- + Phải nêu gương (tấm gương) về đạo đức
- Xây đi đôi với chống
- + Xây: Xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới
- + Chống: Chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức
- + Xây phải đi đôi với chống
- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời
- + Tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ
- + Mỗi người cần phải nhìn thẳng vào mình, phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng suốt đời như công việc rửa mặt hàng ngày
- + Việc tu dưỡng đạo đức của mỗi người phải được thể hiện qua mọi hoạt động thực tiễn

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

a) Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân
- Tu dưỡng đạo đức theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh
- + Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân
- + Cần cù, sáng tạo trong học tập
- + Sống nhân nghĩa, có đạo lý
- Tu dưỡng đạo đức theo các nguyên tắc đạo đức Hồ Chí Minh
- + Kiên trì tu dưỡng đạo đức cách mạng
- + Nói và làm đi đôi với nhau
- + Kết hợp cả xây dựng đạo đức mới với chống các biểu hiện suy thoái về đạo đức
- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

b) Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Phương pháp học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
- Điều kiện đảm bảo học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a) Hồ Chí Minh thường nói tới con người cụ thể, lịch sử.

b) Hồ Chí Minh khẳng định bản chất con người mang tính xã hội.

- Để sinh tồn, con người phải lao động sản xuất.
- Trong quá trình lao động, sản xuất các mối quan hệ được xác lập.
- Con người vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của lịch sử.
- Con người là tổng hợp các quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"

a) Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người.

- Con người là vốn quý nhất
- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược "trồng người".

- "Trồng người" là yêu cầu khách quan, một chiến lược
- Chiến lược "trồng người" là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
- Để thực hiện chiến lược "trồng người" phải coi trọng vai trò của giáo dục và đào tạo.

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh*
- + Đề cao vai trò của văn hoá, gắn văn hoá với phát triển
- + Xác lập hệ thống quan điểm có giá trị xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam
- + Đề cao vai trò của đạo đức, gắn đạo đức với sự phát triển tiến bộ của xã hội
- + Xác lập hệ chuẩn giá trị đạo đức cho con người mới Việt Nam
- + Coi trọng con người và xây dựng con người
- *Ý nghĩa của việc học tập*
- + Thấy rõ những cống hiến kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới
- + Xác định rõ phương hướng, biện pháp học tập tư tưởng văn hoá, đạo đức, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
- + Nhận thức rõ biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, đặc biệt là sự quan tâm đến con người
- + Xác định con đường phấn đấu để trở thành con người mới theo tư tưởng Hồ chí Minh.

III. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

1. Chính sách đối với học phần: Sinh viên chỉ được dự thi kết thúc học phần với điều kiện:

- Có mặt ít nhất 80% tổng số giờ trên lớp (lý thuyết, bài tập, hoặc thảo luận).

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
- Các bài tập phải nộp đúng hạn
- Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp
- Các bài tập của học phần tự học phải đạt từ 5 điểm trở lên

2. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần

- Điểm quá trình: 40%

+ Điểm chuyên cần tham gia trên lớp 10% (Có mặt đầy đủ 0.8%, ngồi học nghiêm túc 0.2%)

+ Điểm kiểm tra, bài tập, thảo luận 30%.

- Điểm thi đánh giá cuối kỳ: 60%. Căn cứ vào 4 tiêu chí sau:

Thứ nhất, Xác định nội dung, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng hợp lý, đủ đúng ý của đề ra.

Thứ hai, Kỹ năng phân tích, tổng hợp trong giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu, thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo.

Thứ ba, Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu do giáo viên hướng dẫn, hoặc bài giảng của giáo viên trên lớp.

Thứ tư, Bố cục hợp lý, văn phong mạch lạc rõ ràng, trích dẫn hợp lệ, trình bày đẹp, đúng quy cách kỹ thuật, không sai lỗi chính tả.

Điểm	Tiêu chí
9-10	Đạt tất cả 4 tiêu chí trên
7-8	- Đạt tiêu chí 1, 2 - Tiêu chí 3: có sử dụng tài liệu, nhưng chưa đầy đủ, phân tích chưa sâu. - Tiêu chí 4: còn mắc vài lỗi nhỏ
5-6	- Đạt tiêu chí 1. - Tiêu chí 2: chưa thể hiện rõ tư duy độc lập, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá còn kém. - Tiêu chí 3, 4: còn mắc lỗi nhỏ
Dưới 5	Không đạt cả 4 tiêu chí trên

IV. Tài liệu học tập

1. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*(Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh) – tái bản có sửa chữa, bổ sung, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2011

2. Nguyễn Thế Phúc – Phạm Ngọc Anh: *Hướng dẫn học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2012

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2003

4. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*(Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2009

V. Thông tin về giảng viên

1. Nguyễn Thế Phúc

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.

- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế

- Điện thoại, email: nguyenthephucpolitical@yahoo.com.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Hồ Chí Minh học, Triết học, Chính trị học.

- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học chính trị

2. Trần Thị Hồng Minh

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ,

- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.

- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế

- Điện thoại, email:

- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học

- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ,

- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.

- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế

- Điện thoại: 0982335531.

- Email: ntthuyenhue@yahoo.com.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Phong trào công nhân, Chính sách xã hội, Lao động di cư...

- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Việt Nam hiện đại

4. Đào Thế Đồng

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ,

- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.

- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế

- Điện thoại: 0935761816

- Email: Forgetme_11380@yahoo.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học, Chính trị học

- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học

5. Đặng Nữ Hoàng Quyên

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ,

- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.

- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế

- Điện thoại: 0935011277

- Email: hoangquyenhue@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Các tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh.

6. Lê Viết Hùng

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ,
- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.
- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế
- Điện thoại: 0982292269
- Email: hungcaycanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử thế giới
- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử thế giới

7. Hoàng Trần Như Ngọc

- Chức danh: Giảng viên, Cử nhân
- Thời gian, địa điểm làm việc: Từ 7h đến 11h00 và 13h đến 17h các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ những lúc có giờ lên lớp). Tại Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.
- Địa chỉ liên hệ: Số 77 Nguyễn Huệ - Tp. Huế
- Điện thoại: 0973570747
- Email: nhungoc.husc@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học, Chính trị học
- Chuyên sâu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên

Nguyễn Thế Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Thông tin chung:

- Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Mã học phần: CTR 1053.
- Số Tín chỉ: 03
- Yêu cầu của học phần:
- Học phần: Bắt buộc
- Các mã học phần tiên quyết: CTR 1012, MLN 1062.
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Bắt buộc sinh viên phải có “Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” (Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia. Hà nội, 2012).
- + Phòng dành cho sinh viên khi thảo luận, phải có đầy đủ các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ: Máy chiếu, máy tính, màn hình lớn đảm bảo cho sinh viên xem rõ.
- + Có đầy đủ tài liệu tham khảo.
- + Sinh viên phải làm bài tập trên lớp, ở nhà và chuẩn bị đề cương để thảo luận theo nhóm theo yêu cầu của giáo viên.

2. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.
- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.
- Thái độ: Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu; học tập; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần tập trung trình bày: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945). Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975). Đường lối công nghiệp hóa. Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị. Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội. Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương mở đầu

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu.

1.1.1. Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu.

1.1.3. Nhiệm vụ nghiên cứu.

1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học.

1.2.1. Phương pháp nghiên cứu:

1.2.2. Ý nghĩa của học tập môn học.

Chương I

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

1.1.2. Hoàn cảnh trong nước.

1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Chương II

ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến 1939

2.1.1. Trong những năm 1930 - 1935

2.1.2. Trong những năm 1936 - 1939

2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến 1945

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Chương III

ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)

3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 - 1954)

3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước 1954 - 1975)

- 3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954 - 1964
- 3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965 - 1975
- 3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương IV

ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA

- 4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới
 - 4.1.1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa
 - 4.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa
- 4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới.
 - 4.2. 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa
 - 4.2. 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa
 - 4.2. 3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.
 - 4.2. 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương V

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- 5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường
 - 5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới.
 - 5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới
- 5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
 - 5.2. 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản.
 - 5.2. 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
 - 5.2. 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.

Chương VI

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- 6.1. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1985)
 - 6.1.1. HTCT dân chủ nhân dân (1945 - 1954)
 - 6.1.2. HTCT dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954 - 1975)
 - 6.1.3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975 - 1985)
- 6.2. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ đổi mới
 - 6.2. 1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị
 - 6.2. 2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới
 - 6.2. 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối

Chương VII

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

- 7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá

- 7.1. 1. Thời kỳ trước đổi mới
- 7.1. 2. Trong thời kỳ đổi mới
- 7.2. Quá trình nhận thức và Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội.
- 7.2. 1. Thời kỳ trước đổi mới
- 7.2. 2. Trong thời kỳ đổi mới

Chương VIII

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

- 8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 - 1986
 - 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử
 - 8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng
 - 8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
- 8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới
 - 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
 - 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại hội nhập quốc tế
 - 8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Nghe giảng: 70% Thảo luận: 30%
- + Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết.
- + Thảo luận trên lớp: 12 tiết.
- + Kiểm tra giữa kỳ: 1 tiết.

Các giờ lý thuyết được nghe giảng trên lớp.

Các chủ đề thảo luận được sinh viên chuẩn bị trước ở nhà (cá nhân hoặc nhóm), đến lớp trao đổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học (tiết)				
	Lên lớp			Thực hành/điền giã	Tự học, tự nghiên cứu
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận		
Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu: 2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học.	1				Đọc: - HL1 tr9-> tr16
Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. 1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Thảo luận chương 1	3		2		Đọc: - HL1 tr17 ->43 - TLTK 1, t1 - TLTK2, t1->t3
Chương 2: Đường lối đấu tranh giành	4		2		Đọc:

<p>chính quyền (1930 – 1945) 2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến 1939 2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến 1945 Thảo luận chương 2</p>					- HL1 tr 44 ->76 - TLTK 1, t2->t7 - TLTK2, t3->t4
<p>Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975) 3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước 1954 - 1975) Thảo luận chương 3</p>	4		2		Đọc: - HL1 tr 77->117 - TLTK 1, t8->t15 - TLTK2, t4->t7 - TLTK3,4
<p>Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá 4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới.</p>	4				Đọc: - HL1 tr118 ->141
<p>Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p>	4				Đọc: - HL1 tr142 ->168
<p>Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị 6.1. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) 6.2. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ đổi mới Thảo luận chương 4</p>	4		2		Đọc: - HL1 tr169 ->190
<p>Chương 7: Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội 7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá 7.2. Quá trình nhận thức và Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội. Thảo luận chương 5</p>			2		Đọc: - HL1 tr191 -> 224

Chương 8: Đường lối đối ngoại					
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 - 1985	4		2		Đọc: - HL1 tr 225->256
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới					
Thảo luận chương 7					
Tổng	32	1	12		

III. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN.

1. Chính sách đối với học phần:

- Tham gia học tập trên lớp: đánh giá 10% trọng số điểm học phần
- Sinh viên phải tham gia kiểm tra đánh giá giữa kỳ 20% trọng số điểm học phần
- Sinh viên phải tham gia thảo luận: đánh giá 10% trọng số điểm học phần
- Thi kết thúc học phần: 60% trọng số điểm học phần

2. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần

- Điểm quá trình gồm:
 - + Điểm chuyên cần, tham gia lên lớp (chiếm 10% trọng số điểm học phần)
 - + Điểm trung bình chung của các điểm: kiểm tra đánh giá giữa kỳ; thảo luận (chiếm 30% trọng số điểm học phần)
 - + Thi đánh giá cuối kỳ (chiếm 60% trọng số điểm học phần)
- Lịch trình kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ (kể cả thi lại)
- Kiểm tra giữa kỳ: Tuần thứ 9
- Thi cuối kỳ: Sau tuần thứ 15, thi lần 2: sau tuần thứ 20

IV. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

Học liệu bắt buộc:

1/ “Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” (Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia. Hà nội, 2012).

Tài liệu tham khảo:

- 1/ Văn kiện Đảng toàn tập, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà nội, 1995.
- 2/ Hồ Chí Minh toàn tập, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà nội, 2001.
- 3/ Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ chính trị: Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi và bài học, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà nội, 1996.
- 4/ Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ chính trị: Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thắng lợi và bài học, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà nội, 1995.
- 5/ Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (chuyên đề): Dương Quang Nay - Nguyễn Minh Hiền. Trung tâm đào tạo từ xa, Huế, 2003.

V. Thông tin về giảng viên:

1/ GVC . Ths. Nguyễn Minh Hiền.

Địa chỉ liên hệ: 105 Nguyễn Chí Thanh – Huế

Điện thoại: 0914173116

Email: minhchien180263@gmail.com

2/ GV. Ths. Lê Văn Vinh.

Điện thoại: 0983884375

3/ GV. Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

Điện thoại: 0905067576

4/ GV. Ths. Nguyễn Thị Hiền

Điện thoại: 09145988303

5/ GV. Ths. Nguyễn Thị Hoa

Điện thoại: 0935295419

6/ GV. Ths. Lữ Hồng Anh.

Điện thoại: 0913856888

7/ GV. CN. Trần Thị Hạnh.

- Địa điểm làm việc: Khoa Lý luận Chính trị, Trường ĐHKH Huế.

- Điện thoại: (054)3825698

- Các hướng nghiên cứu chính: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Duyệt
Hiệu trưởng

DUYỆT
Trưởng khoa
(Ký tên)

Giảng viên
(Ký tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Nguyễn Minh Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Toán cao cấp (Advanced Mathematics)
- Mã học phần: CBAN12002
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 30 tiết; Số chương học: 06 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 0 tiết; Số bài học: 0 bài
- Điều kiện tiên quyết:

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Toán cao cấp giữ vai trò quan trọng đối với sinh viên năm nhất, đây là môn học cần thiết làm nền tảng cho những môn học cơ sở và chuyên ngành sau này của tất cả các ngành học thuộc trường Đại học Nông Lâm.

- Kiến thức:
 - + Vận dụng được các kiến thức Toán cao cấp làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho tất cả các ngành;
 - + Hiểu được những kiến thức cơ bản trong Toán cao cấp.
- Kỹ năng:
 - + Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa;
 - + Có khả năng tự học và nghiên cứu tài liệu để trình bày, thảo luận, phân tích với nhóm và tập thể các nội dung học tập, từ đó rèn luyện tác phong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thái độ:
 - + Giúp sinh viên hoàn thiện tư duy logic toán học để có khả năng tổng hợp, xử lý thông tin và đưa ra các phương án giải quyết công việc trong các tình huống cụ thể;
 - + Là tiền đề để học tiếp môn Toán Xác suất - Thống kê.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về Đại số tuyến tính: Ma trận - Định thức - Hệ phương trình tuyến tính; kiến thức về hàm số giới hạn, phép tính vi phân, phép tính tích phân; kiến thức về hàm nhiều biến số và phương trình vi phân.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Ma trận định thức - Phương trình tuyến tính	6,0	5,0		1,0			12,0
1.1. Ma trận - Các phép toán		1,0					
1.2. Định thức - Cách tính		1,0		0,5			
1.3. Ma trận khả đảo - Ma trận nghịch đảo		1,0					
1.4. Hệ phương trình tuyến tính		2,0		0,5			
Chương 2. Hàm số - Giới hạn	6,0	5,0		1,0			12,0
2.1. Tập hợp		0,5					
2.2. Ánh xạ		0,5					
2.3. Hàm số		1,5					
2.4. Giới hạn hàm số		1,5		0,5			
2.5. Sự liên tục - gián đoạn		1,0		0,5			
Chương 3. Phép tính vi phân hàm một biến số	4,5	3,5		1,0			9,0
3.1. Đạo hàm - Các quy tắc về đạo hàm		0,5					
3.2. Vi phân - Ứng dụng		1,0		0,5			
3.3. Đạo hàm vi phân cấp cao		1,0					
3.4. Các định lý về giá trị trung bình		1,0		0,5			
Chương 4. Tích phân không xác định	4,0	3,0		1,0			8,0
4.1. Nguyên hàm - Tích phân không xác định		0,5					
4.2. Các phương pháp tính		0,5					
4.3. Các công thức truy hồi		0,5					
4.4. Tích phân hàm hữu tỷ		0,5		0,5			
4.5. Tích phân hàm vô tỷ đơn giản		0,5		0,5			
4.6. Tích phân các biểu thức có chứa hàm số lượng giác		0,5					
Chương 5. Tích phân xác định.	4,0	4,0					8,0
5.1. Hàm khả tích - Tích phân		0,5					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						Thực hành	Tự học
	Lên lớp							
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra			
xác định								
5.2. Các tính chất của hàm xác định		0,5						
5.3. Sự phân chia khoảng lấy tích phân - cận lấy tích phân		0,5						
5.4. Hàm số của giới hạn trên - Giới hạn dưới		0,5						
5.5. Nguyên hàm và tích phân xác định		0,5						
5.6. Biến đổi trong tích phân xác định		0,5						
5.7. Ứng dụng của tích phân xác định		0,5						
5.8. Tích phân suy rộng		0,5						
Chương 6. Phương trình vi phân	5,0	4,0		1,0			10,0	
6.1. Đại cương về hàm nhiều biến số		0,5						
6.2. Tổng quan về phương trình vi phân		0,5						
6.3. Phương trình vi phân cấp 1		0,5		0,5				
6.4. Phương trình vi phân cấp 2		0,5		0,5				
6.5. Phương trình Euler								
Kiểm tra					0,5			
Tổng	30,0	24,5		5,0	0,5		60	

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (20%)
- Kiểm tra môn học: 20%

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Thi đánh giá cuối kỳ (thi viết) 70% trọng số
- Hình thức thi: Tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đổng - Nguyễn Hồ Quỳnh (2006), *Toán cao cấp tập 1, 2, 3*, NXB Giáo dục. TTTT-TV.

6.2. Tài liệu tham khảo:

Lê Viết Ngự - Trần Thị Diệu Trang, *Bài tập toán cao cấp: Bài tập toán cao cấp tập 1, 2*. TTTT-TV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Ma trận - Định thức - Hệ phương trình tuyến tính.

1.1. Ma trận

1.1.1. Khái niệm - Định nghĩa

1.1.2. Các phép toán về ma trận

1.2. Định thức

1.2.1. Định nghĩa

1.2.2. Các tính chất

1.2.3. Quy tắc tính định thức bằng các phép biến đổi sơ cấp

1.3. Ma trận khả đảo - Ma trận nghịch đảo

1.3.1. Định nghĩa

1.3.2. Các phương pháp tính ma trận nghịch đảo. Phương pháp ma trận phụ trợ. Phương pháp ma trận đơn vị

1.4. Hệ phương trình tuyến tính

1.4.1. Định nghĩa

1.4.2. Hệ Cramer

1.4.3. Hệ thuần nhất

1.4.4. Hạng của ma trận. Hạng của hệ phương trình tuyến tính

1.4.5. Định lý Cronécke - Capeli

1.4.6. Giải hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp khử Gauss - Jordan

Chương 2: Hàm số - Giới hạn

2.1. Tập hợp

2.1.1. Khái niệm - Các định nghĩa

2.1.2. Các phép toán

2.2. Ánh xạ

- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Đơn ánh - Toàn ánh - Song ánh
- 2.2.3. Ánh xạ hợp
- 2.2.4. Ánh xạ ngược
- 2.2.5. Các phép toán - Tính chất
- 2.3. Hàm số
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Các tính chất
 - 2.3.3. Các hàm số cơ bản. Hàm số sơ cấp
- 2.4. Giới hạn hàm số
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Các tính chất - phép toán
 - 2.4.3. Đại lượng vô cùng bé - vô cùng lớn
- 2.5. Sự liên tục - sự gián đoạn của hàm số
 - 2.5.1. Các định nghĩa về sự liên tục của hàm số
 - 2.5.2. Sự gián đoạn của hàm số

Chương 3. Phép tính vi phân hàm một biến số

- 3.1. Đạo hàm
 - 3.1.1. Định nghĩa
 - 3.1.2. Các quy tắc lấy đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương
 - 3.1.3. Quy tắc lấy đạo hàm của hàm số hợp
 - 3.1.4. Quy tắc lấy đạo hàm của hàm số ngược
 - 3.1.5. Quy tắc lấy đạo hàm của các hàm số cơ bản
- 3.2. Vi phân
 - 3.2.1. Định nghĩa vi phân
 - 3.2.2. Ứng dụng vi phân tính giá trị gần đúng
- 3.3. Đạo hàm - Vi phân cấp cao
 - 3.3.1. Đạo hàm cấp cao
 - 3.3.2. Vi phân cấp cao
 - 3.3.3. Công thức Taylor - Công thức Macsloranh

Chương 4. Tích phân không xác định

- 4.1. Nguyên hàm - tích phân không xác định - Các công thức cơ bản
- 4.2. Các phương pháp tính tích phân không xác định
 - 4.2.1. Phương pháp đổi biến số
 - 4.2.2. Phương pháp tích phân từng phần
- 4.3. Các công thức truy hồi
- 4.4. Tích phân các hàm hữu tỉ
- 4.5. Tích phân các hàm vô tỉ đơn giản

4.6. Tích phân các biểu thức có chứa hàm số lượng giác

Chương 5: Tích phân xác định

- 5.1. Hàm khả tích - Tích phân xác định
- 5.2. Các tính chất - Phép toán của hàm khả tích
- 5.3. Sự phân chia khoảng lấy tích phân cần lấy tích phân
- 5.4. Hàm số của giới hạn trên - dưới
- 5.5. Nguyên hàm và tích phân xác định
- 5.6. Biến đổi trong tích phân xác định
- 5.7. Các ứng dụng của tích phân xác định
- 5.8. Tích phân suy rộng

Chương 6: Phương trình vi phân

- 6.1. Tổng quan về hàm nhiều biến số
 - 6.1.1. Định nghĩa hàm nhiều biến số
 - 6.1.2. Giới hạn - Liên tục
 - 6.1.3. Miền xác định
 - 6.1.4. Đạo hàm riêng - Vi phân toàn phần
 - 6.1.5. Cực trị của hàm nhiều biến số
- 6.2. Tổng quan về phương trình vi phân
 - 6.2.1. Định nghĩa
 - 6.2.2. Nghiệm
 - 6.2.3. Tích phân tổng quát
- 6.3. Phương trình vi phân cấp 1
 - 6.3.1. Tổng quan về phương trình vi phân cấp 1
 - 6.3.2. Các trường hợp khuyết
 - 6.3.3. Phương trình vi phân cấp 1 biến số phân ly
 - 6.3.4. Phương trình vi phân đẳng cấp cấp 1
 - 6.3.5. Phương trình tuyến tính cấp 1
 - 6.3.6. Phương trình Bernoulli
 - 6.3.7. Phương trình vi phân toàn phần
- 6.4. Phương trình vi phân cấp 2
 - 6.4.1. Tổng quan về phương trình vi phân cấp 2
 - 6.4.2. Các trường hợp khuyết
 - 6.4.3. Phương trình tuyến tính cấp 2
 - 6.4.4. Phương trình tuyến tính có hệ số không đổi
- 6.5. Phương trình Euler

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Đức Hồng

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 0982 442 822; Email: nguyenduchong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phương trình đạo hàm riêng phi tuyến, Xác suất thống kê.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phạm Thị Thảo Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0935 673 540; phamthithaohien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xác suất thống kê.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Phạm Anh Tuấn

Chức danh - Học hàm - Học vị: Cử nhân - Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán

Địa chỉ liên hệ: Xóm 3 Lại Thế, Phú Thượng, Phú Vang.

Điện thoại: 01266598844; Email: phamquynhanhtuan@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Xác suất thống kê.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Ánh

Chức danh - Học hàm - Học vị: Thạc sĩ- Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán

Địa chỉ liên hệ: 09 Dã Tượng, Phường Tây Lộc, TP. Huế.

Điện thoại: 0914774091; Email: ngocanh1109@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích

Giảng viên 5:

Họ và tên: Tôn Nữ Tuyết Trinh

Chức danh - Học hàm - Học vị: Thạc sĩ- Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán

Địa chỉ liên hệ: 402 Lê Duẩn, TP. Huế

Điện thoại: 01654035197 Email: tuyettrinh3010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Đại số

Giảng viên 6:

Họ và tên: Trần Bá Tịnh

Chức danh - Học hàm - Học vị: Tiến sĩ - Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán

Địa chỉ liên hệ: 45 Ông Ích Khiêm

Điện thoại: 0913439059; Email: batinhtran@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính: Toán Cơ

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

ThS. Nguyễn Đăng Nhật

TS. Trần Bá Tịnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Toán thống kê (Statistical Mathematics)
- Mã học phần: CBAN12202
- Số tín chỉ: 2
- Phân bố thời gian:
 - + Lý thuyết: 20 tiết; Số chương học: 6 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: 6 bài
- Điều kiện tiên quyết: Phải hoàn thành học phần Toán cao cấp (CBAN12002), Tin học CBAN11902).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Toán thống kê đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành CN, TY, NH, KHCT, CNCT&SXGCT, BVTV, CNRHQ&CQ, LN, LNĐT QLR, KN, PTNT, CNTP, CNSTH, KHĐ, QLNLTS, BHTS và NTTS như sau:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cần thiết liên quan đến việc sử dụng lý thuyết thống kê, phần mềm thống kê, làm cơ sở cho việc phân tích, xử lý các số liệu thống kê chuyên ngành.

- Kỹ năng: Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được; Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, giải quyết vấn đề; Có các kỹ năng đưa được một số bài toán thực tế về dạng Xác suất, Thống kê để xử lý bằng kiến thức cơ bản; ứng dụng được các mô hình Xác suất - Thống kê vào chuyên ngành đang học

- Thái độ: Sinh viên sau khi học xong học phần sẽ có thái độ tự chủ và xác định được tầm quan trọng của môn Toán thống kê đối với việc học các môn chuyên ngành ở các ngành trong trường ĐH Nông Lâm.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung học phần gồm có 6 chương như sau: Khái niệm cơ bản về Xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên - Hàm phân phối; Lý thuyết mẫu; Bài toán ước lượng tham số; Bài toán kiểm định giả thuyết thống kê; Phân tích hồi quy và tương quan. Phần thực hành gồm có 6 bài thực hành: Thu thập số liệu (Excel), tìm hiểu các hàm thống kê trong phần mềm thống kê (Excel), Tính các tham số đặc trưng của mẫu, lập bảng phân phối tần số, tần suất, vẽ biểu đồ bằng phần mềm thống kê (Excel); Bài toán ước lượng tham số bằng phần mềm thống kê (Excel); Bài toán kiểm định giả thuyết thống kê bằng phần mềm thống kê (Excel); Phân tích hồi quy và tương quan bằng phần mềm thống kê (Excel). Thi thực hành.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Khái niệm cơ bản về Xác suất	2,5	2,0		0,5			10
1.1. Định nghĩa Xác suất		0,25					
1.2. Quan hệ giữa các biến cố		0,25					
1.3. Công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất		0,5					
1.4. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes		0,5					
1.5. Dãy phép thử Bernoulli		0,5					
Chương 2. Đại lượng ngẫu nhiên – Hàm phân phối	2,5	2,0		0,5			10
2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc, liên tục. Các tính chất		0,5					
2.2. Hàm phân phối: định nghĩa, các hàm quen thuộc. Hàm phân phối chuẩn		0,5					
2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên: Kỳ vọng, phương sai, trung vị, moment, mode, phân vị cấp p, hệ số biến thiên, hệ số bất đối xứng, hệ số nhọn		0,5					
2.4. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng		0,3					
2.5. Luật số lớn, các định lý giới hạn (trung tâm, địa phương, định lý Poisson)		0,2					
Chương 3. Lý thuyết mẫu	2,0					2	10
3.1. Biến nghiên cứu		0,5					
3.2. Tổng thể và mẫu		0,5					
3.3. Mẫu ngẫu nhiên		0,3					
3.4. Các đặc trưng của mẫu		0,5					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
3.5. Một số phân phối thường dùng trong thống kê		0,2					
Chương 4. Bài toán ước lượng tham số	5,0	4,5		0,5		4	10
4.1. Phương pháp ước lượng điểm		1,0					
4.2. Phương pháp ước lượng khoảng		3,5					
Chương 5. Bài toán kiểm định giả thuyết	4,5	4,0		0,5			10
5.1. Khái niệm chung		0,5					
5.2. Kiểm định tham số		3,0					
5.3. Kiểm định phi tham số		0,5					
Chương 6. Phân tích hồi quy và tương quan	2,5	2,0		0,5		4	10
6.1. Phân tích hồi quy		1,0					
6.2. Sự phù hợp của mô hình hồi quy		1,0					
Kiểm Tra	0,5				0,5	1,5	
Tổng	20,0	17,0		2,5	0,5	10	60

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (20%)
- Kiểm tra môn học: 10%
- Thực hành: 10%

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Thi đánh giá cuối kỳ (thi viết) 70% trọng số.
- Hình thức thi: Tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Đào Hữu Hồ (1996), *Xác suất Thống kê*, ĐHQG Hà Nội, TTTT-TV.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Tiến (1991), *Giáo trình Lý thuyết Xác suất & Thống kê Toán học*, NXB ĐH & THCN, TTTT-TV.
2. Trần Lộc Hùng (2000), *Xác suất & Thống kê Toán học*, NXB Giáo dục.
3. Tống Đình Quỳ (2001), *Giáo trình Xác suất Thống kê*, NXB Giáo dục.
4. Đinh Văn Găng (2008), *Lý thuyết Xác suất và Thống kê*, NXB Giáo dục, TTTT-TV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Khái niệm cơ bản về Xác suất

- 1.1. Định nghĩa Xác suất
- 1.2. Quan hệ giữa các biến cố
- 1.3. Công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất
- 1.4. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes
- 1.5. Dãy phép thử Bernoulli
 - 1.5.1 Dãy phép thử Bernoulli
 - 1.5.2 Số có khả năng nhất

Chương 2. Đại lượng ngẫu nhiên - Hàm phân phối

- 2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc, liên tục. Các tính chất
- 2.2. Hàm phân phối: định nghĩa, các hàm quen thuộc. Hàm phân phối chuẩn
 - 2.2.1 Định nghĩa
 - 2.2.2 Tính chất
- 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên: Kỳ vọng, phương sai, trung vị, moment, mode, phân vị cấp p, hệ số biến thiên, hệ số bất đối xứng, hệ số nhọn
- 2.4. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng
- 2.5. Luật số lớn, các định lý giới hạn (trung tâm, địa phương, định lý Poisson)

Chương 3. Lý thuyết mẫu

- 3.1. Biến nghiên cứu
- 3.2. Tổng thể và mẫu
- 3.3. Mẫu ngẫu nhiên
- 3.4. Các đặc trưng của mẫu
- 3.5. Một số phân phối thường dùng trong thống kê

Chương 4. Bài toán ước lượng tham số

- 4.1. Phương pháp ước lượng điểm

- 4.1.1. Hàm ước lượng
- 4.1.2. Các tiêu chuẩn của ước lượng điểm
- 4.2. Phương pháp ước lượng khoảng
 - 4.2.1. Các khái niệm
 - 4.2.2. Ước lượng khoảng tin cậy cho kỳ vọng của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn
 - 4.2.3. Ước lượng khoảng tin cậy cho tỷ lệ của tổng thể
 - 4.2.4. Ước lượng khoảng cho phương sai của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn
 - 4.2.5. Ước lượng khoảng tin cậy cho hiệu hai kỳ vọng của các biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn

Chương 5. Bài toán kiểm định giả thuyết

- 5.1. Khái niệm chung
- 5.2. Kiểm định tham số
 - 5.2.1. Kiểm định giả thuyết về kỳ vọng toán của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn
 - 5.2.2. Kiểm định về tỷ lệ của tổng thể
 - 5.2.3. Kiểm định giả thuyết về phương sai của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn
 - 5.2.4. So sánh hai phương sai
 - 5.2.5. So sánh hai trung bình
 - 5.2.6. So sánh hai tỷ lệ
 - 5.2.7. Phân tích phương sai ANOVA một yếu tố
- 5.3. Kiểm định phi tham số
 - 5.3.1. Kiểm định giả thuyết về tính độc lập của hai biến nghiên cứu
 - 5.2.2. Kiểm định giả thuyết về quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên

Chương 6. Phân tích hồi quy và tương quan

- 6.1. Phân tích hồi quy
 - 6.1.1. Khái niệm
 - 6.1.2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn
 - 6.1.3. Các giả thiết mô hình hồi quy tuyến tính đơn
 - 6.1.4. Hàm hồi quy mẫu
 - 6.1.5. Ước lượng các tham số hồi quy
- 6.2. Sự phù hợp của mô hình hồi quy
- 6.3. Phân tích tương quan
 - 6.3.1. Hệ số tương quan
 - 6.3.2. Hệ số tương quan mẫu

PHẦN THỰC HÀNH - THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1: Thu thập số liệu, tìm hiểu các hàm thống kê trong phần mềm thống kê (Excel).

Nội dung 1: Thu thập số liệu và nhập số liệu trên máy.

Nội dung 2: Tìm hiểu các hàm thống kê trong phần mềm thống kê (Excel).

Bài 2: Tính các tham số đặc trưng của mẫu, lập bảng phân phối tần số, tần suất, vẽ biểu đồ bằng phần mềm thống kê (Excel).

Nội dung 1: Tính các tham số đặc trưng của mẫu, lập bảng phân phối tần số, tần suất

Nội dung 2: Vẽ biểu đồ bằng phần mềm thống kê (Excel).

Bài 3: Bài toán ước lượng tham số trong các phần mềm thống kê (Excel)

Nội dung 1: Ước lượng kỳ vọng, phương sai trong các phần mềm thống kê (Excel)

Nội dung 2: Ước lượng tỷ lệ, hiệu hai kỳ vọng toán trong các phần mềm thống kê (Excel)

Bài 4: Bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong các phần mềm thống kê (Excel).

Nội dung 1: Kiểm định giả thuyết thống kê về kỳ vọng, phương sai trong các phần mềm thống kê (Excel).

Nội dung 2: So sánh hai trung bình, so sánh hai phương sai, so sánh hai tỷ lệ trong các phần mềm thống kê (Excel).

Bài 5: Phân tích tương quan trong các phần mềm thống kê (Excel).

Nội dung: Phân tích tương quan trong các phần mềm thống kê (Excel).

Bài 6: Thi thực hành

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Đức Hồng

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 0982 442 822; Email: nguyenduchong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phương trình đạo hàm riêng phi tuyến, Xác suất thống kê.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phạm Thị Thảo Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Toán học, Khoa Cơ Bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 0935 673 540; Email: phamthithaohien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xác suất thống kê.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Phạm Anh Tuấn

Chức danh - Học hàm - Học vị: Cử nhân - Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán

Địa chỉ liên hệ: Xóm 3 Lại Thế, Phú Thượng, Phú Vang.

Điện thoại: 01266598844; Email: phamquynhanhtuan@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Xác suất thống kê.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Ánh
Chức danh - Học hàm - Học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán
Địa chỉ liên hệ: 09 Dã Tượng, Phường Tây Lộc, TP. Huế.
Điện thoại: 0914774091; Email: ngocanh1109@gmail.com
Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích

Giảng viên 5:

Họ và tên: Tôn Nữ Tuyết Trinh
Chức danh - Học hàm - Học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng - Bộ môn toán
Địa chỉ liên hệ: 402 Lê Duẩn, TP. Huế
Điện thoại: 01654035197; Email: tuyettrinh3010@gmail.com
Các hướng nghiên cứu chính: Đại số

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

Th.S Nguyễn Đăng Nhật

Th.S Nguyễn Đức Hồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Vật lý (Physics)
- Mã học phần: CBAN12302
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian
 - + Lý thuyết: 20 tiết; Số chương học: 6 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: 7 bài
- Điều kiện tiên quyết: Không

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Vật lý ứng dụng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của 22 ngành học bậc đại học tại Trường Đại học Nông Lâm Huế như sau:

- Kiến thức:
 - + Hiểu được những kiến thức cơ bản trong vật lý như: cơ, nhiệt, điện, quang;
 - + Vận dụng được các kiến thức vật lý làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho các ngành học trong nhà trường;
 - + Vận dụng kiến thức vật lý để giải quyết những vấn đề trong kỹ thuật và cuộc sống nghề nghiệp có liên quan đến vật lý.
- Kỹ năng:
 - + Rèn luyện khả năng tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa;
 - + Có khả năng tự học và nghiên cứu tài liệu để trình bày, thảo luận, phân tích với nhóm và tập thể các vấn đề chuyên môn, từ đó rèn luyện tác phong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thái độ:
 - + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vật lý vào trong các ngành khoa học khác, vào đời sống nhằm cải thiện môi trường làm việc và điều kiện sống cũng như giữ gìn bảo quản thiết bị, có ý thức tiết kiệm;
 - + Có thái độ khách quan, trung thực, có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các ngành Nông, Lâm, Ngư nghiệp những kiến thức vật lý cơ bản, cần thiết tạo nền tảng để học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành. Nội dung của học phần bao gồm: Cơ học chất điểm; Chất lỏng; Nhiệt học và nhiệt động lực học; Điện trường, từ trường và sóng điện từ; Quang sóng; Quang lượng tử và quang sinh học. Trong

mỗi chương, ngoài những kiến thức cơ bản còn đề cập đến một số ứng dụng của hiện tượng vật lý vào các ngành.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Cơ học chất điểm	3,0	1,5	0,5	1,0		2,0	10,0
1.1. Động học chất điểm		0,5					
1.2. Động lực học chất điểm		0,5					
1.3. Công và năng lượng		0,5					
Chương 2. Chất lỏng	3,5	3,0	0,5			2,0	11,0
2.1. Trạng thái dừng. Phương trình liên tục. Phương trình Bernoulli		1,0					
2.2. Tính nhớt của chất lỏng. Phương trình Newton		1,0					
2.3. Sự chảy tầng và chảy rối. Ứng dụng trong nghiên cứu hệ sinh vật		1,0					
Chương 3. Nhiệt học và nhiệt động lực học	3,0	2,0		1,0		2,0	10,0
3.1. Các định luật thực nghiệm của chất khí		1,0					
3.2. Nhiệt động lực học		1,0					
Chương 4. Điện trường. Từ trường. Sóng điện từ	3,5	2,0	0,5	1,0		2,0	11,0
4.1. Điện trường		1,0					
4.2. Từ trường		0,5					
4.3. Sóng điện từ		0,5					
Chương 5. Quang sóng	4,0	1,5	0,5	1,0	1,0	2,0	12,0
5.1. Sóng ánh sáng		0,5					
5.2. Hiện tượng giao thoa ánh sáng		0,5					
5.3. Hiện tượng phân cực ánh sáng		0,5					
Chương 6. Quang lượng tử và quang sinh học	3,0	2,0	1,0				6,0
6.1. Bức xạ nhiệt		0,5					
6.2. Các định luật phát xạ của vật đen tuyệt đối		0,5					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
6.3. Hấp thụ ánh sáng và ứng dụng		0,5					
6.4. Quá trình quang sinh học		0,5					
Tổng	20,0	12,0	3,0	4,0	1,0	10,0	60,0

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra giữa học phần theo hình thức tự luận: chiếm 10% trọng số.
- Kiểm tra thực hành theo hình thức vấn đáp: chiếm 10% trọng số.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Thi theo hình thức tự luận.
- Bài thi kết thúc học phần bao gồm các câu hỏi theo 6 cấp độ (nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo). Trong đó, chú trọng cấp độ hiểu và áp dụng.
- Bài thi được chấm theo thang điểm 10.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bộ môn Vật lý - Khoa Cơ Bản (2017), *Bài giảng Vật lý*, Đại học Nông Lâm, Huế, Bộ môn Vật lý.
2. Bộ môn Vật lý - Khoa Cơ Bản (2017), *Bài giảng Thực hành Vật lý*, Đại học Nông Lâm, Huế, Bộ môn Vật lý.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Đình Đông - Đoàn Văn Cán (2006), *Giáo trình Vật lý*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, Bộ môn Vật lý.
2. Lương Duyên Bình (2009), *Giáo trình Vật lý đại cương - Tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, TTTT-TV và Bộ môn Vật lý.
3. Lương Duyên Bình (2008), *Giáo trình Vật lý đại cương - Tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, TTTT-TV và Bộ môn Vật lý.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Cơ học chất điểm

- 1.1. Động học chất điểm
 - 1.1.1. Một số khái niệm
 - 1.1.1.1. Chuyển động. Hệ quy chiếu
 - a. Chuyển động
 - b. Hệ quy chiếu
 - 1.1.1.2. Chất điểm. Hệ chất điểm
 - a. Chất điểm
 - b. Hệ chất điểm
 - 1.1.1.3. Vector vận tốc. Vector gia tốc
 - a. Vector vận tốc
 - b. Vector gia tốc
 - 1.1.1.4. Phương trình chuyển động. Phương trình quỹ đạo
 - a. Phương trình chuyển động
 - b. Phương trình quỹ đạo
 - 1.2. Động lực học chất điểm
 - 1.2.1. Các định luật Newton
 - 1.2.1.1. Định luật Newton thứ nhất
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
 - 1.2.1.2. Định luật Newton thứ hai
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
 - 1.2.1.3. Định luật Newton thứ ba
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
 - 1.3. Công và năng lượng
 - 1.3.1. Công
 - 1.3.1.1. Định nghĩa
 - 1.3.1.2. Ý nghĩa
 - 1.3.2. Công suất
 - 1.3.2.1. Định nghĩa
 - 1.3.2.2. Ý nghĩa
 - 1.3.3. Năng lượng
 - 1.3.3.1. Khái niệm
 - 1.3.3.2. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng

1.3.3.3. Động năng

a. Khái niệm

b. Định lý động năng

1.3.3.4. Thế năng

a. Công của lực thế

b. Tính chất của trường lực thế

c. Thế năng trong trọng trường đều

1.3.3.5. Cơ năng

a. Định nghĩa

b. Định luật bảo toàn cơ năng

Chương 2. Chất lỏng

2.1. Sự chảy dừng. Phương trình liên tục. Phương trình Bernoulli

2.1.1. Sự chảy dừng. Phương trình liên tục

2.1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

a. Sự chảy dừng

b. Đường dòng

c. Ống dòng

2.1.1.2. Phương trình liên tục

a. Phương trình

b. Ý nghĩa

2.1.2. Phương trình Bernoulli

2.1.2.1. Phương trình Bernoulli

2.1.2.2. Hệ quả của phương trình Bernoulli

2.1.2.3. Ứng dụng

2.2. Tính nhớt của chất lỏng

2.2.1. Tính nhớt của chất lỏng. Phương trình Newton

2.2.1.1. Tính nhớt của chất lỏng

2.2.1.2. Phương trình Newton

a. Biểu thức

b. Ý nghĩa

2.2.2. Ứng dụng nghiên cứu tính nhớt của môi trường

2.3. Sự chảy tầng và chảy rối. Ứng dụng trong nghiên cứu hệ sinh vật

2.3.1. Sự chảy tầng và chảy rối

2.3.2. Ứng dụng trong nghiên cứu hệ sinh vật

Chương 3. Nhiệt học và nhiệt động lực học

3.1. Các định luật thực nghiệm của chất khí

3.1.1. Một số khái niệm cơ bản

3.1.1.1. Áp suất

- 3.1.1.2. Nhiệt độ
- 3.1.1.3. Thể tích
- 3.1.2. Phương trình trạng thái khí lý tưởng
- 3.1.3. Các định luật thực nghiệm của chất khí
 - 3.1.3.1. Định luật Boyle - Mariotte
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
 - 3.1.3.2. Định luật Gay - Lussac
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
 - 3.1.3.3. Định luật Charles
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
- 3.1.4. Nội năng của khí lý tưởng
 - 3.1.4.1. Bậc tự do
 - 3.1.4.2. Định luật phân bố đều năng lượng cho các bậc tự do
- 3.4.1.3. Nội năng của khí lý tưởng
- 3.2. Các nguyên lý của nhiệt động lực học
 - 3.2.1. Các khái niệm cơ bản
 - 3.2.1.1. Hệ nhiệt động
 - 3.2.1.2. Hệ cô lập
 - 3.2.1.3. Hệ kín
 - 3.2.1.4. Hệ mở
 - 3.2.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học
 - 3.2.2.1. Phát biểu
 - 3.2.2.2. Biểu thức
 - 3.2.2.3. Hệ quả
 - 3.2.2.4. Vận dụng
 - 3.2.3. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học
 - 3.2.3.1. Những hạn chế của nguyên lý thứ nhất nhiệt động học
 - 3.2.3.2. Nội dung nguyên lý thứ hai
 - 3.2.3.3. Động cơ nhiệt và máy làm lạnh
 - a. Động cơ nhiệt
 - b. Máy làm lạnh

Chương 4. Điện trường. Từ trường. Sóng điện từ

- 4.1. Điện trường
 - 4.1.1. Tương tác giữa các điện tích. Định luật Coulomb
 - 4.1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

- 4.1.1.2. Định luật Coulomb về sự tương tác giữa các điện tích
 - a. Định luật Coulomb ở trong chân không
 - b. Định luật Coulomb trong môi trường vật chất
- 4.1.2. Điện trường. Vector cường độ điện trường
 - 4.1.2.1. Điện trường
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm
 - 4.1.2.2. Vector cường độ điện trường
 - a. Định nghĩa
 - b. Vector cường độ điện trường do 1 điện tích gây ra tại một điểm
 - c. Nguyên lý chồng chất điện trường
 - 4.1.3. Điện thế. Hiệu điện thế
 - 4.1.3.1. Tính chất thế của điện trường
 - 4.1.3.2. Thế năng của điện tích trong điện trường
 - 4.1.3.3. Điện thế. Hiệu điện thế
 - a. Điện thế
 - b. Hiệu điện thế
- 4.2. Từ trường
 - 4.2.1. Tương tác từ. Vector cảm ứng từ
 - 4.2.1.1. Tương tác từ
 - a. Thí nghiệm tương tác giữa nam châm và nam châm
 - b. Thí nghiệm tương tác giữa nam châm và dòng điện
 - c. Thí nghiệm tương tác giữa dòng điện và dòng điện
 - 4.2.1.2. Vector cảm ứng từ
 - a. Khái niệm từ trường
 - b. Vector cảm ứng từ gây ra bởi dòng điện thẳng, vòng dây tròn và ống dây hình trụ
 - c. Nguyên lý chồng chất từ trường
 - 4.2.2. Ứng dụng của từ trường trong nông nghiệp
- 4.3. Điện từ trường. Sóng điện từ
 - 4.3.1. Khái niệm điện từ trường
 - 4.3.2. Khái niệm sóng điện từ
 - 4.3.3. Tính chất cơ bản của sóng điện từ
 - 4.3.4. Thang sóng điện từ. Ứng dụng của sóng điện từ trong nông nghiệp

Chương 5. Quang sóng

- 5.1. Sóng ánh sáng
 - 5.1.1. Bản chất điện từ của ánh sáng
 - 5.1.2. Hàm sóng ánh sáng
 - 5.1.3. Cường độ ánh sáng

- 5.2. Hiện tượng giao thoa ánh sáng
 - 5.2.1. Điều kiện để có hiện tượng giao thoa ánh sáng
 - 5.2.2. Thí nghiệm Young về hiện tượng giao thoa ánh sáng
 - 5.2.3. Giải thích hiện tượng giao thoa ánh sáng
 - 5.3.4. Vị trí vân sáng, vân tối
- 5.3. Hiện tượng phân cực ánh sáng
 - 5.3.1. Ánh sáng tự nhiên. Ánh sáng phân cực
 - 5.3.1.1. Ánh sáng tự nhiên
 - a. Định nghĩa
 - b. Biểu diễn
 - 5.3.1.2. Ánh sáng phân cực
 - a. Định nghĩa
 - b. Biểu diễn
 - 5.3.2. Sự phân cực ánh sáng qua hai bản Tuamalin
 - 5.3.2.1. Thí nghiệm
 - 5.3.2.2. Định luật Malus
 - a. Phát biểu
 - b. Biểu thức
 - 5.3.3. Ứng dụng hiện tượng phân cực ánh sáng
- 5.4. Ứng dụng ánh sáng đơn sắc LED trong nông nghiệp
 - 5.4.1. Trồng trọt
 - 5.4.2. Chăn nuôi
 - 5.4.3. Nuôi trồng thủy sản

Chương 6: Quang lượng tử và quang sinh học

- 6.1. Bức xạ nhiệt và hấp thụ nhiệt. Vật đen tuyệt đối. Định luật Kirchhoff
 - 6.1.1. Sự bức xạ và hấp thụ nhiệt
 - 6.1.1.1. Sự bức xạ nhiệt
 - 6.1.1.2. Sự hấp thụ nhiệt
 - 6.1.2.3. Quá trình bức xạ nhiệt cân bằng
 - 6.1.2. Các đại lượng đặc trưng cho quá trình bức xạ nhiệt cân bằng
 - 6.1.2.1. Năng suất phát xạ toàn phần
 - 6.1.2.2. Hệ số hấp thụ toàn phần
 - 6.1.2.3. Năng suất phát xạ đơn sắc
 - 6.1.2.4. Hệ số hấp thụ đơn sắc
 - 6.1.3. Vật đen tuyệt đối
 - 6.1.4. Định luật Kirchhoff
 - 6.1.4.1. Phát biểu và biểu thức
 - 6.1.4.2. Các hệ quả

6.2. Các định luật phát xạ của vật đen tuyệt đối

6.2.1. Định luật Stefan - Boltzmann

6.2.1.1. Phát biểu và biểu thức

6.2.1.2. Ý nghĩa

6.2.2. Định luật Wien

6.2.1.1. Phát biểu và biểu thức

6.2.1.2. Ý nghĩa

6.3. Hấp thụ ánh sáng và ứng dụng

6.3.1. Hấp thụ ánh sáng

6.3.1.1. Khái niệm

6.3.1.2. Định luật Bugar - Beer

a. Phát biểu

b. Biểu thức

6.3.2. Ứng dụng

6.4. Quá trình quang sinh học

6.4.1. Quá trình quang sinh

6.4.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình quang sinh

6.4.2.1. Giai đoạn quang lý

6.4.2.2. Giai đoạn quang hóa

6.4.2.3. Giai đoạn quang tối

6.4.2.4. Giai đoạn hiệu ứng sinh vật

6.5.3. Tác dụng của tia tử ngoại lên hệ sinh vật

PHẦN THỰC HÀNH - THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Các phép đo

Nội dung 1: Sai số dụng cụ, sai số tuyệt đối, sai số tương đối

Nội dung 2: Sử dụng thước kẹp, thước palmer để đo những vật có kích thước nhỏ

Bài 2. Xác định sức căng mặt ngoài của chất lỏng

Nội dung 1: Xác định sức căng mặt ngoài của nước

Nội dung 2: Xác định sức căng mặt ngoài của cồn 90^0

Bài 3. Xác định gia tốc trọng trường bằng con lắc thuận nghịch

Nội dung 1: Khảo sát con lắc thuận nghịch

Nội dung 2: Xác định gia tốc trọng trường bằng con lắc thuận nghịch

Bài 4. Biến thiên điện trở theo công suất

Nội dung 1: Sử dụng đồng hồ vạn năng, lắp ráp mạch điện theo sơ đồ

Nội dung 2: Khảo sát biến thiên điện trở theo công suất

Bài 5. Đo điện trở bằng cầu Wheatstone

Nội dung 1: Khảo sát mạch cầu cân bằng

Nội dung 2: Đo điện trở R_{x1} , R_{x2} ; $R_{x1} \ll R_{x2}$; $R_{x1} \approx R_{x2}$

Bài 6. Kính hiển vi

Nội dung 1: Cấu tạo kính hiển vi

Nội dung 2: Đo kích thước sợi dây đồng nhỏ bằng kính hiển vi

Bài 7. Tiêu trác

Nội dung 1: Tìm hiểu các phương pháp xác định tiêu cự thấu kính (phương pháp Descartes, phương pháp Siberman, phương pháp Bessel)

Nội dung 2: Khảo sát sự truyền thẳng ánh sáng. Xác định tiêu cự thấu kính

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Đăng Nhật

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Vật lý, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Phòng 6 dãy 33 khu tập thể Xã Tác, phường Thuận Hoà, Thành phố Huế - Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0906 555 700; Email: nhatnguyendang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- + Phương pháp giảng dạy vật lý theo hướng hiện đại
- + Ứng dụng của vật lý trong nông nghiệp
- + Các thí nghiệm vật lý hiện đại.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Lê Thị Kim Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Vật lý, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Lại Thê, Phú Thượng, Phú Vang, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0931 900 509; Email: lenthikimanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- + Vật lý Laser và quang phổ
- + Vật liệu nano tổ hợp mang kháng sinh ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Đỗ Thanh Tiến

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Vật lý, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 01692 646 396; Email: dothanhtien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu:

- + Vật lý quang phổ
- + Ứng dụng của vật lý trong nông nghiệp

+ Các thí nghiệm vật lý theo hướng hiện đại.

Nghiên cứu viên:

Họ và tên: Nguyễn Hữu Thịnh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Nghiên cứu viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Vật lý, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Phường Thuận Lộc, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0916 477 999; Email: nguyenuuthinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- + Vật lý thông tin lượng tử
- + Phương pháp giảng dạy vật lý theo hướng hiện đại
- + Ứng dụng của vật lý trong nông nghiệp
- + Các thí nghiệm vật lý theo hướng hiện đại.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

TM. Tập thể Giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

ThS. Nguyễn Đăng Nhật

ThS. Lê Thị Kim Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Hoá học (Chemistry)
- Mã học phần: CBAN10304
- Số tín chỉ: 04
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 50 tiết, Số chương học: 15 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: 6 bài
- Điều kiện tiên quyết:

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Hoá học đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tất cả các ngành thuộc khoa Nông học, Lâm nghiệp, Thủy sản, Chăn nuôi, Tài nguyên đất, Công nghệ thực phẩm.

- Kiến thức:
 - + Vận dụng được kiến thức về đặc điểm thành phần hóa học, những biến đổi hoá học có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, chế biến, nuôi trồng các loại nông sản, thực phẩm;
 - + Vận dụng được kiến thức về nguyên lý của quá trình pha chế, tách chiết các chất trong thành phần đất, nước, thức ăn, cách pha chế và xác định nồng độ cũng như thành phần các chất trong đất, nước, cây trồng, thực phẩm,
- Kỹ năng
 - + Có kỹ năng phân tích, đánh giá thành phần hoá học, giá trị pH trong đất, nước, cây trồng, vật nuôi, ...;
 - + Có kỹ năng tự nghiên cứu, tự tổ chức thí nghiệm, thu thập số liệu thực tế;
 - + Có kỹ năng thao tác phòng thí nghiệm.
- Thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, tư duy sáng tạo và chủ động trong thảo luận, làm đầy đủ các bài tập.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

- Nội dung học phần gồm các khái niệm cơ bản, các qui luật về các quá trình hoá học: nhiệt động học, động hoá học, điện hoá học;
- Tính chất của các hợp chất hữu cơ quan trọng như hydrocacbon, dẫn xuất halogen, ancol, phenol, andehyt, axitcacboxylic, amin,...;
- Giới thiệu về cách pha dung dịch, phương pháp chuẩn độ các dung dịch và tính sai số, các phương pháp phân tích hiện đại, ...

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Phần I. HOÁ ĐẠI CƯƠNG							
Chương 1: Nhiệt động học hoá học	3,0	2,0		1,0			6,0
1.1. Một số khái niệm cơ bản		0,25					
1.2. Nguyên lí I của nhiệt động học		0,25					
1.3. Hiệu ứng nhiệt của phản ứng		0,25					
1.4. Nguyên lí II nhiệt động học		0,75					
1.5. Thế đẳng áp đẳng nhiệt và chiều của quá trình trong tự nhiên.		0,5					
Chương 2: Động hoá học và cân bằng hoá học	3,0	2,0		1,0		2,5	11,0
2.1. Một số khái niệm		0,5					
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng		1,0					
2.3. Cân bằng hóa học		0,5					
Chương 3: Dung dịch	6,0	5,0		1,0		2,5	17,0
3.1. Khái niệm về dung dịch		0,5					
3.2. Nồng độ dung dịch		1,0					
3.3. Dung dịch chứa chất tan không điện li và không bay hơi		1,0					
3.4. Dung dịch điện li		1,5					
3.5. Dung dịch chất điện li ít tan, ứng dụng. Bài tập		1,0					
Chương 4: Hoá keo	2,0	2,0					4,0
4.1. Khái niệm và phân loại		0,25					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
4.2. Điều chế và tinh chế		0,5					
4.3. Đông tụ keo		0,5					
4.4. Tính chất dung dịch keo		0,75					
Chương 5: Điện hoá học	4,0	2,0		1,0	1,0		8,0
5.1. Phản ứng oxi hóa khử		0,25					
5.2. Điện cực và sự xuất hiện thế điện cực		0,5					
5.3. Phương trình Nernst tính thế điện cực		0,5					
5.4. Khái niệm về pin - hoạt động của pin, Sức điện động của pin		0,75					
Phần II. HOÁ HỮU CƠ Chương 6: Một số khái niệm cơ bản	2,0	2,0					4,0
6.1. Phản ứng hữu cơ		0,5					
6.2. Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ		0,75					
6.3. Tính chất chung của hydro cacbon và ứng dụng trong nông nghiệp		0,75					
Chương 7: Dẫn xuất halogen - Ancol - Phenol	3,0	2,0		1,0			6,0
7.1. Dẫn xuất halogen		0,5					
7.2. Ancol		0,5					
7.3. Phenol		0,5					
7.4. Một số ứng dụng		0,5					
Chương 8: Hợp chất cacbonyl - Axit cacboxylic và dẫn xuất	3,0	2,0		1,0			6,0
8.1. Hợp chất cacbonyl		0,75					
8.2. Axit cacboxylic và dẫn xuất		0,75					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
8.3. Một số ứng dụng		0,5					
Chương 9: Hợp chất chứa nitơ	4,0	3,0		1,0			8,0
9.1. Amin		0,5					
9.2. Aminoaxit		1,0					
9.3. Protein		1,0					
9.4. Một số ứng dụng		0,5					
Chương 10: Hợp chất gluxid	2,5	2,0			0,5		5,0
10.1. Phân loại - Vai trò của gluxid trong cơ thể sinh vật		0,25					
10.2. Monosaccarid		0,5					
10.3. Disaccarid		0,75					
10.4. Polisaccarid		0,5					
Phần III. HOÁ PHÂN TÍCH							
Chương 11: Lấy mẫu và xử lý mẫu phân tích	1,0	1,0					2,0
11.1 Lấy và bảo quản mẫu phân tích		0,25					
11.2 Lập hồ sơ mẫu phân tích		0,25					
11.3 Khoáng hóa mẫu phân tích		0,5					
Chương 12: Phân tích khối lượng	3,0	2,0		1,0			6,0
12.1. Nguyên tắc của phương pháp phân tích khối lượng		0,5					
12.2. Yêu cầu của dạng kết tủa và dạng cân		0,5					
12.3. Một số điểm lưu ý và thao tác kỹ thuật trong		0,5					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						Thực hành	Tự học
	Lên lớp							
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra			
phương pháp phân tích khối lượng								
12.4. Hệ số chuyển và cách tính kết quả trong phương pháp phân tích khối lượng		0,5						
Chương 13: Phân tích thể tích	8,5	6,0		2,0	0,5	5,0	27,0	
13.1. Nguyên tắc chung của phương pháp phân tích thể tích		0,5						
13.2. Yêu cầu của phản ứng chuẩn độ trong phân tích thể tích		0,5						
13.3. Cách pha dung dịch chuẩn		1,0						
13.4. Tính kết quả trong phân tích thể tích		0,5						
13.5. Các phép chuẩn độ và cách tính kết quả		1,0						
13.6. Phương pháp chuẩn độ axit - bazơ		1,0						
13.7. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử		0,5						
13.8. Phương pháp chuẩn độ kết tủa		0,5						
13.9. Phương pháp chuẩn độ Complexon		0,5						
Chương 14: Giới thiệu các phương pháp phân tích hiện đại	2,0	2,0					4,0	
14.1. Đại cương và cách phân loại các phương pháp phân tích hiện đại		0,5						
14.2. Các phương pháp phân tích quang học		0,5						
14.3. Các phương pháp		0,5						

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
phân tích điện hóa							
14.4. Các phương pháp tách		0,5					
Chương 15: Sai số trong phân tích	3,0	2,0			1,0		6,0
15.1. Sai số, phân loại sai số.		0,75					
15.2. Các đại lượng biểu diễn sai số		0,75					
15.3. Kiểm tra các số liệu thực nghiệm bằng thống kê		0,5					
Tổng	50,0	37,0		10,0	3,0	10	120

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Thực hành, kiểm tra: 20% (Thực hành 10%, kiểm tra 10%)

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Thi đánh giá cuối kì: 70%
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập.
- Làm chính xác nội dung các bài tập.
- Dựa vào điểm số theo thang điểm 10.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Đinh Thị Thu Thanh và Phan Thị Diệu Huyền (2015), *Giáo trình Hoá học*, Nhà xuất bản Đại Học Huế, TTTT-TV.
2. Nguyễn Thanh Bình (2016), *Bài giảng Hoá phân tích*, Bộ môn Hóa học - Khoa Cơ bản, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Chuy (1996), *Giáo trình hoá học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Dương Văn Đằm (2005), *Bài tập hoá học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Vũ Đăng Độ (1993), *Cơ sở lý thuyết các quá trình hoá học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Phan Tổng Sơn, Trần Quốc Sơn, Đặng Như Tại (1976), *Cơ sở hoá học hữu cơ tập 1*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
5. Lê Nguyễn Tảo (1972), *Giáo trình hoá học chất keo*, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
6. Hoàng Minh Châu, Từ Văn Mạc, Từ Vọng Nghi (2002). *Cơ sở Hoá học Phân tích*, NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội, TTTT-TV.
7. Trần Tứ Hiếu và Từ Vọng Nghi (2003). *Bài tập Hóa phân tích*. NXB đại học quốc gia Hà Nội, TTTT-TV.
8. Lê Văn Khoa và Nguyễn Xuân Cự (2000). *Phương pháp phân tích đất, nước, phân bón, cây trồng*. NXB Giáo Dục.
9. Hồ Viết Quý (2005). *Các phương pháp phân tích hóa học hiện đại (2 tập)*. NXB đại học sư phạm.
10. Bộ môn Hóa - Khoa cơ bản, *Bài giảng thực hành Hoá học - Hóa phân tích (2016)*, Trường Đại học Nông Lâm Huế

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Phần I. HOÁ ĐẠI CƯƠNG

Chương 1. Nhiệt động học hóa học

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản
- 1.2. Nguyên lí I của nhiệt động học
- 1.3. Hiệu ứng nhiệt của phản ứng
 - 1.3.1. Định luật Hess, hệ quả và ứng dụng trong nông nghiệp
 - 1.3.2. Sinh nhiệt - Thiêu nhiệt
- 1.4. Nguyên lí II nhiệt động học
 - 1.4.1. Nội dung nguyên lí II
 - 1.4.2. Entropi và cách tính entropi của một số quá trình
- 1.5. Thế đẳng áp đẳng nhiệt và chiều của quá trình trong tự nhiên. Bài tập

Chương 2. Động hóa học và cân bằng hóa học

- 2.1. Một số khái niệm
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng
 - 2.2.1. Ảnh hưởng của nồng độ
 - 2.2.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ, thuyết hoạt hóa
 - 2.2.3. Ảnh hưởng của chất xúc tác
- 2.3. Cân bằng hóa học
 - 2.3.1. Phản ứng thuận nghịch và phản ứng một chiều
 - 2.3.2. Hằng số cân bằng

- 2.3.3. Sự chuyển dịch cân bằng và nguyên lí chuyển dịch cân bằng Le Chatelier
- 2.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học. Chứng minh các quá trình cân bằng trong tự nhiên. Bài tập

Chương 3. Dung dịch

- 3.1. Khái niệm về dung dịch
- 3.2. Nồng độ dung dịch
- 3.3. Dung dịch chứa chất tan không điện li và không bay hơi
 - 3.3.1. Sự giảm áp suất hơi bão hòa của dung dịch so với dung môi nguyên chất - Định luật Raoult I
 - 3.3.2. Sự tăng nhiệt độ sôi và sự giảm nhiệt độ đông đặc của dung dịch so với dung môi nguyên chất - Định luật Raoult II
 - 3.3.3. Áp suất thẩm thấu của dung dịch. Ứng dụng trong nông nghiệp
- 3.4. Dung dịch điện li
 - 3.4.1. Các thuyết Arrhenius và Bronsted về axit, bazơ
 - 3.4.2. Độ điện li và hằng số điện li
 - 3.4.3. Tích số ion của nước, độ pH, cách tính pH của một số dung dịch
 - 3.4.4. Sự thủy phân của muối, pH của muối và cách xác định
 - 3.4.5. Dung dịch đệm, một số hệ đệm ứng dụng trong thực tế
- 3.5. Dung dịch chất điện li ít tan, ứng dụng. Bài tập

Chương 4. Dung dịch keo

- 4.1. Khái niệm và phân loại
- 4.2. Điều chế và tinh chế
- 4.3. Đông tụ keo
- 4.4. Tính chất dung dịch keo

Chương 5. Điện hóa học

- 5.1. Phản ứng oxi hóa khử
- 5.2. Điện cực và sự xuất hiện thế điện cực
- 5.3. Phương trình Nernst tính thế điện cực
- 5.4. Khái niệm về pin - hoạt động của pin, Sức điện động của pin
- 5.5. Chiều của phản ứng oxi hóa khử

PHẦN II. HOÁ HỮU CƠ

Chương 6. Một số khái niệm cơ bản

- 6.1. Phản ứng hữu cơ
 - 6.1.1. Phản ứng thế (S_R , S_E , S_N)
 - 6.1.2. Phản ứng cộng (A_R , A_E , A_N)
 - 6.1.3. Phản ứng tách (E_1 , E_2)
- 6.2. Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ
 - 6.2.1. Đồng phân hình học
 - 6.2.2. Đồng phân quang học

6.3. Tính chất chung của hydro cacbon và ứng dụng trong nông nghiệp

Chương 7. Dẫn xuất halogen - Ancol - Phenol

7.1. Dẫn xuất halogen

7.1.1. Phản ứng thế nucleophin - Phản ứng tách hydrohalogenua

7.1.2. Ứng dụng dẫn xuất halogen trong nông nghiệp

7.2. Ancol

7.2.1. Phản ứng phân cắt liên kết O - H

7.2.2. Phản ứng phân cắt liên kết C - OH

7.2.3. Phản ứng halofoc

7.3. Phenol

7.3.1. Tính axit

7.3.2. Phản ứng thế electrophin (S_E) vào nhân

7.3.3. Phản ứng màu của phenol

7.4. Một số ứng dụng

Chương 8. Hợp chất cacbonyl - Axit cacboxylic và dẫn xuất

8.1. Hợp chất cacbonyl

8.1.1. Phản ứng cộng nucleophin (A_N) vào nhóm cacbonyl

8.1.2. Phản ứng oxi hóa

8.1.3. Phản ứng halofoc

8.2. Axit cacboxylic và dẫn xuất

8.2.1. Tính axit

8.2.2. Phản ứng thế nucleophin (S_N) vào nhóm axyl

8.2.3. Dẫn xuất của axit

8.3. Một số ứng dụng

Chương 9. Hợp chất chứa nitơ

9.1. Amin

9.2.1. Tính bazơ

9.2.2. Phản ứng với HNO_2

9.2. Aminoaxit

9.2.1. Tính lưỡng tính

9.2.2. Điểm đẳng điện

9.2.3. Phản ứng ngưng tụ

9.3. Protein

9.3.1. Phân loại - Vai trò của protein trong cơ thể sinh vật

9.3.2. Phản ứng thủy phân

9.4. Một số ứng dụng

Chương 10. Hợp chất gluxid

10.1. Phân loại - Vai trò của gluxid trong cơ thể sinh vật

10.2. Monosaccarid

10.2.1. Cấu tạo dạng thẳng và dạng vòng

10.2.2. Phản ứng cộng nucleophin (A_N) với HCN và phenylhidrazin

10.2.3. Phản ứng oxi hóa với thuốc thử Tollens và thuốc thử Feling

10.3. Disaccarid

10.3.1. Phân loại

10.3.2. Giới thiệu một số chất tiêu biểu

10.4. Polisaccarid

10.4.1. Tinh bột

10.4.2. Xenlulozơ

PHẦN III. HOÁ PHÂN TÍCH

Chương 11. Lấy mẫu và xử lý mẫu phân tích

11.1. Lấy và bảo quản mẫu phân tích

11.2. Lập hồ sơ mẫu phân tích

11.3. Khoáng hóa mẫu phân tích

Chương 12. Phân tích khối lượng

12.1. Nguyên tắc của phương pháp phân tích khối lượng

12.2. Yêu cầu của dạng kết tủa và dạng cân

12.3. Một số điểm lưu ý và thao tác kỹ thuật trong phương pháp phân tích khối lượng

12.4. Hệ số chuyển và cách tính kết quả trong phương pháp phân tích khối lượng

Chương 13. Phân tích thể tích

13.1. Nguyên tắc chung của phương pháp phân tích thể tích

13.2. Yêu cầu của phản ứng chuẩn độ trong phân tích thể tích

13.3. Cách pha dung dịch chuẩn

13.3.1. Nguyên tắc và yêu cầu của dung dịch chuẩn

13.3.2. Các cách pha dung dịch chuẩn

13.4. Tính kết quả trong phân tích thể tích

13.5. Các phép chuẩn độ và cách tính kết quả

13.5.1. Chuẩn độ trực tiếp

13.5.2. Chuẩn độ ngược

13.5.3. Chuẩn độ thế

13.6. Phương pháp chuẩn độ axit - bazơ

13.6.1. Chuẩn độ axit-bazơ, chất chỉ thị thường dùng và cách tính kết quả

13.6.2. Các phương pháp chuẩn độ đơn axit, đơn bazơ, đa axit, đa bazơ, hỗn hợp axit, bazơ

13.7. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử

13.7.1. Chuẩn độ oxi hóa-khử, chất chỉ thị thường dùng và cách tính kết quả

13.7.2. Các phương pháp chuẩn độ oxi hóa-khử phổ biến: Phương pháp Permanganat, Phương pháp Bicromat, Phương pháp Iod-Thiosulphat

13.8. Phương pháp chuẩn độ kết tủa(Phương pháp chuẩn độ Bạc)

13.8.1. Phương pháp Morh

13.8.2. Phương pháp Wolhard

13.9. Phương pháp chuẩn độ Complexon

13.9.1. Complexon, nguyên tắc, đặc điểm tạo phức của Complexon với ion kim loại

13.9.2. Chuẩn độ Complexon, các chất chỉ thị thường dùng, cách tính kết quả

Chương 14. Giới thiệu các phương pháp phân tích hiện đại

14.1. Đại cương và cách phân loại các phương pháp phân tích hiện đại

14.2. Các phương pháp phân tích quang học

14.3. Các phương pháp phân tích điện hóa

14.4. Các phương pháp tách

Chương 15. Sai số trong phân tích

15.1. Sai số, phân loại sai số

15.2. Các đại lượng biểu diễn sai số

15.2.1. Trung bình số học, trung bình bình phương, khoảng biến động

15.2.2. Độ lệch trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, biên giới tin cậy

15.3. Kiểm tra các số liệu thực nghiệm bằng thống kê

15.3.1. Chuẩn Gauss

15.3.2. Chuẩn fisher

15.3.3. Chuẩn student

15.3.4. Đánh giá kết quả phân tích theo thống kê

PHẦN THỰC HÀNH - THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Một số dụng cụ và thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm

Nội dung 1: Rửa dụng cụ, lấy hoá chất rắn và lỏng

Nội dung 2: Chuẩn độ

Nội dung 3: Đun lọc dung dịch

Bài 2. Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học

Nội dung 1: Ảnh hưởng nồng độ, nhiệt độ, xúc tác

Nội dung 2: Cân bằng

Bài 3. Phản ứng trong dung dịch - Phản ứng oxy hoá khử

Nội dung 1: Chỉ thị màu axit - bazơ

Nội dung 2: Phản ứng trao đổi - thủy phân

Nội dung 3: Chất điện ly ít tan

Nội dung 4: Phản ứng oxi hoá khử

Bài 4. Phương pháp chuẩn độ axit - Bazơ

Nội dung 1: Pha dung dịch chuẩn $H_2C_2O_4$ 0,1N từ $H_2C_2O_4.2H_2O$

Nội dung 2: Chuẩn độ dung dịch NaOH bằng dung dịch chuẩn $H_2C_2O_4$ 0,1N

Nội dung 3: Xác định hàm lượng %NaOH và % Na_2CO_3 trong hỗn hợp

Bài 5. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa-khử

Nội dung 1: Xác định nồng độ dung dịch KMnO_4

Nội dung 2: Xác định nồng độ Fe^{2+} (muối Mohr)

Nội dung 3: Xác định hàm lượng oxi hoà tan trong nước (DO)

Bài 6. Phương pháp chuẩn độ kết tủa, chuẩn độ complexon

Nội dung 1: Xác định hàm lượng NaCl trong mẫu nước mắm

Nội dung 2: Xác định Fe^{3+}

Nội dung 3: Xác định độ cứng tổng số của nước

Nội dung 4: Xác định Al^{3+} , Fe^{3+} trong hỗn hợp

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đinh Thị Thu Thanh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hoá học, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hoá học, Khoa Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0983090729; dinhthithuthanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hợp chất thiên nhiên

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phan Thị Diệu Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0975012197; phanthidieuhuyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hợp chất thiên nhiên

Giảng viên 3:

Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hoá học, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hoá học, Khoa Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0914066878; nguyenthanhbinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phân tích kim loại nặng trong tự nhiên

Giảng viên 4:

Họ và tên: Dương Văn Hậu

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0935734629; duongvanhau@huaf.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Xúc tác

Giảng viên 5:

Họ và tên: Lê Thu Hà

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0988994379; lethuha@huaf.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Hợp chất thiên nhiên

Giảng viên 6:

Họ và tên: Nguyễn Văn Cấn

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hóa học, Khoa Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại, email: 0973583137; nguyenvancan@huaf.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Xúc tác

Duyệt	Trưởng Khoa	Giảng viên
Hiệu trưởng		

PGS.TS. Lê Văn An

Ths. Nguyễn Đăng Nhật

Ths. GVC. Đinh Thị Thu Thanh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Sinh học (Biology)
- Mã học phần: CBAN11803
- Số tín chỉ: 03
- Phân bố thời gian:
 - + Lý thuyết: 30 tiết, Số chương học: 11 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 15 tiết; Số bài học: 10 bài
- Điều kiện tiên quyết: Không

2. Mục tiêu của học phần:

Học phần Sinh Học đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành: CN, TY, NH, KHCT, CNCT&SXGCT, BVTV, CNRHQ&CQ, LN, LNĐT QLR, KN, PTNT, CNTP, CNSTH, KHĐ, QLNLTS, BHST và NTTS.

- Kiến thức: Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về Sinh học để làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho các ngành đào tạo ở trên.

- Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tra cứu và sử dụng tài liệu tham khảo sinh học; Đồng thời sinh viên học được kỹ năng quan sát tế bào và các quá trình trao đổi chất, sinh sản của tế bào - cơ sở của sự sống và các kỹ năng thao tác tại phòng thí nghiệm.

- Thái độ: Sinh viên sau khi học xong học phần sẽ có thái độ tự chủ và xác định được tầm quan trọng của môn Sinh học đối với việc học các môn chuyên ngành ở các ngành trong trường ĐH Nông Lâm.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Sinh học bao gồm bốn nội dung chính sau:

- Phần thứ nhất - Sinh học phân tử: Tổng quát về cơ sở phân tử, các thành phần cấu tạo nên sự sống; giới thiệu các cơ chế sao mã, phiên mã và tổng hợp protein - đặc trưng cho sự sống;

- Phần thứ hai - Sinh học tế bào: Giúp người học nắm được cấu tạo của tế bào, đồng thời hiểu được cơ chế sinh sản của tế bào cũng như các quá trình lý, hóa xảy ra trong tế bào sống;

- Phần thứ ba - Sinh học cơ thể: Giới thiệu các quá trình sinh sản, sinh trưởng và phát triển của cá thể;

- Phần thứ tư - Đa dạng sinh học: Giới thiệu khái quát về sự đa dạng gen, đa dạng của các loài và mối quan hệ giữa sinh vật với môi trường.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập:

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (Tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý Thuyết	Thảo luận	Bài Tập	Kiểm tra		
Mở đầu	0,5	0,5					1,0
Phần thứ nhất. Sinh học phân tử							
Chương 1. Thành phần hóa học của sự sống	2,5	2,5					5,0
1.1. Các nguyên tố và liên kết hoá học trong cơ thể sống	0,5	0,5					
1.2. Các chất vô cơ	1,0	1,0					
1.3. Các chất hữu cơ	1,0	1,0					
Chương 2. Tái bản ADN (nhân đôi ADN, sao chép ADN)	2,5	2,0	0,5				5,0
2.1. Cơ chế sao chép bán bảo lưu	1,5	1,0	0,5				
2.2. Cơ chế sao chép ngược	1,0	1,0					
Chương 3. Phiên mã (sao mã, tổng hợp ARN)	1,5	1,0	0,5				3,0
3.1. Thời điểm	0,25	0,25					
3.2. Các yếu tố tham gia tổng hợp mARN	0,25	0,25					
3.3. Các giai đoạn	1,0	0,5	0,5				
Chương 4. Dịch mã (giải mã thông tin di truyền, tổng hợp protein)	2,5	2,0	0,5				5,0
4.1. Gen và mã thông tin di truyền	0,25	0,25					
4.2. Các thành phần tham gia giải mã thông tin di truyền	0,25	0,25					
4.3. Các giai đoạn giải mã thông tin di truyền	1,0	0,5	0,5				
4.4. Điều hoà sinh tổng hợp protein (điều hoà hoạt động gen)	1,0	1,0					
Phần thứ hai. Sinh học tế bào							
Chương 5. Cấu trúc tế bào	4,0	3,5	0,5			7,5	23,0
5.1. Đại cương về tế bào	1,0	1,0					
5.2. Cấu trúc tế bào Nhân thực	2,0	1,5	0,5				

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (Tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý Thuyết	Thảo luận	Bài Tập	Kiểm tra		
(Eucaryota)							
5.3. Cấu trúc tế bào Tiền nhân (Procaryota)	1,0	1,0					
Chương 6. Sự sinh sản của tế bào	3,0	2,5	0,5			3,0	12,0
6.1. Chu kỳ tế bào và nguyên phân (mitose)	0,5	0,5					
6.2. Nguyên nhân của sự nguyên phân	0,5	0,5					
6.3. Giảm phân (meiose) và sự phát triển của tế bào sinh sản ở động vật	1,5	1,0	0,5				
6.4. Sự phân bào trực tiếp (phân bào không có tơ - amitose)	0,5	0,5					
Chương 7. Sinh lí sinh hóa tế bào	5,5	4,5	1,0			1,5	14,0
7.1. Sự vận chuyển các chất qua màng	2,0	2,0					
7.2. Trao đổi chất tế bào	3,5	2,5	1,0				
Phần thứ ba. Sinh học cơ thể							
Chương 8. Sinh sản, sinh trưởng và phát triển	3,0	2,5	0,5			1,5	9,0
8.1. Sự sinh sản	0,5	0,5					
8.2. Sự phát triển phôi	0,5	0,5					
8.3. Sự sinh trưởng (phát triển hậu phôi)	1,5	1,0	0,5				
8.4. Sự điều hòa quá trình sinh trưởng và phát triển	0,5	0,5					
Phần thứ tư. Đa dạng sinh học							
Chương 9. Đa dạng loài	1,5	1,5	0,5				3,0
9.1. Loài và các bậc phân loại	0,5	0,5					
9.2. Đa dạng loài trên thế giới	0,5	0,25	0,25				
9.3. Đa dạng loài ở Việt Nam	0,5	0,25	0,25				
Chương 10. Đa dạng sinh thái	1,5	1,5	0,5				3,0
10.1. Khái niệm về hệ sinh thái	0,25	0,25					
10.2. Cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái	0,75	0,25	0,5				

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (Tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý Thuyết	Thảo luận	Bài Tập	Kiểm tra		
10.3. Các hệ sinh thái trên mặt đất	0,25	0,25					
10.4. Đa dạng sinh thái ở Việt Nam	0,25	0,25					
Chương 11. Đa dạng di truyền	1,0	1,0					2,0
11.1. Khái niệm về gen và chức năng của gen	0,25	0,25					
11.2. Đa dạng gen trên thế giới và ở Việt Nam	0,25	0,25					
11.3. Các quy luật di truyền với đa dạng gen	0,25	0,25					
11.4. Các quy luật biến dị với đa dạng gen	0,25	0,25					
Kiểm Tra	1,0				1,0	1,5	5,0
Tổng	30,0	24	5,0		1,0	15,0	90

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần:

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- 1 bài kiểm tra định kỳ: chiếm 10% trọng số
- 1 bài kiểm tra thực hành: chiếm 10% trọng số

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi: Tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Bá Hai, Đặng Thị Thu Hiền, Phan Thị Duy Thuận, Dương Thị Thảo Trang (2003), *Sinh học đại cương*, NXB Đại Học Huế, TTTT-TV.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Đức Cự (2005), *Sinh học đại cương, tập I, II*. NXB ĐHQG, Hà Nội, TTTT-TV.

2. Nguyễn Đăng Phong (1999), *Sinh Học I - Sinh học tế bào, di truyền và tiến hóa*. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, TTTT-TV.
3. Nguyễn Bá Lộc, Phan Anh (2006), *Giáo Trình Tế Bào Học*, NXB Đại Học Huế, Huế, TTTT-TV.
4. Nguyễn Hoàng Lộc (2007), *Sinh học phân tử*, NXB Đại học Huế, Huế, TTTT-TV.

7. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN LÝ THUYẾT

Mở đầu

1. Sinh học - khoa học về sự sống
2. Sơ lược lịch sử phát triển
3. Mối liên quan giữa sinh học và các ngành khoa học khác

Phần thứ nhất. Sinh học phân tử

Chương 1. Thành phần hóa học của sự sống

- 1.1. Các nguyên tố và liên kết hoá học trong cơ thể sống
 - 1.1.1. Các nguyên tố hóa học
 - 1.1.2. Các liên kết hóa học
- 1.2. Các chất vô cơ
 - 1.2.1. Nước
 - 1.2.2. Muối khoáng và các chất khí hòa tan
- 1.3. Các chất hữu cơ
 - 1.3.1. Gluxit
 - 1.3.2. Lipit
 - 1.3.3. Protein
 - 1.3.4. Axit nucleic

Chương 2. Tái bản ADN (nhân đôi ADN, sao chép ADN)

- 2.1. Cơ chế sao chép bán bảo lưu
 - 2.1.1. Thời điểm
 - 2.1.2. Nguyên tắc sao chép và các yếu tố tham gia quá trình sao chép ADN
 - 2.1.3. Phương trình tổng quát
 - 2.1.4. Các giai đoạn
 - 2.1.5. Một số điểm khác nhau trong quá trình nhân đôi ADN giữa Procaryote và Eucaryote
- 2.2. Cơ chế sao chép ngược

Chương 3. Phiên mã (sao mã, tổng hợp ARN)

- 3.1. Thời điểm
- 3.2. Các yếu tố tham gia tổng hợp mARN
- 3.4. Các giai đoạn

Chương 4. Dịch mã (giải mã thông tin di truyền, tổng hợp protein)

4.1. Gen và mã thông tin di truyền

4.1.1. Gen

4.1.2. Mã di truyền (codon)

4.2. Các thành phần tham gia giải mã thông tin di truyền

4.3. Các giai đoạn giải mã thông tin di truyền

4.3.1. Giai đoạn hoạt hóa axit amin

4.3.2. Giai đoạn khởi đầu

4.3.3. Giai đoạn kéo dài chuỗi

4.3.4. Giai đoạn kết thúc

4.3.5. Chuỗi polysom

4.4. Điều hoà sinh tổng hợp protein (điều hoà hoạt động gen)

4.4.1. Điều hoà hoạt động gen ở Procaryote

4.4.1.1. Hiện tượng cảm ứng và ức chế sinh tổng hợp protein ở vi khuẩn

4.4.1.1.1. Cảm ứng sinh tổng hợp protein

4.4.1.1.2. Ức chế sinh tổng hợp protein

4.4.1.2. Giả thuyết Operon của Zacob và Mono (1961)

4.4.1.3. Cơ chế điều hoà hoạt động gen của Zacob và Mono giải thích hiện tượng cảm ứng và ức chế sinh tổng hợp protein ở vi khuẩn

4.4.2. Điều hoà hoạt động gen ở Eucaryote

Phần thứ hai. Sinh học tế bào

Chương 5. Cấu trúc tế bào

5.1. Đại cương về tế bào

5.1.1. Học thuyết tế bào

5.1.2. Hình dạng và kích thước tế bào

5.1.2. Tế bào Tiên nhân (Procaryota) và tế bào Nhân thực (Eucaryota)

5.2. Cấu trúc tế bào Nhân thực (Eucaryota)

5.2.1. Màng tế bào

5.2.2. Tế bào chất

5.2.3. Các bào quan

5.2.4. Nhân và nhiễm sắc thể

5.3. Cấu trúc tế bào Tiên nhân (Procaryota)

Chương 6. Sự sinh sản của tế bào

6.1. Chu kỳ tế bào và sự nguyên phân

6.1.1. Chu kỳ tế bào

6.1.2. Nguyên phân (mitose)

6.2. Nguyên nhân của sự nguyên phân

6.2.1. Sự thay đổi tỉ lệ giữa diện tích màng nhân và thể tích tế bào chất theo thời gian

- 6.2.2. Hormon
- 6.2.3. Các chất kích thích phân bào không đặc trưng
- 6.2.4. Vai trò của hệ thần kinh
- 6.3. Giảm phân và sự phát triển của tế bào sinh sản ở động vật
 - 6.3.1. Giảm phân (meioses)
 - 6.3.2. Sự phát triển của tế bào sinh dục ở động vật
- 6.4. Sự phân bào trực tiếp (phân bào không có tơ - amitose)

Chương 7. Sinh lí sinh hóa tế bào

- 7.1. Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào
 - 7.1.1. Các nhân tố vật lí liên quan đến sự vận chuyển các chất qua màng tế bào
 - 7.1.2. Cơ chế vận chuyển các chất qua màng tế bào
 - 7.1.2.1. Khuếch tán đơn thuần
 - 7.1.2.2. Khuếch tán trung gian
 - 7.1.2.3. Vận chuyển tích cực
 - 7.1.2.4. Sự vận chuyển các chất có kích thước lớn qua màng (thực bào và ẩm bào)
 - 7.2. Trao đổi chất tế bào
 - 7.2.1. Khái niệm về trao đổi chất
 - 7.2.2. Enzym - chất xúc tác sinh học
 - 7.2.3. Các hợp chất chứa năng lượng của tế bào
 - 7.2.4. Quang hợp
 - 7.2.4.1. Khái niệm về quang hợp và bản chất của quang hợp
 - 7.2.4.2. Pha sáng của quang hợp
 - 7.2.4.3. Pha tối của quang hợp
 - 7.2.4.4. Cây C3 và cây C4
 - 7.2.5. Hô hấp
 - 7.2.5.1. Khái niệm về hô hấp và bản chất của hô hấp
 - 7.2.5.2. Oxy hoá khử sinh học
 - 7.2.5.3. Đường phân
 - 7.2.5.4. Sự biến đổi hiếu khí sản phẩm đường phân (chu trình Krebs)
 - 7.2.5.5. Sự biến đổi yếm khí sản phẩm đường phân - các dạng lên men

Phần thứ ba. Sinh học cơ thể

Chương 8. Sinh sản, sinh trưởng và phát triển

- 8.1. Sự sinh sản
 - 8.1.1. Khái quát về sự sinh sản
 - 8.1.2. Sinh sản vô tính
 - 8.1.3. Sinh sản hữu tính
- 8.2. Sự phát triển phôi
 - 8.2.1. Sự phát triển phôi ở động vật đa bào

8.2.2. Sự nảy mầm của hạt và phát triển phôi ở thực vật

8.3. Sự sinh trưởng (phát triển hậu phôi)

8.3.1. Thời kỳ sinh trưởng

8.3.2. Thời kỳ trưởng thành

8.3.3. Thời kỳ già và chết

8.4. Sự điều hòa quá trình sinh trưởng và phát triển

Phần thứ tư. Đa dạng sinh học

Chương 9. Đa dạng loài

9.1. Loài và các bậc phân loại

9.2. Đa dạng loài trên thế giới

9.3. Đa dạng loài ở Việt Nam

Chương 10. Đa dạng sinh thái

10.1. Khái niệm về hệ sinh thái

10.2. Cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái

10.3. Khái quát về các hệ sinh thái trên mặt đất

10.4. Đa dạng sinh thái ở Việt Nam

Chương 11. Đa dạng di truyền

11.1. Khái niệm về gen và chức năng của gen

11.2. Đa dạng gen trên thế giới và ở Việt Nam

11.3. Các quy luật di truyền liên quan đến đa dạng gen

11.4. Các quy luật biến dị liên quan đến đa dạng gen - Biến dị tổ hợp và đột biến

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1. Kính hiển vi và tiêu bản hiển vi

Nội dung 1: Cấu tạo, cách sử dụng và bảo dưỡng kính hiển vi

Nội dung 2: Cách làm tiêu bản

Nội dung 3: Tiêu bản thực hành: tế bào vỏ củ hành

Bài 2. Hình dạng tế bào

Nội dung 1: Tế bào biểu bì hành

Nội dung 2: Tế bào máu lợn

Nội dung 3: Tế bào máu gà

Bài 3. Hình dạng tế bào (tiếp theo)

Nội dung 1: Tế bào thần kinh tủy sống

Nội dung 2: Trứng gà

Nội dung 3: Tế bào khí khổng

Bài 4. Lạp thể

Nội dung 1: Lục lạp

Nội dung 2: Sắc lạp

Bài 5. Thể vùi

Nội dung 1: Hạt tinh bột khoai tây

Nội dung 2: Tinh thể canxi oxalat

Bài 6. Nguyên phân

Nội dung 1: Nguyên phân ở rễ củ hành

Bài 7. Giảm phân

Nội dung 1: Giảm phân ở tinh hoàn ếch

Nội dung 2: Giảm phân ở tinh hoàn châu chấu

Bài 8. Sự vận động của tế bào

Nội dung 1: Cơ nguyên sinh

Nội dung 2: Phản cơ nguyên sinh

Bài 9. Một số hình thức sinh sản vô tính ở thực vật

Nội dung 1: Nảy chồi

Nội dung 2: Sinh sản sinh dưỡng

Nội dung 3: Sinh bào tử

Bài 10. Kiểm tra

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đặng Thị Thu Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn phần, tại Bộ môn Sinh học, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm, ĐH Huế

Địa chỉ liên hệ: 46A3 KTT ĐH Huế, Triệu Quang Phục, phường Thuận Thành, TP Huế.

Điện thoại, email: 0905.570.121; dangthithuhien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- + Động vật học
- + Đa dạng và bảo tồn động vật
- + Sinh học và sinh lí động vật

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phan Thị Duy Thuận

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Thời gian toàn phần, bộ môn Sinh học, khoa Cơ bản, ĐHNL.

Địa chỉ liên hệ: 155 Huỳnh Thúc Kháng, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: NR: 0234.3527634; DD: 0914729106.

Các hướng nghiên cứu chính:

- + Sinh học thực nghiệm
- + Công nghệ sinh học

Giảng viên 3:

Họ và tên: Hoàng Hữu Tình

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Thời gian toàn phần, tại bộ môn Sinh học, khoa Cơ bản, ĐHNL Huế.

Địa chỉ liên hệ: 65/6/1 Phan Bội Châu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: DĐ: 0918956005.

Các hướng nghiên cứu chính:

+ Giun đất, động vật đất

+ Côn trùng nông nghiệp

Giảng viên 4:

Họ và tên: Trần Nguyên Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn phần, tại Bộ môn Sinh học, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm, Đại Học Huế - 102 Phùng Hưng

Địa chỉ liên hệ: 20 kiệt 11 Lý Thường Kiệt, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: NR: 0234.3831971; DĐ: 0935757721.

Các hướng nghiên cứu chính:

+ Sinh học phân tử

+ Vi sinh

+ Hóa sinh

Nghiên cứu viên

Họ và tên: Vũ Thị Minh Phương

Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân, nghiên cứu viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn phần, tại Bộ môn Sinh học, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm, Đại Học Huế - 102 Phùng Hưng

Địa chỉ liên hệ: Bà Triệu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại:

Các hướng nghiên cứu chính: Đa dạng động vật

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Đại diện nhóm giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

ThS. Nguyễn Đăng Nhật

ThS. Đặng Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Tin học (Informatics)
- Mã học phần: CBAN11902
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian
 - + Lý thuyết: 15 tiết; Số chương học: 4 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 15 tiết; Số bài học: 10 bài
- Điều kiện tiên quyết: Không

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Tin học đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của toàn bộ 22 ngành (CNSTH, CNTP, KTCSTH, KTCĐT, CNKTCK, CN, TY, KN, PTNT, LNĐT, QLTNR, LN, CBLS, QLĐ, KHĐ, NTTS, BHTS, QLNLTS, KHCT, BVTV, CNRHQ&CQ, NH) như sau:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tin học như soạn thảo văn bản với MS Word, tính toán trên bảng tính với MS Excel, trình chiếu MS PowerPoint, mạng máy tính, sử dụng Email, tìm kiếm thông tin hiệu quả và một số dịch vụ trên Internet làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho các ngành trên.

- Kỹ năng:

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về Tin học và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin Cơ bản. Thông qua các phần mềm đã học thì hình thành một số kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên như kỹ năng tự học, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tính toán;

+ Biết soạn thảo một văn bản đúng quy cách, quản lý dữ liệu qua các bảng tính, khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua Email;

+ Kỹ năng thao tác trên máy tính để làm việc trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập chuyên ngành và sau khi ra trường.

- Thái độ:

+ Là môn học cần thiết cho tất cả các đối tượng trong mọi lĩnh vực, từ đó tìm hiểu sâu hơn về các phần trong môn học để rèn thêm kỹ năng thao tác và thực hành trên máy, sử dụng các phần mềm;

+ Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản, tính toán trên bảng tính. Có khả năng thuyết trình, soạn báo cáo, tham gia thảo luận và làm bài báo cáo nhóm. Sử dụng trình duyệt Web, thư điện tử và tìm kiếm thông tin trên Web có hiệu quả phục vụ cho học tập, làm việc sau này.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung học phần bao gồm soạn thảo văn bản với MS Word, xử lý bảng tính với MS Excel, soạn và trình bày báo cáo với MS Powerpoint và giới thiệu sơ lược về Internet và mạng máy tính. Với 4 chương học thì nội dung các chương soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính là các chương quan trọng nhất trong học phần;

Phần thực hành gồm có 10 bài thực hành chia thành 3 nhóm: soạn thảo văn bản với MS Word (3 bài thực hành), tính toán trên bảng với MS Excel (4 bài thực hành), trình chiếu Powerpoint (1 bài thực hành), Internet (1 bài thực hành) và bài kiểm tra thực hành.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Soạn thảo văn bản với MS Word	5,0	4,0	0,5		0,5	5,0	20
1.1. Giới thiệu, khởi động và màn hình giao tiếp Microsoft Word		0,25					
1.2. Các thao tác đối với một tập tin văn bản							
1.3. Nhập văn bản		0,25					
1.4. Các thao tác trên khối văn bản		0,25					
1.5. Định dạng văn bản		0,75					
1.6. Chèn một đối tượng vào văn bản		0,75					
1.7. Bảng biểu (Tables)		0,5					
1.8. Các chức năng hỗ trợ trong Microsoft Word		0,5					
1.9. In văn bản		0,25					
1.10. Một số kỹ năng trong Microsoft Word		0,5					
Chương 2. Xử lý bảng tính với MS Excel	7,0	5,0		1,5	0,5	7,0	28,0
2.1. Khởi động và màn hình giao tiếp Microsoft Excel							
2.2. Các thao tác đối với tập tin bảng tính (Workbook)							
2.3. Các thao tác đối với trang bảng tính (Worksheet)		0,5					
2.4. Các thao tác trên trang bảng tính		0,5					

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
2.5. Tính toán trong Excel		3,0		1,5			
2.6. Biểu đồ trong Excel (Chart)		0,5					
2.7. Cơ sở dữ liệu trong Excel (Database)		0,25					
2.8. In ấn trong Excel		0,25					
Chương 3. Soạn và trình bày báo cáo với MS Powerpoint	2,0	1,0	1,0			2,0	8,0
3.1. Giới thiệu PowerPoint							
3.2. Tạo bài thuyết trình							
3.3. Kỹ năng soạn thảo Slide		0,25					
3.4. Chèn các đối tượng trong Powerpoint		0,25					
3.5. Các hiệu ứng trong Powerpoint		0,25					
3.6. Trình chiếu bài thuyết trình		0,25	1,0				
Chương 4. Giới thiệu sơ lược về mạng máy tính và Internet	1,0	1,0				1,0	4,0
4.1. Mạng máy tính		0,5					
4.2. Mạng Internet và một số dịch vụ của Internet		0,5					
Tổng	15,0	11,0	1,5	1,5	1,0	15,0	60,0

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

Điều kiện đối với học phần: phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra học phần lý thuyết sau khi học xong nội dung 4 chương học: 10% trọng số.
Hình thức kiểm tra là trắc nghiệm với 40 câu hỏi.

- Bài báo cáo nhóm, làm tốt bài tập, chuẩn bị bài đầy đủ, kỹ năng thực hiện các bài thực hành tính trung bình cộng và kiểm tra thực hành: 10% trọng số. Bài kiểm tra thực hành được đánh giá qua 2 bài soạn thảo văn bản (sử dụng đúng các chức năng trong Word) và tính toán trên bảng tính Excel (nắm rõ và sử dụng đúng các hàm tính toán, thao tác trên cơ sở dữ liệu, vẽ biểu đồ).

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi thực hành trên máy tính;
- Cách đánh giá: thao tác thành thạo trong Windows, nắm được các kỹ năng soạn thảo văn bản, biết phân tích và đánh giá các kỹ năng để áp dụng cho việc soạn thảo một mẫu văn bản được yêu cầu. Hiểu và nhớ các hàm trong Excel, các thao tác đối với cơ sở dữ liệu trong Excel để từ đó biết phân tích bài toán và áp dụng vào việc tính toán một bảng tính theo yêu cầu.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Trần Thị Thùy Hương, Trần Thị Diệu Hiền, Nguyễn Thị Tuyết Lan (2017), *Bài giảng Tin học*, Bộ môn Tin - Khoa Cơ bản, Trường Đại học Nông Lâm Huế.
2. Trần Thị Thùy Hương, Trần Thị Diệu Hiền, Nguyễn Thị Tuyết Lan, Võ Phan Nhật Quang (2017), *Bài thực hành Tin học*, Bộ môn Tin - Khoa Cơ bản, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Quang Dũng (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Khoa Công nghệ thông tin - Học viện Nông nghiệp Việt nam, Hà Nội.
2. Đỗ Thị Mơ, Dương Xuân Thành, Nguyễn Thị Thủy, Ngô Tuấn Anh (2006), *Giáo trình Tin học đại cương dành cho khối A, B*, Trường đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
3. Nhóm giảng viên Tin học văn phòng (9-2011), *Giáo trình Tin học đại cương (dùng cho khối sinh viên không chuyên tin)*, Đại học Hoa Sen, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Site: www.office.microsoft.com, <https://support.office.com/>

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word

- 1.1. Giới thiệu, khởi động và màn hình giao tiếp Microsoft Word
 - 1.1.1. Giới thiệu
 - 1.1.2. Khởi động
 - 1.1.3. Tạo mục thực đơn riêng (Ribbon)
 - 1.1.4. Thoát khỏi MS Word (Exit)
- 1.2. Các thao tác đối với một tập tin văn bản
 - 1.2.1. Tạo mới văn bản (New)
 - 1.2.2. Mở một văn bản đã có (Open)
 - 1.2.3. Lưu văn bản đã soạn thảo (Save)
 - 1.2.4. Lưu văn bản đã có với tên khác hoặc đường dẫn khác (Save As)
 - 1.2.5. Lưu tập tin văn bản dưới dạng PDF và XPS được tích hợp sẵn (Send as PDF, XPS)
 - 1.2.6. Đóng tập tin văn bản (Close)
- 1.3. Nhập văn bản

- 1.3.1. Một số khái niệm cơ bản
- 1.3.2. Các phím thường dùng trong soạn thảo
- 1.3.3. Một vài điều lưu ý khi nhập văn bản
- 1.3.4. Undo và Redo
- 1.4. Các thao tác trên khối văn bản
 - 1.4.1. Chọn khối (Select)
 - 1.4.2. Xóa khối (Delete)
 - 1.4.3. Sao chép khối (Copy)
 - 1.4.4. Di chuyển khối (Cut)
 - 1.4.5. Sao chép định dạng khối (Format Painter)
 - 1.4.6. Chức năng Paste Preview
- 1.5. Định dạng văn bản
 - 1.5.1. Định dạng ký tự (Font)
 - 1.5.2. Định dạng đoạn văn (Paragraph)
 - 1.5.3. Định dạng Tab
 - 1.5.4. Định dạng cột báo (Columns)
 - 1.5.5. Tạo chữ hoa thụt cấp (DropCap)
 - 1.5.6. Định dạng danh sách dạng ký hiệu (Bullets) và dạng số thứ tự (Numbering)
 - 1.5.6.1. Danh sách dạng ký hiệu (Bullets)
 - 1.5.6.2. Danh sách dạng số thứ tự (Numbering)
 - 1.5.7. Kẻ khung và tô nền văn bản (Border and Shading)
 - 1.5.7.1. Kẻ khung văn bản (Border)
 - 1.5.7.2. Tô nền văn bản (Shading)
 - 1.5.8. Sử dụng định dạng Styles
- 1.6. Chèn một đối tượng vào văn bản
 - 1.6.1. Chèn tiêu đề đầu trang và tiêu đề chân trang (Header and Footer), đánh số trang văn bản (Page Number)
 - 1.6.1.1. Chèn tiêu đề đầu trang và tiêu đề chân trang (Header and Footer)
 - 1.6.1.2. Không sử dụng Header / Footer cho trang đầu tiên
 - 1.6.1.3. Áp dụng Header / Footer khác nhau cho trang chẵn và trang lẻ
 - 1.6.1.4. Thay đổi nội dung của Header / Footer
 - 1.6.1.5. Xóa Header / Footer
 - 1.6.1.6. Tạo Header / Footer khác nhau cho các vùng khác nhau của tài liệu
 - 1.6.1.7. Đánh số trang tự động trong văn bản (Page Number)
 - 1.6.2. Chèn ảnh và hiệu chỉnh hình ảnh vào văn bản (Picture)
 - 1.6.2.1. Chèn ảnh (Picture)
 - 1.6.2.2. Hiệu chỉnh hình ảnh
 - 1.6.3. Hình ảnh minh họa (ClipArt)

- 1.6.4. Hình mẫu hình đơn giản (Shapes)
- 1.6.5. Lưu đồ (Smart Art)
- 1.6.6. Biểu đồ (Chart)
- 1.6.7. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
- 1.6.8. Chèn ký tự đặc biệt (Symbol)
- 1.6.9. Chèn và hiệu chỉnh công thức toán học (Equation)
- 1.6.10. Chèn đánh dấu (Bookmark) và liên kết (Hyperlink)
 - 1.6.10.1. Chèn đánh dấu (bookmark)
 - 1.6.10.2. Chèn liên kết (Hyperlink).
- 1.7. Bảng biểu (Tables)
 - 1.7.1. Một số thao tác với bảng
 - 1.7.1.1. Tạo bảng (Tables)
 - 1.7.1.2. Di chuyển con trỏ nhập văn bản trong bảng biểu
 - 1.7.1.3. Chọn ô, dòng, cột trong bảng
 - 1.7.2. Chỉnh sửa cấu trúc bảng
 - 1.7.3. Hiệu chỉnh bảng
 - 1.7.3.1. Chèn thêm ô/dòng/cột vào bảng
 - 1.7.3.2. Xóa ô, dòng/cột, xóa bảng
 - 1.7.3.3. Điều chỉnh độ rộng dòng/cột
 - 1.7.3.4. Trộn ô (Merge Cells)
 - 1.7.3.5. Tách ô (Split Cell)
 - 1.7.3.6. Canh lề văn bản trong các ô và thay đổi hướng văn bản (nhóm Alignment)
 - 1.7.4. Tính toán trên bảng
 - 1.7.4.1. Quy định địa chỉ ô
 - 1.7.4.2. Thao tác tính toán
 - 1.7.5. Chuyển bảng thành văn bản và ngược lại
 - 1.7.5.1. Chuyển đổi từ văn bản sang bảng biểu
 - 1.7.5.2. Chuyển đổi từ bảng sang văn bản
 - 1.7.6. Sắp xếp dữ liệu trong bảng
- 1.8. Các chức năng hỗ trợ trong Microsoft Word
 - 1.8.1. Tạo mục lục tự động (Table of Content)
 - 1.8.1.1. Đánh dấu mục lục
 - 1.8.1.2. Tạo mục lục tự động
 - 1.8.1.3. Cập nhật mục lục
 - 1.8.1.4. Xóa mục lục
 - 1.8.1.5. Thiết kế lại bảng mục lục
 - 1.8.2. Tạo trang bìa trong Word (Cover Page)
 - 1.8.2.1. Thêm một trang bìa

- 1.8.2.2. Xóa trang bìa
- 1.8.3. Trộn thư (Mail Merge)
 - 1.8.3.1. Chuẩn bị tài liệu chính và dữ liệu nguồn
 - 1.8.3.2. Trộn thư
- 1.8.4. Tìm kiếm và thay thế văn bản (Find/Replace)
 - 1.8.4.1. Tìm văn bản
 - 1.8.4.2. Tìm và thay thế văn bản
 - 1.8.4.3. Tìm và tô sáng đoạn văn bản tìm được
 - 1.8.4.4. Tìm và thay thế những định dạng đặc biệt
 - 1.8.4.5. Tìm và thay thế các dấu đoạn, ngắt trang và các mục khác
 - 1.8.4.6. Sử dụng ký tự đại diện khi tìm kiếm
- 1.8.5. Kiểm tra chính tả và ngữ pháp, đếm số từ trong tài liệu
 - 1.8.5.1. Kiểm tra chính tả, ngữ pháp
 - 1.8.5.2. Đếm số từ trong tài liệu
- 1.9. In văn bản
 - 1.9.1. Quy trình để in ấn
 - 1.9.2. Định dạng trang in (Page Setup)
 - 1.9.3. Nền trang soạn thảo (Background)
 - 1.9.4. In tài liệu (Print)
- 1.10. Một số kỹ năng trong Microsoft Word
 - 1.10.1. Duyệt thanh Ribbon bằng Access Key (phím truy cập)
 - 1.10.2. Các phím tắt thông dụng
 - 1.10.3. Chụp ảnh cửa sổ, ứng dụng đưa vào văn bản (ScreenShot)
 - 1.10.4. Bảo mật và bảo vệ văn bản
 - 1.10.5. Gửi file qua Email từ môi trường Word

Chương 2. Xử lý bảng tính với Microsoft Excel

- 2.1. Khởi động và màn hình giao tiếp Microsoft Excel
 - 2.1.1. Khởi động
 - 2.1.2. Màn hình giao tiếp
- 2.2. Các thao tác đối với tập tin bảng tính (Workbook)
 - 2.2.1. Tạo mới một Workbook (New)
 - 2.2.2. Mở một Workbook đã có (Open)
 - 2.2.3. Lưu trữ Workbook (Save)
 - 2.2.4. Lưu Workbook với tên khác hoặc đường dẫn khác (Save As)
 - 2.2.5. Đóng Workbook (Close)
- 2.3. Các thao tác đối với trang bảng tính (Worksheet)
 - 2.3.1. Thêm trang bảng tính (Insert)
 - 2.3.2. Xóa trang bảng tính (Delete)

- 2.3.3. Đổi tên trang bảng tính (Rename)
- 2.3.4. Sao chép hoặc di chuyển trang bảng tính
- 2.3.5. Sắp xếp thứ tự trang bảng tính
- 2.3.6. Chọn màu cho sheet
- 2.3.7. Ẩn hiện trang bảng tính
- 2.4. Các thao tác trên trang bảng tính
 - 2.4.1. Thao tác với ô và vùng
 - 2.4.1.1. Nhận dạng ô và vùng (cells, range)
 - 2.4.1.2. Chọn vùng
 - 2.4.1.3. Sao chép và di chuyển vùng
 - 2.4.1.4. Dán đặc biệt (Paste Special)
 - 2.4.1.5. Đặt tên vùng
 - 2.4.1.6. Thêm chú thích cho ô
 - 2.4.2. Thao tác với dữ liệu
 - 2.4.2.1. Nhập liệu
 - 2.4.2.2. Hiệu chỉnh nội dung
 - 2.4.3. Các thao tác với hàng, cột
 - 2.4.3.1. Chèn, xóa ô, dòng và cột
 - 2.4.3.2. Thay đổi độ rộng cột và chiều cao hàng
 - 2.4.3.3. Trộn (Merge) và bỏ nối các ô (Split)
- 2.5. Tính toán trong Excel
 - 2.5.1. Các loại địa chỉ
 - 2.5.2. Hàm và công thức trong Excel
 - 2.5.2.1. Công thức trong Excel
 - 2.5.2.2. Giới thiệu hàm (Function)
 - 2.5.3. Cách đưa một công thức vào bảng tính và sao chép công thức
 - 2.5.3.1. Nhập công thức và hàm
 - 2.5.3.2. Tham chiếu trong công thức
 - 2.5.3.3. Các lỗi thông dụng
 - 2.5.4. Các hàm thông dụng
 - 2.5.4.1. Nhóm hàm logic (Logical)
 - 2.5.4.2. Nhóm hàm xử lý chuỗi (Text)
 - 2.5.4.3. Nhóm hàm ngày tháng (Date & Time)
 - 2.5.4.4. Nhóm hàm thống kê (Statistical)
 - 2.5.4.5. Nhóm hàm toán học và lượng giác (Math & Trig)
 - 2.5.4.6. Nhóm hàm dò tìm, tham chiếu (Lookup & Reference)
- 2.6. Biểu đồ trong Excel (Chart)
 - 2.6.1. Giới thiệu về biểu đồ

- 2.6.2. Vẽ biểu đồ
- 2.6.3. Các thao tác trên biểu đồ
 - 2.6.3.1. Các thành phần trên biểu đồ
 - 2.6.3.2. Các thao tác với biểu đồ
 - 2.6.3.3. Hiệu chỉnh và định dạng biểu đồ
 - 2.6.3.4. Các thao tác với chuỗi số liệu trong biểu đồ
- 2.7. Cơ sở dữ liệu trong Excel (Database)
 - 2.7.1. Khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu
 - 2.7.2. Lọc dữ liệu (Filter)
 - 2.7.3. Sắp xếp dữ liệu (Sort)
 - 2.7.4. Tổng hợp theo nhóm (Subtotal)
- 2.8. In ấn trong Excel
 - 2.8.1. Các chế độ hiển thị trang trong Excel
 - 2.8.2. Thiết lập các thông số cho trang in (Page Layout)
 - 2.8.3. Thiết lập các thông số hộp thoại Print

Chương 3. Soạn và trình bày báo cáo với Microsoft Powerpoint

- 3.1. Giới thiệu PowerPoint
 - 3.1.1. Giới thiệu
 - 3.1.2. Khởi động chương trình
 - 3.1.3. Môi trường làm việc
- 3.2. Tạo bài thuyết trình
 - 3.2.1. Tạo bài thuyết trình
 - 3.2.1.1. Tạo bài thuyết trình rỗng
 - 3.2.1.2. Từ mẫu sẵn có
 - 3.2.1.3. Từ bài thuyết trình khác
 - 3.2.1.4. Từ tập tin dàn bài
 - 3.2.2. Lưu bài thuyết trình
 - 3.2.2.1. Lưu bài thuyết trình
 - 3.2.2.2. Lưu bài thuyết trình ở định dạng khác
 - 3.2.2.3. Chuyển bài thuyết trình thành dạng phim ảnh
 - 3.2.2.4. Tùy chỉnh sao lưu bài thuyết trình
 - 3.2.3. Thao tác với Slide
 - 3.2.3.1. Chèn một Slide mới
 - 3.2.3.2. Sao chép Slide
 - 3.2.3.3. Thay đổi vị trí các Slide
 - 3.2.3.4. Xóa Slide
 - 3.2.4. Mở và đóng bài thuyết trình
 - 3.2.4.1. Mở bài thuyết trình sẵn có

- 3.2.4.2. Đóng bài thuyết trình
- 3.3. Kỹ năng soạn thảo Slide
 - 3.3.1. Chế độ hiển thị Slide
 - 3.3.2. Định dạng Slide Layout
 - 3.3.3. Thiết kế Slide
 - 3.3.3.1. Sử dụng các mẫu có sẵn
 - 3.3.3.2. Tùy chỉnh màu mẫu định dạng
 - 3.3.3.3. Tùy chỉnh font chữ mẫu định dạng
 - 3.3.3.4. Tùy chỉnh hiệu ứng mẫu định dạng
 - 3.3.3.5. Lưu mẫu định dạng
 - 3.3.4. Slide Master
 - 3.3.4.1. Định dạng nội dung Placeholder
 - 3.3.4.2. Định dạng màu nền Placeholder
 - 3.3.4.3. Định dạng kiểu đường viền Placeholder
 - 3.3.4.4. Định dạng hiệu ứng Placeholder
 - 3.3.4.5. Thêm/xóa các Placeholder
 - 3.3.4.6. Thêm/xóa các Slide Layout
 - 3.3.4.7. Thêm/xóa các Slide Master
 - 3.3.4.8. Áp dụng theme và nền
 - 3.3.4.9. Đóng cửa sổ Slide Master và trở về trình soạn thảo
- 3.4. Chèn các đối tượng trong Powerpoint
 - 3.4.1. Header và Footer
 - 3.4.2. Bảng biểu (Table)
 - 3.4.2.1. Chèn bảng
 - 3.4.2.2. Tùy chỉnh kiểu của bảng
 - 3.4.3. Hình ảnh (Image)
 - 3.4.3.1. Chèn các đối tượng đồ họa
 - 3.4.3.2. Tùy chỉnh các đối tượng hình ảnh
 - 3.4.4. Hình minh họa (Illustration)
 - 3.4.5. Liên kết (Links)
 - 3.4.6. Văn bản/ký hiệu (Text/Symbol)
 - 3.4.6.1. Textbox
 - 3.4.6.2. Chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 3.4.6.3. Ngày giờ (Date and Time) và số Slide (Slide Number)
 - 3.4.6.4. Công thức toán học (Equation)
 - 3.4.6.5. Ký hiệu đặc biệt (Symbol)
 - 3.4.7. Phương tiện truyền thông (Media)
- 3.5. Các hiệu ứng trong Powerpoint

- 3.5.1. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions)
- 3.5.2. Hiệu ứng cho đối tượng văn bản, hình ảnh (Animations)
- 3.5.3. Hiệu ứng cho đối tượng Media
- 3.6. Trình chiếu bài thuyết trình
 - 3.6.1. Trình chiếu
 - 3.6.1.1. Thiết lập các chế độ tùy chọn Slide Show
 - 3.6.1.2. Trình chiếu bài thuyết trình
 - 3.6.2. Các nút công cụ khi trình chiếu
 - 3.6.3. Trình chiếu với nhiều màn hình

Chương 4. Giới thiệu sơ lược về mạng máy tính và Internet

- 4.1. Mạng máy tính
 - 4.1.1. Khái niệm về mạng máy tính
 - 4.1.1.1. Định nghĩa
 - 4.1.1.2. Các lợi ích của mạng máy tính
 - 4.1.2. Các thành phần cơ bản của mạng máy tính
 - 4.1.2.1. Thiết bị đầu cuối (End System)
 - 4.1.2.2. Môi trường truyền dẫn (Media)
 - 4.1.2.3. Giao thức (Protocol)
 - 4.1.3. Phân loại mạng máy tính
 - 4.1.3.1. Phân loại theo khoảng cách địa lý
 - 4.1.3.2. Phân loại theo cấu trúc liên kết mạng
 - 4.1.4. Giới thiệu mạng máy tính thông dụng nhất
 - 4.1.4.1. Mạng cục bộ
 - 4.1.4.2. Mạng diện rộng kết nối LAN TO LAN
 - 4.1.4.3. Liên mạng Internet
 - 4.1.5. Sử dụng và khai thác mạng cục bộ
 - 4.1.5.1. Khảo sát và kiểm tra cấu hình mạng của máy tính
 - 4.1.5.2. Chia sẻ và khai thác tài nguyên trong mạng cục bộ
- 4.2. Mạng Internet và một số dịch vụ của Internet
 - 4.2.1. Tổng quan về Internet
 - 4.2.1.1. Hoạt động của Internet
 - 4.2.1.2. Kết nối với Internet
 - 4.2.2. Một số dịch vụ của Internet
 - 4.2.2.1. World Wide Web (WWW)
 - 4.2.2.2. Thư điện tử (Email)
 - 4.2.2.3. Tìm kiếm thông tin trên Internet

PHẦN THỰC HÀNH - THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1: Soạn thảo văn bản với MS Word

Nội dung 1: Thao tác trên giao diện Word, chỉnh sửa các thông số trong Word

Nội dung 2: Định dạng văn bản

Bài 2: Soạn thảo văn bản với MS Word

Nội dung 1: Chèn 1 đối tượng vào văn bản, khung trang, định dạng văn bản

Nội dung 2: Bảng biểu

Bài 3: Soạn thảo văn bản với MS Word

Nội dung 1: Soạn thư và trộn thư

Nội dung 2: Tạo mục lục tự động

Bài 4: Bảng tính Excel

Nội dung 1: Thao tác trên bảng tính Excel, trang bảng tính, kiểm tra quy cách định dạng kiểu dữ liệu trong Control Panel

Nội dung 2: Tính toán trong bảng dùng các hàm trong nhóm hàm số học, nhóm hàm logic và nhóm hàm xử lý chuỗi

Bài 5: Bảng tính Excel

Nội dung 1: Tính toán trong bảng dùng các hàm trong nhóm hàm thống kê, nhóm hàm logic

Nội dung 2: Tính toán trong bảng dùng các hàm trong nhóm hàm dò tìm

Bài 6: Bảng tính Excel

Nội dung 1: Tính toán trong bảng dùng các hàm trong nhóm hàm dò tìm có điều kiện, nhóm hàm thống kê

Nội dung 2: Vẽ biểu đồ

Bài 7: Bảng tính Excel

Nội dung 1: Cơ sở dữ liệu và các thao tác về cơ sở dữ liệu trong Excel (thống kê nhóm, lọc dữ liệu, sắp xếp dữ liệu)

Nội dung 2: Bài tập tổng hợp.

Bài 8: Soạn và trình bày báo cáo với Powerpoint

Nội dung 1: Sử dụng các số liệu của các bài thực hành 3, 4, 6, 7 để viết một bài báo cáo về nội dung của tiểu luận môn học trên Powerpoint

Nội dung 2: Trình bày bài báo cáo đã viết.

Bài 9: Mạng máy tính và Internet

Nội dung 1: Làm quen và sử dụng một số dịch vụ trên Internet (trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, truyền tải file,...)

Nội dung 2: Sử dụng từ khóa để tìm kiếm thông tin trên Internet làm tài liệu học tập.

Bài 10: Kiểm tra thực hành

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Thị Thùy Hương

Chức danh, học hàm, học vị: Phó trưởng khoa, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0905997686. Email: tranthithuyhuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Thị Diệu Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng Bộ môn, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Điện thoại: 01695132943. Email: tranthidieuhien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Giảng viên 3:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Lan

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0973997152. Email: nguyenthituyetlan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Nghiên cứu viên:

Họ và tên: Võ Phan Nhật Quang

Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin, Khoa Cơ bản, Trường ĐH Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0973997152. Email: vophannhatquang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cơ sở dữ liệu

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

PGS.TS. Lê Văn An

ThS. Nguyễn Đăng Nhật

ThS. Trần Thị Thùy Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Sinh thái và Môi trường (Ecology and Environment)
- Mã học phần: NHOC15302
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 23 tiết; Số chương học: 9 chương
 - + Thảo luận, kiểm tra: 4 tiết
 - + Thực hành thực tập: 3 tiết; Số bài học: 1 bài
- Điều kiện tiên quyết: Không

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Sinh thái và Môi trường đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông học, Chăn nuôi, Thú y, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai, Khuyến nông và ngành Phát triển nông thôn như sau:

* **Kiến thức:**

Hiểu và giải thích được các kiến thức cơ bản về sinh thái học và bảo vệ môi trường.

Có khả năng liên hệ, vận dụng tốt các kiến thức sinh thái và môi trường vào thực tiễn nghề nghiệp.

Biết phân tích và vận dụng linh hoạt kiến thức sinh thái và môi trường để làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành, chuyên ngành cụ thể mà bản thân theo học.

* **Kỹ năng:**

Có khả năng kết hợp tiếp thu kiến thức bài giảng trên lớp, bài thực tập tại cơ sở với việc phân tích và tìm kiếm các nguồn tài liệu cần thiết.

Kỹ năng đặt vấn đề, làm việc nhóm, lập kế hoạch, chuẩn bị và thảo luận một vấn đề chuyên môn trước tập thể.

Thực hiện tốt các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức cũng như kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời.

* **Thái độ:**

Rèn luyện tính tự giác, chủ động và nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

Có sáng kiến và cải tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực bản thân, thích nghi với các môi trường làm việc.

Ý thức trách nhiệm với công việc với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung học phần sinh thái và môi trường gồm 2 phần. Phần sinh thái học bao gồm các nội dung: Sinh thái học cá thể; Sinh thái học quần thể; Sinh thái học quần xã, Hệ sinh thái và Ứng dụng sinh thái học trong phát triển bền vững. Phần bảo vệ môi trường và tài nguyên bao gồm các nội dung: Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất; Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước; Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng; Bảo vệ tài nguyên và môi trường không khí.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Bài mở đầu. Giới thiệu chung về sinh thái học và môi trường	1	1					2
1. Giới thiệu chung		0,2					
2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu sinh thái học và môi trường		0,4					
3. Lịch sử nghiên cứu sinh thái học và môi trường		0,2					
4. Mối quan hệ giữa sinh thái học và môi trường với các ngành khoa học khác		0,2					
Phần I: Sinh thái học							
Chương 1: Sinh thái học cá thể	2	2					4
1.1. Môi trường và các nhân tố sinh thái		0,4					
1.2. Một số quy luật cơ bản của sinh thái học		0,8					
1.3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh lên đời sống và sự phân bố của sinh vật		0,8					
Chương 2: Sinh thái học quần thể	3,5	3			0,5		6,5
2.1. Khái niệm quần thể		0,5					
2.2. Đặc trưng cơ bản của quần thể		1					
2.3. Động thái học của quần thể		1					
2.4. Mối quan hệ sinh thái trong quần thể		0,5			0,5		
Chương 3: Sinh thái học quần xã	3,5	3			0,5		6,5
3.1. Khái niệm quần xã		0,5					
3.2. Cấu trúc của quần xã		0,5					
3.3. Mối quan hệ trong quần xã		1					
3.4. Diễn thế của quần xã		0,5					
3.5. Không chế sinh học và cân bằng sinh thái		0,5			0,5		
Chương 4: Hệ sinh thái	4	4					8
4.1. Khái niệm và cấu trúc hệ sinh thái		0,5					
4.2. Các hệ sinh thái chính		1					

4.3. Các đặc trưng của hệ sinh thái		1					
4.4. Trao đổi chất và năng lượng trong hệ sinh thái		1,5					
Chương 5: Ứng dụng Sinh thái học trong phát triển bền vững	2	2					4
5.1. Khái niệm phát triển bền vững		0,5					
5.2. Các mô hình sinh thái		1,5					
Phần II: Bảo vệ môi trường và tài nguyên							
Chương 6: Tài nguyên đất	3	2	1				6
6.1. Vai trò của đất		0,2					
6.2. Đặc điểm tài nguyên đất		0,5					
6.3. Các quá trình thoái hoá đất ở Việt Nam		0,5					
6.4. Ô nhiễm đất		0,5					
6.5. Biện chống ô nhiễm và bảo tồn đất		0,3	1				
Chương 7: Tài nguyên nước	2,5	2	0,5				5
7.1. Vai trò của nước		0,4					
7.2. Đặc điểm tài nguyên nước		0,8					
7.3. Ô nhiễm nước và biện pháp khắc phục		0,8	0,5				
Chương 8: Tài nguyên rừng	3	2	1				6
8.1. Vai trò của rừng		0,4					
8.2. Đặc điểm tài nguyên rừng		0,8					
8.3. Suy giảm tài nguyên rừng và biện pháp khắc phục		0,8	1				
Chương 9: Môi trường không khí	2,5	2	0,5				5
9.1. Vai trò của không khí		0,5					
9.2. Ô nhiễm không khí và biện pháp khắc phục		1,5	0,5				
Thực tập: Quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu một hệ sinh thái tự nhiên hoặc một mô hình thực nghiệm về hệ sinh thái	3					3	3
TỔNG	30	23	3		1	3	56

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - < 20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10 của 2 bài kiểm tra lý thuyết, 1 bài báo cáo thực tập và 1 bài thảo luận (chấm điểm theo kết quả thảo luận nhóm) rồi chia là lấy giá trị trung bình. Lịch kiểm tra, làm báo cáo thực tập và thảo luận do giảng viên và sinh viên thống nhất trên lớp.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

* **Hình thức thi 1 - Tự luận:** Đề thi có 2 câu với thời gian thi theo quy định của nhà trường. Câu hỏi và cách đánh giá sinh viên được vận dụng linh hoạt theo chuẩn đầu ra và chủ yếu ở mức hiểu và vận dụng kiến thức vào một vấn đề được học trong thực tiễn nghề nghiệp.

* **Hình thức thi 2 - Vấn đáp:** Đề thi có 2 câu với thời gian thi theo quy định của nhà trường. Câu hỏi và cách đánh giá sinh viên được vận dụng linh hoạt theo chuẩn đầu ra và chủ yếu ở mức hiểu và vận dụng kiến thức vào một vấn đề được học trong thực tiễn nghề nghiệp.

Bài thi đánh giá kết thúc học phần được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, sau đó sẽ quy đổi theo quy định của nhà trường. Lịch thi kết thúc học phần do phòng Đào tạo đại học, Nhà trường quy định.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Các GV giảng dạy Học phần (2017), *Bài giảng Sinh thái và Môi trường*, Trường Đại học Nông Lâm Huế. Bộ môn SLSHTV.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Khoa (2003), *Khoa học Môi trường*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. TT TTTV.
2. Cao Liêm, Trần Đức Viên (1990), *Sinh thái học Nông nghiệp và Bảo vệ môi trường*, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
3. Võ Văn Phú (2014), *Sinh thái học*, Nxb. Đại học Huế, Huế. Bộ môn SLSHTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài mở đầu. Giới thiệu chung về sinh thái học và môi trường

1. Giới thiệu chung
2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu sinh thái học và môi trường
3. Lịch sử nghiên cứu sinh thái học và môi trường
4. Mối quan hệ giữa sinh thái học và môi trường với các ngành khoa học khác

Phần I: Cơ sở sinh thái học

Chương 1: Sinh thái học cá thể

- 1.1. Môi trường và các nhân tố sinh thái
 - 1.1.1. Khái niệm môi trường
 - 1.1.2. Các nhân tố sinh thái
- 1.2. Một số quy luật cơ bản của sinh thái học
 - 1.2.1. Định luật tối thiểu Liebig (1840)
 - 1.2.2. Quy luật giới hạn sinh thái Shelford (1913)

- 1.2.3. Quy luật tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái
- 1.2.4. Quy luật tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái
- 1.2.5. Quy luật tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường
- 1.3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh lên đời sống và sự phân bố của sinh vật
 - 1.3.1. Ánh sáng
 - 1.3.2. Nhiệt độ
 - 1.3.3. Nước và độ ẩm
 - 1.3.4. Đất
 - 1.3.5. Không khí

Chương 2: Sinh thái học quần thể

- 2.1. Khái niệm quần thể
- 2.2. Đặc trưng cơ bản của quần thể
 - 2.2.1. Mật độ và sinh khối
 - 2.2.2. Phân bố quần thể
 - 2.2.3. Cấu trúc tuổi
 - 2.2.4. Tỷ lệ giới tính
- 2.3. Động thái học của quần thể
 - 2.3.1. Tăng trưởng số lượng quần thể
 - 2.3.2. Biến động số lượng cá thể trong quần thể
- 2.4. Môi quan hệ sinh thái trong quần thể
 - 2.4.1. Quan hệ hỗ trợ
 - 2.4.2. Quan hệ đối kháng

Chương 3: Sinh thái học quần xã

- 3.1. Khái niệm quần xã
- 3.2. Cấu trúc của quần xã
 - 3.2.1. Đa dạng của quần xã
 - 3.2.2. Phân tầng trong quần xã
 - 3.2.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2.2. Phân biệt các tầng trong quần xã
 - 3.2.2.3. Tính chất phân tầng
- 3.3. Môi quan hệ trong quần xã
 - 3.3.1. Môi quan hệ dinh dưỡng
 - 3.3.2. Các môi quan hệ khác
- 3.4. Diễn thế của quần xã
 - 3.4.1. Diễn thế nguyên sinh
 - 3.4.2. Diễn thế thứ sinh
- 3.5. Khống chế sinh học và cân bằng sinh thái
 - 3.5.1. Hiện tượng khống chế sinh học

3.5.2. Cân bằng sinh thái

Chương 4: Hệ sinh thái

4.1. Khái niệm và cấu trúc hệ sinh thái

4.2. Các hệ sinh thái chính

4.2.1. Hệ sinh thái tự nhiên

4.2.2. Hệ sinh thái nhân tạo

4.3. Các đặc trưng của hệ sinh thái

4.3.1. Đặc điểm của hệ sinh thái

4.3.1.1. Tính hệ thống

4.3.1.2. Tính phản hồi

4.3.1.3. Tính tự điều chỉnh

4.3.2. Các hình thức trao đổi thông tin trong hệ thống sinh học

4.3.1. Đặc điểm của hệ sinh thái

4.4. Trao đổi chất và năng lượng trong hệ sinh thái

4.4.1. Trao đổi vật chất

4.4.1.1. Khái niệm về chu trình vật chất

4.4.1.2. Chu trình các bon

4.4.1.3. Chu trình phốt pho

4.4.1.4. Chu trình nitơ

4.4.1.5. Chu trình dinh dưỡng ở vùng nhiệt đới và ôn đới

4.4.2. Trao đổi năng lượng

Chương 5: Ứng dụng sinh thái học trong phát triển bền vững

5.1. Khái niệm phát triển bền vững

5.2. Các mô hình sinh thái

5.2.1. Mô hình toán học dự báo năng suất cây trồng

5.2.2. Mô hình VAC

5.2.3. Mô hình nông lâm kết hợp

5.2.4. Mô hình nông nghiệp phối hợp

Phần II: Bảo vệ môi trường và tài nguyên

Chương 6: Tài nguyên đất

6.1. Vai trò của đất

6.2. Đặc điểm tài nguyên đất

6.2.1. Trên thế giới

6.2.2. Ở Việt Nam

6.3. Các quá trình thoái hoá đất ở Việt Nam

6.3.1. Quá trình xói mòn

6.3.2. Quá trình mặn hóa đất ở vùng ven biển

6.3.3. Quá trình chua hóa

6.4. Ô nhiễm đất

6.4.1. Khái niệm ô nhiễm đất

6.4.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm đất

6.4.2.1. Ô nhiễm do tác nhân vật lý

6.4.2.2. Ô nhiễm do tác nhân hóa học

6.4.2.3. Ô nhiễm do tác nhân sinh học

6.5. Biện pháp chống ô nhiễm và bảo vệ đất

6.5.1. Biện pháp chống ô nhiễm đất

6.5.2. Biện pháp bảo vệ đất

Chương 7: Tài nguyên nước

7.1. Vai trò của nước

7.2. Đặc điểm tài nguyên nước

7.2.1. Trên thế giới

7.2.2. Ở Việt Nam

7.3. Ô nhiễm nước và biện pháp khắc phục

7.3.1. Khái niệm ô nhiễm nước

7.3.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm nước

7.3.2.1. Nguyên nhân gây ô nhiễm nước

7.3.2.2. Hậu quả của ô nhiễm nước

7.3.3 Bảo vệ nguồn nước, chống ô nhiễm

Chương 8: Tài nguyên rừng

8.1. Vai trò của rừng

8.2. Đặc điểm tài nguyên rừng

8.2.1. Trên thế giới

8.2.2. Ở Việt Nam

8.3. Suy giảm tài nguyên rừng và biện pháp khắc phục

8.3.1. Nguyên nhân

8.3.2. Hậu quả

8.3.3. Biện pháp khắc phục

8.3.3.1. Bảo vệ rừng

8.3.3.2. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên

8.3.3.3. Trồng rừng

8.3.3.4. Khai thác rừng hợp lý

8.3.3.5. Sử dụng rừng hợp lý

Chương 9: Môi trường không khí

9.1. Vai trò của không khí

9.2. Ô nhiễm không khí và biện pháp khắc phục

9.2.1. Khái niệm

- 9.2.2. Tình hình ô nhiễm không khí
 - 9.2.2.1. Mưa axit
 - 9.2.2.2. Hiệu ứng nhà kính
 - 9.2.2.3. Suy thoái tầng ozon
- 9.2.3. Nguồn gốc, tác nhân gây ô nhiễm không khí
 - 9.2.3.1. Nguồn gốc
 - 9.2.3.2. Các loại chất gây ô nhiễm không khí
- 9.2.4. Biện pháp khắc phục

PHẦN THỰC HÀNH-THỰC TẬP

- Chủ đề thảo luận: Các vấn đề môi trường và tài nguyên có tính thời sự và liên quan đến ngành học.

- Đi dã ngoại để quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu một hệ sinh thái tự nhiên hoặc một mô hình thực nghiệm về hệ sinh thái.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Đình Thi**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên, Tiến sỹ Sinh học,

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0914239513; Email: nguyendinhthi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu làm tăng khả năng thích ứng của cây trồng trong các điều kiện sinh thái và sự biến đổi khí hậu góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Lê Thị Hương Xuân**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 01219117774; Email: lETHIhuongxuan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái và Môi trường.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Hồng Bích Ngọc**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Thạc sỹ Khoa học Sinh học.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0915468619; Email: hongbichngoc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu các đặc điểm sinh lý liên quan đến tính chịu hạn của cây Lâm nghiệp. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển rừng trồng.

Giảng viên 4:

Họ và tên. **Lê Thị Thu Hường**

Chức danh, học hàm, học vị: GV kiêm nhiệm, Thạc sỹ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Sinh lý-Sinh hóa thực vật, Khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0982 983 294; Email: lethithuhuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu về sinh thái bền vững và hệ sinh thái cây trồng nông nghiệp; Nghiên cứu về nhân giống và trồng các loại nấm ăn và nấm dược liệu.

Giảng viên 5:

Họ và tên: **Văn Thị Yến**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0985.538.378; Email: vanthiyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đa dạng sinh học và bảo tồn TNTN

Giảng viên 6:

Họ và tên: **Lê Thị Phương Thảo**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng

Điện thoại: 01224505013 Email: lethiphuongthao@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý tài nguyên rừng bền vững, kiến thức bản địa của người vùng cao, Sinh thái môi trường, Sinh thái cảnh quan.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

TM. Tập thể Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Trần Đăng Hòa

TS. Nguyễn Đình Thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Xã hội học đại cương (General Sociology)**
- Mã học phần: KNPT14602
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 24 tiết; Số chương học: 03 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 06 tiết; Số bài học: 01 bài
- Điều kiện tiên quyết: Không có

2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: Sinh viên hiểu được lịch sử hình thành và vai trò của môn xã hội học, nắm được các khái niệm cơ bản của môn xã hội học và những kiến thức cơ bản về 2 chuyên ngành chuyên ngành của xã hội học: xã hội học nông thôn và xã hội học đô thị.
- Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng nhìn nhận, phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng xã hội; kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm.
- Thái độ: Sinh viên xác định được vị thế và vai trò của mình trong các mối quan hệ xã hội để có được lối ứng xử phù hợp, có cái nhìn toàn diện về các vấn đề xã hội, có tinh thần đấu tranh chống lại các hành động lệch chuẩn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Xã hội học đại cương là môn học cơ bản của các nhóm ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn. Tuy nhiên ngày nay môn học này đã xuất hiện ngày càng rộng rãi trong các nhóm ngành khác thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, điều này thể hiện tầm quan trọng và sự cần của việc lồng ghép các yếu tố xã hội vào các chuyên ngành và các lĩnh vực nghiên cứu hiện nay.

Học phần xã hội học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ cũng như lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học. Bên cạnh đó, môn học còn chú trọng đến việc trình bày và lý giải một cách có hệ thống các khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là cơ sở để giúp cho người học vận dụng những kiến thức vào việc phân tích, giải thích các vấn đề, hiện tượng trong xã hội một cách khách quan, đúng đắn và sâu sắc hơn.

Ngoài ra, để thể hiện được tính ứng dụng trong thực tiễn, môn học này giới thiệu hai chuyên ngành của xã hội học: xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị... Hai chuyên ngành này giúp người học vận dụng các kiến thức của xã hội học để tìm hiểu, phân tích các đặc điểm, cách thức tổ chức xã hội, văn hóa, lối sống cũng như các vấn đề xã hội ở hai khu vực nông thôn và đô thị.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1 Nhập môn xã hội học	3	3					
1.1. Khái niệm xã hội học, đối tượng nghiên cứu và chức năng của xã hội học	1	1					
1.2. Phương pháp nghiên cứu xã hội học	1	1					
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học	1	1					
Chương 2 Các khái niệm cơ bản của xã hội học	15	13	2				
2.1. Con người và xã hội	1	1					
2.2. Xã hội hóa cá nhân	2	2					
2.3. Vị thế xã hội, vai trò xã hội	2	2					
2.4. Hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội	3	2	1				
2.5. Thiết chế xã hội	2	2					
2.6. Lệch lạc xã hội, kiểm soát xã hội, biến đổi xã hội	3	2	1				
Chương 3 Một số lĩnh vực xã hội học chuyên biệt	12	4	2			6	
3.1. Xã hội học đô thị	3	2	1				
3.2. Xã hội học nông thôn	3	2	1				

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Sinh viên làm việc theo nhóm để tìm hiểu và trình bày về một chủ đề. Giáo viên đánh giá và cho điểm bằng cách tính trung bình cộng các tiêu chí: (nội dung trình bày + thiết kế powerpoint + kỹ năng trình bày + trả lời câu hỏi + làm việc nhóm + bài tiểu luận)/6.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành theo nhóm và cá nhân.

- Dựa vào điểm số theo thang điểm 10

Thi theo hình thức thi tự luận. Đề thi có 2 câu có trọng số bằng nhau, được rút ra từ 20 câu trong ngân hàng đề thi (phòng KTĐBCL thực hiện). Bài thi được đánh giá theo tiêu chuẩn như sau:

- Nhớ, liệt kê được các ý liên quan đến câu hỏi: 40%

- Phân tích, đánh giá các luận điểm và cho ví dụ minh họa phù hợp: 50%

- Sinh viên đưa ra được các dẫn chứng mang tính thời sự, trình bày được quan điểm cá nhân về bản chất, nguyên nhân... của các hiện tượng, vấn đề xã hội, dự báo được xu hướng và đề xuất giải pháp. (được giáo viên đánh giá là hợp lý và thuyết phục): 10%

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Nguyễn Thị Diệu Hiền, Trần Cao Úy, Nguyễn Văn Chung (2016), *Bài giảng Xã hội học đại cương*, Đại học Nông lâm Huế, Huế. Bộ môn PTNT - Khoa KN&PTNT

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh, (2001), *Giáo trình Xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Bộ môn PTNT – Khoa KN&PTNT

2. Nguyễn Sinh Huy (1999), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. TT TTTV

3. Nguyễn Văn Sanh, Lê Ngọc Bình, Nguyễn Huệ (2008), *Giáo trình đại cương về xã hội học*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. TT TTTV

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Nhập môn xã hội học

1.1. Khái niệm xã hội học, đối tượng nghiên cứu và chức năng của xã hội học

1.1.1. Khái niệm xã hội học

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.1.3. Chức năng của xã hội học

1.1.3.1. Chức năng nhận thức

1.1.3.2. Chức năng thực tiễn

1.1.3.3. Chức năng tư tưởng

1.2. Phương pháp nghiên cứu xã hội học

1.2.1. Khái niệm nghiên cứu xã hội học

1.2.2. Các nguyên tắc của nghiên cứu xã hội học

1.2.3. Một số phương pháp nghiên cứu xã hội học

1.2.3.1. Phương pháp phân tích tài liệu

- 1.2.3.2. Phương pháp quan sát
- 1.2.3.3. Phương pháp phỏng vấn
- 1.2.4. Tiến trình nghiên cứu xã hội học
 - 1.2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị
 - 1.2.4.2. Giai đoạn thu thập thông tin
 - 1.2.4.3. Giai đoạn xử lý, phân tích thông tin, viết báo cáo
- 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học
 - 1.3.1. Những điều kiện và tiền đề cho sự ra đời của xã hội học
 - 1.3.1.1. Tiền đề kinh tế - xã hội
 - 1.3.1.2. Tiền đề chính trị
 - 1.3.1.3. Tiền đề khoa học - lý luận và tư tưởng
 - 1.3.2. Giới thiệu về một số nhà xã hội học tiêu biểu
 - 1.3.2.1. August Comte
 - 1.3.2.2. Karl Marx
 - 1.3.2.3. Herbert Spencer
 - 1.3.2.4. Max Weber

Chương 2. Các khái niệm cơ bản của xã hội học

- 2.1. Con người và xã hội
 - 2.1.1. Con người
 - 2.1.1.1. Một vài quan điểm về con người trong lịch sử
 - 2.1.1.2. Con người xã hội
 - 2.1.1.3. Bản tính tự nhiên của con người
 - 2.1.1.4. Bản chất xã hội của con người
 - 2.1.2. Xã hội
- 2.2. Xã hội hóa
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.1.1. Các đặc điểm của quá trình xã hội hóa
 - 2.2.1.2. Môi trường và hình thức xã hội hóa
 - 2.2.1.3. Môi trường xã hội hóa sơ cấp
 - 2.2.1.4. Môi trường xã hội hóa thứ cấp
 - a. Nhà trường
 - b. Nhóm, cộng đồng
 - c. Phương tiện truyền thông đại chúng
 - 2.3. Vị thế xã hội, vai trò xã hội
 - 2.3.1. Vị thế xã hội
 - 2.3.1.1. Khái niệm vị thế xã hội
 - 2.3.1.2. Các thành tố của vị thế xã hội
 - a. Các yếu tố sinh học

b. Trình độ học vấn

c. Nghề nghiệp

d. Tài sản

e. Dòng dõi

2.3.1.3. Phân loại vị thế xã hội

a. Theo dấu hiệu khách quan và chủ quan

b. Theo tầm quan trọng của vị thế

2.3.2. Vai trò xã hội

2.3.2.1. Khái niệm

2.3.2.2. Đặc điểm của vai trò xã hội

2.4. Hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội

2.4.1. Hành động xã hội

2.4.1.1. Khái niệm

2.4.1.2. Các thành tố cấu thành hành động xã hội

2.4.1.3. Những yếu tố quy định hành động xã hội

a. Yếu tố tự nhiên

b. Quá trình xã hội hóa và cơ cấu xã hội

c. Hành động xã hội là sự trao đổi xã hội

d. Hành động xã hội là sự tuân theo

2.4.2. Tương tác xã hội

2.4.2.1. Khái niệm

2.4.2.2. Các thành tố của tương tác xã hội

2.4.3. Quan hệ xã hội

2.4.3.1. Khái niệm

2.4.3.2. Các loại hình quan hệ xã hội

2.5. Thiết chế xã hội

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Đặc điểm của thiết chế xã hội

2.5.3. Chức năng của thiết chế xã hội

2.5.3.1. Chức năng điều hòa các mối qua hệ xã hội

2.5.3.2. Chức năng kiểm soát xã hội

2.6. Lệch lạc xã hội, kiểm soát xã hội, biến đổi xã hội

2.6.1. Lệch lạc xã hội

2.6.1.1. Khái niệm lệch lạc xã hội

2.6.1.2. Nguyên nhân của lệch lạc xã hội

2.6.2. Kiểm soát xã hội

2.6.2.1. Khái niệm

2.6.2.2. Các hình thức của kiểm soát xã hội

- a. Kiểm soát nội tâm
- b. Kiểm soát bên ngoài

2.6.3. Biến đổi xã hội

- 2.6.3.1. Khái niệm
- 2.6.3.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội
- 2.6.3.3. Các nhân tố của sự biến đổi
 - a. Nhân tố bên trong
 - b. Nhân tố bên ngoài

Chương 3. Một số lĩnh vực xã hội học chuyên biệt

3.1. Xã hội học nông thôn

3.1.1. Khái niệm nông thôn

3.1.2. Đặc trưng của nông thôn

3.1.3. Phân biệt nông thôn - đô thị

- 3.1.3.1. Nghề nghiệp
- 3.1.3.2. Môi trường
- 3.1.3.2. Kích cỡ cộng đồng
- 3.1.3.3. Mật độ dân số
- 3.1.3.4. Di động xã hội
- 3.1.3.5. Tính chất của hoạt động kinh tế
- 3.1.3.6. Hợp tác lao động
- 3.1.3.7. Tương tác xã hội
- 3.1.3.8. Hôn nhân
- 3.1.3.9. Quan hệ xã hội

3.1.4. Khái niệm xã hội học nông thôn

3.1.5. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học nông thôn

3.1.6. Chức năng của xã hội học nông thôn

- 3.1.6.1. Chức năng thực tiễn
- 3.1.6.2. Chức năng nhận thức
- 3.1.6.3. Chức năng dự báo

3.2. Xã hội học đô thị

3.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đô thị

- 3.2.1.1. Khái niệm đô thị
- 3.2.1.2. Đặc điểm đô thị
- 3.2.1.3. Các yếu tố cấu thành đô thị

3.2.2. Khái niệm xã hội học đô thị

- 3.2.2.1. Xã hội học đô thị
- 3.2.2.2. Các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học

3.2.3. Lối sống đô thị và đô thị hóa

- 3.2.3.1. Lối sống đô thị
- 3.2.3.2. Đô thị hóa
 - a. Khái niệm
 - b. Tác động của quá trình đô thị hóa
 - c. Phương hướng phát triển đô thị ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay
- 3.2.4. Mối quan hệ giữa nông thôn - đô thị
 - 3.2.4.1. Sự trao đổi giá trị vật chất
 - 3.2.4.2. Trao đổi lao động
 - 3.2.4.3. Trao đổi dân cư
 - 3.2.4.4. Trao đổi các dịch vụ tiêu dùng xã hội
 - 3.2.4.5. Trao đổi thông tin

PHẦN THỰC HÀNH - THỰC TẬP HỌC PHẦN

Đề bài: Hãy phát hiện, tìm hiểu, trình bày một vấn đề xã hội liên quan đến ngành học của sinh viên hoặc vấn đề xã hội nói chung.

Yêu cầu:

- Làm việc theo nhóm, mỗi nhóm từ 5 - 7 sinh viên, đảm bảo về sự cân bằng nam, nữ.
- Nhóm chủ động tổ chức họp nhóm, lập kế hoạch và phân chia công việc.
- Thiết kế powerpoint từ 7 - 10 slide và một bài tiểu luận từ 10 - 15 trang

Gợi ý về Dàn ý:

- Phần mở đầu: lí do chọn chủ đề
- Phần nội dung trình bày phải phân tích được:
 - + Vấn đề đang diễn ra như thế nào ?
 - + Mức độ nghiêm trọng của vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề
 - + Những đối tượng chịu tác động của vấn đề
 - + Dự báo xu hướng của vấn đề (sự tăng/giảm về mức độ nghiêm trọng, sự tăng/giảm về tầm quan trọng, sự thay đổi về đối tượng chịu tác động, quan điểm của cá nhân/nhóm xã hội về vấn đề...)
- Đề xuất giải pháp: các giải pháp phải trả lời được câu hỏi
 - + Những cá nhân, cơ quan, tổ chức, ban ngành nào sẽ thực hiện các giải pháp
 - + Các giải pháp của nhóm thực hiện chủ đề
 - + Chỉ rõ đối tượng chịu tác động từ các giải pháp
- Kết luận, kiến nghị
 - + Phần kết luận phải tóm tắt được các luận điểm quan trọng của chủ đề
 - + Phần kiến nghị phải đề cập đến từng đối tượng cụ thể có liên quan đến chủ đề

Cách thức tổ chức buổi trình bày:

- Giáo viên gọi ngẫu nhiên 3 - 4 sinh viên/nhóm để trình bày (tùy vào chủ đề của nhóm)
- Thời lượng 15 phút/nhóm

- Giáo viên và các nhóm góp ý về:
 - + Hình thức trình bày
 - + Nội dung
 - + Góp ý, đặt câu hỏi
- Giáo viên đưa ra nhận xét chung về ưu/nhược điểm của các nhóm trình bày.
- Giáo viên cho điểm dựa vào các tiêu chí: Nội dung, hình thức, kỹ năng trình bày, trả lời câu hỏi, làm việc nhóm và bài tiểu luận đáp ứng được yêu cầu về nội dung và hình thức.

Yêu cầu sản phẩm:

- Một biên bản thảo luận nhóm
- Một cuốn tiểu luận trình theo yêu cầu: Giấy A4, 10 - 15 trang, chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, dẫn dòng 1,5, có đính kèm ảnh liên quan đến chủ đề ở phần phụ lục.

Gợi ý chủ đề:

***Chủ đề về các vấn đề xã hội nói chung:**

- Thất nghiệp
- Ô nhiễm môi trường
- Tệ nạn xã hội
- Các vấn đề về giới
- Lao động trẻ em
- Tác động của đô thị hóa
- Sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội
- Mê tín dị đoan
- Bạo lực gia đình
- Bạo lực học đường
- Tác động của mạng xã hội
- Lối sống của giới trẻ hiện nay

*** Chủ đề liên quan đến ngành học của sinh viên:**

- Sản xuất và sử dụng các chất cấm trong nông sản
- Sản xuất và sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu không đảm bảo chất lượng
- Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bản
- Phá rừng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Cao Úy

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông & PTNT, ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0935 534 168

Email: trancaouy@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học nông thôn, Hợp tác và liên kết nông dân, sinh kế và nghèo đói, nhận thức và thích ứng BĐKH

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Văn Chung

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông & PTNT, ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0977 139 751

Email: nguyenvanchung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Liên kết sản xuất kinh doanh, khả năng phục hồi sinh kế, di dân, biến đổi khí hậu.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trần Thị Ánh Nguyệt

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông & PTNT, ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 01656 214 234

Email: tranthianhnguyet@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: giới và phát triển, bình đẳng giới, vai trò của phụ nữ, sự tham gia của người dân xây dựng nông thôn mới

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Thị Diệu Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông & PTNT, ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0985 845 374

Email: nguyenthidieuhien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giới và phát triển, chiến lược sinh kế cho người nghèo, di cư.

Giảng viên 5:

Họ và tên: Lê Việt Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông & PTNT, ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 01227 359 506

Email: levietlinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giới và phát triển, Sự tham gia của người dân trong chương trình xây dựng nông thôn mới, di cư.

Giảng viên 6.

Họ và tên: Nguyễn Trần Tiêu Phụng

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ Sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông & PTNT, ĐH Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0977781223

Email: nguyentrantieuphung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nhóm, Tổ chức cộng đồng, liên kết xã hội và liên kết sản xuất.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

TS. Nguyễn Việt Tuấn

Th.S Trần Cao Úy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nhà nước và Pháp Luật (State and law)**
- Mã học phần: TNMT29402
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương học: 05 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 09 tiết; Số bài học: 02 bài
- Điều kiện tiên quyết: Không có

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Nhà nước và pháp luật đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của tất cả chương trình đào tạo các ngành thuộc các bậc cao đẳng và đại học của Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế cụ thể như sau:

- Kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật. Các quy định cơ bản của một số văn bản pháp luật.
- Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận định, phân tích và xử lý tình huống pháp luật. Kỹ năng thương lượng, giải quyết các tranh chấp trên cơ sở các quy định của pháp luật.
- Thái độ: Sinh viên nhận thức được vai trò của pháp luật, có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung học phần này bao gồm 5 chương, trong đó: Chương 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, chức năng của Nhà nước và pháp luật, quan hệ pháp luật và vi phạm pháp luật; Chương 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp, tổ chức bộ máy nhà nước và các quy định về Luật Hành chính; Chương 3 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Tố tụng dân sự; Chương 4 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự; Chương 5 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ bản của Luật Thương mại, Luật Đất đai và Luật Lao động.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	5	4	1				10

1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước	2	2				4
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật	2	2				4
Chương 2. Nhóm ngành luật Hành chính - Nhà nước	4	4			2	8
2.1. Luật Hiến Pháp	2	2				4
2.2. Luật Hành chính	2	2				4
Chương 3. Nhóm ngành luật Dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam	6	6			3	12
3.1. Luật Dân sự	2	2				4
3.2. Luật Tố tụng dân sự	2	2				4
3.3. Luật Hôn nhân và gia đình	2	2				4
Chương 4. Nhóm ngành Luật Hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam	3	3			2	6
4.1. Luật Hình sự	1,5	1,5				3
4.2. Luật Tố tụng hình sự	1,5	1,5				3
Chương 5. Nhóm ngành Luật Kinh tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam	3	3			2	6
5.1. Luật Thương mại	1	1				2
5.2. Luật Đất đai	1	1				2
5.3. Luật Lao động	1	1				2

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Sinh viên phải tham gia thực hiện nội dung của bài thực hành và phải báo cáo kết quả thực hành trước giảng viên và sinh viên trong lớp: chiếm 20% trọng số.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi tự luận theo ngân hàng đề đã được nộp cho nhà trường.

- Cách đánh giá được thực hiện theo đáp án ngân hàng đề thi đã nộp cho nhà trường.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Tiến Nhật, Lê Ngọc Đoàn (2015), *Bài giảng Nhà nước và pháp luật*, Đại học Nông lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Dân sự*, NXB Chính trị.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Bộ luật Hình sự*, NXB Chính trị.

4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Bộ luật Tố tụng Dân sự*, NXB Chính trị.

5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, NXB Chính trị.

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Bộ luật Lao động*, NXB Chính trị.

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình*, NXB Chính trị.

8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Thương mại*, NXB Chính trị.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật

1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước

1.1.1 Nguồn gốc nhà nước

1.1.1.1. Một số quan điểm phi Mác xít về nguồn gốc nhà nước

1.1.1.2. Quan niệm của Chủ nghĩa Mác- Lênin về sự ra đời của nhà nước

1.1.2. Bản chất nhà nước

1.1.2.1. Tính giai cấp của nhà nước

1.1.2.2. Vai trò xã hội của nhà nước

1.1.2.3. Các dấu hiệu đặc trưng của nhà nước

1.1.3. Các kiểu, chức năng và hình thức nhà nước

1.1.3.1. Các kiểu nhà nước

1.1.3.2. Chức năng nhà nước

1.1.3.3. Hình thức nhà nước

1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật

1.2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật

1.2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật

1.2.1.2. Bản chất của pháp luật

- 1.2.2. Đặc điểm của pháp luật
 - 1.2.2.1. Do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện.
 - 1.2.2.2. Tính quy phạm phổ biến
 - 1.2.2.3. Tính bắt buộc chung
 - 1.2.2.4. Tính chặt chẽ về mặt hình thức
- 1.2.3. Chức năng của pháp luật
 - 1.2.3.1. Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội
 - 1.2.3.2. Chức năng giáo dục
- 1.2.4. Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật
 - 1.2.4.1. Quy phạm pháp luật
 - 1.2.4.2. Văn bản quy phạm pháp luật
 - 1.2.4.3. Các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam
- 1.2.5. Quan hệ pháp luật
 - 1.2.5.1. Khái niệm quan hệ pháp luật
 - 1.2.5.2. Cấu thành của quan hệ pháp luật
 - 1.2.5.3. Sự kiện pháp lý
- 1.2.6. Thực hiện pháp luật
- 1.2.7. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
 - 1.2.7.1. Vi phạm pháp luật
 - 1.2.7.2. Trách nhiệm pháp lý
- 1.2.8. Ý thức pháp luật và pháp chế
 - 1.2.8.1. Ý thức pháp luật
 - 1.2.8.2. Pháp chế

Chương 2. Nhóm ngành luật Hành chính - Nhà nước

- 2.1. Luật Hiến pháp
 - 2.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật Hiến pháp
 - 2.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp
 - 2.1.3. Hiến pháp xã hội chủ nghĩa
 - 2.1.4. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- 2.2. Luật Hành chính
 - 2.2.1. Khái niệm Luật Hành chính
 - 2.2.2. Vi phạm hành chính
 - 2.2.3. Xử phạt hành chính

Chương 3. Nhóm ngành Luật Dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- 3.1. Luật Dân sự
 - 3.1.1. Khái niệm Luật Dân sự
 - 3.1.2. Quyền sở hữu
 - 3.1.3. Giao dịch dân sự

- 3.1.4. Quyền thừa kế
- 3.2. Luật Tố tụng dân sự
 - 3.2.1. Khái niệm Luật Tố tụng dân sự
 - 3.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự
 - 3.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự
 - 3.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự
- 3.3. Luật Hôn nhân và gia đình
 - 3.3.1. Định nghĩa
 - 3.3.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh
 - 3.3.3. Kết hôn và các điều kiện kết hôn
 - 3.3.4. Hủy việc kết hôn trái pháp luật
 - 3.3.5. Quan hệ giữa vợ và chồng
 - 3.3.6. Ly hôn

Chương 4. Nhóm ngành Luật Hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- 4.1. Luật Hình sự
 - 4.1.1. Khái niệm
 - 4.1.2. Tội phạm
 - 4.1.3. Cấu thành tội phạm
 - 4.1.4. Hình phạt
- 4.2. Luật Tố tụng hình sự
 - 4.2.1. Khái niệm Luật Tố tụng hình sự
 - 4.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng
 - 4.2.3. Các biện pháp ngăn chặn
 - 4.2.4. Các giai đoạn tố tụng hình sự

Chương 5. Nhóm ngành Luật Kinh tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- 5.1. Luật Thương mại
 - 5.1.1. Khái niệm Luật thương mại
 - 5.1.2. Nguồn của Luật Thương mại
 - 5.1.3. Các loại hình doanh nghiệp của Việt Nam
 - 5.1.4. Các loại chủ thể kinh doanh khác
 - 5.1.5. Một số vấn đề về công ty Nhà nước
- 5.2. Luật Đất đai
 - 5.2.1. Khái niệm Luật Đất đai
 - 5.2.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh
 - 5.2.3. Một số nội dung cơ bản của Luật Đất đai
- 5.3. Luật Lao động
 - 5.3.1. Khái niệm Luật Lao động
 - 5.3.2. Hợp đồng lao động

5.3.3. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Thực tế môn học tại Tòa án nhân dân

Nội dung 1. Đi tham dự, xem xét xử tại các phiên tòa tại Tòa án nhân dân

Nội dung 2. Viết các báo cáo kết quả thu được thông qua việc đi thực tế tại Tòa án.

Bài 2. Xử lý tình huống pháp luật

Nội dung 1. Thu thập các tình huống pháp luật thực tế

Nội dung 2. Đánh giá tình huống theo các quy định của pháp luật

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Tiến Nhật

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc Sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quy hoạch và Kinh tế đất, Khoa TNĐ&MTNN, Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quy hoạch và Kinh tế đất, Khoa TNĐ&MTNN, Trường Đại học Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng, P.Thuận Thành, Thành phố Huế

Điện thoại: 0984.734.538

Email:nguyentienhat@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Chính sách pháp luật về đất đai, bất động sản.
- Chính sách pháp luật về quy hoạch đô thị.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Lê Ngọc Đoàn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc Sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quy hoạch và Kinh tế đất, Khoa TNĐ&MTNN, Trường Đại học Nông lâm Huế - Đại học Huế.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quy hoạch và Kinh tế đất, Khoa TNĐ&MTNN, Trường Đại học Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng, P.Thuận Thành, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0918.491.791

s Email: lengocdoan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Chính sách pháp luật về đất đai.
- Chính sách pháp luật về kinh doanh bất động sản.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa/Bộ môn

Giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngữ

ThS. Nguyễn Tiến Nhật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ
KHOA NÔNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Sinh lý thực vật (Plant physiology)
- Mã học phần: NHOC31201
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 27 tiết; Số bài học: 6 bài
 - + Thảo luận, kiểm tra: 3 tiết
- Điều kiện tiên quyết: Sinh học (Mã HP: CBAN11803)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Sinh lý thực vật đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nông học, Công nghệ rau quả, Công nghệ chọn tạo và sản xuất giống cây trồng, Khoa học đất, Lâm nghiệp đô thị, Quản lý tài nguyên rừng và ngành Lâm nghiệp như sau:

* **Kiến thức:**

Hiểu và giải thích được các chức năng sinh lý cơ bản xảy ra trong cơ thể thực vật, bao gồm sinh lý tế bào, sự trao đổi nước, quang hợp, hô hấp, dinh dưỡng khoáng và nitơ, sinh trưởng và phát triển của thực vật.

Có khả năng liên hệ, vận dụng tốt các kiến thức sinh lý thực vật để điều chỉnh sự sinh trưởng và phát triển cây trồng theo hướng có lợi cho con người..

Biết phân tích và vận dụng linh hoạt kiến thức sinh lý thực vật để làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành, chuyên ngành cụ thể mà bản thân theo học.

* **Kỹ năng:**

Có khả năng kết hợp tiếp thu kiến thức bài giảng trên lớp với việc phân tích và tìm kiếm các nguồn tài liệu cần thiết.

Kỹ năng đặt vấn đề, làm việc nhóm, lập kế hoạch, chuẩn bị và thảo luận một vấn đề chuyên môn trước tập thể.

Thực hiện tốt các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức cũng như kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời.

* **Thái độ:**

Rèn luyện tính tự giác, chủ động và nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

Có sáng kiến và cải tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực bản thân, thích nghi với các môi trường làm việc.

Ý thức trách nhiệm với công việc với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Những nội dung chính của học phần sinh lý thực vật là: Khái niệm môn học, đối tượng và nhiệm vụ khi học sinh lý thực vật. Tế bào thực vật, các chức năng và hoạt động sống của tế bào thực vật. Các hoạt động sinh lý cơ bản của cây bao gồm sự trao đổi nước, quang hợp, hô hấp, dinh dưỡng chất khoáng và nitơ, quá trình vận chuyển và tích lũy chất hữu cơ trong cây, sự sinh trưởng và phát triển của cây. Sự thay đổi để thích nghi có tính chất sinh lý của cây với các điều kiện không thuận lợi của môi trường để tồn tại, phát triển và cho sản phẩm. Ứng dụng kiến thức sinh lý thực vật để điều khiển hoạt động sống của cây trồng theo hướng có lợi cho con người.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Bài mở đầu	1	1					2
Chương 1. Sinh lý tế bào thực vật	4,5	4	0,5				9
1.1. Đại cương về tế bào thực vật		0,5					
1.2. Cấu tạo và chức năng sinh lý tế bào		0,5	0,5				
1.3. Thành phần hóa học của chất nguyên sinh		0,5					
1.4. Tính chất hóa, lý của chất nguyên sinh		0,5					
1.5. Sự xâm nhập nước vào tế bào		1					
1.6. Sự xâm nhập chất tan vào tế bào		1					
Chương 2. Sự trao đổi nước của thực vật	4,5	4			0,5		8,5
2.1. Vai trò của nước đối với thực vật		0,5					
2.2. Sự hút nước của thực vật		1					
2.3. Sự vận chuyển nước trong cây		0,5	0,5				
2.4. Sự thoát hơi nước của thực vật		1					
2.5. Sự cân bằng nước và cơ sở sinh lý của việc tưới nước hợp lý		1					
Chương 3. Quang hợp của thực vật	6,5	6			0,5		12,5
3.1. Khái niệm quang hợp		0,5					
3.2. Các cơ quan quang hợp		1					
3.3. Bản chất của quang hợp		1,5					
3.4. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến quang hợp		1					
3.5. Vận chuyển và phân bố sản phẩm quang hợp trong cây		1					
3.6. Quang hợp và năng suất cây trồng		1			0,5		
Chương 4. Hô hấp thực vật	2,5	2	0,5				5

4.1. Khái niệm hô hấp		0,2				
4.2. Cơ quan hô hấp		0,2				
4.3 Bản chất của hô hấp		1	0,5			
4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hô hấp		0,4				
4.5. Hô hấp và vấn đề bảo quản nông sản		0,2				
Chương 5. Dinh dưỡng khoáng và nitơ của thực vật	4,5	4	0,5			9
5.1. Thành phần hóa học của thực vật		0,5				
5.2. Vai trò của các nguyên tố khoáng		1				
5.3. Dinh dưỡng nitơ của thực vật		1				
5.4. Sự hấp thu và vận chuyển chất khoáng trong cây		0,5				
5.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hút khoáng			0,5			
5.6. Cơ sở sinh lý của việc bón phân hợp lý		1				
Chương 6. Sinh trưởng và phát triển của thực vật	6,5	6	0,5			13
6.1. Khái niệm về sinh trưởng phát triển		0,5				
6.2. Sự sinh trưởng của thực vật		2,5	0,5			
6.3. Sự phát triển của thực vật		3				
TỔNG	30	27	2		1	59

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm kiểm tra-đánh giá theo định kỳ chiếm 20% trọng số điểm như sau: Đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10 của 2 bài kiểm tra lý thuyết và 1 bài tiểu luận rồi chia là lấy giá trị trung bình.

Lịch kiểm tra, làm tiểu luận do giảng viên và sinh viên thống nhất trên lớp.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

* **Hình thức thi 1 - Tự luận:** Đề thi có 2 câu với thời gian thi theo quy định của nhà trường. Câu hỏi và cách đánh giá sinh viên được vận dụng linh hoạt theo chuẩn đầu ra và chủ yếu ở mức hiểu và vận dụng kiến thức vào một vấn đề được học trong thực tiễn nghề nghiệp.

* **Hình thức thi 2 - Vấn đáp:** Đề thi có 2 câu với thời gian thi theo quy định của nhà trường. Câu hỏi và cách đánh giá sinh viên được vận dụng linh hoạt theo chuẩn đầu ra và chủ yếu ở mức hiểu và vận dụng kiến thức vào một vấn đề được học trong thực tiễn nghề nghiệp.

Bài thi đánh giá kết thúc học phần được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, sau đó sẽ quy đổi theo quy định của nhà trường. Lịch thi kết thúc học phần do phòng Đào tạo đại học, Nhà trường quy định.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đình Thi (chủ biên), Hồng Bích Ngọc, Đàm Thị Huệ (2013), *Giáo trình Sinh lý thực vật*. Nxb Đại học Huế, Huế. TT TTTV.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Minh Tấn, Nguyễn Quang Thạch, Vũ Quang Sáng (2006). *Giáo trình sinh lý thực vật*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. Bộ môn SLSHTV.

2. Vũ Quang Sáng (2007). *Giáo trình sinh lý thực vật ứng dụng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.

3. Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Thuận Châu (2005). *Giáo trình sinh lý thực vật*. Nxb Hà Nội, Hà Nội. TT TTTV.

4. Vũ Văn Vụ, Vũ Thanh Tâm, Hoàng Minh Tấn (1997). *Giáo trình sinh lý học thực vật*. Nxb Giáo dục, Hà Nội. TT TTTV.

5. Lê Văn Tri (1998). *Chất điều hoà sinh trưởng và năng suất cây trồng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. Bộ môn SLSHTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

Bài mở đầu (1 tiết)

1. Khái niệm sinh lý thực vật
2. Đối tượng của môn học sinh lý thực vật
3. Nhiệm vụ của môn học sinh lý thực vật
4. Đặc điểm của môn học sinh lý thực vật
5. Mối quan hệ giữa sinh lý thực vật với các khoa học khác

Chương 1: Sinh lý tế bào thực vật (4,5 tiết)

- 1.1. Đại cương về tế bào thực vật
 - 1.1.1. Tế bào là đơn vị cấu trúc của cơ thể
 - 1.1.2. Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể
- 1.2. Cấu tạo và chức năng sinh lý tế bào
 - 1.2.1. Vỏ tế bào
 - 1.2.2. Chất nguyên sinh
 - 1.2.3. Không bào
- 1.3. Thành phần hoá học của chất nguyên sinh
 - 1.3.1. Protein
 - 1.3.2. Lipid
 - 1.3.3. Nước

- 1.3.4. Một số chất khác
- 1.4. Tính chất hoá, lý của chất nguyên sinh
 - 1.4.1. Đặc tính hóa keo của chất nguyên sinh
 - 1.4.2. Tính chất vật lý của chất nguyên sinh
- 1.5. Sự xâm nhập nước vào tế bào
 - 1.5.1. Tế bào là một hệ thống thẩm thấu sinh học
 - 1.5.2. Quy luật hút nước của tế bào
- 1.6. Sự xâm nhập chất tan vào tế bào
 - 1.6.1. Tính thẩm của tế bào
 - 1.6.2. Sự xâm nhập chất tan vào tế bào
 - 1.6.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự xâm nhập chất tan vào tế bào

Chương 2: Sự trao đổi nước của thực vật (4,5 tiết)

- 2.1. Vai trò của nước đối với thực vật
 - 2.1.1. Vai trò của nước đối với đời sống thực vật
 - 2.1.2. Khái niệm về sự trao đổi nước
- 2.2. Sự hút nước của thực vật
 - 2.2.1. Cơ quan hút nước
 - 2.2.2. Sự hút nước của rễ cây
 - 2.2.3. Sự hút nước của rễ trong đất, hệ số héo
 - 2.2.4. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến sự hút nước của rễ
- 2.3. Sự vận chuyển nước trong cây
 - 2.3.1. Con đường vận chuyển nước trong cây
 - 2.3.2. Các động lực vận chuyển nước trong cây
- 2.4. Sự thoát hơi nước của thực vật
 - 2.4.1. Vai trò của sự thoát hơi nước trong đời sống thực vật
 - 2.4.2. Các phương pháp và chỉ số nghiên cứu sự thoát hơi nước
 - 2.4.3. Bản chất của quá trình thoát hơi nước
 - 2.4.4. Cơ chế đóng mở của khí khổng
 - 2.4.5. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến sự thoát hơi nước
- 2.5. Sự cân bằng nước và cơ sở sinh lý của việc tưới nước hợp lý
 - 2.5.1. Sự cân bằng nước trong cây
 - 2.5.2. Các trạng thái héo và tác hại
 - 2.5.3. Cơ sở sinh lý của việc tưới nước hợp lý

Chương 3: Quang hợp của thực vật (6,5 tiết)

- 3.1. Khái niệm quang hợp
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Ý nghĩa của quang hợp
- 3.2. Các cơ quan quang hợp

- 3.2.1. Lá xanh
- 3.2.2. Lục lạp
- 3.2.3. Sắc tố quang hợp
- 3.3. Bản chất của quang hợp
 - 3.3.1. Quang hợp là một quá trình oxy hóa khử
 - 3.3.2. Pha sáng quang hợp
 - 3.3.3. Pha tối quang hợp
 - 3.3.4. Sử dụng năng lượng ánh sáng trong quang hợp
- 3.4. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến quang hợp
 - 3.4.1. Ánh sáng
 - 3.4.2. Khí CO₂
 - 3.4.3. Nhiệt độ
 - 3.4.4. Nước
 - 3.4.5. Chất khoáng
- 3.5. Sự vận chuyển và phân bố sản phẩm quang hợp trong cây
 - 3.5.1. Sự vận chuyển sản phẩm quang hợp ở khoảng cách gần
 - 3.5.2. Sự vận chuyển sản phẩm quang hợp ở khoảng cách xa
 - 3.5.3. Phương hướng vận chuyển và phân bố sản phẩm quang hợp trong cây
 - 3.5.4. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến vận chuyển và phân bố sản phẩm quang hợp
- 3.6. Quang hợp và năng suất cây trồng
 - 3.6.1. Hoạt động quang hợp tạo nên 90-95% năng suất cây trồng
 - 3.6.2. Năng suất sinh vật học và biện pháp tăng năng suất sinh vật học
 - 3.6.3. Năng suất kinh tế và biện pháp tăng năng suất kinh tế
 - 3.6.4. Tiềm năng tăng năng suất cây trồng ở Việt Nam

Chương 4: Hô hấp của thực vật (2,5 tiết)

- 4.1. Khái niệm hô hấp
 - 4.1.1. Khái niệm
 - 4.1.2. Các đại lượng hô hấp
 - 4.1.3. Ý nghĩa của hô hấp
- 4.2. Cơ quan hô hấp
 - 4.2.1. Hình thái, số lượng và kích thước ty thể
 - 4.2.2. Thành phần hóa học
 - 4.2.3. Cấu trúc ty thể
 - 4.2.4. Chức năng của ty thể
- 4.3. Bản chất của hô hấp
 - 4.3.1. Hô hấp hiếu khí và hô hấp yếm khí ở thực vật
 - 4.3.2. Những biến đổi khác của glucose trong hô hấp
 - 4.3.3. Vận chuyển và sử dụng năng lượng tạo ra trong hô hấp

- 4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hô hấp
 - 4.4.1. Các nhân tố bên trong
 - 4.4.2. Các nhân tố ngoại cảnh
- 4.5. Hô hấp và vấn đề bảo quản nông sản
 - 4.5.1. Quan hệ giữa hô hấp và bảo quản nông sản
 - 4.5.2. Tác hại của hô hấp trong bảo quản nông sản
 - 4.5.3. Các biện pháp hạn chế hô hấp trong bảo quản nông sản

Chương 5: Dinh dưỡng khoáng và nitơ của thực vật (4,5 tiết)

- 5.1. Thành phần hoá học của thực vật
 - 5.1.1. Hàm lượng các nguyên tố khoáng trong cây
 - 5.1.2. Vai trò chung của các nguyên tố khoáng
 - 5.1.3. Một số học thuyết dinh dưỡng thực vật
- 5.2. Vai trò sinh lý của các nguyên tố khoáng
 - 5.2.1. Vai trò sinh lý của các nguyên tố khoáng đa lượng
 - 5.2.2. Vai trò sinh lý của các nguyên tố khoáng vi lượng
 - 5.2.3. Hiện tượng đối kháng ion và tương quan hút khoáng ở thực vật
- 5.3. Dinh dưỡng nitơ của thực vật
 - 5.3.1. Vai trò sinh lý của nitơ
 - 5.3.2. Sự đồng hóa nitơ của thực vật
- 5.4. Sự hấp thu và vận chuyển chất khoáng trong cây
 - 5.4.1. Vai trò của rễ trong quá trình hút khoáng
 - 5.4.2. Cơ chế hút khoáng của rễ trong đất
 - 5.4.3. Sự vận chuyển chất khoáng trong cây
 - 5.4.4. Dinh dưỡng khoáng qua lá
- 5.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hút khoáng
 - 5.5.1. Các nhân tố bên trong
 - 5.5.2. Các nhân tố ngoại cảnh
- 5.6. Cơ sở sinh lý của việc bón phân hợp lý
 - 5.6.1. Nhu cầu dinh dưỡng khoáng của cây
 - 5.6.2. Khả năng cung cấp khoáng của đất
 - 5.6.3. Hệ số hấp thu chất khoáng
 - 5.6.4. Các phương pháp bón phân khoáng

Chương 6: Sinh trưởng và phát triển của cây (6,5 tiết)

- 6.1. Khái niệm về sinh trưởng và phát triển
 - 6.1.1. Khái niệm sinh trưởng
 - 6.1.2. Khái niệm phát triển
 - 6.1.3. Mối quan hệ giữa sinh trưởng phát triển
- 6.2. Sự sinh trưởng của thực vật

- 6.2.1. Cơ quan thực hiện sinh trưởng trong cây
- 6.2.2. Các chất điều hoà sinh trưởng
- 6.2.3. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến sinh trưởng
- 6.2.4. Sự vận động sinh trưởng
- 6.3. Sự phát triển của thực vật
- 6.3.1. Sự ngủ nghỉ và nảy mầm của thực vật
- 6.3.2. Sự hình thành củ và căn hành
- 6.3.3. Sự hình thành hoa
- 6.3.4. Sự thụ phấn, thụ tinh, tạo quả và hạt
- 6.3.5. Sự chín của quả
- 6.3.6. Các nhân tố bên trong quyết định sự phát triển

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Đình Thi**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên, Tiến sỹ Sinh lý thực vật

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0914239513; Email: nguyendinhthi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu các quá trình sinh lý và các biện pháp kỹ thuật tác động, điều khiển tăng năng suất và chất lượng cây trồng; Nghiên cứu sử dụng nguyên tố vi lượng và chất điều hoà sinh trưởng hợp lý cho cây trồng (đậu đỗ, rau, hoa...); Nghiên cứu thực trạng và biện pháp tác động cải thiện sức khoẻ hạt giống; Nghiên cứu làm tăng thích ứng của cây trồng trong các điều kiện sinh thái và sự biến đổi khí hậu góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất; Nghiên cứu tạo chế phẩm phân bón lá, phân bón sinh học và ứng dụng chúng trong trồng trọt.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hồng Bích Ngọc**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Thạc sỹ Khoa học Sinh học.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: VP Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0915468619; Email: hongbichngoc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu các đặc điểm sinh lý liên quan đến tính chịu hạn của cây Lâm nghiệp. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển rừng trồng.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Đàm Thị Huế**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Khoa học Nông nghiệp.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế

Điện thoại: 02343525544 (CQ); Email: damthihue@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố khí hậu với sự sinh trưởng, phát triển cũng như năng suất của các loại cây trồng nông nghiệp.

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Đinh Thị Hương Duyên**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ-Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh- Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng Huế; 63 Đào Duy Từ-Huế

Điện thoại, email: dinhthihuongduyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Hóa sinh thực vật; Di truyền thực vật

Giảng viên 5:

Họ và tên: **Đỗ Thị Thu Ái**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp đô thị, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm nghiệp đô thị, Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Nông Lâm Huế

Điện thoại: 01654551766 Email: dothithuai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Lâm nghiệp đô thị, hoạch cảnh quan đô thị, thiết kế cảnh quan cây xanh đô thị.

Giảng viên 6:

Họ và tên: **Vũ Thị Thùy Trang**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại khoa lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế)

Điện thoại: 0905655905 Email: vuthithuytrang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm sinh, Lâm nghiệp xã hội, Luật và chính sách trong lâm nghiệp, Đánh giá tác động môi trường, Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp, Cảnh quan đô thị.

Giảng viên 7:

Họ và tên: **Võ Quang Anh Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế.

Địa chỉ liên hệ: Điện thoại: 0906284535 Email: voquanganhtuan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Trồng rừng, giống cây rừng, công nghệ sinh học.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

TM. Tập thể Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ
KHOA NÔNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Hóa sinh thực vật (Plant Biochemistry)
- Mã học phần: NHOC22502
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 29 tiết; Số chương học: 07 chương
 - + Kiểm tra : 1 tiết
- Điều kiện tiên quyết: Hóa học (CBAN10304); Sinh học (CBAN11803)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Hóa sinh thực vật đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng, Chuyên ngành Công nghệ chọn tạo giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nông học, Công nghệ Rau hoa quả, ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý rừng như sau:

*** Kiến thức:**

Giúp sinh viên hiểu biết cơ bản về hóa sinh thực vật, bao gồm: Sự trao đổi chất và năng lượng sinh học, enzyme và sự xúc tác sinh học, quá trình trao đổi protein, carbohydrate, lipid, các hợp chất có nguồn gốc thứ cấp trong cơ thể thực vật và mối liên quan giữa các quá trình trao đổi chất trong thực vật. Từ đó, có khả năng sử dụng các kiến thức khoa học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành khoa học Nông - Lâm nghiệp.

*** Kỹ năng:**

- Có kỹ năng tổng hợp, liên hệ các cơ chế hóa sinh đến sự trao đổi chất ở từng nhóm thực vật và nêu các biện pháp kỹ thuật ứng dụng nhằm xúc tiến sự sinh trưởng và phát triển của thực vật.

- Xây dựng được kỹ năng tự chủ (kỹ năng học, lập kế hoạch, quản lý thời gian...).

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

*** Thái độ:**

Giúp sinh viên củng cố nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng. Nắm vững kiến thức cơ bản về hóa sinh thực vật, sinh viên sẽ tự tin áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp; từ đó có thể tự nghiên cứu và có thể đề xuất được những biện pháp kỹ thuật để áp dụng vào thực tế sản xuất.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

- Các đặc tính của năng lượng sinh học và các dạng hợp chất cao năng có ở trong tế bào.

- Enzyme và sự xúc tác sinh học: Biết được cấu tạo và cơ chế tác động cũng như động học của enzyme, cách phân loại enzyme cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính xúc tác của enzyme.

- Cơ chế của quá trình cố định đạm, quá trình khử nitrate. Cơ chế tổng hợp và phân giải aminoacid, protein.

- Mô tả cấu tạo và chức năng của các hợp chất carbohydrate trong thực vật. Bản chất quá trình quang hợp và quá trình hô hấp. Mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp. Cơ chế và ý nghĩa của chu trình Calvin; quá trình đường phân và chu trình Krebs.

- Quá trình tổng hợp và phân giải chất béo.

- Mô tả cấu tạo và chức năng của các hợp chất thứ cấp trong thực vật.

- Mối liên quan giữa các nhóm chất protein, glucid, lipid và một số chất có nguồn gốc thứ cấp trong trao đổi chất.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Bài mở đầu	1,0	1,0					2,0
1.1. Khái niệm chung về hóa sinh học	0,5	0,5					
1.2. Mối liên quan giữa hóa sinh học với các môn học chuyên ngành khác	0,5	0,5					
Chương 2. Trao đổi chất và năng lượng sinh học	2,5	2,5					5,0
2.1. Khái niệm chung về sự trao đổi chất	0,5	0,5					
2.2. Năng lượng của trao đổi chất	0,5	0,5					
2.3. Đặc tính năng lượng sinh học	0,5	0,5					
2.4. Các hợp chất cao năng	1,0	1,0					
Chương 3. Enzyme và chất xúc tác sinh học	6,0	6,0			0,5		12,0
3.1. Khái niệm về enzyme	0,5	0,5					
3.2. Cấu tạo của enzyme	0,5	0,5					
3.3. Cấu trúc và trung tâm hoạt động của enzyme	1,0	1,0					
3.4. Tính đặc hiệu của enzyme	1,0	1,0					
3.5. Cơ chế tác động của enzyme	0,5	0,5					
3.6. Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt tính xúc tác của enzyme	1,5	1,5			0,5		
3.7. Cách gọi tên và phân loại enzyme	1,0	1,0					
Chương 4. Carbohydrate và sự trao đổi carbohydrate	6,0	6,0					12,0
4.1. Cấu tạo, tính chất và vai trò của	1,0	1,0					

carbohydrate							
4.2. Hóa sinh quang hợp	3,0	3,0					
4.3. Sự phân giải carbohydrate	2,0	2,0					
Chương 5. Protein và sự trao đổi protein	5,0	5,0					
5.1. Cấu tạo, tính chất và phân loại protein	1,0	1,0					
5.2. Quá trình khử nitrate	0,5	0,5					
5.3. Quá trình cố định nitơ phân tử	0,5	0,5					
5.4. Sinh tổng hợp aminoacid	0,5	0,5					
5.5. Các đường hướng giải độc NH ₃ - Chu trình Ornithin	0,5	0,5					
5.6. Các đường hướng biến đổi aminoacid	0,5	0,5					
5.7. Sinh tổng hợp và phân giải protein	1,5	1,5					
Chương 6: Lipid và sự trao đổi lipid	4,5	4,5			0,5		9,0
6.1. Cấu tạo, tính chất của lipid	1,0	1,0					
6.2. Sinh tổng hợp triacylglycerid	1,0	1,0					
6.3. Phân giải triacylglycerid	1,5	1,5			0,5		
6.4. Chu trình Glioxilate	0,5	0,5					
6.5. Sinh tổng hợp và phân giải phospholipid	0,5	0,5					
Chương 7. Các chất có nguồn gốc thứ cấp	4,0	4,0					8,0
7.1. Tanin	0,5	0,5					
7.2. Các acid hữu cơ	0,5	0,5					
7.3. Glycoside	0,5	0,5					
7.4. Tecpen	0,5	0,5					
7.5. Cao su và nhựa kết	0,5	0,5					
7.6. Các chất điều hòa sinh trưởng thực vật	1,5	1,5					
TỔNG	29,0				1,0		58,0

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Điểm chuẩn bị bài ở nhà, thái độ học tập có trọng số 5%.
- Điểm kiểm tra giữa học phần có trọng số 15%.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi: 1) Tự luận; 2) Vấn đáp

Cách đánh giá cần đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Thị Lệ, Võ Văn Quang (2006). *Giáo trình Hóa sinh thực vật*. NXB Nông nghiệp. TT TTTV.

2. Trần Thị Lệ, Hồ Trung Thông, Đinh Thị Hương Duyên (2016). *Giáo trình Hóa sinh đại cương*. NXB Đại học Huế. TT TTTV.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Quý Hai, Nguyễn Bá Lộc, Trần Thanh Phong, Cao Đăng Nguyên (2008). *Giáo trình Hóa sinh*. NXB Đại học Huế. TT TTTV.

2. Đoàn Suy Nghi (2012). *Giáo trình năng lượng sinh học*. NXB Đại học Huế. TT TTTV.

3. Ngô Xuân Mạnh, Vũ Kim Bảng, Nguyễn Đăng Hùng, Vũ Thị Thu (2006). *Giáo trình Hóa sinh thực vật*. NXB Nông nghiệp. TT TTTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Bài mở đầu (1 tiết)

1.1. Khái niệm chung về hóa sinh học

1.2. Mối liên quan giữa hóa sinh học với các môn học chuyên ngành khác

Chương 2. Trao đổi chất và năng lượng sinh học (2,5 tiết)

2.1. Khái niệm chung về sự trao đổi chất.

2.2. Năng lượng của trao đổi chất

2.2.1. Khái niệm về năng lượng tự do

2.2.2. Tiến trình giải phóng năng lượng của trao đổi chất

2.3. Đặc tính năng lượng sinh học

2.3.1. Đặc tính 1

2.3.2. Đặc tính 2

2.3.3. Đặc tính 3

2.4. Các hợp chất cao năng

2.4.1. Dạng enolphosphat

2.4.2. Dạng carboxylphosphat

2.4.3. Dạng phosphoamine

2.4.4. Dạng pyrophosphat

2.4.5. Dạng thioester

Chương 3. Enzyme và chất xúc tác sinh học (6 tiết)

3.1. Khái niệm về enzyme

3.2. Cấu tạo của enzyme

- 3.2.1. Cấu tạo của enzyme một thành phần
- 3.2.2. Cấu tạo của enzyme hai thành phần
 - 3.2.2.1 Apoenzyme (phần protein)
 - 3.2.2.2. Coenzyme (phần phi protein)
 - a. Các coenzym (NAD⁺/NADP⁺, FAD, FMN, Q, Cytochrome...)
 - b. Các ion kim loại
- 3.3. Cấu trúc và trung tâm hoạt động của enzyme
 - 3.3.1. Cấu trúc của enzyme (các cấu trúc bậc của protein)
 - 3.3.2. Trung tâm hoạt động của enzyme một thành phần
 - 3.3.3. Trung tâm hoạt động của enzyme hai thành phần
- 3.4. Tính đặc hiệu của enzyme
 - 3.4.1. Tính đặc hiệu cơ chất
 - 3.4.2. Tính đặc hiệu kiểu phản ứng
- 3.5. Cơ chế tác động của enzyme
 - 3.5.1. Các giai đoạn của quá trình xúc tác (3 giai đoạn)
 - 3.5.2. Sự tương tác giữa enzyme với cơ chất theo quan điểm của Fisher
 - 3.5.3. Sự tương tác giữa enzyme với cơ chất theo quan điểm của Koshland
- 3.6. Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt tính xúc tác của enzyme
 - 3.6.1. Nồng độ enzyme
 - 3.6.2. Nồng độ cơ chất
 - 3.6.3. Nhiệt độ
 - 3.6.4. pH môi trường
 - 3.6.5. Chất hoạt hóa
 - 3.6.6. Chất ức chế
 - a. Chất ức chế cạnh tranh
 - b. Chất ức chế không cạnh tranh
 - c. Chất ức chế hỗn hợp
- 3.7. Cách gọi tên và phân loại enzyme (theo kiểu phản ứng mà enzyme xúc tác)
 - 3.7.1. Cách gọi tên
 - a. Tên gọi thông thường
 - b. Tên gọi quốc tế
 - 3.7.2. Phân loại enzyme
 - 3.7.2.1. Nhóm enzyme oxy hóa khử
 - 3.7.2.2. Nhóm enzyme vận chuyển
 - 3.7.2.3. Nhóm enzyme thủy phân
 - 3.7.2.4. Nhóm enzyme phân cắt
 - 3.7.2.5. Nhóm enzyme đồng phân hóa
 - 3.7.2.6. Nhóm enzyme tổng hợp

Chương 4. Carbohydrate và sự trao đổi carbohydrate (6 tiết)

4.1. Cấu tạo, tính chất và vai trò của carbohydrate

4.1.1. Định nghĩa carbohydrate

4.1.2. Vai trò của carbohydrate

4.1.3. Cấu tạo và tính chất của monosaccharide

4.1.3.1. Định nghĩa monosaccharide

4.1.3.2. Cấu tạo của monosaccharide

4.1.3.3. Tính chất của monosaccharide

4.1.4. Cấu tạo và tính chất của oligosaccharide

4.1.4.1. Định nghĩa oligosaccharide

4.1.4.2. Cấu tạo và tính chất của một số disaccharide phổ biến trong thực vật

4.1.5. Cấu tạo và tính chất của polysaccharide

4.1.5.1. Định nghĩa polysaccharide

4.1.5.2. Cấu tạo và tính chất của một số polysaccharide phổ biến trong thực vật

4.2. Hóa sinh quang hợp

4.2.1. Định nghĩa quang hợp

4.2.2. Quang hợp gồm 4 giai đoạn nằm trong hai pha

4.2.3. Pha sáng trong quang hợp

4.2.4. Pha tối trong quang hợp

4.2.5. Hô hấp sáng- Chu trình Glycolate

4.2.6. Chu trình Hatch- Slack

4.3. Sự phân giải carbohydrate

4.3.1. Quá trình đường phân

4.3.2. Sự biến đổi tiếp theo của pyruvic acid

4.3.2.1. Sự lên men rượu và lên men lactic

4.3.2.2. Hô hấp hiếu khí (chu trình Krebs)

4.3.3. Chu trình pentosophosphate

Chương 5. Protein và sự trao đổi protein (5 tiết)

5.1. Cấu tạo, tính chất và phân loại protein

5.1.1. Cấu tạo phân tử của protein

5.1.1.1. Thành phần nguyên tố

5.1.1.2. Đơn vị cấu tạo cơ bản của protein

5.1.1.3. Các bậc cấu trúc protein

5.1.2. Tính chất của protein

5.1.2.1. Tính lưỡng tính

5.1.2.2. Tính chất hóa học

5.1.2.3. Tính đặc hiệu sinh học

- 5.1.3. Phân loại protein
 - 5.1.3.1. Phân loại theo hình dạng
 - 5.1.3.2. Phân loại theo thành phần hóa học
- 5.2. Quá trình khử nitrate
- 5.3. Quá trình cố định nitơ phân tử
- 5.4. Sinh tổng hợp aminoacid
- 5.5. Các đường hướng giải độc NH_3 - Chu trình Ornithin
- 5.6. Các đường hướng biến đổi aminoacid
- 5.7. Sinh tổng hợp và phân giải protein

Chương 6. Lipid và sự trao đổi lipid (4,5 tiết)

- 6.1. Cấu tạo, tính chất của lipid
 - 6.1.1. Cấu tạo, tính chất của lipid đơn giản
 - 6.1.1.1 Triacylglyceride
 - 6.1.1.2. Sáp
 - 6.1.1.3. Steroid
 - 6.1.2. Cấu tạo, tính chất của lipid phức tạp
 - 6.1.2.1. Phospholipid
 - 6.1.2.2. Glycolipid
- 6.2. Sinh tổng hợp triacylglyceride
 - 6.2.1. Sinh tổng hợp glycerolphosphate
 - 6.2.2. Sinh tổng hợp acid béo có số nguyên tử carbon chẵn
- 6.3. Phân giải triacylglyceride
 - 6.3.1. Phân giải glycerine
 - 6.3.2. Phân giải acid béo no, có số nguyên tử carbon chẵn
 - 6.3.3. Phân giải acid béo chưa bão hòa
 - 6.3.4. Phân giải acid béo có số nguyên tử carbon lẻ
 - 6.3.5. Tính năng lượng (ATP) khi phân giải các acid béo và chất béo
- 6.4. Chu trình Glioxylate
- 6.5. Sinh tổng hợp và phân giải phospholipid

Chương 7. Các chất có nguồn gốc thứ cấp (4 tiết)

- 7.1. Tannine
- 7.2. Các acid hữu cơ
- 7.3. Glycoside
- 7.4. Terpen
- 7.5. Cao su và nhựa kết
- 7.6. Các chất điều hòa sinh trưởng thực vật
 - 7.6.1. Các chất kích thích sinh trưởng
 - 7.6.2. Các chất ức chế sinh trưởng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Trần Thị Lệ**

Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên Cao cấp

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Tại Bộ môn Sinh lý – Sinh hóa thực vật, khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 02343525544 (CQ) – 0986999141 (DĐ); Email: tranthile@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nuôi cấy mô tế bào thực vật; Nghiên cứu các giống lúa theo hướng năng suất, chất lượng và chống chịu; Phục tráng giống lúa và khoai sọ.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Đinh Thị Hương Duyên**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Tại Bộ môn Lâm sinh, khoa Lâm nghiệp - Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 0905559901 (DĐ); Email: dingthihuongduyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật Lâm sinh, Di truyền thực vật.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Trung**

Học hàm học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Tại Bộ môn Sinh lý – Sinh hóa thực vật, khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 02343525544 (CQ); Email: nguyentrung@huaf.edu.vn

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Trần Thị Hương Sen**

Học hàm học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Tại Bộ môn Sinh lý – Sinh hóa thực vật, khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 0974126026 (DĐ); Email: tranthihuongsen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu các quá trình sinh lý, sinh hóa và biện pháp kỹ thuật tác động, điều khiển nhằm tăng năng suất và phẩm chất cây trồng; Nghiên cứu các đặc điểm sinh lý, sinh hóa tính chống chịu của cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Giảng viên 5:

Họ và tên: **Phùng Lan Ngọc**

Học hàm học vị: Kỹ sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Tại Bộ môn Sinh lý – Sinh hóa thực vật, khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 01683654382 (DD); Email: phunglanngoc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật trồng trọt; Công nghệ sinh học.

Giảng viên 6:

Họ và tên: **Văn Thị Yên**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0985.538.378; Email: vanthiyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đa dạng sinh học và bảo tồn TNTN

Giảng viên 7:

Họ và tên: Lê Thị Thu Hà

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Chế biến lâm sản, khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: CQ (khoa LN): 054.3529137; DD 0168.8888.681; Email: lenthithuha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các chính sách liên quan đến môi trường và lâm nghiệp; Lâm nghiệp cộng đồng; Quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học; Công nghệ khai thác và chế biến lâm sản

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

TM. Tập thể Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Trần Đăng Hòa

PGS.TS. Trần Thị Lệ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thực hành Sinh lý thực vật (Practical Plant Physiology)
- Mã học phần: NHOC31161
- Số tín chỉ: 01
- Phân bổ thời gian:
Gồm 15 x 2 tiết thực hành thực tập ở trong phòng thí nghiệm; Số bài học: 6 bài.
- Điều kiện tiên quyết: Sinh học (Mã HP: CBAN11803)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Thực hành Sinh lý thực vật đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành Khoa học đất, Lâm nghiệp đô thị và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

* **Kiến thức:**

Minh họa, bổ sung các kiến thức liên quan đến thực tiễn mà phạm vi học phần lý thuyết không đề cập hết được. Biết được phương pháp xác định các chỉ tiêu cần thiết trong nghiên cứu Sinh lý thực vật.

Có khả năng liên hệ, vận dụng tốt kiến thức Thực hành Sinh lý thực vật để điều chỉnh sự sinh trưởng và phát triển cây trồng theo hướng có lợi cho con người..

Biết phân tích và vận dụng linh hoạt kiến thức Thực hành Sinh lý thực vật để làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành, chuyên ngành mà bản thân theo học.

* **Kỹ năng:**

Có khả năng kết hợp tốt giữa kiến thức lý thuyết với việc phân tích và thực hiện các thao tác thí nghiệm nghiên cứu Sinh lý thực vật.

Kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, chuẩn bị và thực hiện một vấn đề chuyên môn.

Thực hiện tốt các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tiễn, hiểu và phân tích kiến thức cũng như kỹ năng thực hành của một cá nhân khác để học tập suốt đời.

* **Thái độ:**

Rèn luyện tính tự giác, chủ động và nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

Có sáng kiến và cải tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực bản thân, thích nghi với các môi trường làm việc.

Ý thức trách nhiệm với công việc với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, siêng năng nghiêm túc và trung thực, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Những nội dung chính của học phần Thực hành Sinh lý thực vật là thực hiện các thí nghiệm có liên quan đến phần lý thuyết, gồm: Sinh lý tế bào thực vật; Sự trao đổi nước của thực vật; Quang hợp của thực vật; Hô hấp của thực vật; Dinh dưỡng khoáng và nitơ của thực vật; Sinh trưởng và phát triển của thực vật.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Bài mở đầu - Giới thiệu thực hành Sinh lý thực vật	1					1	1
Bài 1: Sinh lý tế bào thực vật	4					4	4
1.1. TN1: Hiện tượng co nguyên sinh và phản co nguyên sinh						0,5	
1.2. TN2: Tính thấm của chất nguyên sinh sống và chết						0,5	
1.3. TN3: Tìm hiểu ảnh hưởng của K^+ và Ca^{2+} đến độ nhớt chất nguyên sinh theo phương pháp co nguyên sinh						0,5	
1.4. TN4: Tế bào nhân tạo TRÔ-BE						0,5	
1.5. TN5: Quan sát hiện tượng nguyên sinh chất trương lên trong nước						0,5	
1.6. TN6: Hiện tượng ngưng kết của dung dịch keo nguyên sinh chất						0,5	
1.7. TN7: Xác định áp suất thẩm thấu của tế bào theo phương pháp co nguyên sinh						0,5	
1.8. TN8: Xác định sức hút nước của tế bào theo phương pháp SAC-ĐA-CÔP						0,5	
Bài 2: Sự trao đổi nước của thực vật (chọn 4-5 trong 10 TN, mỗi TN thực hiện trong 0,4-0,5 tiết)	2					2	2
2.1. TN1: Quan sát hiện tượng ứ giọt và chảy nhựa							
2.2. TN2: Xác định thể tích bộ rễ							
2.3. TN3: Quan sát và xác định các miền sinh trưởng của rễ							
2.4. TN4: Quan sát sự vận động của khí khổng dưới kính hiển vi							
2.5. TN5: Xác định cường độ thoát hơi nước theo phương pháp cân nhanh							
2.6. TN6: Đánh giá khả năng chịu hạn theo khả năng giữ nước của lá							
2.7. TN7: Đánh giá khả năng chịu hạn bằng cách gây hạn nhân tạo							
2.8. TN8: Đánh giá khả năng chịu hạn bằng các phương pháp hóa học							

2.9. TN9: Đánh giá khả năng chịu hạn bằng cách xác định hệ số héo							
2.10. TN10: Sự vận chuyển nước trong mạch gỗ							
Bài 3: Quang hợp của thực vật (chọn 8-9 trong 12 TN, mỗi TN thực hiện trong 0,4-0,5 tiết)	4					4	4
3.1. TN1: Chiết rút sắc tố của lá xanh							
3.2. TN2: Phân ly sắc tố theo phương pháp Craus							
3.3. TN3: Một số tính chất hoá học của diệp lục							
3.4. TN4: Định lượng sắc tố theo phương pháp đo mật độ quang							
3.5. TN5: Các phương pháp xác định diện tích lá							
3.6. TN6: Xác định chỉ số diện tích lá							
3.7. TN7: Xác định khối lượng diện tích lá							
3.8. TN8: Xác định khả năng tích lũy chất khô							
3.9. TN9: Xác định hiệu suất quang hợp theo phương pháp Nhitriporovich							
3.10. TN10: Xác định sản phẩm của quang hợp							
3.11. TN11: Xác định các loại thực vật C ₃ , C ₄ và CAM bằng hình thái giải phẫu lá							
3.12. TN12: Xác định khả năng tích lũy chất khô, năng suất sinh vật, năng suất kinh tế, hệ số kinh tế							
Bài 4: Hô hấp của thực vật (chọn 2 trong 4 TN, mỗi TN thực hiện trong 0,5 tiết)	1					1	1
4.1. TN1: Phát hiện và xác định lượng CO ₂ thải ra trong quá trình hô hấp							
4.2. TN2: Xác định lượng O ₂ sử dụng trong hô hấp hiếu khí của hạt							
4.3. TN3: Xác định khả năng hô hấp theo phương pháp CONWAY							
4.4. TN4: Đánh giá tình trạng hô hấp của hạt theo phương pháp xác định khối lượng khô							
Bài 5: Dinh dưỡng khoáng và nitơ của thực vật (chọn 2-3 trong 5 TN, mỗi TN thực hiện 0,3-0,5 tiết)	1					1	1
5.1. TN1: Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu sinh lý dinh dưỡng khoáng							
5.2. TN2: Nghiên cứu vai trò sinh lý của các nguyên tố khoáng							
5.3. TN3: Đánh giá sự thiếu hụt dinh dưỡng khoáng qua hình ảnh và trên đồng ruộng							
5.4. TN4: Xác định khả năng chịu mặn theo mức							

độ hư hại do muối							
5.5. TN5: Xác định khả năng chịu mặn bằng cách gây mặn nhân tạo							
Bài 6: Sinh trưởng và phát triển của thực vật (chọn 1 trong 2 phương án)	2					2	2
6.1. Phương án 1						2	2
6.1.1: TN1: Xác định thời gian hoàn thành các giai đoạn sinh trưởng các loại cây trồng						0,5	
6.1.2. TN2: Ảnh hưởng của nồng độ auxin đến sinh trưởng rễ cây						0,5	
6.1.3. TN3: Ảnh hưởng của nồng độ gibberrellin đến sự tăng trưởng chiều cao cây và chiều dài lá						0,5	
6.1.4. TN4: Xác định các chỉ tiêu sinh lý nảy mầm của hạt giống						0,5	
6.2. Phương án 2						2	2
- Đi thực tế, dã ngoại để quan sát và giải thích các biểu hiện sinh trưởng phát triển của cây						2	
TỔNG	15					15	15

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điều kiện

Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 30% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm kiểm tra theo định kỳ chiếm 30% trọng số điểm như sau: Đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10 của 3 bài kiểm tra thực hành rồi chia và lấy giá trị trung bình.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần thực hành (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi vấn đáp: Đề thi có 1 câu với thời gian thi theo quy định của nhà trường. Câu hỏi theo hướng trình bày các bước tiến hành, nguyên lý, dụng cụ, nguyên liệu và hóa chất, giải thích kết quả của một thí nghiệm đã học. Cách đánh giá sinh viên được vận dụng linh hoạt theo chuẩn đầu ra và chủ yếu ở mức hiểu và vận dụng kiến thức vào một vấn đề được học trong thực tiễn nghề nghiệp.

Bài thi đánh giá kết thúc học phần được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, sau đó sẽ quy đổi theo quy định của nhà trường. Lịch thi kết thúc học phần do phòng Đào tạo đại học, Nhà trường quy định.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đình Thi (2017). *Bài giảng Thực hành Sinh lý thực vật*. Trường Đại học Nông Lâm Huế, Huế. Bộ môn SLSHTV.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Đình Thi, Hồng Bích Ngọc, Đàm Thị Huế (2013), *Giáo trình Sinh lý thực vật*. Nxb Đại học Huế. TT TTTV.

3. Hoàng Minh Tấn, Nguyễn Quang Thạch, Vũ Quang Sáng (2006). *Giáo trình sinh lý thực vật*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. Bộ môn SLSHTV.

4. Vũ Quang Sáng (2007). *Giáo trình sinh lý thực vật ứng dụng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.

5. Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Thuận Châu (2005). *Giáo trình sinh lý thực vật*. Nxb Hà Nội, Hà Nội. TT TTTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

Bài mở đầu – Giới thiệu thực hành Sinh lý thực vật

1. Thực hành sinh lý thực vật là gì?
 - a. Khái niệm
 - b. Đối tượng, nội dung môn học
2. Tại sao phải học thực hành sinh lý thực vật?
 - a. Vai trò của môn học
 - b. Vị trí của môn học
3. Học thực hành sinh lý thực vật như thế nào?
 - a. Nhiệm vụ của môn học
 - b. Trình tự một buổi thực hành
 - c. Giới thiệu cách sử dụng tài liệu học tập
4. Phương thức đánh giá kết quả thực hành

Bài 1: Sinh lý tế bào thực vật

- 1.1. Thí nghiệm 1: Hiện tượng co nguyên sinh và phản co nguyên sinh
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 1.2. Thí nghiệm 2: Tính thấm của chất nguyên sinh sống và chết
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 1.3. Thí nghiệm 3: Tìm hiểu ảnh hưởng của K^+ và Ca^{2+} đến độ nhớt của chất nguyên sinh theo phương pháp co nguyên sinh
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 1.4. Thí nghiệm 4: Tế bào nhân tạo TRÔ-BE
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành

- d. Câu hỏi
- 1.5. Thí nghiệm 5: Quan sát hiện tượng nguyên sinh chất trương lên trong nước
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 1.6. Thí nghiệm 6: Hiện tượng ngưng kết của dung dịch keo nguyên sinh chất
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 1.7. Thí nghiệm 7: Xác định áp suất thẩm thấu của tế bào theo phương pháp co nguyên sinh
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 1.8. Thí nghiệm 8: Xác định sức hút nước của tế bào theo phương pháp SAC-ĐA-CÔP
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi

Bài 2: Sự trao đổi nước của thực vật (chọn 4-5 thí nghiệm trong 10 thí nghiệm)

- 2.1. Thí nghiệm 1: Quan sát hiện tượng ứ giọt và chảy nhựa
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.2. Thí nghiệm 2: Xác định thể tích bộ rễ
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.3. Thí nghiệm 3: Quan sát và xác định các miền sinh trưởng của rễ
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.4. Thí nghiệm 4: Quan sát sự vận động của khí không dưới kính hiển vi
 - a. Nguyên lý thí nghiệm

- b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.5. Thí nghiệm 5: Xác định cường độ thoát hơi nước theo phương pháp cân nhanh
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.6. Thí nghiệm 6: Đánh giá khả năng chịu hạn theo khả năng giữ nước của lá
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.7. Thí nghiệm 7: Đánh giá khả năng chịu hạn bằng cách gây hạn nhân tạo
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.8. Thí nghiệm 8: Đánh giá khả năng chịu hạn bằng các phương pháp hóa học
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.9. TN9: Đánh giá khả năng chịu hạn bằng cách xác định hệ số héo
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 2.10. TN10: Sự vận chuyển nước trong mạch gỗ
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi

Bài 3: Quang hợp của thực vật (chọn 8-9 thí nghiệm trong 12 thí nghiệm)

- 3.1. Thí nghiệm 1: Chiết rút sắc tố của lá xanh
- a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi

- 3.2. Thí nghiệm 2: Phân ly sắc tố theo phương pháp Craus
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.3. Thí nghiệm 3: Một số tính chất hoá học của diệp lục
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.4. Thí nghiệm 4: Định lượng sắc tố theo phương pháp đo mật độ quang
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.5. Thí nghiệm 5: Các phương pháp xác định diện tích lá
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.6. Thí nghiệm 6: Xác định chỉ số diện tích lá
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.7. Thí nghiệm 7: Xác định khối lượng diện tích lá
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.8. Thí nghiệm 8: Xác định khả năng tích lũy chất khô
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.9. Thí nghiệm 9: Xác định hiệu suất quang hợp theo phương pháp Nhitriporovich
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành

- d. Câu hỏi
- 3.10. Thí nghiệm 10: Xác định sản phẩm của quang hợp
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.11. Thí nghiệm 11: Xác định các loại thực vật C_3 , C_4 và CAM bằng hình thái giải phẫu lá
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 3.12. Thí nghiệm 12: Xác định khả năng tích lũy chất khô, năng suất sinh vật, năng suất kinh tế, hệ số kinh tế
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi

Bài 4: Hô hấp của thực vật (chọn 2 trong 4 thí nghiệm)

- 4.1. Thí nghiệm 1: Phát hiện và xác định lượng CO_2 thải ra trong quá trình hô hấp
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 4.2. Thí nghiệm 2: Xác định lượng O_2 sử dụng trong hô hấp hiếu khí của hạt
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 4.3. Thí nghiệm 3: Xác định khả năng hô hấp theo phương pháp CONWAY
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 4.4. Thí nghiệm 4: Đánh giá tình trạng hô hấp của hạt theo phương pháp xác định khối lượng khô
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi

Bài 5: Dinh dưỡng khoáng và nitơ của thực vật (chọn 2-3 trong 5 thí nghiệm)

- 5.1. Thí nghiệm 1: Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu sinh lý dinh dưỡng khoáng
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 5.2. Thí nghiệm 2: Nghiên cứu vai trò sinh lý của các nguyên tố khoáng
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 5.3. Thí nghiệm 3: Đánh giá sự thiếu hụt dinh dưỡng khoáng qua hình ảnh và trên đồng ruộng
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 5.4. Thí nghiệm 4: Xác định khả năng chịu mặn theo mức độ hư hại do muối
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
- 5.5. Thí nghiệm 5. Xác định khả năng chịu mặn bằng cách gây mặn nhân tạo
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi

Bài 6: Sinh trưởng và phát triển của thực vật (chọn 1 trong 2 phương án)

- 6.1. Phương án 1
 - 6.1.1. Thí nghiệm 1: Xác định thời gian hoàn thành các giai đoạn sinh trưởng các loại cây trồng
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
 - 6.1.2. Thí nghiệm 2: Ảnh hưởng của nồng độ auxin đến sinh trưởng rễ cây
 - a. Nguyên lý thí nghiệm
 - b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
 - c. Tiến hành
 - d. Câu hỏi
 - 6.1.3. Thí nghiệm 3: Ảnh hưởng của nồng độ gibberellin đến sự tăng trưởng chiều cao cây và chiều dài lá

- a. Nguyên lý thí nghiệm
- b. Nguyên liệu, dụng cụ và hóa chất
- c. Tiến hành
- d. Câu hỏi

6.1.4. Thí nghiệm 4: Xác định các chỉ tiêu sinh lý nảy mầm của hạt giống

6.2. Phương án 2

Đi thực tế, dã ngoại để quan sát và giải thích các biểu hiện STPT của cây

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Đình Thi**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên, Tiến sỹ Sinh lý thực vật

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0914239513; Email: nguyendinhthi@huaf.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu các quá trình sinh lý và biện pháp kỹ thuật điều khiển tăng năng suất và chất lượng cây trồng; Nghiên cứu sử dụng NTVL và chất ĐHST hợp lý cho cây; Thực trạng và biện pháp tác động cải thiện sức khỏe hạt giống; Nghiên cứu làm tăng thích ứng của cây trồng trong các điều kiện sinh thái và sự biến đổi khí hậu góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất; Tạo chế phẩm phân bón lá, phân bón sinh học và ứng dụng chúng trong trồng trọt.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hồng Bích Ngọc**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Thạc sỹ Khoa học Sinh học.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: VP Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 0915468619; Email: hongbichngoc@huaf.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu đặc điểm sinh lý liên quan đến tính chịu hạn của cây Lâm nghiệp; Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của rừng trồng.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Đàm Thị Huế**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Khoa học Nông nghiệp.

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Khoa Nông học, ĐHNL Huế; 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại: 02343525544 (CQ); Email: damthihue@huaf.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố khí hậu với sự sinh trưởng, phát triển cũng như năng suất của các loại cây trồng nông nghiệp.

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Nguyễn Lan Phương**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Nghiên cứu viên dạy thực hành

Thời gian, địa điểm làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 tại Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp, Trường ĐHNL Huế, 102-Phùng Hưng, tp. Huế; Điện thoại ĐD: 0914.760.855; Email: nguyenlanphuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Thổ nhưỡng, Sinh lý thực vật, Hóa sinh thực vật, Di truyền thực vật

Giảng viên 5:

Họ và tên: **Đinh Thị Hương Duyên**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ-Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh- Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng Huế; 63 Đào Duy Từ-Huế

Điện thoại, email: dinhthihuongduyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hóa sinh thực vật; Di truyền thực vật

Giảng viên 6:

Họ và tên: **Đỗ Thị Thu Ái**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp đô thị, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm nghiệp đô thị, Khoa Lâm nghiệp trường ĐHNL Huế

Điện thoại: 01654551766 Email: dothithuai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Lâm nghiệp đô thị, hoạch cảnh quan đô thị, thiết kế cảnh quan cây xanh đô thị.

Giảng viên 7:

Họ và tên: **Vũ Thị Thùy Trang**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại khoa lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế). Điện thoại: 0905655905 Email: vuthithuytrang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm sinh, Lâm nghiệp xã hội, Luật và chính sách trong lâm nghiệp, Đánh giá tác động môi trường, Ứng dụng GIS trong LN, Cảnh quan đô thị.

Giảng viên 8:

Họ và tên: **Võ Quang Anh Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế.

Địa chỉ liên hệ: Điện thoại: 0906284535 Email: voquanganhtuan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Trồng rừng, giống cây rừng, công nghệ sinh học.

Duyệt

Trưởng Khoa

TM. Tập thể Giảng viên

Hiệu trưởng

(Ký ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Trần Đăng Hòa

TS. Nguyễn Đình Thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thổ nhưỡng (Soil Science)

- Mã học phần: NHOC 31082

- Số tín chỉ: 2

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

Số chương học: 4 chương.

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo: 5 tiết;

Số bài học: 2 bài.

- Điều kiện tiên quyết: Phải hoàn thành học phần Hóa học (CBAN 10304), Vật lý (CBAN 12303), Sinh học (CBAN 11803).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Thổ nhưỡng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng, Nông học, Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau hoa quả cảnh quan, Quản lý đất đai, Khoa học đất, Lâm nghiệp đô thị, Quản lý rừng và Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức: Sau khi học tập và nghiên cứu học phần này, sinh viên sẽ có những kiến thức cần thiết về nguồn gốc phát sinh, phát triển của đất và những tính chất hóa học, lý học cơ bản của đất, có những hiểu biết tốt về đặc điểm các loại đất chính vùng đồi núi và đồng bằng Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, tiếp cận dễ dàng để nghiên cứu chuyên sâu về đất, đồng thời biết áp dụng những kiến thức cơ bản về thổ nhưỡng vào thực tế sản xuất nông lâm nghiệp.

- Kỹ năng: Sinh viên phải vận dụng được kiến thức thổ nhưỡng để nghiên cứu về đất, phân loại đất, quy hoạch sử dụng đất; nghiên cứu về nông hóa, sinh lý thực vật, canh tác học, kỹ thuật trồng trọt, đồng thời biết áp dụng những kiến thức thổ nhưỡng vào thực tế sản xuất; Kỹ năng tự chủ trong công việc.

- Thái độ: rèn luyện tính cẩn thận, ý thức trách nhiệm, siêng năng, chăm chỉ; phương pháp làm việc khoa học và khả năng làm việc theo nhóm.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung học phần gồm có 4 chương như sau: chương 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguồn gốc và sự hình thành đất; chương 2 và 3 cung cấp cho sinh viên về hóa tính đất và lý tính đất; chương 4 sẽ giới thiệu cho sinh viên những đặc điểm và tính chất của các loại đất chính ở Việt Nam.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						Thực hành	Tự học
	Lên lớp							
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra			
Chương 1. Nguồn gốc và sự hình thành đất	8	8						16
1.1. Khái niệm về đất	0,5	0,5						
1.2. Các khoáng vật và đá hình thành đất	2	2						
1.3. Sự phong hóa đá và sự hình thành đất	3,5	3,5						
1.4. Thành phần cơ giới đất	2	2						
Chương 2. Hóa tính đất	8	8				2,5		16
2.1. Chất hữu cơ của đất	2	2						
2.2. Thành phần hóa học đất và chất dinh dưỡng đối với cây	1	1						
2.3. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất	2	2						
2.4. Dung dịch đất	3	3						
Chương 3. Lý tính đất	4	4				2,5		8
3.1. Kết cấu đất	1	1						
3.2. Một số tính chất vật lý và cơ lý của đất	1	1						
3.3. Nước trong đất	2	2						
Chương 4. Các loại đất chính của Việt Nam	5	5						10
4.1. Các loại đất chính vùng đồi núi Việt Nam	2,5	2,5						
4.2. Các loại đất vùng đồng bằng Việt Nam.	2,5	2,5						
Tổng số	25	25				5		50

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Đánh giá qua 2 bài thực hành, tính điểm trung bình 2 bài thực hành.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi 1: Tự luận, hình thức thi 2: Vấn đáp.

Thời gian thi 60 phút, gồm có 2 câu. Câu đánh giá theo cấp độ: nhớ 70% điểm; hiểu 10%, áp dụng 5%, phân tích 5%, đánh giá 5%; sáng tạo 5%.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Thanh Bồn (2006), *Giáo trình Thổ nhưỡng học*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội. TT TTTV.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thanh Đức (chủ biên), Nguyễn Phúc Khoa (2014), *Giáo trình Đất Việt Nam và xây dựng bản đồ đất*, Nhà xuất bản Đại học Huế. TT TTTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Nguồn gốc và sự hình thành đất

- 1.1. Khái niệm về đất
- 1.2. Các khoáng vật và đá hình thành đất
 - 1.1.1. Khoáng vật
 - 1.1.2. Các loại đá hình thành đất
- 1.3. Sự phong hóa đá và sự hình thành đất
 - 1.3.1. Sự phong hóa đá
 - 1.3.2. Quá trình hình thành đất
 - 1.3.3. Hình thái đất
 - 1.3.4. Một số quá trình chính thường xảy ra trong đất
- 1.4. Thành phần cơ giới đất
 - 1.4.1. Khái niệm chung về thành phần cơ giới đất
 - 1.4.2. Các cấp hạt trong đất
 - 1.4.3. Đặc tính cơ bản của các cấp hạt:
 - 1.4.4. Phân loại đất theo thành phần cơ giới.

Chương 2. Hóa tính đất

- 2.1. Chất hữu cơ của đất
 - 2.1.1. Nguồn gốc và thành phần của chất hữu cơ trong đất.
 - 2.1.2. Quá trình biến đổi chất hữu cơ trong đất
- 2.2. Thành phần hóa học đất và chất dinh dưỡng đối với cây
 - 2.2.1. Thành phần các nguyên tố trong đất
 - 2.2.2. Chất dinh dưỡng đối với cây
- 2.3. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất
 - 2.3.1. Keo đất

2.3.2. Khả năng hấp phụ của đất

2.4. Dung dịch đất

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Vai trò của dung dịch đất

2.4.3. Đặc tính của dung dịch đất

Chương 3. Lý tính đất

3.1. Kết cấu đất

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Sự hình thành hạt kết đất.

3.1.3. Vai trò của kết cấu đối với đất và cây.

3.1.4. Biện pháp duy trì và cải thiện kết cấu đất.

3.2. Một số tính chất vật lý và cơ lý của đất

3.2.1. Tỷ trọng đất

3.2.2. Dung trọng đất

3.2.3. Độ xốp của đất

3.2.4. Tính liên kết của đất

3.2.5. Tính dính của đất

3.2.6. Tính dẻo của đất

3.2.7. Tính trương và tính co của đất

3.2.8. Sức cản của đất

3.3. Nước trong đất

3.3.1. Vai trò của nước trong đất

3.3.2. Các dạng nước trong đất

3.3.3. Các hằng số nước của đất

3.3.4. Cách tính trữ lượng nước trong đất

Chương 4. Các loại đất chính của Việt Nam

4.1. Các loại đất chính vùng đồi núi Việt Nam

4.1.1. Nhóm đất đỏ (F) - Ferralsols (FR)

4.1.2. Nhóm đất xám (X) - Acrisols (AC)

4.2. Các loại đất vùng đồng bằng Việt Nam.

4.2.1. Đất phù sa (P) - Fluvisols (FL)

4.2.2. Đất cát (C) - Arenosols (AR)

4.2.3. Đất mặn (M) Salic Fluvisols (FLS) hoặc Solonchaks (SC)

4.2.4. Đất phèn (đất chua mặn) (S) - Thionic Fluvisols (FLt)

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Đào phẫu diện đất và xác định thành phần cơ giới ngoài đồng (2,5 tiết)

- 1.1. Giới thiệu nguyên tắc và phương pháp
- 1.2. Tiến hành đào phẫu diện
- 1.3. Mô tả phẫu diện, xác định thành phần cơ giới
- 1.4. Báo cáo, đánh giá kết quả

Bài 2: Xác định pH và mùn của đất theo phương pháp Tiurin (2,5 tiết)

- 2.1. Giới thiệu nguyên tắc và phương pháp
- 2.2. Thủ tục tiến hành
- 2.3. Báo cáo, đánh giá kết quả

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Lê Thanh Bôn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Khoa Tài nguyên Đất & MTNN.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Khoa Tài nguyên Đất & MTNN.

Điện thoại: 0914 145062; email: lethanhbon@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Phân loại đất và lập bản đồ đất; Độ phì đất, Đánh giá và phân tích các chỉ tiêu độ phì đất; Xác định yếu tố hạn chế của độ phì đất; Dinh dưỡng cây trồng; Môi trường đất.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Lê Đình Huy

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Tài Nguyên Đất và MTNN

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài Nguyên Đất và MTNN

Điện thoại: 01688290026 Email: ledinhhuynh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xói mòn đất, thoái hóa dinh dưỡng đất.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trần Thanh Đức

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Khoa Tài nguyên Đất & MTNN

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Khoa Tài nguyên Đất & MTNN.

Điện thoại: 0914 202428 email: tranthanhduduc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Độ phì đất, quản lý tài nguyên, môi trường.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Dương Việt Tình

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm Sinh

Điện thoại: 0903512070 email: duongviettin@ huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

1. Nông lâm kết hợp
2. Quản lý đất lâm nghiệp

Giảng viên 5:

Họ và tên: Trần Thị Thúy Hằng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm sinh, Khoa lâm nghiệp

Điện thoại: 0989229872 email: tranthithuyhang77@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Đất Lâm nghiệp; Quản lí sử dụng đất lâm nghiệp; Trồng rừng.

Giảng viên 6:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đức

Chức danh, học hàm, học vị: TS, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục – Trường Đại học Nông Lâm.

Địa chỉ liên hệ: 102 – Phùng Hưng, Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại, email: 096 332 77 55, nguyenvanduc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

- Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm chống hạn, xói mòn cho cây trồng.
- Nghiên cứu kỹ thuật và chế độ tưới tiêu nước cho cây trồng và quản lý nguồn nước trong nông nghiệp.
- Nghiên cứu về thổ nhưỡng, phân bón và biến đổi khí hậu với sản xuất cây trồng.

Giảng viên 7:

Họ và tên: Nguyễn Trung Hải

Chức danh, học hàm, học vị: TS, Giảng viên

Bộ môn Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Khoa Tài nguyên Đất & MTNN

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Khoa Tài nguyên Đất & MTNN.

Điện thoại: email: nguyentrunghai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Độ phì đất, quản lý tài nguyên, môi trường.

Giảng viên 8:

Họ và tên: **Hoàng Dương Xô Việt**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội – Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: 42/89 Duy Tân, Phường An Cựu, Thành phố Huế

Điện thoại: 0949.020505 Email: hoangduongxoviet@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp; Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao; Hệ thống nông lâm kết hợp

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS. TS. Lê Văn An

PGS. TS. Trần Đăng Hòa

TM nhóm giảng viên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thực vật rừng (**Forest botany**)
- Mã học phần: (LNGH25302)
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 20 tiết; Số chương: 04;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: 03 bài
- Điều kiện tiên quyết: Hình thái phân loại thực vật (LNGH12102)

2. Mục tiêu của học phần (cần bám sát chuẩn đầu ra và ma trận chung của CTĐT để xác định mục tiêu học phần)

Học phần Thực vật rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành chế biến lâm sản như sau:

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm vững kiến thức về thành phần, nguyên lý, cơ chế, cấu trúc, hệ thống, động thái, quy luật phổ biến của tài nguyên - môi trường rừng và tài nguyên đa dạng sinh học;
- Nắm vững kiến thức về công nghệ và pháp luật trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường rừng;
- Nắm vững và áp dụng kiến thức điều tra, phân tích, đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng, quy hoạch, thiết kế và đề xuất các giải pháp khả thi trong bảo vệ và phát triển rừng;
- Nắm vững và áp dụng kiến thức về phát triển tài nguyên rừng bền vững trên 3 phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường;
- Nắm vững và áp dụng kiến thức về quản lý bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp tài nguyên và môi trường rừng phù hợp trên 3 phương diện: pháp lý, lý luận và thực tiễn.

2.1.2. Kiến thức hỗ trợ

- Có kiến thức hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp nói chung và QLTNR nói riêng.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp

- Nhận biết được các nguồn tài nguyên, các giá trị, các nhân tố ảnh hưởng và các mối đe dọa đến tài nguyên và môi trường rừng;
- Phân loại được các loại rừng, đất rừng, thực vật rừng, động vật rừng, côn trùng rừng, vi sinh vật rừng có ích, sinh vật hại rừng và các loại lâm sản, đặc sản rừng;
- Thành thạo trong giám định mẫu vật, tra cứu tài liệu và sử dụng các bộ công cụ chuyên môn trong phân tích, đánh giá kết quả trong thực nghiệm khoa học, điều tra chuyên ngành, đánh giá giá tác động môi trường, quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học;

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, tổ chức, duy trì hoạt động và phát triển nhóm; chia sẻ, hợp tác trong công việc và thông tin với các nhóm khác có liên quan;

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: lập kế hoạch, điều hành, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp; phát huy trí tuệ tập thể; công bằng, minh bạch, gương mẫu và phát huy dân chủ trong tập thể;

- Kỹ năng hiện trường: khắc phục, xử lý được những khó khăn, thiếu thốn và cả những rủi ro trong hoạt động hiện trường bằng năng lực cá nhân, các nguồn lực hiện có và nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi tác nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm từ thực tiễn và tài liệu chuyên môn;

- Có năng lực đánh giá và phản biện các hoạt động hay vấn đề liên quan đến QLTNR.

- Tổ chức triển khai hay tham gia các đề tài nghiên cứu và tư vấn về quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...

2.3.2. Phẩm chất đạo đức

2.3.2.1. Thái độ và đạo đức cá nhân

- Sống trung thực, khách quan và có trách nhiệm.

- Có lập trường, chính kiến, không thỏa hiệp, khoan nhượng với cái xấu.

- Ham học hỏi; nói đi đôi với làm; có ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên;

- Không vi phạm pháp luật, có ý thức cộng đồng và không làm tổn hại đến danh dự, lợi ích chính đáng của tổ chức/cá nhân khác.

2.3.2.2. Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy.

- Tuân thủ nguyên tắc và các yêu cầu trong công việc;

- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, tôn trọng và sẵn sàng phục vụ công chúng.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: (mô tả vắn tắt nội dung học phần khoảng 200 từ, bám sát tên các Chương, các phần cốt lõi của học phần sẽ giảng dạy)

Môn học sẽ giới thiệu và cung cấp những kiến thức khoa học về chuyên môn thực vật từ tổng quát đến cụ thể các họ, chi loài thực vật có ý nghĩa về mặt bảo tồn, quản lý và phát triển trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

Chương 1: Những kiến thức cơ bản

- Sẽ cung cấp cho học viên những tài liệu liên quan đến tra cứu, nghiên cứu về thực vật, các văn bản liên quan đến quản lý, bảo tồn thực vật.

- Giới thiệu các kiến thức cơ bản về hình thái - phân loại thực vật ứng dụng trong phân loại và nhận biết thực vật rừng. Phần hình thái tập trung mô tả các bộ phận sinh dưỡng (Thân, Lá) và sinh sản (Hoa, Quả).

- Phân phân loại thực vật cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về phân loại, nguyên tắc, và các hệ thống phân loại thực vật phổ biến.

Chương 2: Những đại diện của lớp Thông; chương 3: Những đại diện thuộc lớp Ngọc lan; chương 4: Những đại diện thuộc lớp hành

Giới thiệu đến người học tổng quan các họ thực vật rừng ở Việt Nam và khu vực miền Trung thuộc các lớp này nhằm giúp học viên làm quen với cách phân loại và nhận diện các họ thực vật rừng phổ biến. Trong mỗi họ, các chi điển hình được miêu tả vắn tắt và sắp xếp theo

khóa lưỡng phân nhằm hệ thống hóa các đặc điểm điển hình, giúp cho học viên hiểu và nhận dạng được các chi, các họ trong thực tế. Một số loài thường bắt gặp ở khu vực miền Trung hoặc có giá trị đặc biệt được đưa vào bài học nhằm minh họa cho các đặc điểm của chi và họ.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những kiến thức cơ bản	15	3			2	10	
1.1. Những kiến thức liên quan đến môn học		0,5				1	
1.2. Những kiến thức cơ bản về hình thái		2				6	
1.3. Các hệ thống phân loại						1	
1.4. Danh pháp, nguyên tắt và ý nghĩa		0,5				2	
1.5. Kỹ năng thu mẫu, làm mẫu và quản lý mẫu tiêu bản					2		
Chương 2: Các đại diện thuộc lớp Thông	15	4		1	1	9	
2.1. Tổng quan chung về thực vật thuộc lớp Thông						1	
2.2. Những đại diện thuộc họ Thông		1				2	
2.3. Những đại diện thuộc họ Kim giao		1				2	
2.4. Những đại diện thuộc họ Bụt mọc		1				2	
2.5. Những đại diện thuộc họ Hoàng đàn		1		1		2	
Chương 3: Những đại diện thuộc lớp Ngọc lan	47	10	2	2	6	26	1
3.1. Tổng quan chung về thực vật thuộc lớp Ngọc lan		0,5				1	
3.2. Những đại diện thuộc phân lớp Ngọc lan: họ Ngọc lan, họ Na, họ Long não		1,5				3	
3.3. Những đại diện thuộc phân lớp Sau sau: họ Dầu tằm, họ Dẻ		1,5				3	
3.3. Những đại diện thuộc phân lớp Sô: Họ Dầu, họ Chè, họ Măng cụt, họ Trôm, họ Sến		2	1	1		5	
3.4. Những đại diện thuộc phân lớp Hoa hồng: Họ Trinh nữ, họ Vang, họ Đậu, họ Sim, họ Đước, họ Thầu dầu, họ Xoan, họ bò hòn, họ Đào lộn hột, họ Cam, họ Thị		3	1	1		11	
3.5. Những đại diện thuộc họ Cúc: họ Trúc đào, họ cà phê, họ Tềch.		1,5				3	1
Chương 4: Những đại diện thuộc lớp Hành	12	3	1		1	7	
4.1. Tổng quan về thực vật thuộc lớp Hành						1	
4.2. Những đại diện thuộc họ Cau		0,5				1	
4.3. Những đại diện thuộc họ phụ tre		0,5				1	

4.4. Những đại diện thuộc họ Lan		0,5				1	
4.5. Những đại diện thuộc họ gừng		0,5				1	
4.6. Những đại diện thuộc họ Ráy		0,5				1	
4.7. Những loài đại diện có giá trị của các họ thực vật khác thuộc lớp Hành		0,5	1			1	
Tổng	89	20	3	3	10	52	1

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm chuyên cần: Tính 10% trọng số

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-DHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Quy đổi số tiết vắng đối với HP Thực vật rừng	Điểm chuyên cần
Không vắng	0	10
<10	2	8
10 - < 20	3	6
20 - 30	4 - 6	4
> 30	> 6	0

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (20% trọng số), bao gồm

(1). Điểm kiểm tra là điểm trung bình cộng của các nội dung đánh giá như: Ghi chép bài đầy đủ, bài tập nhóm, bài kiểm tra định kỳ.

(2). Điểm thực hành: điểm trung bình cả 3 bài thực hành

- Điểm 20% quá trình học tập = trung bình (1) điểm kiểm tra + (2) điểm thực hành.

5.3. Hình thức thi và điểm thi

Thi đánh giá cuối kỳ: 70% trọng số.

- Hình thức thi kết thúc học phần: Hình thức thi Vấn đáp, sinh viên sẽ phải trả lời hai câu có trong đề thi và hai câu hỏi phụ do hai giáo viên hỏi thi đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung trong đề thi. Sinh viên trả lời đúng hai câu trong đề thi sẽ đạt điểm tối đa là 8 điểm (đây là điểm đánh giá khả năng nhớ kiến thức của sinh viên), hai câu hỏi phụ sẽ đánh giá độ hiểu và khả năng áp dụng kiến thức đã học. Trả lời đúng mỗi câu hỏi phụ sinh viên sẽ có 1 điểm.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền. 2000. Thực vật rừng (Giáo trình trường ĐH Lâm nghiệp). NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Hợi, Lê Thái Hùng, Võ Thị Minh Phương. 2015. Bài giảng Thực vật rừng. Trường Đại học Nông Lâm Huế. Huế

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Tiến Bản (1997). Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp. Hà Nội.
- Phạm Hoàng Hộ (2003). Cây cỏ Việt Nam (tập 1, 2, 3). NXB Trẻ. TP Hồ Chí Minh
- Võ Văn Chi và Dương Đức Tiến (1978). Phân loại học thực vật: Thực vật bậc cao. NXB Đại học và THCN. Hà Nội.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Những kiến thức cơ bản

- 1.1. Những kiến thức liên quan đến môn học
- 1.2. Những kiến thức cơ bản về hình thái học thực vật rừng
 - 1.2.1. Hình thái học của rễ
 - 1.2.2. Hình thái học của thân
 - 1.2.3. Hình thái học của lá
 - 1.2.4. Hình thái học của hoa
 - 1.2.5. Hình thái học của quả
- 1.3. Các hệ thống phân loại
- 1.4. Danh pháp, nguyên tắt và ý nghĩa của tiếng latin thực vật
- 1.5. Kỹ năng thu mẫu, làm mẫu và quản lý mẫu tiêu bản

Chương 2. Những đại diện thuộc lớp Thông

- 2.1. Tổng quan chung về thực vật thuộc lớp Thông
- 2.2. Những đại diện thuộc lớp Thông
 - 2.2.1. Những đại diện thuộc họ Thông
 - 2.2.1.1. Đặc điểm chung của họ Thông
 - 2.2.1.2. Những đại diện quan tâm trong họ Thông
 - (1). Thông nhựa
 - (2). Thông Đà Lạt
 - 2.2.2. Những đại diện thuộc họ Kim giao
 - 2.2.2.1. Đặc điểm chung của họ Kim giao
 - 2.2.2.2. Những đại diện quan tâm trong họ Kim giao
 - (1). Kim giao đế mập
 - (2). Hoàng đàn giả
 - (3). Thông lông gà
 - 2.2.3. Những đại diện thuộc họ Bụt mọc
 - 2.2.3.1. Đặc điểm chung của họ Bụt mọc
 - 2.2.3.2. Những đại diện quan tâm trong họ Bụt mọc
 - (1). Sa mộc dầu
 - (2). Thủy tùng
 - 2.2.4. Những đại diện thuộc họ Hoàng đàn
 - 2.2.4.1. Đặc điểm chung của họ Hoàng đàn
 - 2.2.4.2. Những đại diện quan tâm trong họ Hoàng đàn
 - (1). Pơ mu
 - (2). Bách xanh

Chương 3: Những đại diện thuộc lớp Ngọc lan

- 3.1. Tổng quan chung về thực vật thuộc lớp Ngọc lan
- 3.2. Những đại diện thuộc phân lớp Ngọc lan
 - 3.2.1. Những đại diện thuộc họ Ngọc lan
 - 3.2.1.1. Đặc điểm chung của họ Ngọc Lan
 - 3.2.1.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Ngọc Lan
 - (1). Giổi găng
 - (2). Giổi xanh
 - 3.2.2. Những đại diện thuộc họ Na
 - 3.2.2.1. Đặc điểm chung của họ Na

- 3.2.2.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Na
 - (1). Nhóm loài làm dược liệu
 - (2). Nhóm công dụng khác
- 3.2.3. Những đại diện thuộc họ Long não
 - 3.2.3.1. Đặc điểm chung của học Long não
 - 3.2.3.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Long não
 - (1). Bời lời đỏ
 - (2). Re hương
- 3.3. Những đại diện thuộc phân lớp Sau sau
 - 3.3.1. Những đại diện thuộc họ Dầu tằm
 - 3.3.1.1. Đặc điểm chung của học Dầu tằm
 - 3.3.1.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Dầu tằm
 - (1). Nhóm loài thuộc chi Ficus
 - (2). Nhóm loài thuộc chi Artocarpus
 - 3.3.2. Những đại diện thuộc họ Dẻ
 - 3.3.2.1. Đặc điểm chung của học Dẻ
 - 3.3.2.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Dẻ
 - (1). Dẻ gai
 - (2). Dẻ cau
 - 3.4. Những đại diện thuộc phân lớp Sô
 - 3.4.1. Những đại diện thuộc họ Dầu
 - 3.4.1.1. Đặc điểm chung của học Dầu
 - 3.4.1.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Dầu
 - (1). Chò đen
 - (2). Kiên kiên
 - 3.4.2. Những đại diện thuộc họ Chè
 - 3.4.2.1. Đặc điểm chung của học Chè
 - 3.4.2.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Chè
 - (1). Sờ
 - (2). Gò đồng
 - 3.4.3. Những đại diện thuộc họ Măng cụt
 - 3.4.3.1. Đặc điểm chung của học Măng cụt
 - 3.4.3.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Măng cụt
 - (1). Bứa
 - (2). Mù u
 - 3.4.4. Những đại diện thuộc họ Trôm
 - 3.4.4.1. Đặc điểm chung của học Trôm
 - 3.4.4.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Trôm
 - (1). Huỳnh
 - (2). Ươi bay
 - 3.4.5. Những đại diện thuộc họ Sến
 - 3.4.5.1. Đặc điểm chung của học Sến
 - 3.4.5.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Sến
 - (1). Sến mật
 - (2). Sến xanh
 - 3.5. Những đại diện thuộc phân lớp Hoa hồng

- 3.5.1. Những đại diện thuộc họ Trinh nữ
 - 3.5.1.1. Đặc điểm chung của họ Trinh nữ
 - 3.5.1.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Trinh nữ
 - (1). Tập đoàn cây nhập nội
 - (2). Cẩm xe
- 3.5.2. Những đại diện thuộc họ Vang
 - 3.5.2.1. Đặc điểm chung của họ Vang
 - 3.5.2.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Vang
 - (1). Gụ lau
 - (2). Lim xanh
- 3.5.3. Những đại diện thuộc họ Đậu
 - 3.5.3.1. Đặc điểm chung của họ Đậu
 - 3.5.3.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Đậu
 - (1). Sưa
 - (2). Giáng hương quả to
- 3.5.4. Những đại diện thuộc họ Sim
 - 3.5.4.1. Đặc điểm chung của họ Sim
 - 3.5.4.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Sim
 - (1). Tập đoàn nhập nội
 - (2). Tràm gió
 - (3). Trâm trắng
- 3.5.5. Những đại diện thuộc họ Đước
 - 3.5.5.1. Đặc điểm chung của họ Đước
 - 3.5.5.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Đước
 - (1). Đước
 - (2). Vẹt
- 3.5.6. Những đại diện thuộc họ Thầu dầu
 - 3.5.6.1. Đặc điểm chung của họ Thầu dầu
 - 3.5.6.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Thầu dầu
 - (1). Nhóm loài làm lương thực, thực phẩm
 - (2). Nhóm loài làm dược liệu
 - (3). Nhóm loài cảnh quan, cây cảnh
- 3.5.7. Những đại diện thuộc họ Xoan
 - 3.5.7.1. Đặc điểm chung của họ Xoan
 - 3.5.7.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Xoan
 - (1). Lát hoa
 - (2). Bòn bon
- 3.5.8. Những đại diện thuộc họ Bồ hòn
 - 3.5.8.1. Đặc điểm chung của họ Bồ hòn
 - 3.5.8.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Bồ hòn
 - (1). Trường sâng
 - (2). Trường vải
- 3.5.9. Những đại diện thuộc họ Đào lộn hột
 - 3.5.9.1. Đặc điểm chung của họ Đào lộn hột
 - 3.5.9.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Đào lộn hột
 - (1). Sấu

(2). Sơn

3.5.10. Những đại diện thuộc họ Cam

3.5.10.1. Đặc điểm chung của họ Cam

3.5.10.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Cam

(1). Nhóm loài thwo công dụng

3.5.11. Những đại diện thuộc họ Thị

3.5.11.1. Đặc điểm chung của họ Thị

3.5.11.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Thị

(1). Mun

3.6. Những đại diện thuộc phân lớp Cúc

3.6.1. Những đại diện thuộc họ Trúc đào

3.6.1.1. Đặc điểm chung của họ Trúc đào

3.6.1.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Trúc đào

(1). Nhóm loài theo công dụng

3.6.2. Những đại diện thuộc họ Cà phê

3.6.2.1. Đặc điểm chung của họ Cà phê

3.6.2.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Cà phê

(1). Nhóm loài theo công dụng

3.6.3. Những đại diện thuộc họ Tách.

3.6.3.1. Đặc điểm chung của họ Tách

3.6.3.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Tách

(1). Tách

(2). Nhóm loài theo công dụng

Chương 4: Những đại diện thuộc lớp Hành

4.1. Tổng quan về thực vật thuộc lớp Hành

4.2. Những đại diện thuộc lớp Hành

4.2.1. Những đại diện thuộc họ Cau

4.2.1.1. Đặc điểm chung của họ Cau

4.2.1.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Cau

(1). Nhóm song mây

(2). Đoác

4.2.2. Những đại diện thuộc họ phân họ tre

4.2.2.1. Đặc điểm chung của phân họ tre

4.2.2.2. Những đại diện quan tâm thuộc phân họ tre

(1). Giang

(2). Tre lấy măng

4.2.3. Những đại diện thuộc họ Lan

4.2.3.1. Đặc điểm chung của họ Lan

4.2.3.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Lan

(1). Lan kim tuyến

(2). Lan hài Việt Nam

4.2.4. Những đại diện thuộc họ Gừng

4.2.4.1. Đặc điểm chung của họ Gừng

4.2.4.2. Những đại diện quan tâm thuộc họ Gừng

(1). Sa nhân

(2). Mía dò

4.2.5. Những đại diện thuộc họ họ Ráy, Củ nâu, Râu hùm, Trọng lâu

- (1). Thiên niên kiện
- (2). Củ mài
- (3). Râu hùm
- (4). Bảy lá một hoa

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

(Mô tả nội dung chính từng bài thực hành với số tiết đúng với phân bố ở Mục 4.)

Bài 1. Kỹ thuật thu mẫu, làm mẫu tiêu bản thực vật và tra cứu thực vật

Nội dung 1: Kỹ thuật thu mẫu, làm mẫu thực vật. (1 tiết = 3,5 giờ thực hành)

Nội dung 2: Kỹ năng tra cứu tên loài, họ thực vật. (1 tiết = 3,5 giờ thực hành)

Bài 2.: Kỹ năng nhận diện các họ thực vật ngoài tự nhiên

Nội dung 1: Kỹ năng nhận diện các loài thực vật ngoài tự nhiên (2 tiết = 7 giờ thực hành)

Nội dung 2: kỹ năng nhận diện các họ thực vật đã học thông qua mẫu, loài ngoài tự nhiên (2 tiết = 7 giờ thực hành)

Bài 3.: Đa dạng các loài thực vật thuộc các dạng sinh thái khác nhau và công dụng khác nhau

Nội dung 1: Đa dạng các loài thực vật theo các dạng sinh thái khác nhau. (2 tiết = 7 giờ thực hành)

Nội dung 2: Đa dạng các loài theo công dụng khác nhau. (2 tiết = 7 giờ thực hành)

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Hợi

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0915088052

.Email: nguyenhoi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Thực vật rừng, Hình thái phân loại thực vật, Cây cảnh non bộ, Ứng dụng thực vật trong phong thủy,...

Giảng viên 2:

Họ và tên: Võ Thị Minh Phương

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0989982758

Email: vothiminhphuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hình thái phân loại thực vật, Thực vật rừng, Địa lý thực vật,.....

Giảng viên 3:

Họ và tên: Lê Thái Hùng

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0914546557

Email: lethaihung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cây rừng, Thực vật đô thị, Quản lý rừng bền vững,.....

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS. Nguyễn Hợi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Giống cây rừng (Forest Tree Breeding)
- Mã học phần: LNGH22002
- Số tín chỉ:
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 24 tiết; Số chương: 07;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 6 tiết; Số bài học: 02 bài
- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật (NHOC31022), Hoá sinh thực vật (NHOC22502), Thổ nhưỡng (NHOC31171).

2. Mục tiêu của học phần:

Học phần Giống cây rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức:
 - + Có kiến thức về tuyển chọn giống dựa vào các tiêu chí chọn lọc để tạo ra giống có chất lượng tốt;
 - + Có kiến thức về các bước khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp;
 - + Có kiến thức về kỹ thuật nhân giống một số loài cây trồng lâm nghiệp phổ biến;
 - + Chọn tạo ra giống cây lâm nghiệp chất lượng tốt phục vụ trồng rừng đại trà;
- Kỹ năng:
 - + Xác định các tiêu chí để chọn giống cây lâm nghiệp và điều tra trên hiện trường để xác định cây trội;
 - + Các biện pháp kỹ thuật trẻ hoá cây giống lâm nghiệp;
 - + Kỹ thuật lai giống và ứng dụng công nghệ sinh học để chọn tạo một số giống cây lâm nghiệp phổ biến, có giá trị;
 - + Bố trí thí nghiệm hiện trường các bước trong khảo nghiệm các giống cây lâm nghiệp;
 - + Phân tích thống kê để phân tích các kết quả trong các bước khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp;
 - + Nhân giống và xây dựng nội dung quy trình trồng và nhân giống cây lâm nghiệp khảo nghiệm.
- Thái độ: Nghiêm túc trong công việc, chủ động sáng tạo và biết vận dụng các kiến thức đã học vào công việc nghiên cứu, tạo giống cây lâm nghiệp.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Giống cây rừng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về các bước cơ bản trong cải thiện giống cây rừng, khảo nghiệm loài và xuất xứ, chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế, lai giống và chọn tạo giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ sinh học, kỹ

thuật nhân giống và bố trí các thí nghiệm trong quá trình chọn và đánh giá chất lượng giống trên đồng ruộng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng và chọn tạo ra được giống cây lâm nghiệp đáp ứng các mục đích cụ thể, phục vụ công tác trồng rừng đại trà tại miền Trung và Tây Nguyên cũng như trên cả nước.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Những vấn đề cơ bản trong cải thiện giống cây rừng	2	2					4
1.1. Khái niệm về cải thiện giống cây rừng	0,5	0,5					1
1.2. Vai trò của cải thiện giống cây rừng trong sản xuất lâm nghiệp	0,5	0,5					1
1.3. Nhiệm vụ cơ bản của cải thiện giống cây rừng	0,5	0,5					1
1.4. Lịch sử phát triển và các bước chính trong cải thiện giống cây rừng	0,5	0,5					1
Chương 2. Khảo nghiệm loài, xuất xứ, chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế	10	4,5	1		0,5	4	20
2.1. Khảo nghiệm loài và xuất xứ	4	2,5	1				8
2.2. Chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế	6	2				4	12
Chương 3. Lai giống cây lâm nghiệp	3	3					6
3.1. Khái niệm và ý nghĩa trong lai giống cây lâm nghiệp	0,5	0,5					1
3.2. Phương pháp lai giống cây lâm nghiệp	1,5	1,5					3
3.3. Chọn giống ưu thế lai	1	1					2
Chương 4. Chọn tạo giống cây lâm nghiệp	6	4,5	1		0,5		12
4.1. Chọn lọc giống cây lâm nghiệp	2	1	1				4
4.2. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây lâm nghiệp	4	3,5			0,5		8
Chương 5. Xây dựng rừng giống và vườn giống	3	3					6
5.1. Ý nghĩa của rừng giống và vườn giống trong sản xuất lâm nghiệp	0,5	0,5					1
5.2. Lịch sử phát triển của rừng giống	0,5	0,5					1

vườn giống							
5.3. Rừng giống	0,5	0,5					1
5.4. Vườn giống	0,5	0,5					1
5.5. Các nguyên tắc chính trong xây dựng rừng giống và vườn giống	0,5	0,5					1
5.6. Chăm sóc và quản lí rừng giống, vườn giống	0,5	0,5					1
Chương 6. Nguyên lý nhân giống sinh dưỡng	3	1				2	6
6.1. Khái niệm	0,5	0,5					0,5
6.2. Cơ sở sinh học của nhân giống sinh dưỡng							0,5
6.3. Ưu và nhược điểm của nhân giống sinh dưỡng	0,5	0,5					1
6.4. Các phương pháp nhân giống sinh dưỡng	2					2	4
Chương 7. Bảo tồn nguồn gen cây rừng	3	3					6
7.1. Khái niệm chung	0,5	0,5					0,5
7.2. Tính đặc trưng trong bảo tồn nguồn gen cây rừng							0,5
7.3. Ý nghĩa và đặc trưng của bảo tồn nguồn gen cây rừng	0,5	0,5					1
7.4. Nhân tố làm căn cứ cho chiến lược bảo tồn	0,5	0,5					1
7.5. Những ưu tiên trong công tác bảo tồn nguồn gen cây rừng	0,5	0,5					1
7.6. Phương pháp bảo tồn nguồn gen cây rừng	0,5	0,5					1
7. Các vấn đề liên quan	0,5	0,5					1
Tổng	30	21	2			1	6

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6

20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (Chiếm 20% trọng số)

Đánh giá 2 bài kiểm tra và 2 bài thực hành, tính điểm trung bình 4 bài cho phần kiểm tra đánh giá định kỳ.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (Chiếm trọng số 70%)

Đánh giá kết thúc học phần bằng hai hình thức thi: Trắc nghiệm và Vấn đáp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Đình Khả - Dương Mộng Hùng (2003), *Giáo trình Giống cây rừng*, Trường Đại học Lâm nghiệp.

2. Lê Quang Bảo (2003), *Bài giảng Giống cây rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

3. *Bài giảng Giống cây rừng*, Trường Đại học Lâm nghiệp, 1992.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. *Chương trình Cải thiện giống và quản lý giống cây rừng ở Việt Nam*, Cẩm nang ngành Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2004.

2. *Pháp lệnh Giống cây trồng*, Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 03 năm 2004.

3. Các văn bản về Giống và quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp do Bộ NN&PTNT ban hành (<http://www.law.omard.gov.vn>).

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Những vấn đề cơ bản trong cải thiện giống cây rừng

1.3. Khái niệm về cải thiện giống cây rừng

- Di truyền học cây rừng;
- Chọn giống cây rừng;
- Cải thiện giống cây rừng.

1.2. Vai trò của cải thiện giống cây rừng trong sản xuất lâm nghiệp

1.3. Nhiệm vụ cơ bản của cải thiện giống cây rừng

1.4. Lịch sử phát triển và các bước chính trong cải thiện giống cây rừng

- Lịch sử phát triển của cải thiện giống cây rừng;
- Các bước chính trong chương trình cải thiện giống cây rừng.

Chương 2. Khảo nghiệm loài, xuất xứ, chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế

2.1. Khảo nghiệm loài và xuất xứ

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.2. Tầm quan trọng của Khảo nghiệm loài và xuất xứ

2.1.3. Cơ sở khoa học của Khảo nghiệm loài và xuất xứ

2.1.4. Các nguyên tắc chính trong Khảo nghiệm loài và xuất xứ

2.1.5. Các bước tiến hành khảo nghiệm loài và xuất xứ

- 2.1.5.1. Khảo nghiệm loài
- 2.1.5.2. Khảo nghiệm xuất xứ
- 2.1.6. Một số điểm cần lưu ý trong Khảo nghiệm loài và xuất xứ
- 2.2. Chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế
 - 2.2.1. Vị trí của chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế
 - 2.2.2. Những khái niệm cơ bản
 - 2.2.3. Các nguyên tắc chính khi chọn lọc cây trội
 - 2.2.4. Tiêu chuẩn đánh giá cây trội
 - 2.2.5. Các phương pháp xác định cây trội
 - 2.2.6. Khảo nghiệm hậu thế
 - 2.2.6.1. Khái niệm
 - 2.2.6.2. Các tham số di truyền

Chương 3. Lai giống cây lâm nghiệp

- 3.1. Khái niệm và ý nghĩa trong lai giống cây lâm nghiệp
- 3.2. Phương pháp lai giống cây lâm nghiệp
 - 3.2.1. Lai gần
 - Các nguyên tắc chọn cặp bố mẹ
 - Các phương pháp lai
 - Kỹ thuật lai hữu tính
 - 3.2.2. Lai xa
 - Khái niệm
 - Kỹ thuật lai xa
 - Những khó khăn và cách khắc phục trong lai xa
- 3.3. Chọn giống ưu thế lai
 - 3.3.1. Phân loại ưu thế lai
 - 3.3.2. Các phương pháp trong tạo giống ưu thế lai

Chương 4. Chọn tạo giống cây lâm nghiệp

- 4.1. Chọn lọc giống cây lâm nghiệp
 - 4.1.1. Vai trò của chọn giống
 - 4.1.2. Các nguyên tắc trong chọn lọc giống
 - 4.1.3. Các phương pháp chọn lọc cơ bản
 - Phương pháp chọn lọc hàng loạt;
 - Phương pháp chọn lọc cá thể;
 - Phương pháp chọn lọc phối hợp với các tính trạng độc lập;
 - Chọn lọc kết hợp với lai giống.
- 4.2. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây lâm nghiệp
 - 4.2.1. Tạo giống cây trồng bằng công nghệ chuyển gen
 - 4.2.1.1. Khái niệm

- 4.2.1.2. Lịch sử phát triển công nghệ chuyển gen
- 4.2.1.3. Các bước kỹ thuật công nghệ chuyển gen cây trồng
- 4.2.1.4. Một số ứng dụng công nghệ chuyển gen trong sản xuất giống cây lâm nghiệp
- 4.2.2. Chọn tạo giống cây trồng bằng kỹ thuật chỉ thị phân tử
 - 4.2.2.1. Khái niệm
 - 4.2.2.2. Lịch sử phát triển
 - 4.2.2.3. Nội dung ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống cây trồng
 - 4.2.2.4. Một số ứng dụng chỉ thị phân tử để chọn tạo giống cây lâm nghiệp
- 4.2.3. Chọn tạo giống cây trồng bằng gây đột biến tế bào soma
 - 4.2.3.1. Khái niệm
 - 4.2.3.2. Lịch sử hình thành
 - 4.2.3.3. Nội dung kỹ thuật gây đột biến tế bào soma
 - 4.2.3.4. Thành tựu đột biến tế bào soma trong tạo giống cây lâm nghiệp

Chương 5. Xây dựng rừng giống và vườn giống

- 5.1. Ý nghĩa của rừng giống và vườn giống trong sản xuất lâm nghiệp
- 5.2. Lịch sử phát triển của rừng giống vườn giống
- 5.3. Rừng giống
 - Khái niệm;
 - Thuộc tính cơ bản của rừng giống;
 - Các loại rừng giống;
 - Đặc điểm kỹ thuật của rừng giống.
- 5.4. Vườn giống
 - Khái niệm vườn giống;
 - Các thuộc tính của vườn giống;
 - Phân loại vườn giống;
 - Đặc điểm kỹ thuật của vườn giống.
- 5.5. Các nguyên tắc chính trong xây dựng rừng giống và vườn giống
- 5.6. Chăm sóc và quản lý rừng giống, vườn giống
 - Làm đất;
 - Bón phân;
 - Tưới nước;
 - Tỉa thưa;
 - Tạo tán;
 - Kích thích cây ra nhiều hoa quả;
 - Phòng trừ sâu bệnh hại;
 - Lập hồ sơ theo dõi rừng giống, vườn giống.

Chương 6. Nguyên lý nhân giống sinh dưỡng

- 6.1. Khái niệm

6.1.1. Đặc điểm sinh sản của thực vật

- Sinh sản vô tính;
- Sinh sản trung gian;
- Sinh sản hữu tính.

6.1.2. Một số khái niệm liên quan đến nhân giống sinh dưỡng

- Cây đầu dòng;
- Cây sinh dưỡng;
- Dòng vô tính.

6.2. Cơ sở sinh học của nhân giống sinh dưỡng

- Cơ sở tế bào học;
- Có sở di truyền học;
- Cơ sở phát sinh và phát triển cá thể;
- Ảnh hưởng của môi trường sống.

6.3. Ưu và nhược điểm của nhân giống sinh dưỡng

- Ưu điểm;
- Nhược điểm;
- Một số vấn đề cần chú ý trong nhân giống sinh dưỡng.

6.4. Các phương pháp nhân giống sinh dưỡng

- Giâm hom;
- Ghép;
- Chiết;
- Vi nhân giống.

Chương 7. Bảo tồn nguồn gen cây rừng

7.1. Khái niệm chung

7.2. Tính đặc trưng trong bảo tồn nguồn gen cây rừng

7.3. Ý nghĩa và đặc trưng của bảo tồn nguồn gen cây rừng

7.4. Nhân tố làm căn cứ cho chiến lược bảo tồn

7.5. Những ưu tiên trong công tác bảo tồn nguồn gen cây rừng

7.6. Phương pháp bảo tồn nguồn gen cây rừng

7.6.1. Bảo tồn in-situ

7.6.2. Bảo tồn ex-situ

7.6.3. Bảo tồn hạt giống

7.6.4. Bảo tồn (cất trữ) hạt phấn

7.6.5. Bảo tồn nguồn gen bằng nuôi cấy mô và tế bào

7.6.6. Bảo tồn tư liệu, thông tin

7. Các vấn đề liên quan

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Chọn lọc cây trội theo các chỉ tiêu chọn lọc

Nội dung 1: Xác định tiêu chí chọn lọc cây trội

- Chọn lọc cây trội cung cấp gỗ lớn;
- Chọn lọc cây trội cung cấp gỗ giấy và ván dăm;
- Chọn lọc cây trội cung cấp đặc sản: quả, nhựa, mủ, tinh dầu, dược liệu...

Nội dung 2: Điều tra, đánh giá chọn lọc cây trội

- Điều tra cây trội;
- Phân tích đánh giá và chọn lọc cây trội, xác định trên hiện trường.

Bài 2. Kỹ thuật nhân giống cây lâm nghiệp

Nội dung 1: Kỹ thuật gieo ươm hạt giống

- Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống;
- Kỹ thuật xử lý hạt giống;
- Kỹ thuật chăm sóc cây con giai đoạn vườn ươm.

Nội dung 2: Kỹ thuật nhân giống sinh dưỡng (chiết, ghép và giâm hom).

- Kỹ thuật chiết;
- Kỹ thuật ghép;
- Kỹ thuật giâm hom.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Phạm Cường

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 14 Tôn Thất Thiệp, TP. Huế. Điện thoại: 0905801501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu: Kỹ thuật trồng rừng và cải thiện giống cây rừng; Kỹ thuật lâm sinh; Bảo tồn đa dạng sinh học; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đặng Thái Dương

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế

Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Lâm sinh, trồng rừng, bảo tồn và nghiên cứu nguồn gen.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Võ Quang Anh Tuấn

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế.

Địa chỉ liên hệ: Điện thoại: 0906284535 Email: voquanganhtuan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Trồng rừng, giống cây rừng, công nghệ sinh học.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS. Phạm Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Khí tượng (Meteorology)
- Mã học phần: LNGH 31102
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 8;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: 2 bài
- Các mã học phần tiên quyết: Vật lý (CBAN12302)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Khí tượng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ Rau hoa quả và Cảnh quan, Nông học, Quản lý đất đai, Khoa học đất, Khuyến nông và ngành Phát triển nông thôn như sau:

- Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về các yếu tố khí tượng; hiểu và phân tích được diễn biến các yếu tố tượng, khí hậu; làm rõ những hiện tượng thời tiết cực đoan, những biến đổi của khí hậu tác động đến sản xuất nông lâm nghiệp.

- Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học về khí tượng để làm rõ mối quan hệ của thời tiết, khí hậu đối với sản xuất nông lâm nghiệp và ngược lại, từ đó biết tận dụng yếu tố thuận lợi, giảm thiểu các yếu tố bất lợi trong sản xuất, đồng thời đề xuất được các biện pháp bảo vệ tài nguyên khí hậu.

- Thái độ: Tìm hiểu, học hỏi và chia sẻ các kiến thức về khí tượng, đồng thời thu thập thêm các thông tin, khảo sát trong thực tế để vận dụng phù hợp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Những kiến thức cơ bản về khí tượng học: Thành phần và cấu trúc của khí quyển, bức xạ mặt trời và các dạng bức xạ khác trong khí quyển, chế độ nhiệt của đất và chế độ nhiệt của không khí, diễn biến của nước trong tự nhiên (bốc hơi, ẩm độ, mây, mưa), diễn biến của áp suất khí quyển và những hiểu biết về gió.

- Thời tiết (Front, xoáy thuận, xoáy nghịch, dải hội tụ nhiệt đới ...) và những hiện tượng thời tiết cực đoan (sương muối, gió foehn, hạn, mưa đá, bão, El Nino, La Nina) ảnh hưởng đến sản xuất nông lâm nghiệp.

- Khái niệm về khí hậu, những nhân tố hình thành khí hậu, các cách phân loại khí hậu. Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam (chế độ mặt trời, hoàn lưu khí quyển, địa hình) và khí hậu các vùng. Biến đổi khí hậu, nguyên nhân, hậu quả và cách ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bố						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Mở đầu	2,00	2,00					
1.1. Khái niệm về khí tượng học	0,75	0,75					
1.2. Nhiệm vụ của khí tượng học	0,25	0,25					
1.3. Phương pháp nghiên cứu	0,5	0,5					
1.4. Sơ lược về lịch sử phát triển khí tượng thế giới và khí tượng Việt Nam	0,5	0,5					
Chương 2. Thành phần và cấu trúc của khí quyển	2,00	2,00					
2.1. Thành phần khí quyển trái đất	0,75	0,75					
2.2. Cấu trúc theo chiều thẳng đứng của khí quyển	0,75	0,75					
2.3. Mật độ không khí, khối lượng khí quyển và sự phân bố theo độ cao	0,50	0,50					
Chương 3. Bức xạ trong khí quyển	4,00	2,50				1,50	
3.1. Bức xạ mặt trời	2,00	1,25				0,75	
3.2. Bức xạ sóng dài của mặt đất và khí quyển	0,75	0,50				0,25	
3.3. Cân bằng bức xạ của bề mặt đất	0,50	0,25				0,25	
3.4. Ảnh hưởng của bức xạ mặt trời đối với thực vật	0,75	0,50				0,25	
Chương 4. Chế độ nhiệt của đất và không khí	4,00	2,25			0,25	1,50	
4.1. Chế độ nhiệt của đất	2,00	1,25				0,75	
4.2. Chế độ nhiệt của không khí	2,00	1,00			0,25	0,75	
Chương 5. Nước trong tự	4,00	2,50				1,50	

nhiên							
5.1. Tuần hoàn nước trong tự nhiên	0,50	0,25				0,25	
5.2. Độ ẩm không khí	1,00	0,50				0,50	
5.3. Sự bốc hơi	0,75	0,50				0,25	
5.4. Sự ngưng kết hơi nước	1,00	0,75				0,25	
5.5. Mưa	0,75	0,50				0,25	
Chương 6. Áp suất khí quyển và gió	4,00	2,50				1,50	
6.1. Áp suất khí quyển	2,00	1,25				0,75	
6.2. Gió	2,00	1,25				0,75	
Chương 7. Thời tiết và những hiện tượng thời tiết cực đoan	4,00	2,00	1,00	1,00			
7.1. Thời tiết	2,00	1,00	1,00				
7.2. Những hiện tượng thời tiết cực đoan	2,00	1,00		1,00			
Chương 8. Khí hậu	6,00	5,00	1,00				
8.1. Đại cương về khí hậu	0,50	0,50					
8.2. Khí hậu Việt Nam	2,50	2,00	0,5				
8.3. Biến đổi khí hậu	3,00	2,50	0,5				
Tổng số	30,00	20,75	2,00	1,00	0,25	6,00	

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Điểm trung bình chung của các điểm (trọng số 20%):

- Điểm bài kiểm tra hoặc bài tập tính theo thang điểm 10
- Điểm bài thực hành tính theo thang điểm 10.
- Điểm thảo luận nhóm tính theo thang điểm 10

Tiêu chí đánh giá các loại bài tập: Hoàn thành nhiệm vụ (làm đầy đủ các bài tập), có tính sáng tạo, không có hiện tượng sao chép.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức 1: Tự luận, các câu hỏi tính theo thang điểm 10, điểm thi tính trung bình chung của bài làm các câu hỏi (tính theo thang điểm 10).

Hình thức 2: Thi vấn đáp: Trình bày bài làm đã chuẩn bị đầy đủ các câu hỏi: 8,0 điểm; trả lời đầy đủ 2 câu hỏi thêm của 2 giáo viên: 2,0 điểm, tổng điểm chung: 10 điểm

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Quang Vĩnh (chủ biên), Nguyễn Ngọc Truyền, Phạm Thị Phương Thảo (2016), *Giáo trình khí tượng học*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội. TT TTTV
2. Lê Quang Vĩnh, Nguyễn Ngọc Truyền, Phạm Thị Phương Thảo (2017), *Bài giảng khí tượng*. Bộ môn LNXH

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Huy Bá (2009), *Môi trường khí hậu thay đổi – Mối hiểm họa của toàn cầu*, NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. TT TTTV.
2. Nguyễn Thanh Bình, Đoàn Văn Điềm, Trần Đức Hạnh, Lê Quang Vĩnh (2005), *Giáo trình khí tượng nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp. TT TTTV.
3. Trương Quang Học, Nguyễn Đức Ngữ (2011), *Một số điều cần biết về biến đổi khí hậu*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. TT TTTV.
4. Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu (2013), *Khí hậu và Tài nguyên khí hậu Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. TT TTTV.
5. Oldman L.R và Frère M (1986), *Nghiên cứu khí hậu nông nghiệp nhiệt đới ẩm Đông Nam Á*. Hoàng Văn Đức dịch từ bản tiếng Anh, NXB Nông nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
6. Nguyễn Lương Phán (1967), *Cơ sở khí tượng và khí hậu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội. TT TTTV.
7. Yêu - Trầm – Sinh (1962), *Nguyên lí khí hậu học*, Tập 1, NXB Nha khí tượng, Hà Nội. TT TTTV
8. Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế (2004), *Đặc điểm khí hậu – thủy văn tỉnh Thừa Thiên Huế*, NXB Thuận Hoá, Huế. TT TTTV
9. Phạm Ngọc Toàn - Phan Tất Đắc (1993), *Khí hậu Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. TT TTTV.
10. William D. Nordhaus (edited), *Economic and policy issues in climate change*, Published by Resources for the future, Washington, 1998. TT TTTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Mở đầu

- 1.1. Khái niệm về khí tượng học
- 1.2. Nhiệm vụ của khí tượng học
- 1.3. Phương pháp nghiên cứu
- 1.4. Sơ lược về lịch sử phát triển khí tượng thế giới và khí tượng Việt Nam

- 1.4.1. Lược sử phát triển khí tượng thế giới
- 1.4.2. Lược sử phát triển khí tượng ở Việt Nam

Chương 2. Thành phần và cấu trúc của khí quyển

- 2.1. Thành phần khí quyển trái đất
 - 2.1.1. Thành phần không khí của lớp khí quyển gần mặt đất
 - a. Không khí khô
 - b. Hơi nước
 - c. Bụi
 - 2.1.2. Thành phần không khí trong đất
 - 2.1.3. Thành phần không khí trong quần thể thực vật
- 2.2. Cấu trúc theo chiều thẳng đứng của khí quyển
 - 2.2.1. Tầng đối lưu
 - 2.2.2. Tầng bình lưu
 - 2.2.3. Tầng trung gian
 - 2.2.4. Tầng điện li
 - 2.2.5. Tầng khuếch tán
- 2.3. Mật độ không khí, khối lượng khí quyển và sự phân bố theo độ cao
 - 2.3.1. Mật độ không khí
 - 2.3.2. Khối lượng khí quyển và sự phân bố theo độ cao

Chương 3. Bức xạ trong khí quyển

- 3.1. Bức xạ mặt trời
 - 3.1.1. Cấu tạo và hoạt động của mặt trời
 - 3.1.2. Sự giảm yếu của tia bức xạ mặt trời khi đi qua khí quyển
 - a. Sự hấp thụ tia bức xạ mặt trời
 - b. Sự khuếch tán tia bức xạ mặt trời
 - c. Quy luật về sự giảm yếu của tia bức xạ mặt trời khi đi qua khí quyển
 - 3.1.3. Các dạng bức xạ mặt trời
 - a. Bức xạ trực tiếp
 - b. Bức xạ khuếch tán
 - c. Tổng xạ
 - d. Phản xạ bức xạ mặt trời
- 3.2. Bức xạ sóng dài của mặt đất và khí quyển
 - 3.2.1. Bức xạ của mặt đất
 - 3.2.2. Bức xạ nghịch của khí quyển
 - 3.2.3. Bức xạ hiệu dụng
- 3.3. Cân bằng bức xạ của mặt đất
- 3.4. Ảnh hưởng của bức xạ mặt trời đối với thực vật
 - 3.4.1. Quang phổ của bức xạ mặt trời

3.4.2. Ảnh hưởng của năng lượng mặt trời đối với thực vật

Chương 4. Chế độ nhiệt của đất và không khí

4.1. Chế độ nhiệt của đất

4.1.1. Các đặc tính nhiệt lực của đất

- a. Nhiệt dung của đất
- b. Hệ số dẫn nhiệt của đất
- c. Hệ số truyền nhiệt độ của đất

4.1.2. Cân bằng nhiệt của mặt đất

4.1.3. Sự biến đổi của nhiệt độ đất

- a. Diễn biến hàng ngày của nhiệt độ đất
- b. Diễn biến hàng năm của nhiệt độ đất
- c. Những quy luật lan truyền nhiệt độ xuống các tầng đất sâu

4.1.4. Những biện pháp kỹ thuật điều chỉnh chế độ nhiệt của đất

4.2. Chế độ nhiệt của không khí

4.2.1. Quá trình nóng lên và lạnh đi của không khí

- a. Phương thức dẫn nhiệt phân tử
- b. Phương thức truyền nhiệt đối lưu
- c. Phương thức truyền nhiệt bình lưu
- d. Phương thức truyền nhiệt loạn lưu
- e. Phương thức truyền nhiệt nhờ bức xạ nhiệt
- g. Phương thức truyền nhiệt nhờ tiềm nhiệt bốc hơi

4.2.2. Sự biến thiên của nhiệt độ không khí

- a. Biến thiên hàng ngày của nhiệt độ không khí
- b. Biến thiên hàng năm của nhiệt độ không khí
- c. Biến thiên của nhiệt độ không khí theo phương thẳng đứng

4.2.3. Những quá trình đoạn nhiệt trong khí quyển

- a. Quá trình đoạn nhiệt khô
- b. Quá trình đoạn nhiệt ẩm

4.2.4. Những chỉ tiêu đánh giá nhiệt độ không khí

- a. Nhiệt độ trung bình
- b. Nhiệt độ tối cao
- c. Nhiệt độ tối thấp
- d. Tổng nhiệt độ trung bình. Tổng nhiệt độ hữu hiệu

4.2.5. Những biện pháp cải thiện chế độ nhiệt của không khí

Chương 5. Nước trong tự nhiên

5.1. Tuần hoàn nước trong tự nhiên

5.2. Độ ẩm không khí

5.2.1. Các đại lượng vật lý đặc trưng cho độ ẩm không khí

- a. Áp suất hơi nước
- b. Áp suất bão hòa hơi nước
- c. Độ ẩm tuyệt đối
- d. Độ ẩm tương đối
- e. Độ thiếu hụt bão hòa
- g. Điểm sương

5.2.2. Diễn biến của độ ẩm không khí

- a. Những dao động hàng ngày và hàng năm của độ ẩm tuyệt đối
- b. Những dao động hàng ngày và hàng năm của độ ẩm tương đối

5.3. Sự bốc hơi nước

5.3.1. Bản chất của quá trình bốc hơi

5.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự bốc hơi

- a. Các yếu tố ảnh hưởng đến bốc hơi từ mặt nước
- b. Các yếu tố ảnh hưởng đến bốc hơi từ mặt đất
- c. Các yếu tố ảnh hưởng đến bốc hơi từ thực vật

5.4. Sự ngưng kết hơi nước

5.4.1. Những điều kiện của quá trình ngưng kết hơi nước trong khí quyển

- a. Áp suất hơi nước và nhiệt độ
- b. Hạt nhân ngưng kết

5.4.2. Các sản phẩm ngưng kết hơi nước

- a. Sương
- b. Sương muối
- c. Sương mù
- d. Mây

5.5. Mưa

5.5.1. Nguyên nhân hình thành mưa

- a. Các phần tử mây lớn lên do ngưng kết hơi nước diễn ra liên tục
- b. Các phần tử mây lớn lên do tụ hợp

5.5.2. Các đại lượng đặc trưng cho mưa

- a. Các dạng mưa
- b. Lượng mưa
- c. Cường độ mưa
- d. Tính không đều của mưa
- e. Tính biến động của mưa

Chương 6. Áp suất khí quyển và gió

6.1. Áp suất khí quyển

6.1.1. Khái niệm về áp suất

- a. Thí nghiệm của Torricenlli

b. Khái niệm về áp suất

6.1.2. Sự biến đổi của áp suất khí quyển

a. Sự biến đổi của áp suất khí quyển theo chiều cao

b. Biến đổi của áp suất khí quyển theo phương nằm ngang

c. Diễn biến hàng ngày của áp suất khí quyển

d. Diễn biến hàng năm của áp suất khí quyển

6.1.3. Sự phân bố của áp suất khí quyển trên địa cầu

6.2. Gió

6.2.1. Nguyên nhân sinh ra gió

a. Khái niệm

b. Nguyên nhân sinh ra gió

6.2.2. Các lực ảnh hưởng tới gió

a. Lực làm lệch hướng do chuyển động quay của trái đất

b. Lực ma sát

c. Lực ly tâm

6.2.3. Các đặc trưng của gió

a. Hướng gió

b. Vận tốc gió

6.2.4. Hoàn lưu khí quyển

a. Hoàn lưu địa cầu

b. Hoàn lưu gió mùa

c. Một số loại gió địa phương

6.2.5. Gió trong vùng khí áp cao và khí áp thấp

a. Gió trong vùng khí áp cao

b. Gió trong vùng khí áp thấp

Chương 7. Thời tiết và những hiện tượng thời tiết cực đoan

7.1. Thời tiết

7.1.1. Khái niệm về thời tiết

7.1.2. Các hệ thống thời tiết chủ yếu

a. Khối không khí

b. Front

c. Xoáy thuận ôn đới

d. Xoáy nghịch

e. Dải hội tụ nhiệt đới

7.1.3. Dự báo thời tiết

a. Dự báo thời tiết bằng bản đồ Sy – Nốp

b. Dự báo thời tiết theo triệu chứng đại phương

7.2. Các hiện tượng thời tiết cực đoan

- 7.2.1. Sương muối
- 7.2.2. Gió Foehn khô nóng
- 7.2.3. Hạn
- 7.2.4. Mưa đá
- 7.2.5. Bão và áp thấp nhiệt đới
- 7.2.6. Hiện tượng El Nino – La Nina và Dao động Nam bán cầu (EN – SO)

Chương 8. Khí hậu

- 8.1. Đại cương về khí hậu
 - 8.1.1. Khái niệm về khí hậu
 - 8.1.2. Những nhân tố hình thành khí hậu
 - 8.1.3. Khái niệm về đới và hình khí hậu
 - 8.1.4. Phân loại khí hậu
- 8.2. Khí hậu Việt Nam
 - 8.2.1. Chế độ mặt trời
 - 8.2.2. Đặc điểm hoàn lưu khí quyển
 - 8.2.3. Địa hình
 - 8.2.4. Đặc điểm khí hậu các vùng ở Việt Nam
- 8.3. Biến đổi khí hậu
 - 8.3.1. Khái niệm về biến đổi khí hậu
 - 8.3.2. Nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu
 - 8.3.3. Biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam
 - 8.3.4. Tác động của biến đổi khí hậu
 - 8.3.5. Ứng phó với biến đổi khí hậu

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. (3,0 tiết): Giới thiệu về trạm khí tượng

Nội dung 1 (1,5 tiết): Bố trí trạm khí tượng và vườn quan trắc

Nội dung 2 (1,5 tiết): Quy phạm quan trắc khí tượng và cách bố trí dụng cụ quan trắc

Bài 2: (3,0 tiết): Các dụng cụ quan trắc

Nội dung 1 (1,5 tiết): Giới thiệu, thực hành các dụng cụ quan trắc bức xạ, số giờ nắng, nhiệt độ đất, nhiệt độ không khí.

Nội dung 2 (1,5 tiết): Giới thiệu, thực hành các dụng cụ quan trắc độ ẩm không khí, mưa, bốc hơi, áp suất khí quyển và gió.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Lê Quang Vĩnh

Chức danh, học hàm, học vị: GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 - Phùng Hưng, Huế.

Điện thoại: 0234 3825379 (NR), 0234 3529137 (CQ), 0914044322 (DD)

Email: lequangvinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Nghiên cứu tiểu khí hậu trong các rừng, vườn, đai rừng phòng hộ; nghiên cứu về biến đổi khí hậu và các giải pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phạm Thị Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bắt đầu chính thức giảng dạy từ 3/2014 tại Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 14/14 Lê Ngô Cát, Thành phố Huế

Điện thoại: 01255254626 Email: phamthiphuongthao@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu tiểu khí hậu trong các rừng, vườn, đai rừng phòng hộ; nghiên cứu về biến đổi khí hậu và các giải pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Truyền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn

Địa chỉ liên hệ: Khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn, 102 Phùng Hưng, Huế

Điện thoại, email: (0234) 3523 540; 091 4249789; nguyennngoctruyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Trồng trọt, Biến đổi khí hậu, Phát triển nông thôn

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

TS. Lê Quang Vĩnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Sinh thái Rừng (Foret Ecology)
- Mã học phần: (Đúng mã học phần Phòng cung cấp sau khi có QĐ CTĐT)
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 25 tiết; Số chương học: 5.chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 5 tiết; Số bài học: 1 bài
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái học, Sinh học và Thổ nhưỡng Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Sinh thái rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý rừng và môi trường, như sau:

Kiến thức: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về sinh thái rừng để có kiến thức thực tế để giải quyết các vấn đề trong quản lý, phát triển rừng đặt ra tại các địa phương.

Kỹ năng: Có kỹ năng và thực hiện tốt việc thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin về sinh thái rừng phục vụ tốt các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Thái độ: Có tinh thần đoàn kết, chia sẻ với cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng và phát triển nông thôn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Kết thúc học phần sinh viên sẽ hiểu được các khái niệm cơ bản về hệ sinh thái rừng, các nhân tố sinh thái rừng ảnh hưởng đến môi trường (đất, nước, không khí và đa dạng sinh học) và ngược lại các nhân tố môi trường ảnh hưởng đến tiểu hoàn cảnh rừng và chu trình sinh địa trong hệ sinh thái rừng. Sinh viên cũng sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về sinh trưởng phát triển của cá thể cây rừng và hệ sinh thái rừng, các kiến thức sâu về cấu trúc rừng, công thức tổ thành rừng, các kiến thức về Diễn thế và khả năng tái sinh của hệ sinh thái rừng. Đây là những kiến thức cơ bản về lâm sinh phục vụ cho các môn học tiếp theo như Lâm sinh học, điều tra và sản lượng rừng cũng như kỹ thuật lâm sinh và trồng rừng.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Các khái niệm cơ bản của HST rừng.	5	3	2	0	0	0	0
1.1.Các học thuyết về rừng	2	1	1	0	0	0	0
1.2. Thành phần của HST rừng	2	1	1	0	0	0	0

1.3. Phân loại các nhân tố STR	1	1	0	0	0	0	0
Chương 2. Hệ sinh thái rừng	8	5	3	0	0	0	0
2.1. Ảnh hưởng môi trường đến rừng	3	2	1	0	0	0	0
2.2. Ảnh hưởng rừng đến môi trường	3	2	1	0	0	0	0
2.3. Quan hệ của các thành phần trong HST rừng	2	1	1	0	0	0	0
Chương 3. Cấu trúc rừng	5	3	1	0	0	1	0
3.1. Khái niệm chung	2	1	1	0	0	0	0
3.2. Các nhân tố cấu trúc rừng	3	2	1	0	0	1	0
Chương 4. Sinh trưởng và phát triển rừng.	7	4	3	0	0	0	0
4.1. Khái niệm chung	1	1	0	0	0	0	0
4.2. Sinh trưởng và tăng trưởng rừng	3	2	1	0	0	0	0
4.3. Phát triển của lâm phần	3	2	1	0	0	0	0
Chương 5. Tái sinh và diễn thế rừng	6	3	3	0	0	0	0
5.1. Tái sinh rừng	3	2	1	0	0	0	0
5.2. Diễn Thế Rừng	3	2	1	0	0	0	0

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

A. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết và lý thuyết + thực hành

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra 1 tiết, sau khi kết thúc chương 2
- Bài tập luận nhóm, sau khi kết thúc môn học

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi 1: Tự luận,

B. Đối với các học phần chỉ có thực hành

5.1. Điều kiện

Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành

5.2. Điểm thi kết thúc học phần thực hành

Là trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học phần hoặc điểm bài thi thực hành tổng hợp kết thúc môn học. Điểm kết thúc học phần thực hành được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Bài giảng sinh thái rừng,

Giáo trình sinh thái rừng.

6.2. Tài liệu tham khảo: (không kể số lượng, ít nhất 1-2 tài liệu, nhưng phải có ở Trung tâm thông tin thư viện, Khoa)

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Khái niệm về Hệ sinh thái rừng

1.4. Các học thuyết về rừng

1.1.1. Khái niệm về hệ sinh thái rừng

1.1.1.1. Khái niệm rừng

a. Vai trò

b. Các loại rừng

1.2. Quá trình tổng hợp và phân hủy chất hữu cơ trong HST rừng

1.2.1. Quá trình tổng hợp

1.2.2. Quá trình phân Hủy

1.2.3. Dòng năng lượng trong HST rừng

1.3.4. Chu trình sinh địa hóa

1.3. Thành phần quần xã thực vật rừng và đặc thù của HST rừng nhiệt đới

1.3.1. Thành phần quần xã thực vật rừng

1.3.2. Đặc thù của HST rừng nhiệt đới

1.4. Hoàn cảnh sinh thái và phân loại các nhân tố sinh thái rừng

1.4.1. Hoàn cảnh sinh thái rừng

1.4.1.1. Khả năng thích nghi

1.4.1.2. Vùng sinh thái (vùng sống, vùng ức chế, vùng chết)

1.4.2. Phân loại các nhân tố sinh thái

1.4.2.1. Các nhân tố vô sinh (đất đai, địa hình, khí hậu)

1.4.2.2. Các nhân tố sinh vật (thực vật, động vật và VSV)

1.4.2.3. Các hoạt động sinh kế của con người

Chương 2. Sinh thái rừng

2.1. Ảnh hưởng của môi trường đến HST rừng ...

2.1.1. Các khái niệm về môi trường

2.1.2.1. Các loại môi trường (môi trường bên trong quần thể rừng và môi trường bên ngoài quần thể rừng)

2.1.2.2. Các nhóm nhân tố môi trường tác động đến sinh vật rừng (Nhân tố sinh tồn, nhân tố chủ đạo và nhân tố ảnh hưởng).

2.1.2. Ảnh hưởng của môi trường đến phân bố rừng (vùng địa lý thổ nhưỡng).

2.1.2.1. Các vùng sinh thái đến phân bố rừng (7 vùng sinh thái rừng).

2.1.2.2. Các vùng địa lý thổ nhưỡng đến phân bố rừng (núi đất và núi đá)

2.1.3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái đến rừng

2.1.3.1. Khí Hậu (Bức xạ mặt trời, Nhiệt độ, nước, lượng mưa....)

2.1.3.2. Đất đai (địa hình và loại đất)

2.2. Ảnh hưởng của rừng đến môi trường

2.2.1. Ảnh hưởng của rừng đến khí hậu

2.2.1.1. Rừng ảnh hưởng đến Gió

2.2.1.2. Rừng ảnh hưởng đến Không khí và ô nhiễm không khí

2.2.1.3. Rừng ảnh hưởng đến nguồn nước

2.2.2.4. Rừng ảnh hưởng đến đất

2.3. Tiểu hoàn cảnh rừng

2.3.1. Ý nghĩa

2.3.2. Các nhân tố tiểu hoàn cảnh rừng (bức xạ mặt trời, nhiệt độ,)

2.4. Mối quan hệ giữa các thành phần trong hệ sinh thái rừng

2.4.1. Đặc điểm chung môi quan hệ (thực vật chủ đạo và các mối quan hệ)

2.4.2. Quan hệ giữa các cây rừng

2.4.3. Vai trò của cây bụi thảm tươi và thực vật ngoại tầng

2.4.4. Vai trò của động vật rừng

2.4.5. Vai trò của vi sinh vật rừng

Chương 3. Cấu trúc rừng

3.1. Khái niệm về cấu trúc rừng

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Các dạng cấu trúc rừng (CT sinh thái và CT hình thái)

3.2. Các nhân tố cấu trúc rừng

3.2.1. Cấu trúc tổ thành rừng

3.2.2. Dạng sống của thực vật rừng

3.2.3. Tầng phiến của sinh thái rừng (cấu trúc sinh thái, dựa vào quần thể/đa dạng)

(thực vật tự dưỡng (có điệp lục) và thực vật dị dưỡng (Không có điệp lục)

3.2.4. Tầng thứ của hệ sinh thái rừng (cấu trúc hình thái, dựa vào chiều cao)

(Tầng vượt tán A1, Tầng ưu thế sinh thái A2, Tầng dưới tán A3, Tầng cây bụi thấp...)

3.3. Mật độ và mạng phân bố trong HST rừng

3.3.1. Mật độ

3.3.2. Mạng hình phân bố

3.4. Cấu trúc tuổi

Chương 4. Sinh trưởng và phát triển rừng

4.1. Khái niệm về sinh trưởng và phát triển rừng

4.1.1. Sinh trưởng rừng

4.1.2. Phát triển rừng

4.2. Sinh trưởng và tăng trưởng cá thể cây rừng

4.2.1. Sinh trưởng cây rừng

(sinh trưởng về chiều cao, sinh trưởng về đường kính và thể tích)

4.2.2. Tăng trưởng của cây rừng

4.3. Sinh trưởng Lâm phần

- 4.3.1. Phân hóa và tái thừa tự nhiên của lâm phần
- 4.3.2. Phân cấp cây rừng (Theo Krap)
- 4.3.3. Tăng trưởng của lâm phần (lượng tăng trưởng của lâm phần)
- 4.3.4. Phát triển của lâm phần
(6 giai đoạn của Netserov)

Chương 5. Tái sinh và diễn thế rừng

- 5.1. Tái sinh rừng
 - 5.1.1. Khái niệm
(tái sinh tự nhiên, tái sinh nhân tạo và xúc tiến tái sinh)
 - 5.1.2. Tái sinh hạt
 - 5.1.3. Tái sinh chồi
 - 5.1.4. Đặc điểm tái sinh rừng nhiệt đới
- 5.2. Diễn thế rừng
 - 5.2.1. Khái niệm diễn thế rừng
 - 5.2.2. Nguyên nhân diễn thế rừng
 - 5.2.3. Diễn thế nguyên sinh
 - 5.2.4. Diễn thế thứ sinh

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài tập tiểu luận theo nhóm

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Dương Viết Tình**.
Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS.
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp
Địa chỉ liên hệ: Khoa lâm nghiệp.
Điện thoại: 0903512070.
Email: duongvietting@huaf.edu.vn
Các hướng nghiên cứu chính:

- Quản lý rừng và đất rừng có sự tham gia
- Nghiên cứu và phát triển Nông lâm kết hợp

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Đặng Thái Dương**
Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế
Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế
Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn
Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Cải thiện giống, Lâm sinh học, trồng rừng, bảo tồn nguồn gen.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Ngô Tùng Đức**
Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL
Địa chỉ liên hệ: 4/321 Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, TT Huế
Điện thoại: 054.6260015 (NR); 0989686739 (DĐ). Email: ngotungduc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Sinh thái rừng, Kỹ thuật lâm sinh, Sinh kế và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững, Lâm nghiệp đô thị, Lâm nghiệp xã hội.

Giảng viên 4:

Trương Thị Thủy Vân
Đang NCS tại Trung Quốc

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

PGS.TS. Dương Việt Tình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thống kê ứng dụng trong Lâm nghiệp (Applied Statistics in Forestry)
- Mã học phần: LNGH24902
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 30 tiết; Số chương: 6;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 0 tiết; Số bài học: bài
- Điều kiện tiên quyết: Toán thống kê (CBAN12202)

2. Mục tiêu của học phần (cần bám sát chuẩn đầu ra và ma trận chung của CTĐT để xác định mục tiêu học phần)

Học phần Thống kê ứng dụng trong Lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp, ngành Quản lý tài nguyên rừng, ngành Lâm nghiệp đô thị và ngành công nghệ chế biến Lâm sản như sau:

- Kiến thức: Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực hành trong nghiên cứu khoa học Lâm nghiệp nói chung.
- Kỹ năng: Có được kỹ năng thực hành trong phân tích, xử lý số liệu sơ cấp thu thập được, kỹ năng sử dụng phần thống kê trong máy tính kỹ thuật cầm tay và một số phần mềm thống kê liên quan trong nghiên cứu khoa học lâm nghiệp.
- Thái độ: Có thái độ nghiêm túc trong học tập tạo tính chủ động, tích cực, nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu về Lâm nghiệp nói riêng.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này gồm 2 phần chính:

- Phần I cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp thu thập số liệu sơ cấp trong nghiên cứu lâm nghiệp (các phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu điều tra rừng, trong nghiên cứu xã hội, phương pháp bố trí thí nghiệm trong tuyển chọn cây trồng,...).
- Phần II cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về các phương pháp xử lý số liệu trong nghiên cứu lâm nghiệp (thống kê mô tả, kiểm tra giả thuyết thống kê, phân tích phương sai, phân tích tương quan và hồi qui,...).

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số phương pháp thu thập số liệu sơ cấp	6	5	1				
1.1. Một số khái niệm		1					
1.2. Một số phương pháp chọn mẫu nghiên cứu		2,5	1				
1.3. Các phương pháp bố trí thí nghiệm		1,5					
Chương 2: Phân bố thực nghiệm và phân bố lý thuyết	6	5		1			
2.1. Phân bố thực nghiệm		1					
2.2. Các đặc trưng của phân bố thực nghiệm		1		0,5			
2.3. Các phân bố lý thuyết		3		0,5			
Chương 3: Ước lượng thống kê	4	3		1			
3.1. Ước lượng trung bình tổng thể		2		0,5			
3.2. Ước lượng tỷ lệ tổng thể		1		0,5			
Chương 4: Kiểm tra giả thuyết thống kê	7	6		1			
4.1. Trường hợp 1 mẫu nghiên cứu		2		0,5			
4.2. Trường hợp 2 mẫu nghiên cứu		3		0,5			
4.3. Trường hợp nhiều mẫu nghiên cứu		1					
Chương 5: Phân tích phương sai	4	3		1			
5.1. Phân tích phương sai 1 nhân tố		1		0,5			
5.2. Phân tích phương sai 2 nhân tố không lần lặp		1		0,5			
5.3. Phân tích phương sai 2 nhân tố có lặp lại		1					
Chương 6: Phân tích tương quan hồi qui	3	2,5		0,5			
6.1. Khái niệm		0,5					
6.2. Phân tích tương quan tuyến tính đơn		1,5		0,5			
6.3. Phân tích tương quan tuyến tính đa biến		0,5					

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (20% trọng số)

- Kiểm tra giữa học phần theo hình thức làm các bài tập (tự luận)
- Có hình thức điểm thưởng và phạt trong việc chuẩn bị bài mới, làm bài tập vận dụng, thảo luận nhóm, tham gia góp ý xây dựng bài giảng,....

5.3. Thi kết thúc học phần: (70% trọng số)

- Hình thức thi là thi vấn đáp, thời gian chuẩn bị bài 30 phút. Chấm theo thang điểm 10.

Làm đầy đủ các bài được giao, làm đúng kết quả và phân tích kết quả tốt (tối đa 70%), hỏi đáp trực tiếp về các vấn đề liên quan (tối đa 30%).

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

TS. Hồ Thanh Hà (2016). Bài giảng Thống kê ứng dụng trong Lâm nghiệp (tài liệu lưu hành nội bộ).

GS.TS. Nguyễn Hải Tuất, PGS.TS. Ngô Kim Khôi (2009) – Thống kê Sinh học - Nhà xuất bản Nông nghiệp.

6.2. Tài liệu tham khảo:

Ngô Kim Khôi (1998)- Thống kê toán học trong lâm nghiệp- Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Ngô Kim Khôi, Nguyễn Hải Tuất, Nguyễn Văn Tuấn (2001) – Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp – Nhà xuất bản Nông nghiệp

PGS.TS. Bảo Huy (2009) – Thống kê tin học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên – Trường Đại học Tây Nguyên

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Một số phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Tổng thể và mẫu nghiên cứu

1.1.2. Dấu hiệu quan sát và phân loại dấu hiệu quan sát

1.2. Một số phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

1.2.1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu trên mẫu và chọn mẫu

1.2.2. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên

1.2.2.1. Khái niệm

1.2.2.2. Cách tiến hành

1.2.2.3. Điều kiện vận dụng và ưu nhược điểm

1.2.3. Phương pháp chọn mẫu điển hình

1.2.3.1. Khái niệm

1.2.3.2. Cách tiến hành

1.2.3.3. Điều kiện vận dụng và ưu nhược điểm

1.2.4. Phương pháp chọn mẫu hệ thống

1.2.4.1. Khái niệm

1.2.4.2. Cách tiến hành

1.2.4.3. Điều kiện vận dụng và ưu nhược điểm

1.2.5. Phương pháp chọn mẫu theo mục đích, tiêu chí

1.2.5.1. Khái niệm

1.2.5.2. Cách tiến hành

1.2.5.3. Điều kiện vận dụng và ưu nhược điểm

1.3. Các phương pháp bố trí thí nghiệm

1.3.1. Thí nghiệm 1 nhân tố

1.3.1.1. Kiểu tự do

a. Các tiến hành

b. Đặc điểm và ưu nhược điểm

1.3.1.2. Kiểu khối ngẫu nhiên đầy đủ

a. Các tiến hành

b. Đặc điểm và ưu nhược điểm

1.3.1.3. Kiểu ô vuông la tinh

a. Các tiến hành

b. Đặc điểm và ưu nhược điểm

1.3.2. Thí nghiệm 2 nhân tố m lần lặp

1.3.2.1. Các tiến hành

1.3.2.2. Đặc điểm và ưu nhược điểm

Chương 2: Phân bố thực nghiệm và phân bố lý thuyết

2.1. Phân bố thực nghiệm

2.1.1. Phân bố thực nghiệm đối với đại lượng đứt quãng

2.1.1.1. Chính lý số liệu

2.1.1.2. Lập bảng phân bố thực nghiệm

2.1.1.2. Vẽ biểu đồ phân bố thực nghiệm

2.1.2. Phân bố thực nghiệm đối với đại lượng liên tục

2.1.2.1. Chính lý số liệu

2.1.2.2. Lập bảng phân bố thực nghiệm

2.1.2.2. Vẽ biểu đồ phân bố thực nghiệm

2.2. Các đặc trưng của phân bố thực nghiệm

2.2.1. Đặc trưng về vị trí

2.2.1.1. Giá trị Mode

2.2.1.2. Trung vị

2.2.1.3. Trung bình

2.2.2. Đặc trưng về biến động

2.2.2.1. Phạm vi biến động

2.2.2.2. Phương sai

2.2.2.3. Độ lệch chuẩn

2.2.2.4. Sai tiêu chuẩn

2.2.2.5. Hệ số biến động

2.2.2.6. Hệ số chính xác

2.2.3. Đặc trưng về hình dạng

2.2.3.1. Độ lệch

2.2.3.2. Độ nhọn

2.3. Các phân bố lý thuyết

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Một số phân bố lý thuyết thường gặp

2.3.2.1 Phân bố chuẩn

a. Khái niệm

b. Phương pháp thiết lập

c. Kiểm tra sự phù hợp

2.3.2.2. Phân bố Weibull

a. Khái niệm

b. Phương pháp thiết lập

c. Kiểm tra sự phù hợp

2.3.2.3. Phân bố khoảng cách

a. Khái niệm

b. Phương pháp thiết lập

c. Kiểm tra sự phù hợp

2.3.2.4. Phân bố mũ/hàm Mayer

a. Khái niệm

b. Phương pháp thiết lập

c. Kiểm tra sự phù hợp

Chương 3: Ước lượng thống kê

3.1. Ước lượng trung bình tổng thể

3.1.1. Trường hợp dung lượng mẫu lớn

3.1.2. Trường hợp dung lượng mẫu nhỏ có phân bố chuẩn

3.1.3. Trường hợp dung lượng nhỏ và chưa có luật phân bố

3.2. Ước lượng tỷ lệ tổng thể

Chương 4: Kiểm tra giả thuyết thống kê

4.1. Trường hợp 1 mẫu nghiên cứu

4.1.1. Kiểm tra sự phù hợp luật phân bố

4.1.1.1. Tiêu chuẩn Khi bình phương

4.1.1.2. Tiêu chuẩn Palowski

4.1.2. Kiểm tra trung bình tổng thể

4.1.3. Kiểm tra tỷ lệ tổng thể

4.2. Trường hợp 2 mẫu nghiên cứu

4.2.1. Sự bằng nhau của 2 trung bình tổng thể độc lập

4.2.1.1. Trường hợp dung lượng mẫu lớn

4.2.1.2. Trường hợp dung lượng mẫu nhỏ có phân bố chuẩn

a. Trường hợp 2 phương sai bằng nhau

b. Trường hợp 2 phương sai khác nhau

4.2.1.3. Trường hợp dung lượng mẫu nhỏ và không có phân bố chuẩn

4.2.1. Sự bằng nhau của 2 trung bình tổng thể Liên hệ

4.2.1.1. Trường hợp dung lượng mẫu lớn

4.2.1.2. Trường hợp dung lượng mẫu nhỏ có phân bố chuẩn

4.2.1.3. Trường hợp dung lượng mẫu nhỏ và không có phân bố chuẩn

4.2.2. Sự bằng nhau của 2 tỷ lệ tổng thể

4.2.3. Sự bằng nhau của 2 phương sai tổng thể

4.3. Trường hợp nhiều mẫu nghiên cứu

4.3.1. Sự bằng nhau của nhiều trung bình tổng thể

4.3.2. Sự bằng nhau của nhiều tỷ lệ tổng thể

4.3.3. Sự bằng nhau của nhiều phương sai tổng thể

Chương 5: Phân tích phương sai

5.1. Phân tích phương sai 1 nhân tố

5.1.1. Sắp xếp kết quả nghiên cứu

5.1.2. Tính các loại biến động

5.1.3. Phân tích phương sai

5.1.4. Đánh giá kết quả

5.1.5. Xác định công thức thí nghiệm tốt nhất

5.2. Phân tích phương sai 2 nhân tố không lần lữa

5.2.1. Sắp xếp kết quả nghiên cứu

5.2.2. Tính các loại biến động

5.2.3. Phân tích phương sai

- 5.2.4. Đánh giá kết quả
- 5.2.5. Xác định công thức thí nghiệm tốt nhất
- 5.3. *Phân tích phương sai 2 nhân tố có lặp lại*
- 5.3.1. Sắp xếp kết quả nghiên cứu
- 5.3.2. Tính các loại biến động
- 5.3.3. Phân tích phương sai
- 5.3.4. Đánh giá kết quả
- 5.3.5. Xác định công thức thí nghiệm tốt nhất

Chương 6: Phân tích tương quan hồi qui

- 6.1. *Khái niệm*
- 6.2. *Phân tích tương quan tuyến tính đơn*
- 6.2.1. Các bước thiết lập phương trình tương quan
- 6.2.2. Phân tích phương sai hồi qui
- 6.2.3. Kiểm tra sự thuần nhất của m phương trình tương quan tuyến tính đơn
- 6.3. *Phân tích tương quan tuyến tính đa biến*
- 6.3.1. Các bước thiết lập phương trình tương quan
- 6.3.2. Phân tích phương sai hồi qui

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hồ Thanh Hà**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Công tác từ năm 1995, Bộ môn Điều tra qui hoạch rừng – Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- Cơ quan: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông lâm Huế
- Nhà riêng: 1/116 Đường Ngự Bình, phường An Cựu, thành phố Huế
- Điện thoại: 0989.639.171 Email: hothanha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phân tích chuỗi giá trị nông lâm sản,
- Quản lý rừng bền vững.

- Điều tra qui hoạch rừng,
- Dự báo sản lượng rừng,
- Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên,

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hoàng Văn Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Công tác từ năm 1990, Bộ môn Điều tra qui hoạch rừng – Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- Cơ quan: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông lâm Huế
- Nhà riêng: 36A2 Khu tập thể cán bộ Đại học Huế
08 Triệu Quang Phục, thành phố Huế
- Điện thoại: NR:054.3515285; DD: 0905.235.100
- Email: hoangvandung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Điều tra qui hoạch rừng,
- Dự tính dự báo sản lượng rừng,
- Lập các biểu chuyên dụng phục vụ công tác kinh doanh rừng.

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

(Ký ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

GVC.TS. Hồ Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Khoa học gỗ (Wood science)
- Mã học phần: LNGH22602
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 26 tiết; Số chương học: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 4 tiết; Số bài học: 2 bài
- Điều kiện tiên quyết: Vật lý (CBAN12302)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Khoa học gỗ đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành thuộc khoa Lâm nghiệp:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về cấu tạo, tính chất, công dụng của gỗ.
- Kỹ năng: Nắm vững các kiến thức về cấu tạo và tính chất, hiểu rõ mối quan hệ mật thiết giữa cấu tạo và tính chất phục vụ quá trình gia công chế biến và sử dụng gỗ, biết vận dụng lý thuyết để nhận mặt được từ 30 loài gỗ trở lên, xác định được các khuyết tật ở gỗ, và làm được một số thí nghiệm xác định tính chất vật lý, cơ học, hoá học của gỗ.
- Thái độ: Sinh viên phải chuyên cần, tự giác chuẩn bị bài và nỗ lực trong học tập để có thể hiểu và ứng dụng trong thực tiễn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung môn học khoa học gỗ bao gồm các kiến thức về đặc điểm cấu tạo và các tính chất của gỗ, các mối quan hệ mật thiết giữa đặc điểm cấu tạo và các tính chất của gỗ nhằm phục vụ quá trình gia công chế biến và sử dụng gỗ. Bên cạnh đó môn học còn bao gồm các kiến thức về khuyết tật gỗ và các phương pháp phân loại gỗ. Trên cơ sở các kiến thức hàn lâm này, môn học còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về nhận mặt gỗ trong phòng thí nghiệm và ngoài thực địa cũng như các kỹ năng xác định các khuyết tật ở gỗ, các kỹ năng xác định tính chất vật lý, cơ học, hóa học của gỗ.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Cấu tạo gỗ	8	6	1		1	2	5
1.1. Những hiểu biết chung		0.5					
1.2. Cấu tạo gỗ lá kim		1.5				1	

1.3. Cấu tạo gỗ lá rộng		3	1			1	
1.4. So sánh cấu tạo gỗ lá kim và gỗ lá rộng		1					
Chương 2. Tính chất hoá học của gỗ	3	2	1				10
2.1. Thành phần hoá học của gỗ		0.5					
2.2. Ảnh hưởng của một số thành phần hoá học của gỗ đến quá trình gia công, sử dụng gỗ		0.5					
2.3. Tính a-xít, ba-zơ - Độ pH của gỗ		0.5					
2.4. Phương pháp phân tích thành phần hoá học của gỗ		0.5					
Chương 3: Tính chất vật lý của gỗ	7	7				2	5
3.1. Giới thiệu		0.5					
3.2. Nước trong gỗ		1					
3.3. Co rút và dãn nở của gỗ		2				1	
3.4. Khối lượng thể tích của gỗ		1.5				1	
3.5. Các tính chất vật lý khác của gỗ		1					
Chương 4. Tính chất cơ học của gỗ	6	6					10
4.1. Khái niệm cơ bản về tính chất cơ học của gỗ		1					
4.2. Phương pháp xác định tính chất cơ học của gỗ		1					
4.3. Các tính chất cơ học của gỗ		3					
4.4. Nhân tố ảnh hưởng đến tính chất cơ học của gỗ.		0.5					
4.5. Hệ số phẩm chất, ứng suất cho phép, hệ số an toàn		0.5					
Chương 5. Khuyết tật gỗ.	2	2					5
5.1. Khuyết tật tự nhiên		0.5					
5.2. Khuyết tật do sâu nấm		1					

5.3. Sự phá hoại gỗ bởi các tác nhân cơ - lý - hoá		0.5					
Tổng cộng	26	23	2		1	4	30

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Điểm đánh giá tính trung bình giữa: Bài kiểm tra và Kỹ năng thực hành

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Thi theo ngân hàng đề do trường quản lý

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Xuân Tình (1998) Khoa học gỗ, NXB nông nghiệp.
2. Nguyễn Văn Minh (2016) Bài giảng Khoa học gỗ, Đại học Nông Lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Conners T. (2011) The basis of wood identification. Kentucky Woodlands Magazine, 6: 4-6.
2. Garrett L., McGough H.N., Groves M. And Clarke G. (2010) CITES & Timber. Ramin. Royal Botanic Gardens Kew, UK.
3. Shmulsky R. And P. David Jones P.D. (2011) Forest Products and Wood Science, sixth ed. John Wiley & Sons, Inc., Chichester, UK
4. USDA Forest Service (2010) Wood Handbook: Wood as an Engineering Material. Centennial Edition Madison, WI: Forest Products Laboratory.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Cấu tạo gỗ

1.1. Những hiểu biết chung

1.1.1. Tên gọi và phân loại

1.1.2. Tế bào thực vật – Cấu trúc vách tế bào – Các đặc trưng trên vách tế bào

1.1.3. Cấu tạo thân cây

1.1.4. Vòng năm, gỗ sớm - gỗ muộn, gỗ giác - gỗ lõi

1.2. Cấu tạo gỗ lá kim

1.2.1. Quản bào dọc

1.2.2. Tế bào mô mềm xếp dọc

1.2.3. Tia gỗ

- 1.2.4. Ống dẫn nhựa
- 1.3. Cấu tạo gỗ lá rộng
 - 1.3.1. Mạch gỗ
 - 1.3.2. Quản bào
 - 1.3.3. Sợi gỗ
 - 1.3.4. Tế bào mô mềm xếp dọc
 - 1.3.5. Tia gỗ
 - 1.3.6. Ống dẫn nhựa
 - 1.3.7. Hiện tượng cấu tạo lớp
 - 1.3.8. Tế bào chứa tinh dầu và chất kết tinh
- 1.4. So sánh cấu tạo gỗ lá kim và gỗ lá rộng

Chương 2. Tính chất hoá học của gỗ

- 2.1. Thành phần hoá học của gỗ
- 2.2. Ảnh hưởng của một số thành phần hoá học của gỗ đến quá trình gia công, sử dụng gỗ
- 2.3. Tính a-xít, ba-zơ - Độ pH của gỗ
- 2.4. Phương pháp phân tích thành phần hoá học của gỗ

Chương 3. Tính chất vật lý của gỗ

- 3.1. Giới thiệu
- 3.2. Nước trong gỗ
 - 3.2.1. Các hình thức tồn tại của nước trong gỗ
 - 3.2.2. Các khái niệm về độ ẩm
 - 3.2.3. Các phương pháp xác định độ ẩm
 - 3.2.4. Sự biến đổi của độ ẩm trong gỗ
 - 3.2.5. Điểm bão hoà thớ gỗ
 - 3.2.6. Tính chất hút ẩm và độ ẩm thăng bằng
- 3.3. Co rút và dãn nở của gỗ
 - 3.3.1. Quá trình co dãn
 - 3.3.2. Hiện tượng co dãn không đều theo các chiều thớ
 - 3.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sức co dãn và phương pháp làm giảm sức co dãn của gỗ
- 3.4. Khối lượng thể tích của gỗ
 - 3.4.1. Khái niệm
 - 3.4.2. Các phương pháp xác định khối lượng thể tích
 - 3.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khối lượng thể tích
- 3.5. Các tính chất vật lý khác của gỗ
 - 3.5.1. Tính chất nhiệt của gỗ
 - 3.5.2. Tính chất điện của gỗ
 - 3.5.3. Tính chất âm thanh của gỗ
 - 3.5.4. Gỗ và sức xuyên của sóng điện từ
 - 3.5.5. Đặc tính bề mặt của gỗ

Chương 4. Tính chất cơ học của gỗ

- 4.1. Khái niệm cơ bản về tính chất cơ học của gỗ
 - 4.1.1. Ứng lực
 - 4.1.2. Sự biến dạng (biến hình)
 - 4.1.3. Tính chất không đồng nhất của gỗ
- 4.2. Phương pháp xác định tính chất cơ học của gỗ
- 4.3. Các tính chất cơ học của gỗ
 - 4.3.1. Sức chịu ép (nén) của gỗ
 - 4.3.2. Sức chịu kéo của gỗ
 - 4.3.3. Sức chịu trượt của gỗ
 - 4.3.4. Sức chịu uốn tĩnh của gỗ
- 4.4. Nhân tố ảnh hưởng đến tính chất cơ học của gỗ
 - 4.4.1. Khối lượng thể tích
 - 4.4.2. Độ ẩm
 - 4.4.3. Ảnh hưởng của cấu tạo gỗ
 - 4.4.4. Ảnh hưởng của nhiệt độ, thuốc bảo quản và hoá chất
 - 4.4.5. Ảnh hưởng của chế độ phơi sấy và hấp luộc
 - 4.4.6. Ảnh hưởng của điều kiện sinh trưởng
 - 4.4.7. Ảnh hưởng của chu kỳ ra hoa kết quả
- 4.5. Hệ số phẩm chất, ứng suất cho phép, hệ số an toàn

Chương 5. Khuyết tật gỗ

- 5.1. Khuyết tật tự nhiên
 - 5.1.1. Mất gỗ
 - 5.1.2. Thớ nghiêng, loạn thớ, thớ chùn
 - 5.1.3. Thót ngọn
 - 5.1.4. Thân cong
- 5.2. Khuyết tật do sâu nấm
 - 5.2.1. Gỗ biến màu và mục
 - 5.2.2. Khuyết tật do côn trùng gây nên
- 5.3. Sự phá hoại gỗ bởi các tác nhân cơ-lý- hoá

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Cấu tạo gỗ (2 tiết)

Nội dung 1: Nhận dạng gỗ bằng kính lúp và mắt thường

Nội dung 2: Nhận dạng gỗ bằng kính hiển vi

Bài 2. Tính chất vật lý của gỗ (2 tiết)

Nội dung 1: Xác định khối lượng thể tích của gỗ

Nội dung 2: Xác định tỷ lệ co dãn của gỗ

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Minh**

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
- Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành Phố Huế, Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: 0938718172
- E-mail: nguyenvanminh@huaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Linh trưởng học, Động vật hoang dã, Sinh thái động vật, Sinh học bảo tồn, Khoa học gỗ, Lâm sản ngoài gỗ.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Châu Thị Thanh**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Điện thoại: (+84) 987987701

Email: chauthithanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Keo dán gỗ, Công nghệ Hóa lâm sản, Quản lý và kiểm định chất lượng sản phẩm, Khoa học gỗ.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

TS. Nguyễn Văn Minh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Bảo tồn Đa dạng sinh học (*Conservation of biodiversity*)
- Mã học phần: LNGH20302
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 25 tiết; Số chương: 04;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 05 tiết; Số bài học: 12 bài
- Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Bảo tồn đa dạng sinh học đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp và ngành Lâm nghiệp đô thị như sau:

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu biết được các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên, phát triển bền vững và tổng quan về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời hiểu biết được giá trị của các khu bảo tồn ở Việt Nam và thế giới. Nắm được các phương thức và luật pháp liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học.
- Kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá vấn đề; kỹ năng khảo sát thực địa từ đó có thể đánh giá hiện trạng công tác bảo tồn ở các khu bảo tồn đa dạng sinh học.
- Thái độ: Có ý thức, trách nhiệm đối với việc bảo vệ đa dạng sinh học; Có trách nhiệm đối với cộng đồng; Tích cực tuyên truyền để nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, sinh thái và đa dạng sinh học.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Giới thiệu cho sinh viên nắm vững tổng quan về môi trường (các khái niệm về môi trường và phát triển bền vững), đa dạng sinh học (các khái niệm và kiến thức về ĐDSH, giá trị ĐDSH và suy thoái ĐDSH). Bảo tồn ĐDSH (các nguyên lý của bảo tồn, phương thức bảo tồn và các phương pháp tổ chức quản lý bảo tồn, luật pháp liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học). Một số kỹ năng giám sát, đánh giá đa dạng sinh học.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Môi trường và phát triển bền vững	7	6	1				5
1.1. Khái niệm môi trường		2					
1.2. Khái niệm tài nguyên		2					

1.3. Phát triển bền vững		2	1			
Chương 2: Tổng quan về đa dạng sinh học	8	6	1	1		5
2.1. Khái niệm về Đa dạng sinh học		2				
2.2. Giá trị Đa dạng sinh học		2	1			
2.3. Suy thoái Đa dạng sinh học		2		1		
Chương 3: Bảo tồn Đa dạng sinh học	8	7	1			5
3.1. Nguyên lý của bảo tồn Đa dạng sinh học		2				
3.2. Các phương thức bảo tồn Đa dạng sinh học		3	1			
3.3. Tổ chức, quản lý bảo tồn Đa dạng sinh học		2				
Chương 4: Đa dạng sinh học và bảo tồn Đa dạng sinh học ở Việt Nam	7	6		1		5
4.1. Giới thiệu Đa dạng sinh học ở Việt Nam		2				
4.2. Suy thoái Đa dạng sinh học ở Việt Nam		2		1		
4.3. Hoạt động bảo tồn Đa dạng sinh học ở Việt Nam		2				
Tổng cộng	30	25	3	2		20

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm:

- **Điểm thành phần** = [Trung bình cộng của: Điểm bài tập cá nhân + Điểm thảo luận nhóm] + **Điểm khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học**

- **Điểm khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học:** Mỗi lần tham gia phát biểu ý kiến được 1 điểm tốt, 3 điểm tốt được 0.5 điểm khuyến khích, 6 điểm tốt được 1 điểm khuyến khích.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi: Tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc: Bài giảng Bảo tồn đa dạng sinh học - Trần Mạnh Đạt, Cao Thị Lý, Hà Nội 2002 - Chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Cơ sở sinh học bảo tồn - Richard B.Primack - NXB Sinauer Associates Inc, Massachusetts, Mỹ và NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, Việt Nam 1999.

- Sổ tay hướng dẫn giám sát, điều tra Đa dạng sinh học, NXB Giao thông vận tải, 2003.

- Đa dạng sinh học – Võ Văn Phú (*chủ biên*) - NXB ĐH Huế, 2008.

- Bài giảng: Bảo tồn Đa dạng sinh học và Động vật hoang dã - Trần Mạnh Đạt, Nguyễn Quang Linh - WWF, USAID 2004.

- Công ước Đa dạng sinh học (*toàn văn và phụ lục*).

- Chương trình nâng cao nhận thức Đa dạng sinh học 2001-2010, Bộ KHHCN&MT.

- Cẩm nang Quản lý và phát triển Du lịch sinh thái ở các Khu bảo tồn thiên nhiên phía Bắc Việt Nam-2004.

- Bài giảng Đa dạng sinh học, PGS. TS Phạm Nhật, Trường ĐH Lâm Nghiệp Việt Nam, 2001.

- Đa dạng sinh học và Bảo tồn thiên nhiên, Lê Trọng Cúc, NXB ĐHQG Hà Nội, 2002.

- Đa dạng sinh học, Bruno Streit (Phan Ba dịch), NXB Tri Thức, 2011

- Từ điển Đa dạng sinh học và Phát triển bền vững, Bộ KHHCN&MT, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2001.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Môi trường và phát triển bền vững

1.1. Khái niệm môi trường

1.2. Khái niệm tài nguyên

1.3. Phát triển bền vững

Chương 2: Tổng quan về đa dạng sinh học

2.1. Khái niệm về Đa dạng sinh học

2.2. Giá trị Đa dạng sinh học

2.3. Suy thoái Đa dạng sinh học

Chương 3: Bảo tồn Đa dạng sinh học

3.1. Nguyên lý của bảo tồn Đa dạng sinh học

3.2. Các phương thức bảo tồn Đa dạng sinh học

3.3. Tổ chức, quản lý bảo tồn Đa dạng sinh học

Chương 4: Đa dạng sinh học và bảo tồn Đa dạng sinh học ở Việt Nam

4.1. Giới thiệu Đa dạng sinh học ở Việt Nam

4.2. Suy thoái Đa dạng sinh học ở Việt Nam

4.3. Hoạt động Bảo tồn Đa dạng sinh học ở Việt Nam

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Mạnh Đạt

Chức danh, học hàm, học vị: GVC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 091 347 4382 Email: tranmanhdat@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Động vật hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Trần Nam Thắng**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến Sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Khoa lâm nghiệp, 102 Phùng Hưng, Tp. Huế

Điện thoại: 0912950064 Email: trannamthang.@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, kinh tế tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, lâm nghiệp và phát triển cộng đồng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, REDD+, Quản trị rừng, Lâm nghiệp bền vững, biến đổi khí hậu.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Hồ Đăng Nguyên

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 094 889 5454 Email: hodangnguyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Động vật hoang dã, Bảo tồn đa dạng sinh học

Duyệt

Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

GVC.TS. Trần Mạnh Đạt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Hình thái và phân loại thực vật (Plant morphology & classification)**

- Mã học phần: **LNGH 12102**

- Số tín chỉ: 2

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 24 tiết; Số chương học: 6 chương

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo: 6 tiết; Số bài học: 3 bài

- Điều kiện tiên quyết: sinh viên học môn hình thái phân loại sau môn sinh học đại cương

2. Mục tiêu của học phần: Khái quát những kiến thức để nhận biết được hình thái, cấu tạo, chức năng của các mô và các cơ quan của thực vật. Đồng thời hiểu và sắp xếp các thực vật giống nhau thành từng nhóm theo một trật tự tự nhiên gọi là hệ thống.

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có kiến thức vững chắc về đặc điểm hình thái, cấu tạo tế bào thực vật; cấu tạo và chức năng các loại mô trong cơ thể thực vật; Đặc điểm hình thái, cấu tạo, chức năng các cơ quan dinh dưỡng (Rễ, Thân, Lá); Cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) và sự sinh sản ở thực vật. Từ đó thấy được cấu tạo phù hợp với chức năng và khả năng thích nghi của thực vật trong môi trường tự nhiên. sinh viên có kiến thức tổng quát về phân loại, cách đặt tên, vị trí các nhóm, ngành thực vật và các đại diện trong hệ thống phân loại thực vật. Đồng thời nắm được sự đa dạng và hệ thống giới Thực vật, từ đó có thể có thể lập kế hoạch quản lý tài nguyên rừng hiệu quả.

- Kỹ năng: Phát hiện, nhận biết và phân loại các loài thực vật

- Thái độ: Có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật, Yêu thích thiên nhiên, tham gia lên lớp đầy đủ, thảo luận sôi nổi, các bài kiểm tra đạt yêu cầu, các bài thực hành đạt yêu cầu.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: Học phần hình thái phân loại thực vật gồm 2 phần chính

- **Phần thứ nhất:** Hình thái học bao gồm những nội dung: giới thiệu hình dạng bên ngoài và cấu trúc bên trong của cơ thể thực vật. Tìm hiểu các quy luật về hình thái ngoài và cấu tạo trong của cơ thể thực vật trong quá trình phát triển và thích nghi với môi trường sống

- **Phần thứ 2:** Phân loại học thực vật cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phân loại học thực vật, nguyên tắc phân loại thực vật, nguyên tắc đặt tên, viết tên khoa học thực vật và nhận biết phân loại các lớp, các họ thực vật.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Phần thứ nhất	HÌNH THÁI HỌC THỰC VẬT (16)						
Chương 1. CHƯƠNG 1: TẾ BÀO VÀ MÔ THỰC VẬT	4	3					12
1.1. Tế bào thực vật.	2	1,5	0.5				
1.2. Mô thực vật.	2	1.5	0.5				
Chương 2. HÌNH THÁI, CẤU TẠO, CHỨC NĂNG CÁC CƠ QUAN SINH DƯỠNG CỦA THỰC VẬT	6	3	1	1		2	12
2.1. Rễ		1					
2.2. Thân		1					
2.3 Lá		1					
Chương 3. HÌNH THÁI, CẤU TẠO, CHỨC NĂNG CÁC CƠ QUAN SINH SẢN CỦA THỰC VẬT	6	3	1	1		2	12
3.1 Hoa và sự phân tính của hoa.		0.5					
3.2. Công thức hoa và sơ đồ hoa		0,5	0,5				
3.3. Cụm hoa (hoa tự)		1.5	0,5				
3.4. Cấu tạo quả, hạt và phân loại quả		0,5					
Phần thứ hai:	HỆ THỐNG HỌC THỰC VẬT (14)						
Chương 4. MỘT VÀI NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI THỰC VẬT	2	2					6
.4.1. Taxon và bậc phân loại, Cách gọi tên các taxon.		0,5					1.5
4. 2. Sơ lược hệ thống các giới sinh vật và nguyên tắc		1,0					4.5

phân loại thực vật							
4.3. Giới thiệu về cách đọc và viết danh pháp quốc tế của các loài thực vật.		0,5					1.5
CHƯƠNG 5: THỰC VẬT BẠC THẤP - TẢO VÀ ĐỊA Y	1	1					3
5. 1. Tảo (Algae)		0.5					1.5
5. 2. Địa y (Lichenes)		0.5					1.5
CHƯƠNG 6: GIỚI THỰC VẬT - THỰC VẬT BẠC CAO.	11	7,0	1	1	1	2	27
6.1. Đặc điểm chung của giới thực vật		1,0					
6. 2. Hệ thống giới Thực vật.		0,5					
6.3. Nhóm thực vật có bào tử		1,0					
6.3. Ngành hạt trần		1,5					
6.4. Ngành hạt kín		3,0	1				
TỔNG CỘNG	30	20	3	3 (BT về nhà)	1	6	72
PHẦN THỰC TẬP	6 TIẾT CHUẨN						
Bài 2: Hình thái cơ quan dinh dưỡng của thực vật.	3	2			1		9
Bài 3: Hình thái cơ quan sinh sản của thực vật.	2						6
Bài 4: Xác định vị trí phân loại một số cây rừng phổ biến trong lâm nghiệp.	1						3
TỔNG CỘNG	6						18

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

A. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết và lý thuyết + thực hành

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra phần tự học, tự nghiên cứu và kiểm tra việc chuẩn bị bài học mới thông qua hình thức phát vấn trên lớp.
- Kiểm tra – đánh giá định kỳ, bao gồm:
 - o Làm đủ, nộp đúng thời hạn các bài tiểu luận
 - o các bài thực hành.
 - o Kiểm tra giữa kỳ bằng hình thức thi tự luận.

* Điểm kiểm tra đánh giá giữa kỳ là điểm trung bình của các loại điểm trên

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi 1: Trắc nghiệm
- Hình thức thi 2: Vấn đáp)
- Hình thức thi 3: Tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đỗ Xuân Cẩm. Bài giảng *Hình thái phân loại thực vật*, Đại học Nông Lâm Huế
2. Lê Thị Huyền, Nguyễn Tiến Hiệp. *Hình thái và Phân loại thực vật* Trường Đại học Lâm nghiệp, 2004
3. Hoàng Thị Sản. *Hình thái – Giải phẫu học thực vật*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
4. Hoàng Thị Sản. *Phân loại học thực vật*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Bá. *Hình thái học thực vật (tập 1, tập 2)*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.
2. Võ Văn Chi, Dương Đức Tiến. *Phân loại học thực vật bậc cao*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978.
3. Phạm Hoàng Hộ. *Cây cỏ Việt Nam*. Montreal, 1991 - 1993

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

chương 1: TẾ BÀO VÀ MÔ THỰC VẬT

- 1.1. Tế bào thực vật.
 - 1.1.1. Hình dạng và kích thước tế bào thực vật.
 - 1.1.2. Cấu tạo tế bào thực vật.
- 1.2. Mô thực vật.
 - 1.2.1. Khái niệm về mô thực vật.
 - 1.2.2. Phân loại mô thực vật.
 - 1.2.2.1. Mô phân sinh.
 - 1.2.2.2. Mô bì (mô che chở).
 - 1.2.2.3. Mô cơ (mô nâng đỡ).
 - 1.2.2.4. Mô dẫn.
 - 1.2.2.5. Mô cơ bản.
 - 1.2.2.6. Mô tiết.

Chương 2: CÁC CƠ QUAN DINH DƯỠNG CỦA THỰC VẬT

- 2.1. Rễ.
 - 2.1.1. Hình thái rễ.
 - 2.1.2. Các kiểu rễ.
- 2.2. Thân.
 - 2.2.1. Hình thái thân.
 - 2.2.2. Các dạng sống.
 - 2.2.3. Các kiểu chồi và sự phân cành
- 2.3. Lá.
 - 2.3.1. Hình thái lá và các kiểu lá.
 - 2.3.2. Vật hậu học và hình thái thích nghi của cơ quan dinh dưỡng ở thực vật

Chương 3: CƠ QUAN SINH SẢN CỦA THỰC VẬT

- 3.1. Các hình thức sinh sản của thực vật.
- 3.2. Hoa và sự phân tính của hoa.
- 3.3. Cụm hoa (hoa tự).
- 3.4. Hạt - Cấu tạo và phân loại hạt.
- 3.5. Quả - Cấu tạo và phân loại quả của.
- 3.6. Hình thái thích nghi của cơ quan sinh sản ở thực vật

4. Phần thứ hai: HỆ THỐNG HỌC THỰC VẬT.

Chương 4: NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI THỰC VẬT

- 4.1. Taxon và bậc phân loại.
- 4.2. Sơ lược hệ thống các giới sinh vật.
- 4.3. Nguyên tắc viết và gọi tên khoa học thực vật trong danh pháp khoa học.

Chương 5: PHÂN GIỚI THỰC VẬT BẬC THẤP (*Thallonbionta*)

- 5.1. Nhóm tảo (*Algae*)
- 5.2. Địa y (*Lichenes*)

Chương 6: PHÂN GIỚI THỰC VẬT BẬC CAO (*Cormobionta*)

- 6.1. Đặc điểm chung của Thực vật bậc cao.
- 6.2. Hệ thống phân loại Thực vật bậc cao.
 - 6.2.1. Nhóm thực vật có bào tử: đặc điểm cấu trúc cơ thể, phương thức sinh sản và đại diện của các ngành:
 - 6.2.1.1. Rêu (Bryophyta),
 - 6.2.1.2. Lá thông (Psilotophyta)
 - 6.2.1.3. Thông đá (Lycopodiophyta);
 - 6.2.1.4. Cỏ tháp bút (Equisetophyta);
 - 6.2.1.5. Dương xỉ (Polypodiophyta).
 - 6.2.2. Nhóm thực vật có hạt.
 - 6.2.2.1. Ngành Hạt trần (Gymnospermatophyta).
 - 6.2.2.2. Ngành Hạt kín (Angiospermatophyta).
- 6.3. Hệ thống phân loại ngành Hạt kín.
 - 6.3.1. Lớp Hai lá mầm (Dicotyledoneae): đặc điểm cấu tạo và các đại diện của các phân lớp:
 - 6.3.1.1. Phân lớp Ngọc lan

- 6.3.1.2. Phân lớp Mao lương,
- 6.3.1.3. Phân lớp Sau sau
- 6.3.1.4. Phân lớp Cẩm chướng
- 6.3.1.5. Phân lớp Sỏ
- 6.3.1.6. Phân lớp Hoa hồng
- 6.3.1.7. Phân lớp Cúc
- 6.3.2. Lớp Một lá mầm (Monocotyledoneae): đặc điểm cấu tạo và các đại diện của các phân lớp:
 - 6.3.2.1. Phân lớp Hành
 - 6.3.2.2. Phân lớp Cau.

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1 (2 tiết): Hình thái cơ quan dinh dưỡng thực vật. (rễ, thân, lá)

Bài 2 (2 tiết): Cơ quan sinh sản thực vật (hoa, quả, hạt).

Bài 3 (2 tiết): Xác định vị trí phân loại một số cây rừng, cây xanh đường phố, cây cho lâm sản ngoài gỗ.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1: Võ Thị Minh Phương

- Chức danh, học hàm, học vị: ThS. GVC
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thời gian toàn phần, tại bộ môn Quảng lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế.
- Địa chỉ liên hệ: 217 Bùi Thị Xuân, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Điện thoại: 0989982758.
- Email: vothiminhphuong@huaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính:
 - o Bảo tồn đa dạng sinh học.
 - o Quản lý tài nguyên
 - o Thực vật rừng.

Giảng viên 2: Nguyễn Hoi

- o Chức danh, học hàm, học vị: ThS
- o Thời gian, địa điểm làm việc: Thời gian toàn phần, tại bộ môn Quảng lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế.
- o Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng TP Huế.
- o Điện thoại: DD: 0915088052.
- o Email: nguyenhoi@huaf.edu.vn
- o Các hướng nghiên cứu chính:
 - + Thực vật rừng.
 - + Quản lý tài nguyên

Giảng viên 3: Lê Thái Hùng

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0914546557

Email: lethaihung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cây rừng, Thực vật đô thị, Quản lý rừng bền vững,.....

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Võ Thị Minh Phương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp (*Forestry Enterprise Management*)**

- Mã học phần: **KNPT28702**

- Số tín chỉ: 02

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 22 tiết; Số chương học: 04 chương

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo: 8 tiết; Số bài học: 01 bài

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế lâm nghiệp (KNPT27902)

2. Mục tiêu của học phần.

Học phần Quản trị doanh nghiệp lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ chế biến lâm sản và ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức:

- Nắm vững bản chất của công tác quản trị các nguồn lực trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, các yếu tố cấu thành hoạt động quản trị để thực hiện nhiệm vụ phát triển, quản trị và vận hành cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về quản lý doanh nghiệp như nguyên tắc, phương pháp và cách thiết lập bộ máy quản lý doanh nghiệp, cách thức tổ chức sản xuất và quản lý các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp, đồng thời hạch toán các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kỹ năng:

- Sau khi học xong, sinh viên ngành Lâm nghiệp và ngành Công nghệ chế biến lâm sản có thể hiểu và tham gia quản trị và vận hành cơ sở sản xuất kinh doanh lâm nghiệp và chế biến lâm sản cũng như các loại hình doanh nghiệp khác.

- Thái độ

- Có thái độ và phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tinh thần yêu nước, yêu nghề nghiệp. Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy. Có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, có thái độ đúng đắn. Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần quản trị doanh nghiệp bao gồm 4 chương, bao gồm các nội dung: giới thiệu tổng quan về quản trị doanh nghiệp, công tác quản trị trong doanh nghiệp, quản trị các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp và hạch toán kinh doanh.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	6	6					
1.1. Doanh nghiệp và doanh nghiệp lâm nghiệp		2					
1.2. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp		2					
1.3. Các trường phái lí thuyết ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp		2					
Chương 2. Công tác quản trị trong doanh nghiệp lâm nghiệp	5	6					
2.1. Các phương pháp quản trị doanh nghiệp		2					
2.2. Cấp quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị		2					
2.3. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp		1					
Chương 3. Quản trị các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp lâm nghiệp	15	7				8	
3.1. Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp		1					
3.2. Tổ chức sử dụng tư liệu sản xuất		2					
3.3. Quản trị nhân sự		2					
3.4. Quản trị tài chính		2					
Chương 4. Hạch toán kinh doanh trong doanh nghiệp	4	4					
4.1. Mục đích và nguyên tắc hạch toán kinh doanh		1					
4.2. Nội dung hạch toán kinh doanh		2					
4.3. Tổ chức hạch toán kinh doanh		1					
Tổng cộng	30	22				8	

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Bài kiểm tra cá nhân được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân
- Bài thực hành nhóm được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm 20% là trung bình của bài kiểm tra cá nhân và thực hành nhóm.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành theo nhóm và cá nhân.
- Đánh giá theo thang điểm 10
- Hình thức thi: Tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bài giảng “Quản trị doanh nghiệp lâm nghiệp”, 2016, Ths.Nguyễn Trọng Dũng

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phùng Thị Hồng Hà, Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp, NXB Đại học Huế, 2015
2. Phạm Khắc Hồng, Nguyễn Văn Tuấn. Quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 1996
3. Trần Quốc Khánh, Phạm Văn Khôi (2012), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp, NXB Thống kê Hà Nội.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp

- 1.1. Doanh nghiệp và doanh nghiệp lâm nghiệp
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm nghiệp
 - 1.1.3. Các loại hình doanh nghiệp lâm nghiệp
- 1.2. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp
 - 1.2.1. Khái niệm quản trị doanh nghiệp
 - 1.2.2. Vai trò của quản trị
- 1.3. Các trường phái lý thuyết ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp
 - 1.3.1. Các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp
 - 1.3.2. Các trường phái lý thuyết ứng dụng trong quản trị kinh doanh

Chương 2. Công tác quản trị trong doanh nghiệp lâm nghiệp

- 2.1. Các phương pháp quản trị doanh nghiệp
 - 2.1.1. Khái niệm

- 2.1.2. Vai trò
- 2.1.3. Các phương pháp quản trị kinh doanh
- 2.2. Cấp quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị
 - 2.2.1. Cấp quản trị
 - 2.2.2. Chức năng quản trị
 - 2.2.3. Lĩnh vực quản trị
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa phân loại theo chức năng và theo các lĩnh vực quản trị
- 2.3. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.1. Cơ chế quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.2. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.2.1. Khái niệm
 - 2.3.2.2. Nguyên tắc xây dựng
 - 2.3.2.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.3. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.3.1. Khái niệm
 - 2.3.3.2. Phân công trong bộ máy quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.3.3. Tổ chức các phòng chức năng

Chương 3. Quản trị các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp lâm nghiệp

- 3.1. Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp
 - 3.1.1. Lí thuyết sản xuất
 - 3.1.2. Các loại hình sản xuất
 - 3.1.3. Nguyên tắc tổ chức sản xuất
- 3.2. Tổ chức sử dụng tư liệu sản xuất
 - 3.2.1. Khái niệm và phân loại tư liệu sản xuất
 - 3.2.2. Tổ chức sử dụng tài sản cố định
 - 3.2.3. Tổ chức sử dụng tài sản lưu động
- 3.3. Quản trị nhân sự
 - 3.3.1. Tổng quan về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
 - 3.3.1.1. Mục đích quản trị nhân sự
 - 3.3.1.2. Nguyên tắc và nội dung quản trị nhân sự
 - 3.3.1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
 - 3.3.2. Hoạch định nhu cầu và tuyển chọn nhân sự
 - 3.3.2.1. Hoạch định nhu cầu nhân sự
 - a. Quy trình hoạch định nhu cầu nhân sự
 - b. Phương pháp xác định nhu cầu nhân sự
 - 3.3.2.2. Tuyển chọn nhân sự
 - a. Nguyên tắc tuyển chọn

- b. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả tuyển chọn
 - c. Quy trình tuyển chọn
 - 3.3.3. Đánh giá, đào tạo và phát triển nhân sự
 - 3.3.4. Thù lao lao động và đảm bảo lợi ích cho người lao động
 - 3.3.4.1. Thù lao lao động
 - a. Thực hiện chế độ tiền lương
 - b. Thực hiện chế độ tiền thưởng
 - 3.3.4.2. Bảo đảm lợi ích cho người lao động
 - 3.3.4.3. An toàn lao động và bảo hộ lao động
 - 3.3.5. Hệ thống quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
 - 3.3.5.1. Cấp doanh nghiệp
 - 3.3.5.2. Cấp phân xưởng
 - 3.3.5.3. Cấp đội sản xuất
 - 3.4. Quản trị tài chính
 - 3.4.1. Tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp
 - 3.4.1.1. Khái niệm
 - 3.4.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của quản trị tài chính doanh nghiệp
 - 3.4.1.3. Nguyên tắc quản trị tài chính doanh nghiệp
 - 3.4.2. Các nội dung cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp
 - 3.4.2.1. Quản trị và sử dụng vốn
 - 3.4.2.2. Huy động nguồn tài chính
- Chương 4. Hạch toán kinh doanh trong doanh nghiệp lâm nghiệp**
- 4.1. Mục đích và nguyên tắc hạch toán kinh doanh
 - 4.1.1. Mục đích hạch toán kinh doanh.
 - 4.1.2. Nguyên tắc hạch toán kinh doanh.
 - 4.2. Nội dung hạch toán kinh doanh.
 - 4.2.1. Hạch toán chi phí sản xuất.
 - 4.2.2. Hạch toán giá thành.
 - 4.2.3. Hạch toán lợi nhuận.
 - 4.3. Tổ chức thực hiện hạch toán kinh doanh.
 - 4.3.1. Tổ chức thông tin và xử lý thông tin.
 - 4.3.2. Tổ chức bộ máy kế toán.

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài tổng hợp

- Nội dung: Tìm hiểu về hoạt động tổ chức sản xuất và quản trị các yếu tố sản xuất tại một doanh nghiệp hoặc một Ban quản lý rừng cụ thể.

- Cách tổ chức: Sinh viên làm việc theo nhóm, mỗi nhóm 5-7 sinh viên. Tìm hiểu thực tế, viết báo cáo và trình bày kết quả trước lớp.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Trọng Dũng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn, Đại học Nông Lâm – Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế.

Điện thoại: 0979033886.

Email: nguyentrongdung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Thị trường, marketing nông nghiệp
- Chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp
- Quản lý doanh nghiệp Nông Lâm nghiệp

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Ths. Nguyễn Thị Bích Thủy**

Chức danh: Giảng viên

Địa điểm làm việc: Bộ môn Kinh tế nông thôn_ Khoa Khuyến nông và Phát triển Nông thôn_ Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng - Thành phố Huế

Điện thoại: 0983 336 101 Email: nguyenthibicththuy@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: phân tích thị trường và chuỗi giá trị nông sản, phân tích giá nông sản, phân tích hoạt động sản xuất nông nghiệp, phân tích chính sách nông nghiệp, kinh tế lượng ứng dụng trong thống kê nông nghiệp nông thôn, xây dựng và quản lý dự án nông nghiệp nông thôn, quản lý nông trại, quản trị doanh nghiệp nông nghiệp.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

TS. Nguyễn Việt Tuấn

Nguyễn Trọng Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng (Forest Ecosystem Research Methodology)

- Mã học phần: LNGH22002

- Số tín chỉ: 2

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 05;

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: 04 bài.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng (LNGH24302), Thống kê ứng dụng trong lâm nghiệp (LNGH24902), Phương pháp tiếp cận khoa học (KNPT23002).

2. Mục tiêu của học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức:
 - + Có kiến thức về phân tích các hệ sinh thái rừng;
 - + Có kiến thức xác định các đặc điểm cấu trúc của các hệ sinh thái rừng gồm hệ sinh thái rừng tự nhiên và hệ sinh thái rừng trồng;
 - + Có kiến thức tiến hành các nghiên cứu, đánh giá hệ sinh thái rừng làm cơ sở đề xuất các biện pháp kỹ thuật tác động và quản lý phù hợp nhằm phát huy tối đa giá trị của rừng mang lại về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.
- Kỹ năng:
 - + Xác định và phân loại được các hệ sinh thái rừng;
 - + Tiếp cận và phân tích được những đặc trưng của các hệ sinh thái rừng;
 - + Xác định phương pháp tiếp cận, các nội dung nghiên cứu để tiến hành nghiên cứu, đánh giá nhằm xác định các đặc trưng của hệ sinh thái rừng theo các mục đích, định hướng khác nhau.
- Thái độ: Nghiêm túc trong công việc, chủ động sáng tạo và biết vận dụng các kiến thức đã học vào công việc nghiên cứu các hệ sinh thái rừng và đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ, phát triển của các hệ sinh thái rừng.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học trong đánh giá hệ sinh thái rừng, bao gồm từ việc xác định các đặc trưng của rừng, phương pháp luận trong xác định các vấn đề cần đánh giá đối với một hệ sinh thái rừng theo các chuyên đề khác nhau, tiến hành đánh giá và

phân tích các đặc trưng của hệ sinh thái rừng dựa trên điều tra thống kê và phân tích số liệu một các khoa học. Từ đó đưa ra các giải pháp kỹ thuật, các tiếp cận trong quản lý để phát huy tối đa về giá trị sử dụng và sinh trưởng của hệ sinh thái rừng..

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Mở đầu	4	2	2				4
1.1. Khái quát về phương pháp nghiên cứu khoa học	1	0,5	0,5				1
1.2. Đặc trưng nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới	1	0,5	0,5				1
1.3. Phương pháp luận trong nghiên cứu hệ sinh thái rừng	2	1	1				2
Chương 2. Các phương pháp nghiên cứu thành phần, cấu trúc và phân bố các hệ sinh thái rừng	7	3	1			3	12
2.1. Phương pháp nghiên cứu thành phần loài thực vật	1	0,5	0,5				2
2.2. Phương pháp nghiên cứu dạng sống thực vật	1	0,5	0,5				2
2.3. Phương pháp nghiên cứu cấu trúc thẳng đứng và theo chiều ngang của quần xã thực vật rừng	2	1				1	4
2.4. Phương pháp nghiên cứu phân bố các hệ sinh thái rừng	3	1				2	3
Chương 3. Phương pháp nghiên cứu năng suất sinh học của hệ sinh thái rừng	6	2,5			0,5	2	10
3.1. Cơ sở lý luận của nghiên cứu năng suất sơ cấp	1	0,5			0,5		2
3.2. Các phương pháp nghiên cứu năng suất sinh học	2	1				1	4
3.3. Nghiên cứu phân dưới mặt đất trong hệ sinh thái rừng	2	1				1	4
Chương 4. Các phương pháp nghiên cứu về khả năng cải tạo và bảo vệ môi trường của các hệ sinh thái rừng	8	5				3	8
4.1. Phương pháp luận trong nghiên cứu ảnh hưởng của rừng đối với môi trường	1	1					1
4.2. Nghiên cứu khả năng cải tạo điều	2	1				1	2

kiện khí hậu của hệ sinh thái rừng							
4.3. Nghiên cứu khả năng làm trong lành môi trường của hệ sinh thái rừng	1	1					1
4.4. Nghiên cứu khả năng cải tạo đất dưới tán rừng	2	1				1	2
4.5. Nghiên cứu khả năng hấp thụ các bon của hệ sinh thái rừng	2	1				1	2
Chương 5. Những phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng	5	2,5	1		0,5	1	5
5.1. Lập ô tiêu chuẩn, dung lượng mẫu, diện tích đánh giá	0,5	0,5					0,5
5.2. Phiếu để mô tả ô tiêu chuẩn điều tra hiện trường	0,5	0,5					0,5
5.3. Đánh giá thành phần loài trong hệ sinh thái rừng	1	0,5	0,5				1
5.4. Phương pháp hoá học, sinh học và giải phẫu trong nghiên cứu quần xã thực vật rừng	1	0,5			0,5		1
5.5. Xử lý số liệu trong nghiên cứu hệ sinh thái rừng	2	0,5	0,5			1	2
TỔNG	30	16	4		1	9	30

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (Chiếm 20% trọng số)

Đánh giá 4 bài thực hành, tính điểm trung bình 4 bài cho phần kiểm tra đánh giá định kỳ.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (Chiếm trọng số 70%)

Đánh giá kết thúc học phần bằng hai hình thức thi: Tự luận và Vấn đáp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2005. Các phương pháp nghiên cứu thực vật.

2. Hoàng Chung. Các phương pháp nghiên cứu quần xã thực vật rừng. Nhà xuất bản giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1.. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan, 2005. Sinh thái rừng. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.

2. Trần Ngũ Phương, 2000. Một số vấn đề về rừng nhiệt đới Việt Nam. Nhà xuất bản nông nghiệp. Hà Nội.

3. Thái Văn Trùng, 1978. Thảm thực vật rừng Việt Nam. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật. Hà Nội.

4. Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2008-2020, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà nội 2008.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHÂN LÝ THUYẾT

Chương 1. Mở đầu

1.1. Khái quát về phương pháp nghiên cứu khoa học

1.2. Đặc trưng nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới

1.2.1. Hệ sinh thái rừng

1.2.2. Những đặc trưng nghiên cứu hệ sinh thái rừng

1.3. Phương pháp luận trong nghiên cứu hệ sinh thái rừng

1.3.1. Phân loại các tiểu vùng sinh thái (vùng núi cao, gò đồi, cát ven biển....)

1.3.2. Xác định các hướng ưu tiên cho từng tiểu vùng sinh thái

Chương 2. Các phương pháp nghiên cứu thành phần, cấu trúc và phân bố các hệ sinh thái rừng

2.1. Phương pháp nghiên cứu thành phần loài động thực vật

2.2. Phương pháp nghiên cứu dạng sống thực vật

2.3. Phương pháp nghiên cứu cấu trúc thẳng đứng và nằm ngang của quần xã thực vật rừng

2.4. Phương pháp nghiên cứu phân bố các hệ sinh thái rừng

2.5. Xác định tuổi cây gỗ trong quần xã thực vật rừng

Chương 3. Phương pháp nghiên cứu năng suất sinh học của hệ sinh thái rừng

3.1. Cơ sở lý luận của nghiên cứu năng suất sơ cấp

3.1.1. Những nhân tố môi trường bên ngoài tham gia quá trình tạo năng suất sơ cấp;

3.1.2. Những yếu tố nội tại trong quá trình tạo năng suất sơ cấp;

3.1.3. Năng suất của quần xã cây rừng và sự biến đổi năng suất sơ cấp trong sự biến động của quần xã theo thời gian;

3.2. Các phương pháp nghiên cứu năng suất sinh học

3.2.1. Những chỉ số đánh giá năng suất thảm thực vật

3.2.2. Các phương pháp xác định năng suất sinh học của thực vật

- 3.3. Nghiên cứu phần dưới mặt đất trong hệ sinh thái rừng
 - 3.3.1. Ý nghĩa và mục đích trong nghiên cứu phần dưới mặt đất trong hệ sinh thái rừng
 - 3.3.2. Những phương pháp nghiên cứu phần dưới mặt đất trong hệ sinh thái rừng
 - 3.3.3. Phương pháp lấy mẫu đất dưới tán rừng

Chương 4. Các phương pháp nghiên cứu về khả năng cải tạo và bảo vệ môi trường của các hệ sinh thái rừng

- 4.1. Phương pháp luận trong nghiên cứu ảnh hưởng của rừng đối với môi trường
- 4.2. Nghiên cứu khả năng cải tạo điều kiện khí hậu của hệ sinh thái rừng
 - 4.2.1. Phân nhóm các yếu tố khí hậu
 - 4.2.2. Chuẩn bị dụng cụ quan trắc, đo đếm
 - 4.2.3. Chọn thời điểm và địa bàn nghiên cứu
 - 4.2.4. Đo đếm và ghi chép số liệu
- 4.3. Nghiên cứu khả năng làm trong lành môi trường của hệ sinh thái rừng
 - 4.3.1. Xác định các nhân tố môi trường nghiên cứu
 - 4.3.2. Công tác chuẩn bị, dụng cụ thiết bị đo đếm
 - 4.3.3. Đo đếm và ghi chép số liệu
- 4.4. Nghiên cứu khả năng cải tạo đất dưới tán rừng
 - 4.4.1. Công tác chuẩn bị và dụng cụ, vật tư
 - 4.4.2. Xác định các nhân tố điều tra
 - 4.4.3. Phương pháp xác định thảm mục dưới tán rừng
 - 4.4.4. Đào phẫu diện, thu mẫu đất
 - 4.4.5. Phân tích các số liệu về mẫu đất dưới tán rừng để đánh giá các giá trị cho nghiên cứu
- 4.5. Nghiên cứu khả năng hấp thụ các bon của hệ sinh thái rừng
 - 4.5.1. Công tác chuẩn bị
 - 4.5.2. Chọn dung lượng mẫu, điều tra, đo đếm ngoài thực địa
 - 4.5.3. Xử lý mẫu trong phòng thí nghiệm

Chương 5. Những phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng

- 5.1. Lập ô tiêu chuẩn, dung lượng mẫu, diện tích đánh giá
- 5.2. Phiếu để mô tả ô tiêu chuẩn điều tra hiện trường
- 5.3. Đánh giá thành phần loài trong hệ sinh thái rừng
 - 5.3.1. Phương pháp xây dựng công thức tổ thành
 - 5.3.2. Phương pháp xác định loài ưu thế
 - 5.3.3. Tần suất xuất hiện
 - 5.3.4. Phẩm chất cây
 - 5.3.5. Cấu trúc tầng thứ, mạng hình phân bố và mật độ
 - 5.3.6. Các yếu tố lập địa ảnh hưởng đến sinh trưởng của các loài

5.4. Phương pháp hoá học, sinh học và giải phẫu trong nghiên cứu quần xã thực vật rừng

5.5. Xử lý số liệu trong nghiên cứu hệ sinh thái rừng

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Xác định cấu trúc và phân bố hệ sinh thái rừng

a) Nội dung:

- Xác định cấu trúc tổ thành;
- Xác định mật độ, mạng hình phân bố;
- Xác định phân bố hệ sinh thái rừng.

b) Phương pháp:

- Điều tra hệ sinh thái rừng: Lập ô tiêu chuẩn, sử dụng phiếu điều tra lập sẵn;
- Giải tích thân cây hoặc khoan tăng trưởng để thu mẫu.
- Xử lý số liệu tại phòng thí nghiệm và phân tích thống kê để đánh giá cấu trúc rừng, mật độ, sự phân bố cũng như tuổi của cây.

Bài 2. Đánh giá năng suất hệ sinh thái rừng

a) Nội dung:

- Đo đếm sinh trưởng rừng;
- Thu mẫu các bộ phận thân cây trên mặt đất và dưới mặt đất.

b) Vật liệu, phương pháp:

- Vật liệu: Dụng cụ đo đếm các chỉ tiêu sinh trưởng, đào phẫu diện, thu mẫu...
- Phương pháp: Lập ô tiêu chuẩn đo đếm, thu mẫu xác định trọng lượng ngoài thực địa và sấy khô trong phòng để xác định sinh khối, lượng các bon...

Bài 4: Xác định ảnh hưởng của rừng đối với các nhân tố môi trường

a) Nội dung thực hành

- Ảnh hưởng của rừng đến không khí
- Ảnh hưởng của rừng đến đất;
- Khả năng hấp thụ các bon của hệ sinh thái rừng.

b) Vật liệu và phương pháp:

- Vật liệu: Các thiết bị đo nhiệt độ, gió, độ ẩm, cuộc xẻng...
- Phương pháp: Đo đếm hiện trường và phân tích tại phòng thí nghiệm, viết báo cáo.

Bài 4. Phương pháp xử lý thống kê số liệu nghiên cứu hệ sinh thái rừng

a) Nội dung:

Phương pháp, công cụ xử lý thống kê và biểu diễn số liệu đo đếm trong nghiên cứu.

b) Phương pháp:

- Giới thiệu một số phần mềm xử lý thống kê nghiên cứu hệ sinh thái rừng;
- Hướng dẫn các bước nhập số liệu, sắp xếp số liệu và phân tích, viết các thông tin từ kết quả phân tích số liệu.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1: Dương Viết Tình

Họ và tên: Dương Viết Tình

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm Sinh

Điện thoại: 0903512070

email: duongviettin@ huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Nông lâm kết hợp và Quản lý đất lâm nghiệp.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phạm Cường

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 14 Tôn Thất Thiệp, TP. Huế. Điện thoại: 0905801501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu: Kỹ thuật trồng rừng và cải thiện giống cây rừng; Kỹ thuật lâm sinh; Bảo tồn đa dạng sinh học; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nông lâm kết hợp.

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

(Ký ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

PGS.TS. Dương Viết Tình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: ***Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp (Forest environmental impact assessment)***

- Mã học phần: LNGH29302

- Số tín chỉ: 2

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 20 tiết; Số chương: 5;

+ Thảo luận, báo cáo: 10 tiết;

- Điều kiện tiên quyết: Trồng rừng (LNGH25803) đối với ngành LN và QLTNR; Trồng rừng đại cương (LNGH25902) đối với ngành LNĐT.

2. Mục tiêu của học phần

Học phần ***Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp*** đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và ngành Lâm nghiệp đô thị như sau:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quy trình của Đánh giá tác động môi trường, tiêu chí và tiêu chuẩn môi trường Lâm nghiệp, Các phương pháp dự báo tác động môi trường
- Kỹ năng:
 - + Kỹ năng thu thập và phân tích thông tin.
 - + Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.
 - + Kỹ năng phân tích, đánh giá, lập luận tư duy và dự báo những tác động xâm hại đến môi trường rừng, cảnh quan.
 - + Kỹ năng phân tích, xây dựng và lựa chọn các phương án dự án phù hợp với môi trường.
- Thái độ:
 - + Thực hiện tốt các phẩm chất đạo đức của người được đào tạo và luôn chấp hành tốt những quy tắc, yêu cầu trong công việc.
 - + Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có thái độ đúng đắn trong làm việc nhóm hay làm việc độc lập.
 - + Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ bạn bè.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phát triển bền vững, vai trò của đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong việc triển khai các dự án phát triển kinh tế;

đưa ra các phương pháp đánh giá tác động hiện hành trên thế giới hiện nay, hệ thống quản lý và thẩm định, quy trình thẩm định các báo cáo ĐTM ở Việt Nam.

Giúp người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của các công tác ĐTM cho các hoạt động của các dự án đầu tư trong nhiều lĩnh vực khác nhau; hình thành khả năng đánh giá mức độ tác động, dự báo rủi ro môi trường và khả năng thiết lập các phương án phù hợp để xử lý các tác hại đến môi trường của dự án.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Mở đầu - Một số khái niệm	1	1					3
Chương 1: Định nghĩa, sự ra đời và phát triển của đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	3	3					9
1.1. Đánh giá tác động môi trường		0,5					1,5
1.2. Sự ra đời và phát triển của ĐTM		0,5					1,5
1.3. Mục đích, ý nghĩa và đối tượng của ĐTM		0,5					1,5
1.4. Tổ chức và quản lý công tác ĐTM		1					3
1.5. Chi phí của ĐTM		0,5					1,5
Chương 2: Dự án phát triển và tác động môi trường của dự án	3	2		1			6
2.1. Dự án phát triển		1					3
2.2. Tác động môi trường của dự án		1		1			3
Chương 3: Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường	16	10	4		2		30
3.1. Chi phí và lập dự trù chi phí trong đánh giá tác động môi trường		1					3
3.2. Quy trình chung đánh giá tác động môi trường trên thế giới		1					3
3.3. Trình tự đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam		8	4		2		24
Chương 4: Tiêu chí và tiêu chuẩn môi trường lâm nghiệp	4	2		2			6
4.1. Khái niệm và hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam		1					3
4.2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn môi		1		2			3

trường sử dụng cho đánh giá tác động môi trường trong lâm nghiệp						
Chương 5: Phương pháp dự báo tác động môi trường	3	2		2		6
5.1. Phương pháp danh mục kiểm tra		0,5				1,5
5.2. Phương pháp ma trận		0,5		2		1,5
5.3. Phương pháp chồng bản đồ		0,5				1,5
5.4. Phương pháp sơ đồ mạng		0,5				1,5

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

20% trọng số điểm được tính bằng tổng điểm trung bình chung của các bài tập kiểm tra, thảo luận nhóm

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Thi đánh giá cuối kỳ: 70% trọng số.

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi tự luận áp dụng theo quy chế thi, chọn 02 câu hỏi từ ngân hàng đề thi. Câu hỏi được biên soạn theo thang điểm 10.

Điểm A từ 8,5 – 10 điểm: bài thi đáp ứng toàn bộ ý chính của câu hỏi, biết vận dụng phân tích làm rõ các nội dung mà câu hỏi yêu cầu. Đưa ra các ví dụ làm rõ phân tích, hành văn mạch lạc.

Điểm B từ 7,0 – 8,4 điểm: bài làm đáp ứng được cơ bản các ý chính của nội dung câu hỏi yêu cầu, biết trình bày và phân tích sơ lược nội dung câu hỏi yêu cầu, đưa ra các ví dụ minh họa.

Điểm C từ 5,5 – 6,9 điểm: trình bày được một số ý chính và diễn đạt được nội dung câu hỏi yêu cầu. Có thể có ví dụ minh họa làm rõ ý

Điểm D từ 4,0 – 5,4 điểm: nêu được một số ý cơ bản, nội dung trình bày sơ sài, thiếu sự phân tích và cách diễn đạt không mạch lạc.

Điểm F từ 0 – 3,9 điểm: nêu các ý lệch lạc, không đúng với yêu cầu của đề bài, thiếu kỹ năng trình bày bài, phân tích và triển khai ý.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Vũ Thị Thùy Trang. Bài giảng Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp. Khoa Lâm nghiệp. 2017.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Cơ - Phạm Ngọc Hồ. “Đánh giá tác động môi trường”. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2008.
- Luật bảo vệ môi trường 2014.
- Vương Văn Quỳnh và cộng sự. Giáo trình Đánh giá tác động môi trường. NXB Nông nghiệp Hà Nội. 2012.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Mở đầu

Chương 1. Định nghĩa, sự ra đời và phát triển của Đánh giá tác động môi trường

1.5. Đánh giá giá tác động môi trường

1.1.1. Đánh giá

1.1.2. Tác động

1.1.3. Đánh giá tác động môi trường

1.2. Sự ra đời và phát triển của ĐTM

1.2.1. Trên thế giới

1.2.2. Các tổ chức quốc tế

1.2.3. Việt Nam

1.3. Mục đích, ý nghĩa và đối

1.3.1. Mục đích

1.3.2. Ý nghĩa

1.4. Tổ chức và quản lý công tác ĐTM

1.5. Chi phí của ĐTM

1.5.1. Chi phí trực tiếp

1.5.2. Chi phí gián tiếp

1.5.3. Chi phí kiểm soát ô nhiễm

Chương 2. Dự án phát triển và tác động môi trường của dự án

2.1. Dự án phát triển (dự án đầu tư)

2.1.1. Khái niệm về dự án

2.1.2. Mục tiêu của dự án đầu tư

2.1.3. Đặc trưng của một dự án đầu tư

2.1.4. Phân loại dự án đầu tư

2.1.5. Chu kỳ của một dự án đầu tư

2.2. Tác động môi trường của dự án

2.2.1. Những con đường tác động môi trường của dự án

2.2.2. Những yếu tố kỹ thuật quan trọng liên quan đến tác động môi trường

Chương 3. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường

3.1. Quy trình chung ĐTM trên Thế giới

3.2. Trình tự ĐTM ở Việt Nam

3.2.1. Lược duyệt/ sàng lọc

3.2.2. Xác định phạm vi

3.2.3. Lập đề cương

3.2.4. Lập báo cáo ĐTM

3.2.4.1. Phân tích và dự báo tác động cụ thể

3.2.4.2. Biện pháp giảm thiểu và quản lý tác động

3.2.4.3. Xem xét, so sánh các phương án, dự án thay thế

3.2.4.4. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

3.2.5. Tham khảo ý kiến cộng đồng

3.2.6. Thẩm định báo cáo ĐTM

3.2.7. Kế hoạch giám sát và quản lý ĐTM

3.2.7.1. Nguyên tắc và yêu cầu của giám sát môi trường

3.2.7.2. Xây dựng kế hoạch giám sát môi trường

3.2.7.3. Đảm bảo hiệu quả và kinh tế của công tác giám sát và quản lý môi trường

Chương 4. Tiêu chí và tiêu chuẩn môi trường Lâm nghiệp

4.1. Khái niệm về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam

4.1.1. Khái niệm tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường

4.1.2. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam

4.2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường sử dụng cho ĐTM trong lâm nghiệp

4.2.1. Phương pháp xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường sử dụng cho ĐTM trong lâm nghiệp

4.2.2. Một số tiêu chuẩn quy đổi môi trường có thể sử dụng cho ĐTM trong lâm nghiệp

Chương 5. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường

5.1. Phương pháp danh mục kiểm tra

5.2. Phương pháp ma trận

5.3. Phương pháp chập bản đồ môi trường

5.4. Phương pháp sơ đồ mạng

5.5. Phương pháp phân tích chi phí - lợi ích

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Vũ Thị Thùy Trang**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại khoa lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế)

Điện thoại: 0905655905

Email: vuthithuytrang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm sinh, Lâm nghiệp xã hội, Luật và chính sách trong lâm nghiệp, Đánh giá tác động môi trường, Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp, Cảnh quan đô thị.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thương**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại khoa lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế)

Điện thoại: 0946271179

Email: thuonglamnghiep@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Sâu bệnh hại; Quản lý sâu bệnh hại rừng; Sâu bệnh hại cây đô thị; Quản lý lửa rừng – phòng chống cháy rừng; Tổ chức quản lý các loại rừng; Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Huỳnh Thị Ngọc Diệp**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại khoa lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên Rừng, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế)

Điện thoại: 0966995064

Email: huynhthingocdiiep@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Côn trùng rừng; Quản lý sâu bệnh hại rừng; Sâu bệnh hại cây đô thị; Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây dược liệu; Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.S Vũ Thị Thùy Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Kinh tế lâm nghiệp** (*Forestry Economics*)
- Mã học phần: **KNPT27902**
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 20 tiết; Số chương học: 4 chương
 - + Thực hành và thảo luận: 10 tiết
- Điều kiện tiên quyết: Không

2. Mục tiêu của học phần

Học phần kinh tế lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Công nghệ chế biến lâm sản như sau:

- Kiến thức: Môn học này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về kinh tế ngành lâm nghiệp, về kinh tế tài nguyên rừng, quản lý và sử dụng tài nguyên rừng bền vững cũng như biết được thị trường, thị trường lâm sản là gì.
- Kỹ năng: Nắm được các kiến thức của kinh tế vĩ mô ngành lâm nghiệp làm nền tảng cho việc tiếp thu các môn học kinh tế khác thuộc ngành Lâm nghiệp.
- Thái độ: Nghiêm chỉnh tiếp thu bài, tham gia thảo luận và làm các chuyên đề đầy đủ.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Kinh tế Lâm nghiệp gồm 4 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế ngành, Thị trường lâm sản, phương pháp định giá cây đứng, Chứng chỉ rừng và sử dụng rừng bền vững... Giúp cho việc quản lý tài nguyên rừng tốt hơn

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Tổng quan về kinh tế lâm nghiệp	8	5	3				
1.1. Khái niệm và đặc điểm của sản xuất Lâm nghiệp		1					
1.1.1. Vai trò của lâm nghiệp trong							

nền kinh tế quốc dân							
1.1.2. Đặc điểm của sản xuất lâm nghiệp							
1.2. Tài nguyên rừng		1					
1.2.1. Khái niệm tài nguyên rừng							
1.2.2. Hiện trạng tài nguyên rừng							
1.3. Tổ chức quản lý lâm nghiệp Việt Nam		1					
1.3.1. Quá trình hình thành ngành lâm nghiệp Việt Nam							
1.3.2. Nội dung tổ chức quản lý lâm nghiệp							
1.3.3. Hệ thống kinh tế lâm nghiệp							
1.3.4. Cơ cấu kinh tế lâm nghiệp		2					
1.4. Phát triển lâm nghiệp							
1.4.1. Khái niệm về phát triển lâm nghiệp							
1.4.2. Phát triển kinh tế lâm nghiệp							
1.4.3. Chiến lược phát triển lâm nghiệp gia đoạn 2015 – 2025							
Chương 2. Kinh tế tài nguyên rừng	9	6	2		1		
2.1. Thị trường lâm sản		2					
2.1.1. Khái niệm, chức năng và đặc điểm của thị trường lâm sản							
2.1.2. Cung và cầu lâm sản							
2.1.3. Cơ chế hình thành giá lâm sản							
2.1.4. Các kênh thị trường lâm sản							
2.1.5. Hiệu quả thị trường							
2.1.6. Dự báo thị trường lâm nghiệp							
2.2. Đầu tư trong lâm nghiệp		1,5					
2.3. Định giá tài nguyên rừng		1,5					
2.3.1. Sự cần thiết phải định giá tài nguyên rừng							
2.3.2. Cơ sở khoa học và cách tiếp cận.							

2.4. Hạch toán tài nguyên rừng		1					
2.4.1. Đo lường phúc lợi xã hội							
2.4.2. Những khiếm khuyết trong đo lường phúc lợi xã hội							
2.4.3. Hiệu chỉnh đo lường phúc lợi xã hội							
Chương 3. Quản lý sử dụng tài nguyên rừng	7	5	2				
3.1. Sử dụng rừng		1					
3.1.1. Cơ sở sinh học của rừng							
3.1.2. Kinh tế trong sử dụng rừng							
3.2. Phá rừng		1					
3.2.1. Khái niệm							
3.2.2. Nguyên nhân của phá rừng							
3.2.3. Các mô hình phá rừng							
3.3. quản lý rừng bền vững		1					
3.1.1. Khái niệm							
3.1.2. Nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng bền vững							
3.4. Chứng chỉ rừng		2					
3.4.1. Khái niệm.							
3.4.2. Nguyên tắc và tiêu chí							
3.4.3. Quy trình cấp chứng chỉ							
3.4.4. Lợi ích và chi phí của chứng chỉ rừng							
3.4.5. Những thách thức đối với chứng chỉ rừng							
Chương 4. Thể chế và chính sách trong lâm nghiệp	6	3	3				
4.1. Thể chế trong lâm nghiệp		0,5					
4.2. Chính sách phát triển trong nông lâm nghiệp		0,5					
4.3. Phân tích chính sách trong lâm nghiệp		0,5					

4.4. Quá trình và nội dung phân tích chính sách phát triển nông lâm nghiệp		0,5				
4.5. Một số chính sách chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp		1				
Tổng	30	20	9		1	60

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Có thể đánh giá bằng một trong các hình thức sau:

- Sau một tín chỉ sinh viên sẽ làm một bài kiểm tra giáo viên chấm theo thang điểm 10 điểm bình quân của các bài kiểm tra là điểm đánh giá định kỳ.
- Kiểm tra đánh giá qua các bài tập cá nhân và thảo luận nhóm, trình bày các tình huống liên quan tới lý thuyết theo thang điểm 10

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành theo nhóm và cá nhân.
- Hình thức: tự luận.

Cuối môn học người học sẽ trải qua một kỳ đánh giá bằng hình thức thi tự luận, điểm của các câu hỏi được chấm theo thang điểm 10 và tính bình quân.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Văn Đệ, Phạm Xuân Phương, Nguyễn Nghĩa Biên, Nguyễn Văn Tuấn (2005). Kinh tế Lâm nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Cá nhân.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thế Nhã. Kinh tế Nông nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội. 1995
2. Phạm Xuân Phương. Kinh tế Lâm nghiệp. NXB nông nghiệp. 1997. Cá nhân
3. Bùi Minh Vũ. Giáo trình Kinh tế Lâm nghiệp. Nhà xuất bản Thống kê 2001. Cá nhân

7. Nội dung chi tiết học phần.

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Tổng quan về kinh tế lâm nghiệp

- 1.1. Khái niệm và đặc điểm của sản xuất Lâm nghiệp
- 1.2. Tài nguyên rừng
 - 1.2.1. Khái niệm tài nguyên rừng
 - 1.2.2. Hiện trạng tài nguyên rừng
- 1.3. Tổ chức quản lý lâm nghiệp Việt Nam
 - 1.3.1. Quá trình hình thành ngành lâm nghiệp Việt Nam
 - 1.3.2. Nội dung tổ chức quản lý lâm nghiệp
 - 1.3.3. Hệ thống kinh tế lâm nghiệp
 - 1.3.4. Cơ cấu kinh tế lâm nghiệp
- 1.4. Phát triển lâm nghiệp
 - 1.4.1. Khái niệm về phát triển lâm nghiệp
 - 1.4.2. Phát triển kinh tế lâm nghiệp
 - 1.4.3. Chiến lược phát triển lâm nghiệp gia đoạn 2015 – 2025

Chương 2. Kinh tế tài nguyên rừng

- 2.1. Thị trường lâm sản
 - 2.1.1. Khái niệm, chức năng và đặc điểm của thị trường lâm sản
 - 2.1.2. Cung và cầu lâm sản
 - 2.1.3. Cơ chế hình thành giá lâm sản
 - 2.1.4. Các kênh thị trường lâm sản
 - 2.1.5. Hiệu quả thị trường
 - 2.1.6. Dự báo thị trường lâm nghiệp
- 2.2. Đầu tư trong lâm nghiệp
- 2.3. Định giá tài nguyên rừng
 - 2.3.1. Sự cần thiết phải định giá tài nguyên rừng
 - 2.3.2. Cơ sở khoa học và cách tiếp cận.
- 2.4. Hạch toán tài nguyên rừng
 - 2.4.1. Đo lường phúc lợi xã hội
 - 2.4.2. Những khiếm khuyết trong đo lường phúc lợi xã hội
 - 2.4.3. Hiệu chỉnh đo lường phúc lợi xã hội

Chương 3. Quản lý sử dụng tài nguyên rừng

- 3.1. Sử dụng rừng
 - 3.1.1. Cơ sở sinh học của rừng
 - 3.1.2. Kinh tế trong sử dụng rừng
- 3.2. Phá rừng
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Nguyên nhân của phá rừng
 - 3.2.3. Các mô hình phá rừng
- 3.3. quản lý rừng bền vững
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng bền vững
- 3.4. Chứng chỉ rừng
 - 3.4.1. Khái niệm.
 - 3.4.2. Nguyên tắc và tiêu chí
 - 3.4.3. Quy trình cấp chứng chỉ
 - 3.4.4. Lợi ích và chi phí của chứng chỉ rừng
 - 3.4.5. Những thách thức đối với chứng chỉ rừng

Chương 4. Thể chế và chính sách trong lâm nghiệp

- 4.1. Thể chế trong lâm nghiệp
 - 4.1.1. Các bên liên quan trong sản xuất lâm nghiệp
 - 4.1.2. Quyền tài sản
 - 4.1.3. Các chế độ quản lý trong lâm nghiệp
- 4.2. Chính sách phát triển trong nông lâm nghiệp
 - 4.2.1. Khái niệm và phân loại chính sách
 - 4.2.2. Chức năng của chính sách
 - 4.2.3. Yêu cầu đối với chính sách
 - 4.2.4. Cấu trúc của một chính sách
 - 4.2.5. Chu kỳ của chính sách
 - 4.2.6. Hệ thống tổ chức xây dựng và thực hiện chính sách
 - 4.2.7. Hình thức và phương pháp tổ chức thực thi chính sách
- 4.3. Phân tích chính sách trong lâm nghiệp
- 4.4. Quá trình và nội dung phân tích chính sách phát triển nông lâm nghiệp
- 4.5. Một số chính sách chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp
 - 4.5.1. Chính sách ruộng đất

4.5.2. Chính sách đầu tư vốn cho lâm nghiệp

4.5.3. Chính sách về khoa học công nghệ trong nông lâm nghiệp

4.5.4. Chính sách xã hội nông thôn

PHẦN THỰC HÀNH - THẢO LUẬN

- Trong khi học các chương sinh viên sẽ 4 chủ đề thảo luận về các nội dung của chương liên hệ với tình hình thực tế;

- Chương 1: Thảo luận về vai trò của ngành lâm nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân và các đặc điểm của Tài nguyên rừng theo hướng tài nguyên tái tạo.

- Chương 2: Thảo luận về thị trường lâm sản hiện nay và xu thế của thị trường lâm sản trong điều kiện đóng cửa rừng

- Chương 3: Thảo luận về việc sử dụng rừng bền vững ở Việt nam hiện nay và so sánh với các nước trong khu vực và lợi ích của việc tham gia FSC.

- Chương 4: Thảo luận về một số chính sách của Chính Phủ về Lâm nghiệp hiện nay.

Hình thức thực hiện: Sinh viên chia ra các nhóm và chọn các chủ đề để thực hiện, sau đó trình bày kết quả.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Trọng Dũng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn, Đại học Nông Lâm – Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế.

Điện thoại: 0979033886.

Email: nguyentrongdung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Thị trường, marketing nông nghiệp
- Chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp
- Quản lý doanh nghiệp Nông Lâm nghiệp

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thiện Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Kinh tế nông thôn, khoa KN&PTNT, trường ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0983983851

Email: nguyenthientam@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, tài chính vi mô, kinh doanh nông nghiệp

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

(Ký ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

TS. Nguyễn Việt Tuấn

Nguyễn Trọng Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp (Forestry Policy and Law)
- Mã học phần: LNGH31402
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 22 tiết; Số chương học: 04 chương.
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 08 tiết thảo luận; Số bài thảo luận: 02 bài.
- Điều kiện tiên quyết: Để học tốt học phần này sinh viên cần được học trước các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như: Tổ chức quản lý các loại rừng (LNGH25702), Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp (LNGH24102).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Pháp luật và chính sách lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp, ngành Quản lý tài nguyên rừng, và ngành Công nghệ chế biến lâm sản như sau:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và các chính sách có liên quan đến quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp.
- Kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng phân tích chính sách (phân tích văn bản pháp luật và phân tích thực hiện các chính sách lâm nghiệp).
- Thái độ: Kích thích thái độ học hỏi và tìm tòi trong nghiên cứu. Luôn tiếp cận, cập nhật các thông tin pháp luật và chính sách liên quan đến quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật lâm nghiệp và một số chính sách có liên quan đến lâm nghiệp như những vấn đề chung có liên quan tới luật và chính sách lâm nghiệp; những quy định chung về bảo vệ và phát triển rừng; pháp luật về bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; chính sách giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; và quản trị rừng.

Các nội dung trên được giới thiệu cho sinh viên thông qua nhiều phương pháp khác nhau như là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, tự nghiên cứu/tự học . . . do đó sinh viên cũng có thể tiếp cận môn học bằng nhiều cách khác nhau.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Những quy định chung về bảo vệ và phát triển rừng	4	4					12
1.1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của pháp luật lâm nghiệp	1	1					
1.2. Quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng	2	2					
1.3. Quyền lợi và nghĩa vụ của chủ rừng	1	1					
Chương 2: Chính sách và phương pháp phân tích chính sách lâm nghiệp	12	8	4				24
2.1. Những vấn đề chung về chính sách	1	1					
2.2. Chu kỳ/Quá trình chính sách	1	1					
2.3. Các hình thức thực hiện chính sách	2	2					
2.4. Các phương pháp thực hiện chính sách	2	2					
2.5. Phân tích chính sách	6	2	4				
Chương 3: Chính sách giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp	5	5					15
3.1. Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng	3	3					
3.2. Khoán rừng và đất lâm nghiệp	2	2					
Bài 4: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES)	9	5	4				15
4.1. Những quy định chung	1	1					
4.2. Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng	7	3	4				
4.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của	1	1					

bên sử dụng và bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng							
Tổng cộng	30	22	8				66

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - < 20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra - đánh giá định kỳ thông qua 2 buổi seminar (thảo luận nhóm):
- + Seminar 1: Sau khi học xong phần 2.5. Phân tích chính sách
- + Seminar 2: Sau khi học xong phần 4.2. Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Tiêu chí đánh giá buổi thảo luận nhóm:

- + Kết quả thảo luận nhóm: Đánh giá 60% trọng số điểm thảo luận.
- + Trả lời câu hỏi của các nhóm khác và giáo viên: Đánh giá 20% trọng số điểm thảo luận.
- + Góp ý, đặt câu hỏi cho các nhóm khác: Đánh giá 20% trọng số điểm thảo luận.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi: Tự luận
- Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần theo kế hoạch của phòng Đào tạo đại học và chấm thi theo đúng quy định của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục để xác định điểm thi.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp do nhóm giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội Việt nam (2004). Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004
2. Chính phủ Việt nam (2006). Nghị định 23/2006/NĐ-CP của Chính phủ về “Thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng”

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những quy định chung về bảo vệ và phát triển rừng

1.1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của pháp luật lâm nghiệp

1.2. Quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng

- 1.2.1. Phân loại rừng
- 1.2.2. Quyền của Nhà nước đối với rừng
- 1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng
- 1.2.4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng
- 1.2.5. Nguyên tắc bảo vệ và phát triển rừng
- 1.2.6. Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng
- 1.2.7. Cải tạo rừng tự nhiên

1.3. Quyền lợi và nghĩa vụ của chủ rừng

- 1.3.1. Chủ rừng
- 1.3.2. Quy định chung về quyền và nghĩa vụ của chủ rừng
- 1.3.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng là BQL rừng đặc dụng, BQL rừng phòng hộ
- 1.3.4. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng là tổ chức kinh tế
- 1.3.5. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng là cộng đồng dân cư thôn
- 1.3.6. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân
- 1.3.7. Quyền và nghĩa vụ của các chủ rừng khác

Chương 2: Chính sách và phương pháp phân tích chính sách lâm nghiệp

2.1. Những vấn đề chung về chính sách

- 2.1.1. Khái niệm chính sách
- 2.1.2. Đối tượng chính sách
- 2.1.3. Phân loại chính sách
- 2.1.4. Chức năng và yêu cầu đối với một chính sách
- 2.1.5. Cấu trúc của chính sách

2.2. Chu kỳ/Quá trình chính sách

- 2.2.1. Hoạch định chính sách
- 2.2.2. Thể chế hóa chính sách
- 2.2.3. Tổ chức thực hiện chính sách
- 2.2.4. Kiểm tra, điều chỉnh và tổng kết chính sách

2.3. Các hình thức thực hiện chính sách

- 2.3.1. Hình thức theo địa chỉ cụ thể
- 2.3.2. Hình thức theo địa chỉ mở
- 2.3.3. Hình thức theo thông lệ xã hội
- 2.3.4. Hình thức “sốc”

2.4. Các phương pháp thực hiện chính sách

- 2.4.1. Phương pháp thuyết phục
- 2.4.2. Phương pháp cưỡng chế
- 2.4.3. Phương pháp tổ chức
- 2.4.4. Phương pháp kinh tế

2.4.5. Phương pháp hành chính

2.5. Phân tích chính sách

2.5.1. Khái niệm phân tích chính sách

2.5.2. Nhiệm vụ của phân tích chính sách

2.5.3. Cơ sở và yêu cầu của thông tin cho phân tích chính sách

2.5.4. Các mô hình phân tích chính sách

2.5.5. Các nội dung phân tích chính sách

2.5.6. Các bước cơ bản trong nghiên cứu/phân tích chính sách

Chương 3: Chính sách giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp

3.1. Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng

3.1.1. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng

3.1.2. Căn cứ giao rừng, cho thuê rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng

3.1.3. Những quy định về giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng

3.1.4. Tiến trình giao đất giao rừng

3.2. Khoán đất rừng sản xuất

3.2.1. Mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng khoán và nhận khoán

3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên khoán và Bên nhận khoán

Chương 4: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

4.1. Những quy định chung

4.1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

4.1.2. Loại rừng và loại dịch vụ môi trường rừng được trả tiền dịch vụ môi trường rừng

4.1.3. Nguyên tắc và hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng

4.1.4. Đối tượng và loại dịch vụ phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng

4.1.5. Đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

4.2. Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

4.2.1. Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ theo hình thức chi trả trực tiếp

4.2.2. Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ theo hình thức chi trả gián tiếp

4.2.3. Nguyên tắc sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

4.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của bên sử dụng và bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng

4.3.1. Quyền hạn và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng

4.3.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hoàng Huy Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giảng dạy tại Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 1996

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế, Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0914263761

Email: hoanghuytuan69@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp (Sự phân quyền trong quản lý rừng; Thể chế địa phương; FLEGT); Quản trị rừng; Sinh kế bền vững; Lâm nghiệp cộng đồng; Thích ứng và giảm thiểu với biến đổi khí hậu (REDD+, PFES),

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Phạm Thị Phương Thảo**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bắt đầu chính thức giảng dạy từ 3/2014 tại Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 14/14 Lê Ngô Cát, Thành phố Huế

Điện thoại: 01255254626

Email: phamthiphuongthao@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp cộng đồng, Khí tượng, Kỹ thuật cắt tía và tạo hình cây cảnh quan.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

TS. Hoàng Huy Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: ĐO ĐẠC LÂM NGHIỆP (Geodesy in Forestry)
- Mã học phần: LNGH31072
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 07;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 09 tiết; Số bài học: 04 bài
- Điều kiện tiên quyết:

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Đo đạc Lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và ngành Lâm nghiệp đô thị như sau:

- Kiến thức: Có kiến thức hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng;
- Kỹ năng: Nắm vững kỹ năng nhận biết địa hình, sử dụng bản đồ và thiết bị định vị không gian trong hoạt động hiện trường điều tra tài nguyên rừng. Sử dụng được một số máy móc, thiết bị đo đạc chuyên dụng và phổ biến.
- Thái độ: Có năng lực cao trong huy động sự tham gia của tập thể, điều phối các hoạt động chung trong quá trình làm việc; sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc được giao; Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Đo đạc Lâm nghiệp là một trong các nhóm trắc địa chuyên ngành. Nội dung môn học gồm các phần chính: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về đo đạc và bản đồ; lý thuyết về sai số trong đo đạc; nguyên lý và phương pháp đo các yếu tố cơ bản trong đo đạc; kỹ thuật xây dựng một số lưới khống chế đo vẽ thông dụng; nguyên lý, cấu tạo và cách sử dụng hệ thống định vị toàn cầu (GPS); Sử dụng bản đồ trong Lâm nghiệp.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Kiến thức chung về Đo đạc	4	3,5	0,5				
1.1. Khái niệm và lịch sử phát triển môn học							
1.2. Hình dạng và kích thước quả đất							
1.3. Hai bài toán cơ bản trong đo đạc							
1.4. Các phép chiếu và hệ tọa độ trong đo đạc							
1.5. Định hướng đường thẳng							
Chương 2: Kiến thức cơ bản về bản đồ	3	2,5	0,5				
2.1. Khái niệm về bình đồ, bản đồ, mặt cắt							
2.2. Tỷ lệ và độ chính xác bản đồ							
2.3. Biểu diễn địa vật và địa hình trên bản đồ							
2.4. Phân mảnh và đánh số bản đồ							
Chương 3: Lý thuyết về sai số trong đo đạc	3	2,5		0,5			
3.1. Khái niệm về phép đo							
3.2. Khái niệm và phân loại sai số trong đo đạc							
3.3. Các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác kết quả đo							
Chương 4: Đo các yếu tố cơ bản trong đo đạc	3	3			5		
4.1. Đo góc							
4.2. Đo độ chênh cao							
4.3. Đo chiều dài							
Chương 5: Xây dựng các lưới khống chế	3	2,5		0,5	2		
5.1. Lưới khống chế mặt bằng							
5.2. Lưới khống chế độ cao							
Chương 6: Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	2	2			1		
6.1. Lịch sử phát triển của GPS							

6.2. Thành phần của GPS							
6.3. Nguyên lý và cách sử dụng GPS							
Chương 7: Sử dụng bản đồ trong Lâm nghiệp	3	3			1		
7.1. Đặc điểm chung của bản đồ							
7.2. Xác định phương hướng khi đi rừng							
7.3. Sử dụng bản đồ Lâm nghiệp trong phòng							
7.4. Quản lý và sử dụng bản đồ Lâm nghiệp							

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (20% trọng số)

- Kiểm tra giữa học phần theo hình thức làm các bài tập (tự luận)
- Có hình thức điểm thưởng và phạt trong việc chuẩn bị bài mới, làm bài tập vận dụng, thảo luận nhóm, tham gia góp ý xây dựng bài giảng,...

5.3. Thi kết thúc học phần: (70% trọng số)

- Hình thức thi là thi vấn đáp, thời gian chuẩn bị bài 30 phút. Chấm theo thang điểm 10.

Làm đầy đủ các bài được giao, làm đúng kết quả và phân tích kết quả tốt (tối đa 70%), hỏi đáp trực tiếp về các vấn đề liên quan (tối đa 30%).

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

TS. Hồ Thanh Hà, Bài giảng: Đo đạc Lâm nghiệp (tài liệu lưu hành nội bộ)

Nguyễn Thanh Tiến (chủ biên) (2008). Đo đạc Lâm nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

6.2. Tài liệu tham khảo:

Huỳnh Văn Chương, Hồ Kiệt, Nguyễn Bích Ngọc. 2012. Giáo trình Trắc địa. NXB Nông nghiệp
Nguyễn Trọng Tuyển. 2005. Giáo trình Trắc địa. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2005.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHÂN LÝ THUYẾT

Chương 1. KIẾN THỨC CHUNG VỀ ĐO ĐẠC

1.1. Khái niệm và lịch sử phát triển của môn học

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Các chuyên ngành của Trắc địa

1.1.3. Lịch sử phát triển

1.2. Hình dạng và kích thước của Trái đất

1.2.1. Hình dạng của quả đất

1.2.2. Kích thước của quả đất trong đo đạc

1.4. Hai bài toán cơ bản trong đo đạc

1.4.1. Bài toán thuận tọa

1.4.2. Bài toán nghịch tọa độ

1.5. Các phép chiếu và hệ tọa độ dùng trong đo đạc

1.5.2. Phép chiếu Gausse và hệ tọa độ vuông góc phẳng Gausse – Kriuger

1.5.3. Phép chiếu UTM và hệ tọa độ vuông góc phẳng UTM

1.5.4. Phép chiếu mặt bằng

1.5.5. Độ cao, kinh độ, vĩ độ và hệ tọa độ địa lý

1.5.6. Hệ tọa độ qui ước và hệ tọa độ 1 cực

1.6. Định hướng đường thẳng

1.6.1. Khái niệm

1.6.2. Góc phương vị

1.6.3. Góc định hướng

1.6.4. Góc 2 phương

1.6.5. Quan hệ giữa các loại góc

Chương 2. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ BẢN ĐỒ

2.1. Khái niệm về bình đồ, bản đồ và mặt cắt

2.1.1. Khái niệm

- 2.1.2. Lập mặt cắt trên bản đồ
- 2.1.3. Tính chất của bản đồ
- 2.1.4. Các thành phần của bản đồ
- 2.2. Tỷ lệ và độ chính xác của bản đồ
 - 2.2.1. Khái niệm và phương pháp biểu diễn tỷ lệ bản đồ
 - 2.2.1.1. Khái niệm tỷ lệ bản đồ
 - 2.2.1.2. Phương pháp biểu diễn tỷ lệ bản đồ
 - 2.2.2. Độ chính xác của bản đồ
- 2.3. Biểu diễn địa hình, địa vật trên bản đồ
 - 2.3.1. Biểu diễn địa vật
 - 2.3.2. Biểu diễn địa hình
- 2.4. Phân mảnh và đánh số bản đồ
 - 2.4.1. Chia mảnh theo Gauss
 - 2.4.2. Chia mảnh theo VN 2000
 - 2.4.3. Chia mảnh theo UTM quốc tế

Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ SAI SỐ TRONG ĐO ĐẠC

- 3.1. Khái niệm về phép đo
- 3.2. Khái niệm và phân loại sai số trong đo đạc
 - 3.2.1. Khái niệm về sai số
 - 3.2.2. Phân loại sai số
- 3.3. Các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác kết quả đo
 - 3.3.1. Sai số trung bình cộng
 - 3.3.2. Sai số trung phương
 - 3.3.3. Sai số giới hạn
 - 3.3.4. Sai số tương đối
 - 3.3.5. Sai số trung phương gần đúng
 - 3.3.6. Sai số trung phương của các hàm số đo

Chương 4. ĐO CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN TRONG ĐO ĐẠC

- 4.1. Đo góc
 - 4.1.1. Nguyên lý đo góc
 - 4.1.2. Cấu tạo máy kinh vĩ

- 4.1.3. Những thao tác cơ bản trên máy kinh vĩ tại trạm đo
- 4.1.4. Các phương pháp đo góc bằng
 - 4.1.4.1. Phương pháp đo đơn giản
 - 4.1.4.2. Phương pháp đo toàn vòng
- 4.1.5. Phương pháp đo góc đứng
 - 4.1.5.1. Khái niệm góc đứng
 - 4.1.5.2. Phương pháp đo góc đứng
- 4.1.6. Những nguồn sai số chủ yếu trong đo góc và cách khắc phục
 - 4.1.6.1. Các sai số thường gặp
 - 4.1.6.2. Cách nâng cao độ chính xác
- 4.2. Đo độ chênh cao
 - 4.2.1. Khái niệm và nguyên lý đo độ chênh cao
 - 4.2.1.1. Khái niệm độ chênh cao
 - 4.2.1.2. Nguyên lý đo độ chênh cao
 - 4.2.1. Cấu tạo máy thủy chuẩn
 - 4.2.4. Các thao tác cơ bản trên máy thủy chuẩn tại một trạm đo
 - 4.2.5. Các phương pháp đo cao hình học
 - 4.2.5.1. Phương pháp đo cao từ trước
 - 4.2.5.2. Phương pháp đo cao từ giữa
 - 4.2.6. Phương pháp đo cao lượng giác
- 4.3. Đo chiều dài
 - 4.3.1. Định đường thẳng
 - 4.3.1.1. Trường hợp địa hình bằng phẳng
 - 4.3.1.2. Trường hợp qua đồi núi, thung lũng
 - 4.3.2. Đo chiều dài bằng thước thép
 - 4.3.2.1. Dụng cụ đo
 - 4.3.2.2. Phương pháp đo
 - 4.3.3. Đo chiều dài bằng dây đo khoảng cách
 - 4.3.3.1. Trường hợp tia ngắm nằm ngang
 - 4.3.3.2. Trường hợp tia ngắm nằm nghiêng

Chương 5. XÂY DỰNG CÁC LƯỚI KHÔNG CHẾ

- 5.1. Lưới khống chế mặt bằng
 - 5.1.1. Khái niệm về lưới khống chế mặt bằng
 - 5.1.2. Đường chuyền kinh vĩ
 - 5.1.2.1. Khái niệm
 - 5.1.2.2. Các dạng đồ hình chính
 - 5.1.2.3. Kỹ thuật xây dựng đường chuyền kinh vĩ
 - 5.1.2.4. Bình sai đường chuyền kinh vĩ
- 5.2. Lưới khống chế độ cao
 - 5.2.1. Khái niệm về lưới khống chế độ cao
 - 5.2.2. Đường chuyền độ cao
 - 5.1.2.1. Khái niệm
 - 5.1.2.2. Các dạng đồ hình chính
 - 5.1.2.3. Kỹ thuật xây dựng đường chuyền độ cao
 - 5.1.2.4. Bình sai đường chuyền độ cao

Chương 6: HỆ THỐNG ĐỊNH VỊ TOÀN CẦU (GPS)

- 6.1. Lịch sử phát triển
- 6.2. Các thành phần của GPS
- 6.3. Nguyên lý và cách sử dụng GPS
 - 6.3.1. Nguyên lý hoạt động của GPS
 - 6.3.2. Cấu tạo chung của GPS
 - 6.3.3. Các chức năng chính của GPS
 - 6.3.4. Cách sử dụng GPS

Chương 7. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TRONG LÂM NGHIỆP

- 7.1. Sử dụng bản đồ địa hình ngoài thực địa (tìm phương hướng khi đi rừng)
 - 7.1.1. Định hướng bản đồ bằng địa vật
 - 7.1.2. Định hướng bản đồ bằng hiện tượng tự nhiên
 - 7.1.3. Định hướng bản đồ bằng địa bàn
 - 7.1.4. Định hướng bản đồ bằng GPS
- 7.2 Sử dụng bản đồ địa hình trong phòng
 - 7.2.1. Xác định tọa độ và độ cao của 1 điểm
 - 7.2.2. Xác định khoảng cách giữa 2 điểm

- 7.2.3. Xác định độ dốc giữa 2 điểm
- 7.2.4. Xác định diện tích của 1 khu vực
- 7.2.5. Xác định tuyến đường ô tô Lâm nghiệp
- 7.3. Quản lý và sử dụng bản đồ Lâm nghiệp
 - 7.3.1. Mục đích và ý nghĩa
 - 7.3.2. Các loại bản đồ lâm nghiệp chính
 - 7.3.2.1. Bản đồ lập địa
 - 7.3.2.2. Bản đồ hiện trạng thảm che
 - 7.3.2.3. Bản đồ kinh doanh rừng
 - 7.3.2.4. Bản đồ qui hoạch Lâm nghiệp
 - 7.3.2.5. Bản đồ thiết kế trồng rừng

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1: Cấu tạo và sử dụng các loại máy móc trong đo đạc (5 tiết LT = 5 buổi thực hành)

Nội dung 1: Cấu tạo và sử dụng máy kinh vĩ

Nội dung 2: Cấu tạo và sử dụng máy thủy chuẩn

Nội dung 2: Sử dụng thước thép/thước dây trong đo chiều dài

Bài 2: Xây dựng lưới khống chế (2 tiết LT = 2 buổi thực hành)

Nội dung 1: Xây dựng lưới khống chế mặt bằng

Nội dung 2: Xây dựng lưới khống chế độ cao

Bài 3: Cấu tạo và sử dụng máy GPS (1 tiết LT = 1 buổi thực hành)

Bài 4: Sử dụng bản đồ Lâm nghiệp (1 tiết LT = 1 buổi thực hành)

Nội dung 1: Sử dụng bản đồ Lâm nghiệp ngoài hiện trường

Nội dung 2: Sử dụng bản đồ Lâm nghiệp trong phòng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hồ Thanh Hà**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra qui hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế (từ năm 1995 đến nay)

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 0989639171,

email: hothanhha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phân tích chuỗi giá trị nông lâm sản,
- Quản lý rừng bền vững.
- Điều tra qui hoạch rừng,
- Dự báo sản lượng rừng,
- Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên,

Giảng viên 2

Họ và tên: **Dương Văn Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Phòng TCHC trường ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại:

email: duongvanthanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 3

Họ và tên: **Hồ Đăng Hải**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Chế biến Lâm sản – khoa Lâm nghiệp – ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại:

email: hodanghai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Duyệt

Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

GVC.TS. Hồ Thanh H

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **SÂU BỆNH HẠI RỪNG** (Forest insect pests and diseases)
- Mã học phần: LNGH31253
- Số tín chỉ: 3
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 35 tiết; Số chương học: 8 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: bài
- Điều kiện tiên quyết:
 - + Sinh lý thực vật (NHOC31022)
 - + Thực vật rừng (LNGH25302)
 - + Sinh thái rừng (LNGH24302)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Sâu Bệnh hại rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản về sâu hại rừng và bệnh cây rừng; đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của vật gây bệnh và côn trùng rừng; các phương pháp điều tra, chẩn đoán và phòng trừ sâu và bệnh hại cây rừng.

Kỹ năng:

+ Nhận biết, chẩn đoán và phân loại được các đối tượng sâu hại rừng và gây bệnh cây rừng; Phương pháp điều tra phát hiện, thu thập và xử lý mẫu vật; đề xuất phương án phòng trừ một số loại sâu hại và bệnh hại cây lâm nghiệp chủ yếu.

+ Phát hiện, nhận biết và phân loại các côn trùng, các sinh vật gây bệnh cây rừng;

+ Thực hiện tốt quy trình điều tra, dự tính dự báo và xây dựng phương án bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh hại.

- Thái độ

+ Phục tùng sự phân công của tổ chức. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến QLTNR;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và phản biện các hoạt động hay vấn đề liên quan đến QLTNR.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: Môn học truyền đạt các kiến thức cơ bản về (i) Côn trùng hại thực vật rừng; (ii) Bệnh hại cây rừng; (iii) Phương pháp điều tra dự tính dự báo và phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng;

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, GIẢI PHẪU VÀ PHÂN LOẠI CÔN TRÙNG	7.5						
1.1. Đặc điểm hình thái của lớp côn trùng		2.5		0.5			
1.2. Đặc điểm giải phẫu và sinh lý học côn trùng		2.5		0.5			
1.3. Phân loại côn trùng		1		0.5			
Chương 2. SINH VẬT HỌC VÀ SINH THÁI HỌC CÔN TRÙNG	7.5						
2.1. Đặc điểm sinh trưởng phát triển của côn trùng		3		0.75			
2.2. Đặc điểm sinh thái học côn trùng		3		0.75			
Chương 3. MỘT SỐ SÂU HẠI RỪNG THƯỜNG GẶP	4						
3.1. Sâu hại vườn ươm		1		0.25			
3.2. Sâu hại rừng trồng		1		0.5			
3.3. Côn trùng hại gỗ và lâm sản ngoài gỗ		1		0.25			
Chương 4. BỆNH CÂY RỪNG VÀ CÁC NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH CÂY RỪNG	9						
4.1. Khái quát về bệnh cây rừng		3					
4.2. Các nguyên nhân gây bệnh cây rừng		4	2				
Chương 5. QUY LUẬT PHÁT SINH PHÁT TRIỂN CỦA BỆNH CÂY RỪNG	3						

5.1. Tính ký sinh, tính gây bệnh của vật gây bệnh và tính chống chịu bệnh của cây chủ.		1					
5.2. Quá trình xâm nhiễm của bệnh cây.		2					
5.3. Dịch bệnh cây rừng		3					
Chương 6. MỘT SỐ BỆNH HẠI CÂY RỪNG THƯỜNG GẶP	3						
6.1. Bệnh hại lá và biện pháp phòng trừ		1					
6.2. Bệnh hại thân cành và biện pháp phòng trừ		1					
6.3. Bệnh hại rễ và biện pháp phòng trừ		0.5					
6.4. Bệnh mục cây và gỗ		0.5					
Chương 7. PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI CÂY RỪNG	5						
7.1. Phương pháp kiểm dịch thực vật			0.5				
7.2. Phương pháp chọn và lai tạo các loài cây chống chịu bệnh			0.75				
7.3. Phương pháp kỹ thuật lâm nghiệp			0.75				
7.4. Phương pháp vật lý cơ giới			0.75				
7.5. Phương pháp sinh học			0.75				
7.6. Phương pháp hóa học			0.75				
7.7. Quản lý sinh vật gây hại tổng hợp (IPM)			0.75				
Chương 8. ĐIỀU TRA VÀ DỰ TÍNH DỰ BÁO SÂU BỆNH HẠI CÂY RỪNG	6						

8.1. Phương pháp điều tra và dự tính dự báo sâu hại cây rừng		2.5		0.5			
8.2. Phương pháp điều tra, chẩn đoán và dự tính, dự báo bệnh cây rừng		2.5		0.5			

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm:

- **Điểm thành phần** = [Trung bình cộng của: Điểm thực hành + Điểm bài tập cá nhân + Điểm thảo luận nhóm] + **Điểm khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học**

- **Điểm khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học:** Mỗi lần tham gia phát biểu ý kiến được 1 điểm tốt, 3 điểm tốt được 0.5 điểm khuyến khích, 6 điểm tốt được 1 điểm khuyến khích.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi 1: Tự luận

- Hình thức thi 2: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Trần Minh Đức, 2010. Bài giảng Côn trùng rừng. Trường Đại học Nông Lâm Huế.
2. Lê Thị Diên, 2010. Bài giảng Bệnh cây rừng. Trường Đại học Nông Lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo:

4. Bộ NN&PTNT, 2006. Quản lý sâu bệnh hại rừng trồng- Cẩm nang ngành Lâm nghiệp
5. Trần Công Loanh, Nguyễn Thế Nhã. *Côn trùng rừng* – Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1997. (Có tại thư viện trường ĐHNL Huế, và Bộ môn QLTNR&MT).
6. Đường Hồng Dật. *Khoa học bệnh cây*. Nxb Khoa học, Hà Nội, 1979.
7. Lê Văn Liễu, Trần Văn Mão. *Bệnh cây rừng*. Nxb Nông thôn, Hà Nội, 1974.
8. Lê Lương Tề (chủ biên). *Bệnh cây*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1977.
9. Trần Văn Mão. *Bệnh cây rừng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1997.
10. Lê Trường, 2002. Sổ tay kỹ thuật sử dụng an toàn và hiệu quả thuốc BVTN. NXBNN, Hà Nội.
11. Trần Văn Mão, 2002. Sử dụng côn trùng và vi sinh vật có ích (Tập II) NXBNN, Hà Nội.
12. Trần Văn Mão (Chủ biên). *Quản lý bảo vệ rừng* (Tập 2). Trường ĐH Lâm nghiệp. Hà Tây, 1992. (Có tại thư viện trường ĐHNL Huế, và Bộ môn QLTNR&MT)

13. Hà Huy Niên, Nguyễn Thị Cát. *Bảo vệ thực vật*. NXB Đại học Sư Phạm, 2004.
14. Nguyễn Thế Nhã, Trần Công Loanh, Trần Văn Mão. *Điều tra dự tính dự báo sâu bệnh trong lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp.
15. Nguyễn Thế Nhã,, Trần Văn Mão. *Bảo vệ thực vật*. NXB Nông nghiệp, 2004

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, GIẢI PHẪU VÀ PHÂN LOẠI CÔN TRÙNG

1.1. Đặc điểm hình thái của lớp côn trùng

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu hình thái côn trùng chung

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Ý nghĩa

1.2. Cấu tạo chung và sự biến đổi một số bộ phận của cơ thể

1.2.1. Đầu và các bộ phận của đầu

1.2.1.1. Phần đầu

a. Cấu tạo

b. Chức năng

1.2.1.2. Các bộ phận của đầu

a. Râu đầu

b. Mắt kép, mắt đơn

c. Miệng

1.2.2. Ngực và các bộ phận của ngực

1.2.2.1. Ngực

a. Cấu tạo

b. Chức năng

1.2.2.2. Các bộ phận của ngực

a. Chân

b. Cánh

1.2.3. Bụng và các bộ phận của bụng

1.2.3.1. Bụng

1.2.3.2. Các bộ phận của bụng

a. Cơ quan sinh dục ngoài

b. Lông đuôi

c. Chân bụng

1.2. Đặc điểm giải phẫu và sinh lý học côn trùng

1.2.1. Khái niệm và ý nghĩa nghiên cứu giải phẫu côn trùng

1.2.2. Da côn trùng

1.2.2.1. Chức năng

1.2.2.2. Cấu tạo da côn trùng

1.2.2.3. Các vật phụ của da

1.2.2.4. Màu sắc của da

1.2.2.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cấu tạo da côn trùng

1.2.3. Thể xoang và vị trí các hệ cơ quan bên trong

1.2.3.1. Thể xoang

1.2.3.2. Vị trí các hệ cơ quan bên trong

1.2.4. Hệ cơ của côn trùng

1.2.5. Hệ tiêu hoá

1.2.5.1. Cấu tạo của hệ tiêu hoá

1.2.5.2. Quá trình tiêu hoá

1.2.5.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cấu tạo và chức năng hệ tiêu hoá

1.2.6. Hệ hô hấp

1.2.6.1. Cấu tạo của hệ hô hấp

1.2.6.2. Quá trình hô hấp

1.2.6.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cấu tạo và chức năng hệ hô hấp

1.2.7. Hệ tuần hoàn

1.2.7.1. Cấu tạo của hệ tuần hoàn

1.2.7.2. Sự hoạt động của buồng tim để lưu chuyển máu

1.2.7.3. Máu và nhiệm vụ của máu

1.2.8. Hệ bài tiết

1.2.8.1. Ống man-pi-ghi và quá trình bài tiết axit uric

1.2.8.2. Các túi tuyến và sự bài tiết của chúng

1.2.9. Hệ thần kinh (Bộ máy thần kinh)

1.2.9.1. Chức năng của hệ thần kinh

1.2.9.2. Cấu tạo của hệ thần kinh

1.2.9.3. Cung phản xạ và tác dụng của cung phản xạ

1.2.9.4. Các cơ quan cảm giác

1.2.9.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu hoạt động hệ thần kinh

1.2.10. Hệ sinh dục

1.2.10.1. Cấu tạo hệ sinh dục cái

1.2.10.2. Cấu tạo hệ sinh dục đực

1.3. Phân loại côn trùng

1.3.1. Khái niệm và nguyên tắc phân loại côn trùng

1.3.2. Đặc điểm một số bộ côn trùng liên quan đến rừng

1.3.2.1. Kiểu biến thái hoàn toàn.

a. Bộ Cánh màng (Hymenoptera)

b. Bộ hai cánh (Diptera)

c. Bộ cánh cứng (Coleoptera)

d. Bộ cánh vảy (Lepidoptera)

1.3.2.2. Kiểu biến thái không hoàn toàn (Hemimetabola)

a. Bộ bọ ngựa (Mantodeae)

b. Bộ cánh bằng (Isoptera)

c. Bộ Cánh thẳng (Orthoptera)

d. Bộ cánh đều (Homoptera)

e. Bộ cánh không đều (Hemiptera)

Chương 2. SINH VẬT HỌC VÀ SINH THÁI HỌC CÔN TRÙNG

2.1. Đặc điểm sinh trưởng phát triển của côn trùng

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Vòng đời và biến thái của côn trùng

2.1.3. Phương thức sinh sản của côn trùng

2.1.4. Đặc điểm của các giai đoạn phát triển của côn trùng và hướng quản lý

2.1.4.1. *Đặc điểm sinh vật học giai đoạn ấu trùng*

a. Sự lột xác, sinh trưởng và phát dục của ấu trùng

b. Các dạng ấu trùng

c. Hoạt động sống của ấu trùng và hướng quản lý

2.1.4.2. *Đặc điểm sinh vật học giai đoạn nhộng*

a. Các loại nhộng

b. Đặc điểm của nhộng và hướng quản lý

2.1.4.3. *Đặc điểm sinh vật học giai đoạn trưởng thành*

a. Hóa trưởng thành

b. Tính ăn thêm và hoàn thiện về sinh dục

c. Giao phối, thụ tinh, đẻ trứng

d. Xu tính và khả năng phát tán của côn trùng trưởng thành

e. Hướng quản lý côn trùng ở giai đoạn trưởng thành.

2.1.4.4. Các đặc điểm sinh vật học khác của côn trùng

a. Các biện pháp tự vệ

b. Đặc tính sống tập thể

c. Hiện tượng ngừng phát dục

d. Hiện tượng nhiều hình của côn trùng

e. Chu kỳ sống

2.2. Đặc điểm sinh thái học côn trùng

- 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái đến côn trùng
 - 2.2.1.1. Nhiệt độ
 - 2.2.1.2. Độ ẩm không khí
 - 2.2.1.3. Mưa
 - 2.2.1.4. Ánh sáng
 - 2.2.1.5. Gió
 - 2.2.1.6. Đất
 - 2.2.1.7. Yếu tố thức ăn
 - 2.2.1.8. Yếu tố kẻ thù tự nhiên
 - 2.2.1.9. Ảnh hưởng các hoạt động của con người
- 2.2.2. Dịch sâu hại rừng

Chương 3. MỘT SỐ SÂU HẠI RỪNG THƯỜNG GẶP

3.1. Đối với vườn ươm

- 3.1.1. Nhóm sâu xám hại cây con
 - 3.1.1.1. Hình thái: (Hình 9-02)
 - 3.1.1.2. Tập tính:
 - 3.1.1.3. Biện pháp phòng trừ
- 3.1.2. Nhóm dế hại cây con
 - 3.1.2.1. Dế dũi (*Gryllotalpa orientalis* Burmeister)
 - a. Hình thái
 - b. Tập tính
 - 3.1.2.2. Dế mèn nâu lớn (*Brachytrupes portentosus* Lichtenstein)
 - a. Hình thái
 - b. Tập tính
 - 3.1.2.3. Dế mèn nâu nhỏ (*Gryllus testaceus* Walker)
 - a. Hình thái
 - b. Tập tính
 - c. Các biện pháp phòng trừ dế

3.2. Đối với rừng trồng

- 3.2.1. Sâu hại các loài thông
 - 3.2.1.1. Sâu róm thông đuôi ngựa (*Dendrolimus punctatus* Walker)
 - a. Vị trí phân loại
 - b. Phân bố và tình hình phá hại
 - c. Hình thái và tập tính
 - 3.2.1.2. Sâu đục ngọn thông
 - a. Vị trí phân loại
 - b. Phân bố và tình hình phá hại
 - c. Các biện pháp phòng trừ
- 3.2.2. Sâu xanh ăn lá Bồ đề (*Pentonia* sp.)
 - 3.2.2.1. Vị trí phân loại
 - 3.2.2.2. Phân bố và tình hình phá hại

3.2.2.3. Hình thái và tập tính

a. Hình thái

b. Tập tính

3.2.3. Ong ăn lá mỡ

3.2.3.1. Vị trí phân loại

3.2.3.2. Phân bố và tình hình phá hại

3.2.3.3. Hình thái và tập tính

a. Hình thái

b. Tập tính

3.2.4. Sâu đục thân Phi lao

3.2.4.1. Vị trí phân loại

3.2.4.2. Phân bố và tình hình phá hại

3.2.4.3. Hình thái và tập tính

a. Hình thái

b. Tập tính

3.3. Đối với rừng sau khai thác

3.3.1. Mọt

3.3.1.1. Đặc tính và phương hướng phòng trừ chung đối với mọt

a. Đặc tính chung

b. Phương hướng phòng trừ chung

3.3.1.2. Một số loài mọt chủ yếu

a. Họ mọt cám (Lyctidae)

b. Họ mọt chân dài (Platypodidae)

c. Họ mọt hại vỏ (Ipidae - Scolytidae)

d. Họ mọt dài (Bostrychidae)

3.3.2. Mối

3.3.2.1. Khái niệm

3.3.2.2. Phân bố và tình hình phá hại

3.3.2.3. Đặc tính chung của mối

a. Mối sống có tính chất xã hội

b. Mối rất cần nước

c. Mối thích sống ở những nơi tối tăm, ẩm thấp và có gỗ hoặc tre nứa

3.3.2.4. Kỹ thuật phòng trừ mối

a. Các biện pháp phòng mối

b. Các biện pháp trừ mối

3.3.2.5. Một số loài mối hại gỗ chủ yếu.

a. Mối gỗ khô

b. Mối nhà

Chương 4. BỆNH CÂY RỪNG VÀ CÁC NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH CÂY RỪNG

4.1. Khái quát về bệnh cây rừng

4.1.1. Khái niệm bệnh cây rừng

4.1.2. Các triệu chứng bệnh cây rừng

4.2. Các nguyên nhân gây bệnh cây rừng

- 4.2.1. Các nhân tố phi sinh vật gây bệnh cây rừng
- 4.2.2. Các nhân tố vi sinh vật gây bệnh cây rừng
 - 4.2.2.1. Nấm gây bệnh cây rừng
 - 4.2.2.2. Vi khuẩn gây bệnh cây rừng
 - 4.2.2.3. Vi rút gây bệnh cây rừng
 - 4.2.2.4. Tuyến trùng gây bệnh cây.

Chương 5. QUY LUẬT PHÁT SINH PHÁT TRIỂN CỦA BỆNH CÂY RỪNG

- 5.1. Tính ký sinh, tính gây bệnh của vật gây bệnh và chống chịu bệnh của cây chủ
 - 5.1.1. Tính ký sinh của ký sinh vật
 - 5.1.2. Tính gây bệnh của ký sinh vật
 - 5.1.3. Tính chống chịu bệnh của cây chủ
- 5.2. Quá trình xâm nhiễm của bệnh cây
 - 5.2.3.1. Khái niệm
 - 5.2.3.2. Các thời kỳ của quá trình xâm nhiễm
- 5.3. Dịch bệnh cây rừng

Chương 6. MỘT SỐ BỆNH HẠI CÂY RỪNG THƯỜNG GẶP

- 6.1. Bệnh hại lá và biện pháp phòng trừ
- 6.2. Bệnh hại thân cành và biện pháp phòng trừ
- 6.3. Bệnh hại rễ và biện pháp phòng trừ
- 6.4. Bệnh mục cây và gỗ

Chương 7. PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI CÂY RỪNG

7.1. Phương pháp kiểm dịch thực vật

- 7.1.1. Khái niệm
- 7.1.2. Cơ sở của phương pháp kiểm dịch
- 7.1.3. Nội dung của phương pháp
- 7.1.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp KDTV

7.2. Phương pháp chọn và lai tạo các loài cây chống chịu bệnh

- 7.2.1. Cơ sở khoa học của phương pháp chọn và lai tạo các loài cây chống chịu bệnh
- 7.2.2. Các bước thực hiện
- 7.2.3. Ưu nhược điểm của phương pháp chọn và lai tạo các loài cây chống chịu bệnh

7.3. Phương pháp kỹ thuật lâm nghiệp

- 7.3.1. Khái niệm
- 7.3.2. Cơ sở của phương pháp
- 7.3.3. Nội dung của phương pháp
 - 7.3.3.1. Đối với vườn ươm

- 7.3.3.2. Đối với rừng trồng
- 7.3.3.3. Đối với rừng tự nhiên
- 7.3.4. Ưu, nhược điểm

7.4. Phương pháp vật lý cơ giới

- 7.4.1. Khái niệm
- 7.4.2. Cơ sở của phương pháp
- 7.4.3. Nội dung của phương pháp
 - 7.4.3.1. Biện pháp bắt giết
 - 7.4.3.2. Biện pháp ngăn chặn
 - 7.4.3.3. Biện pháp dùng mồi nhử, bẫy
 - 7.4.3.4. Biện pháp dùng nhiệt độ, phóng xạ
- 7.4.4. Ưu, nhược điểm

7.5. Phương pháp sinh học

- 7.5.1. Khái niệm
- 7.5.2. Cơ sở của phương pháp
- 7.5.3. Nội dung của phương pháp
- 7.5.4. Ưu nhược điểm của phương pháp sinh học

7.6. Phương pháp hóa học

- 7.6.1. Khái niệm
- 7.6.2. Cơ sở của phương pháp
- 7.6.3. Nội dung của phương pháp
- 7.6.4. Phân loại thuốc trừ sâu hóa học
- 7.6.5. Phương pháp và kỹ thuật sử dụng thuốc trừ sâu
- 7.6.6. Những giải pháp hạn chế mặt tiêu cực của thuốc trừ sâu hóa học
- 7.6.7. Ưu nhược điểm của phương pháp hóa học

7.7. Quản lý sinh vật gây hại tổng hợp (IPM)

- 7.7.1. Khái niệm IPM
- 7.7.2. Mục đích của IPM
- 7.7.3. Nội dung của IPM
- 7.7.4. Ưu, nhược điểm của IPM

Chương 8. ĐIỀU TRA VÀ DỰ TÍNH DỰ BÁO SÂU BỆNH HẠI CÂY RỪNG

8.1. Phương pháp điều tra và dự tính dự báo sâu hại cây rừng

- 8.1.1. Phương pháp điều tra sâu hại cây rừng
- 8.1.2. Phương pháp dự tính dự báo sâu hại cây rừng

8.2. Phương pháp điều tra, chẩn đoán và dự tính, dự báo bệnh cây rừng

- 8.2.1. Điều tra bệnh cây
- 8.2.2. Chẩn đoán bệnh cây
- 8.2.3. Dự tính dự báo bệnh cây

Bài 1. Seminar PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI CÂY RỪNG

Nội dung 1: Phương pháp kiểm dịch thực vật

Nội dung 2: Phương pháp chọn và lai tạo các loài cây chống chịu bệnh

Nội dung 3: Phương pháp kỹ thuật lâm nghiệp

Nội dung 4: Phương pháp vật lý cơ giới

Nội dung 5: Phương pháp sinh học

Nội dung 6: Phương pháp hóa học

Nội dung 7: Quản lý sinh vật gây hại tổng hợp (IPM)

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Huỳnh Thị Ngọc Diệp**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp - Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý Tài nguyên rừng – Khoa Lâm nghiệp – ĐH Nông Lâm Huế - 102 Phùng Hưng

Điện thoại: 0966.995.064

Email: huynhthingocdiiep@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Côn trùng rừng, Quản lý sâu bệnh hại rừng, Sâu bệnh hại cây đô thị, Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây dược liệu.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thương**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, thành phố Huế

Điện thoại: 054.529137 (CQ) 0946271179 (DD)

Email: thuonglamnghiep@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

1. Sâu bệnh hại;
2. Quản lý sâu bệnh hại rừng
3. Sâu bệnh hại cây đô thị
4. Quản lý lửa rừng - phòng chống cháy rừng;
5. Tổ chức quản lý các loại rừng;
6. Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Trần Minh Đức**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp - Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý Tài nguyên rừng – Khoa Lâm nghiệp – ĐH Nông Lâm Huế - 102 Phùng Hưng

Điện thoại: 0914.289.753

Email: tranminhduc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý sinh vật hại rừng, Phòng chống cháy rừng, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Sâu bệnh hại cây xanh đô thị...

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.s. Huỳnh Thị Ngọc Diệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **ĐIỀU TRA RỪNG (The Survey forestry)**
- Mã học phần: LNGH21702
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương học: 4 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 07 tiết; Số bài kiểm tra: 02 bài: 2 tiết
- Điều kiện tiên quyết:
 - Sinh thái rừng LNGH24302
 - Đo đạc lâm nghiệp LNGH31072
 - Thống kê ứng dụng trong Lâm nghiệp LNGH24902

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Điều tra rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- *Kiến thức*: Nắm được các kiến thức về Điều tra rừng, biết cách sử dụng các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác điều tra rừng cũng như biết tổ chức triển khai thực hiện một cuộc điều tra đánh giá tài nguyên rừng về các mặt số lượng, chất lượng, phân bố và diễn biến tài nguyên rừng.

- *Kỹ năng*: Sử dụng các dụng cụ, trang thiết bị, phục vụ công tác điều tra và dự đoán sản lượng rừng, biết xử lý các thông tin thu thập được trong quá trình điều tra hiện trường, viết thuyết minh tài nguyên rừng.

- *Thái độ, chuyên cần*: Cẩn thận, tuân thủ các quy trình, quy phạm trong quá trình điều tra, thiết kế kinh doanh lợi dụng rừng.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: (mô tả vắn tắt nội dung học phần khoảng 200 từ, bám sát tên các Chương, các phần cốt lõi của học phần sẽ giảng dạy)

Điều tra rừng là học phần chuyên ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức về Điều tra, thống kê tài nguyên, tính toán, dự tính, dự báo sự biến đổi tài nguyên rừng cũng như đánh giá sản lượng rừng gỗ, tính toán và lựa chọn các thông số kỹ thuật trong quá trình điều tra, từ đó đưa ra các phương pháp điều tra rừng,

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Mở đầu	1	1					

Chương 2: Điều tra cây cá lẻ	12	9	1	1	1		
2.1.Thân cây và các bộ phận cần đo tính							
2.2.Nghiên cứu hình dạng thân cây							
2.3.Đo tính thể tích thân cây ngả							
2.4.Phân chia sản phẩm thân cây ngả							
2.5.Điều tra cây đứng							
2.6.Nghiên cứu sinh trưởng, tăng trưởng cây rừng							
Chương 3: Điều tra lâm phần	10	7	1	2			
3.1.Phân chia rừng và khái niệm lâm phần							
3.2.Quy luật kết cấu lâm phần							
3.3.Nhân tố điều tra lâm phần							
Chương 4: Phương pháp điều tra xác định trữ lượng lâm phần	7	4		2	1		

4.1 Cơ sở lý luận của phương pháp							
4.2.Phương pháp cây tiêu chuẩn							
4.3.Phương pháp biểu thể tích							

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Mỗi tín chỉ cho kiểm tra một bài với thời gian 50 phút

+Lý thuyết

+Bài tập

Mỗi chương (trừ chương 1) cho một số dạng bài tập củng cố về nhà làm theo từng cá nhân hoặc nhóm học tập

Điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ và vở bài tập tính theo thang điểm 10 và điểm Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số) được tính toán trung bình của 2 bài kiểm tra và vở bài tập.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi : Tự luận,

Cách đánh giá cần đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm 10.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- 1.Bài giảng Điều tra rừng
- 2.Điều tra rừng giáo trình
- 3.Sổ tay điều tra quy hoạch rừng

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đồng Sỹ Hiền, Lập biểu thể tích và biểu độ thon cây đứng cho rừng Việt nam, nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội - 1974.

2. Vũ Tiến Hình, Sản lượng rừng, nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội -2003

3. Nguyễn Hải Tuất, Thống kê toán học trong lâm nghiệp nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội -1982

4. Ngô Kim Khôi - Nguyễn Hải Tuất - Nguyễn Văn Tuấn, Tin học ứng dụng trong Lâm nghiệp nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội - 2001

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Mở đầu - Giới thiệu môn học

- 1.1. Tên môn học - Điều tra rừng
- 1.2. Vị trí tính chất nhiệm vụ và đối tượng của môn học
 - 1.2.1. Vị trí của Điều tra rừng
 - 1.2.2. Tính chất của môn học Điều tra rừng
 - 1.2.3. Nhiệm vụ của Điều tra rừng
 - 1.2.4. Đối tượng môn học Điều tra rừng
- 1.3. Nội dung và phương pháp học tập
 - 1.3.1. Nội dung môn học
 - 1.3.2. Phương pháp học tập
- 1.4. Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo

Chương 2. Điều tra cây cá lẻ

2.1. Thân cây và các bộ phận cần đo tính trên một thân cây gỗ

- 2.1.1. Rễ cây
- 2.1.2. Thân cây
 - 2.1.2.1. Gốc cây
 - 2.1.2.2. Gỗ dưới cành
 - 2.1.2.3. Gỗ to thân cây
 - 2.1.2.4. Ngọn cây
- 2.1.3. Cành và lá (Tán cây)

2.2. Nghiên cứu hình dạng thân cây gỗ

2.2.1. Ý nghĩa và các nhân tố ảnh hưởng

- 2.2.1.1. ý nghĩa
- 2.2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng
 - a. Loài cây
 - b. Tuổi cây
 - c. Vị trí sống của cây
 - d. Biện pháp tác động của con người

2.2.2. Nghiên cứu Tiết diện ngang thân cây

- 2.2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2.2. Đặc điểm
- 2.2.2.3. Phương pháp xác định diện tích tiết diện ngang thân cây
 - a. Phương pháp chính xác
 - b. Phương pháp gần đúng
 - c. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tiết diện ngang thân cây
 - a. Về mặt lý luận
 - b. Về mặt thực tiễn

2.2.3. Nghiên cứu tiết diện dọc thân cây

2.2.3.1. Khái niệm

2.2.3.2. Đặc điểm

2.2.3.3. Phương pháp biểu thị tiết diện dọc thân cây

a. Phương pháp sử dụng các quy luật cơ học vật lý hay sinh sính

b. Phương pháp nghiên cứu trực tiếp dạng đường sinh thân cây

c. Phương pháp ghép hình

2.2.3.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tiết diện dọc thân cây

2.2.4. Một số chỉ tiêu biểu thị hình dạng thân cây gỗ

2.2.4.1. Chỉ số hình dạng

2.2.4.2. Độ thon thân cây

a. Khái niệm

b. Các loại độ thon

2.2.4.3. Hình số

a. Khái niệm

b. Các loại hình số

2.3. Xác định thể tích thân cây ngả

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Phương pháp xác định thể tích thân cây ngả bằng công thức đơn

2.3.2.1. Công thức đơn Huber

2.3.2.2. Các công thức đơn khác

2.3.3. Phương pháp xác định thể tích thân cây ngả bằng công thức kép

2.3.3.1. Khái niệm công thức kép

2.3.3.2. Phương pháp xây dựng công thức kép

2.3.4. Phương pháp xác định thể tích thân cây ngả bằng công thức phân đoạn chính xác

2.3.4.1. Phương pháp chia thân cây thành 5 đoạn có chiều dài tương đối bằng nhau

2.3.4.2. Phương pháp chia thân cây thành 10 đoạn có chiều dài tương đối bằng nhau

2.4. Phân chia sản phẩm thân cây ngả và đo tính gỗ sản phẩm

2.4.1. Ý nghĩa của việc phân chia sản phẩm thân cây ngả

2.4.2. Quá trình phân chia sản phẩm thân cây ngả

2.4.3. Phân loại gỗ sản phẩm

2.4.3.1. Sơ đồ phân loại

2.4.3.2. Một số khái niệm

a. Gỗ tròn

b. Gỗ qua gia công chế biến

c. Sản phẩm bổ sung

d. Gỗ củi

2.4.4. Đo tính gỗ sản phẩm

2.4.4.1. Đo tính gỗ tròn

2.4.4.2. Đo tính củi

2.5. Điều tra đo tính xác định thể tích thân cây đứng

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Đặc điểm điều tra đo tính xác định thể tích thân cây đứng, công thức cơ bản xác định thể tích thân cây đứng

2.5.3. Tính chất và quy luật biến đổi của hình số

2.5.4. Phương pháp xác định hình số thường trong Lâm nghiệp

2.5.5. Phương pháp xác định thể tích thân cây đứng

2.5.5.1. Phương pháp sử dụng công thức cơ bản

2.5.5.2. Phương pháp dựa vào mối quan hệ giữa thể tích với các nhân tố cấu thành thể tích thân cây

2.5.5.3. Phương pháp sử dụng biểu lập sẵn

2.5.5.4. Phương pháp tích phân phương trình đường sinh thân cây

2.5.5.5. Phương pháp sử dụng công thức kinh nghiệm

2.6. Nghiên cứu sinh trưởng tăng trưởng cây rừng

2.6.1. Tuổi cây và phương pháp xác định tuổi cây

2.6.1. Khái niệm tuổi cây

2.6.2. Các phương pháp xác định tuổi cây

2.6.2.1. Phương pháp giải tích

2.6.2.2. Phương pháp khoan tăng trưởng

2.6.2.3. Phương pháp dựa vào quy luật sinh trưởng theo nhịp điệu

2.6.2.4. Phương pháp dựa vào sự biến đổi hình thái của cây

2.6.2.5. Phương pháp dựa vào hồ sơ gốc

2.6.2. Nghiên cứu sinh trưởng tăng trưởng cây rừng

2.6.2.1. Khái niệm sinh trưởng tăng trưởng

2.6.2.2. Phân loại tăng trưởng

a. Sơ đồ phân loại

b. Các khái niệm tăng trưởng và công thức xác định

c. Ý nghĩa của việc nghiên cứu sinh trưởng tăng trưởng

2.6.3. Một số quy luật sinh trưởng, tăng trưởng cây rừng

2.6.3.1. Quy luật sinh trưởng cây rừng

2.6.3.2. Quy luật tăng trưởng cây rừng

2.6.4. Điều tra tăng trưởng cây rừng

2.6.4.1. Điều tra tăng trưởng cây ngã

2.6.4.2. Điều tra tăng trưởng cây đứng

2.6.5. Kỹ thuật giải tích cây rừng để nghiên cứu sinh trưởng và xác định tăng trưởng

Chương 3: Điều tra lâm phần

3.1. Phân chia rừng và khái niệm lâm phần

3.1.1. Ý nghĩa của công tác phân chia rừng

3.1.2. Khái niệm lâm phần

3.2. Quy luật kết cấu lâm phần

3.2.1. Hệ thống các quy luật phân bố của các nhân tố điều tra cơ bản lâm phần

3.2.1.1. Nghiên cứu quy luật phân bố số cây theo đường kính

a. Nội dung nghiên cứu quy luật

b. Một số kết quả nghiên cứu quy luật phân bố số cây theo đường kính cho lâm phần Việt Nam

3.2.1.2. Một số quy luật phân bố khác

3.2.2. Hệ thống các quy luật tương quan hay quan hệ của các nhân tố điều tra cơ bản lâm phần

3.2.2.1. Nghiên cứu quy luật tương quan giữa chiều cao thân cây với đường kính thân cây

a. Nội dung nghiên cứu quy luật

b. Một số kết quả nghiên cứu quy luật tương quan giữa chiều cao thân cây với đường kính thân cây cho lâm phần Việt Nam

3.2.2.2. Một số quy luật tương quan khác

3.2.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu quy luật kết cấu lâm phần

3.3. Nhân tố điều tra lâm phần và phương pháp xác định

3.3.1. Nguồn gốc lâm phần

3.3.2. Hình dạng lâm phần

3.3.3. Tuổi lâm phần

3.3.4. Mật độ lâm phần

3.3.5. Tổng tiết diện ngang lâm phần

3.3.6. Tổng diện tích tán lâm phần

3.3.7. Độ tàn che lâm phần

3.3.8. Đường kính bình quân lâm phần

3.3.9. Chiều cao bình quân lâm phần

3.3.10. Trữ lượng lâm phần

3.3.11. Trữ lượng sản phẩm lâm phần

3.3.12. Độ đầy lâm phần

3.3.13. Lượng tăng trưởng lâm phần

3.3.14. Tổ thành lâm phần

3.3.15. Cấp đất (Cấp năng suất) lâm phần

Chương 4: Phương pháp điều tra xác định trữ lượng lâm phần

4.1. Phương pháp cây tiêu chuẩn

4.1.1. Cơ sở lý luận của phương pháp xác định trữ lượng

4.1.2. Một số phương pháp cây tiêu chuẩn xác định trữ lượng lâm phần

4.1.2.1. Phương pháp xác định trữ lượng lâm phần bằng cây tiêu chuẩn bình quân toàn lâm phần

4.1.2.2. Phương pháp xác định trữ lượng lâm phần bằng cây tiêu chuẩn bình quân theo cấp kính

a. Phương pháp xác định trữ lượng lâm phần bằng cây tiêu chuẩn bình quân theo cấp kính có tổng tiết diện ngang bằng nhau (Phương pháp Hartig)

b. Phương pháp xác định trữ lượng lâm phần bằng cây tiêu chuẩn bình quân theo cấp kính có số cây (Phương pháp Ulrich)

4.1.2.2. Phương pháp xác định trữ lượng lâm phần bằng cây tiêu chuẩn bình quân tỷ lệ theo cỡ kính

4.2. Phương pháp dùng biểu thể tích

4.2.1. Khái niệm biểu thể tích

4.2.2. Phân loại biểu thể tích

4.2.3. Xác định trữ lượng lâm phần bằng biểu thể tích

4.2.3.1. Xác định trữ lượng lâm phần bằng biểu thể tích một nhân tố

4.2.3.2. Xác định trữ lượng lâm phần bằng biểu thể tích hai nhân tố

4.2.3.3. Xác định trữ lượng lâm phần bằng biểu thể tích ba nhân tố

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hoàng Văn Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: số nhà 36A2 khu tập thể 08 Triệu Quang Phục, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên

Điện thoại: 0905235100

Email: Hoangvandung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

Điều tra, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng, dự tính, dự báo năng suất và sản lượng rừng.

Xây dựng hệ thống các bảng, biểu chuyên dụng – công cụ phục vụ công tác dự tính, dự báo sản lượng rừng.

Thiết kế tổ chức thực hiện phân chia và thống kê tài nguyên rừng.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Lợi**

Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sỹ, giảng viên cao cấp

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa lâm nghiệp- Trường ĐH Nông lâm Huế

Điện thoại, 0543515932/0986999132 Email: loanloi2010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

+Phân tích và ứng dụng mô hình không gian trong qui hoạch LN và Điều chế rừng

+Ứng dụng mô hình điều điều chế rừng tự nhiên hỗn giao và rừng trồng thuần loại.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Dương Văn Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0988.953.198 or 0905.953.198; Email: duongvanthanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm sản ngoài gỗ, Lâm nghiệp cộng đồng, Điều tra - Quy hoạch Lâm nghiệp, GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, tin học ứng dụng, đo đạc Lâm nghiệp

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Nguyễn Duy Phong**

Chức danh, học hàm, học vị: Th.S, GV

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: 0914735999

Email: Nguyenduyphong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS Đặng Thái Dương

TS Hoàng Văn Dưỡng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **QUI HOẠCH VÀ ĐIỀU CHẾ RỪNG (FOREST MANAGEMENT AND PLANNING)**

- Mã học phần: **LNGH24302**

- Số tín chỉ: **3**

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 34 tiết; Số chương học: 5 chương

+ Thực hành, thảo luận, bài tập: 8 tiết; Số bài học: 4 bài

+ Báo cáo và kiểm tra: 3 tiết; Số bài: 3 bài

- Điều kiện tiên quyết:

+ Thống kê ứng dụng trong lâm nghiệp (LNGH24902)

+ Đo đạc lâm nghiệp (LNGH31072)

+ Điều tra rừng (LNGH21702)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Qui hoạch và điều chế rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành lâm nghiệp và ngành quản lý tài nguyên rừng.

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Qui hoạch lâm nghiệp và Điều chế rừng và các ứng dụng trong nghiên cứu Qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng sử dụng các phương pháp áp dụng trong quy hoạch và một số phần mềm thông dụng để xử lý và phân tích số liệu phục vụ cho thiết kế, xây dựng phương án qui hoạch lâm nghiệp.

+ Kỹ năng sử dụng các công cụ, kỹ thuật và một số phần mềm thông dụng để xử lý và phân tích số liệu phục vụ cho lập kế hoạch và xây dựng phương án điều chế rừng cho một đối tượng cụ thể.

- Thái độ:

+ Là một học chuyên môn của ngành lâm nghiệp và quản lý tài nguyên rừng. Sinh viên sẽ tìm hiểu sâu hơn về qui trình lập kế hoạch quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng.

+ Thành thạo viết bản thuyết minh quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng cho một lĩnh vực cụ thể.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học bao gồm hai phần chính:

1) Phần lý thuyết: Bao gồm có 5 chương, phần lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về các cơ sở kinh tế và kỹ thuật chuyên sâu phục vụ xây dựng phương án qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng. Nghiên cứu lựa chọn các phương pháp qui hoạch và điều chế rừng phù hợp cho từng lĩnh vực cụ thể .

2) Phần thảo luận và bài tập gồm có 4 bài (1 bài thảo luận, 3 bài tập): trong phần này sinh viên có cơ hội xây dựng mô hình rừng chuẩn, mô hình cấu trúc bền vững phục công tác điều chế rừng. Biết cách viết bản thuyết minh quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng cho rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương I. Tổng quan về qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng	2,5	2	0	0	0,5		2
1.1 Khái niệm về qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng		0,2					
1.2 Mục đích và nhiệm vụ của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng		0,5					
1.3 Đối tượng của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng		0,5					
1.4 Mối quan hệ giữa qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng		0,4					
1.5 Lịch sử phát triển của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng		0,4					
Chương II. Cơ sở kinh tế xã hội và môi trường của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng	6,5	5,0	1,0		0,5		6
2.1 Cơ sở kinh tế		2,0	0,5				
2.2 Cơ sở xã hội		2,0	0,5				
2.3 Cơ sở môi trường		1,0					
Chương III. Cơ sở kỹ thuật của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng	18	15	1,0	1,0	1,0		25
3.1 Tổ chức thời gian rừng		5,0	0,5				
3.2 Tổ chức không gian rừng		5,0	0,5				
3.3. Vốn rừng chuẩn và điều chỉnh sản lượng rừng		5,0		1,0			
Chương IV. Nội dung và phương pháp qui hoạch lâm nghiệp	9	6,0	1,5	1,0	0,5		13

4.1 Nội dung cơ bản của qui hoạch lâm nghiệp		3,0	0,5				
4.2 Phương pháp tiếp cận trong qui hoạch lâm nghiệp		1,0	0,5				
4.3 Xây dựng phương án qui hoạch lâm nghiệp		1,5	0,5	1,0			
4.5 Thực hiện và giám sát phương án		0,2					
4.6 Đánh giá phương án qui hoạch lâm nghiệp		0,3					
Chương V. Xây dựng phương án và tổ chức điều chế rừng	9	6,0	0,5	2,0	0,5		14
5.1 Tiến trình và phương pháp tiếp cận trong điều chế rừng		1,0	0,5				
5.2 Nội dung cơ bản của xây dựng phương án điều chế rừng		4,5		2,0			
5.3 Thẩm định hiệu quả của phương án điều chế rừng		0,2					
5.4 Tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá phương án điều chế rừng		0,3					
Tổng	45	34	4	4	3		60

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra học phần lý thuyết có 10 % trọng số. Hình thức kiểm tra là tự luận luận, với 2 bài kiểm tra
- Bài báo cáo nhóm, làm tốt các bài tập giao nhiệm vụ, kỹ năng viết báo cáo thuyết minh quy hoạch và điều chế rừng, tính 10 % trọng số.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận
- Cách đánh giá: Thi tự luận dựa vào ngân hàng câu hỏi nhằm đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người

học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Bài thi gồm 3 câu hỏi, mỗi câu làm trong thời gian 30 phút.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Nguyễn Văn Lợi. *Bài giảng Quy hoạch và điều chế rừng*, trường Đại học Nông lâm Huế, 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bảo Huy và Nguyễn Văn Lợi . *Bài giảng Quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng*. Chương trình hỗ trợ LNXH, Hà Nội năm 2002.
2. Trần Đức Hậu: *Điều chế rừng*. Hội KHKT Lâm nghiệp, Hà Nội, 1984.
3. FAO. *Forest volume estimation and yield prediction*. Rome, 1980

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương I. Tổng quan về qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng

- 1.1 Khái niệm về qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng
- 1.2 Mục đích và nhiệm vụ của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng
- 1.3 Đối tượng của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng
- 1.4 Môi quan hệ giữa qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng
- 1.5 Lịch sử phát triển của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng

Chương II. Cơ sở kinh tế xã hội và môi trường của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng

- 2.1 Cơ sở kinh tế
 - 2.1.1 Nguyên tắc tái sản xuất mở rộng tài nguyên rừng
 - 2.1.2 Một số nguyên tắc kinh tế khác
 - 2.1.3 Thị trường và tiềm lực của cộng đồng
- 2.2 Cơ sở xã hội
 - 2.2.1 Một số chính sách làm cơ sở cho công tác qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng
 - 2.1.2 Quản lý rừng dựa vào cộng đồng
- 2.3 Cơ sở môi trường
 - 2.3.1 Bảo vệ lưu vực, chống xói mòn và rửa trôi đất
 - 2.3.2 Bảo vệ đa dạng sinh học
 - 2.3.3 Tác động đến khí hậu.

Chương III. Cơ sở kỹ thuật của qui hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng

- 3.1 Tổ chức thời gian rừng
 - 3.1.1 Tuổi lâm phần và tuổi thọ của cây rừng
 - 3.1.2 Chu kỳ kinh doanh
 - 3.1.2.1 Thành thực rừng
 - 3.1.2.2 Tuổi khai thác chính và năm hồi qui
 - 3.1.3 Chu kỳ điều chế
 - 3.1.4 Các loại chu kỳ khác

3.2 Tổ chức không gian rừng

3.2.1 Ý nghĩa phạm trù không gian

3.2.2 Tổ chức không gian rừng theo lãnh thổ

3.2.3. Tổ chức không gian rừng theo thảm che

3.2.4. Tổ chức không gian rừng theo ý nghĩa kinh tế

3.5.5. Tổ chức không gian rừng theo quyền sở hữu

3.2.6. Tổ chức các đơn vị kinh doanh rừng

3.3 Vốn rừng chuẩn và ổn định sản lượng rừng

3.3.1 Khái niệm về ổn định sản lượng rừng

3.3.1.1 Ổn định quá trình sản xuất gỗ

3.3.1.2 Ổn định sản lượng giá trị

3.3.1.3 Ổn định sản lượng gỗ

3.3.1.4 Ổn định nhu cầu xã hội

3.3.2 Vốn rừng chuẩn

3.3.2.1 Khái niệm

3.3.2.2 Mô hình vốn sản xuất rừng trồng/rừng thuần loại đều tuổi

3.3.2.3 Mô hình vốn sản xuất đối với rừng tự nhiên

3.3.3 Điều chỉnh sản lượng rừng gỗ

3.3.3.1 Chặt nuôi dưỡng

3.3.3.2 Điều chỉnh sản lượng trong khai thác

a) Phương pháp chung xác định lượng khai thác hàng năm

b) Phương pháp điều chỉnh sản lượng trong rừng đồng tuổi

c) Phương pháp điều chỉnh sản lượng trong rừng chặt chọn

d) Phương pháp điều chỉnh sản lượng rừng phòng hộ

e) Phương pháp điều chỉnh sản lượng trong rừng tre nứa và mây

Chương IV. Nội dung và phương pháp qui hoạch lâm nghiệp

4.1 Nội dung cơ bản của qui hoạch lâm nghiệp

4.1.1 Qui hoạch lâm nghiệp cho các cấp quản lý lãnh thổ

4.1.2 Qui hoạch lâm nghiệp cho các cấp quản lý sản xuất kinh doanh

4.2 Phương pháp tiếp cận trong qui hoạch lâm nghiệp

4.3 Xây dựng phương án qui hoạch lâm nghiệp

4.3.1 Phân tích tình hình cơ bản của đối tượng qui hoạch lâm nghiệp

4.3.2 Phân tích chiến lược

4.3.3 Qui hoạch sản xuất lâm nghiệp

4.3.4 Lập kế hoạch qui hoạch lâm nghiệp

4.4 Thẩm định phương án qui hoạch lâm nghiệp

4.5 Thực hiện và giám sát phương án qui hoạch

4.6 Đánh giá phương án qui hoạch lâm nghiệp

Chương V. Xây dựng phương án và tổ chức điều chế rừng

5.1 Tiến trình và phương pháp tiếp cận trong điều chế rừng

5.2 Nội dung cơ bản của xây dựng phương án điều chế rừng

5.2.1 Xác định mục tiêu điều chế rừng

5.2.2 Xác định giai đoạn và kỳ hạn điều chế rừng

5.2.3 Thiết kế các giải pháp kỹ thuật lâm sinh cho từng chuỗi điều chế

5.2.4 Lập kế hoạch điều chế rừng

5.3 Thẩm định hiệu quả của phương án điều chế rừng

5.4 Tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá phương án điều chế rừng

PHẦN THẢO LUẬN VÀ BÀI TẬP

Bài 1. Thảo luận

Sinh viên sẽ được tổ chức làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một trong số các chuyên đề sau:

Nội dung 1: Cơ sở kinh tế, xã hội và môi trường trong qui hoạch và điều chế rừng

Nội dung 2: Cơ sở kỹ thuật trong qui hoạch và điều chế rừng

Bài 2. Bài tập 1:

Nội dung 1: Xây dựng mô hình cấu trúc chuẩn và cấu trúc ổn định đối với rừng tự nhiên hỗn giao khác loài

Nội dung 2: Xây dựng mô hình rừng chuẩn đối với rừng thuần loài phục vụ kinh doanh gỗ nhỏ/ gỗ lớn.

Bài 3. Bài tập 2: Xây dựng phương án Quy hoạch lâm nghiệp

Sinh viên sẽ được tổ chức làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một trong số các chuyên đề sau:

- Xử lý số liệu và xây dựng phương án quy hoạch lâm nghiệp cho một công ty lâm nghiệp
- Xử lý số liệu và xây dựng phương án quy hoạch lâm nghiệp cho một Ban quản lý rừng phòng hộ
- Xử lý số liệu và xây dựng phương án quy hoạch lâm nghiệp cho một khu rừng đặc dụng

Bài 4. Bài tập 3: Xây dựng phương án điều chế rừng

Sinh viên sẽ được tổ chức làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một trong số các chuyên đề sau:

- Xử lý số liệu và xây dựng phương án điều chế rừng sản xuất (cho một loài cây rừng trồng và rừng tự nhiên)
- Xử lý số liệu và xây dựng phương án điều chế rừng phòng hộ
- Xử lý số liệu và xây dựng phương án điều chế rừng đặc dụng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Lợi**

Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sỹ, giảng viên cao cấp

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa lâm nghiệp- Trường ĐH Nông lâm Huế

Điện thoại, 0543515932/0986999132

Email: loanloi2010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

+Phân tích và ứng dụng mô hình không gian trong qui hoạch LN và Điều chế rừng

+Ứng dụng mô hình điều chế rừng tự nhiên hỗn giao và rừng trồng thuần loại.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hoàng Văn Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: số nhà 36A2 khu tập thể 08 Triệu Quang Phục, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên

Điện thoại: 0905235100 Email: Hoangvandung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Điều tra, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng, dự tính, dự báo năng suất và sản lượng rừng.

Xây dựng hệ thống các bảng, biểu chuyên dụng – công cụ phục vụ công tác dự tính, dự báo sản lượng rừng.

Thiết kế tổ chức thực hiện phân chia và thống kê tài nguyên rừng.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Dương Văn Thành

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Phòng TCHC trường ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 0988953198

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA LÂM NGHIỆP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Công trình Lâm nghiệp**
(Forestry monuments)
- Mã học phần: LNGH21602
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 24.tiết; Số chương học: 7 chýõng
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 6 tiết; Số bài học: 18. bài
- Điều kiện tiên quyết: Học phần này được học sau khi đã học các học phần cơ sở.

Học phần công trình lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chýõng trình đào tạo ngành lâm nghiệp và ngành quản lý tài nguyên và phát triển nông thôn nói chung

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về công trình lâm nghiệp nói chung và trình tự thiết kế từng loại công trình nói riêng.
- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có kỹ năng tự đọc bản thiết kế và tham gia thiết kế, kiểm định và giám sát thi công một số công trình lâm nghiệp chủ yếu.
- Thái độ: rèn luyện thái độ nghiêm túc trong công tác, tham gia các hoạt động thiết kế và thi công công trình

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: (mô tả vắn tắt nội dung học phần khoảng 200 từ, bám sát tên các Chýõng, các phần cốt lõi của học phần sẽ giảng dạy)

Công trình lâm nghiệp là học phần hỗ trợ . Trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp. nhiều khi cán bộ phải trực tiếp tham gia các hoạt động thiết kế các công trình phục vụ cho sản xuất. Các công trình đýõng vận xuất , vận chuyên và đýõng lâm sinh hoặc nhà xýõng phục vụ sản xuất. Học phần này sẽ giúp họ có trong những hoạt động đó.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Bài mở đầu: Những khái niệm và nguyên tắc trong xây dựng cơ bản	1	1					
1. Khái niệm về công trình và kiến trúc nông thôn.							

2. Nguyên tắc và yêu cầu trong xây dựng cơ bản							
Phần 1: Đờng ô tô lâm nghiệp	12	10		1	1		3
Chương 1 Nguyên tắc và trình tự thiết kế đờng.	3	2		1			
1.1 Đặc điểm, phân loại đờng	1						
1.2 / Nguyên tắc và trình tự thiết kế bình đồ	1						
1.3 / Những thông số đánh giá chất lượng đờng.	1				1		
Chương 2. Thiết kế các thông số cơ bản của đờng	5	4	1				2
2.1. Bề rộng nền đờng và mặt đờng	1						
2.2. Độ dốc siêu cao.	1						
2.3. Chiều dài tầm nhìn trên đờng.	1						
2.4. Độ mở rộng trên đoạn đờng cong.	1						
2.5. Độ triệt hủy trên đoạn đờng cong.	1						
Chương 3. tính toán khối lượng	3	2	1			3	

Đào, đắp.							
3.1.Tính toán khối lượng đào đắp.	3	2	1				
Chương 4. Thi công đyờng.	1	1					
4.1. Các hình thức thi công đyờng.							
4.2.Thi công áo đyờng.							2
PHẦN II: THIẾT KẾ NHÀ DÂN DỤNG.	9	6	2	1	1		
Chương 1 . Phân loại và nguyên tắc thiết kế nhà dân dụng.	3	2		1			
1.1.Khái niệm, cấu tạo nhà.							
1.2. Phân loại nhà dân dụng.							
1.3.Nguyên tắc thiết kế mặt bằng nhà dân dụng.						3	3
Chương 2. Cấu tạo kiến trúc và kết cấu các bộ phận cơ bản của nhà dân dụng	6	5		1			
2.1.Sàn bê tông cốt thép.	2						
2.2.Dầm và cột chịu lực	1						
2.3.Cấu tạo kiến trúc các bộ phận phụ	1						
2.4.Cấu tạo	2						

kiến trúc và kết cấu nền móng công trình.							
Ch ý 3 công trình v ợt đ ờng	2	2					2
T ờng	24					6	12

5. Ph ỳng ph ỏp, h ỡnh th ức ki ểm tra, thang đ iể m đ ỏnh giá k ết quả h ọc t ập h ọc ph ần

5.1. Ki ể m tra - đ ỏnh giá th ờng x uy ề n (chi ể m 10% t r ọng s ố)

Đ iể m chuy ề n c ần đ ợc quy đ ị nh t ại quy ết đ ị nh s ố 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 th ỏng 12 n ỏm 2016 của Hi ệ u tr ợ ng Tr ợ ng Đ ại h ọc N ờ ng L ỏm-ĐH Hu ế , c ụ th ể:

Tỷ lệ (%) s ố ti ết v ắ ng	Đ iể m chuy ề n c ần
Không v ắ ng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nh ậ n đ iể m 0 (không đ ủ đ i ề u ki ệ n đ ự thi)

5.2. Ki ể m tra - đ ỏnh giá đ ị nh kỳ (chi ể m 20% t r ọng s ố)

- H ọc ph ần c ỏ quy đ ị nh ki ể m tra 2 bài cho 2 t ín ch ỉ đ ợc đ ỏnh giá 10% .
- Bài t ập l ớn đ ợc g iao thi ết k ế m ặt b ằ ng nh ỏ ở ho ặ c thi ết k ế đ ỏng đ ờng g ả đ ị nh đ ợc đ ỏnh giá 10%. C ả 2 ph ần đ ợc t ính 20% t r ọng s ố đ iể m h ọc ph ần

5.3. Thi – đ ỏnh giá k ết th ức h ọc ph ần (chi ể m 70% t r ọng s ố)

- Thi k ết th ức h ọc ph ần 70% t r ọng s ố đ iể m h ọc ph ần b ằ ng h ỡnh th ức thi t ự lu ậ n ho ặ c thi v ấ n đ ỏp..

Thi t ự lu ậ n ch ủ y ế u đ ỏnh giá c ỏp đ ộ hi ệ u, bi ế t ỏp đ ụng và ph ỏn t ớch s ỏng t ỏo.

Thi v ấ n đ ỏp ch ủ y ế u đ ỏnh giá t ính s ỏng t ỏo c ỏ lý lu ậ n lô gic, hi ệ u bi ế t s ử đ ụng th ực ti ế n.

6. T ài li ệ u h ọc t ập

6.1. T ài li ệ u b ắ t bu ộ c:

Bài g iỏng công tr ỡnh l ỏm nghi ệ p

G iỏo tr ỡnh: công tr ỡnh l ỏm nghi ệ p; Thi ết k ế đ ỏng đ ờng ô t ờ; V ậ t li ệ u x ỏy đ ụng; B ê t ờng c ỏt th ế p

- Nguy ễ n Qu ỏng- Công tr ỡnh l ỏm nghi ệ p. Tr ợ ng Đ ại h ọc L ỏm nghi ệ p n ỏm 1992
- D ỳ đ ờng h ọc H ỏi- Thi ết k ế đ ỏng đ ờng ô t ờ. Nh ỏ xu ỏt b ỏn khoa h ọc và k ỹ th ậ t. H ỏ n ộ i n ỏm 1992
- Nguy ễ n đ ị nh C ỏng- S ỏn b ê t ờng c ỏt th ế p t ỏn kh ỏi. Nh ỏ xu ỏt b ỏn khoa h ọc và k ỹ th ậ t. H ỏ n ộ i n ỏm 1992.

6.2. T ài li ệ u th ỏm kh ỏo:

K ết c ỏu nh ỏ công nghi ệ p; Ph ỏng th ụ y t r ờng thi ết k ế nh ỏ ở, V ậ t li ệ u x ỏy đ ụng t r ờng n ỏng nghi ệ p

- Đ ặ ng H ữ u- S ố tay thi ết k ế đ ỏng đ ờng. Nh ỏ xu ỏt b ỏn khoa h ọc và k ỹ th ậ t. H ỏ n ộ i n ỏm 1976

7. N ộ i d ụng ch ỉ ti ết h ọc ph ần

PH Ầ N LÝ THUY Ệ T

Bài m ở đ ầu: N ữ ng kh ỏi ni ệ m và nguy ề n t ỏc t r ờng x ỏy đ ụng c ỏ b ỏn

1. Khái niệm về công trình và kiến trúc nông thôn.

- I.1/ Khái niệm và đặc điểm của đờng nông thôn
- I.2 / Khái niệm và đặc điểm của nhà dân dụng
- I.3/ Khái niệm và đặc điểm của công trình vớt dòng.

2. Nguyên tắc và yêu cầu trong xây dựng cơ bản

- II.1/ Nguyên tắc cơ giới hóa và tự động hóa
- II.2 / Nguyên tắc kế thừa
- II.3/ Nguyên tắc trong môi trường và xã hội

PHẦN I: THIẾT KẾ ĐỜNG .

Chương 1. Nguyên tắc và trình tự thiết kế các yếu tố của đờng.

1.1 Đặc điểm, phân loại đờng

- 1.1.1. Yêu cầu, đặc điểm của đờng ô tô và hệ thống đờng nông thôn
- 1.1.2. Cấu tạo, Phân loại đờng theo tính chất phục vụ và lưu lượng xe chạy ngày đêm

1.2 / Nguyên tắc và trình tự thiết kế bình đồ, trắc dọc

- 1.2.1. Khái niệm về hướng tuyến trên bình đồ.
- 1.2.2. Nguyên tắc thiết kế bình đồ.
- 1.2.3. Trình tự thiết kế bình đồ.
- 1.2.4. Thiết kế tuyến đờng khi qua vùng địa hình dốc

1.3 / Những thông số đánh giá chất lượng đờng.

- 1.3.1. Những thông số của đờng cong.
- 1.3.2. Hệ số uốn lượn.

1.4/ Trắc dọc và nguyên tắc thiết kế trắc dọc

- 1.4.1.. Các khái niệm về trắc dọc.
- 1.4.2. Nguyên tắc thiết kế trắc dọc.
- 1.4.3. Trình tự xây dựng trắc dọc.

Chương 2. Thiết kế các thông số cơ bản của bình đồ.

1.1. Bề rộng nền đờng và mặt đờng.

- 2.1.1. Đờng 1 làn xe
- 2.1.2. Đờng 2 làn xe

1.2. Độ dốc siêu cao.

- 2.2.1. Độ dốc siêu cao
- 2.2.2. Độ vượt siêu cao.

1.3. Chiều dài tầm nhìn trên đờng.

- 2.3.2. Hai xe ngược chiều trên đờng 1 làn xe
- 2.3.3. Hai xe ngược chiều trên đờng 2 làn xe.

1.4. Độ mở rộng trên đoạn đờng cong.

- 2.4.1. Đờng 1 làn xe- xe đõn ðộc.
- 2.4.2. Đờng 2 làn xe.
- 2.4.3. Xe kéo rõ moóc.

1.5. Độ triết hủy trên đoạn đờng cong.

- 2.5.1. Chiều dài đờng cong lớn hơn chiều dài tầm nhìn.
- 2.5.2. Chiều dài tầm nhìn lớn hơn chiều dài đờng cong.
- 2.5.3. Tính ðộ triết hủy bằng phýõng pháp ðò giải.

Chương 3. Tính toán khối lượng ðào, ðấp.

3.1. Tính toán khối lượng ðào ðấp.

- 3.2.1. Xác lập công thức tính khối lượng ðào, ðấp.
- 3.2.2. Tính khối lượng ðào ðấp bằng phýõng pháp ðếm ô.
- 3.2.3 Điều phối ðất dọc tuyến.

Chương 4. Thi công đờng.

4.1. Các hình thức thi công đờng.

- 4.1.1. Thi công tuần tự.
- 4.1.2. Thi công song song.
- 4.1.3. Thi công dây chuyền.

4.2.Thi công áo dýờng.

- 4.2.1. Nhiệm vụ, cấu tạo của áo dýờng
- 4.2.2.Tính khối lượng đất gia cố theo tam giác phê rê.

PHẦN II: NHÀ DÂN DỤNG VÀ CÔNG TRÌNH VƯỢT DÒNG

Chýõng 1 . Phân loại và nguyên tắc thiết kế nhà dân dụng.

1.1. Khái niệm, cấu tạo nhà.

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2.1.Cấu tạo nhà.

1.2. Phân loại nhà dân dụng.

- 1.2.1.Phân loại theo chất lượng công trình.
- 1.2.2.Phân loại theo độ bền lâu.
- 1.2.3.Phân loại theo khả năng chịu lửa.

1.3.Nguyên tắc thiết kế mặt bằng nhà dân dụng.

- 1.3.1.Thiết kế mặt bằng nhà ở nông thôn.
- 1.3.2.Thiết kế mặt bằng nhà kiểu biệt thự.
- 1.3.3.Thiết kế mặt bằng nhà ghép khối.
- 1.3.4.Thiết kế mặt bằng nhà chung cý
- 1.3.5. Thiết kế mặt bằng nhà ở theo phong thủy

Chýõng 2. Cấu tạo kiến trúc và kết cấu các bộ phận cơ bản của nhà dân dụng

2.1.Sàn bê tông cốt thép.

- 2.1.1.Cấu tạo, số đồ sàn toàn khối.
- 2.1.2.Cấu tạo kiến trúc sàn.
- 2.1.3. Cách đặt cốt thép trong bản sàn.

2.2.Dầm và cột chịu lực

- 2.2.1.Kích thước của dầm chính, dầm phụ.
- 2.2.2. Loại cốt thép và cách đặt cốt thép trong dầm.
- 2.2.3. Kích thước của cột.
- 2.2.4. Loại cốt thép và cách đặt cốt thép trong cột.
- 2.2.5.Cách nối cốt thép giữa cột và dầm.

2.3.Cấu tạo kiến trúc các bộ phận phụ

- 2.3.1.Cấu tạo kiến trúc cầu thang.
- 2.3.2. Cấu tạo kiến trúc hành lang, cửa

2.4.Cấu tạo kiến trúc và kết cấu nền móng công trình.

- 2.3.1.Các loại móng nông và phạm vi ứng dụng
- 2.3.2. Các loại móng cọc và phạm vi ứng dụng.
- 2.3.3.Loại cốt thép và cách đặt cốt thép ở rá móng công trình
- 2.3.4.Biện pháp nâng cao ổn định của móng.

Chýõng 3. Công trình vượt dòng...

- 3.1. Cầu gỗ và cầu bê tông cốt thép khẩu độ nhỏ.
 - 3.1.1 Cầu gỗ.
 - 3.1.2. Cầu bê tông cốt thép
- 3.2. Công trình vượt dòng khác.
 - 3.2.1. Cổng thoát nước.
 - 3.2.2. Dýờng tràn.
 - 3.2.3. Dýờng thấm

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Tính toán thiết kế các thông số an toàn của đýờng

Nội dung 1: tính toán 5 thông số an toàn của bình ðồ tuyến đýờng, tập trung vào đýờng cong.

Bài 2. Vẽ thiết kế mặt bằng nhà ở

Nội dung 1: vẽ mặt bằng nhà ở theo nguyên tắc khoa học và phong thủy

Nội dung 2: Tính khối lượng vật liệu và giá thành xây dựng công trình theo ðơn giá hiện

hành

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hồ Đăng Hải**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ- Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Công tác từ năm 1989. Tại Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0983991596 Email: hodanghai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ chế biến lâm sản; Thiết kế công trình nông thôn; Đa dạng sinh học; Quản lý dự án

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Lê Thị Thu Hà**

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Chế biến lâm sản, khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: CQ (khoa LN): 054.3529137; DĐ 0168.8888.681; Email: lethithuha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các chính sách liên quan đến môi trường và lâm nghiệp; Lâm nghiệp cộng đồng; Quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học; Công nghệ khai thác và chế biến lâm sản

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.S Hồ Đăng Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Động vật rừng (Wild Animals)
- Mã học phần: LNGH21802
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 25 tiết; Số chương: 5;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 5 tiết; Số bài học: 12 bài
- Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Động vật rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý rừng và ngành Lâm nghiệp như sau:

Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về sinh học, sinh thái học của động vật, các qui luật vận động và giá trị của động vật rừng.

Kỹ năng: Xác định được các phương pháp, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo tồn và phát triển động vật rừng một cách hợp lý, có hiệu quả.

Thái độ: Có ý thức, trách nhiệm đối với việc bảo vệ các loài động vật hoang dã nói chung và động vật rừng nói riêng; Tích cực tuyên truyền để nâng cao ý thức mọi người về bảo vệ các loài động vật hoang dã

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Giới thiệu cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu động vật rừng (*Khái niệm và nguyên tắc trong phân loại động vật, tập tính động vật*). Những đặc điểm sinh học và sinh thái học của động vật rừng (*Tập trung: Lốp bò sát, lốp chim, lốp thú*). Vai trò sinh thái và giá trị của động vật rừng đối với tài nguyên rừng. Các phương pháp, biện pháp quản lý bảo tồn và phát triển động vật rừng một cách bền vững.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung	5	4	1			5	
1.1. Một số kiến thức cơ bản trong nghiên cứu động vật	2	2					
1.2. Tập tính và các phương pháp nghiên cứu tập tính động vật	1	1					
1.3. Vai trò sinh thái và giá trị của	2	1	1				

động vật rừng.							
Chương 2: Lớp Thú	9	7	1	1		10	
2.1. Đặc điểm sinh thái và cấu tạo giải phẫu của lớp thú	2	2					
2.2. Sinh thái học của thú	3	2		1			
2.3. Sinh học một số bộ, loài thú rừng ở Việt Nam	4	3	1				
Chương 3. Lớp Chim	7	6	1			10	
3.1. Đặc điểm sinh thái và cấu tạo giải phẫu của lớp Chim	2	2					
3.2. Sinh thái học của chim	2	2					
3.3. Sinh học một số bộ, loài chim rừng ở Việt Nam	3	2	1				
Chương 4. Lớp Bò sát	5	4		1		5	
4.1. Đặc điểm sinh thái và cấu tạo giải phẫu của lớp Bò sát	1	1					
4.2. Sinh thái học của Bò sát	2	1		1			
4.3. Sinh học một số bộ, loài bò sát rừng ở Việt Nam	2	2					
Chương 5. Quản lý và phát triển động vật rừng	4	4				5	
5.1. Đặc điểm tổ thành động vật ở một số kiểu rừng Việt Nam	2	2					
5.2. Quản lý và phát triển động vật rừng	2	2					

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm:

- **Điểm thành phần** = [Trung bình cộng của: Điểm bài tập cá nhân + Điểm thảo luận nhóm] + **Điểm khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học**

- **Điểm khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học:** Mỗi lần tham gia phát biểu ý kiến được 1 điểm tốt, 3 điểm tốt được 0.5 điểm khuyến khích, 6 điểm tốt được 1 điểm khuyến khích.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi: Tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc: Bài giảng Động vật rừng, Trần Mạnh Đạt, 2015

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Động vật rừng, Trần Mạnh Đạt, 1988
- Giáo trình Động vật rừng, Đại học Lâm nghiệp, 1992
- Động vật rừng, PGS. TS Phạm Nhật, NXB Nông Nghiệp, 1998
- Giáo trình động vật học, Lê Trọng Sơn, 2006
- Giáo trình Động vật có xương sống (Tập 1, 2, 3)
- Cơ sở sinh thái học, Dương Hữu Thời, 2000
- Tập tính học là gì?, Đào Văn Tiến, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1987
- Kỹ thuật nuôi một số động vật rừng thông thường - Ts. Trần Mạnh Đạt (Chủ biên), NXB Nông nghiệp, 2015
- Chim Việt Nam - Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, NXB Lao động xã hội, 2000
- Giới thiệu một số loài thú của Đông dương và Thái Lan - Quỹ quốc tế về bảo tồn thiên nhiên, NXB Bản đồ, 2000
- Các loài rắn độc ở Việt Nam - Trần Kiên , NXB Khoa học kỹ thuật, 1978
- Từ điển Động vật và khoáng sản làm thuốc ở Việt Nam, Võ Văn Chi, NXB Y học, 1998
- Sách Đỏ Việt Nam – Phần Động Vật, Bộ KH-CN&MT, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2000
- Danh lục Chim Việt Nam, Võ Quý, Nguyễn Cử, NXB Nông Nghiệp, 1995
- Sách hướng dẫn định loại Rùa Thái Lan, Lào, Việt Nam và Campuchia, IUCN, 2001
- Nhận dạng Động vật hoang dã bị buôn bán, Traffic Southeast Asia, NXB Nông Nghiệp, 2000
- Giáo trình Động Vật học – Phần Động vật có xương sống, Ngô Đắc Chứng, NXB Giáo dục, 1997
- Primates of Northeast india, Arun Srivastava, Megadiversity Press, 1999
- Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam, Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1994
- Thú linh trưởng của Việt Nam, PGS. TS Phạm Nhật, NXB Nông Nghiệp, 2002
- Sổ tay Ngoại nghiệp nhận diện Thú khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng, PGS. TS Phạm Nhật, Nguyễn Xuân Đăng, NXB Lao động – Xã hội, 2000.

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan về động vật rừng

1.1. Giới thiệu chung về môn học

1.1.1. Khái niệm chung về tên gọi

1.1.2. Vị trí, tính chất và nhiệm vụ của môn học

1.2. Một số kiến thức cơ bản trong nghiên cứu động vật

1.2.1. Khái niệm chung về phân loại

1.2.2. Đơn vị và thang bậc phân loại

1.2.3. Nguyên tắc và tiêu chuẩn phân loại

1.2.4. Tập tính và nghiên cứu tập tính

a. Khái niệm tập tính

b. Phương pháp nghiên cứu tập tính

1.3. Vai trò sinh thái và giá trị kinh tế của động vật rừng

1.3.1. Vai trò sinh thái và giá trị kinh tế của động vật rừng

1.3.2. Giá trị săn bắn

Chương 2: Lớp thú

2.1. Đặc điểm hình thái và cấu tạo giải phẫu của lớp thú

2.1.1. Đặc điểm chung

2.1.2. Hình dạng và kích thước

2.1.3. Da thú

2.1.4. Bộ xương thú

2.1.5. Hệ cơ thú

2.1.6. Hệ tiêu hoá

2.1.7. Hệ tuần hoàn

2.1.8. Hệ hô hấp

2.1.9. Hệ bài tiết

2.1.10. Hệ sinh dục

2.1.11. Hệ thần kinh và cơ quan cảm giác

2.2. Vài nét về sinh thái học của thú

2.2.1. Điều kiện sống và thích nghi

2.2.2. Thức ăn của thú

2.2.3. Hoạt động ngày, mùa:

2.2.4. Sinh sản

2.3. Tổng quát về phân loại lớp thú

2.3.1. Lớp phụ Thú nguyên (nguyên thú)

2.3.2. Lớp phụ Thú thấp (thú túi)

2.3.3. Lớp phụ Thú cao hay thú có nhau

2.4. Sinh học một số loài thú rừng

2.4.1. Bộ Gặm nhấm (Rodentia)

2.4.2. Bộ Thỏ (Lagomorpha):

2.4.3. Bộ Ăn thịt (Carnivora)

2.3.4. Bộ Guốc chẵn (Artiodactyla)

2.4.5. Bộ Linh trưởng (Primates)

Chương 3. Lớp Chim

3.1. Đặc điểm hình thái và cấu tạo giải phẫu của lớp Chim

3.1.1. Đặc điểm chung

3.1.2. Hình dạng và kích thước

3.1.3. Da và lông vũ

3.1.4. Bộ xương

- 3.1.5. Hệ cơ chim
- 3.1.6. Hệ tiêu hoá
- 3.1.7. Hệ tuần hoàn
- 3.1.8. Hệ hô hấp
- 3.1.9. Hệ bài tiết
- 3.1.10. Hệ sinh dục
- 3.1.11. Hệ thần kinh và các giác quan

3.2. *Vài nét về sinh thái học của chim*

- 3.2.1. Sự vận động của chim
- 3.2.2. Thức ăn của chim
- 3.2.3. Hoạt động ngày mùa

3.3. *Phân loại chim và sinh học chim rừng Việt Nam*

- 3.3.1. Tổng bộ Chim chạy
- 3.3.2. Tổng bộ Chim bơi
- 3.3.3. Tổng bộ Chim bay

3.4. *Một số bộ, loài chim rừng thường gặp ở Việt Nam*

- 3.4.1. Bộ Ngỗng (Anseriformes)
- 3.4.2. Bộ Gà (Galliformes)
- 3.4.3. Bộ Sếu (Gruiformes)
- 3.4.4. Bộ Cắt (Falconiformes)
- 3.4.5. Bộ Bò câu (Columbiformes)
- 3.4.6. Bộ Vẹt (Psittaciformes)
- 3.4.7. Bộ Cu cu (Cuculiformes)
- 3.4.8. Bộ Sả (Coraciiformes)
- 3.4.9. Bộ Sẻ (Passeriformes)

Chương 4. Lớp Bò sát

4.1. *Bộ có vẩy (Squamata)*

- 4.1.1. Phân bộ Thằn lằn (Lacertilia)
- 4.1.2. Phân bộ Rắn (Ophidia)

4.2. *Bộ Rùa (Chelonia):*

4.3. *Bộ Cá sấu (Crocodylia)*

Chương 5. Quản lý động vật rừng

5.1. *Đặc điểm tổ thành động vật ở một số kiểu rừng Việt Nam*

- 5.1.1. Hệ động vật rừng ở rừng lá rộng thường xanh
- 5.1.2. Hệ động vật ở rừng rụng lá
- 5.1.3. Hệ động vật rừng ở rừng thưa nửa rụng lá
- 5.1.4. Hệ động vật ở rừng tre nứa
- 5.1.5. Động vật ở kiểu rừng ngập mặn

5.1.6. Hệ động vật ở rừng núi đá vôi

5.1.7. Hệ động vật ở rừng lá kim

5.2. Quản lý động vật rừng

5.2.1. Hiện trạng tài nguyên động vật rừng

5.2.2. Bảo vệ và phát triển động vật rừng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Trần Mạnh Đạt**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: BM. Quản lý Tài nguyên Rừng, Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 091 347 4382 Email: tranmanhdat@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Động vật hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hồ Đăng Nguyên**

Chức danh, học hàm, học vị: Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: BM. Quản lý Tài nguyên Rừng, Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 094 889 5454 Email: hodangnguyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Động vật hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Minh**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hýng, Thành Phố Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0938718172

E-mail: nguyenvanminh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Linh trưởng học, Động vật hoang dã, Sinh thái động vật, Sinh học bảo tồn, Khoa học gỗ, Lâm sản ngoài gỗ.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

GVC.TS. Trần Mạnh Đạt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Khai thác lâm sản (Harvesting of forest products)
- Mã học phần: LNGH22302
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương:06;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 09 tiết; Số bài học: 03 bài
- Điều kiện tiên quyết: Học phần khai thác lâm sản học sau các học phần Công cụ và máy lâm nghiệp (LNGH20802), Công trình lâm nghiệp (LNGH21602), Kỹ thuật lâm sinh (LNGH23002).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Khai thác lâm sản đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng, Công nghệ chế biến lâm sản.

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ khai thác lâm sản, Sử dụng có hiệu quả công cụ và máy lâm nghiệp, các giải pháp hạn chế tác động xấu đến tài nguyên rừng trong khai thác .
- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn các hình thức công nghệ khai thác lâm sản phù hợp với điều kiện sản xuất và giảm thiểu tác động xấu đến rừng; thiết kế được công nghệ và hướng dẫn tổ chức khai thác lâm sản cho các loại rừng khác nhau; sử dụng thành thạo và có hiệu quả cao các loại thiết bị khai thác lâm sản.
- Thái độ: Sinh viên phải chuyên cần, sáng tạo, tự giác trong học tập để có thể nắm vững kiến thức và vận dụng tốt trong thực tiễn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần khai thác lâm sản là học phần thuộc khối kiến thức ngành Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Công nghệ chế biến lâm sản. Đây là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ, kỹ thuật, tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên rừng theo hướng bền vững, tạo ra các sản phẩm hàng hoá lâm sản ngày càng có chất lượng và giá trị kinh tế cao.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Mở đầu	2	1,5	0,5				5
1.1. Vị trí, yêu cầu của học phần	1	0,75	0,25				2
1.2. Các	1	0,75	0,25				3

loại rừng và lâm sản							
Chương 2: Các loại hình công nghệ khai thác lâm sản	3	2	0,5		0,5		10
2.1. Khái niệm chung	0,25	0,25					1
2.2. Các hình thức CNKT lâm sản	1,75	1	0,25		0,5		5
2.3. Nguyên tắc và phương pháp chọn hình thức CNKT lâm sản	1	0,75	0,25				4
Chương 3: Kỹ thuật khai thác lâm sản	4	3,5	0,5				15
3.1. Khái niệm chung	0,25	0,25					1
3.2. Lý thuyết cắt gỗ	0,5	0,5					2
3.3. Công cụ và thiết bị chặt hạ lâm sản	1,5	1,25	0,25			4	5
3.4. Kỹ thuật chặt hạ gỗ và tre, nứa	1,5	1,25	0,25			5	5
3.5. Năng suất và an toàn lao động trong chặt hạ lâm sản	0,25	0,25					2
Chương 4: Vận xuất lâm sản	7	4,25	1,25	1	0,5		20
4.1. Khái niệm chung	0,25	0,25					1
4.2. Vận xuất lâm sản bằng súc vật	1,25	1	0,25				4

4.3. Vận xuất lâm sản bằng máng lao	2	1,25	0,25	0,5			5
4.4. Vận xuất lâm sản bằng máy kéo	1,5	0,75	0,25		0,5		5
4.5. Vận xuất lâm sản bằng tời	1,5	0,75	0,25	0,5			4
4.6. Vận xuất lâm sản bằng đường dây cáp	0,5	0,25	0,25				1
Chương 5: Kho lâm sản	2	1,5	0,5				7
5.1. Khái niệm chung	0,25	0,25					1
5.2. Phân loại kho lâm sản	1	0,75	0,25				3
5.3. Công nghệ sản xuất trên kho lâm sản	0,75	0,5	0,25				3
Chương 6: Thiết kế công nghệ khai thác lâm sản	3	2,25	0,75				10
6.1. Khái niệm chung	0,25	0,25					1
6.2. Đặc điểm của công nghệ khai thác lâm sản ở nước ta	0,25	0,25					2
6.3. Nguyên tắc thiết kế CNKT lâm sản	0,5	0,25	0,25				2
6.4. Phương pháp lựa chọn CNKT lâm sản	1	0,75	0,25				2
6.5. Nội dung thiết kế CNKT lâm sản	1	0,75	0,25				3

Tổng	21	15	4	1	1	9	60
-------------	-----------	-----------	----------	----------	----------	----------	-----------

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Điểm đánh giá tính trung bình giữa: Bài kiểm tra và Kỹ năng thực hành

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Thi theo ngân hàng đề do trường quản lý

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Trọng Thực, *Khai thác lâm sản*, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 1995.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Hữu Trọng, Nguyễn Kim, *Khai thác và vận chuyển lâm sản*, NXB nông nghiệp, Hà Nội, 2001.

2. Trịnh Hữu Lập, Nguyễn Kim và các tác giả. *Khai thác và vận chuyển lâm sản*, Trường Đại học Lâm Nghiệp, 1992.

3. Chu Đình Quang, Cao Chí Công, Dương Văn Tài, Bùi Hữu Ái, *Cẩm nang ngành lâm nghiệp, Chương Khai thác và vận chuyển lâm sản*, Bộ NN&PTNT, năm 2006.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Mở đầu

1.1. Vị trí, yêu cầu của học phần

1.1.1. Vị trí

1.1.2. Yêu cầu

1.2. Các loại rừng và lâm sản

1.2.1. Rừng sản xuất

1.2.2. Rừng phòng hộ

1.2.3. Rừng đặc dụng

Chương 2: Công nghệ khai thác lâm sản

2.1. Khái niệm chung

- 2.2. Đặc điểm của quá trình công nghệ khai thác lâm sản
 - 2.2.1. Sản phẩm của quá trình công nghệ
 - 2.2.2. Tính chất sản xuất
- 2.3. Các khâu sản xuất chủ yếu trong quá trình khai thác lâm sản
 - 2.3.1. Chuẩn bị sản xuất
 - 2.3.2. Chặt hạ
 - 2.3.3. Vận xuất
 - 2.3.4. Vận chuyển
- 2.4. Các hình thức công nghệ khai thác lâm sản
 - 2.4.1. Hình thức công nghệ khai thác gỗ ngắn
 - 2.4.2. Hình thức công nghệ khai thác gỗ dài
 - 2.4.3. Hình thức công nghệ khai thác gỗ nguyên cây
- 2.5. Nguyên tắc và phương pháp chọn hình thức công nghệ khai thác lâm sản
 - 2.5.1. Nguyên tắc chọn hình thức công nghệ khai thác lâm sản
 - 2.5.2. Phương pháp chọn hình thức công nghệ khai thác lâm sản

Chương 3: Kỹ thuật khai thác lâm sản

- 3.1. Khái niệm chung
- 3.2. Lý thuyết cắt gỗ
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Cắt đơn giản
 - 3.2.2.1. Lưỡi cắt đơn giản
 - 3.2.2.2. Các dạng cắt đơn giản
 - 3.2.2.3. Điều kiện cắt đơn giản
 - 3.2.2.4. Tác dụng giữa lưỡi cắt và gỗ
 - 3.2.2.5. Lực cắt và công suất cắt
 - 3.2.3. Cắt phức tạp – Cửa gỗ
 - 3.2.3.1. Khái niệm
 - 3.2.3.2. Các dạng cửa gỗ
 - 3.2.3.3. Lực cắt và công suất cắt
- 3.3. Công cụ và thiết bị chặt hạ lâm sản
 - 3.3.1. Công cụ thủ công
 - 3.3.2. Thiết bị cơ giới
 - 3.3.3. Công cụ phụ trợ
- 3.4. Kỹ thuật chặt hạ gỗ và tre, nứa
 - 3.4.1. Kỹ thuật hạ cây
 - 3.4.2. Kỹ thuật cắt cành, ngọn
 - 3.4.3. Kỹ thuật cắt khúc
- 3.5. Năng suất và an toàn lao động trong chặt hạ lâm sản

- 3.5.1. Năng suất chặt hạ lâm sản
- 3.5.2. An toàn lao động trong chặt hạ lâm sản

Chương 4: Vận xuất lâm sản

- 4.1. Khái niệm chung
- 4.2. Vận xuất lâm sản bằng súc vật
 - 4.2.1. Vị trí của súc vật trong vận xuất
 - 4.2.2. Tính sức kéo của súc vật
 - 4.2.3. Các hình thức vận xuất
 - 4.2.4. Năng suất và biện pháp tăng năng suất
- 4.3. Vận xuất lâm sản bằng máng lao
 - 4.3.1. Nguyên lý làm việc và cấu tạo của máng lao
 - 4.3.2. Phương trình chuyển động của gỗ trên máng lao
 - 4.3.3. Các biện pháp điều chỉnh tốc độ của gỗ trên máng lao
 - 4.3.4. Năng suất và biện pháp tăng năng suất
 - 4.3.5. Phạm vi sử dụng, ưu nhược điểm của máng lao
 - 4.3.6. An toàn lao động
- 4.4. Vận xuất lâm sản bằng máy kéo
 - 4.4.1. Các loại máy kéo vận xuất lâm sản
 - 4.4.2. Các phương pháp vận xuất
 - 4.4.3. Tính tải trọng chuyên cho máy kéo
 - 4.4.4. Sơ đồ vận xuất
 - 4.4.5. Năng suất và biện pháp tăng năng suất vận xuất
 - 4.4.6. Phạm vi sử dụng, ưu nhược điểm của máy kéo
 - 4.4.7. An toàn lao động
- 4.5. Vận xuất lâm sản bằng tời
 - 4.5.1. Các loại tời vận xuất
 - 4.5.2. Sơ đồ công nghệ vận xuất
 - 4.5.3. Tính lực kéo và công suất động cơ
 - 4.5.4. Năng suất và biện pháp tăng năng suất vận xuất
 - 4.5.5. Phạm vi sử dụng, ưu nhược điểm của tời
 - 4.5.6. An toàn lao động
- 4.6. Vận xuất lâm sản bằng đường dây cáp
 - 4.6.1. Các kiểu đường cáp vận xuất
 - 4.6.2. Các bộ phận cơ bản của đường cáp
 - 4.6.3. Năng suất và biện pháp tăng năng suất vận xuất
 - 4.5.5. Phạm vi sử dụng, ưu nhược điểm của đường cáp
 - 4.5.6. An toàn lao động

Chương 5: Kho lâm sản

- 5.1. Khái niệm chung
- 5.2. Phân loại kho lâm sản
 - 5.2.1. Kho lâm sản đường bộ
 - 5.2.2. Kho lâm sản đường thủy
 - 5.2.3. Kho lâm sản bộ - thủy
 - 5.2.3. Kho lâm sản thủy - bộ
- 5.3. Công nghệ sản xuất trên kho lâm sản
 - 5.3.1. Khái niệm
 - 5.3.2. Đặc điểm công nghệ sản xuất trên kho
 - 5.3.3. Các khâu sản xuất trên kho
 - 5.3.4. An toàn lao động trên kho

Chương 6: Thiết kế công nghệ khai thác lâm sản

- 6.1. Khái niệm chung
- 6.2. Đặc điểm của công nghệ khai thác lâm sản ở nước ta
 - 6.2.1. Công nghệ khai thác đa dạng
 - 6.2.2. Công nghệ khai thác chậm phát triển
 - 6.2.3. Hiệu quả của công nghệ khai thác thấp
- 6.3. Nguyên tắc thiết kế CNKT lâm sản
 - 6.3.1. Căn cứ vào đối tượng lao động
 - 6.3.2. Căn cứ vào công cụ lao động
 - 6.3.3. Căn cứ vào lực lượng lao động
- 6.4. Các phương pháp lựa chọn dây chuyền CNKT lâm sản
 - 6.4.1. Phương pháp phân tích định tính
 - 6.4.2. Phương pháp phân tích định lượng
- 6.5. Nội dung thiết kế CNKT lâm sản
 - 6.5.1. Công tác khảo sát thiết kế, thu thập số liệu
 - 6.5.2. Lựa chọn dây chuyền công nghệ và máy móc thiết bị
 - 6.5.3. Thiết kế công trình phục vụ sản xuất
 - 6.5.4. Tính khối lượng công việc cho từng khâu sản xuất
 - 6.5.5. Dự toán giá thành sản phẩm
 - 6.5.6. Xây dựng các quy định về an toàn lao động

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1 (2 tiết): Sử dụng công cụ và thiết bị khai thác lâm sản.

Nội dung 1: Giới thiệu các bộ phận và tính năng của các công cụ và thiết bị khai thác lâm sản.

Nội dung 2: Thực hành khởi động và điều khiển các loại máy chặt hạ, chế biến lâm sản

Bài 2 (4 tiết): Kiến tập tại rừng trồng và các cơ sở khai thác lâm sản.

Nội dung 1: Công tác tổ chức khai thác và chế biến lâm sản

Nội dung 2: Các công cụ và thiết bị sử dụng trong khai thác và chế biến ở cơ sở

Nội dung 3: Tham gia thực hành các khâu sản xuất

Bài 3 (3 tiết): Báo cáo tiểu luận về công tác tổ chức, quản lý và áp dụng công nghệ khai thác đối với phát triển bền vững tài nguyên rừng.

Nội dung 1: Thực trạng công tác khai thác rừng hiện nay ở nước ta và trên thế giới

Nội dung 2: Giải pháp về công nghệ khai thác nhằm giảm thiểu tác động đến tài nguyên rừng.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Lê Trọng Thực**
- Chức danh, học hàm, học vị: GVC.ThS
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, tại văn phòng tổ Thanh tra - Pháp chế, trường ĐHNL Huế.
- Địa chỉ liên hệ: 28A2 khu tập thể ĐHH, đường Triệu Quang Phục, TP Huế.
- Điện thoại: 0983043729; Email: letrongthuc@huaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính:
 - + Khai thác lâm sản tác động thấp.
 - + Lâm sản ngoài gỗ
 - + Chế biến lâm sản
 - + Phát triển cộng đồng

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Minh
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên
 - Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
 - Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành Phố Huế, Thừa Thiên Huế
 - Điện thoại: 0938718172
 - E-mail: nguyenvanminh@huaf.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Linh trường học, Động vật hoang dã, Sinh thái động vật, Sinh học bảo tồn, Khoa học gỗ, Lâm sản ngoài gỗ.

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Thị Thu Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư, Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Chế biến lâm sản, khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế
- Điện thoại: CQ (khoa LN): 054.3529137; ĐD 0168.8888.681; Email: lethithuha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các chính sách liên quan đến môi trường và lâm nghiệp; Lâm nghiệp cộng đồng; Quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học; Công nghệ khai thác và chế biến lâm sản

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Nguyễn Duy Phong**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 2011.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế. Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0914735999 Email: nguyenduyphong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp xã hội và tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Điều tra và sản lượng rừng; Quy hoạch cảnh quan đô thị.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.S Lê Trọng Thực

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nông lâm kết hợp (Agroforestry)
- Mã học phần: LNGH23702
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương học: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: bài
- Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng (NHOC31082), Sinh lý thực vật (NHOC31022), Sinh thái môi trường (NHOC15302)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Nông lâm kết hợp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng, ngành Lâm nghiệp và ngành Khoa học đất như sau:

- Kiến thức: Nắm vững các nguyên lý về nông lâm kết hợp, nhận biết và phân loại được các hệ thống nông lâm kết hợp, biết thiết kế và phát triển các kỹ thuật nông lâm kết hợp nhằm quản lý, sử dụng hợp lý được các nguồn tài nguyên.
- Kỹ năng: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức về nông lâm kết hợp, linh hoạt khi sử dụng các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và phát triển nông lâm kết hợp. Thành thạo trong việc điều tra, phân tích hiện trạng và thiết kế xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp.
- Thái độ: Làm việc nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần học hỏi và chia sẻ.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

- Trình bày bối cảnh, lợi ích trực tiếp cũng như gián tiếp của nông lâm kết hợp, đồng thời đánh giá tiềm năng cũng như triển vọng phát triển nông lâm kết hợp ở Việt Nam.
- Trình bày các nguyên lý về nông lâm kết hợp, các đặc điểm chính, đặc điểm nhận biết, đặc điểm phù hợp và cách phân loại các hệ thống nông lâm kết hợp.
- Mô tả và phân tích các hệ thống nông lâm kết hợp truyền thống và cải tiến ở Việt Nam, những lợi ích và hạn chế trong phát triển sản xuất của các hệ thống.
- Giới thiệu các kỹ thuật nông lâm kết hợp: Các kỹ thuật bảo tồn đất và nước, các kỹ thuật áp dụng trong trang trại nhỏ nông lâm kết hợp.
- Nghiên cứu, áp dụng và phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp, đồng thời xem xét đánh giá hiệu quả về sử dụng đất, hiệu quả kinh tế cũng như vấn đề tiêu thụ sản phẩm nông sản trên thị trường.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Mở đầu	3,00	2,00	1,00				
1.1. Các vấn đề trong phát triển nông thôn miền núi	1,50	1,00	0,50				

1.2. Phát triển nông lâm kết hợp là phương thức quản lý sử dụng đất bền vững	1,50	1,00	0,50				
Chương 2. Nguyên lí về nông lâm kết hợp	8,00	5,75	2,00		0,25		
2.1. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống nông lâm kết hợp	2,00	1,75			0,25		
2.2. Phân loại các hệ thống nông lâm kết hợp	2,00	2,00					
2.3. Vai trò của thành phần cây lâu năm trong các hệ thống nông lâm kết hợp	2,00	1,00	1,00				
2.4. Rừng trong các hệ thống nông lâm kết hợp	2,00	1,00	1,00				
Chương 3. Mô tả và phân tích các hệ thống nông lâm kết hợp	7,00	5,00	1,00	1,00			
3.1. Các hệ thống nông lâm kết hợp truyền thống	3,50	2,50	0,50	0,50			
3.2. Các hệ thống nông lâm kết hợp cải tiến	3,50	2,50	0,50	0,50			
Chương 4. Kỹ thuật nông lâm kết hợp	7,00	5,00	1,00	1,00			
4.1. Kỹ thuật bảo tồn đất và nước	3,50	2,50		1,00			
4.2. Các kỹ thuật áp dụng trong trang trại nhỏ nông lâm kết hợp	3,50	2,50	1,00				
Chương 5. Áp dụng và phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp	5,00	3,00	1,00	1,00			
5.1. Quá trình áp dụng và phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp có sự tham gia	0,50	0,50					
5.2. Mô tả điềm, chẩn đoán và thiết kế kỹ thuật nông lâm kết hợp có sự tham gia	2,00	1,00	1,00				
5.3. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu nông lâm kết hợp có sự tham gia	1,50	0,50		1,00			
5.4. Đánh giá các hệ thống nông lâm kết hợp	0,50	0,50					
5.5. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông lâm kết hợp	0,50	0,50					
Tổng số	30,00	20,75	6,00	3,00	0,25		

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Điểm bài kiểm tra trên lớp (theo thang điểm 10): Trọng số: 10%
 - Hoạt động theo nhóm: Điểm kết quả thảo luận, báo cáo hoạt động theo nhóm (chấm trực tiếp, theo thang điểm 10): Trọng số: 10%
 - Làm bài tập: Chấm theo thang điểm 10: trọng số 10%
- Tiêu chí đánh giá các loại bài tập:* Hoàn thành nhiệm vụ (làm đầy đủ các bài tập), có tính sáng tạo, không có hiện tượng sao chép.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Thi kết thúc học phần tiến hành sau khi học xong học phần (hoặc vào thời kỳ trường tổ chức các kỳ thi)

Hình thức 1: Tự luận, các câu hỏi tính theo thang điểm 10, điểm thi tính trung bình chung của bài làm các câu hỏi (tính theo thang điểm 10).

Hình thức 2: Thi vấn đáp: Trình bày bài làm đã chuẩn bị đầy đủ các câu hỏi: 8,0 điểm; trả lời đầy đủ 2 câu hỏi thêm của 2 giáo viên: 2,0 điểm, tổng điểm chung; 10 điểm.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

Lê Quang Vĩnh (2013), *Giáo trình Nông lâm kết hợp*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn (2005), *Kỹ thuật canh tác Nông Lâm kết hợp ở Việt Nam*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
2. Chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội (2002), *Bài giảng Nông lâm kết hợp*, Hà Nội. Tủ sách bộ môn LNXH.
3. Cục Khuyến nông và Khuyến lâm (1996), *Công nghệ canh tác nông lâm kết hợp*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
4. Nguyễn Xuân Quát (1996), *Sử dụng đất tổng hợp và bền vững*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
5. Nguyễn Tử Siêm – Thái Phiên (1999), *Đất đồi núi Việt Nam – Thoái hóa và phục hồi*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
6. Lê Trọng (1993), *Phát triển và quản lý trang trại trong kinh tế thị trường*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.
7. Nguyễn Văn Trương (1985), *Kiến tạo các mô hình nông lâm kết hợp*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. TT TTTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Mở đầu

- 1.1. Các vấn đề trong phát triển nông thôn miền núi

- 1.1.1. Tính đa dạng về sinh thái – nhân văn của khu vực nông thôn và miền núi
- 1.1.2. Những thay đổi tác động đến phát triển bền vững nông thôn miền núi
- 1.1.3. Những thách thức đối với phát triển bền vững nông thôn miền núi
 - 1.1.3.1. Khái niệm về phát triển bền vững nông thôn miền núi
 - 1.1.3.2. Những thách thức
- 1.2. Phát triển nông lâm kết hợp là phương thức quản lý sử dụng đất bền vững
 - 1.2.1. Lược sử hình thành và phát triển nông lâm kết hợp
 - 1.2.1.1. Lược sử phát triển nông lâm kết hợp thế giới
 - 1.2.1.2. Lược sử phát triển nông lâm kết hợp ở Việt Nam
 - 1.2.2. Lợi ích của các hệ thống nông lâm kết hợp
 - 1.2.2.1. Các lợi ích trực tiếp của nông lâm kết hợp
 - 1.2.2.2. Các lợi ích của nông lâm kết hợp trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường
 - 1.2.3. Tiềm năng và triển vọng phát triển nông lâm kết hợp ở Việt Nam
 - 1.2.4. Một số hạn chế trong nghiên cứu và phát triển nông lâm kết hợp ở Việt Nam

Chương 2. Nguyên lí về nông lâm kết hợp

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.1.1. Các khái niệm về nông lâm kết hợp
 - 2.1.2. Các đặc điểm của nông lâm kết hợp
 - 2.1.2.1. Các đặc điểm để nhận biết một hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.1.2.2. Các đặc điểm chính của một hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.1.2.3. Các đặc điểm của hệ thống nông lâm kết hợp phù hợp
 - 2.1.3. Vai trò của nông lâm kết hợp
 - 2.1.3.1. Hoàn cảnh tự nhiên
 - 2.1.3.2. Dân sinh kinh tế
 - 2.1.4. Quan hệ giữa nông lâm kết hợp và lâm nghiệp xã hội
- 2.2. Phân loại các hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.2.1. Quan điểm và nguyên tắc để phân loại các hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.2.2. Phân loại các hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.2.2.1. Phân loại theo cấu trúc của hệ thống
 - a. Dựa trên tính chất của các thành phần
 - b. Dựa trên sự sắp xếp của các thành phần
 - 2.2.2.2. Phân loại theo chức năng của hệ thống
 - 2.2.2.3. Phân loại theo vùng sinh thái
 - 2.2.2.4. Phân loại theo tình trạng dân sinh, kinh tế xã hội
- 2.3. Vai trò của thành phần cây lâu năm trong các hệ thống nông lâm kết hợp
 - 2.3.1. Chức năng phòng hộ của cây lâu năm
 - 2.3.1.1. Cây giúp phục hồi và lưu giữ độ phì của đất
 - a. Ảnh hưởng đến lý tính của đất
 - b. Ảnh hưởng đến hóa tính của đất
 - 2.3.1.2. Cây ngăn chặn xói mòn đất và cải thiện bảo tồn nước
 - 2.3.1.3. Cây cải tạo tiểu khí hậu phù hợp trồng xen canh
 - 2.3.1.4. Cây chắn gió
 - 2.3.1.5. Cây làm hàng rào sống
 - 2.3.2. Chức năng sản xuất của cây lâu năm
- 2.4. Rừng trong các hệ thống nông lâm kết hợp

- 2.4.1. Vai trò bảo vệ sinh thái của rừng
 - 2.4.1.1. Sự mô phỏng cấu trúc và vai trò của rừng tự nhiên
 - 2.4.1.2. Sự tái tạo độ phì đất
 - a. Hệ thống lưu canh
 - b. Sử dụng vật rơi rụng của rừng để bón đất nông trại
 - 2.4.1.3. Kiểm soát chống xói mòn đất và nước chảy bề mặt
 - 2.4.1.4. Rừng phòng hộ và tạo bóng cho cây trồng
- 2.4.2. Vai trò kinh tế, văn hóa và xã hội của rừng
 - 2.4.2.1. Kinh tế
 - 2.4.2.2. Văn hóa và xã hội

Chương 3. Mô tả và phân tích các hệ thống nông lâm kết hợp

- 3.1. Các hệ thống nông lâm kết hợp truyền thống
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Các hệ thống nông lâm kết hợp truyền thống đặc trưng
 - 3.1.2.1. Hệ thống canh tác nương rẫy
 - 3.1.2.2. Hệ thống nông lâm kết hợp rừng và ruộng bậc thang
 - 3.1.2.3. Vườn rừng
 - 3.1.2.4. Vườn cây công nghiệp
 - 3.1.2.5. Vườn cây ăn quả
 - 3.1.2.6. Hệ thống Vườn - Ao - Chuồng (VAC)
 - 3.1.2.7. Hệ thống Rừng - Vườn - Ao - Chuồng (RVAC)
 - 3.1.2.8. Hệ thống Rừng - Hoa màu - Lúa nước
- 3.2. Các hệ thống nông lâm kết hợp cải tiến
 - 3.2.1. Giới thiệu về các hệ thống nông lâm kết hợp cải tiến
 - 3.2.2. Các hệ thống nông lâm kết hợp cải tiến
 - 3.2.2.1. Hệ thống canh tác xen theo băng
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm của hệ thống
 - c. Lưu ý khi tiến hành kỹ thuật SALT1
 - d. Lợi ích và hạn chế
 - e. Điều kiện để áp dụng
 - 3.2.2.2. Các kỹ thuật cải tiến khác của hệ thống trồng xen theo băng
 - a. Hệ thống Lâm – Nông – Đồng cỏ đơn giản (SALT2)
 - b. Hệ thống canh tác Nông – Lâm bền vững (SALT3)
 - c. Hệ thống sản xuất Nông lâm nghiệp với cây ăn quả quy mô nhỏ (SALT4)
 - 3.2.2.3. Trồng cây ranh giới/hàng rào cây xanh
 - 3.2.2.4. Hệ thống đai phòng hộ chắn gió
 - a. Khái niệm
 - b. Lưu ý khi xây đai phòng hộ chắn gió
 - c. Các loại cây thường được trồng trong đai phòng hộ chắn gió
 - 3.2.2.5. Hệ thống Taungya
 - 3.2.2.6. Các hệ thống rừng và đồng cỏ phối hợp
 - 3.2.2.7. Hệ thống Nông - Lâm - Ngư kết hợp
 - 3.2.2.8. Các hệ thống nông lâm kết hợp trên đất cát biển
 - a. Hệ thống rừng phi lao + cỏ chăn nuôi bò dưới tán rừng
 - b. Hệ thống đai cây lâm nghiệp + nuôi tôm cá trên đầm phá

- c. Hệ thống nông lâm kết hợp liên hợp dạng ô bàn cờ
- d. Hệ thống nông lâm kết hợp vườn nhà truyền thống

Chương 4. Kỹ thuật nông lâm kết hợp

4.1. Kỹ thuật bảo tồn đất và nước

4.1.1. Sự cần thiết của việc bảo tồn đất và nước

4.1.1.1. Tính cấp bách của việc chống xói mòn bảo vệ đất

4.1.1.2. Tính cấp bách của việc bảo tồn nước

4.1.2. Xói mòn và các yếu tố chi phối đến xói mòn đất

4.1.2.1. Phân loại xói mòn đất.

4.1.2.2. Các yếu tố chi phối đến xói mòn đất

4.1.3. Các nhóm biện pháp kỹ thuật bảo tồn đất và nước

4.1.3.1. Nhóm cơ học và quản lý

4.1.3.2. Biện pháp dùng thảm thực vật

4.1.3.3. Các biện pháp chống xói mòn truyền thống.

4.1.4. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật để kiểm soát xói mòn

4.1.4.1. Canh tác theo đường đồng mức

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

4.1.4.2. Canh tác theo bậc thang

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.3. Cây che phủ đất

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.4. Luện canh hoa màu

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.5. Trồng cỏ theo băng

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.6. Trồng cây xanh thành các băng theo đường đồng mức

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.7. Đai đổi hướng chảy theo đường đồng mức

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.8. Rào cản cơ giới

a. Đặc điểm

b. Lợi ích

c. Hạn chế

4.1.4.9. Bò tường đá

- a. Đặc điểm
- b. Lợi ích
- c. Hạn chế

4.1.4.10. Các bẫy đất

- a. Đặc điểm
- b. Lợi ích
- c. Hạn chế

4.1.4.11. Tích chứa nước ở vùng cao

- a. Đặc điểm
- b. Lợi ích
- c. Hạn chế

4.1.4.12. Canh tác nương rẫy không đốt

- a. Đặc điểm
- b. Lợi ích
- c. Hạn chế

4.2. Các kĩ thuật áp dụng trong trang trại nhỏ nông lâm kết hợp

4.2.1. Khái niệm về trang trại và kinh tế trang trại

4.2.2. Quản lí trang trại nông lâm kết hợp

4.2.2.1. Quản lý tài nguyên thiên nhiên

4.2.2.2. Quản lý cây trồng, vật nuôi trong trang trại

4.2.2.3. Quản lý lao động

4.2.2.4. Quản trị trang trại nông lâm kết hợp

- a. Kiểm kê tài chính của trang trại
- b. Bảng tính lợi nhuận hàng năm của trang trại
- c. Cân đối thu chi hàng năm của trang trại

4.2.2.5. Kỹ thuật quản lý trang trại giúp tăng cường bảo vệ đất và nước

4.2.2.6. Kiểm soát lửa rừng trong trang trại nông lâm kết hợp

4.2.3. Quản lý dịch bệnh tổng hợp trong trang trại nông lâm kết hợp (IPM)

Chương 5. Phát triển nông lâm kết hợp và vấn đề tiêu thụ sản phẩm

5.1. Quá trình áp dụng và phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp có sự tham gia

5.2. Mô tả điểm, chẩn đoán và thiết kế kỹ thuật nông lâm kết hợp có sự tham gia

5.3. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu nông lâm kết hợp có sự tham gia

5.4. Đánh giá các hệ thống nông lâm kết hợp

5.4.1. Đánh giá hiệu quả về sử dụng đất và hiệu quả về kinh tế

5.4.1.1. Đánh giá khả năng sản xuất của mô hình nông lâm kết hợp bằng tỷ số tương đương của đất (LER)

5.4.1.2. Phương pháp CBA đánh giá hiệu quả kinh tế các mô hình nông lâm kết hợp

5.4.2. Đánh giá hiệu quả về bảo vệ sinh thái, môi trường

5.4.3. Đánh giá hiệu quả về mặt xã hội

5.4.4. Đánh giá hiệu quả tổng hợp

5.5. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông lâm kết hợp

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Lê Quang Vĩnh

Chức danh, học hàm, học vị: GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, khoa Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 102 - Phùng Hưng, Huế.

Điện thoại: 0234 3825379 (NR), 0234 3529137 (CQ), 0914044322 (DD)

Email: lequangvinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các hệ thống nông lâm kết hợp, canh tác trên đất dốc, các loại cây che phủ đất, cây phân xanh họ đậu.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Hoàng Dương Xô Việt

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, khoa Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, 102 - Phùng Hưng, Huế.

Điện thoại: 0234 3529137 (CQ), 0949020505(DD)

Email: hoangduongxoviet@ huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp, các hệ thống nông lâm kết hợp.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Nguyễn Duy Phong**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 2011.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế. Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0914735999.

Email: nguyenduyphong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp xã hội và tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Điều tra và sản lượng rừng; Quy hoạch cảnh quan đô thị.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Phạm Thị Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bắt đầu chính thức giảng dạy từ 3/2014 tại Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 14/14 Lê Ngô Cát, Thành phố Huế

Điện thoại: 01255254626 Email: phamthiphuongthao@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp cộng đồng, Nông lâm kết hợp

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM HUẾ

PGS.TS. Đặng Thái Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TS. Lê Quang Vĩnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Kỹ thuật lâm sinh (Silvicultural treatment)
- Mã học phần: LNGH23002
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương học: 05 chương
 - + Thảo luận, báo cáo: 09 tiết; Số bài học: 4 bài
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng (LNGH24302), Sinh lý thực vật (NHOC31022), Khí tượng (LNGH31102).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần kỹ thuật lâm sinh đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- Kiến thức: sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ đạt được những vấn đề sau
 - o Có kiến thức về nguyên lý kỹ thuật lâm sinh đáp ứng xu thế và yêu cầu thực tiễn;
 - o Có kiến thức về nuôi dưỡng rừng, quản lý rừng trước khai thác và khai thác chính;
 - o Có kiến thức về rừng thứ sinh nghèo nhiệt đới và các phương thức tác động.
- Kỹ năng: sau khi học xong học phần này sinh viên có kỹ năng
 - o Tác nghiệp chăm sóc rừng, tỉa cành, tỉa thưa;
 - o Có khả năng xây dựng các phương án kinh doanh nuôi dưỡng rừng, khai thác các loại rừng, cũng như nâng cao sản lượng và chất lượng rừng nghèo;
 - o Có khả năng tổng hợp và phân tích giải pháp kỹ thuật lâm sinh theo hướng hiệu quả và bền vững.
- Thái độ:
 - o Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn kỹ thuật lâm sinh, sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc được giao; có khả năng định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần kỹ thuật lâm sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ về nguyên lý kỹ thuật lâm sinh, kỹ thuật nuôi dưỡng rừng, các phương thức khai thác rừng đều tuổi và rừng khác tuổi, các phương thức tác nghiệp rừng thứ sinh nghèo nhiệt đới theo hướng tiếp cận thực tiễn và đáp ứng yêu cầu xã hội.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật lâm sinh	2	2					
1.1. Vai trò của kỹ thuật lâm sinh trong lâm nghiệp	0,5	0,5					
1.2. Lịch sử và xu hướng phát triển của kỹ thuật lâm sinh	0,5	0,5					
1.3. Nguyên lý kỹ thuật lâm sinh	1,0	1,0					
Chương 2. Kỹ thuật chặt nuôi dưỡng rừng	9						
2.1. Khái niệm	0,5	0,5					
2.2. Cơ sở khoa học của kỹ thuật chặt nuôi dưỡng	2	2					
2.3. Các loại chặt nuôi dưỡng và phương pháp chặt nuôi dưỡng	2,5	2,5					
2.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng rừng	2	2					
2.5. Trình bày và phân tích các đặc trưng của chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt Nam	2		1	1			
Chương 3. Phương thức khai thác – tái sinh rừng đều tuổi	6						
3.1. Tổng quan về rừng đều tuổi	0,5	0,5					
3.2. Ưu, nhược điểm của rừng đều tuổi	0,5	0,5					
3.3. Các phương thức lâm sinh cho rừng đều tuổi	3	3					
3.4. Trình bày và phân tích các đặc trưng của khai thác rừng đều tuổi trong thực tiễn kinh doanh rừng	2		1	1			
Chương 4. Phương thức khai thác – Tái sinh rừng khác tuổi	4						
4.1. Những đặc trưng cơ bản của rừng khác tuổi	1	1					
4.2. Các phương thức khai thác – tái sinh ở rừng khác tuổi	1	1					
4.3. Phương thức lâm sinh trong kinh doanh rừng chồi	1	1					
4.4. Trình bày và phân tích các đặc trưng	1		0,5	0,5			

của khai thác rừng khác tuổi trong thực tiễn kinh doanh rừng							
Chương 5. Phục hồi rừng thứ sinh nghèo	9						
5.1. Rừng thứ sinh nghèo và quá trình hình thành	0,5	0,5					
5.2. Đặc trưng cơ bản của rừng thứ sinh nghèo	0,5	0,5					
5.3. Phân loại rừng thứ sinh nghèo	0,5	0,5					
5.4. Các giải pháp kỹ thuật lâm sinh phục hồi rừng thứ sinh nghèo	4	4					
5.5. Tiêu chuẩn đánh giá rừng phục hồi thành công	0,5	0,5					
5.6. Trình bày và phân tích các đặc trưng của các phương thức lâm sinh nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng rừng nhiệt đới thứ sinh trong thực tiễn	3		2	1			

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

A. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết và lý thuyết + thực hành

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các buổi thảo luận nhóm và nộp bài kiểm tra đúng thời hạn quy định của giáo viên: đánh giá bằng 5% trọng số điểm của học phần.

Chất lượng bài kiểm tra, bài trình bày và trả lời câu hỏi của thảo luận nhóm: đánh giá bằng 15% trọng số điểm của học phần (nội dung, cách thức chuẩn bị bài trình bày, kỹ năng trình bày, trả lời câu hỏi).

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Học phần này có thể đánh giá kết thúc học phần bằng cả 2 hình thức: Tự luận và Vấn đáp. Cách đánh giá như sau:

- Nhớ và hiểu được các kiến thức liên quan đến nguyên lý kỹ thuật lâm sinh, kỹ thuật nuôi dưỡng rừng, các phương thức khai thác chính, phương thức lâm sinh áp dụng cho rừng nghèo nhiệt đới.

- Áp dụng được các kiến thức lý thuyết vào việc thiết kế và đề xuất các phương án kỹ thuật lâm sinh cho các hiện trạng rừng cụ thể.
- Phân tích và đánh giá được bản chất và hiệu quả của các phương án kỹ thuật lâm sinh đã và đang áp dụng trong thực tiễn.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Xuân Hoàn và Hoàng Kim Ngũ. *Lâm học*. Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội, 2003.
2. Nguyễn Văn Thêm. *Lâm sinh học*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh, 2004.
3. Ngô Quang Đê, Triệu Văn Hùng, Phùng Ngọc Lan, Nguyễn Hữu Lộc, Lâm Xuân Sanh, Nguyễn Hữu Vĩnh. *Lâm sinh học (tập I: Nguyên lý lâm sinh học)*. Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Hà Tây, 1992.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ lâm nghiệp. *Quy phạm các giải pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa (QPN 14-92)*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 1993.
2. Vụ khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm. *Văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật lâm sinh (Tập II: Quản lý lâm sinh và xây dựng rừng)*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 2001.
3. Richards P.W. (Vương Tấn Nhị dịch). *Rừng mưa nhiệt đới*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1970.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật lâm sinh

- 1.1. Vai trò của kỹ thuật lâm sinh trong lâm nghiệp
 - 1.1.1. Vai trò của kỹ thuật lâm sinh trong lâm nghiệp
 - 1.1.2. Quản lý rừng và sử dụng rừng bền vững
- 1.2. Lịch sử và xu hướng phát triển của kỹ thuật lâm sinh
 - 1.2.1. Lịch sử phát triển của kỹ thuật lâm sinh
 - 1.2.2. Xu hướng phát triển của kỹ thuật lâm sinh
 - 1.2.3. Kỹ thuật lâm sinh trong chiến lược phát triển ngành
- 1.3. Nguyên lý kỹ thuật lâm sinh
 - 1.3.1. Một số khái niệm
 - 1.3.2. Những đặc trưng của hệ sinh thái rừng có liên quan đến kỹ thuật lâm sinh
 - 1.3.3. Tiền đề xác định phương thức lâm sinh
 - 1.3.4. Những nguyên lý sinh thái học quần xã ứng dụng kỹ thuật lâm sinh

Chương 2. Kỹ thuật chặt nuôi dưỡng rừng

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 2.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của chặt nuôi dưỡng

- 2.2. Cơ sở khoa học của kỹ thuật chặt nuôi dưỡng
 - 2.2.1. Quy luật phân hóa và đào thải cây rừng; quy luật giảm số cây theo tuổi
 - 2.2.2. Quy luật cấu trúc của lâm phần hay quần xã
 - 2.2.3. Những vấn đề cơ bản về lý luận trong chặt nuôi dưỡng
 - 2.2.4. Tính tất yếu của chặt nuôi dưỡng
 - 2.2.5. Phân cấp cây rừng
- 2.3. Các loại chặt nuôi dưỡng và phương pháp chặt nuôi dưỡng
 - 2.3.1. Các loại chặt nuôi dưỡng
 - 2.3.2. Các phương pháp chặt nuôi dưỡng
- 2.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng rừng
 - 2.4.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng rừng đều tuổi
 - 2.4.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng rừng khác tuổi
- 2.5. Chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt Nam
 - 2.5.1. Chặt nuôi dưỡng cho rừng đều tuổi ở Việt Nam
 - 2.5.2. Chặt nuôi dưỡng rừng tự nhiên hỗn loài khác tuổi

Chương 3. Phương thức khai thác – tái sinh rừng đều tuổi

- 3.1. Tổng quan về rừng đều tuổi
 - 3.1.1. Rừng đều tuổi tự nhiên
 - 3.1.2. Rừng đều tuổi nhân tạo
- 3.2. Ưu, nhược điểm của rừng đều tuổi
 - 3.2.1. Những ưu điểm của rừng đều tuổi
 - 3.2.2. Những nhược điểm của rừng đều tuổi
- 3.3. Các phương thức lâm sinh cho rừng đều tuổi
 - 3.3.1. Phương thức khai thác trắng
 - 3.3.2. Phương thức khai thác dần

Chương 4. Phương thức khai thác – Tái sinh rừng khác tuổi

- 4.1. Những đặc trưng cơ bản của rừng khác tuổi
 - 4.1.1. Định nghĩa là nguồn gốc hình thành
 - 4.1.2. Biến động về rừng tự nhiên hỗn loài khác tuổi ở Việt Nam
 - 4.1.3. Những giá trị của rừng tự nhiên khác tuổi
 - 4.1.4. Ưu nhược điểm của rừng khác tuổi
- 4.2. Các phương thức khai thác – tái sinh ở rừng khác tuổi
 - 4.2.1. Phương thức khai thác chọn
 - 4.2.2. Khai thác chọn nhiệt đới
 - 4.2.3. Chặt chọn ở Việt Nam
 - 4.2.4. Khai thác dần áp dụng cho rừng hỗn loài khác tuổi ở nhiệt đới
- 4.3. Phương thức lâm sinh trong kinh doanh rừng chồi
 - 4.3.1. Một số khái niệm

- 4.3.2. Quá trình hình thành rừng chồi – hạt
- 4.3.3. Một số nội dung kỹ thuật trong phương thức lâm sinh cho rừng chồi – hạt
- 4.3.4. Ưu điểm và nhược điểm của rừng chồi - hạt
- 4.3.5. Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng chồi ở Việt Nam

Chương 5. Phục hồi rừng thứ sinh nghèo

- 5.1. Rừng thứ sinh nghèo và quá trình hình thành
 - 5.1.1 Khái niệm về rừng thứ sinh nghèo
 - 5.1.2. Quá trình hình thành rừng thứ sinh nghèo
 - 5.1.3. Giá trị kinh tế và môi trường của rừng thứ sinh nghèo
- 5.2. Đặc trưng cơ bản của rừng thứ sinh nghèo
 - 5.2.1 Cấu trúc quần xã thực vật rừng
 - 5.2.2. Tái sinh ở rừng thứ sinh nghèo
 - 5.2.3. Trữ lượng và chất lượng rừng thứ sinh nghèo
- 5.3. Phân loại rừng thứ sinh nghèo
 - 5.3.1. Hệ thống phân loại theo QPN-84
 - 5.3.2. Hệ thống phân loại theo Thông tư số 34/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
- 5.4. Phục hồi rừng thứ sinh nghèo
- 5.5. Các giải pháp kỹ thuật lâm sinh phục hồi rừng thứ sinh nghèo
 - 5.5.1. Phục hồi rừng bằng kỹ thuật tu bổ rừng và khoanh nuôi tái sinh
 - 5.5.2. Phục hồi rừng bằng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên
 - 5.5.3. Phục hồi rừng bằng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung
 - 5.5.4. Làm giàu rừng
 - 5.5.5. Cải tạo rừng thứ sinh nghèo
 - 5.5.6. Kỹ thuật phục hồi rừng bằng phương pháp tạo khung rừng
- 5.6. Tiêu chuẩn đánh giá rừng phục hồi thành công
 - 5.6.1. Một số tiêu chuẩn kỹ thuật tác động cho rừng phục hồi ở nước ngoài
 - 5.6.2. Tiêu chuẩn xác định rừng khoanh nuôi thành rừng ở Việt Nam

PHẦN THẢO LUẬN – BÀI TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Trình bày và phân tích các đặc trưng của chặt nuôi dưỡng trong thực tiễn kinh doanh rừng

Nội dung 1: Chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt Nam

Bài 2. Trình bày và phân tích các đặc trưng của khai thác – tái sinh rừng đều tuổi trong thực tiễn kinh doanh rừng

Nội dung 1: Khai thác trắng ở nhiệt đới và ở Việt Nam

Nội dung 2: Một số phương thức khai thác dần trong điều kiện nhiệt đới

Bài 3. Trình bày và phân tích các đặc trưng của khai thác – tái sinh rừng khác tuổi trong thực tiễn kinh doanh rừng

Nội dung 1: Khai thác chọn ở khu vực Nam Mỹ và châu Úc

Nội dung 2: Khai thác chọn ở châu Á và Việt Nam

Bài 4. Trình bày và phân tích các đặc trưng của các phương thức lâm sinh nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng rừng nhiệt đới thứ sinh

Nội dung 1: Phương pháp cải thiện quần thể OKOUME

Nội dung 2: Phương pháp đồng nhất hóa tầng trên

Nội dung 3: Phương pháp quy chuẩn hóa

Nội dung 4: Phương pháp quản lý tuyển chọn

Nội dung 5: Phương thức chặt dần dưới tán rừng nhiệt đới

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Ngô Tùng Đức**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn lâm sinh, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế
- Địa chỉ liên hệ: 6 Phạm Thế Hiển, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, TT Huế
- Điện thoại: 0989686739 (DĐ); Email: ngotungduc@huaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Sinh thái rừng, Kỹ thuật lâm sinh, Sinh kế và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững, Lâm nghiệp xã hội, Sinh thái cảnh quan.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Đặng Thái Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế

Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Cải thiện giống, Lâm sinh học, trồng rừng, bảo tồn nguồn gen.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Phạm Cường**

Chức danh, học hàm học vị: GV, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0905 801 501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Kỹ thuật lâm nghiệp, Trồng rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, Lâm sản ngoài gỗ và Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Phương

NCS nước ngoài

Giảng viên 5:

Họ và tên: Trương Thủy Vân
NCS nước ngoài

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Giảng viên

PGS.TS. Lê Văn An

PGS. TS. Đặng Thái Dương

TS. Ngô Tùng Đức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Lâm nghiệp đô thị (Urban Forestry)**

- Mã học phần: LNGH23202

- Số tín chỉ: 02

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 20 tiết; Số chương: 05;

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo,...: 10 tiết; Số bài học: 3 bài

- Điều kiện tiên quyết: Hình thái và phân loại thực vật (LNGH12102), Sinh thái rừng (LNGH24302) và Giống cây rừng (LNGH22002)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Lâm nghiệp đô thị đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- Kiến thức: những hiểu biết cơ bản về Lâm nghiệp đô thị - cây xanh đô thị như vai trò, kỹ thuật gây trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ hệ thống cây xanh đô thị và vấn đề quy hoạch cây xanh trong đô thị.
- Kỹ năng: Sinh viên có thể nhận diện được các loại cây xanh đô thị; có kỹ năng trong việc chọn, tạo, gây trồng, chăm sóc và bảo vệ hệ thống cây xanh đô thị; và có thể vận dụng được các nguyên tắc, thủ pháp vào quy hoạch thiết kế các công trình cảnh quan cây xanh trong đô thị
- Thái độ: Rèn luyện tính kiên trì và tinh thần say mê học hỏi, sáng tạo. Sau khi học xong học phần này sinh viên thấy được tầm quan trọng việc phát triển hệ thống cây xanh trong các đô thị.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp đô thị: Khái niệm, vai trò và những yếu tố cấu thành mảng xanh đô thị; Phân biệt các loại mảng xanh đô thị; Mục tiêu, nội dung quy hoạch mảng xanh đô thị và tiêu chuẩn đất xanh trong đô thị; Kỹ thuật gây trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh đô thị; Tìm hiểu những trường phái quy hoạch thiết kế cảnh quan trên thế giới và những nguyên tắc, quy luật, thủ pháp trong công tác quy hoạch và thiết kế cảnh quan cây xanh đô thị như thiết kế cây xanh đường phố, quảng trường, thiết kế vườn – công viên...

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Kiểm tra	Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài mở đầu: Giới thiệu chung về khoa học Lâm nghiệp đô thị	1	1					
Chương 1. Khái quát cơ bản về ĐT, ảnh hưởng của ĐTH đến môi trường sống ở đô thị	3	2	1				6
1.1. Khái quát cơ bản về Đô thị		1,5					
1.2. Ảnh hưởng của ĐTH đến môi trường sống ở ĐT		0,5	1				
Chương 2. Tổng quan về mảng xanh đô thị	7	6	1				12
2.1. Thành phần cấu thành MXĐT		2,5					
2.2. Vai trò của mảng xanh đô thị.		0,5	1				
2.3. Quy hoạch mảng xanh đô thị		3					
Chương 3. Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc và quản lý cây xanh đô thị	6	3	2		1		12
3.1. Phương pháp nhân giống			2				
3.2. Kỹ thuật trồng CXĐT		1					
3.3. Công tác chăm sóc CXĐT		1					
3.4. Công tác quản lý CXĐT		1					
Chương 4. Quy hoạch và thiết kế cây xanh đường phố	3	3				2	14
4.1. Thực trạng và định hướng phát triển CXĐP		0,5					
4.2. Nguyên tắc và tiêu chuẩn chọn cây xanh đường phố		1					
4.3. Nguyên tắc bố trí CXĐP		1					
4.4. Các giải pháp bố trí CXĐP		0,5					
Chương 5. Quy hoạch và thiết kế vườn – công viên	5	5				3	16
5.1. Lịch sử và chiều hướng phát triển nghệ thuật thiết kế vườn – công viên		1					
5.2. Các trường phái quy hoạch và		1,5					

thiết kế vườn – công viên							
5.3. Các nguyên lý vận dụng trong quy hoạch thiết kế vườn–công viên		1,5					
5.4. Thiết lập quần thể cây xanh trong vườn – công viên		1					
Tổng cộng	25	20	4		1	5	60

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (cần nêu rõ tỷ lệ và phương pháp đánh giá 30%)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ, bao gồm

- Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận): 10% trọng số;
- Đánh giá định kỳ: Điểm kiểm tra quá trình là trung bình cộng của 1 bài kiểm tra (50 phút), 1 bài thảo luận và 2 bài báo cáo thu hoạch thực tế và chiếm 20% trọng số;

5.2 Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Thi đánh giá cuối kỳ: 70% trọng số.
- Hình thức thi kết thúc học phần:

Thi đánh giá cuối kỳ được thực hiện bằng hình thức thi tự luận. Bộ đề thi được làm từ ngân hàng đề thi theo quy định của trường. Mỗi đề thi gồm 2 câu hỏi; Bài thi do hai giáo viên chấm, nếu học viên trả lời đầy đủ theo đáp án của 2 câu hỏi sinh viên được 10 điểm.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Ngô Thị Phương Anh, 2016. Bài giảng Lâm nghiệp đô thị

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Viện Quy hoạch xây dựng đô thị nông thôn: “Cây trồng đô thị” tập 1 và 2. Nhà xuất bản Xây dựng.
2. Lê Phương Thảo. “Cây trồng đô thị”. Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội, 1980
3. Chế Đình Lý “Cây xanh – Phát triển và quản lý trong môi trường đô thị”. Nhà Xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1996.

4. Nguyễn Thị Thanh Thủy. “Kiến trúc Phong cảnh”. Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1996

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài mở đầu: Giới thiệu chung về khoa học Lâm nghiệp đô thị

1. Lịch sử phát triển khoa học về Lâm nghiệp đô thị
2. Vị trí, phạm vi hoạt động và mục đích của Lâm nghiệp đô thị
3. Môi quan hệ giữa Lâm nghiệp đô thị với các ngành khoa học khác.

Chương 1: Khái quát cơ bản về đô thị, ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá đến môi trường sống ở đô thị

- 1.1. Những khái quát cơ bản về đô thị:
 - 1.1.1. Khái niệm về đô thị.
 - 1.1.2. Đặc điểm đặc trưng và chức năng của đô thị.
 - 1.1.3. Các loại hình đô thị ở Việt Nam.
 - 1.1.4. Định hướng và chiến lược phát triển đô thị ở Việt Nam trong thời gian tới
- 1.2. Ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá đến môi trường đô thị
 - 1.2.1. Khái niệm về đô thị hoá
 - 1.2.2. Đặc điểm của quá trình đô thị hoá
 - 1.2.3. Tác động của quá trình đô thị hoá đến môi trường sống ở đô thị

Chương 2: Tổng quan về mảng xanh đô thị

- 2.1. Thành phần cấu thành mảng xanh đô thị.
 - 1.1.1. Khái niệm về mảng xanh đô thị
 - 1.1.1.1. Quan điểm rộng
 - 1.1.1.2. Quan điểm hẹp
 - 1.1.2. Các loại hình mảng xanh đô thị
 - 1.1.2.1. Mảng xanh công cộng
 - 1.1.2.2. Mảng xanh chuyên dụng
 - 1.1.2.3. Mảng xanh đặc biệt
 - 1.1.3. Thành phần cấu thành mảng xanh đô thị.
 - 1.1.3.1. Địa hình
 - 1.1.3.2. Cây xanh
 - 1.1.3.3. Mặt nước
 - 1.1.3.4. Công trình kiến trúc
 - 1.1.3.5. Không gian trống
- 2.2. Vai trò của mảng xanh đô thị.
 - 2.2.1. Cung cấp dưỡng khí
 - 2.2.2. Điều hoà khí hậu
 - 2.2.3. Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường

- 2.2.4. Tạo cảnh quan
- 2.2.5. Phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, giáo dục, nghiên cứu, tham quan du lịch, nghỉ ngơi giải trí.
- 2.2.6. Kiểm soát sự rửa trôi và xói mòn đất
- 2.2.7. Giảm sự phản chiếu và tham gia điều khiển giao thông
- 2.2.8. Mang lại lợi nhuận về kinh tế
- 2.3. Quy hoạch mảng xanh đô thị
 - 2.3.1. Khái niệm và mục tiêu quy hoạch mảng xanh đô thị
 - 2.3.1.1. Khái niệm
 - 2.3.1.2. Mục tiêu quy hoạch
 - 2.3.2. Nguyên tắc quy hoạch mảng xanh đô thị
 - 2.3.2.1. Mục tiêu chung
 - 2.3.2.2. Mục tiêu quy hoạch tổng thể mặt bằng cây xanh đô thị
 - 2.3.3. Một số căn cứ và yêu cầu trong quy hoạch mảng xanh đô thị
 - 2.3.3.1. Một số căn cứ trong quy hoạch mảng xanh đô thị
 - 2.3.3.2. Các yêu cầu trong quy hoạch mảng xanh đô thị
 - 2.3.4. Tiêu chuẩn đất xanh đô thị ở Việt Nam
 - 2.3.4.1. Tiêu chuẩn đất xanh trong mặt bằng tổng thể của đô thị
 - 2.3.4.2. Tiêu chuẩn đất xanh trong khu dân cư

Chương 3: Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc và quản lý cây xanh đô thị

- 3.1. Phương pháp nhân giống cây xanh đô thị
 - 3.1.1. Phương pháp nhân giống hữu tính
 - 3.1.1.1. Cơ sở khoa học
 - 3.1.1.2. Ưu, nhược điểm của phương pháp
 - 3.1.1.3. Cách tiến hành
 - 3.1.1.4. Điều kiện áp dụng
 - 3.1.2. Phương pháp nhân giống vô tính.
 - 3.1.2.1. Cơ sở khoa học
 - 3.1.2.2. Ưu, nhược điểm
 - 3.1.2.3. Các phương pháp nhân giống vô tính
 - 3.1.2.4. Điều kiện áp dụng
- 3.2. Kỹ thuật trồng cây xanh đô thị
 - 3.2.1. Môi trường sinh trưởng của cây xanh đô thị
 - 3.2.1.1. Không gian sinh trưởng
 - 3.2.1.2. Điều kiện đất đai/ thổ nhưỡng
 - 3.2.1.3. Điều kiện khí hậu
 - 3.2.1.4. Ô nhiễm môi trường
 - 3.2.1.5. Tác động của con người

- 3.2.2. Kỹ thuật trồng cây xanh đô thị
 - 3.2.2.1. Tiêu chuẩn cây trồng đô thị
 - 3.2.2.2. Kỹ thuật bứng cây
 - 3.2.2.3. Kỹ thuật đào hố
 - 3.2.2.4. Kỹ thuật vận chuyển cây
 - 3.2.2.5. Kỹ thuật trồng
- 3.3. Công tác chăm sóc cây xanh đô thị
 - 3.3.1. Mục đích
 - 3.3.2. Công tác chăm sóc cây xanh đô thị
 - 3.3.2.1. Chăm sóc cây từ khi trồng đến khi sinh trưởng ổn định (3-5 năm tuổi).
 - 3.3.2.2. Chăm sóc và bảo dưỡng cây trưởng thành
 - 3.3.3. Một số loại sâu bệnh hại chính trên cây xanh đô thị và phương pháp phòng trừ.
 - 3.3.3.1. Một số loại sâu hại chính trên cây xanh đô thị
 - 3.3.3.2. Phương pháp phòng trừ
- 3.4. Công tác quản lý cây xanh đô thị
 - 3.4.1. Nguyên tắc chung của công tác quản lý cây xanh đô thị
 - 3.4.2. Một số yêu cầu trong công tác quản lý cây xanh đô thị

Chương 4: Quy hoạch và thiết kế cây xanh đường phố

- 4.1. Thực trạng và định hướng phát triển cây xanh đường phố ở VN trong giai đoạn hiện nay
 - 4.1.1. Thực trạng cây xanh đường phố ở VN hiện nay
 - 4.1.2. Định hướng phát triển cây xanh đường phố ở VN hiện nay
- 4.2. Nguyên tắc và tiêu chuẩn chọn cây xanh đường phố
 - 4.2.1. Nguyên tắc/các yếu tố chọn cây đường phố
 - 4.2.2. Tiêu chuẩn chọn cây đường phố
- 4.3. Nguyên tắc bố trí cây đường phố:
 - 4.3.1. Hình thức bố trí
 - 4.3.2. Khoảng cách bố trí
 - 4.3.3. Một số lưu ý trong quá trình bố trí cây đường phố
- 4.4. Các giải pháp bố trí cây đường phố
 - 4.4.1. Đường không có tuyến phân luồng
 - 4.4.2. Đường có tuyến phân luồng ở giữa
 - 4.4.3. Đường có 2 tuyến phân luồng

Chương 5: Quy hoạch và thiết kế vườn – công viên

- 5.1. Lịch sử và chiều hướng phát triển nghệ thuật thiết kế vườn – công viên

- 5.1.1. Trên thế giới
- 5.1.2. Ở Việt Nam
- 5.2. Các trường phái quy hoạch và thiết kế vườn – công viên
 - 5.2.1. Trường phái hình học quy cũ
 - 5.2.1.1. Xuất xứ
 - 5.2.1.2. Đặc điểm
 - 5.2.1.3. Ưu, nhược điểm
 - 5.2.1.4. Điều kiện áp dụng
 - 5.2.2. Trường phái mô phỏng thiên nhiên
 - 5.2.2.1. Xuất xứ
 - 5.2.2.2. Đặc điểm
 - 5.2.2.3. Ưu, nhược điểm
 - 5.2.2.4. Điều kiện áp dụng
 - 5.2.3. Trường phái đại bộ tầng bậc
 - 5.2.3.1. Xuất xứ
 - 5.2.3.2. Đặc điểm
 - 5.2.3.3. Ưu, nhược điểm
 - 5.2.3.4. Điều kiện áp dụng
- 5.3. Các nguyên lý vận dụng trong quy hoạch thiết kế vườn – công viên
 - 5.3.1. Nguyên lý bố cục
 - 5.3.2. Nguyên lý trang trí
 - 5.3.3. Nguyên lý sử dụng màu sắc và ánh sáng
- 5.4. Thiết lập quần thể cây xanh trong vườn – công viên:
 - 5.4.1. Nguyên tắc chọn và bố trí cây trong vườn – công viên
 - 5.4.1.1. Nguyên tắc chọn cây
 - 5.4.1.2. Nguyên tắc bố trí cây trong vườn – công viên
 - 5.4.2. Các hình thức bố trí cây xanh trong vườn – công viên
 - 5.4.2.1. Bố trí cây đơn lẻ (cây độc lập)
 - 5.4.2.2. Bố trí cây theo khóm (cụm)
 - 5.4.2.3. Bố trí cây theo hàng
 - 5.4.2.4. Bố trí theo mảng rừng
 - 5.4.3. Công tác chăm sóc, bảo dưỡng và quản lý cây trong vườn – công viên
 - 5.4.3.1. Công tác chăm sóc, bảo dưỡng

- 5.4.3.2. Công tác quản lý cây trong vườn – công viên
- 5.5. Các bước tiến hành trong quy hoạch thiết kế vườn – công viên.
 - 5.5.1. Điều tra điều kiện thực tế khu đất cần thiết kế
 - 5.5.2. Thiết kế sơ bộ
 - 5.5.3. Thiết kế kỹ thuật
 - 5.5.4. Thiết kế thi công
 - 5.5.5. Viết thuyết minh

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Tìm hiểu và thảo luận các phương pháp nhân giống cây xanh đô thị

Nội dung 1: Tìm hiểu các phương pháp nhân giống cây xanh đô thị ở các cơ sở sản xuất

Nội dung 2: Thảo luận về cơ sở khoa học, ưu nhược điểm, cách tiến hành và điều kiện áp dụng các phương pháp nhân giống cây xanh đô thị

Bài 2. Tìm hiểu thực trạng quy hoạch, phát triển hệ thống cây xanh đường phố ở Huế

Nội dung 1: Khảo sát thực tế trên các tuyến đường để tìm hiểu thực trạng quy hoạch, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và chất lượng cây đường phố

Nội dung 2: Báo cáo kết quả khảo sát thực tế và viết bài thu hoạch

Bài 3. Tìm hiểu thực trạng hệ thống vườn – công viên ở Huế

Nội dung 1: Khảo sát thực tế một số vườn – công viên trong thành phố để tìm hiểu thực trạng quy hoạch, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và chất lượng cây trong các vườn công viên

Nội dung 2: Báo cáo kết quả khảo sát thực tế và viết bài thu hoạch

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

1. Giảng viên thứ nhất: Ngô Thị Phương Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp Đô thị, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL

Địa chỉ liên hệ: 22 – Tôn Thất Thuyết, phường Thuận Lộc, thành phố Huế

Điện thoại: 01238370103; hoặc 0962375226. Email: ngothiphuonganh@hua.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Lâm nghiệp đô thị, Lâm nghiệp xã hội; Quản lý dự án và Phát triển bền vững, Sinh kế...

2. Giảng viên thứ hai:

Họ và tên: **Đỗ Thị Thu Ái**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp đô thị, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lâm nghiệp đô thị, Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Nông Lâm Huế

Điện thoại: 01654551766 Email: dothithuai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Lâm nghiệp đô thị, hoạch cảnh quan đô thị, thiết kế cảnh quan cây xanh đô thị.

3. Giảng viên thứ 3: Ngô Tùng Đức

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, khoa Lâm nghiệp, ĐHNL

Địa chỉ liên hệ: 4/321 Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, TT Huế

Điện thoại: 054.6260015 (NR); 0989686739 (ĐĐ). Email: ngotungduc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Sinh thái rừng, Kỹ thuật lâm sinh, Sinh kế và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững, Lâm nghiệp đô thị, Lâm nghiệp xã hội.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS.GVC. Ngô Thị Phương Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Phòng và chống cháy rừng (*Forest fire management*)
- Mã học phần: LNGH23802
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 5;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: 3 bài
- Điều kiện tiên quyết: Khí tượng (LNGH31102); Cây rừng (LNGH20603), Địa lý thực vật (LNGH31052); Kỹ thuật lâm sinh (LNGH23002) NGH23002,

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Phòng và chống cháy rừng (*Forest fire management*) đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- Kiến thức:
 - + Nắm vững và áp dụng kiến thức về phát triển tài nguyên rừng;
 - + Nắm vững và áp dụng kiến thức về quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.
- Kỹ năng nghề nghiệp:
 - + Thành thạo trong bố trí thí nghiệm, điều tra, giám sát diễn biến tài nguyên rừng;
 - + Thực hiện tốt quy trình điều tra, dự tính dự báo và xây dựng phương án bảo vệ rừng.
 - + Sử dụng thành thạo các bộ công cụ trong phân tích, đánh giá giá tác động môi trường và quản lý rừng bền vững;
- Thái độ
 - + Phục tùng sự phân công của tổ chức. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến QLTNR;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và phản biện các hoạt động hay vấn đề liên quan đến QLTNR.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học nghiên cứu một số đặc điểm cơ bản, các nhân tố ảnh hưởng về cháy rừng, các nguyên nhân gây ra cháy rừng, các biện pháp dự báo cháy rừng và đưa ra các biện pháp phòng và chữa cháy rừng hiệu quả.

Nội dung bao gồm:

- Chương 1: Một số đặc điểm cơ bản về cháy rừng**
- Chương 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng**
- Chương 3: Nguyên nhân và các loại hình cháy rừng**

Chương 4: Dự báo cháy rừng**Chương 5: Các phương pháp phòng và chữa cháy rừng****4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập**

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số đặc điểm cơ bản về cháy rừng	7					21	
1.1. Một số khái niệm về cháy rừng		0.5				1.5	
1.2. Vai trò của lửa rừng và tác hại do cháy rừng gây ra		1	2			9	
1.3. Điều kiện cháy rừng		0.5				1.5	
1.4. Các giai đoạn cơ bản của cháy rừng		0.5				1.5	
1.5. Cường độ cháy		0.5			2	7.5	
Chương 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng	5					15	
2.1. Điều kiện thời tiết và các nhân tố khí tượng		1				3	
2.2. Điều kiện địa hình		1			2	9	
2.3. Đặc trưng lâm phần và vật liệu cháy		1				3	
Chương 3: Nguyên nhân và các loại hình cháy rừng	5					15	
3.1. Nguyên nhân		1	2			9	
3.2. Các loại hình cháy rừng		1				3	
3.3. Đặc điểm cháy rừng ở các vùng sinh thái		1				3	
Chương 4: Dự báo cháy rừng	7					21	
4.1. Khái niệm về dự báo cháy rừng		1				3	
4.2. Nội dung về dự báo cháy rừng		4		2		18	
Chương 5: Các phương pháp phòng và chữa cháy rừng	6					18	
5.1. Mục đích và yêu cầu chung		0.5				1.5	
5.2. Các biện pháp phòng cháy rừng		2.5				7.5	
5.3. Các biện pháp chữa cháy rừng		2				6	
5.4. Kỹ thuật an toàn khi chữa cháy		1				3	

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra giữa học phần theo hình thức tự luận: chiếm 10% trọng số.
- Kiểm tra thực hành theo hình thức vấn đáp: chiếm 10% trọng số.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Có 2 hình thức thi – đánh giá kết thúc học phần:

- Thi vấn đáp: có 2 câu hỏi trong mỗi đề thi, chấm thang điểm 10 mỗi câu, thời gian chuẩn bị mỗi câu là 15 phút, trả lời câu hỏi mỗi câu 5 phút
- Thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 60 phút, chấm thang điểm 10 mỗi câu.
- Bài thi kết thúc học phần bao gồm các câu hỏi theo 6 cấp độ (nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo).

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Bài giảng Phòng chống cháy rừng, biên soạn Nguyễn Thị Thương, Trường Đại học Nông lâm.
- Giáo trình *Lửa rừng*. Tác giả Bế Minh Châu - Phùng Văn Khoa, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2002.

Giáo trình *Quản lý bảo vệ rừng, tập 1*, Tác giả Trần Văn Mão (Chủ biên), Đại học Lâm nghiệp, 1992. Bộ môn quản lý tài nguyên rừng và môi trường.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Cẩm nang ngành lâm nghiệp *Chương phòng cháy và chữa cháy rừng*. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2004. Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường. Mạng Internet.
- Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Một số đặc điểm cơ bản về cháy rừng

1.1. Một số khái niệm về cháy rừng

1.1.1. Khái niệm về cháy rừng

1.1.2. Khái niệm phòng cháy rừng

1.1.3. Khái niệm chữa cháy rừng

1.2. Vai trò của lửa rừng và tác hại do cháy rừng gây ra

1.2.1. Vai trò (vị trí) của lửa rừng trong hệ sinh thái rừng

- 1.2.2. Tác hại do cháy rừng gây ra
 - 1.2.2.1. Tác hại đến tài nguyên rừng
 - a) Ảnh hưởng đến tài nguyên thực vật
 - b) Ảnh hưởng đến tài nguyên động vật
 - 1.2.2.2. Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái
 - a) Ảnh hưởng đến đất rừng
 - b) Ảnh hưởng đến môi trường nước
 - c) Ảnh hưởng đến môi trường không khí
 - 1.2.2.3. Ảnh hưởng đến con người
 - a. Về kinh tế và xã hội
 - b. Thiệt hại về tính mạng và tài sản
 - c. Về sức khỏe và đời sống
- 1.3. Điều kiện cháy rừng
- 1.4. Các giai đoạn cơ bản của cháy rừng
- 1.5. Cường độ cháy

Chương 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng

- 2.1. Điều kiện thời tiết và các nhân tố khí tượng
 - 2.1.1. Nhiệt độ không khí
 - 2.1.2. Độ ẩm không khí
 - 2.1.3. Gió
 - 2.1.4. Mưa
- 2.2. Điều kiện địa hình
 - 2.2.1. Độ dốc
 - 2.2.2. Hướng dốc/hướng phơi
- 2.3. Đặc trưng lâm phần và vật liệu cháy
 - 2.3.1. Đặc trưng lâm phần
 - 2.3.2. Vật liệu cháy
 - 2.3.2.1. Thành phần hóa học của vật liệu cháy
 - 2.3.2.2. Các đặc trưng của vật liệu cháy ảnh hưởng đến cháy rừng
 - 2.3.2.3. Kiểu rừng và các loại hình thực bì

Chương 3: Nguyên nhân và các loại hình cháy rừng

- 3.1. Nguyên nhân
 - 3.1.1. Nhóm nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh nguồn lửa/ nguồn nhiệt ban đầu
 - 3.1.1.1. Cháy rừng do các hiện tượng tự nhiên
 - 3.1.1.2. Cháy rừng do các hoạt động của con người
 - 3.1.1.3. Cháy rừng do những hậu quả của con người để lại kết hợp với các yếu tố tác động của tự nhiên
 - 3.1.2. Nhóm nguyên nhân gián tiếp dẫn đến sự gia tăng các vụ cháy rừng

- 3.1.2.1. Tình hình kinh tế xã hội
- 3.1.2.2. Nguyên nhân về chính sách và quản lý
- 3.2. Các loại hình cháy rừng
 - 3.2.1. Cháy dưới tán
 - 3.2.2. Cháy tán
 - 3.2.3. Cháy ngầm
- 3.3. Đặc điểm cháy rừng ở các vùng sinh thái
 - 3.3.1. Vùng Tây Bắc
 - 3.3.2. Vùng Đông Bắc
 - 3.3.3. Vùng Đồng bằng Sông Hồng
 - 3.3.4. Vùng Duyên hải Miền Trung (Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ)
 - 3.3.5. Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên
 - 3.3.6. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (Tây nam Bộ)

Chương 4: Dự báo cháy rừng

- 4.1. Khái niệm về dự báo cháy rừng
- 4.2. Nội dung về dự báo cháy rừng
 - 4.2.1. Phân vùng trọng điểm cháy
 - 4.2.2. Xác định mùa cháy rừng
 - 4.2.2.1. Khái niệm về mùa cháy rừng
 - 4.2.2.2. Các phương pháp xác định mùa cháy rừng
 - a. Xác định mùa cháy rừng dựa vào lượng mưa bình quân tuần
 - b. Xác định mùa cháy rừng dựa vào chỉ số khô hạn của Thái Văn Trừng
 - c. Một số phương pháp khác
 - 4.2.2.3. Các phương pháp dự báo cháy rừng
 - a. Dự báo ngắn hạn trên diện rộng (dự báo theo chỉ tiêu tổng hợp Pi của Nesterop)
 - b. Dự báo dài hạn (dự báo theo số ngày khô hạn liên tục Hi)
 - c. Dự báo theo các đặc trưng của Vật liệu cháy
 - 4.2.2.4. Thông tin cấp dự báo cháy rừng

Chương 5: Các phương pháp phòng và chữa cháy rừng

- 5.1. Mục đích và yêu cầu chung
- 5.2. Các biện pháp phòng cháy rừng
 - 5.2.1. Tổ chức lực lượng phòng và chữa cháy rừng
 - 5.2.2. Tổ chức tuyên truyền giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực
 - 5.2.2.1. Biện pháp tuyên truyền giáo dục
 - 5.2.2.2. Đào tạo, huấn luyện nâng cao nghiệp vụ PCCCR.
 - 5.2.3. Phòng cháy bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh
 - 5.2.3.1. Các biện pháp làm gián đoạn vật liệu cháy
 - a. Xây dựng đường băng cản lửa

- b. Xây dựng đai cây xanh phòng cháy
- c. Xây dựng kênh mương phòng cháy ở rừng Tràm
- 5.2.3.2. Các biện pháp làm giảm khối lượng vật liệu cháy
 - a. Đốt trước vật liệu cháy
 - b. Vệ sinh rừng
 - c. Chăn thả gia súc hợp lý
- 5.2.3.3. Xây dựng hệ thống các công trình phòng cháy
 - a. Hệ thống dự trữ nước
 - b. Hệ thống chòi canh
 - c. Hệ thống các bảng biển
- 5.2.3.4. Kỹ thuật xử lý thực bì, vật liệu cháy trong sản xuất nông lâm nghiệp.
- 5.2.4. Quy vùng sản xuất nương rẫy
- 5.3. Các biện pháp chữa cháy rừng
 - 5.3.1. Phương châm chữa cháy rừng
 - 5.3.2. Kỹ thuật chữa cháy rừng
 - 5.3.2.1. Biện pháp chữa cháy trực tiếp
 - 5.3.2.2. Biện pháp chữa cháy gián tiếp
 - a. Giới hạn đám cháy bằng băng trắng ngăn lửa
 - b. Giới hạn đám cháy bằng biện pháp đốt trước
 - c. Giới hạn đám cháy bằng các mương rãnh ngăn lửa
- 5.4. Kỹ thuật an toàn khi chữa cháy
 - 5.4.1. Nắm chắc đặc điểm vùng rừng dễ cháy
 - 5.4.2. Chuẩn bị tốt dụng cụ và phương tiện chữa cháy
 - 5.4.3. Tổ chức và trang bị tốt cho lực lượng chữa cháy
 - 5.4.4. Những mối hiểm nguy ở hiện trường chữa cháy rừng
 - 5.4.5. Mười nguyên tắc an toàn trong chữa cháy

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

- Bài 1: Tìm hiểu các tác hại của việc mất rừng (Thảo luận nhóm)
- Bài 2: Tìm hiểu các nguyên nhân gây ra cháy rừng (Thảo luận nhóm)
- Bài 3: Xác định mùa cháy rừng (Bài tập)

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thương

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, TP.Huế

Điện thoại: 054.529137 (CQ) 0946271179 (DD)

Email: thuonglamnghiep@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

7. Sâu bệnh hại;
8. Quản lý sâu bệnh hại rừng;
9. Sâu bệnh hại cây đô thị;
10. Quản lý lửa rừng - phòng chống cháy rừng;
11. Tổ chức quản lý các loại rừng;
12. Đánh giá tác động môi trường lâm nghiệp;

Giảng viên 2:

Họ và tên: Hồ Đăng Nguyên

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế, 102 Phùng Hưng, thành phố Huế. Điện thoại: 094 889 5454

Email: hodangnguyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

1. Động vật hoang dã;
2. Bảo tồn đa dạng sinh học;
3. Phòng cháy chữa cháy rừng;

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trần Minh Đức

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 054.529137 (CQ) 0914289753 (DD)

Email: tranminhdae@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

1. Quản lý sinh vật hại rừng
2. Quản lý lửa rừng - phòng chống cháy rừng;
3. Quản lý tài nguyên thiên nhiên;
4. Tổ chức quản lý các loại rừng;
5. Sâu bệnh hại cây đô thị

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.S Nguyễn Thị Thương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Trồng rừng (Planting forest)
- Mã học phần: LNGH25803
- Số tín chỉ: 03
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 35 tiết; Số chương: 04;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: 03 bài
- Điều kiện tiên quyết: hoàn thành các năng lực về sinh lí thực vật, sinh hóa thực vật, hình thái và phân loại thực vật, thực vật đô thị, khí tượng học, thổ nhưỡng đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Học phần “Trồng rừng” (LNGH25803) đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

- **Kiến thức:** Nâng cao kiến thức sinh viên về xây dựng vườn, rừng giống và nâng cao sản lượng và chất lượng hạt giống cây rừng; xây dựng vườn ươm, nâng cao sản lượng và chất lượng cây giống bằng phương pháp nhân giống sinh dưỡng và hữu tính; Hệ thống biện pháp kĩ thuật trồng rừng và nâng cao được chất lượng rừng trồng; biết kĩ thuật tạo cây con và trồng rừng một số loài cây rừng có giá trị kinh tế và sinh thái cao; biết thiết kế và trồng rừng phòng hộ.
- **Kỹ năng:** Kĩ thuật vườn ươm và kiểm kê đánh giá cây con; kĩ thuật trồng rừng và kiểm kê đánh giá rừng trồng..
- **Thái độ:** có khả năng thích ứng với hoàn cảnh công việc, nâng cao khả năng và tinh thần tự học, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế. Sinh viên phải có tinh thần, thái độ nghiêm túc tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp cũng như thực hành thực tế.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

- **Kĩ thuật xây dựng và quản lí bảo vệ rừng giống, vườn giống cây rừng, thu hái, chế biến và bảo quản hạt giống.**
- **Kĩ thuật xây dựng, quản lí, bảo vệ vườn ươm và kĩ thuật tạo cây con từ hạt giống, kĩ thuật tạo cây con bằng phương pháp giâm hom, chiết cành, ghép...**
- **Hệ thống biện pháp kĩ thuật trồng rừng từ: Thiết kế, chọn loại cây trồng, mật độ, tổ thành, làm đất, trồng rừng đến các biện pháp chăm sóc và bảo vệ rừng trồng.**
- **Công dụng, đặc điểm sinh vật học, kĩ thuật tạo cây con và trồng, chăm sóc một số loài cây có giá trị kinh tế cao đang được gây trồng phổ biến hiện nay.**
- **Kĩ thuật trồng rừng phòng hộ.**
- **Thực hành ở vườn ươm tạo cây con từ hạt và bằng nhân giống sinh dưỡng. Thực tập giáo trình về thiết kế trồng rừng.**

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Bài mở đầu	1	1					
Chương 1: Kỹ thuật hạt giống cây rừng	8	6		2		3	8
1.1. Xây dựng và quản lí rừng giống, vườn giống cây rừng		2		1			3
1.2. Thu hái, chế biến và bảo quản hạt giống cây rừng		2		1		2	3
1.3. Bảo quản hạt giống.		2				1	2
Chương 2: Kỹ thuật sản xuất cây con	8	5		2	1	5	12
2.1. Xây dựng và quy hoạch vườn ươm		1				2	4
2.2. Kỹ thuật tạo cây con từ hạt giống		2		2	1	3	3
2.3. Kỹ thuật ươm cây phân sinh		1					3
2.4. Kỹ thuật bứng, vận chuyển và giâm tạt cây con		1					2
Chương 3: Kỹ thuật trồng rừng	8	6		2			20
3.1. Phân chia khu trồng rừng và nơi trồng rừng		1					3
3.2. Chọn loài cây trồng		0.5					4
3.3. Dẫn giống		0.5					3
3.4. Kết cấu rừng trồng		1					2
3.5. Phương thức và phương pháp làm đất trồng rừng		1		1			3

3.6. Phương thức và pháp trồng rừng		1		1			2
3.7. Các biện pháp quản lí, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng		1					3
Chương 4: Kỹ thuật gây trồng một số loài cây	10	1	9			2	10
4.1. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây vùng đồi núi		0.5	3			1	4
4.2. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây vùng cát		0.5	3			1	3
4.3. Kỹ thuật gây trồng loài cây vùng ngập mặn			3				3
Tổng	35	19	9	6	1	10	50

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (cần nêu rõ tỷ lệ và phương pháp đánh giá 30%)

Chuyên cần, tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp và thực hành chiếm 10% trọng số tổng số điểm.

20% trọng số điểm được tính bằng tổng điểm trung bình chung của các bài tập kiểm tra, thảo luận nhóm và thực hành học phần tại phòng thực hành thực tập chế biến lâm sản.

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ, bao gồm

- Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận): 10% trọng số;

- Hoạt động theo nhóm: Các bài thực hành sẽ tính trung bình cộng và chiếm 20% trọng số;

- Thi đánh giá cuối kỳ: 70% trọng số.

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi viết áp dụng theo quy chế thi, chọn 02 câu hỏi từ ngân hàng đề thi. Câu hỏi được biên soạn theo thang điểm 10.

Điểm A từ 8,5 – 10 điểm: bài thi đáp ứng toàn bộ ý chính của câu hỏi, biết vận dụng phân tích làm rõ các nội dung mà câu hỏi yêu cầu. Đưa ra các ví dụ làm rõ phân tích, hành văn mạch lạc.

Điểm B từ 7,0 – 8,4 điểm: bài làm đáp ứng được cơ bản các ý chính của nội dung câu hỏi yêu cầu, biết trình bày và phân tích sơ lược nội dung câu hỏi yêu cầu, đưa ra các ví dụ minh họa.

Điểm C từ 5,5 – 6,9 điểm: trình bày được một số ý chính và diễn dài được nội dung câu hỏi yêu cầu. Có thể có ví dụ minh họa làm rõ ý

Điểm D từ 4,0 – 5,4 điểm: nêu được một số ý cơ bản, nội dung trình bày sơ sài, thiếu sự phân tích và cách diễn đạt không mạch lạc.

Điểm F từ 0 – 3,9 điểm: nêu các ý lệch lạc, không đúng với yêu cầu của đề bài, thiếu kỹ năng trình bày bài, phân tích và triển khai ý.

5.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có, nói rõ cách đánh giá và cho điểm)

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đặng Thái Dương, *Giáo trình trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế, NXB NN 2011.

2. Đặng Thái Dương, *Bài giảng kỹ thuật trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 1998.

3. Đặng Thái Dương, *Giáo trình trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế 2006.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Thái Dương, *Bài giảng kỹ thuật trồng rừng*, Trường Đại học sư phạm Huế, 2001.

2. Trường Đại học Lâm Nghiệp, *Giáo trình trồng rừng chuyên khoa*, NXB Nông nghiệp, 1978.

3. Trường Đại học Lâm nghiệp, *Bài giảng trồng rừng phòng hộ*, năm 1993.

4. Trường Đại học Lâm nghiệp, *Tóm tắt kết quả nghiên cứu từ 1985, 1996*.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài mở đầu

Giới thiệu tổng quát có hệ thống các nội dung cơ bản của học phần trồng rừng.

Mục đích yêu cầu, phương pháp luận nghiên cứu môn học. Lịch sử và chiều hướng phát triển của môn học.

Quan hệ của môn học với các môn học khác.

Tài liệu tham khảo.

Chương 1: Kỹ thuật hạt giống cây rừng

1.1. Xây dựng và quản lý rừng giống, vườn giống cây rừng

1.1.1. Mục đích, ý nghĩa của việc sản xuất hạt giống cây rừng

1.1.2. Khái niệm, phân loại rừng, vườn giống

1.1.3. Xây dựng và quản lý rừng, vườn giống

1.1.4. Chăm sóc rừng, vườn giống

1.1.5. Phòng trừ sâu bệnh hại cho rừng, vườn giống.

1.2. Thu hái, chế biến và bảo quản hạt giống cây rừng

1.2.1. Thu hái hạt giống

1.2.1.1. Hạt chín và đặc trưng của hạt chín.

1.2.1.2. Thời kỹ thu hoạch hạt giống.

1.2.1.3. Các phương pháp thu hoạch hạt giống

1.2.2. Chế biến hạt giống

1.2.2.1. Phương pháp ủ quả.

1.2.2.2. Phương pháp tách hạt khỏi quả.

1.2.2.3. Làm khô và sạch hạt giống.

1.2.3. Bảo quản hạt giống.

1.2.3.1. Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống.

1.2.3.2. Các phương pháp bảo quản hạt giống

Chương 2: Kỹ thuật sản xuất cây con

2.1. Xây dựng và quy hoạch vườn ươm

2.1.1. Chọn địa điểm xây dựng vườn ươm

2.1.1.1. Khái niệm và phân loại vườn ươm

2.1.1.2. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên chọn địa điểm lập vườn ươm

2.1.1.3. Căn cứ vào điều kiện kinh doanh chọn địa điểm lập vườn ươm

2.1.1.4. Dự trù diện tích vườn ươm

2.1.2. Kỹ thuật làm đất vườn ươm

2.1.2.1. Kỹ thuật cày, bừa, lên luống

2.1.2.2. Kỹ thuật tạo bầu dinh dưỡng

2.2. Kỹ thuật tạo cây con từ hạt giống

2.2.1. Kỹ thuật gieo hạt và chăm sóc trước khi hạt giống nảy mầm

2.2.1.1. Các phương pháp kích thích hạt giống nảy mầm

2.2.1.2. Phương thức và phương pháp gieo hạt

2.2.1.3. Kỹ thuật chăm sóc trước khi hạt giống nảy mầm

2.2.2. Kỹ thuật chăm sóc sau khi hạt giống nảy mầm

2.2.2.1. Kỹ thuật làm dàn che nắng, che mưa cho cây con

2.2.2.2. Kỹ thuật tưới nước, bón phân, làm cỏ xới đất

2.2.2.3. Kỹ thuật tỉa thưa, cấy cây, xén rễ, hãm cây

2.2.4. Kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại

2.3. Kỹ thuật ươm cây phân sinh

2.3.1. Kỹ thuật giâm hom

2.3.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ra rễ của hom.

2.3.1.2. Điều kiện giâm hom

2.3.1.3. Kỹ thuật tạo chồi, cắt chồi, cắt hom

2.3.1.4. Kỹ thuật giâm hom và chăm sóc-bảo vệ hom sau khi giâm

2.3.2. Kỹ thuật chiết cành

2.3.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ra rễ của cành chiết

2.3.2.2. Kỹ thuật chọn cành chiết

2.3.2.3. Kỹ thuật khoanh vỏ, bó bầu

2.3.2.4. Kỹ thuật cắt cành chiết, giâm tạm và bảo vệ cây cây chiết

2.3.3. Kỹ thuật ghép cây

2.3.3.1. Chọn cây mẹ và lấy cành ghép

2.3.3.2. Tạo gốc ghép

2.3.3.3. Kỹ thuật ghép cây và chăm sóc bảo vệ cây ghép

2.4. Kỹ thuật bứng, vận chuyển và giâm tạm cây con

2.4.1. Bứng cây

2.4.2. Vận chuyển cây con

2.4.3. Giâm tạm cây con

Chương 3: Kỹ thuật trồng rừng

3.1. Phân chia khu trồng rừng và nơi trồng rừng

3.1.1. Phân chia khu vực trồng rừng.

3.1.1.1. Khái niệm, mục đích, cơ sở phân chia khu trồng rừng.

3.1.1.2. Các khu trồng rừng ở Việt nam.

3.1.2. Phân chia nơi trồng rừng

- 3.1.2.1. Khái niệm, mục đích.
 - 3.1.2.2. Phương pháp phân chia điều kiện lập địa nơi trồng rừng
 - 3.1.2.3. Phân chia trạng thái hoàn cảnh đất trồng rừng.
 - 3.1.3. Quan hệ giữa điều kiện lập địa, trạng thái hoàn cảnh và đất trồng rừng.
 - 3.2. Chọn loài cây trồng
 - 3.2.1. Ý nghĩa và nguyên tắc chọn loại cây trồng
 - 3.2.1.1. Ý nghĩa
 - 3.2.1.2. Nguyên tắc chọn loại cây trồng
 - 3.2.1.3. Nguyên tắc kinh tế
 - 3.2.1.4. Nguyên tắc sinh vật học
 - 3.2.2. Căn cứ vào nguyên tắc kinh tế - sinh học để chọn loại cây trồng.
 - 3.3. Dẫn giống
 - 3.3.1. Khái niệm, mục đích của việc dẫn giống
 - 3.3.2. Phương pháp dẫn giống và những vấn đề chú ý khi tiến hành dẫn giống
 - 3.4. Kết cấu rừng trồng
 - 3.4.1. Kết cấu tổ thành rừng trồng.
 - 3.4.1.1. Khái niệm.
 - 3.4.1.2. Ưu nhược điểm và các phương thức và phương pháp trồng rừng hỗn loài
 - 3.4.1.3. Ưu nhược điểm và kỹ thuật trồng rừng thuần loài
 - 3.4.2. Mật độ trồng rừng
 - 3.4.2.1. Ý nghĩa và nguyên tắc xác định mật độ trồng rừng
 - 3.4.2.2. Phối trí các điểm gieo trồng
 - 3.5. Phương thức và phương pháp làm đất trồng rừng
 - 3.5.1. Đặc điểm và nhiệm vụ của làm đất trồng rừng
 - 3.5.2. Xử lý thực bì
 - 3.5.2.1. Phương thức xử lý thực bì
 - 3.5.2.2. Phương pháp xử lý thực bì
 - 3.5.3. Phương thức và phương pháp làm đất trồng rừng
 - 3.5.3.1. Các phương thức làm đất trồng rừng
 - 3.5.3.2. Các phương pháp làm đất trồng rừng
 - 3.6. Phương thức và pháp trồng rừng
 - 3.6.1. Các phương thức trồng rừng
 - 3.6.2. Các phương pháp trồng rừng
 - 3.7. Các biện pháp quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng
- Chương 4: Kỹ thuật gây trồng một số loài cây**
- 4.1. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây vùng đồi núi
 - 4.1.1. Công dụng
 - 4.1.2. Đặc điểm sinh học
 - 4.1.3. Kỹ thuật gây trồng
 - 4.1.4. Quản lý, bảo vệ kinh doanh rừng trồng
 - 4.2. Kỹ thuật trồng một số loài cây vùng cát
 - 4.2.1. Trồng rừng chắn gió
 - 4.2.2. Trồng rừng cố định cát
 - 4.3. Kỹ thuật trồng một số loài cây vùng ngập mặn ven biển

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Chọn cây mẹ lấy giống cây trồng lâm nghiệp

Tiến hành thực địa tại các công trình, đường phố hoặc vườn giống cây rừng.

Nội dung 1: lập ô tiêu chuẩn, thực hiện đo đạc các chỉ tiêu sinh trưởng về đường kính, chiều cao, xác định độ tuổi và lập hồ sơ các đối tượng.

Nội dung 2: tiến hành so sánh các chỉ tiêu chọn ra cây mẹ có các ưu thế vượt trội, tiến hành bấm tọa độ và tạo hồ sơ phục vụ cho việc lấy giống.

Bài 2. Kỹ thuật nhân giống một số loài cây lâm nghiệp phổ biến

Nội dung 1: Lựa chọn một số loài cây lâm nghiệp phổ biến, có giá trị về mặt kinh tế, phòng hộ tiến hành xác định cây mẹ, thu hái hạt giống hoặc chồi mẹ. Thực hiện quá trình nhân giống bằng phương pháp sinh dưỡng hoặc bằng hạt dựa trên đặc điểm của từng đối tượng và điều kiện nghiên cứu.

Nội dung 2: Theo dõi kết quả, tiến hành mô tả quá trình của các bước hệ thống thành quy trình nhân giống cho từng đối tượng tham gia thí nghiệm.Đưa ra các kết luận và khuyến cáo.

Phân thành mỗi nhóm 5 người, thực hiện và báo cáo kết quả.

Sử dụng các công cụ trình chiếu chuyên dụng, đưa các hình ảnh, các số liệu cụ thể để dẫn chứng ra để thực hiện phân tích, thảo luận.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đặng Thái Dương

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế

Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):Lâm sinh,trồng rừng, bảo tồn và nghiên cứu nguồn gen.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Phạm Cường**

Chức danh, học hàm học vị: GV, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0905 801 501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Kỹ thuật lâm nghiệp, Trồng rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, Lâm sản ngoài gỗ và Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Trần Thị Thúy Hằng**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh – Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 098.9229872 - Email: Tranthithuyhang77@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đất lâm nghiệp; Chọn tạo giống cây rừng

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Võ Quang Anh Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế.

Địa chỉ liên hệ: Điện thoại: 0906284535 Email: voquanganhtuan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Trồng rừng, giống cây rừng, công nghệ sinh học.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Lâm nghiệp Xã hội (Social Forestry)

- Mã học phần: LNGH23302

- Số tín chỉ: 2

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 22 tiết; Số chương: 4;

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo: 8 tiết; Số bài học: 2 bài

- Điều kiện tiên quyết: Đây là môn học hỗ trợ sinh viên tiếp cận thực tế nghề và công việc sau này nên thường được dạy vào năm cuối trước khi đi thực tập tốt nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần (cần bám sát chuẩn đầu ra và ma trận chung của CTĐT để xác định mục tiêu học phần)

Học phần Lâm nghiệp Xã hội đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên Rừng và ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức:

+ Cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các môn học liên quan như Quản lý dự án, Nông Lâm kết hợp, Khuyến lâm và các môn học khác.

+ Cung cấp những kiến thức chuyên môn sâu về tiếp cận và làm việc với cộng đồng, phân tích được thực trạng địa phương, hiệu quả sản xuất và các chương trình, dự án lâm nghiệp xã hội nói chung và lâm nghiệp cộng đồng nói riêng đồng thời sinh viên có thể phân tích được chính sách và việc thực hiện chính sách liên quan đến Lâm nghiệp xã hội.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng tiếp cận và thực hiện các hoạt động lâm nghiệp xã hội có sự tham gia.

+ Có kỹ năng và thực hiện tốt việc triển khai các dự án lâm nghiệp xã hội.

+ Có kỹ năng trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích và đánh giá các thông tin liên quan đến các hoạt động/ nghiên cứu về Lâm nghiệp xã hội.

- Thái độ:

+ Có trách nhiệm trong việc huy động người dân tham gia các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng theo định hướng lâm nghiệp xã hội

+ Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển lâm nghiệp xã hội lấy con người/người dân địa phương làm trung tâm.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: (mô tả vắn tắt nội dung học phần khoảng 200 từ, bám sát tên các Chương, các phần cốt lõi của học phần sẽ giảng dạy)

Học phần Lâm nghiệp xã hội (2 TC) được xây dựng trên cơ sở phát triển các khái niệm Lâm nghiệp xã hội bằng cách phân tích các cơ sở tiền đề cũng như bối cảnh lịch sử của thế giới nói chung và cụ thể của Việt Nam về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội. Tiếp đến định hướng về chính sách phát triển Lâm nghiệp xã hội của Đảng và nhà Nước được tổng hợp và phân tích để thấy được bức tranh toàn cảnh về tiến trình phát triển lâm nghiệp Xã hội và chính sách liên quan đến Lâm nghiệp xã hội ở Việt Nam. Các căn cứ lý luận cho phát triển Lâm nghiệp được xây dựng và các chủ đề liên quan đến phát triển lâm nghiệp xã hội được phân tích để giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn bản chất của khái niệm Lâm nghiệp xã hội – đó là khái niệm LNXH phải được hình thành và phát triển từ điều kiện thực tế và cụ thể của từng địa phương, từng vùng để giải quyết các yêu cầu đòi hỏi từ thực tiễn. Vì thế các nội dung kết nối từ lý luận đến thực tiễn riêng biệt cho từng vùng để thực hiện các hoạt động LNXH được đề cập đến trong nhóm các bài học về Sinh thái nhân văn, phát triển bền vững, kiến thức bản địa và Giới lần lượt được đưa vào giảng dạy.

Bên cạnh những đòi hỏi phải có các thay đổi về thể chế chính sách và tổ chức phù hợp để thực hiện các hoạt động LNXH, thay đổi từ nhận thức đến thực hiện các hoạt động LNXH phải dựa trên nguyên tắc: lấy người dân làm trung tâm và sự tham gia như điều kiện để đảm bảo các hoạt động LNXH đến được với người dân địa phương và cộng đồng hơn nhằm không chỉ tạo nên những tác động tích cực đến phát triển Kinh tế Xã hội mà còn hướng đến bảo vệ tài nguyên thiên nhiên bền vững hơn.

Liệt kê các đề mục đầu của các chương (tên chương):

Chương 1: Tổng quan về Lâm nghiệp Xã hội

Chương 2: Hệ thống chính sách có liên quan đến phát triển Lâm nghiệp Xã hội

Chương 3: Hệ Sinh thái nhân văn trong Lâm nghiệp xã hội

Chương 4: Tiếp cận có sự tham gia trong Lâm nghiệp xã hội

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Tổng quan về Lâm nghiệp Xã hội (LNXH)	5	5					
1.1. Bối cảnh ra đời của LNXH	3	3					
1.2. Khái niệm về Lâm nghiệp xã hội	2	2					
Chương 2. Hệ thống chính sách có liên quan đến phát triển Lâm nghiệp Xã hội	4	4					
2.1. Giới thiệu hệ thống chính sách Lâm nghiệp Việt Nam	2	2					
2.2. Các luật và chính sách liên quan đến LNXH	2	2					
Chương 3. Hệ Sinh thái nhân văn trong Lâm nghiệp xã hội	12	8	4				

3.1. Khái niệm hệ sinh thái nhân văn	2	2				
3.2. Phát triển bền vững trong lâm nghiệp xã hội	2	2				
3.3. Kiến thức bản địa trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	2				
3.4. Giới trong Lâm nghiệp xã hội	6	2	4			
Chương 4. Tiếp cận có sự tham gia trong Lâm nghiệp xã hội	9	6	3			
4.1. Sự tham gia trong Lâm nghiệp xã hội		3				
4.2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia		3	3			

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Sinh viên sẽ làm tiểu luận theo nhóm và đi thực tế để tìm hiểu hiện trạng sử dụng tài nguyên của một đơn vị hành chính hoặc một cơ sở sản xuất cụ thể. Điểm tiểu luận và báo cáo về chuyến đi thực tế sẽ được tính trung bình cộng và chiếm 20% trọng số.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi: Hình thức thi 1: Tự luận, Hình thức thi 2: Vấn đáp.

Cách đánh giá kết thúc học phần dựa vào kiến thức của sinh viên theo thang điểm 10.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

Nguyễn Thị Hồng Mai, 2007. Bài giảng Lâm nghiệp Xã hội. (Nơi lưu trữ: Bộ môn LNXH)

6.2. Tài liệu tham khảo:

- (1) Đặng Kim Vui và cộng sự, 2007. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong phát triển Lâm nghiệp Xã hội. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà nội. Tô Xuân Phúc, Trần Hữu Nghị, 2014. (Nơi lưu trữ: Bộ môn LNXH)
- (2) EASRD, 2005. Đổi mới Lâm Trường quốc doanh tại Việt nam. (Nơi lưu trữ: Bộ môn LNXH)
- (4) Giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội và thách thức. Funded by Tropenbos và Forest Trend. Hà nội. (Nơi lưu trữ: Bộ môn LNXH).
- (3) William D. Sunderlin và Huỳnh Thu Ba, 2005. Giảm nghèo và rừng ở Việt nam. (Nơi lưu trữ: Bộ môn LNXH)

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Tổng quan về Lâm nghiệp Xã hội (LNXH)

1.6. Bối cảnh ra đời của LNXH

1.1.1. Tình hình phát triển LNXH trên thế giới

1.1.1.1. Đặc điểm chủ yếu của Lâm nghiệp truyền thống liên quan đến phát triển LNXH

1.1.1.2. Xu thế phát triển và nguyên nhân ra đời của LNXH

1.1.1.3. Các giai đoạn phát triển LNXH

1.1.2. Bối cảnh ra đời của LNXH ở Việt Nam

1.1.2.1. Thực trạng đời sống người dân miền núi

1.1.2.2. Ảnh hưởng của những đổi mới trong chính sách kinh tế theo hướng phi tập trung hóa

1.1.2.3. Những hạn chế trong quản lý tài nguyên rừng của lâm nghiệp quốc doanh

1.1.2.4. Vai trò của các tổ chức quốc tế và phi chính phủ

1.2. Khái niệm về Lâm nghiệp xã hội

1.2.1. Các khái niệm về LNXH

1.2.2. Các quan điểm chính về LNXH

1.2.1.1. LNXH là phương thức tiếp cận có sự tham gia

1.2.1.2. LNXH là lĩnh vực quản lý tài nguyên rừng

1.2.1.3. LNXH là phương thức quản lý tài nguyên rừng

1.2.3. Phân biệt LNXH và Lâm nghiệp truyền thống.

1.2.4. Vai trò của LNXH trong phát triển nông thôn.

Chương 2. Hệ thống chính sách có liên quan đến phát triển Lâm nghiệp Xã hội

2.1. Giới thiệu hệ thống chính sách Lâm nghiệp Việt Nam

2.1.1. Giới thiệu chung về chính sách Lâm nghiệp

2.1.2. Định hướng của chính sách lâm nghiệp qua các thời kỳ

2.1.3. Chiến lược Lâm nghiệp Việt Nam

2.2. Các luật và chính sách liên quan đến LNXH

2.2.1. Các luật và chính sách liên quan đến quản lý và phát triển tài nguyên rừng

2.2.2. Các chính sách có liên quan đến đầu tư, tín dụng và hưởng lợi từ rừng

2.2.3. Các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

2.2.4. Tình hình thực hiện chính sách có liên quan đến phát triển Lâm nghiệp xã hội

Chương 3. Hệ Sinh thái nhân văn trong Lâm nghiệp xã hội

3.1. Khái niệm hệ sinh thái nhân văn

3.1.1. Tiếp cận hệ thống trong LNXH

3.1.1.1. Khái niệm về hệ thống

3.1.1.2. Tiếp cận hệ thống trong Lâm nghiệp xã hội

3.1.2. Khái niệm hệ sinh thái nhân văn

3.1.2.1. Hệ sinh thái

3.1.2.2. Hệ xã hội

3.1.3. Tương tác giữa hệ sinh thái và hệ xã hội.

3.1.3.1. Sự dịch chuyển các dòng năng lượng, vật chất và thông tin trong hệ sinh thái nhân văn

3.1.3.2. Một số ví dụ về tương tác giữa con người và hệ sinh thái

3.2. Phát triển bền vững trong lâm nghiệp xã hội

3.2.1. Khái niệm về phát triển bền vững

3.2.2. Ảnh hưởng của suy thoái rừng và mất rừng đến phát triển lâm nghiệp bền vững

3.2.2.1. Mất rừng ảnh hưởng đến sinh thái

3.2.2.2. Mất rừng ảnh hưởng đến phát triển kinh tế

3.2.2.3. Mất rừng ảnh hưởng đến xã hội

3.2.3. Quản lý tổng hợp không gian nông thôn cho định hướng phát triển lâm nghiệp bền vững trong LNXH

3.3. Kiến thức bản địa trong quản lý tài nguyên thiên nhiên

3.3.1. Một số khái niệm và ý nghĩa về kiến thức bản địa

3.3.1.1. Các khái niệm về kiến thức bản địa

3.3.1.2. Ý nghĩa của kiến thức bản địa

3.3.2. Các loại hình kiến thức bản địa

3.3.3. Các đặc trưng của kiến thức bản địa

3.3.4. Vai trò của kiến thức bản trong quản lý tài nguyên thiên nhiên

3.4. Giới trong Lâm nghiệp xã hội

3.4.1. Khái niệm giới và giới tính

3.4.2. Vai trò của giới trong LNXH

3.4.3. Các nhu cầu giới, bình đẳng giới và hòa nhập giới trong các hoạt động LNXH

3.4.4. Nội dung, phương pháp và công cụ phân tích giới trong các hoạt động LNXH

Chương 4. Tiếp cận có sự tham gia trong Lâm nghiệp xã hội

4.1. Sự tham gia trong Lâm nghiệp xã hội

4.1.1. Khái niệm sự tham gia

4.1.2. Đối tượng tham gia trong LNXH

4.1.3. Hình thức và mức độ tham gia trong LNXH

4.1.4. Điều kiện và động lực cho sự tham gia trong các hoạt động LNXH

4.2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia

4.2.1. Tiếp cận có sự tham gia trong các nghiên cứu liên quan đến LNXH

4.2.2. Tiếp cận có sự tham gia trong đào tạo LNXH

4.2.3. Tiếp cận có sự tham gia trong nông lâm kết hợp

4.2.4. Tiếp cận có sự tham gia trong khuyến nông khuyến lâm

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Mai**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: 102-Đường Phùng Hưng, thành phố Huế. Điện thoại: 0912711481

Email: nguyenthihongmai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- (1) Quản lý tài nguyên thiên nhiên (chính sách, thể chế lâm nghiệp, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, , tiếp cận lâm nghiệp cộng đồng)
- (2) Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn (tiếp cận khuyến nông khuyến lâm; Phát triển nông thôn)

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Lê Thị Phương Thảo.**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: 102-Đường Phùng Hưng, thành phố Huế.

Điện thoại: 01224505013. Email: lethiphuongthao@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp xã hội, sinh thái cảnh quang, sinh thái môi trường.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS. TS. Đặng Thái Dương

TS. Nguyễn Thị Hồng Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp**
- Mã học phần: **LNGH24102**
- Số tín chỉ: **2**
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 23 tiết; Số chương: 3;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 5 tiết; Số bài học: 5 bài
- Điều kiện tiên quyết: **Thổ nhưỡng (NHOC31082)**

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- Kiến thức: Phân tích và áp dụng được các kiến thức đã học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành lâm nghiệp và quản lý tài nguyên rừng.
- Kỹ năng: Có kỹ năng và thực hiện tốt việc thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin trong lĩnh vực quản lý đất lâm nghiệp, đề xuất các phương án giao đất lâm nghiệp có hiệu quả.
- Thái độ: Có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ bạn bè, đồng nghiệp

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp ở Việt Nam cũng như trên thế giới trong giai đoạn hiện nay.
- Tiến trình quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của các bên liên quan và một số mô hình sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao ở miền Trung Việt Nam.
- Các phương pháp đánh giá đất lâm nghiệp vùng đồi núi ở Việt Nam.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Thực trạng quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp ở Việt Nam	9	7	2				
1.1. Các khái niệm có liên quan	2	2					
1.2. Thực trạng quản lý và sử dụng đất	5	3	2				

lâm nghiệp							
1.3. Các giai đoạn quản lý sử dụng đất lâm nghiệp tại Việt Nam	2	2					
Chương 2. Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia của cộng đồng ở miền trung Việt Nam	10	8	2		1		
2.1. Cơ sở quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia	1	1					
2.2. Các nguyên tắc chung của quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia	1	1					
2.3. Tiến trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia	5	4	1				
2.4. Một số mô hình sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao ở miền Trung Việt Nam.	3	2	1				
Chương 3. Đánh giá đất lâm nghiệp	9	8	1		1		
3.1. Các khái niệm chủ yếu	1	1					
3.2. Các phương pháp đánh giá	2	2					
3.3. Đánh giá đất lâm nghiệp vùng đồi núi Việt Nam	6	5	1				

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ, bao gồm

- Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận): 10% trọng số
- Kiểm tra giữa học phần theo hình thức tự luận và hoạt động báo cáo theo nhóm chiếm 20% trọng số.
- Thi đánh giá cuối kỳ: 70% trọng số.
- Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận hoặc vấn đáp

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Dương Viết Tình (2010), *Giáo trình quản lý đất lâm nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, TT TT-TV
2. Đỗ Đình Sâm, Nguyễn Ngọc Bình (2000), *Đánh giá tiềm năng sản xuất đất lâm nghiệp Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, TT TT-TV

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Dương Viết Tình (1998), *Bài giảng đất lâm nghiệp*, NXB Đại học Huế, TTTT-TV
2. Đỗ Đình Sâm, Ngô Đình Quế, Vũ Tấn Phương (2005), *Cẩm nang đánh giá đất phục vụ trồng rừng*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, TTTT-TV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Thực trạng quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp ở Việt Nam

- 1.7. Các khái niệm có liên quan
 - 1.1.1. Khái niệm Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp
 - 1.1.2. Tiêu chí xác định và phân loại rừng
 - a. Tiêu chí xác định rừng
 - b. Phân loại rừng
 - 1.2. Thực trạng quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp
 - 1.2.1. Nội dung chính của hoạt động quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp
 - 1.2.2. Thực trạng quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp tại Việt Nam
 - 1.2.2.1. Thuận lợi và khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp
 - 1.2.2.2. Xu hướng tiếp cận trong quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp
 - 1.2.2.3. Phân tích vai trò của các bên liên quan trong quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp
 - 1.3. Các giai đoạn quản lý sử dụng đất lâm nghiệp tại Việt Nam
 - 1.3.1. Các giai đoạn phát triển
 - 1.3.2. Những thành quả đạt được

Chương 2. Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia của cộng đồng ở miền trung Việt Nam

- 2.1. Cơ sở quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia
- 2.2. Các nguyên tắc chung của quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia
 - 2.2.1. Các quy định theo hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.2.2. Vai trò của Ủy ban nhân dân các cấp và các bên liên quan
 - 2.2.3. Tối đa hoá sự tham gia của hộ gia đình
 - 2.2.4. Các nguyên tắc đảm bảo giải quyết tranh chấp và phát triển bền vững
- 2.3. Tiến trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp cấp xã có sự tham gia
 - 2.3.1. Chuẩn bị về mặt tổ chức.
 - 2.3.2. Chuẩn bị về kỹ thuật và thu thập thông tin, tài liệu và bản đồ.
 - 2.3.3. Điều tra, khảo sát thực địa để thu thập số liệu và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- 2.3.4. Lập quy hoạch sử dụng đất và phương án giao đất lâm nghiệp.
- 2.3.5. Đo vẽ và giao đất lâm nghiệp trên thực địa.
- 2.3.6. Thẩm định và phê duyệt các kết quả, lập hồ sơ địa chính, viết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp
- 2.3.7. Tổng hợp hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp
- 2.3.8. Tổng kết đánh giá về quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp có sự tham gia và xây dựng chương trình giám sát, hỗ trợ sau giao đất.
- 2.4. Một số mô hình sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao ở miền Trung Việt Nam
 - 2.4.1. Hiệu quả các mô hình sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao tại tỉnh Thừa Thiên Huế
 - 2.4.2. Hiệu quả các mô hình sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao tại tỉnh Phú Yên

Chương 3. Đánh giá đất lâm nghiệp

- 3.1. Các khái niệm chủ yếu
 - 3.1.1. Khái niệm đất và đất đai
 - 3.1.2. Khái niệm đánh giá đất đai
 - 3.1.3. Khai niệm sử dụng đất
 - 3.1.4. Khái niệm đơn vị đất đai
- 3.2. Các phương pháp đánh giá
 - 3.2.1. Đánh giá đất của FAO
 - 3.2.2. Đánh giá đất đai dựa trên cơ sở lập địa
 - 3.2.3. Phân hạng đất đai
 - 3.2.4. Phân chia cấp đất rừng trồng
- 3.3. Đánh giá đất lâm nghiệp vùng đồi núi Việt Nam
 - 3.3.1. Đánh giá tiềm năng sản xuất đất lâm nghiệp
 - 3.3.1.1. Khái niệm
 - 3.3.1.2. Phương pháp đánh giá
 - 3.3.2. Đánh giá độ thích hợp của đất lâm nghiệp
 - 3.3.2.1. Khái niệm
 - 3.3.2.2. Cơ sở đánh giá
 - 3.3.2.3. Tiến trình đánh giá

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Hoàng Dương Xô Việt

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội – Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: 42/89 Duy Tân, Phường An Cựu, Thành phố Huế

Điện thoại: 0949.020505 - Email: hoangduongxoviet@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp; Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao; Hệ thống nông lâm kết hợp

Giảng viên 2:

Họ và tên: Dương Viết Tình

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh – Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 090.3512070 - Email: Duongviettin@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đất lâm nghiệp; Lâm nghiệp xã hội

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trần Thị Thúy Hằng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh – Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 098.9229872 - Email: Tranthithuyhang77@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đất lâm nghiệp; Chọn tạo giống cây rừng

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.s. Hoàng Dương Xô Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **SẢN LƯỢNG RỪNG (Forest Yield Estimation)**
- Mã học phần: LNGH31242
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương học: 4 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 07 tiết; Số bài kiểm tra: 02 bài: 2 tiết
- Điều kiện tiên quyết:
 - Điều tra rừng LNGH21702
 - Thống kê ứng dụng trong Lâm nghiệp LNGH24902

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Sản lượng rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- *Kiến thức*: Nắm được các kiến thức về Sản lượng rừng, các quy luật sinh trưởng tăng trưởng cây rừng và lâm phần, biết phân chia cấp năng suất và lập biểu cấp đất cũng như lý thuyết về xây dựng biểu quá trình sinh trưởng cho loài cây cụ thể ngoài thực tế, xây dựng hệ thống các biện pháp kỹ thuật tác động hợp lý vào cây rừng và lâm phần, phục vụ công tác thiết kế kinh doanh lợi dụng rừng,
- *Kỹ năng*: Sử dụng các dụng cụ, trang thiết bị, phục vụ công tác lập biểu cấp năng suất và xây dựng mô hình dự tính dự đoán sản lượng rừng, tiến tới xây dựng biểu quá trình sinh trưởng cho loài cây đồng thời xây dựng hệ thống các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm tăng năng suất chất lượng và hiệu quả của công tác kinh doanh rừng
- *Thái độ, chuyên cần*: Chăm thận, tuân thủ các quy trình, quy phạm trong quá trình phân chia cấp năng suất, xây dựng mô hình sản lượng rừng

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Sản lượng rừng là học phần chuyên ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức về sinh trưởng tăng trưởng của cây rừng và lâm phần, Phân chia cấp năng suất và xây dựng các mô hình dự tính, dự báo sản lượng rừng cho từng đối tượng hay loài cây trồng cụ thể ngoài thực tế, tiến đến xây dựng biểu quá trình sinh trưởng hay biểu sản lượng và xây dựng hệ thống các biện pháp kỹ thuật tác động vào từng đơn vị phân chia hay cấp đất nhằm tăng năng suất chất lượng và hiệu quả của công tác kinh doanh rừng

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Mở đầu	1	1					
Chương 2: Nghiên cứu sinh trưởng tăng trưởng cây rừng và lâm phần	11	8	1	1	1		
2.1. Quá trình sinh trưởng, tăng trưởng cây rừng và lâm phần							
2.2. Đặc điểm sinh trưởng tăng trưởng cây rừng							
2.3. Mô hình hóa quá trình sinh trưởng cây rừng							
2.4. Khảo sát một số hàm sinh trưởng							
2.5. Nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng, tăng trưởng lâm phần							
Chương 3: Phân chia cấp năng suất lâm phần	10	7	1	2			

3.1.Một số khái niệm cơ bản							
3.2.Tiến trình phân chia cấp năng suất và lập biểu cấp đất cho lâm phần							
Chương 4: Xây dựng mô hình sản lượng lập biểu quá trình sinh trưởng	8	5		2	1		
4.1 Xây dựng mô hình sản lượng							
4.2.Xây dựng biểu quá trình sinh trưởng (biểu sản lượng) cho loài cây trồng ngoài thực tế							

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Mỗi tín chỉ cho kiểm tra một bài với thời gian 50 phút:

Mỗi chương (trừ chương 1) cho một số dạng bài tập củng cố về nhà làm theo từng cá nhân hoặc nhóm học tập

Điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ và vở bài tập tính theo thang điểm 10 và điểm Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số) được tính toán trung bình của 2 bài kiểm tra và vở bài tập.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi : Tự luận,

Cách đánh giá cần đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm 10.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bài giảng Sản lượng rừng
2. Giáo trình Sản lượng rừng trường ĐHLN Việt Nam

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Tiến Hình, Sản lượng rừng, nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội -2003
2. Nguyễn Hải Tuất, Thống kê toán học trong lâm nghiệp Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội - 1982
3. Ngô Kim Khôi - Nguyễn Hải Tuất: Tin học ứng dụng trong Lâm nghiệp nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội - 2001

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Mở đầu - Giới thiệu môn học

- 1.1. Vị trí tính chất nhiệm vụ và đối tượng của môn học
 - 1.2.1. Vị trí của Sản lượng rừng
 - 1.2.2. Tính chất của môn học Sản lượng rừng
 - 1.2.3. Nhiệm vụ của Sản lượng rừng
 - 1.2.4. Đối tượng môn học Sản lượng rừng
- 1.3. Nội dung và phương pháp học tập
 - 1.3.1. Nội dung môn học
 - 1.3.2. Phương pháp học tập
- 1.4. Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo

Chương 2. Nghiên cứu quá trình sinh trưởng, tăng trưởng cây rừng và lâm phần

2.1. Nhận biết sinh trưởng tăng trưởng cây rừng

- 2.1.1. Phương pháp giải tích
- 2.1.2. Phương pháp mô hình hóa

2.2. Đặc điểm sinh trưởng và tăng trưởng cây rừng

- 2.2.1. Đặc điểm sinh trưởng
- 2.2.2. Đặc điểm tăng trưởng
- 2.2.3. Mối quan hệ giữa sinh trưởng và tăng trưởng

2.2.3. Mô hình hóa quá trình sinh trưởng cây rừng

- 2.2.3.1. Ý nghĩa
- 2.2.3.2. Mô hình hóa quá trình sinh trưởng cây rừng

2.2.4. Khảo sát một số hàm sinh trưởng

- 2.2.4.1. Tổng quan về hàm sinh trưởng
- 2.2.4.2. Khảo sát hàm sinh trưởng của Gompertz

2.2.4.2. Khảo sát hàm sinh trưởng của Schumacher

2.3. Quá trình sinh trưởng tăng trưởng lâm phần

2.3.1. Quá trình biến đổi của mật độ

2.3.2. Dự biến đổi các bộ phận lâm phần

2.3.2.1. Bộ phận tổng hợp

2.3.2.2. Bộ phận lợi dụng tia thưa

2.3.2.3. Bộ phận nuôi dưỡng

2.5. Nhân tố ảnh hưởng sinh trưởng tăng trưởng cây rừng và lâm phần

Chương 3: Phân chia cấp năng suất lâm phần

3.1. Một số khái niệm cơ bản

3.1.1. Cấp đất

3.1.2. Các loại cấp đất

3.1.2.1. Cấp đất tuyệt đối

3.1.2.2. Cấp đất tương đối

3.1.3. Tuổi cơ sở

3.1.4. Chỉ số cấp đất

3.1.5. Đường cong chỉ thị cấp đất

3.1.6. Biểu đồ cấp đất

3.1.7. Biểu cấp đất

3.2. Tiến trình phân chia cấp năng suất (Cấp đất)

3.2.1. Chọn chỉ tiêu biểu thị cấp đất

3.2.2. Chọn phương trình sinh trưởng mô tả quá trình sinh trưởng của chỉ tiêu biểu thị cấp đất

3.2.3. Lập phương trình sinh trưởng bình quân chung mô tả quá trình sinh trưởng của chỉ tiêu biểu thị cấp đất

3.2.4. Phân chia cấp đất và lập biểu cấp đất

3.2.4.1. Điều kiện phân chia cấp đất

3.2.4.2. Phương pháp phân chia cấp đất

a. Phương pháp Affill

b. Phương pháp cố định tham số a và cho tham số b thay đổi theo cấp đất

c. Phương pháp cố định tham số b và cho tham số a thay đổi theo cấp đất

d. Phương pháp cho cả 2 tham số a và b thay đổi theo cấp đất

d. Một số phương pháp phân chia khác

3.3.5. Kiểm nghiệm biểu cấp đất

3.3.5.1. Mục đích kiểm nghiệm

3.3.5.2. Số liệu kiểm nghiệm

3.3.5.3. Nguyên tắc kiểm nghiệm

3.3.6. Sử dụng biểu cấp đất xác định cấp đất cho lâm phần ngoài thực tế

Chương 4: Xây dựng mô hình sản lượng và lập biểu quá trình sinh trưởng

4.1. Phương pháp xây dựng mô hình sản lượng rừng

4.1.1. Mô hình mật độ

4.1.2. Mô hình đường kính bình quân

4.2.3. Mô hình chiều cao bình quân

4.2.4. Mô hình Tổng tiết diện ngang

4.2.5. Mô hình tổng diện tích tán

4.2.6. Mô hình trữ lượng

4.2.7.Mô hình tăng trưởng

4.2.Xây dựng biểu quá trình sinh trưởng (Biểu sản lượng) cho loài cây trồng ngoài thực tế

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hoàng Văn Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: số nhà 36A2 khu tập thể 08 Triệu Quang Phục, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên

Điện thoại: 0905235100

Email: Hoangvandung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

Điều tra, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng, dự tính, dự báo năng suất và sản lượng rừng.

Xây dựng hệ thống các bảng, biểu chuyên dụng – công cụ phục vụ công tác dự tính, dự báo sản lượng rừng. Xây dựng biểu quá trình sinh trưởng hay biểu sản lượng cho loài cây. Xây dựng hệ thống các biện pháp kỹ thuật thích hợp phục vụ cho việc kinh doanh và thâm canh rừng trồng.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hồ Thanh Hà**

Chức danh, học hàm, học vị: TS, GVC

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: 0989639171

Email: Hothanhha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên;Phân tích chuỗi giá trị nông lâm sản;Quản lý rừng bền vững'Điều tra qui hoạch rừng'Dự báo sản lượng rừng

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Lợi**

Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sỹ, Giảng viên cao cấp

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa lâm nghiệp- Trường ĐH Nông lâm Huế

Điện thoại, 0543515932/0986999132

Email: loanloi2010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

+Phân tích và ứng dụng mô hình không gian trong qui hoạch LN và Điều chế rừng

+Ứng dụng mô hình điều chế rừng tự nhiên hỗn giao và rừng trồng thuần loại.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS Đặng Thái Dương

TS Hoàng Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Công cụ và máy Lâm nghiệp (Machinery and equipment in Forestry)
- Mã học phần: LNGH20802
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương học: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: 3 bài
- Điều kiện tiên quyết: Vật lý (CBAN12302)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Công cụ và máy Lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành thuộc khoa Lâm nghiệp:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo; nguyên lý làm việc của các loại máy điện và thiết bị điện, động cơ đốt trong, các một số công cụ, máy móc thường dùng trong Lâm nghiệp.
- Kỹ năng: Biết phương pháp sử dụng; điều chỉnh; bảo quản; sửa chữa nhỏ và mua sắm hợp lý các trang thiết bị; máy móc thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp.
- Thái độ: Sinh viên phải chuyên cần, tự giác chuẩn bị bài và nỗ lực trong học tập để có thể hiểu và ứng dụng trong thực tiễn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần công cụ và máy Lâm nghiệp bao gồm những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại máy và thiết bị điện; Động cơ đốt trong; Cấu tạo và nguyên lý làm việc của hệ thống truyền lực và điều khiển; Cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy móc dùng trong Lâm nghiệp.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Máy điện và thiết bị điện	4	3	0.5		0.5	1	12
1.1. Thiết bị điện		0.5					
1.2. Máy biến áp		0.5					
1.3. Máy phát điện		0.5					
1.4. Động cơ điện		1.5				1	
Chương 2. Động cơ đốt trong	9	8	0.5		0.5	4	24
2.1. Cơ sở lý thuyết của động cơ đốt trong		2					

2.2. Cấu tạo động cơ đốt trong kiểu piston		6				3.5	
Chương 3. Hệ thống truyền lực và điều khiển	2.5	2			0.5	2	8
3.1. Hệ thống truyền lực		1.5				1	
3.2. Hệ thống điều khiển		0.5				1	
Chương 4. Máy Lâm nghiệp	3	2	0.5		0.5	2	8
4.1. Máy dùng trong chặt hạ gỗ		1				1	
4.2. Máy chế biến gỗ		0.5				0.5	
4.3. Ô tô và máy kéo Lâm nghiệp		0.5				0.5	
Chương 5. Sử dụng máy Lâm nghiệp	2.5	2	0.5				8
5.1. Lý thuyết về sử dụng và sửa chữa		1					
5.2. Kỹ thuật sử dụng chăm sóc bảo quản		1					
Tổng cộng	21	17	2		2	9	60

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Điểm đánh giá tính trung bình giữa: Bài kiểm tra và Kỹ năng thực hành

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Thi theo ngân hàng đề do trường quản lý

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Nhật Chiêu và Nguyễn Thanh Quế (1992), Giáo trình Công cụ và máy Lâm nghiệp, NXB NN, Hà nội. Khoa Lâm Nghiệp
2. Phan Hòa. Đinh Vương Hùng (1990), Giáo trình Cơ khí nông nghiệp, ĐHNN II, Huế, TT TTTV.
3. Nguyễn Đăng Niêm (2014). Bài giảng công cụ và máy Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đào Duy Cầu và Nguyễn Kim Vũ (2006), Giáo trình Cơ khí nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, ĐHKQTĐ, Hà nội. TT TTTV.
2. Nguyễn Nông, Nguyễn Đại Thành, Hoàng Ngọc Vinh (1999), Sửa chữa ô tô máy kéo, NXB giáo dục, Hà nội. TT TTTV.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Máy điện và thiết bị điện

1.1. Thiết bị điện

1.1.1. Những khái niệm chung

1.1.1.1. Nguồn điện

1.1.1.2. Máy điện

1.1.1.3. Vật liệu cơ điện

1.1.2. Các loại đèn điện để chiếu sáng

1.1.2.1. Đèn sợi đốt

1.1.2.2. Đèn phóng điện

1.1.3. Thiết bị điện dùng đốt nóng

1.1.4. Thiết bị điện dùng làm lạnh

1.2. Máy biến áp

1.2.1. Máy biến áp 1 pha

1.2.1.1. MBA thường

1.2.1.2. MBA tự ngẫu

1.2.1.3. Ổn áp

1.2.2. MBA 3 pha

1.3. Máy phát điện

1.3.1. Máy phát điện xoay chiều 1 pha

1.3.2. Máy phát điện xoay chiều 2 pha

1.3.3. Máy phát điện xoay chiều 3 pha

1.3.4. Máy phát điện một chiều

1.4. Động cơ điện

1.4.1. Động cơ điện đồng bộ

1.4.2. Động cơ điện xoay chiều dị bộ 3 pha

1.4.3. Động cơ điện xoay chiều dị bộ 1 pha

1.4.3.1. Động cơ kiểu vòng chập

1.4.3.2. Động cơ kiểu tụ điện

1.4.4. Động cơ dị bộ 2 pha

1.4.5. Động cơ điện 1 chiều

1.4.6. Động cơ điện vạn năng

1.4.7. Động cơ bước

1.5. An toàn điện

1.5.1. An toàn mạng điện và thiết bị

1.5.1.1. Thiết bị cần kết nối an toàn

1.5.1.2. Chọn dây dẫn

1.5.1.3. Chọn cầu chì hoặc aptomat

1.5.2. An toàn cho người và môi trường

1.5.1.1. Mua sắm thiết bị đúng mục đích sử dụng

1.5.1.2. Vận hành an toàn

Chương 2. Động cơ đốt trong

2.1. Cơ sở lý thuyết của động cơ đốt trong

2.1.1. Khái niệm và phân loại động cơ đốt trong

2.1.1.1. Khái niệm về động cơ nhiệt

2.1.1.2. Phân loại động cơ đốt trong

2.1.2. Những khái niệm cơ bản về quá trình làm việc của động cơ đốt trong

2.1.2.1. Chu trình làm việc của đôn gj cơ 4 kỳ

2.1.2.2. Chu trình làm việc của động cơ 2 kỳ

2.1.2.3. Một số hiện tượng đặc biệt trong quá trình cháy

2.1.2.4. Trình tự làm việc của các xi lanh trong động cơ nhiều xi lanh

2.1.3. Một số thông số của chu kỳ thực

2.1.3.1. Thành phần nhiên liệu; Sự cháy nhiên liệu

2.1.3.2. Hệ số không khí dư

2.1.3.3. Sự cân đối nhiệt trong động cơ

2.1.3.4. Áp suất chỉ thị trung bình

2.1.3.5. Công suất chỉ thị trung bình

2.1.3.6. Hiệu suất và công suất hiệu dụng của động cơ

2.2. Cấu tạo động cơ đốt trong kiểu piston

2.2.1. Hệ thống biên tay quay

2.2.1.1. Nhiệm vụ và điều kiện làm việc

2.2.1.2. Các bộ phận chính của hệ thống biên tay quay

2.2.1.3. Chăm sóc hệ thống biên tay quay

2.2.2. Hệ thống phân phối khí

2.2.2.1. Nhiệm vụ và phân loại

2.2.2.2. Cấu tạo và hoạt động của hệ thống phân phối khí dùng van

2.2.2.3. Các bộ phận chính của hệ thống phân phối khí dùng van

2.2.2.4. Biểu đồ phân phối khí

2.2.2.5. Cơ cấu giảm áp

2.2.2.6. Chăm sóc hệ thống phân phối khí

2.2.3. Hệ thống làm mát

2.2.3.1. Nhiệm vụ và phân loại

2.2.3.2. Cấu tạo và hoạt động của hệ thống làm mát

2.2.3.6. Chăm sóc hệ thống làm mát

2.2.4. Hệ thống bôi trơn

2.2.4.1. Nhiệm vụ và phân loại

2.2.4.2. Sơ đồ hệ thống bôi trơn cưỡng bức

2.2.3.6. Chăm sóc hệ thống bôi trơn

2.2.5. Hệ thống cung cấp hỗn hợp cháy

2.2.5.1. Bộ phận tạo hỗn hợp cháy ở động cơ xăng

2.2.5.2. Hệ thống cung cấp hỗn hợp cháy ở động cơ điêzen

2.2.6. Hệ thống đánh lửa

2.2.6.1. Nhiệm vụ và phân loại

2.2.6.2. Cấu tạo và hoạt động của hệ thống của hệ thống đánh lửa

2.2.6.3. Chăm sóc hệ thống đánh lửa

2.2.7. Hệ thống khởi động

- 2.2.7.1. Điều kiện để khởi động động cơ
- 2.2.7.2. Các hình thức khởi động
- 2.2.7.3. Các phương pháp hỗ trợ khi khởi động

Chương 3. Hệ thống truyền lực và điều khiển

- 3.1. Hệ thống truyền lực
 - 3.1.1. Truyền lực nhờ ma sát
 - 3.1.1.1. Bộ truyền đai
 - 3.1.1.2. Bộ truyền bánh ma sát
 - 3.1.2. Truyền lực kiểu ăn khớp
 - 3.1.2.1. Bộ truyền bánh răng
 - 3.1.2.2. Bộ truyền kiểu trục vít- bánh vít
 - 3.1.2.3. Bộ truyền xích
 - 3.1.3. Ly hợp
 - 3.1.3.1. Nhiệm vụ ly hợp
 - 3.1.3.2. Phân loại
 - 3.1.3.3. Cấu tạo và hoạt động
 - 3.1.3.4. Sử dụng ly hợp
 - 3.1.4. Hộp số
 - 3.1.5. Truyền lực trung gian và trực thu công suất
 - 3.1.6.1. Truyền lực trung gian
 - 3.1.6.2. Trực thu công suất
- 3.2. Hệ thống điều khiển
 - 3.2.1. Điều khiển bán tự động
 - 3.2.1.1. Điều khiển không có trợ giúp
 - 3.2.1.2. Điều khiển có trợ giúp
 - 3.2.2. Điều khiển tự động
 - 3.2.2.1. Bộ phận đo lường
 - 3.2.2.2. Bộ phận điều khiển
 - 3.2.2.3. Bộ phận chấp hành

Chương 4. Máy Lâm nghiệp

- 4.1. Máy dùng trong chặt hạ gỗ
 - 4.1.1. Cưa xích chặt hạ gỗ
 - 4.1.1.1. Động cơ
 - 4.1.1.2. Bộ phận truyền lực
 - 4.1.1.3. Bộ phận cắt gỗ
 - 4.1.2. Các máy móc phụ trợ
 - 4.1.2.1. Máy cắt cành
 - 4.1.2.2. Máy cắt cây bụi
 - 4.1.2.3. Máy bóc vỏ cây
- 4.2. Máy chế biến gỗ
 - 4.2.1. Máy cưa trong chế biến gỗ
 - 4.2.2. Máy bào gỗ
 - 4.2.3. Các loại máy chế biến gỗ khác
- 4.3. Ô tô và máy kéo Lâm nghiệp
 - 4.3.1. Ô tô máy kéo bánh hơi
 - 4.3.1.1. Cầu chủ động của ô tô máy kéo bánh hơi

4.3.1.2. Hệ thống di động và hệ thống lái

4.3.2. Máy kéo xích

Chương 5. Sử dụng máy Lâm nghiệp

5.1. Lý thuyết về sử dụng và sửa chữa

5.1.1. Hao mòn và hư hỏng máy

5.1.1.1. Hư hỏng máy

5.1.1.2. Hao mòn

5.1.2. Các phương pháp xác định hao mòn

5.1.2.1. Phương pháp gián tiếp

5.1.2.2. Phương pháp trực tiếp

5.1.3. Xác định thời gian làm việc hiệu quả

5.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng kỹ thuật của máy

5.1.4.1. Yếu tố thiết kế

5.1.4.2. Vật liệu và công nghệ chế tạo

5.1.4.3. Chế độ làm việc và điều kiện sử dụng

5.1.4.4. Trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của người sử dụng

5.1.4.5. Chăm sóc kỹ thuật và sửa chữa

5.2. Kỹ thuật sử dụng chăm sóc bảo quản

5.2.1. Chạy rà máy

5.2.2. Vận hành máy

5.2.3. Chăm sóc kỹ thuật và sửa chữa máy

5.2.3.1. Bảo dưỡng máy

5.3.2.2. Sửa chữa máy

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Máy điện và thiết bị điện (2 tiết)

Nội dung 1: Thiết bị điện

Nội dung 2: Các loại máy điện

Bài 2. Động cơ đốt trong; Hệ thống truyền lực (4 tiết)

Nội dung 1: Động cơ đốt trong

Nội dung 2: Hệ thống truyền lực; hệ thống di động

Nội dung 3: Điều chỉnh và sử dụng

Bài 3. Máy Lâm nghiệp (3 tiết)

Nội dung 1: Máy chặt hạ gỗ

Nội dung 2: Máy chế biến gỗ

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Đăng Niêm**

Chức danh, học hàm, học vị: Ths. GVC

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế

- Điện thoại: 01684931458

E-mail: nguyendangniem@huaf.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Cơ khí hóa Nông Lâm nghiệp và chế biến Lâm sản

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Hoàng Phước Thôi**

Chức danh, học hàm, học vị: KS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn CBLS, khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 01672 126 226

Email: Hoangphuocthoi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: công nghệ sản xuất sản phẩm chế biến lâm sản.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An PGS.TS. Đặng Thái Dương Ths. GVC. Nguyễn Đăng Niêm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: LÂM SẢN NGOÀI GỖ
- Tên tiếng Anh: NON - TIMBER FOREST PRODUCT
- Mã học phần: LNGH26002
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 3;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: 2 bài
- Điều kiện tiên quyết:
 - + Ngành Lâm nghiệp: Thực vật rừng (LNGH25302); Động vật rừng (LNGH21802); Trồng rừng (LNGH25803).
 - + Ngành Quản lý tài nguyên rừng: Cây rừng (LNGH20603); Động vật rừng (LNGH21802); Trồng rừng (LNGH25803).
 - + Ngành Công nghệ chế biến lâm sản: Thực vật rừng (LNGH25302); Trồng rừng đại cương (LNGH25902).

2. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức:** Sinh viên phải nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản về các giá trị và tình hình sử dụng, quản lý Lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam và các nước trên thế giới; nắm được các phương pháp nghiên cứu, nhận biết, phân loại Lâm sản ngoài gỗ và phương pháp lập kế hoạch quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng.

- **Kỹ năng:** Sau khi hoàn thành học phần sinh viên phải:

+ Phân tích và đánh giá được các giá trị, tình hình quản lý và sử dụng Lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam và trên thế giới.

+ Nhận biết, mô tả và phân loại được Lâm sản ngoài gỗ theo nhóm giá trị sử dụng.

+ Vận dụng các phương pháp lập kế hoạch và lập được kế hoạch quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng.

+ Hình thành nhóm học tập; thảo luận và ý tưởng; phân công và đánh giá hoạt động nhóm; xây dựng, triển khai và báo cáo 1 chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực Lâm sản ngoài gỗ theo nhóm học tập.

- **Thái độ:**

+ Chuyên cần, nghiêm túc, sáng tạo.

+ Chủ động tìm hiểu các hệ thống kiến thức khọc học và cộng đồng liên quan đến Lâm sản ngoài gỗ.

+ Tham gia đầy đủ các buổi ngoại khóa và nghiên cứu chuyên đề cho nhóm học tập.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Lâm sản ngoài gỗ là một trong các môn học chuyên môn của ngành Lâm nghiệp, ngành Quản lý tài nguyên rừng, ngành Công nghệ chế biến lâm sản. Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tình hình quản lý, sử dụng Lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam và trên thế giới; kiến thức về nhận biết, các phương pháp phân loại Lâm sản ngoài gỗ chính hiện nay; kiến thức lập kế hoạch và tổ chức quản lý Lâm sản ngoài gỗ có sự tham gia. Xây dựng, triển khai và báo cáo một chuyên đề nghiên cứu và tổ chức các nhóm nghiên cứu trong quá trình học tập. Học phần gồm 3 chương: Chương 1: Giới thiệu chung về Lâm sản ngoài gỗ; Chương 2: Phân loại Lâm sản ngoài gỗ; Chương 3: Lập kế hoạch và tổ chức quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu chung về Lâm sản ngoài gỗ	5	4	1			10	
1.1. Khái niệm về Lâm sản ngoài gỗ	2	1	1			4	
1.2. Tổng quan về Lâm sản ngoài gỗ	1	1	0			2	
1.3. Các giá trị của Lâm sản ngoài gỗ	1	1	0			2	
1.4. Hướng sử dụng và phát triển LSNG	1	1	0			2	
Chương 2: Phân loại Lâm sản ngoài gỗ	12	8	4			24	1
2.1. Các phương pháp phân loại Lâm sản ngoài gỗ	4	3	1			8	
2.1.1. Phân loại LSNG theo hệ thống sinh	1	1				2	
2.1.2. Phân loại LSNG theo tầng thứ	1	1				2	
2.1.3. Phân loại LSNG theo nhóm giá trị sử dụng	1	1	1			4	
2.2. Phân loại Lâm sản ngoài gỗ theo giá trị sử dụng	8	5	3			16	
2.2.1. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu công nghiệp	2	1	1			4	
2.2.2. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ làm vật liệu và thủ công mỹ nghệ	1,5	1	0,5			3	
2.2.3. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ dùng làm lương thực, thực phẩm và chăn nuôi	1,5	1	0,5			3	
2.2.4. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ làm	2	1	1			4	

<i>được liệt</i>							
2.2.5. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ dùng làm cảnh	1	1				2	
Chương 3: Lập kế hoạch và tổ chức quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng	13	9	4			26	1
3.1. Hiện trạng quản lý Lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam và trên thế giới	5	4	1			10	
3.1.1. Vấn đề về chính sách và thể chế trong quản lý Lâm sản ngoài gỗ	1	1	0,5			3	
3.1.2. Các vấn đề về khai thác, chế biến và sử dụng Lâm sản ngoài gỗ	1	1				2	
3.1.3. Thực trạng gây trồng/chăm sóc một số loài Lâm sản ngoài gỗ	1	1				2	
3.1.4. Vấn đề thị trường Lâm sản ngoài gỗ	1	1	0,5			3	1
3.2. Lập kế hoạch và tổ chức quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng	8	5	3			16	
3.2.1. Nội dung và phương pháp điều tra Lâm sản ngoài gỗ	1,5	1	0,5			3	
3.2.2. Chiến lược quản lý và phát triển Lâm sản ngoài gỗ	1,5	1	0,5			3	
3.2.3. Nội dung lập kế hoạch	1,5	1	0,5			3	
3.2.4. Phương pháp lập kế hoạch	2	1	1			4	
3.2.5. Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch quản lý Lâm sản ngoài gỗ	1,5	1	0,5			3	1
Tổng	30	21	9			60	2

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

(Điểm chuyên cần được cộng/trừ tối đa 1 điểm tùy mức độ tích cực, thái độ trong quá trình học tập tại lớp và phần thảo luận sau khi làm bài tập về nhà).

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Kiểm tra viết bài cá nhân: hệ số 1

Chuyên đề nghiên cứu và bài tập nhóm: hệ số 2 (Bắt buộc phải tham gia mới đủ điều kiện thi)

Điểm tính: (hệ số 1 + hệ số 2)/3

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi: Tự luận, Vấn đáp

Cấp độ	Trọng số điểm (%)	Cấp độ	Trọng số điểm (%)
1. Nhớ	30	2. Hiểu	30
3. Áp dụng	10	4. Phân tích	10
5. Đánh giá	10	6. Sáng tạo	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Dương Văn Thành. Bài giảng Lâm sản ngoài gỗ
2. Đặng Đình Bôi, Trần Ngọc Hải, Nguyễn Đức Định, Lê Trọng Thực và các tác giả, 2002. Lâm sản ngoài gỗ, chương trình hỗ trợ Lâm nghiệp xã hội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Ngọc Hải, Phạm Thanh Hà, Phùng Thị Tuyền, 2009. Lâm sản ngoài gỗ, NXB Nông nghiệp.
2. Phạm Thanh Hà, 2013. Kỹ thuật trồng một số loài cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế, NXB Nông nghiệp.
3. Hoàng Hữu Nguyên, Lê Thị Diên, Hoàng Việt, Hoàng Xuân Niên, 2006. Giáo trình Tự động hoá trong chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ, NXB Nông nghiệp.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cục Lâm nghiệp, 2004. Kỹ thuật trồng một số cây đặc sản rừng và cây lâm sản ngoài gỗ, NXB Nông nghiệp.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Giới thiệu chung về Lâm sản ngoài gỗ

- 1.1. Khái niệm về Lâm sản ngoài gỗ
- 1.2. Tổng quan về Lâm sản ngoài gỗ
- 1.3. Các giá trị của Lâm sản ngoài gỗ
- 1.4. Hướng sử dụng và phát triển Lâm sản ngoài gỗ

Chương 2: Phân loại Lâm sản ngoài gỗ

- 2.1. Các phương pháp phân loại Lâm sản ngoài gỗ
 - 2.1.1. Phân loại LSNG theo hệ thống sinh
 - 2.1.2. Phân loại LSNG theo tầng thứ
 - 2.1.3. Phân loại LSNG theo nhóm giá trị sử dụng
- 2.2. Phân loại Lâm sản ngoài gỗ theo giá trị sử dụng
 - 2.2.1. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu công nghiệp
 - 2.2.2. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ làm vật liệu và thủ công mỹ nghệ

2.2.3. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ dùng làm lương thực, thực phẩm và chăn nuôi

2.2.4. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ làm dược liệu

2.2.5. Nhóm Lâm sản ngoài gỗ dùng làm cảnh

Chương 3: Lập kế hoạch và tổ chức quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng

3.1. Hiện trạng quản lý Lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam và trên thế giới

3.1.1. Vấn đề về chính sách và thể chế trong quản lý Lâm sản ngoài gỗ

3.1.2. Các vấn đề về khai thác, chế biến và sử dụng Lâm sản ngoài gỗ

3.1.3. Thực trạng gây trồng/chăm sóc một số loài Lâm sản ngoài gỗ

3.1.4. Vấn đề thị trường Lâm sản ngoài gỗ

3.2. Lập kế hoạch và tổ chức quản lý Lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng

3.2.1. Nội dung và phương pháp điều tra Lâm sản ngoài gỗ

3.2.2. Chiến lược quản lý và phát triển Lâm sản ngoài gỗ

3.2.3. Nội dung lập kế hoạch

3.2.4. Phương pháp lập kế hoạch

3.2.5. Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch quản lý Lâm sản ngoài gỗ

PHẦN THỰC HÀNH - THỰC TẬP HỌC PHẦN

- Mỗi nhóm thảo luận và chọn một chủ đề nghiên cứu liên quan đến Lâm sản ngoài gỗ.
- Xây dựng đề cương chi tiết cho vấn đề nghiên cứu.
- Tổ chức thu thập số liệu và viết báo cáo.
- Báo cáo chia sẻ giữa các nhóm nghiên cứu.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Dương Văn Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0988.953.198 or 0905.953.198; Email: duongvanthanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm sản ngoài gỗ, Lâm nghiệp cộng đồng, Điều tra - Quy hoạch Lâm nghiệp, GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, tin học ứng dụng, đo đạc Lâm nghiệp

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Văn Thị Yến**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0985.538.378; Email: vanthiyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đa dạng sinh học và bảo tồn TNTN

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Lợi**

Chức danh, học hàm, học vị: **GVCC. PGS. TS.**

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0986999132; Email: nguyenvanloi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS, modelling GIS và thiết lập bản đồ đa dạng sinh học; Ứng dụng Viễn thám, GIS và GPS trong LN, QL BVR, và xác định trữ lượng CO₂; Lập kế hoạch và quản lý LSNG bền vững, Phân tích sự phù hợp cho các dạng sử dụng đất.

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Minh**

Chức danh, học hàm, học vị: **GV. TS.**

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Chế biến lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: ; Email: nguyenvanminh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.S Dương Văn Thành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Quản lý giống cây lâm nghiệp (Management of Forest Tree Breeding)
- Mã học phần: LNGH31212
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 04;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 9 tiết; Số bài học: 02 bài
- Điều kiện tiên quyết: Giống cây rừng (LNGH22002).

2. Mục tiêu của học phần:

Học phần Giống cây rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức:
 - + Có kiến thức tổng quan về giống cây trồng lâm nghiệp như phân loại giống cây trồng, vai trò của giống cây trồng lâm nghiệp trong thực tiễn sản xuất;
 - + Nắm rõ về lịch sử phát triển và các chính sách trong công tác cải thiện giống và bảo tồn nguồn gen cây rừng;
 - + Có kiến thức về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được thực trạng và xác định các vấn đề tồn tại trong công tác quản lý giống cây lâm nghiệp ở Việt Nam và trên Thế giới;
 - + Xác định các chính sách về giống cây trồng lâm nghiệp ở Việt Nam;
 - + Tổ chức và thực hiện được hoạt động quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ở các cấp độ khác nhau.
- Thái độ: Nghiêm túc trong công việc, chủ động sáng tạo và biết vận dụng các kiến thức đã học vào công việc nghiên cứu, đề xuất các biện pháp kỹ thuật trong quản lý giống cây lâm nghiệp áp dụng trên điều kiện thực tế ở các cấp.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Quản lý giống cây lâm nghiệp cung cấp sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. Nội dung của môn học trình bày tổng quan về giống cây trồng lâm nghiệp, lịch sử phát triển và các chính sách về cải thiện bảo tồn quản lý nguồn gen cây rừng và nội dung công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm các bước công việc và thủ tục văn bản quản lý nhà nước về giống liên quan.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về giống cây trồng lâm nghiệp	6	4	2			6	
1.1. Khái niệm giống cây trồng lâm nghiệp	2	2					
1.2. Phân loại giống cây trồng lâm nghiệp	2	1	1				
1.3. Vai trò giống cây trồng trong sản xuất lâm nghiệp	2	1	1				
Chương 2. Lịch sử phát triển và các chính sách về giống và quản lý giống cây lâm nghiệp	6	3	2			10	
2.1. Lịch sử cải thiện và bảo tồn nguyên gen cây rừng ở Việt Nam	2	2					
2.2. Các văn bản về công tác giống và quản lý giống cây lâm nghiệp	4	1	2				1
Chương 3. Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp	12	7	1		3	15	1
3.1. Thực trạng hệ thống nguồn giống	1	1					
3.2. Thực trạng hệ thống, tổ chức nhân giống	1	1					
3.3. Hiện trạng sản xuất và cung ứng giống cây lâm nghiệp	1	1					
3.4. Quản lý sử dụng cây nhân giống sinh dưỡng	1	1					
3.5. Hiện trạng về hệ thống tổ chức sản xuất giống cây lâm nghiệp	2	1					1
3.6. Thực trạng quản lý nhà nước về giống cây trồng lâm nghiệp	6	2	1		3		
Chương 4. Thủ tục trong quản lý giống cây trồng lâm nghiệp	6				6	10	
4.1. Thủ tục trong khai thác, sử dụng và trao đổi nguồn gen cây rừng	2				2		
4.2. Chuỗi hành trình giống cây trồng	2				2		
4.3. Thủ tục công nhận giống cây trồng lâm nghiệp	2				2		

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (Chiếm 20% trọng số)

Đánh giá 2 bài kiểm tra và 2 bài thực hành, tính điểm trung bình 4 bài cho phần kiểm tra đánh giá định kỳ.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (Chiếm trọng số 70%)

Đánh giá kết thúc học phần bằng hai hình thức thi: Tự luận và Vấn đáp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Chi cục Kiểm lâm vùng III (2015), Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

2. Bộ NN&PTNT, Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác (2006), Cẩm nang ngành lâm nghiệp, Chương Cải thiện giống và quản lý giống cây rừng ở Việt Nam,.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. *Pháp lệnh Giống cây trồng*, Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 03 năm 2004.

2. Quyết định số 89 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29 tháng 12 năm 2005, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc ban hành *Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp*.

3. Các văn bản về Giống và quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp do Bộ NN&PTNT ban hành (<http://www.law.omard.gov.vn>).

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Tổng quan về giống cây trồng lâm nghiệp

1.1. Khái niệm giống cây trồng lâm nghiệp

1.2. Phân loại giống cây trồng lâm nghiệp

- Phân loại dựa và cấu trúc di truyền;
- Phân loại dựa vào nguồn gốc lịch sử hình thành.

1.3. Vai trò giống cây trồng trong sản xuất lâm nghiệp

- Vai trò của giống cây trồng lâm nghiệp;
- Vai trò công tác chọn giống và cải thiện giống cây rừng;
- Vai trò của nhiệm vụ sản xuất giống cây lâm nghiệp.

Chương 2. Lịch sử phát triển và các chính sách về giống và quản lý giống cây lâm nghiệp

2.1. Lịch sử cải thiện và bảo tồn nguyên gen cây rừng ở Việt Nam

- Thời kỳ trước 1945;
- Thời kỳ 1945 đến 1975;
- Thời kỳ 1975 đến 1990;
- Sau năm 1990 đến nay.

2.2. Các văn bản về công tác giống và quản lý giống cây lâm nghiệp

- Pháp lệnh và nghị định về giống và quản lý giống cây lâm nghiệp;
- Quyết định về giống và quản lý giống cây lâm nghiệp;
- Thông tư về giống và quản lý giống cây lâm nghiệp.

Chương 3. Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

3.1. Thực trạng hệ thống nguồn giống

3.2. Thực trạng hệ thống, tổ chức nhân giống

- Hình thức tổ chức sản xuất cây con;
- Phòng nuôi cấy mô;
- Hệ thống vườn ươm;
- Vườn cây đầu dòng.

3.3. Hiện trạng sản xuất và cung ứng giống cây lâm nghiệp

- Nguồn cung ứng hạt giống cây lâm nghiệp;
- Nguồn cung ứng cây con.

3.4. Quản lý sử dụng cây nhân giống sinh dưỡng

- Hình thức nhân giống sinh dưỡng;
- Loại cây áp dụng nhân giống sinh dưỡng;
- Tỷ lệ cây nhân giống sinh dưỡng.

3.5. Hiện trạng về hệ thống tổ chức sản xuất giống cây lâm nghiệp

- Đơn vị sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Đơn vị sử dụng giống cây lâm nghiệp.

3.6. Thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng lâm nghiệp

- Cấp chứng nhận điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính;
- Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;
- Giám sát quá trình sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp;
- Thanh tra giống cây trồng lâm nghiệp;
- Nhận thuận lợi, khó khăn và những giải pháp.

Chương 4. Thủ tục trong quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

4.1. Thủ tục trong khai thác, sử dụng và trao đổi nguồn gen cây rừng

- Khai thác, sử dụng, trao đổi nguồn gen cây trồng lâm nghiệp;
- Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới;
- Đăng ký nguồn cây giống lâm nghiệp;
- Công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp;
- Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính

4.2. Chuỗi hành trình giống cây trồng

- Chuỗi hành trình giống hữu tính;
- Chuỗi hành trình giống sinh dưỡng

4.3. Thủ tục công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Tích những tồn tại trong thực trạng quản lý nhà nước về giống cây trồng lâm nghiệp ở Việt Nam

Nội dung 1: Chính sách trong quản lý giống cây lâm nghiệp và những tồn tại

- Các chính sách quản lý giống cây lâm nghiệp;
- Những tồn tại của chính sách quản lý giống cây lâm nghiệp.

Nội dung 2: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

- Giải pháp về kỹ thuật;
- Giải pháp về chính sách;
- Giải pháp về vốn.

Bài 2. Hướng dẫn các thủ tục trong quản lý giống cây trồng lâm nghiệp tại cơ sở

Nội dung 1: Khai thác, sử dụng và trao đổi nguồn gen cây rừng

Nội dung 2: Chuỗi hành trình giống cây trồng

Nội dung 3: Các thủ tục công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Phạm Cường

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 14 Tôn Thất Thiệp, TP. Huế. Điện thoại: 0905801501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu: Kỹ thuật trồng rừng và cải thiện giống cây rừng; Kỹ thuật lâm sinh; Bảo tồn đa dạng sinh học; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Đặng Thái Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế
Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế

Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Cải thiện giống, Lâm sinh học, trồng rừng, bảo tồn nguồn gen.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS. Phạm Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System)**
- Mã học phần: TNMT21403
- Số tín chỉ: 03
- Phân bổ thời gian
 - + Lý thuyết: 25 tiết; Số chương học: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 20 tiết; Số bài học: 6 bài
- Điều kiện tiên quyết: CBAN11902 (Tin học)
- + Đối với ngành Quản lý đất đai: TNMT10202 (Bản đồ học)
- + Đối với ngành Lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng và Lâm nghiệp đô thị: LNGH31072 (Đo đạc lâm nghiệp).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Hệ thống thông tin địa lý đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai và ngành Lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp đô thị như sau:

- Kiến thức: Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý; Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học hệ thống thông tin địa lý; Cấu trúc và mô hình dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của GIS; Lý thuyết về mô hình số độ cao DEM, ứng dụng của DEM trong các lĩnh vực; Chức năng phân tích và chồng ghép nhiều bản đồ trong GIS; Phương pháp ứng dụng GIS trong quản lý đất đai (xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất, quản lý thuế đất; quản lý không gian đô thị; đánh giá thoái hóa đất; đánh giá tính thích hợp đất đai...)/lâm nghiệp/quản lý tài nguyên rừng/LN đô thị.

- Kỹ năng:

+ Đối với ngành Quản lý đất đai: Có kỹ năng sử dụng phần mềm GIS (ArcGIS) để xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu liên quan đến đất đai, bất động sản. Có kỹ năng nhận biết và giải quyết vấn đề, khả năng thu thập, phân tích và đánh giá thông tin, khả năng tự nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong lĩnh vực ứng dụng GIS vào các lĩnh vực trong công tác quản lý đất đai, quản lý thị trường bất động sản, quản lý đô thị.

+ Đối với ngành lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng và Lâm nghiệp đô thị: Sinh viên sẽ được trang bị các kỹ năng sử dụng một số phần mềm chuyên dụng GIS (ArcGIS, Mapinfo) và phần mềm xử lý ảnh Viễn thám (ENVI, Egconition developer...) để xây cơ sở dữ liệu GIS ứng dụng trong theo dõi, giám sát tài nguyên rừng, quản lý bảo vệ rừng, khôi phục rừng, lâm nghiệp xã hội, quy hoạch 3 loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng), bảo tồn đa dạng sinh học rừng, quản lý cây xanh đô thị và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Thái độ:

Có thái độ làm việc nghiêm túc trong quá trình xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý đất đai, quản lý thị trường bất động sản, quản lý đô thị. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ GIS vào công tác chuyên môn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Môn học bao gồm hai phần chính:

- Phần lý thuyết: Bao gồm 5 chương: 4 chương lý thuyết và 1 chương chuyên đề. Phần lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý - GIS như khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, các thành phần chính của GIS. Các cấu trúc dữ liệu dạng Vector và Raster trong dữ liệu không gian; mối quan hệ giữa dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Các mô hình quản lý cơ sở dữ liệu GIS như mô hình cấp bậc, mô hình mạng lưới, mô hình quan hệ. Các chức năng của GIS trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu như thu thập, xử lý, nhập dữ liệu, xuất dữ liệu ra các định dạng theo yêu cầu của người sử dụng. Các phương pháp phân tích không gian, chồng ghép bản đồ và nội suy không gian.

- Phần thực hành: Gồm 1 chương hướng dẫn sử dụng một phần mềm chuyên dụng một số phần mềm chuyên dụng GIS (ArcGIS, Mapinfo) và 6 bài tập thực hành. Trong phần này sinh viên sẽ có cơ hội được làm quen với nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau để thực hiện các chức năng xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ cho một lĩnh vực cụ thể trong công tác quản lý đất đai (quản lý cơ sở dữ liệu đất đai, quản lý thị trường bất động sản và quản lý đô thị...)/lâm nghiệp/quản lý tài nguyên rừng/lâm nghiệp đô thị.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Các khái niệm cơ bản của Hệ thống thông tin địa lý	3	3				4 (Bài 1)	6
1.1. Định nghĩa		0,5					
1.2. Các thành phần chính của GIS		1,0					
1.2.1. Phần cứng							
1.2.2. Phần mềm							
1.2.3. Dữ liệu							
1.2.4. Người sử dụng							
1.2.5. Phương pháp/Quy trình làm việc							
1.3. Một số ứng dụng của GIS trong các ngành khoa học kinh tế và kỹ thuật		1,5					
Chương 2. Cấu trúc và mô hình dữ liệu của GIS	6	6				5 (Bài 2 và 3)	12

2.1. Dữ liệu không gian		3					
2.1.1. Cấu trúc dữ liệu dạng Vector							
2.1.2. Cấu trúc dữ liệu dạng Raster							
2.1.3. So sánh mô hình dữ liệu Vector và Raster							
2.2. Dữ liệu thuộc tính		1					
2.2.1. Khái niệm							
2.2.2. Phân loại							
2.3. Cấu trúc dữ liệu trong GIS		2					
2.3.1. Mô hình phân cấp							
2.3.2. Mô hình mạng lưới							
2.3.3. Mô hình quan hệ							
Chương 3. Mô hình số độ cao – DEM	3	3				2 (Bài 4)	6
3.1. Khái niệm		0,5					
3.2. Các phương pháp biểu thị mô hình số độ cao		1					
3.2.1. Phương pháp hiển thị DEM/TIN							
3.2.2. Phương pháp toán học							
3.2.3. Phương pháp vật thể bản đồ							
3.3. Phương pháp xây dựng mô hình số độ cao		1					
3.4. Các sản phẩm ứng dụng của mô hình số độ cao		0,5					
Chương 4. Chức năng của Hệ thống thông tin địa lý	7	6			1	4 (Bài 5)	14
4.1. Chức năng thu nhận và xuất dữ liệu		1					
4.2. Chức năng phân tích dữ liệu		2					
4.2.1. Chức năng phân tích dữ liệu không gian							
4.2.2. Chức năng phân tích dữ liệu thuộc tính							
4.2.3. Chức năng phân tích hợp nhất dữ liệu không gian và thuộc tính							

4.3. Chức năng phân tích nhiều lớp bản đồ		2					
4.3.1. Định nghĩa							
4.3.2. Quy luật phối hợp các lớp bản đồ							
4.3.3. Các bước thực hiện phân tích nhiều lớp bản đồ							
Chương 5. Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	6		5		1	5 (Bài 6)	12
5.1. Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất và quản lý thuế đất/theo dõi và giám sát tài nguyên rừng (rừng tự nhiên và rừng trồng)			1				
5.2. Ứng dụng GIS xây dựng hệ thống thông tin bất động sản/quản lý lửa rừng			1				
5.3. Ứng dụng GIS trong quy hoạch và quản lý không gian đô thị/quản lý cây xanh đô thị			1				
5.4. Ứng dụng GIS trong đánh giá thoái hóa đất/bảo tồn đa dạng sinh học rừng/biến đổi khí hậu.			1				
5.5. Ứng dụng GIS trong đánh giá tính thích hợp đất đai/ khôi phục rừng/ tiềm năng sử dụng đất/sự thích nghi của các loại cây trồng/qui hoạch sử dụng đất			1				
Tổng	25	18	5		2	20	50

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận): 10% trọng số.

Điểm tham gia học tập trên lớp được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Làm bài kiểm tra lý thuyết sau khi học xong Chương 4.
- Làm bài kiểm tra thực hành sau khi học xong 6 bài tập ở phần Thực hành.

Các bài thực hành và kiểm tra sẽ tính trung bình cộng theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi 1 (dành cho ngành *Quản lý đất đai*): Thi tại phòng máy theo hình thức tự luận và thực hành dựa vào ngân hàng câu hỏi nhằm đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Bài thi gồm có 2 câu lý thuyết (50% số điểm), 1 câu thực hành (50% số điểm).

- Hình thức thi 2 (dành cho ngành *Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và Lâm nghiệp đô thị*): Thi tự luận dựa vào ngân hàng câu hỏi nhằm đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Bài thi gồm 3 câu hỏi, mỗi câu làm trong thời gian 30 phút.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Đối với ngành quản lý đất đai:

1. Trần Thị Phượng (2015), *Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý – GIS*, Nhà xuất bản Đại học Huế.

- Đối với ngành lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng và lâm nghiệp đô thị:

2. Nguyễn Văn Lợi (2011), *GIS trong lâm nghiệp*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Burrough, Peter A. and Rachael McDonnell, P.A, *Principles of Geographical Information Systems (Spatial Information Systems)*, 2nd edition. Oxford Press, 1998.

2. Nguyễn Văn Lợi (2013), *GIS đại cương và phân tích không gian*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Các khái niệm cơ bản của Hệ thống thông tin địa lý - GIS

- 1.1. Định nghĩa GIS
- 1.2. Các thành phần chính của GIS
 - 1.2.1. Phần cứng
 - 1.2.2. Phần mềm
 - 1.2.3. Dữ liệu
 - 1.2.4. Người sử dụng
 - 1.2.5 Phương pháp
- 1.3. Một số ứng dụng của GIS trong các ngành khoa học kinh tế và kỹ thuật

Chương 2. Cấu trúc và mô hình dữ liệu của GIS

- 2.1. Dữ liệu không gian
 - 2.2.1. Cấu trúc dữ liệu dạng Vector
 - 2.2.2. Cấu trúc dữ liệu dạng Raster

- 2.2.3. So sánh mô hình dữ liệu Vector và Raster
- 2.2.4. Chuyển đổi dạng dữ liệu Vector và Raster
- 2.2. Dữ liệu thuộc tính
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phân loại
- 2.3. Cấu trúc dữ liệu trong GIS

Chương 3. Mô hình số độ cao

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Các phương pháp hiển thị mô hình số độ cao
 - 3.2.1. Phương pháp hiển thị DEM/TIN
 - 3.2.2. Phương pháp toán học
 - 3.2.3. Phương pháp vật thể bản đồ
- 3.3. Phương pháp xây dựng mô hình số độ cao
- 3.4. Các sản phẩm ứng dụng mô hình số độ cao

Chương 4. Chức năng Hệ thống thông tin địa lý

- 4.1. Chức năng thu nhận và xuất dữ liệu
- 4.2. Chức năng phân tích
 - 4.2.1. Chức năng phân tích dữ liệu không gian
 - 4.2.3. Chức năng phân tích dữ liệu thuộc tính
 - 4.2.3. Chức năng hợp nhất dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính
- 4.3. Chức năng phân tích nhiều lớp bản đồ
 - 4.3.1. Định nghĩa
 - 4.3.2. Quy luật phối hợp các lớp bản đồ
 - 4.3.3. Các bước thực hiện phân tích nhiều bản đồ

Chương 5. Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên

- 5.1. Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất và quản lý thuế đất/theo dõi và giám sát tài nguyên rừng (rừng tự nhiên và rừng trồng)
- 5.2. Ứng dụng GIS xây dựng hệ thống thông tin bất động sản/quản lý lửa rừng
- 5.3. Ứng dụng GIS trong quy hoạch và quản lý không gian đô thị/quản lý cây xanh đô thị
- 5.4. Ứng dụng GIS trong đánh giá thoái hóa đất/bảo tồn đa dạng sinh học rừng/biến đổi khí hậu.
- 5.5. Ứng dụng GIS trong đánh giá thích hợp đất đai/ khôi phục rừng/ tiềm năng sử dụng đất/sự thích nghi của các loại cây trồng/quy hoạch sử dụng đất.

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Giới thiệu phần mềm chuyên dụng GIS (ArcGIS/Mapinfo)

- Nội dung 1: Tìm hiểu các chức năng và cách sử dụng những công cụ của phần mềm ArcGIS/Mapinfo.
- Nội dung 2: Các công cụ tạo trang trình bày bản đồ.

Bài 2 và 3. Thiết lập cơ sở dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính cho một ứng dụng cụ thể

- Nội dung 1: Thiết lập các lớp dữ liệu không gian (lớp bản đồ đơn tính).
- Nội dung 2: Tích hợp các lớp dữ liệu từ các nguồn dữ liệu khác nhau (dữ liệu từ các phần mềm chuyên dụng GIS khác, tư liệu Viễn thám và dữ liệu GPS).
- Nội dung 3: Nhận dữ liệu thuộc tính đã xây dựng sẵn ở các định dạng của những phần mềm khác có liên quan.

- Nội dung 4: Tạo và loại bỏ trường dữ liệu thuộc tính. Nhập và tính toán các giá trị cho các trường trong bảng thuộc tính :tính diện tích các thửa đất: Liên kết các bảng thuộc tính với nhau (gộp và nối), tạo kết nối nóng; Xử lý ảnh Viễn thám kỹ thuật số như ảnh Landsat/Spot/VnRedsat...*(áp dụng thêm cho sinh viên ngành lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng và lâm nghiệp đô thị).*

Bài 4. Thiết lập mô hình số độ cao DEM/TIN

- Nội dung 1: Tạo bề mặt thực tế từ dữ liệu của nhiều nguồn đầu vào; Xác định đai cao, độ cao ở bất kỳ một vị trí nào trên bề mặt.
- Nội dung 2: Phân tích bề mặt (thiết lập bản đồ đai cao, độ dốc, hướng phơi của địa hình..): Tìm kiếm các giá trị tại một vị trí quan sát trên bề mặt, tính toán diện tích mặt bằng và bề mặt.
- Nội dung 3: Trình bày và hiển thị bề mặt trong không gian 3 chiều.

Bài 5. Thực hiện một số chức năng chính của GIS

- Nội dung 1: Chức năng gộp, chức năng cắt theo vùng quan tâm, chức năng giao nhau và chức năng hợp nhất.
- Nội dung 2: Chức năng truy vấn và tìm kiếm dữ liệu theo các tiêu chí.
- Nội dung 3: Chức năng phân loại lại, khái quát hóa và nội suy.
- Nội dung 4: Chức năng tích hợp/phân tích nhiều lớp bản đồ.

Bài 6. Ứng dụng GIS trong một lĩnh vực cụ thể

Sinh viên sẽ được tổ chức làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một trong số các chuyên đề sau:

- Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất và quản lý thuế đất
- Ứng dụng GIS trong xây dựng hệ thống thông tin bất động sản
- Ứng dụng GIS trong quản lý không gian đô thị
- Ứng dụng GIS theo dõi và giám sát tài nguyên rừng (rừng tự nhiên và rừng trồng)
- Ứng dụng GIS trong quản lý lửa rừng.
- Ứng dụng GIS trong quản lý cây xanh đô thị
- Ứng dụng GIS trong bảo tồn đa dạng sinh học rừng
- Ứng dụng GIS trong biến đổi khí hậu.
- Ứng dụng GIS trong khôi phục rừng.
- Ứng dụng GIS trong đánh giá tiềm năng sử dụng đất lâm nghiệp
- Ứng dụng GIS trong đánh giá sự thích nghi/ phù hợp của các loại cây trồng lâm nghiệp.
- Ứng dụng GIS trong lĩnh vực khác có liên quan.

Kết quả nghiên cứu của các nhóm sẽ được trình bày tại một buổi Seminar chung để chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức trong quá trình nghiên cứu ứng dụng GIS trong công tác quản lý đất đai và quản lý tài nguyên rừng, cây xanh đô thị.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

A. Phụ trách ngành Quản lý đất đai

Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Thị Phượng

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng Bộ môn, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai, Khoa Tài nguyên đất và Môi trường, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, thành phố Huế

Điện thoại, email: 0234 3514516, tranthiphuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng GIS và Viễn thám trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu bất động sản ở định dạng 3D; Ứng dụng GIS và viễn thám trong đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Khánh Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai, Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng Huế; Điện thoại: 01634647777

Email: nguyenhoangkhanhlinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, Mô hình hóa trong quản lý tài nguyên thiên nhiên.

B. Phụ trách ngành Lâm nghiệp, quản lý rừng và lâm nghiệp đô thị

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Văn Lợi

Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường ĐH Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, trường ĐH Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng Huế

Điện thoại, email: 0543515932/0986999132

E-mail: loanloi2010@gmail.com/nguyenvanloi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng GIS và Viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng, dịch vụ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý lửa rừng/biến đổi khí hậu...).

Giảng viên 2:

Họ và tên: Hồ Thanh Hà

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường ĐH Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, trường ĐH Nông lâm Huế, 102 Phùng Hưng Huế

Điện thoại: 0989639171

E-mail: hothanhhaha@huaf.edu.vn

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS Đặng Thái Dương

PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp (Forestry Administrative Professional Knowledge)

- Mã học phần: LHNG23502

- Số tín chỉ: 2

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 20 tiết; Số chương học: 04 chương

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo, bài tập: 10 tiết; Số bài học: bài

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật và chính sách lâm nghiệp (LNGH31402)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính và pháp chế lâm nghiệp, đặc biệt là nghiệp vụ của cán bộ kiểm lâm
- Kỹ năng:
 - + Kỹ năng thu thập và phân tích thông tin.
 - + Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.
- Thái độ
 - + Thực hiện tốt các phẩm chất đạo đức của người được đào tạo và luôn chấp hành tốt những quy tắc, yêu cầu trong công việc.
 - + Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có thái độ đúng đắn trong làm việc nhóm hay làm việc độc lập.
 - + Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ bạn bè.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp như: Tổ chức và hoạt động của kiểm lâm; Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Quy chế quản lý búa bài và búa kiểm lâm; Quy chế kiểm tra, kiểm soát lâm sản...

Các nội dung trên được giới thiệu cho sinh viên thông qua nhiều phương pháp khác nhau như là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, bài tập tình huống, tự nghiên cứu/tự học . . . do đó sinh viên cũng có thể tiếp cận môn học bằng nhiều cách khác nhau

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Tổ chức và hoạt động của kiểm lâm	6	5			1		15
1.1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của kiểm lâm	1	1					
1.2. Hệ thống tổ chức kiểm lâm và quản lý nhà nước đối với kiểm lâm	1	1					
1.3. Quyền hạn và trách nhiệm của công chức kiểm lâm	1	1					
1.4. Kiểm lâm địa bàn cấp xã và cộng tác viên của kiểm lâm	3	2			1		
Chương 2: Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm	5	5					15
2.1. Những quy định chung	1	1					
2.2. Quy định về búa bài cây	2	2					
2.3. Quy định về búa kiểm lâm	2	2					
Chương 3: Quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản	5	5					15
3.1. Những quy định chung	1	1					
3.2. Hồ sơ lâm sản hợp pháp	2	2					
3.3. Kiểm tra nguồn gốc lâm sản	2	2					
Chương 4: Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản	14	4		10			12
4.1. Những vấn đề chung về xử lý vi phạm hành chính	1	1					
4.2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản	13	3		10			
Tổng	30	19		10	1		57

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra - đánh giá định kỳ thông qua 1 bài kiểm tra và làm bài tập:
- + Bài kiểm tra được thực hiện sau khi học xong phần 1.4. Kiểm lâm địa bàn cấp xã và cộng tác viên của kiểm lâm
- + Bài tập được đánh giá sau khi học xong phần .2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi: Vấn đáp; Tự luận (theo thứ tự ưu tiên)
- Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần theo kế hoạch của phòng Đào tạo đại học và chấm thi theo đúng quy định của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục để xác định điểm thi.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bài giảng Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp do nhóm giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ Việt Nam (2013). Nghị định số 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2013 về “Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản”.
2. Chính phủ Việt Nam (2015). Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổ chức và hoạt động của kiểm lâm

1.1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của kiểm lâm

1.2. Hệ thống tổ chức kiểm lâm và quản lý nhà nước đối với kiểm lâm

1.2.1. Hệ thống tổ chức kiểm lâm

1.2.2. Quản lý nhà nước đối với kiểm lâm

1.3. Quyền hạn và trách nhiệm của công chức kiểm lâm

1.3.1. Quyền hạn của công chức kiểm lâm khi thi hành công vụ

1.3.2. Trách nhiệm của công chức kiểm lâm khi thi hành công vụ

1.4. Kiểm lâm địa bàn cấp xã và cộng tác viên của kiểm lâm

1.4.1. Nhiệm vụ của Kiểm lâm địa bàn cấp xã

1.4.2. Cộng tác viên của kiểm lâm

Chương 2: Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm

2.1. Những quy định chung

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1.2. Phương pháp đo, tính khối lượng gỗ tròn, gỗ xẻ

2.1.3. Những hành vi nghiêm cấm

2.2. Quy định về búa bài cây

2.2.1. Mục đích và đối tượng đóng búa bài cây

2.2.2. Quy định về đóng búa bài cây

2.2.3. Trách nhiệm quản lý búa bài cây

2.3. Quy định về búa kiểm lâm

2.3.1. Mục đích và đối tượng đóng búa kiểm lâm

2.3.2. Quy định về đóng búa bài cây

2.3.3. Trách nhiệm quản lý búa bài cây

Chương 3: Quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản

3.1. Những quy định chung

3.1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

3.1.2. Giải thích từ ngữ

3.1.3. Hồ sơ lâm sản và các vấn đề liên quan

3.2. Hồ sơ lâm sản hợp pháp

3.2.1. Hồ sơ nguồn gốc lâm sản

3.2.2. Hồ sơ lâm sản trong lưu thông

3.2.3. Hồ sơ lâm sản trong cơ sở chế biến, kinh doanh, cất trữ

3.3. Kiểm tra nguồn gốc lâm sản

3.3.1. Nguyên tắc kiểm tra lâm sản

3.3.2. Kiểm tra khai thác lâm sản

3.3.3. Kiểm tra lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, nơi cất trữ; cơ sở gây nuôi động vật rừng

3.3.4. Kiểm tra lâm sản trong lưu thông

Chương 4: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

4.1. Những vấn đề chung về xử phạt vi phạm hành chính

4.1.1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

4.1.2. Các biện pháp xử phạt và các biện pháp ngăn chặn để đảm bảo xử lý vi phạm hành chính

4.1.3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

4.1.4. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại

4.2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

4.2.1. Các hành vi vi phạm hành chính và mức độ xử phạt trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hoàng Huy Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế)

Điện thoại: 0914263761

Email: hoanghuytuan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp (Sự phân quyền trong quản lý rừng; Thể chế địa phương; FLEGT); Quản trị rừng; Sinh kế bền vững; Lâm nghiệp cộng đồng; Thích ứng và giảm thiểu với biến đổi khí hậu (REDD+, PFES).

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Vũ Thị Thùy Trang**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế (102 Phùng Hưng, thành phố Huế)

Điện thoại: 0905655905

Email: vuthithuytrang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính Lâm sinh, Lâm nghiệp xã hội, Luật và chính sách trong lâm nghiệp, Đánh giá tác động môi trường, Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp, Cảnh quan đô thị.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

TS. Hoàng Huy Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Quản lý tài nguyên thiên nhiên (Natural resources management)
- Mã học phần: LNGH24002
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian
 - + Lý thuyết: 21 tiết; Số chương: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 09 tiết; Số bài học: 02 bài
- Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã được học học phần Sinh thái và môi trường, Các môn thuộc kiến thức ngành của ngành Quản lý tài nguyên rừng và Lâm nghiệp hoặc môn Cơ sở khoa học môi trường (đối với ngành Khoa học đất)

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Quản lý tài nguyên thiên nhiên đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp và Khoa học đất, như sau:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, sự hiểu biết một cách hệ thống, toàn diện về các loại tài nguyên thiên gắn với ngành nông-lâm nghiệp (tài nguyên rừng, tài nguyên đất và tài nguyên nước). Giúp người học tăng cường hiểu biết các phương thức quản lý tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề môi trường. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp về kỹ thuật, thể chế, chính sách để phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Kỹ năng: Sinh viên phải vận dụng được kiến thức đã được học để phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề về bảo vệ, cải tạo tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
- Thái độ: Tạo ra cho sinh viên thái độ làm việc nghiêm túc, và nhìn nhận đúng vai trò của các loại tài nguyên. Từ đó, họ có năng lực đánh giá và phản biện các hoạt động hay các vấn đề liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên và hướng đến quản lý bảo vệ tài nguyên và môi trường theo hướng bền vững hơn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững, các loại tài nguyên thiên nhiên chính (đất, nước, rừng, biển), và quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững	3	3					
1.1. Tài nguyên thiên nhiên	1	1					
1.2. Phát triển bền vững	1	1					
1.3. Mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững	1	1					
Chương 2. Tài nguyên đất	5	5					
2.1. Khái niệm và phân loại	0,5	0,5					

2.2. Xói mòn và ô nhiễm đất	1	1				
2.3. Các mô hình sử dụng đất bền vững trên thế giới và ở Việt Nam	2	2				
2.4. Tài nguyên đất đai: Xu hướng biến động và những cải cách về thể chế	1,5	1,5				
Chương 3. Tài nguyên nước	3	3				
3.1. Khái niệm và phân loại	1	1				
3.2. Các vấn đề liên quan đến tài nguyên nước	1	1				
3.3. Quản lý và sử dụng tài nguyên nước bền vững	1	1				
Chương 4. Tài nguyên rừng	8	5	3			
4.1. Khái niệm	0,5	0,5				
4.2. Phân loại	1,5	1,5				
4.3. Các nguyên nhân mất rừng và tác hại của phá rừng	1	1				
4.4. Quản lý và sử dụng rừng bền vững	5	2	3			
Chương 5. Tài nguyên biển	2	2				
5.1. Tổng quan tài nguyên, môi trường biển trên thế giới và ở Việt Nam	1	1				
5.2. Quản lý tài nguyên và môi trường biển bền vững	1	1				
Chương 6. Tiếp cận tổng hợp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	9	6	3			
6.1. Xung đột trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	1	1				
6.2. Tương tác sinh thái - xã hội trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	2				
6.3. Các mô hình quản lý tài nguyên thiên nhiên	1	1				
6.4 Công cụ quản lý tài nguyên thiên nhiên	5	2	3			

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Sinh viên sẽ làm tiểu luận theo nhóm và đi thực tế để tìm hiểu hiện trạng sử dụng tài nguyên của một đơn vị hành chính hoặc một cơ sở sản xuất cụ thể. Điểm tiểu luận và báo cáo về chuyến đi thực tế sẽ được tính trung bình cộng và chiếm 20% trọng số.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi: Hình thức thi 1: Tự luận, Hình thức thi 2: Vấn đáp.

Cách đánh giá kết thúc học phần dựa vào kiến thức của sinh viên theo thang điểm 10.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Hồng Mai, Trần Thanh Đức, 2017. *Bài giảng quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Trường Đại học Nông Lâm Huế. (Nơi lưu trữ: Bộ môn LNXH).

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Khoa và cộng sự (2001), *Khoa học môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội. (Nơi lưu trữ: Khoa Tài nguyên Đất và Môi trường).
2. Trần Thanh Đức (chủ biên), Nguyễn Phúc Khoa (2014), *Giáo trình Đất Việt Nam và xây dựng bản đồ đất*, Nhà xuất bản Đại học Huế. (Nơi lưu trữ: Khoa Tài nguyên Đất và Môi trường)
3. Ngô Trí Dũng, 2017. *Quản lý rừng bền vững*. Viện Tài nguyên và Môi trường – Đại học Huế. (Nơi lưu trữ: Khoa Tài nguyên Đất và Môi trường).

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững

1.2. Tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại

1.2. 1.2. Phát triển bền vững

1.3. Mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững

1.2.1. Các khái niệm

1.2.2. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

1.2.3. Quản lý tài nguyên thiên nhiên để tăng trưởng bền vững

1.2.4. Các chương trình cải cách

Chương 2. Tài nguyên đất

2.1. Khái niệm và phân loại

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại

2.2. Xói mòn và ô nhiễm đất

2.2.1. Xói mòn đất

2.2.2. Ô nhiễm đất

2.3. Các mô hình sử dụng đất bền vững trên thế giới và ở Việt Nam

2.4. Tài nguyên đất đai: Xu hướng biến động và những cải cách về thể chế

2.4.1. Xu hướng biến động về đất

2.4.2. Cải cách chính sách và thể chế đất đai.

Chương 3. Tài nguyên nước

3.1. Khái niệm và phân loại

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Phân loại
- 3.1.3. Tình hình sử dụng nước trên thế giới và ở Việt Nam
- 3.2. Các vấn đề liên quan đến tài nguyên nước
 - 3.2.1. Hạn hán
 - 3.2.2. Lũ lụt
 - 3.2.3. Ô nhiễm nguồn nước
- 3.3. Quản lý và sử dụng tài nguyên nước bền vững
 - 3.3.1. Những vấn đề liên quan đến thể chế, chính sách quản lý tài nguyên nước
 - 3.3.2. Các biện pháp hỗ trợ các chương trình cải cách sử dụng tài nguyên nước
- Chương 4. Tài nguyên rừng
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Phân loại
 - 3.3. Các nguyên nhân mất rừng và tác hại của phá rừng
 - 3.3.1. Các nguyên nhân mất rừng
 - 3.3.2. Tác hại của phá rừng
 - 3.4. Quản lý và sử dụng rừng bền vững
 - 3.4.1. Viễn cảnh thể chế, chính sách, kinh tế và xã hội
 - 3.4.2. Viễn cảnh đa dạng sinh học
 - 3.4.3. Các chương trình cải cách
- Chương 5. Tài nguyên biển
 - 5.1. Tổng quan tài nguyên, môi trường biển trên thế giới và ở Việt Nam
 - 5.1.1. Trên thế giới
 - 5.1.2. Việt Nam
 - 5.2. Quản lý tài nguyên và môi trường biển bền vững
 - 5.2.1. Các vấn đề chính trong quản lý tài nguyên biển
 - 5.2.2. Sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển
- Chương 6. Tiếp cận tổng hợp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên
 - 6.1. Xung đột trong quản lý tài nguyên thiên nhiên
 - 6.2. Tương tác sinh thái - xã hội trong quản lý tài nguyên thiên nhiên
 - 6.3. Các mô hình quản lý tài nguyên thiên nhiên
 - 6.3.1. Quản lý lưu vực tổng hợp
 - 6.3.2. Quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng
 - 6.3.2.1. Khái niệm và vai trò của cộng đồng
 - 6.3.2.2. Nguyên tắc quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng
 - 6.3.2.3. Một số vấn đề khác trong quản lý tài nguyên thiên nhiên hiện nay
 - 6.4 Công cụ quản lý tài nguyên thiên nhiên
 - 6.4.1. Công cụ chính sách
 - 6.4.2. Công cụ kinh tế

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Mai

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: 102-Đường Phùng Hưng, thành phố Huế. Điện thoại: 0912711481 Email: nguyenthihongmai@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- (3) Quản lý tài nguyên thiên nhiên (chính sách, thể chế lâm nghiệp, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, , tiếp cận lâm nghiệp cộng đồng)
- (4) Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn (tiếp cận khuyến nông khuyến lâm; Phát triển nông thôn)

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Hợi

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: 102-Đường Phùng Hưng, thành phố Huế.

Điện thoại: 0915088052 ; Email: nguyenhoi@huaf.edu.vn

- (1) Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Thực vật bản địa

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Trần Thanh Đức**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quản lý tài nguyên và Môi trường, Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên và Môi trường, Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp

Điện thoại: 0914 20 24 28; E-mail: tranthanhduduc@huaf.edu.com

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Độ phì đất, môi trường và quản lý tài nguyên

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Văn Thị Yến**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0985.538.378; Email: vanthiyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Đa dạng sinh học và bảo tồn TNTN

Giảng viên 5:

Họ và tên: **Nguyễn Hợi**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp,
trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0915088052

.Email: nguyenhoi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Thực vật rừng, Hình thái phân loại thực vật, Cây cảnh
non bộ, Ứng dụng thực vật trong phong thủy,...

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS TS. Lê Văn An

PGS. TS. Đặng Thái Dương

TS. Nguyễn Thị Hồng Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁC LOẠI RỪNG (Forest Management and Planning)

- Mã học phần: LNGH 25702

- Số tín chỉ: 02

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 26 tiết; Số chương: 4;

+ Thảo luận, bài tập: 4 tiết; Số bài thảo luận: 4; bài tập: 4.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng (LNGH24302), Kỹ thuật lâm sinh (LNGH23002), Thổ nhưỡng (NHOC31082).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Tổ chức và quản lý các loại rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng và ngành Lâm nghiệp như sau:

Kiến thức:

- Nắm vững và áp dụng kiến thức về phát triển tài nguyên rừng bền vững trên 3 phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường;

- Nắm vững và áp dụng kiến thức về quản lý bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp tài nguyên và môi trường rừng phù hợp trên 3 phương diện: pháp lý, lý luận và thực tiễn.

- Nắm vững cơ cấu tổ chức ngành lâm nghiệp và những nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước, quản lý hành chính lâm nghiệp và quản trị rừng.

Kỹ năng:

- Nhận biết được các nguồn tài nguyên, các giá trị, các nhân tố ảnh hưởng và các mối đe dọa đến tài nguyên và môi trường rừng;

- Phân loại được các loại rừng theo mục đích sử dụng;

- Biết lựa chọn tiêu chí, công cụ đánh giá và lựa chọn các ưu tiên trong hoạt động bảo tồn, các lợi thế so sánh trong phát triển tài nguyên rừng;

- Vận dụng đúng kiến thức pháp luật và chính sách lâm nghiệp vào thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

Thái độ:

- Tôn trọng quy chế quản lý của từng đối tượng quản lý và tác nghiệp;

- Ham hiểu biết về kiến thức pháp luật và các nguyên lý trong hoạt động quản lý tài nguyên;

- Có cách nhìn toàn diện cách xử lý hài hòa giữa các nhóm chuyên môn kỹ thuật, quản lý và pháp chế trong tổ chức và quản lý rừng.

- Công bằng, không thiên vị trong ứng xử với các chủ thể quản lý rừng, các loại rừng và dạng tài nguyên.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Tổ chức quản lý các loại rừng (Forest Management and Planning) trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về: Hệ thống phân loại rừng theo mục đích sử dụng tại Việt Nam; Vị trí, chức năng, vai trò của từng loại rừng; Các yếu tố gây tổn hại đến tài nguyên rừng và hướng kiểm soát; Hệ thống các biện pháp quản lý bảo vệ, phục hồi, phát triển rừng và các nguồn tài nguyên khác có liên quan. Nhằm bảo tồn và khai thác có hiệu quả và bền vững các giá trị nhiều mặt của chúng, đáp ứng những nhu cầu và lợi ích chính đáng của con người (chủ rừng, địa phương, đất nước, xã hội).

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp				Thực hành	Tự học	Kiểm tra
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về tổ chức quản lý rừng	<u>5</u>	<u>4</u>	<u>0,5</u>	<u>0,5</u>		<u>12</u>	
1.1. Một số khái niệm về các loại rừng và tổ chức quản lý rừng	1	1				3	
1.2. Những quan điểm và nguyên tắc chủ yếu trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng	2	2				6	
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển ngành lâm nghiệp ở Việt Nam	2	1	0,5	0,5		6	
Chương 2. Tổ chức quản lý rừng phòng hộ	<u>12</u>	<u>10</u>	<u>1</u>	<u>1</u>		<u>30</u>	
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của rừng phòng hộ	2	1	0,5	0,5		3	
2.2. Cơ sở và những biện pháp chủ yếu trong tổ chức quản lý rừng phòng hộ	2	2				6	
2.3. Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn	2	2				6	
2.4. Quản lý rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát	2	2				6	
2.5. Quản lý rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển	2	2				6	
2.6. Quản lý rừng phòng hộ bảo vệ môi trường	2	2				6	
Chương 3. Tổ chức quản lý rừng đặc dụng	<u>8</u>	<u>7</u>	<u>0,5</u>	<u>0,5</u>		<u>21</u>	
3.1. Khái niệm và vị trí của rừng đặc dụng	2	2				6	
3.2. Đặc trưng của hệ thống rừng đặc dụng ở VN	2	2				6	
3.3. Cơ sở và biện pháp tổ chức quản lý rừng đặc dụng	4	3	0,5	0,5		9	
Chương 4. Tổ chức quản lý rừng sản xuất	<u>5</u>	<u>4</u>	<u>0,5</u>	<u>0,5</u>		<u>12</u>	
4.1. Khái niệm và đặc trưng của rừng sản	2	2				6	

xuất							
4.2. Các biện pháp tổ chức và quản lý bảo vệ rừng sản xuất	3	2	0,5	0,5		6	
Tổng	30	26	2	2		75	

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế, cụ thể như sau:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
<10	8
10-<20	6
20-30	4
>30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Kiểm tra – đánh giá định kỳ là kết quả trung bình cộng của 4 bài tập và thảo luận nhóm theo và 1 bài tiểu luận cá nhân. Trong đó, bài thảo luận nhóm ở tiết học đầu tiên, tùy thuộc vào số lượng sinh viên của mỗi nhóm mà giáo viên sẽ chia nhóm từ 5-10 sinh viên. Mỗi nhóm sẽ chuẩn bị 1 chuyên đề và trình bày đánh giá theo từng chương học. Đối với vài tiểu luận cá nhân sẽ nộp và đánh giá vào cuối đợt của môn học.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số).

Thi đánh giá cuối kỳ được thực hiện bằng hình thức thi tự luận. Bộ đề thi được làm từ ngân hàng đề thi theo quy định Trường. Đề thi gồm có 2 câu hỏi, thời gian làm bài trong thời gian 60 phút.

Đề thi kết thúc học phần bao gồm các câu hỏi có các nội dung định hướng cho sinh viên làm bài thi thể hiện theo 6 cấp độ từ thấp đến cao (nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo).

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Trần Minh Đức. *Tổ chức và quản lý các loại rừng*. Bài giảng, Trường Đại học Nông Lâm Huế, 2016.
- Trần Văn Mão (Chủ biên), *Quản lý bảo vệ rừng, tập 1*, Giáo trình – Trường Đại học Lâm nghiệp, 1992.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Ngô Trí Dũng. *Quản lý rừng bền vững*, Bài giảng - Trường Đại học Nông lâm Huế, 2015

- Hoàng Huy Tuấn. *Pháp luật và chính sách lâm nghiệp*. Bài giảng - Trường Đại học Nông lâm Huế,
- Lê Thị Diên. *Pháp luật Môi trường và Lâm nghiệp*. Bài giảng - Trường Đại học Nông lâm Huế, 2011.
- Các văn bản pháp luật Việt Nam:
 - + Các văn bản luật của Quốc hội:
 - *Luật Bảo vệ và phát triển rừng* (2004)
 - *Luật Đất đai* (2013).
 - *Luật Bảo vệ môi trường* (2006).
 - *Luật Đa dạng sinh học* (2008).
 - + Các Nghị định của Chính phủ
 - Nghị định 117/2010/NĐ-CP của Chính phủ về *Tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng*
 - Nghị định 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ về *Chi trả dịch vụ môi trường rừng*
 - Nghị định 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về *Quản lý cây xanh đô thị*
 - Nghị định 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ về *Quy bảo vệ và phát triển rừng*
 - Nghị định 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ về *sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh*
 - + Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
 - Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc *ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp*
 - Quyết định số 120/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc *Phê duyệt “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014 - 2020”*
 - Quyết định số: 17/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ *ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ*
 - Quyết định số 57/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020*
 - Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ *ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng.*
 - Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020.*
 - + Các thông tư của các Bộ và Liên Bộ
 - Thông tư 34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2009 của bộ Nông nghiệp và PTNT về *Quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng*
 - ...

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Những vấn đề chung về tổ chức quản lý rừng

- 1.1. Một số khái niệm về các loại rừng và tổ chức quản lý rừng
 - 1.1.1. Khái niệm về các loại rừng
 - 1.1.1.1. Khái niệm về rừng
 - 1.1.1.2. Hệ thống phân loại rừng
 - 1.1.1.3. Phân loại rừng theo chức năng và mục tiêu sử dụng ở Việt Nam
 - 1.1.2. Khái niệm về quản lý và bảo vệ rừng
 - 1.1.2.1. Quản lý bảo vệ rừng
 - 1.1.2.2. Nhiệm vụ của QLBR
 - 1.1.2.3. Mục tiêu của QLBR
 - 1.2. Những quan điểm và nguyên tắc chủ yếu trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng
 - 1.2.1. Quyền sở hữu và sử dụng rừng
 - 1.2.1.1. Nhà nước
 - 1.2.1.2. Chủ rừng
 - 1.2.2. Nguyên tắc bảo vệ và phát triển rừng
 - 1.2.3. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng
 - 1.2.4. Những hành vi có liên quan đến rừng bị nghiêm cấm
 - 1.2.5. Nguồn kinh phí để bảo vệ và phát triển rừng
 - 1.2.6. Nguyên tắc tổ chức quản lý 3 loại rừng
 - 1.2.6.1. Nguyên tắc chung về tổ chức quản lý rừng
 - 1.2.6.2. Nguyên tắc tiếp cận cụ thể
 - 1.2.6.3. Phân cấp về mức độ xung yếu phòng hộ và đất lâm nghiệp
 - 1.2.6.4. Các hình thức tổ chức quản lý các loại rừng
 - 1.2.7. Thẩm quyền về tổ chức quản lý 3 loại rừng
 - 1.2.8. Thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư, thay đổi mục đích sử dụng 3 loại rừng và chuyển hạng các khu rừng đặc dụng
 - 1.2.9. Phân chia, xác định ranh giới 3 loại rừng
 - 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển ngành lâm nghiệp ở Việt Nam
 - 1.3.1. Lịch sử hình thành ngành lâm nghiệp ở Việt Nam
 - 1.3.1.1. Dưới chế độ Phong kiến
 - 1.3.1.2. Thời kỳ thuộc Pháp (Trước 1945)
 - 1.3.1.3. Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954)
 - 1.3.1.4. Từ sau Hoà bình lập lại đến Thống nhất đất nước (1955-1975)
 - 1.3.1.5. Thời kỳ trước đổi mới (1976-1985)
 - 1.3.1.6. Thời kỳ đổi mới (1986 đến nay)
 - 1.3.2. Các chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia
 - 1.3.3. Những thành tựu, tồn tại và thách thức của ngành lâm nghiệp
- Chương 2. Tổ chức quản lý rừng phòng hộ
- 2.1. Khái niệm và ý nghĩa của rừng phòng hộ

- 2.1.1. Khái niệm về rừng phòng hộ
- 2.1.2. Các loại rừng phòng hộ
- 2.1.3. Ý nghĩa của rừng phòng hộ
- 2.2. Cơ sở và những biện pháp chủ yếu trong tổ chức quản lý rừng phòng hộ
 - 2.2.1. Những cơ sở của hoạt động quản lý bảo vệ rừng phòng hộ
 - 2.2.1.1. Cơ sở pháp lý
 - 2.2.1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn
 - a. Cơ sở lý luận
 - b. Cơ sở thực tiễn
 - 2.2.2. Các biện pháp chủ yếu để tổ chức quản lý rừng phòng hộ
 - 2.2.2.1. Phân chia rừng phòng hộ theo chức năng
 - 2.2.2.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý rừng phòng hộ
 - 2.2.2.1.2. Xây dựng và sử dụng rừng phòng hộ
 - a. Tiêu chí xác lập và phân cấp xung yếu rừng phòng hộ
 - b. Tiêu chuẩn định hình chung cho các khu rừng phòng hộ
 - c. Tiêu chuẩn định hình từng loại rừng phòng hộ
 - d. Đầu tư cho việc quản lý bảo vệ và xây dựng rừng phòng hộ
 - e. Quyền lợi của các hộ nhận khoán tham gia đầu tư xây dựng rừng phòng hộ
 - g. Bảo vệ rừng phòng hộ
 - h. Khai thác tận dụng gỗ, tre nứa, lâm sản trong rừng phòng hộ
 - i. Các hoạt động khác trong rừng phòng hộ
 - k. Hưởng lợi từ rừng phòng hộ
 - l. Kinh phí sự nghiệp và đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ
- 2.3. Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn
 - 2.3.1. Mục tiêu chính
 - 2.3.2. Các nội dung hoạt động chính
 - 2.3.1.1. Quy hoạch sử dụng đất
 - a. Nguyên tắc
 - b. Các nhiệm vụ chính
 - 2.3.1.2. Bảo vệ và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên
 - a. Nguyên tắc
 - b. Nội dung
 - c. Các nhiệm vụ chính
 - 2.3.1.3. Kiểm tra chất thải và phòng chống ô nhiễm
 - a. Kiểm tra chất thải
 - b. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm
 - 2.3.3. Các biện pháp thực hiện
 - 2.3.3.1. Lập kế hoạch quản lý bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn

- a. Quan điểm trong lập kế hoạch
 - b. Tiến trình lập kế hoạch
 - c. Những điểm cần lưu ý khi lập kế hoạch và tổ chức thực hiện
- 2.3.3.2. Các biện pháp quản lý bảo vệ đất và nước
- a. Mục tiêu
 - b. Các biện pháp chính
- 2.4. Quản lý rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát
- 2.4.1. Những đặc điểm cơ bản của rừng phòng hộ chắn gió chắn, chắn cát
- 2.4.1.1. Về vị trí phân bố
 - 2.4.1.2. Về quy mô và cấu trúc
 - 2.4.1.3. Về các tác nhân gây hại
- 2.4.2. Cơ sở khoa học và ý nghĩa của rừng phòng hộ chắn gió chắn, chắn cát
- 2.4.2.1. Cơ sở KH của việc xây dựng rừng phòng hộ chắn gió chắn, chắn cát
 - 2.4.2.2. Ý nghĩa của rừng phòng hộ chắn gió chắn, chắn cát
- 2.4.3. Các giải pháp quản lý bảo vệ rừng chủ yếu
- 2.4.3.1. Mục tiêu
 - 2.4.3.1. Giải pháp
- a. Giải pháp tổ chức
 - b. Giải pháp kỹ thuật
 - c. Các giải pháp giáo dục kết hợp biện pháp hành chính
 - d. Các giải pháp về chính sách
- 2.5. Quản lý rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển
- 2.5.1. Đặc điểm của rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển
- 2.5.1.1. Về vị trí
 - 2.5.1.2. Về đặc điểm lâm phần
- 2.5.2. Ý nghĩa của rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển và sự cần thiết phải quản lý bảo vệ chúng
- 2.5.3. Các tác nhân gây hại và những ảnh hưởng tiêu cực đến rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển
- 2.5.3. Các giải pháp quản lý bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển
- 2.5.3.1. Mục tiêu
 - 2.5.3.2. Nhiệm vụ
 - 2.5.3.3. Các giải pháp chính
- a. Quy hoạch sử dụng đất
 - b. Tổ chức quản lý tài nguyên rừng
 - c. Giải pháp tuyên truyền giáo dục và quản lý hành chính
 - d. Mở rộng liên kết trong quản lý sử dụng các nguồn tài nguyên
 - e. Giải pháp kỹ thuật trong hoạt động chắn sóng, lấn biển

2.6. Quản lý rừng phòng hộ bảo vệ môi trường

2.6.1. Khái niệm

2.6.1.1. Khái niệm về rừng phòng hộ bảo vệ môi trường và lợi ích của chúng

2.6.1.2. Các loại diện tích và lâm phần lục hóa

a. Vành đai xanh

b. Lâm viên/Vườn bách thảo

c. Công viên

d. Công viên trong rừng (hay các trại thiên nhiên/trại văn hóa)

e. Vườn nhỏ

g. Hàng cây to bên đường

2.6.2. Các yếu tố gây tổn hại cho rừng lục hóa

2.6.2.1. Các tác động cơ giới

2.6.2.2. Các tác động vật lý

2.6.2.3. Các ô nhiễm hóa học

2.6.2.4. Các yếu tố sinh vật gây hại

2.6.2.5. Các tổn hại khác

2.6.3. Các giải pháp quản lý bảo vệ

2.6.3.1. Giải pháp tổ chức trong quản lý cây xanh

2.6.3.2. Giải pháp kỹ thuật

a. Quy hoạch, thiết kế cảnh quan

b. Chọn loài cây trồng cho rừng lục hóa

c. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng

d. Biện pháp bảo vệ thực vật

e. Hạ giải, thay thế

2.6.3.3. Giải pháp tuyên truyền- giáo dục ý thức bảo vệ cây xanh

2.6.3.4. Các giải pháp về chính sách

a. Suy tôn cảnh quan

b. Gắn biển danh dự cho cây

c. Khen thưởng

d. Chi trả dịch vụ cảnh quan và môi trường

Chương 3. Tổ chức quản lý rừng đặc dụng

3.1. Khái niệm và vị trí của rừng đặc dụng

3.1.1. Khái niệm chung

3.1.1.1. Khái niệm rừng đặc dụng

3.1.1.2. Các loại rừng đặc dụng

3.1.1.3. Các tiêu chí, tiêu chuẩn cho rừng đặc dụng

a. Tiêu chuẩn chung để lựa chọn một khu rừng đặc dụng

b. Tiêu chí cụ thể cho từng loại rừng đặc dụng

3.1.1.4. Phân khu chức năng của rừng đặc dụng

- a. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt
- b. Phân khu phục hồi sinh thái
- c. Phân khu dịch vụ - hành chính

3.1.1.5. Vùng đệm của rừng đặc dụng

- a. Khái niệm
- b. Diện tích vùng đệm
- c. Các chính sách đối với vùng đệm
- d. Dự án xây dựng và phát triển vùng đệm

3.1.2. Ý nghĩa của rừng đặc dụng

3.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến rừng đặc dụng

- 3.1.3.1. Những yếu tố tích cực
- 3.1.3.1. Những yếu tố tiêu cực

3.2. Đặc trưng của hệ thống rừng đặc dụng ở Việt Nam

3.2.1. Sự hình thành và phát triển của hệ thống rừng đặc dụng ở Việt Nam

3.2.2. Tài nguyên rừng đặc dụng và sự phân vùng địa lý - sinh học

3.2.2.1. Tài nguyên rừng đặc dụng

3.2.2.2. Phân vùng địa lý-sinh học trong bảo tồn tài nguyên rừng

3.2.3. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế- xã hội vùng rừng đặc dụng

3.2.3.1. Về vị trí địa lý

3.2.3.2. Về cư dân- xã hội

3.2.4. Những thành tựu và các mặt yếu kém trong tổ chức quản lý rừng đặc dụng

3.2.4.1. Những thành tựu

3.2.4.2. Những yếu kém và khó khăn trong tổ chức quản lý rừng đặc dụng

3.3. Cơ sở và biện pháp tổ chức quản lý rừng đặc dụng

3.3.1. Cơ sở tổ chức và quản lý rừng đặc dụng

3.3.1.1. Cơ sở pháp lý

3.3.1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

3.3.2. Các biện pháp tổ chức và quản lý rừng đặc dụng

3.3.2.1. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng

3.3.2.2. Các biện pháp tổ chức quản lý và bảo vệ rừng đặc dụng

a. Biện pháp tổ chức

b. Biện pháp hành chính và tuyên truyền

c. Biện pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

d. Các biện pháp chuyên môn - kỹ thuật

Chương 4. Tổ chức quản lý rừng sản xuất

4.1. Khái niệm và đặc trưng của rừng sản xuất

4.1.1.1. Những khái niệm chung:

- 4.1.1.1. Khái niệm rừng sản xuất
- 4.1.1.2. Khái niệm về quản lý bảo vệ rừng sản xuất
 - a. Khái niệm
 - b. Mục tiêu
 - c. Phương hướng
 - d. Các hoạt động chính
- 4.1.2. Ý nghĩa của việc tổ chức quản lý rừng sản xuất
 - 4.1.2.1. Vai trò của rừng sản xuất
 - a. Vai trò cung cấp của rừng sản xuất
 - b. Vai trò phòng hộ, phòng chống thiên tai của rừng sản xuất
 - c. Vai trò dự trữ và ổn định xã hội của rừng sản xuất
 - 4.1.2.2. Ý nghĩa của việc tổ chức quản lý rừng sản xuất
- 4.1.3. Những đặc trưng, thuận lợi và khó khăn trong tổ chức quản lý rừng sản xuất
 - 4.1.3.1. Đặc điểm chung của rừng sản xuất
 - a. Về phân bố
 - b. Về nguồn gốc, trạng thái và cấu trúc
 - c. Về chủ quản lý và quyền sở hữu
 - d. Về mục tiêu sản xuất kinh doanh
 - 4.1.3.2. Những thuận lợi và khó khăn trong tổ chức quản lý rừng sản xuất
 - a. Những thuận lợi
 - b. Những khó khăn chính
- 4.1.4. Các yếu tố gây tổn hại rừng sản xuất
 - 4.1.4.1. Các yếu tố tự nhiên
 - a. Thiên tai
 - b. Dịch hại
 - 4.1.4.2. Các yếu tố kinh tế - xã hội
 - a. Thay đổi mục đích sử dụng
 - b. Khai thác rừng không đúng kỹ thuật
 - c. Phát triển dân số nhanh
 - d. Công tác quản lý bảo vệ rừng kém
 - e. Các hoạt động khác
- 4.2. Các biện pháp tổ chức và quản lý bảo vệ rừng sản xuất.
 - 4.2.1. Những nguyên tắc chung trong tổ chức và quản lý rừng sản xuất
 - 4.2.1.1. Phi tập trung hóa trong quản lý tài nguyên rừng
 - 4.2.1.2. Xã hội hóa công tác quản lý bảo vệ rừng
 - 4.2.1.3. Lấy chủ rừng làm chủ thể trong phân định trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng
 - 4.2.1.4. Phát huy tối đa nguồn nội lực và các nguồn lực khác tại chỗ
 - 4.2.1.5. Tự cân đối trong thu chi (“lấy ngắn nuôi dài”, “lấy rừng nuôi rừng”)

4.2.2. Các phương hướng chính trong tổ chức và phát triển rừng sản xuất

4.2.2.1. Tổ chức sản xuất

- a. củng cố và sắp xếp lại hệ thống lâm trường quốc doanh (nay là các công ty lâm nghiệp)
- b. Đẩy mạnh giao đất giao rừng cho các đối tượng ngoài quốc doanh
- c. Phát triển lâm nghiệp xã hội

4.2.2.2. Phát triển rừng

- a. Trồng rừng kinh tế
- b. Phục hồi rừng tự nhiên nghèo kiệt theo hướng kinh tế
- c. Phát triển lâm sản ngoài gỗ
- d. Khai thác các dịch vụ môi trường từ rừng sản xuất
- e. Chế biến sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ từ rừng sản xuất.

4.2.2.3. Hội nhập trong phát triển và kinh doanh rừng sản xuất

- a. Cơ chế phát triển sạch áp dụng cho rừng sản xuất
- b. Chứng chỉ rừng trong quản lý rừng bền vững

4.2.3. Các biện pháp quản lý bảo vệ và phát triển rừng sản xuất

4.2.3.1. Quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng trong khu vực rừng sản xuất

4.2.3.2. Xây dựng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh

- a. Xây dựng quy trình khai thác, tái sinh rừng hợp lý
- b. Đẩy mạnh sinh trưởng của rừng thông qua những biện pháp tác động vào điều kiện sinh trưởng của chúng (thâm canh rừng);
- c. Đẩy nhanh quá trình khôi phục và hình thành rừng;
- d. Xây dựng, đổi mới và cải thiện triệt để tổ thành rừng bằng cách đưa vào giống cây mọc nhanh, năng suất cao.
- e. Ngăn chặn sự xói mòn đất, sự ô nhiễm đất và nước, cháy rừng...

4.2.3.3. Xây dựng quy ước bảo vệ rừng

4.2.3.4. Xây dựng các phương án phòng cháy – chữa cháy rừng và phòng chống sinh vật hại rừng

4.2.3.5. Tổ chức lực lượng bảo vệ rừng

4.2.3.6. Thực hiện tuần tra bảo vệ rừng, kiểm tra, thanh tra công tác quản lý bảo vệ rừng

4.2.3.7. Xử lý các hành vi vi phạm quy ước bảo vệ rừng và lâm luật

4.2.3.8. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy – chữa cháy rừng

4.2.3. Một số phương thức tổ chức quản lý rừng sản xuất

4.2.1. Công ty lâm nghiệp

4.2.2. Hợp tác xã lâm nghiệp

4.2.3. Cộng đồng dân cư quản lý rừng sản xuất (rừng cộng đồng)

4.2.4. Hộ gia đình nhận rừng, trang trại lâm nghiệp

4.2.5. Các tổ chức nhận hoặc thuê rừng

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Minh Đức

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại Khoa Lâm nghiệp, ĐHNH Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, ĐHNH, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, thành phố Huế

Điện thoại: 054.529137 (CQ) 0914289753 (DD); Email: tranminhduc@huaf.edu.vn;

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):

6. Quản lý sinh vật hại rừng
7. Quản lý lửa rừng;
8. Quản lý tài nguyên thiên nhiên;
9. Tổ chức quản lý các loại rừng;
10. Sâu bệnh hại cây đô thị

Giảng viên 2:

Họ và tên: Lê Thái Hùng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm – Đại học Huế. 102 Phùng Hưng, thành phố Huế.

Điện thoại: 0914.546.557 ; Email: lethaihung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

1. Thực vật học
2. Quản lý tài nguyên thiên nhiên
3. Bảo tồn đa dạng sinh học
4. Lâm sản ngoài gỗ

Giảng viên 3:

Họ và tên: Nguyễn Hợi

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, thành phố Huế.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa Lâm nghiệp, trường Đại học Nông Lâm Huế

Điện thoại: 0915088052; Email: nguyenhoi@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

1. Thực vật rừng,
2. Hình thái phân loại thực vật,
3. Cây cảnh non bộ,
4. Ứng dụng thực vật trong phong thủy,...

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

TS. Trần Minh Đức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Quản lý rừng bền vững (Sustainable Forest Management)
- Mã học phần: LNGH29602
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 20 tiết; Số chương: 4
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết;
- Điều kiện tiên quyết: Lâm sinh, Quản lý tài nguyên thiên nhiên

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Quản lý rừng bền vững đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng và ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức: Nắm vững và Giải thích được vai trò và nhận biết, phân tích được các nội dung của quản lý tài nguyên rừng, chứng chỉ rừng trong phát triển bền vững.
- Kỹ năng: Có kỹ năng phát hiện, nhận biết các tiêu chí, chỉ số đánh giá trong quản lý bền vững tài nguyên rừng, trình tự các bước trong qui trình cấp chứng chỉ rừng; đồng thời có năng lực phân tích, đánh giá các tiêu chí, chỉ số đó.
- Thái độ: Có phương pháp làm việc theo nhóm, cẩn thận, trung thực và chính xác. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học Quản lý rừng bền vững là một môn học tự chọn dành cho sinh viên hai ngành Lâm nghiệp và Quản lý tài nguyên rừng. Môn học giới thiệu cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý tài nguyên rừng theo mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung chính của môn học là từ việc giới thiệu các nội dung cụ thể trong quản lý rừng bền vững như bền vững về phương diện kinh tế - xã hội, về môi trường sinh thái và bền vững trong quá trình phát triển của khoa học và công nghệ; từ đó, hướng tới mục tiêu của quản lý rừng bền vững trong kinh doanh lâm nghiệp là các sản phẩm gỗ được cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao giá trị và vị thế của tài nguyên rừng trong quá trình hội nhập và phát triển của đất nước.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		

Chương 1. Bài mở đầu	3	2	1				10
1.1. Phát triển bền vững và vai trò của lâm nghiệp trong phát triển bền vững		0,5					
1.2. Tài nguyên rừng và những đặc trưng cơ bản của tài nguyên rừng		1,0					
1.3. Khung chính sách – thể chế về quản lý rừng bền vững tài nguyên rừng		0,5					
Chương 2. Quản lý rừng bền vững về kinh tế và xã hội	9	6	2		1		10
2.1. Khái niệm		0,5					
2.2. Quản lý rừng bền vững về kinh tế		2,0					
2.3. Quản lý rừng bền vững về xã hội		2,0					
2.4. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá		1,5					
Chương 3. Quản lý rừng bền vững về môi trường	9	6	2		1		10
3.1. Khái niệm		0,5					
3.2. Quản lý rừng bền vững môi trường sinh thái		3,0					
3.3. Quản lý rừng bền vững hệ sinh thái và đa dạng sinh học		2,5					
Chương 4. Chứng chỉ quản lý rừng bền vững	9	6	2		1		10
4.1. Bối cảnh		0,5					
4.3. Các hệ thống cấp chứng chỉ rừng		2,0					
4.4. Các nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng bền vững của FSC		2,0					
4.5. Chứng chỉ rừng ở Việt Nam		1,5					

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế, cụ thể như sau:

<i>Tỷ lệ (%) số tiết vắng</i>	<i>Điểm chuyên cần</i>
Không vắng	10
<10	8
10-<20	6
20-30	4
>30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Kiểm tra – đánh giá định kỳ là kết quả trung bình cộng của 4 bài thảo luận nhóm, 3 bài kiểm tra và 1 bài tiểu luận cá nhân. Trong đó, bài thảo luận nhóm ở tiết học đầu tiên, tùy thuộc vào số lượng sinh viên của mỗi nhóm mà giáo viên sẽ chia nhóm từ 5-10 sinh viên. Mỗi nhóm sẽ chuẩn bị 1 chuyên đề và trình bày đánh giá theo từng chương học. Đối với vài tiểu luận cá nhân sẽ nộp và đánh giá vào cuối đợt của môn học.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Thi đánh giá cuối kỳ được thực hiện bằng hình thức thi tự luận. Bộ đề thi được làm từ ngân hàng đề thi theo quy định Trường. Đề thi gồm có 2 câu hỏi, thời gian làm bài trong thời gian 60 phút.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Ngô Trí Dũng, 2015. Bài giảng Quản lý rừng bền vững, Trường Đại học Nông lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Phạm Xuân Hoàn và cộng sự (2003). Một số vấn đề trong lâm học nhiệt đới. Chương 3. Sử dụng bền vững tài nguyên rừng; Chương 10. Quản lý tài nguyên nhiệt đới.
- Phạm Xuân Hoàn, Đỗ Anh Tuấn (2009). Quản lý rừng bền vững. Giáo trình ĐHLN, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyễn Ngọc Lung (2002), *Khuyến khích quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam – Triển vọng và thách thức*. Báo cáo Hội thảo quốc gia "Đẩy mạnh quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam", Hà nội, 22 – 23/10/2002.
- Nguyễn Ngọc Lung (2008), *Lộ trình chứng chỉ rừng và kế hoạch thực hiện*. Báo cáo Hội thảo, Cục Lâm nghiệp. Hà Nội
- Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03 tháng 11 năm 2014 về hướng dẫn phương án quản lý rừng bền vững.
- Quyết định 83/QĐ-BNN-TCLN, ngày 12 tháng 1 năm 2016 về việc phê duyệt đề án thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2016-2020.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Bài mở đầu

1.1. Phát triển bền vững và vai trò của lâm nghiệp trong phát triển bền vững

1.1.1. Lý luận về phát triển bền vững

1.1.2. Các thuộc tính trong phát triển bền vững

1.1.3. Vai trò của lâm nghiệp trong phát triển bền vững

1.1.4. Phương pháp tiếp cận trong phát triển bền vững

- 1.2. Tài nguyên rừng và những đặc trưng cơ bản của tài nguyên rừng
 - 1.2.1. Quản lý tài nguyên rừng trên thế giới và Việt Nam
 - 1.2.2. Khái niệm về sử dụng bền vững tài nguyên rừng
 - 1.2.3. Những đặc trưng cơ bản của tài nguyên rừng trong sử dụng rừng bền vững
- 1.3. Khung chính sách – thể chế quản lý rừng bền vững
 - 1.3.1. Khái niệm và cách tiếp cận chung
 - 1.3.2. Trên thế giới (Mỹ, Châu úc, Úc)
 - 1.3.3. Ở Việt Nam

Chương 2: Quản lý rừng bền vững về kinh tế - Xã hội

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Nhận thức chung
 - 2.1.2. Một số định nghĩa
 - 2.1.3. Mối quan hệ giữa quản lý rừng bền vững với phát triển kinh tế - xã hội
- 2.2. Quản lý rừng bền vững về kinh tế
 - 2.2.1. Tái sản xuất mở rộng trong sử dụng tài nguyên rừng
 - 2.2.2. Giá trị kinh tế tổng hợp của tài nguyên rừng
- 2.3. Quản lý rừng bền vững về xã hội nhân văn
 - 2.3.1. Kiến thức bản địa trong quản lý rừng bền vững
 - 2.3.2. Nội dung quản lý rừng bền vững về xã hội nhân văn

Chương 3: Quản lý rừng bền vững về sinh thái

- 3.1. Khái niệm
 - 3.1.1. Nhận thức chung
 - 3.1.2. Một số định nghĩa
- 3.2. Quản lý bền vững môi trường sinh thái
 - 3.2.1. Tài nguyên rừng và vai trò của bảo tồn đất
 - 3.2.2. Vai trò của thủy văn rừng và bảo vệ nguồn nước
 - 3.2.3. Ô nhiễm môi trường và vấn đề mất cân bằng sinh thái
 - 3.2.4. Độ che phủ của rừng và an ninh môi trường
- 3.3. Quản lý bền vững hệ sinh thái và đa dạng sinh học
 - 3.3.1. Nguyên lý chung trong quản lý bền vững hệ sinh thái và đa dạng sinh học
 - 3.3.2. Nội dung quản lý bền vững hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học

Chương 4: Chứng chỉ quản lý rừng bền vững

4. 1. Bối cảnh

4. 1.1. Những vấn đề chung

4.1.2. Thực trạng sản xuất và lưu thông sản phẩm gỗ

4.2. Các hệ thống cấp chứng chỉ rừng

4.2.1. Chứng chỉ rừng PEFC

4.2.2. Chứng chỉ rừng FSC

4.2.3. Các hệ thống cấp chứng chỉ rừng khác (*MTCS, ATFS, LEI*)

4.3. Các nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng bền vững của FSC

4.3.1. Khái quát về mục tiêu, thiết kế, lựa chọn P&C

4.3.2. Bộ chỉ số chung trên thế giới

4.4. Chứng chỉ rừng ở Việt Nam

4.4.1. Bối cảnh quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng ở Việt Nam

4.4.2. Các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá của FSC Việt Nam

4.4.3. Cập nhật hiện trạng cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam

4.4.4. Những cơ hội và thách thức trong thực hiện chứng chỉ rừng ở Việt Nam

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Lê Thái Hùng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm – Đại học Huế. Điện thoại: 0914.546.557 ; Email: lethaihung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

5. Thực vật học
6. Quản lý tài nguyên thiên nhiên
7. Bảo tồn đa dạng sinh học
8. Lâm sản ngoài gỗ

Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Minh Đức

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm – Đại học Huế. Điện thoại: 0914.289.753 ; Email: tranminhduc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

1. Quản lý các loại rừng
2. Lâm sản ngoài gỗ
3. Quản lý sinh vật hại rừng

Giảng viên 3:

Họ và tên: Ngô Trí Dũng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Viện tài nguyên và Môi trường, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: Viện tài nguyên và Môi trường, Điện thoại: 0975.080.974; Email: dzungtringo@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

1. Thực vật rừng
2. Quản lý tài nguyên thiên nhiên
3. Chính sách lâm nghiệp

Giảng viên 4:

Họ và tên: Hồ Thanh Hà

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Điều tra qui hoạch rừng, Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế (từ năm 1995 đến nay)

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp, ĐHNL Huế - 102 Phùng Hưng, TP Huế

Điện thoại: 0989639171, email: hothanhhha@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phân tích chuỗi giá trị nông lâm sản, Quản lý rừng bền vững. Điều tra qui hoạch rừng, Dự báo sản lượng rừng, Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên thiên nhiên

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

Th.S Lê Thái Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA LÂM NGHIỆP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Khuyến lâm (Forestry Extension)

- Mã học phần: LNGH22902

- Số tín chỉ: 02

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 19 tiết; Số chương học: 5 chương

+ Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: bài

- Điều kiện tiên quyết: Để học tốt học phần này sinh viên cần được học trước các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như: Sinh thái rừng (LNGH24302), Lâm nghiệp xã hội (LNGH23302), Nông lâm kết hợp (LNGH23702).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần khuyến lâm đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và ngành Quản lý tài nguyên rừng như sau:

- Kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khuyến lâm, cách tiếp cận và làm việc với cộng đồng.

- Kỹ năng: Giúp cho người học có khả năng hoàn thành các công việc phức tạp trong tiếp cận cộng đồng, chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp và quản lý tài nguyên rừng. Thực hiện tốt việc thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin trong lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển nông thôn để đề xuất các giải pháp hiệu quả. Bên cạnh đó, người học có cơ sở để áp dụng những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thúc đẩy, kỹ năng lắng nghe, lập kế hoạch, viết báo cáo, trình bày... phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, với công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động khuyến lâm.

- Thái độ: Kích thích thái độ học hỏi và tìm tòi trong nghiên cứu và tiếp cận cộng đồng. Phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo. Luôn tiếp cận với khoa học, kỹ thuật tiên tiến và thực tiễn. Có ý thức kỷ luật trong công tác khuyến lâm.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này sẽ trang bị những kiến thức về khuyến lâm như: Lịch sử phát triển của khuyến lâm trên Thế giới, ở Việt Nam và tổng quan về khuyến lâm; Kỹ năng thúc đẩy trong hoạt động khuyến lâm; Các phương pháp khuyến lâm, ưu nhược điểm của các phương pháp và trường hợp ứng dụng của từng phương pháp; Đặc điểm của người lớn tuổi/nông dân và các phương pháp giảng dạy; Thiết kế chương trình các khóa đào tạo ngắn hạn.

Các nội dung trên được giới thiệu cho sinh viên thông qua nhiều phương pháp khác nhau như: Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, bài tập tình huống, tự nghiên cứu/tự học... do đó sinh viên cũng có thể tiếp cận môn học bằng nhiều cách khác nhau.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Giới thiệu chung về khuyến lâm	7.5	5.5	2	0	0	0	0.5
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển khuyến nông lâm trên Thế giới và ở Việt Nam	0.5	0.5					
1.2. Khái niệm khuyến lâm	1	1					
1.3. Mục tiêu của khuyến lâm	0.5	0.5					
1.4. Vai trò của khuyến lâm	0.5	0.5					
1.5. Chức năng của khuyến lâm	0.5	0.5					
1.6. Nguyên tắc hoạt động khuyến lâm	0.5	0.5					
1.7. Nội dung hoạt động của khuyến lâm	0.5	0.5					0.5
1.8. Kiến thức, kỹ năng và thái độ của cán bộ khuyến lâm	3	1	2				
1.9. Hệ thống tổ chức khuyến nông lâm của Việt Nam	0.5	0.5					
Chương 2: Cách tiếp cận trong khuyến lâm	3	3	0	0	0	0	0.5
2.1. Tiếp cận khuyến lâm theo cách truyền thống	1	1					
2.2. Tiếp cận khuyến lâm có sự tham gia	2	2					0.5
Chương 3: Kỹ năng thúc đẩy trong khuyến lâm	8.5	4.5	4	0	0	0	0
3.1. Khái niệm và vai trò của thúc đẩy	0.5	0.5					
3.2. Một số kỹ năng cơ bản hỗ trợ cho quá trình thúc đẩy	7	3	4				
3.3. Một số công cụ thúc đẩy cơ bản	1	1					
Chương 4: Phương pháp khuyến	3	3	0	0	0	0	0

lâm							
4.1. Phương pháp khuyến lâm cá nhân	1	1					
4.2. Phương pháp khuyến lâm nhóm	1	1					
4.3. Phương pháp thông tin đại chúng	1	1					
Chương 5: Tổ chức đào tạo trong khuyến lâm	7	3	4	0	0	0	0
5.1. Việc học của người lớn tuổi	0.5	0.5					
5.2. Đánh giá nhu cầu đào tạo	0.5	0.5					
5.3. Thiết kế chương trình các khóa đào tạo ngắn hạn	5	1	4				
5.4. Đánh giá khóa đào tạo	1	1					

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - < 20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra - đánh giá định kỳ thông qua 3 buổi seminar (thảo luận nhóm):
- + Seminar 1: Sau khi học xong phần 1.8. Kiến thức, kỹ năng và thái độ của cán bộ khuyến lâm
- + Seminar 2: Sau khi học xong phần 3.4. Một số kỹ năng cơ bản hỗ trợ cho quá trình thúc đẩy.
- + Seminar 3: Sau khi học xong phần 5.3. Thiết kế chương trình các khóa đào tạo ngắn hạn.
- Tiêu chí đánh giá buổi thảo luận nhóm:
- + Kết quả thảo luận nhóm: Đánh giá 60% trọng số điểm thảo luận.
- + Trả lời câu hỏi của các nhóm khác và giáo viên: Đánh giá 20% trọng số điểm thảo luận.
- + Góp ý, đặt câu hỏi cho các nhóm khác: Đánh giá 20% trọng số điểm thảo luận.

5.3. Thi - đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hình thức thi: Tự luận

- Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần theo kế hoạch của phòng Đào tạo đại học và chấm thi theo đúng quy định của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục để xác định điểm thi.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội, *Bài giảng khuyến nông khuyến lâm*, Hà Nội, 2002.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Đức Thuận (chủ biên), Phạm Đức Tuấn, Nguyễn Bá Ngãi, *Khuyến lâm (giáo trình Đại học Lâm nghiệp)*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHUYẾN LÂM

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển khuyến lâm trên thế giới và ở Việt Nam

1.1.1. Lịch sử khuyến lâm trên Thế giới

1.1.2. Lịch sử khuyến lâm ở Việt Nam

1.2. Khái niệm khuyến lâm

1.3. Mục tiêu của khuyến lâm

1.4. Vai trò của khuyến lâm

1.4.1. Vai trò của khuyến lâm trong phát triển nông thôn

1.4.2. Vai trò của khuyến lâm trong quá trình từ nghiên cứu đến phát triển lâm nghiệp

1.4.3. Vai trò của khuyến lâm đối với Nhà nước

1.5. Chức năng của khuyến lâm

1.5.1. Nhóm chức năng phải thực hiện

1.5.2. Nhóm chức năng nên thực hiện

1.6. Nguyên tắc hoạt động khuyến lâm

1.6.1. Khuyến lâm cùng làm với dân, không làm thay cho dân

1.6.2. Bình đẳng, dân chủ và tự nguyện

1.6.3. Mang tính chất toàn diện hay liên ngành

1.6.4. Lấy sự thích ứng của địa phương làm nguyên tắc

1.6.5. Khuyến lâm là một công việc đầy tinh thần trách nhiệm

1.6.6. Khuyến lâm hợp tác với những tổ chức phát triển nông thôn khác

1.6.7. Khuyến lâm làm việc với các đối tượng khác nhau

1.7. Nội dung hoạt động của khuyến lâm

1.7.1. Thông tin, tuyên truyền

1.7.2. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1.7.3. Trình diễn và nhân rộng mô hình

1.7.4. Tư vấn và dịch vụ

1.7.5. Hợp tác quốc tế về khuyến lâm

1.8. Kiến thức, kỹ năng và thái độ của cán bộ khuyến lâm

1.8.1. Kiến thức

1.8.2. Kỹ năng

1.8.3. Thái độ

1.9. Hệ thống tổ chức khuyến nông lâm của Việt Nam

1.9.1. Trung tâm khuyến nông Quốc gia

1.9.2. Trung tâm khuyến nông tỉnh

1.9.3. Trạm khuyến nông huyện/thị

1.9.4. Cấp xã

1.9.5. Cấp thôn

1.9.5.1. Làng khuyến nông lâm tự quản

1.9.5.2. Câu lạc bộ khuyến lâm

1.9.5.3. Nhóm hộ sở thích

1.9.5.4. Khuyến lâm viên thôn bản

1.9.6. Các tổ chức tham gia khuyến nông lâm khác

1.9.6.1. Các Viện nghiên cứu, Trung tâm, Trường đại học, Cao đẳng, Doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế tham gia công tác khuyến nông lâm

1.9.6.2. Các Hội, Đoàn thể, các Ban ngành

Chương 2. CÁCH TIẾP CẬN TRONG KHUYẾN LÂM

2.1. Tiếp cận khuyến lâm theo cách truyền thống

2.1.1. Tiếp cận theo mô hình chuyển giao

2.1.2. Tiếp cận theo mô hình trình diễn

2.2. Tiếp cận khuyến lâm có sự tham gia

2.2.1. Tiếp cận theo mô hình khuyến lâm lan rộng

2.2.2. Tiếp cận khuyến nông có sự tham gia (PAEM)

2.2.3. Nhóm nông dân học tập quản lý rừng (FMLG)

2.2.3.1. Quá trình FMLG là gì

2.2.3.2. Vai trò của các bên liên quan trong quá trình FMLG

a. Vai trò của người sử dụng rừng

b. Vai trò của cán bộ thúc đẩy

2.2.4.3. Các bước của quá trình FMLG

Chương 3. KỸ NĂNG THỨC ĐẨY TRONG KHUYẾN LÂM

3.1. Khái niệm và vai trò của thúc đẩy

3.3.1. Thúc đẩy là gì

3.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thúc đẩy

3.3.3. Ý nghĩa của quá trình thúc đẩy

3.3.4. Quá trình thúc đẩy

- 3.3.4.1. Khởi động
- 3.3.4.2. Chọn chủ đề
- 3.3.4.3. Phân tích chủ đề
- 3.3.4.4. Kế hoạch hành động
- 3.3.4.5. Kết thúc

3.2. Một số kỹ năng cơ bản hỗ trợ cho quá trình thúc đẩy

- 3.2.1. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.2.1.1. Mục đích của việc đặt câu hỏi trong thúc đẩy
 - 3.2.1.2. Phân loại câu hỏi
 - 3.2.1.3. Các cấp độ câu hỏi
 - 3.2.1.4. Trình tự đặt câu hỏi trong tập huấn, hướng dẫn lập kế hoạch
 - 3.2.1.5. Cách xử lý các tình huống khi đặt câu hỏi
- 3.2.2. Kỹ năng trình bày
- 3.2.3. Kỹ năng lắng nghe
 - 3.2.3.1. Tại sao các kỹ năng lắng nghe quan trọng đối với cán bộ khuyến lâm
 - 3.2.3.2. Những điều nên và không nên khi lắng nghe
- 3.2.4. Kỹ năng đưa và nhận thông tin phản hồi
 - 3.2.4.1. Thông tin phản hồi là gì
 - 3.2.4.2. Thông tin phản hồi tích cực hay tiêu cực
 - 3.2.4.3. Thông tin phản hồi chủ quan hay khách quan
 - 3.2.4.4. Thông tin phản hồi khẳng định
 - 3.2.4.5. Thông tin phản hồi phát triển
 - 3.2.4.6. Hướng dẫn để đưa ra thông tin phản hồi
 - 3.2.4.7. Hướng dẫn để tiếp nhận thông tin phản hồi
 - 3.2.4.8. Các cách cho phản hồi
- 3.2.5. Kỹ năng trình bày thể
 - 3.2.5.1. Khái niệm
 - 3.2.5.2. Một số nguyên tắc khi viết thể
 - 3.2.5.3. Cách sử dụng thể màu
- 3.2.6. Bảng biểu treo tường
 - 3.2.6.1. Khái niệm
 - 3.2.6.2. Ưu điểm, nhược điểm của bảng biểu treo tường
 - 3.2.6.3. Một số nguyên tắc khi thiết kế các loại bảng biểu treo tường
- 3.2.7. Sơ đồ bảng biểu
 - 3.2.7.1. Khái niệm
 - 3.2.7.2. Ưu điểm, nhược điểm của sơ đồ bảng biểu
 - 3.2.7.3. Những nguyên tắc cơ bản khi sử dụng sơ đồ bảng biểu
 - 3.2.7.4. Gợi ý và lời khuyên khi sử dụng sơ đồ bảng biểu

3.3. Một số công cụ thúc đẩy cơ bản

3.3.1. Các công cụ thu thập ý tưởng

3.3.1.1. Phương pháp Phillip XYZ

3.3.1.2. Phương pháp tia chớp

3.3.1.3. Phương pháp châu cá

3.3.1.4. Phương pháp động não

3.3.2. Các công cụ phân tích ý tưởng

3.3.2.1. Sơ đồ tư duy

3.3.2.2. Sơ đồ 2 mảng

3.3.2.3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)

3.3.2.4. Phân tích sơ đồ 4 mảng

3.3.2.5. Phương pháp phân tích theo mô hình CIPP

3.3.3. Các công cụ lựa chọn ý tưởng

3.3.3.1. Bình bầu đa phương (bỏ phiếu)

3.3.3.2. So sánh cặp (xếp hạng cặp đôi)

3.3.3.3. Ma trận tiêu chí

Chương 4. PHƯƠNG PHÁP KHUYẾN LÂM

4.1. Phương pháp khuyến lâm cá nhân

4.1.1. Khuyến lâm viên đến thăm nông dân

4.1.1.1. Mục đích và ý nghĩa

4.1.1.2. Các bước thực hiện một cuộc viếng thăm nông dân

a. Chuẩn bị cho cuộc viếng thăm

b. Thực hiện cuộc viếng thăm

c. Các công việc tiếp theo sau chuyến viếng thăm

4.1.2. Nông dân đến thăm cơ quan khuyến lâm

4.1.3. Gửi thư

4.1.4. Gọi điện thoại

4.2. Phương pháp khuyến lâm nhóm

4.2.1. Hội họp

4.2.1.1. Mục đích và ý nghĩa

4.2.1.2. Nguyên tắc

4.2.1.3. Các loại cuộc họp

4.2.1.4. Các bước tiến hành cuộc họp

4.2.1.5. Một số lưu ý khi tiến hành cuộc họp

4.2.2. Trình diễn

4.2.2.1. Mục đích

4.2.2.2. Nguyên tắc

4.2.2.3. Các loại trình diễn

- a. Trình diễn phương pháp
- b. Trình diễn kết quả
- 4.2.3. Hội thảo đầu bờ
 - 4.2.3.1. Khái niệm, mục đích và nguyên tắc
 - 4.2.3.2. Các bước thực hiện
 - 4.2.3.3. Một số chú ý khi tổ chức hội thảo đầu bờ
- 4.2.4. Tham quan học tập
 - 4.2.4.1. Khái niệm
 - 4.2.4.2. Mục đích
 - 4.2.4.3. Nguyên tắc
 - 4.2.4.4. Lợi ích của đi tham quan học tập
 - 4.2.4.6. Tổ chức đi tham quan học tập

4.3. Phương pháp thông tin đại chúng

- 4.3.1. Ưu, nhược điểm của phương tiện thông tin đại chúng
 - 4.3.1.1. Ưu điểm
 - 4.3.1.2. Nhược điểm
- 4.3.2. Các loại phương tiện thông tin đại chúng
- 4.3.3. Các trường hợp sử dụng phương tiện thông tin đại chúng
- 4.3.4. Những nguyên tắc sử dụng phương tiện thông tin đại chúng

Chương 5. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRONG KHUYẾN LÂM

5.1. Việc học của người lớn tuổi

- 5.1.1. Khái niệm cơ bản về việc học của người lớn tuổi
- 5.1.2. Đặc điểm chung của các học viên lớn tuổi
- 5.1.3. Cách học của người lớn và vai trò của người giáo viên
 - 5.1.3.1. Cách học của người lớn
 - 5.1.3.2. Vai trò của giáo viên
- 5.1.4. Làm thế nào để giúp người lớn tuổi học một cách tốt nhất

5.2. Đánh giá nhu cầu đào tạo

- 5.2.1. Giới thiệu chu trình đào tạo
- 5.2.2. Vai trò của đánh giá nhu cầu đào tạo
- 5.2.3. Các bước thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo
 - 5.2.3.1. Xác định đối tượng đào tạo và đối tượng điều tra
 - 5.2.3.2. Xác định nội dung điều tra
 - 5.2.3.3. Lựa chọn phương pháp điều tra
 - 5.2.3.4. Tổ chức quá trình điều tra
 - 5.2.3.5. Phân tích và tổng hợp thông tin
 - 5.2.3.6. Hội thảo đánh giá
 - 5.2.3.7. Viết báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo

5.3. Thiết kế chương trình các khóa đào tạo ngắn hạn

5.3.1. Tại sao cần phải thiết kế khóa đào tạo ngắn hạn

5.3.2. Nội dung và phương pháp thiết kế khóa đào tạo ngắn hạn

5.4. Đánh giá khóa đào tạo

5.4.1. Vì sao phải đánh giá khóa đào tạo

5.4.2. Nội dung và mức độ đánh giá khóa đào tạo

5.4.3. Các công cụ đánh giá

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Hoàng Huy Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giảng dạy tại Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 1996

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế. Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0914263761

Email: hoanghuytuan69@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp (Sự phân quyền trong quản lý rừng; Thể chế địa phương; FLEGT); Quản trị rừng; Sinh kế bền vững; Lâm nghiệp cộng đồng; Thích ứng và giảm thiểu với biến đổi khí hậu (REDD+, PFES).

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Nguyễn Duy Phong**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giảng dạy, công tác tại khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 2011.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế. Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0914735999.

Email: nguyenduyphong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp xã hội và tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Điều tra rừng; Quy hoạch cảnh quan đô thị.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

TS. Hoàng Huy Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG MỀM** (Soft skills)
- Mã học phần: KNPT21602
- Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 15 tiết; Số chương học: 3 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 15 tiết; Số bài học: 4 bài
- Điều kiện tiên quyết: không

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Kỹ năng mềm đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho 22 ngành: KHCT, BVTV, RHQ, NH, CN, TY, CBLS, QLR, LNĐT, LN, TS, BHTS, NLTS, QLD, KHĐ, STH, CNTP, KTCK, CĐT, CSHT, KN, PTNT thuộc trường Đại học Nông như sau:

- Kiến thức: Sinh viên được trang bị kiến thức, cơ sở lý luận về kỹ năng mềm và kiến thức cơ bản về một số loại kỹ năng mềm.
- Kỹ năng: Sinh viên được thực hành về các kỹ năng mềm và có khả năng vận dụng kỹ năng mềm vào cuộc sống và công việc gồm: (1) kỹ năng giao tiếp như lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, thuyết phục, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức; (2) Kỹ năng thuyết trình như chuẩn bị, thiết kế được nội dung thuyết trình, thuyết trình tự tin trước đám đông; (3) Kỹ năng làm việc theo nhóm như kỹ năng xây hình thành nhóm, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; (4) Kỹ năng xin việc làm như sinh viên chuẩn bị được bộ hồ sơ xin việc tốt, có khả năng trả lời các câu hỏi tuyển dụng, tình huống trong tuyển dụng.
- Thái độ: Sinh viên tự tin và linh hoạt khi áp dụng các kỹ năng để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống và công việc.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần kỹ năng mềm thuộc khối kiến thức bổ trợ cho chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ở tất cả các ngành học. Học phần này nhằm hướng đến việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để ứng dụng trong học tập, cuộc sống và công việc. Học phần gồm các hợp phần chính: (1) Lý luận về kỹ năng và các loại kỹ năng mềm, (2) Kỹ năng giao tiếp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm, (3) Kỹ năng thuyết trình; và 4) Kỹ năng phỏng vấn tìm việc làm. Học phần kỹ năng mềm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tâm lý của bản thân và người đối diện, cải tạo những thói quen không tốt, vượt qua những trở ngại, vướng mắc, tạo dựng các mối quan hệ theo hướng tích cực. Kỹ năng mềm góp phần quan trọng vào sự thành công của sinh viên sau này.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
	30	15				15	
Chương 1. Tổng quan lý luận về kỹ năng mềm	4	4					
1.1. Các khái niệm cơ bản	1	1					
1.2. Vai trò của kỹ năng mềm	1	1					
1.3. Tiến trình hình thành và phát triển của kỹ năng mềm	1	1					
1.4. Phân loại kỹ năng mềm	1	1					
Chương 2: Các kỹ năng mềm trong nghề nghiệp và quản lý	7	7				15	
2.1. Kỹ năng giao tiếp	2	2				2	
2.2. Kỹ năng thuyết trình	2	2				3	
2.3. Kỹ năng làm việc nhóm	2	2				2	
2.4. Kỹ năng đàm phán	1	1				2	
2.4. Kỹ năng quản lý thời gian	1	1				1	
Chương 3: Kỹ năng xin việc làm	4	4				5	

3.1 Đánh giá khả năng, vị trí và cơ hội việc làm	1	1					
3.2 Chuẩn bị hồ sơ xin việc làm	1	1				1	
3.3 Phỏng vấn xin việc làm	2	2				4	

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Điểm giữa kì được tính trung bình của các bài thực hành.

Điểm giữa kỳ = (Điểm thực hành 1+ bài 2 + bài 3+bài 4) /4

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành cá nhân.
- Dựa vào điểm số theo thang điểm 10
- Hình thức thi: vấn đáp
- Mỗi đề thi gồm có 02 câu: câu 1 được chọn ngẫu nhiên trong 20 câu ở phần I và Câu 2 được chọn trong 20 câu ở phần II.
- Cách tính thang điểm:

Thang điểm	Cấp độ	Tiêu chí
0		Không trả lời được
1	Nhớ	Không nhớ được lý thuyết 0.5 câu
2	Nhớ	Nhớ được lý thuyết 1 câu

3	Nhớ	Nhớ được lý thuyết 1.5 câu
4	Nhớ	Nhớ và liệt kê được lý thuyết của 2 câu hỏi
5	Hiểu	Hiểu được lý thuyết của 1 câu hỏi
6	Hiểu	Hiểu được lý thuyết của 2 câu hỏi
7	Áp dụng	Áp dụng được ví dụ thực tiễn
8	Phân tích	Phân tích được tình huống
9	Đánh giá	Đưa ra được đánh giá
10	Sáng tạo	Sáng tạo trong giải quyết tình huống

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ môn Hệ thống nông nghiệp (2016). *Bài giảng kỹ năng mềm*. Khoa khuyến nông và phát triển nông thôn, trường Đại học Nông Lâm Huế. Khoa Khuyến nông&PTNT.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS Đặng Đình Bôi, 2010. *Kỹ năng làm việc nhóm*. Nhà xuất bản TPHCM của trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Khoa Khuyến nông&PTNT.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010. *Những vấn đề cơ bản trong đào tạo và sử dụng*. Văn phòng thường trực PCMT, Hà Nội. 264 trang. TT TTTV.
3. Thái Trí Dũng, 2005. *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*. Nhà xuất bản Thống kê, TP.HCM. Khoa Khuyến nông&PTNT.
4. Hà Nam Khánh Giao, Phạm Thị Trúc Ly, Nguyễn Thị Quỳnh Giang (2010). *Giáo trình giao tiếp kinh doanh*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, TP.HCM.
5. Khuyến nông&PTNT.Nguyễn Thị Oanh, 2007. *Làm việc theo nhóm*. Nhà xuất bản Trẻ, TP.HCM. Khoa KNPTNT. Khoa Khuyến nông&PTNT.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG MỀM

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1. Kỹ năng

1.1.2. Kiến thức

1.1.3. Sự khác nhau giữa kỹ năng và kiến thức

1.1.4. Sự khác nhau giữa kỹ năng nghề nghiệp/kỹ năng cứng và kỹ năng mềm

1.2. Vai trò của kỹ năng mềm

1.3. Tiến trình hình thành và phát triển của kỹ năng mềm

1.4. Phân loại kỹ năng mềm

Chương 2. CÁC KỸ NĂNG MỀM TRONG NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ

2.1. Kỹ năng giao tiếp

2.1.1. Khái niệm

2.1.1.1. Khái niệm

2.1.1.2. Đặc trưng của giao tiếp

2.1.2. Mục tiêu và vai trò của giao tiếp

2.1.3. Các yếu tố cấu thành quá trình giao tiếp

2.1.4. Các yếu tố gây trở ngại cho quá trình giao tiếp

2.1.5. Phân loại giao tiếp

2.1.5.1. Giao tiếp phi ngôn từ

2.1.5.2. Giao tiếp ngôn ngữ

2.1.6. Các nguyên tắc giao tiếp hiệu quả

2.1.7. Kỹ năng giao tiếp và việc ứng dụng trong nghề nghiệp

2.1.7.1. Giới thiệu

2.1.7.2. Giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp.

2.1.7.3. Giao tiếp và ứng xử với cấp trên

2.2. Kỹ năng thuyết trình

2.2.1. Khái niệm

2.2.1 Mục tiêu và vai trò của thuyết trình

2.2.3. Xây dựng chủ đề thuyết trình

2.2.4. Tiến trình thuyết trình

2.2.3.1. Phân tích tình huống thuyết trình

2.2.3.2. *Xây dựng chủ đề và bài thuyết trình*

2.2.3.3. *Chuẩn bị và thuyết trình thử*

2.2.3.4. *Thực hiện thuyết trình*

2.2.3.5. *Các hoạt động sau thuyết trình*

2.2.5. Các yếu tố gây trở ngại cho quá trình thuyết trình

2.2.6. Phong cách thuyết trình và những yếu tố hỗ trợ thuyết trình thành công

2.2.7. Phân tích khán giả khi chuẩn bị bài thuyết trình

2.2.8. Các nguyên tắc thuyết trình hiệu quả

2.2.9. Kỹ năng thuyết trình trong hoạt động nghề nghiệp

2.3. Kỹ năng làm việc nhóm

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm

2.3.3. Kỹ năng quản lý nhóm

2.3.4. Cách ứng xử với những người có tính cách khác nhau

2.3.5. Các yếu tố tạo nên hiệu quả làm việc nhóm

2.3.6. Các yếu tố cản trở hiệu quả làm việc nhóm

2.4 Kỹ năng đàm phán

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Phương pháp và phong cách đàm phán và thương lượng

2.4.3. Nguyên tắc và nghệ thuật đàm phán và thương lượng

2.4.4. Xây dựng chiến lược đàm phán và thương lượng

2.4.5. Tổ chức đàm phán và thương lượng

2.4.6. Những điều cần tránh khi tham gia đàm phán và thương lượng

2.4.7. Những vụ đàm phán và những bài học thu được

2.5. Kỹ năng quản lý thời gian

2.5.1. Giá trị của thời gian

2.5.2. Khái niệm quản lý thời gian

2.5.3. Nguyên nhân gây lãng phí thời gian

2.5.4. Các nguyên tắc quản lý thời gian hiệu quả

2.5.5. Các công cụ quản lý thời gian hiệu quả

Chương 3: KỸ NĂNG XIN VIỆC LÀM

3.1. Đánh giá khả năng, cơ hội việc làm

3.1.1. Phân tích đánh giá bản thân

3.1.2. Phân tích vị trí và yêu cầu công việc

3.1.3. Tìm kiếm cơ hội việc làm

3.2. Chuẩn bị hồ sơ xin việc làm

3.2.1. Các giấy tờ trong bộ hồ sơ xin việc

3.2.2. Yêu cầu một bộ hồ sơ ấn tượng

3.2.3. Kỹ năng viết đơn xin việc gây ấn tượng

3.2.4. Kỹ năng viết lý lịch cá nhân nổi bật

3.3. Phỏng vấn xin việc làm

3.3.1. Chuẩn bị trước phỏng vấn.

3.3.2. Kỹ năng trả lời phỏng vấn.

3.3.3. Những quy tắc khi phỏng vấn.

3.3.4. Những điều chú ý sau khi tham dự phỏng vấn.

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1: Thực hành kỹ năng giao tiếp

Nội dung: Giáo viên đưa ra tình huống giao tiếp cho các thành viên trong lớp xử lý. Yêu cầu các thành viên viết ra giấy cách thức giải quyết tình huống theo quan điểm cá nhân.

Sản phẩm: Sinh viên thực hành kỹ năng phân tích và xử lý tình huống trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi.

Cách thực hiện: Gọi ngẫu nhiên các nhân trình bày quan điểm, cách giải quyết tình huống

Bài 2: Thực hành kỹ năng thuyết trình + Kỹ năng quản lý thời gian

Nội dung: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ (mỗi nhóm gồm từ 5 sinh viên) để thực hành chủ đề thuyết trình sinh viên tự chọn có thể chủ đề xã hội hoặc chủ đề chuyên ngành.

Sản phẩm: sinh viên phải thiết kế được 1 tài liệu thuyết trình (các slide, các giấy Ao...), thực hành phong cách thuyết trình, thực hành cách phản hồi/hỏi đáp/lắng nghe ý kiến của khán giả, thực hành các giải quyết các tình huống trong và sau khi thuyết trình.

Cách thực hiện: Các nhóm thực hiện thuyết trình trước lớp. Thời lượng thuyết trình là 15 phút chia đều cho các thành viên trong nhóm (khoảng 3 phút/1 thành viên) gọi ngẫu nhiên.

Bài 3: Thực hành kỹ năng làm việc nhóm + Kỹ năng lãnh đạo

Nội dung: Phân nhóm (5 sinh viên). Giao 1 tình huống/sự kiện/hoạt động cho nhóm, các thành viên trong nhóm sẽ được phân các vai trò khác nhau (trưởng nhóm, thư ký, thúc đẩy...). Cả nhóm cùng nhau tương tác để nhóm có thể giải quyết tình huống/sự kiện/hoạt động một cách tốt nhất.

Sản phẩm: Biên bản thảo luận nhóm. Kết quả làm việc nhóm về xử lý tình huống/chủ đề/sự kiện/hoạt động. Bảng đánh giá của cá nhân về quá trình làm việc nhóm (nội dung, thái độ...)

Cách thực hiện: Mỗi nhóm sẽ giải quyết tình huống trong vòng 30 phút tại lớp. Giáo viên giám sát, thúc đẩy sau đó phân tích và nhận xét.

Bài 4: Thực hành kỹ năng xin việc làm

Nội dung 1: Cá nhân chuẩn bị hồ sơ xin việc ở nhà để nộp cho giáo viên, sau đó giáo viên sẽ chọn lọc, phân loại các hồ sơ theo 2 nhóm tốt và kém để đưa ra phân tích cho sinh viên

Nội dung 2: Kỹ năng trả lời phỏng vấn: Trong lớp sẽ chọn ngẫu nhiên 1 số lượng sinh viên nhất định sẽ đóng vai ứng viên đi phỏng vấn, giáo viên sẽ đóng vai nhà tuyển dụng và thực hiện cuộc phỏng vấn trước lớp cho các sinh viên còn lại quan sát. Sau đó GV sẽ đánh giá chung.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Chung

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa KN&PTNT – Trường ĐHNL- Đại Học Huế

Điện thoại: 0987233225, email: nguyenthichung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống nông nghiệp, giới và phát triển, biến đổi khí hậu

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Dạ Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng - Huế

Điện thoại, email: 0916977541, nguyenthidathao@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khuyến nông, giới, phương pháp đào tạo người lớn tuổi.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Phạm Thị Nhung

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa KN&PTNT – Trường ĐHNL- Đại Học Huế

Điện thoại: 0944495372, email: phamthinhung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khuyến nông, sinh kế, quản lý tài nguyên thiên nhiên

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Lê Thị Hồng Phương**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: 2005- đến nay làm việc tại khoa KN&PTNT, ĐHNL Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại, email: lenthongphuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giới và phát triển, sinh kế nông thôn, Biến đổi khí hậu, truyền thông nông thôn.

Giảng viên 5:

Họ và tên: Dương Ngọc Phước

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa KN&PTNT – Trường ĐHNL- Đại Học Huế

Điện thoại: 0905925885, email: duongngocphuoc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý tài nguyên; tổ chức cộng đồng; phát triển nông thôn.

Giảng viên 6:

Họ và tên: Nguyễn Thị Diệu Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa KN&PTNT – Trường ĐHNH- Đại Học Huế

Điện thoại: 0985845374, email: nguyenthidieuhien@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý tài nguyên; tổ chức cộng đồng; phát triển nông thôn.

Giảng viên 7:

Họ và tên: Lê Việt Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa KN&PTNT – Trường ĐHNH- Đại Học Huế

Điện thoại: 01227359506, email: levietlinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý tài nguyên; tổ chức cộng đồng; phát triển nông thôn

Giảng viên 8:

Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng - Huế

Điện thoại, email: nguyentientung@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khuyến nông, thông tin nông nghiệp, đào tạo nông dân

Giảng viên 9:

Họ và tên: **Nguyễn Duy Phong**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm nghiệp xã hội, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 2011.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế. Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0914735999.

Email: nguyenduyphong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lâm nghiệp xã hội và tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Điều tra và sản lượng rừng; Quy hoạch cảnh quan đô thị.

Giảng viên 10:

Họ và tên: **Hoàng Huy Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giảng dạy tại Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế từ năm 1996

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Huế, Số 102 đường Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0914263761

Email: hoanghuytuan69@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Pháp luật và Chính sách lâm nghiệp (Sự phân quyền trong quản lý rừng; Thể chế địa phương; FLEGT); Quản trị rừng; Sinh kế bền vững; Lâm nghiệp cộng đồng; Thích ứng và giảm thiểu với biến đổi khí hậu (REDD+, PFES)

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

(Ký ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

TS. Nguyễn Viết Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Chung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Xây dựng và quản lý dự án (Project planning and management)**
- Mã học phần: KNPT24802
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 20 tiết; Số chương học: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 10 tiết; Số bài học: 2 bài
- Điều kiện tiên quyết: Học phần này sẽ được giảng dạy vào cuối của khoá học nhằm lồng ghép các kiến thức đã học trong suốt chương trình đào tạo vào một khung công việc cụ thể của quản lý dự án.

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Xây dựng và quản lý dự án đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của 20 chương trình đào tạo: KHCT, BVTV, RHQ, NH, CN, TY, CBLS, QLR, LNĐT, LN, TS, BHTS, NLTS, QLĐ, KHĐ, STH, CNTP, KTCK, CĐT, CSHT của trường như sau:

- Kiến thức:
 - + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự án, phân loại dự án và chu trình của một dự án
 - + Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp thiết lập và đề xuất một dự án.
 - + Nâng cao những hiểu biết của sinh viên về những kỹ thuật cơ bản cho việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và quản lý các dự án phát triển nông thôn.
- Kỹ năng: Học phần giúp cho sinh viên một số kỹ năng cần thiết về lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, giám sát dự án và kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Thái độ: Học phần góp phần nâng cao thái độ say mê học hỏi của sinh viên, nâng cao thái độ tiếp cận các vấn đề phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần "Xây dựng và Quản lý dự án" là môn quan trọng nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án phát triển nông thôn (chủ yếu là ở quy mô vừa và nhỏ), loại hình dự án mà hầu hết các sinh viên của nhiều ngành sau khi ra trường thường tiếp cận. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch dự án theo phương pháp có sự tham gia và các kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án. Nội dung chính của học phần bao gồm: (1) Những khái niệm cơ bản về quản lý dự án; (2) Xây dựng dự án; (3) Phân tích và thẩm định dự án; (4) Lập kế hoạch và thực hiện dự án; và (5) Giám sát và đánh giá dự án.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Những khái niệm cơ bản về quản lý dự án	4	4					8
1.1. Khái niệm về dự án		1					
1.2. Phân loại dự án		1					
1.3. Dự án phát triển nông thôn		1					
1.4. Chu trình dự án		1					
1.5. Quản lý dự án		0.5					
1.6. Một số thuật ngữ thường dùng trong quản lý dự án		0.5					
Chương 2: Xây dựng dự án	7	6			1	9	12
2.1. Khái niệm về lập kế hoạch dự án		1					
2.2. Các bước lập kế hoạch dự án		4					
Chương 3: Phân tích và thẩm định dự án	4	4					8
3.1. Phân tích dự án		2					
3.2. Thẩm định dự án		2					
Chương 4: Thực hiện dự án phát triển nông thôn	3	3					6
4.1. Tổ chức bộ máy quản lý dự án		0.5					
4.2. Lập kế hoạch thực hiện		0.5					
4.3. Quản lý thực hiện dự án		1.5					
4.4. Kết thúc dự án		0.5					
Chương 5: Giám sát và đánh giá dự án	3	3					6
5.1. Khái niệm chung		0.5					

5.2 Giám sát dự án		1					
5.3. Đánh giá dự án		1.5					
Tổng cộng	21	20			1	9	40

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 – 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Kiểm tra đánh giá định kỳ: Kiểm tra 1 tiết tính hệ số 1
- Kiểm tra đánh giá qua các bài tập thực hành theo nhóm tính hệ số 2

Điểm kiểm tra chung là trung bình cộng điểm của các kiểm tra 1 tiết và điểm bài tập nhóm theo thang điểm 10 sau khi đã tính hệ số (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành theo nhóm và cá nhân.
- Học phần thi theo hình thức tự luận. Đề thi gồm 2 câu, thời lượng thi 60 phút. Phần đề thi được thiết kế theo 2 phần khối kiến thức. Khối kiến thức lý thuyết (1 câu) đáp ứng các cấp độ chuẩn đầu ra: nhớ, hiểu. Khối kiến thức ứng dụng (1 câu) đáp ứng chuẩn đầu ra: hiểu, áp dụng, phân tích và đánh giá. Điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Hoàng Mạnh Quân (2007), Giáo trình Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Mạnh Quân (2016), Giáo trình quản lý dự án phát triển;
2. Đỗ Kim Chung (2003), Giáo trình Dự án phát triển nông thôn, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội;
3. Từ Quang Phương (2008), Giáo trình quản lý dự án. NXB Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1.1. KHÁI NIỆM VỀ DỰ ÁN

- 1.1.1. Khái niệm về dự án
- 1.1.2. Đặc điểm của dự án
- 1.2. PHÂN LOẠI DỰ ÁN
 - 1.2.1. Phân loại theo mục đích
 - 1.2.2. Phân theo ngành
 - 1.2.3. Phân theo nội dung
 - 1.2.4. Phân loại theo qui mô và phạm vi hoạt động
- 1.3. DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
 - 1.3.1. Khái niệm dự án phát triển nông thôn
 - 1.3.2. Các đặc điểm của dự án phát triển nông thôn
- 1.4. CHU TRÌNH DỰ ÁN
 - 1.4.1. Khái niệm về chu trình của dự án
 - 1.4.2. Các giai đoạn của chu trình dự án
 - 1.4.3. Nội dung cơ bản của từng giai đoạn trong chu trình dự án
- 1.5. Quản lý dự án
 - 1.5.1. Khái niệm về quản lý dự án
 - 1.5.2. Chức năng của quản lý dự án
- 1.6. MỘT SỐ KHÁI NIỆM THƯỜNG DÙNG TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN
 - 1.6.1. Phân biệt các mối quan hệ sau
 - 1.6.2. Một số thuật ngữ thường dùng trong quản lý dự án

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG DỰ ÁN

- 2.1. KHÁI NIỆM VỀ LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN
 - 2.1.1. Khái niệm và các đặc điểm của lập kế hoạch dự án
 - 2.1.1.1. Khái niệm
 - 2.1.1.2. Đặc điểm của lập kế hoạch dự án
 - 2.1.2. Phương pháp lập kế hoạch dự án định hướng theo mục tiêu
- 2.2. CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN THEO PHƯƠNG PHÁP GOPP
 - 2.2.1. Phân tích các bên liên quan của một dự án phát triển nông thôn
 - 2.2.1.1. Khái niệm về các bên liên quan
 - 2.2.1.2. Nội dung phân tích bên liên quan
 - 2.2.2. Phân tích vấn đề
 - 2.2.3. Phân tích mục tiêu
 - 2.2.4. Phân tích các khả năng
 - 2.2.5. Lập kế hoạch dự án theo khung logic
 - 2.2.6. Lập kế hoạch thực hiện dự án
 - 2.2.6.1. Mục đích lập kế hoạch thực hiện dự án
 - 2.2.6.2. Các bước lập kế hoạch thực hiện dự án
- 2.3. Viết đề xuất dự án

- 2.3.1. Những nội dung chính của bản đề xuất dự án
- 2.2.2. Hướng dẫn cách viết các phần trong bản đề xuất dự án

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

3.1. PHÂN TÍCH DỰ ÁN

- 3.1.1. Mục đích của phân tích dự án
- 3.1.2. Phân tích tài chính của dự án
 - 3.1.2.1. Khái niệm phân tích tài chính
 - 3.1.2.2. Các chỉ tiêu phân tích tài chính
- 3.1.3. Phân tích kinh tế, xã hội và môi trường của dự án
- 3.1.4. Sự khác nhau giữa phân tích tài chính và phân tích kinh tế - xã hội, môi trường

3.2. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

- 3.2.1. Khái niệm thẩm định dự án
- 3.2.2. Mục đích, ý nghĩa của thẩm định dự án
- 3.2.3. Sự cần thiết phải thẩm định dự án
- 3.2.4. Yêu cầu đối với thẩm định dự án
- 3.2.5. Nội dung thẩm định dự án
- 3.2.6. Phương pháp thẩm định dự án
- 3.2.7. Quy trình thẩm định dự án

CHƯƠNG 4: THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

4.1. TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- 4.1.1. Hệ thống tổ chức của dự án
- 4.1.2. Chức năng của ban quản lý dự án

4.2. LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN

4.3. QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- 4.3.1. Quản lý tiến độ
- 4.3.2. Quản lý chất lượng
- 4.3.3. Quản lý tài chính
- 4.3.4. Quản lý nhân lực của dự án
- 4.3.5. Quản lý vật tư
- 4.3.6. Quản lý kỹ thuật
- 4.3.7. Quản lý thông tin

4.4. KẾT THÚC DỰ ÁN

CHƯƠNG 5: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

5.1. KHÁI NIỆM CHUNG

- 5.1.1. Phân biệt giám sát và đánh giá dự án
- 5.1.2. Xây dựng chỉ tiêu trong giám sát và đánh giá

5.2. GIÁM SÁT DỰ ÁN

- 5.2.1. Khái niệm về giám sát dự án
- 5.2.2. Chức năng của hoạt động giám sát
- 5.2.3. Nội dung và hình thức giám sát
- 5.3. ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN
- 5.3.1. Vai trò và ý nghĩa của đánh giá dự án
- 5.3.2. Các loại hình đánh giá dự án
- 5.3.3. Nội dung đánh giá dự án
- 5.3.4. Phương pháp đánh giá dự án
- 5.3.5. Thiết kế một kế hoạch đánh giá
- 5.3.6. Tổ chức đánh giá dự án.

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Thu thập thông tin cộng đồng để xác định ý tưởng đề xuất dự án (5 tiết)

Nội dung 1: Xây dựng công cụ và phương pháp thu thập thông tin (1 tiết)

Nội dung 2: Khảo sát thu thập thông tin (4 tiết)

Bài 2. Phân tích ý tưởng và lập kế hoạch dự án (5 tiết)

Nội dung 1: Phân tích vấn đề và mục tiêu dự án (1 tiết)

Nội dung 2: Xây dựng kết quả và hoạt động cho dự án và khung logic (2 tiết)

Nội dung 3: Viết đề xuất dự án (2 tiết)

Cách tổ chức nhóm thực hành: ở tiết học đầu tiên, tùy thuộc vào số sinh viên của mỗi nhóm mà giáo viên sẽ chia nhóm nhỏ (5-10 sinh viên). Mỗi nhóm chuẩn bị và thực hiện các nội dung theo các bài học ở trên. Sản phẩm thực hành theo nhóm có 2 sản phẩm chính gồm: 1 khung logic dự án, 1 bài tiểu luận về đề xuất dự án.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Lê Văn Nam

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa KN-PTNT

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng-TP.Huế; Điện thoại: 0975544966 Email: levannam@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

1) Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao sinh kế và XĐGN cho người dân và PTNT cho các địa phương.

2) Nghiên cứu phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh, thị trường nông sản cho tổ nhóm nông dân; hợp tác xã, kinh tế trang trại.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Ngô Hữu Toàn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn cơ sở, tầng 1, Khoa Thủy sản.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0913439601 Email: ngohuutoan@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng, thức ăn và hóa sinh động vật thủy sản; lập kế hoạch, phát triển cộng đồng.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Ngô Thị Phương Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, tầng 2, Khoa Lâm nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 01238370103 Email: ngothiphuonganh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: lâm nghiệp đô thị, lập kế hoạch, phát triển cộng đồng.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Trương Quang Hoàng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm PTNT miền trung.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0905365135 Email: truongquanghoang@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: phát triển nông thôn; lập kế hoạch, phát triển cộng đồng, phát triển sinh kế.

Giảng viên 5:

Họ và tên: Dương Ngọc Phước

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông và PTNT.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0905925885 Email: duongngocphuoc@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phát triển nông thôn; các mô hình phát triển sinh kế thủy sản, phát triển cộng đồng.

Giảng viên 6:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thành

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khuyến nông và PTNT.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 0961279478 Email: nguyenvanthanh83@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn

Giảng viên 7:

Họ và tên: Lê Hữu Ngọc Thanh

Chức danh, học hàm, học vị: Kỹ sư

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quy hoạch và Kinh tế đất, Khoa TND-MTNN

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: 01667380353; Email: lehuungocthanh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Biến đổi khí hậu (hạn hán, xâm nhập mặn...)
- Ứng dụng GIS và viễn thám
- Chính sách về nông nghiệp, bất động sản.

8. Giảng viên 8:

Họ và tên: Nguyễn Việt Tuấn

Chức danh, học hàm, học vị: TS, Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ Môn Hệ thống nông nghiệp - Khoa KN&PTNT

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng Huế.

Điện thoại: 0914172891 Email: nguyenviettu@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu các hệ thống sản xuất theo vùng, Nghiên cứu các HTSX thích ứng với BĐKH, nghiên cứu về tiếp cận ngành hàng sản xuất theo xu hướng có sự tham gia.

9. Giảng viên 9:

Họ và tên: **Trần Nam Thắng**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến Sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp

Địa chỉ liên hệ: Khoa lâm nghiệp, 102 Phùng Hưng, Tp. Huế Điện thoại: 0912950064
Email: trannamthang.@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, kinh tế tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, lâm nghiệp và phát triển cộng đồng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, REDD+, Quản trị rừng, Lâm nghiệp bền vững, biến đổi khí hậu.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

T.S. Nguyễn Việt Tuấn

Th.S. Lê Văn Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Phương pháp tiếp cận khoa học (Scientific approach)
- Mã học phần: PTNT23002 - Số tín chỉ: 2
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 22 tiết; Số chương học: 5 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 8 tiết; Số bài học: 1 bài
- Điều kiện tiên quyết: *không*

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Phương pháp tiếp cận khoa học đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành khối Nông Lâm Ngư.

(a) Kiến thức:

- Nêu được khái niệm về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Nêu lên được trình tự, các phương pháp thu thập và xử lý thông tin.
- Nêu được thể nào đề tài nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Phân biệt các loại tài liệu khoa học và quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm khoa học.

(b) Kỹ năng:

Hình thành khả năng nghiên cứu khoa học mà trước hết là khả năng biết cách phát hiện vấn đề cần nghiên cứu. Thực hành việc xây dựng các chủ đề nghiên cứu, viết tài liệu trích dẫn.

(c) Thái độ:

Thay đổi cách nhìn nhận về khoa học, cách tiếp cận nghiên cứu khoa học, đồng thời có thái độ trong làm việc nhóm và tính chuyên cần.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần phương pháp tiếp cận khoa học là một môn học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học trong trường Đại học. Môn học này bao gồm những kiến thức cơ bản tiếp cận khoa học đại cương, về các phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, về phương pháp thu thập, xử lý thông tin, nội dung về một đề tài nghiên cứu khoa học và tiến trình thực hiện đề tài

khoa học, ý nghĩa về tài liệu khoa học cũng như cách viết tài liệu khoa học để người học có những bao quát về khoa học và nghiên cứu khoa học, con đường phát triển sự nghiệp tương lai.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1: Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học	4	3	1				8
1.1. Khái niệm về khoa học		0.5					1
1.2. Khái niệm về nghiên cứu khoa học		0.5					1
1.3. Các loại hình nghiên cứu khoa học.		0.5					2
1.4. Phân loại khoa học		0.5	0.5				2
1.5. Công nghệ và quy trình công nghệ		1	0.5				2
Chương 2: Phương pháp thu thập thông tin	4	2	1	1			8
2.1. Thông tin trong nghiên cứu khoa học		0.5					2
2.2. Phân loại thông tin		0.5		1			3
2.3. Phương pháp thu thập thông tin		1	1				3
Chương 3: Phương pháp xử lý thông tin	4	2	1	1			6
3.1. Khái niệm		0.5					1
3.2. Xử lý thông tin định lượng		0.5	1				2
3.3. Xử lý thông tin định tính		1		1			3
Chương 4	5	4	1				12
4.1. Khái niệm về đề tài nghiên cứu khoa học		0.5					2
4.2. Khách thể, đối tượng, phạm vi và mục tiêu nghiên cứu		0.5					2
4.3. Giả thuyết khoa học		0.5					2

4.4. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học		0.5					2
4.5. Các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học		1	0,5				2
4.6. Đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học		1	0,5				2
Chương 5	5	4			1	8	10
5.1. Ý nghĩa của tài liệu khoa học		0.5				2	2
5.2. Các loại tài liệu khoa học		0.5			0.5	2	2
5.3. Ngôn ngữ của tài liệu khoa học		1				2	2
5.4. Trích dẫn khoa học		1				2	2
5.5. Quyền tác giả với sản phẩm và công trình khoa học		1			0.5		2
Tổng	22	15	4	2	1	8	44

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

A. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết và lý thuyết + thực hành

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Điểm này được đánh giá bằng trung bình cộng kết quả 1 bài kiểm tra trên lớp với kết quả của bài tiểu luận. Điểm kiểm tra – đánh giá giữa kỳ được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Học phần phương pháp tiếp cận khoa học thi theo hình thức tự luận. Đề thi gồm 2 câu, thời lượng thi 60 phút. Phần đề thi được thiết kế theo 2 phần khối kiến thức. Khối kiến thức lý thuyết (1 câu) đáp ứng các cấp độ chuẩn đầu ra: nhớ, hiểu. Khối kiến thức ứng dụng (1 câu) đáp

ứng chuẩn đầu ra: hiểu, áp dụng, phân tích và đánh giá. Điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Việt Tuấn (2016), *Bài giảng Phương pháp tiếp cận khoa học*, Trường Đại học Nông Lâm Huế. Khoa KN&PTNT
2. Nguyễn Việt Tuấn, Tôn Thất Chất (2017), *Bài giảng Phương pháp tiếp cận khoa học*, Trường Đại học Nông Lâm Huế, Khoa KNPTNT & Khoa Thủy sản, Đại Học Nông Lâm Huế.
2. Nguyễn Bảo Vệ, Nguyễn Huy Tài (2012), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, Hà Nội. TT TTTV

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Hòa (2006), *Bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Trường Đại học Nông Lâm Huế. TT TTTV
2. Vũ Cao Đàm (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. TT TTTV
3. Bùi Văn Lợi (cb), Lê Đức Ngoan (2016), *Phương pháp tiếp cận nghiên cứu khoa học nông nghiệp*, Đại học Huế. TT TTTV

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học

1.1. Khái niệm về khoa học và nghiên cứu khoa học.

1.1.1. Khái niệm về khoa học

1.1.2 Khái niệm về nghiên cứu khoa học

1.1.2.1. Khái niệm, mục tiêu, chức năng của nghiên cứu khoa học

1.1.2.1. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học

1.1.3. Các loại hình nghiên cứu khoa học

1.1.3.1. Nghiên cứu cơ bản

(a) Nghiên cứu cơ bản thuần túy

(b) Nghiên cứu cơ bản định hướng

1.1.3.2. Nghiên cứu ứng dụng

1.1.3.3. Nghiên cứu triển khai

(a) Triển khai trong phòng

(b) Triển khai đại trà

1.1.3.4. Nghiên cứu thăm dò

1.1.4. Phân loại khoa học

1.2 Công nghệ và qui trình công nghệ

1.2.1. Công nghệ

1.2.2. Phân biệt giữa khoa học và công nghệ

1.2.3. Qui trình công nghệ và chuyển giao.

Chương 2: Phương pháp thu thập thông tin.

2.1. Thông tin trong nghiên cứu khoa học

2.1.1. Khái niệm thông tin

2.1.2. Các tiêu chí đánh giá thông tin

2.2. Phân loại thông tin.

2.2.1. Thông tin định tính

2.2.2. Thông tin định lượng.

2.3. Phương pháp thu thập thông tin

2.3.1. Phương pháp thu thập thông tin phi thực nghiệm

2.3.1.1. Phương pháp tổng quan tài liệu

2.3.1.2. Phương pháp chuyên gia

2.3.1.3. Phương pháp phỏng vấn

2.3.1.4. Phương pháp dùng bảng hỏi

2.3.1.5 Phương pháp Test

2.3.1.6 Các phương pháp khác

2.3.2. Phương pháp thu thập thông tin thực nghiệm

2.3.2.1. Khái niệm chung

2.3.2.2. Phân loại thực nghiệm

2.3.2.3. Các loại thực nghiệm khoa học

(a) Thực nghiệm tự nhiên

(b) Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm

Chương 3: Phương pháp xử lý thông tin

3.1. Khái niệm

3.2. Xử lý các thông tin định lượng

3.2.1 Con số rời rạc

3.2.2 Bảng số liệu

3.2.3 Biểu đồ

3.2.4 Đồ thị

3.3 Xử lý các thông tin định tính.

3.2.1 Xem xét nguồn thông tin và lựa chọn phương pháp.

3.2.2 Mã hóa dữ liệu

3.2.3 Xử lý số liệu sau khi mã hóa

Chương 4: Đề tài nghiên cứu khoa học

4.1. Đề tài nghiên cứu khoa học

4.1.1. Khái niệm, tính chất phân loại.

4.1.1.1. Khái niệm đề tài nghiên cứu khoa học

4.1.1.2. Tính chất của đề tài nghiên cứu khoa học

4.1.1.3. Phân loại đề tài nghiên cứu khoa học

4.1.2. Cơ sở xác định đề tài nghiên cứu

4.1.3. Nhiệm vụ và mục tiêu nghiên cứu.

4.1.4. Đặt tên đề tài nghiên cứu

4.1.4. Cấp độ đề tài nghiên cứu.

4.2 Khách thể, đối tượng phạm vi và mục tiêu nghiên cứu

4.2.1 Khách thể, đối tượng phạm vi nghiên cứu.

4.2.2 Mục tiêu nghiên cứu.

4.3 Trình tự thực hiện đề tài.

4.3.1 Xác định ý tưởng và tên đề tài.

4.3.2 Xây dựng đề cương nghiên cứu

4.3.3 Lập kế hoạch nghiên cứu

4.3.4. Thu thập và xử lý thông tin

4.3.5 Viết báo cáo khoa học

4.3. 6 Bảo vệ và nghiệm thu.

Chương 5: Tài liệu khoa học.

5.1 Ý nghĩa của tài liệu khoa học

5.2 Các loại tài liệu khoa học

5.2.1 Bài báo và báo cáo hội nghị khoa học

5.2.2 Thông báo khoa học.

- 5.2.3 Kỹ yếu khoa học
- 5.2.4 Chuyên khảo khoa học.
- 5.2.5 Sách giáo khoa giáo trình
- 5.3 Ngôn ngữ của tài liệu khoa học.
 - 5.4.1 Văn phong khoa học
 - 5.4.2 Ngôn ngữ toán học
 - 5.4.3 Sơ đồ
 - 5.4.5 Hình vẽ
 - 5.4.5 Ảnh khoa học
- 5.4 Trích dẫn khoa học
- 5.5 Quyền tác giả với sản phẩm và công trình khoa học

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài tập thực hành:

Nội dung 1: Xác định vấn đề khoa học, hình thành đề tài nghiên cứu khoa học.

Nội dung 2: Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học

Nội dung 3: Viết tổng quan nghiên cứu

Nội dung 4: Thiết kế phiếu điều tra

Nội dung 5: Trình bày và bảo vệ đề cương nghiên cứu khoa học

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: **Nguyễn Việt Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Nguyễn Minh Hiếu**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (cần liệt kê để người biết và có định hướng tham gia NCKH):

Giảng viên 3:

Họ và tên: **Lê Tiến Dũng**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (cần liệt kê để người biết và có định hướng tham gia NCKH):

Giảng viên 4:

Họ và tên: **Nguyễn Minh Hoàn**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (cần liệt kê để người biết và có định hướng tham gia NCKH):

Giảng viên 5:

Họ và tên: **Đặng Thái Dương**

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế

Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu):Lâm sinh,trồng rừng, bảo tồn và nghiên cứu nguồn gen.

Giảng viên 6:

Họ và tên: **Nguyễn Tiến Long**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (cần liệt kê để người biết và có định hướng tham gia NCKH):

Giảng viên 7:

Họ và tên: **Nguyễn Quang Lịch**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (cần liệt kê để người biết và có định hướng tham gia NCKH):

Giảng viên 8:

Họ và tên: **Trần Nam Thắng**

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:Email:@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (cần liệt kê để người biết và có định hướng tham gia NCKH):

Giảng viên 9:

Họ và tên: **Tôn Thất Chất**

Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp.

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Khoa Thủy sản.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Huế. Điện thoại: Bàn: 02343528086; Di động: 0912432425, 0963048003.

Email: tonthatchat@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phân loại giáp xác và động vật thân mềm; Kỹ thuật sản xuất giống, ương và nuôi tôm, cá, các loài thủy sản nước lợ, mặn; Phát triển cộng đồng liên quan đến thủy sản; Biến đổi khí hậu đến hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản.

Giảng viên 10:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Truyền**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Hệ thống Nông nghiệp, khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hệ thống Nông nghiệp, khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Điện thoại: 0914.249.789 Email: nguyenngoctruyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: trồng trọt, biến đổi khí hậu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển nông thôn.

Duyệt

Trưởng Khoa

Giảng viên

Hiệu trưởng

(Ký ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

TS. Nguyễn Việt Tuấn

TS. Nguyễn Việt Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Tiếp cận nghề
- Mã học phần: LNGH25501
- Số tín chỉ: 1
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 3 tiết; Số bài học: 2 bài
 - + Thực hành/thực tế: 12 tiết
- Điều kiện tiên quyết: Không.

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Tiếp cận nghề lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

* Kiến thức:

Nhằm giúp sinh viên nắm bắt, tiếp cận tổng quan các thông tin về ngành nghề lâm nghiệp và định hướng nghề nghiệp sớm cho sinh viên theo chương trình được đào tạo ngành lâm nghiệp.

* Kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải hiểu biết được tổng quan về ngành nghề đang được đào tạo; vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị lâm nghiệp và tham quan học tập tại các cơ sở lâm nghiệp.

* Thái độ:

Sinh viên nghiêm túc thực hiện đầy đủ các công việc theo kế hoạch học tập của khoa và nhà trường. Có tinh thần học hỏi cao nhằm tìm hiểu và nắm bắt các thông tin về nghề nghiệp. Yêu ngành đang học, xác định tư tưởng và tập trung học tập ngay từ ngày mới vào trường.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Tiếp cận nghề lâm nghiệp giới thiệu cho sinh viên những thông tin tổng quan về ngành lâm nghiệp, định hướng nghề nghiệp sớm cho sinh viên theo khung chương trình đào tạo. Trong đó tập trung giới thiệu tổng quan về chuyên môn, định hướng học tập của sinh viên theo các lĩnh vực; giới thiệu về vai trò chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động sản xuất của các đơn vị lâm nghiệp. Ngoài ra sinh viên được tham quan thực tế các cơ sở sản xuất những nơi mà sinh viên có thể làm việc sau khi tốt nghiệp như Vườn quốc gia, khu bảo tồn, ban quản lý rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp, các mô hình quản lý rừng... Nội dung của học phần sẽ được phối hợp giảng dạy giữa giảng viên của khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông lâm Huế và cán bộ tại cơ sở có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Tổng quan chuyên môn và định hướng nghề lâm nghiệp	1,5	1,5					7
1.1. Kiến thức chuyên môn ngành lâm nghiệp	0,5	0,5					
1.2. Định hướng nghề nghiệp lâm nghiệp	0,5	0,5					
1.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển lâm nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới	0,5	0,5					
Chương 2. Tổ chức và hoạt động sản xuất lâm nghiệp các cấp	1,5	1,5					8
2.1. Cơ cấu tổ chức ngành lâm nghiệp	0,5	0,5					
2.2. Hoạt động sản xuất ngành lâm nghiệp	0,5	1					
2.3. Tổ chức và hoạt động sản xuất lâm nghiệp ở cấp tỉnh	0,5	0,5					
Chương 3. Tham quan học tập tại cơ sở lâm nghiệp	12					12	
3.1. Tham quan học tập tại công ty lâm nghiệp						6	
3.2. Tham quan học tập tại Ban quản lý rừng đặc dụng và rừng phòng hộ						6	
TỔNG	30	3				12	15

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế. Sinh viên tham gia học phần Tiếp cận nghề lâm nghiệp không được phép vắng. Nếu vắng sẽ không đủ điều kiện dự thi.

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm kiểm tra-đánh giá chiếm 20% trọng số và được tính dựa trên thái độ học tập thực tế của sinh viên ví dụ như đặt câu hỏi, thảo luận trong quá trình học tập trên lớp và tham quan ngoài thực địa hay bài tập kiểm tra do giảng viên yêu cầu.

Lịch kiểm tra, làm tiểu luận do giảng viên và sinh viên thống nhất trên lớp.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

* **Hình thức thi:** Viết bài thu hoạch cá nhân. Sinh viên viết bài thu hoạch cá nhân theo nội dung chương trình bài học và trình bày báo cáo theo quy định đối với học phần.

Bài báo cáo thu hoạch cá nhân lấy điểm cho học phần được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, sau đó sẽ quy đổi theo quy định của nhà trường. Nộp báo cáo thu hoạch cá nhân sau khi kết thúc đợt thực tế và nộp điểm cho Phòng Đào tạo Đại học trong vòng 1 tuần.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bộ NN&PTNT (2006). **Cẩm nang ngành lâm nghiệp. Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và các đối tác.** Website: <http://www.vietnamforestry.org.vn/>
2. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007). *Luật bảo vệ và phát triển rừng.* Luật số 29/2004/QH11 ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2004 và có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 04 năm 2005.
3. Thủ tướng Chính phủ (2006). *Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.* Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ NN&PTNT (2008). **Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020. Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2008/QĐ-BNN ngày 01 tháng 07 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.**

Website:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=54&mode=detail&document_id=76317;

2. Trường Đại học Nông Lâm Huế (2012). *Khung chương trình đào tạo đại học chuyên ngành lâm nghiệp.*

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Tổng quan chuyên môn và định hướng nghề lâm nghiệp (1,5 tiết)

1.1. Kiến thức chuyên môn ngành lâm nghiệp

- Kỹ thuật lâm sinh;
- Quản lý và bảo vệ rừng;
- Điều tra, quy hoạch rừng;
- Lâm nghiệp xã hội.

1.2. Định hướng nghề nghiệp lâm nghiệp

- Cơ hội việc làm sau ra trường;
- Cơ quan tuyển dụng lao động.

1.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển lâm nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới

- Chiến lược nghiên cứu và phát triển lâm nghiệp ở Việt Nam;
- Chiến lược nghiên cứu và phát triển lâm nghiệp trên thế giới.

Chương 2. Tổ chức và hoạt động sản xuất lâm nghiệp các cấp (1,5 tiết)

2.1. Cơ cấu tổ chức ngành lâm nghiệp

- Sơ đồ tổ chức ngành lâm nghiệp từ trung ương đến địa phương;
- Vai trò, chức năng các đơn vị quản lý các cấp.

2.2. Hoạt động sản xuất ngành lâm nghiệp

2.3. Tổ chức và hoạt động sản xuất lâm nghiệp ở cấp tỉnh

PHẦN HỌC TẬP THỰC TẾ

Chương 3: Tham quan học tập tại cơ sở lâm nghiệp (12 tiết)

- 3.1. Tham quan học tập tại công ty lâm nghiệp
- 3.2. Tham quan học tập tại Ban quản lý rừng đặc dụng và rừng phòng hộ

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Phạm Cường

Chức danh, học hàm học vị: GV, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0905 801 501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Kỹ thuật lâm nghiệp, Trồng rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, Lâm sản ngoài gỗ và Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phùng Xuân Linh

Chức danh, học hàm, học vị: NCV, Kỹ sư.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0968701456

Email: Phungxuanlinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Trồng rừng, Kỹ thuật lâm sinh.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

TM. Tập thể Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS. Phạm Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thao tác nghề lâm nghiệp (Skilled Practice)
- Mã học phần: LNGH31283
- Số tín chỉ: 3
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 0 tiết; Số bài học: 0 bài
 - + Thực hành/thực tế: 45 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng (NHOC31082), Sinh lý thực vật (NHOC31022), Thực vật rừng (LNGH25302), Giống cây rừng (LNGH22002), Sinh thái rừng (24302), Trồng rừng (LNGH25803).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Thao tác nghề lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

* Kiến thức:

Vận dụng những kiến thức cơ bản ngành lâm nghiệp để thao tác ngoài thực tế trên cơ sở sử dụng các trang thiết bị chuyên ngành lâm nghiệp.

Tổ chức các kỹ năng làm việc, tiếp cận với cộng đồng trong sử dụng và quản lý rừng.

* Kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải nắm chắc về các nội dung, phương pháp pháp nghiên cứu, rèn luyện thành thạo các kỹ năng thao tác nghề nghiệp trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp và quản lý rừng.

* Thái độ:

Sinh viên nghiêm túc thực hiện đầy đủ các công việc theo kế hoạch học tập của khoa và nhà trường. Có tinh thần học hỏi cao nhằm tìm hiểu và nắm bắt kỹ năng về nghề nghiệp. Kết thúc học phần, sinh viên phải xác định hướng nghiên cứu quan tâm của bản thân để làm tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kế hoạch nghiên cứu thực địa, hiểu biết, sử dụng thành thạo các thiết bị chuyên ngành để vận dụng vào công tác điều tra rừng và nghiên cứu lâm nghiệp. Nắm chắc các thao tác kỹ năng trong sản xuất giống lâm nghiệp và trồng rừng; làm quen với các phương pháp phân tích thống kê và viết một báo cáo kỹ thuật. Từ đây, sinh viên có những định hướng nghiên cứu của bản thân.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Kỹ năng sử dụng trang thiết bị chuyên ngành lâm nghiệp	2					2	5
1.1. Nhóm trang thiết bị quan trắc	0,5					0,5	2
1.2. Nhóm trang thiết bị đo đếm	1					1	2
1.3. Nhóm trang thiết bị hỗ trợ	0,5					0,5	1
Chương 2. Cây rừng	6					6	10
2.1. Phân loại cây rừng	4				1	3	5
2.2. Đánh giá đa dạng sinh học	2					2	5
Chương 3. Sản xuất cây giống lâm nghiệp	22					22	20
3.1. Kỹ thuật xây dựng vườn ươm	6					6	4
3.2. Kỹ thuật gieo ươm	8				1	7	8
3.3. Kỹ thuật nhân giống sinh dưỡng	8					8	8
Chương 4. Thiết kế, trồng rừng và chăm sóc rừng	15					15	15
4.1. Thiết kế trồng rừng	3					3	3
4.2. Kỹ thuật trồng rừng	6				1	5	6
4.3. Chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng	6					6	6
TỔNG	45				3	42	50

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế. Sinh viên tham gia học phần Thao tác nghề lâm nghiệp không được phép vắng. Nếu vắng sẽ không đủ điều kiện dự thi.

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm kiểm tra-đánh giá chiếm 20% trọng số và được tính dựa trên thái độ học tập thực tế của sinh viên bao gồm: thái độ học tập, tuân thủ các quy định trong quá trình học trên thực tế, bài tập kiểm tra cá nhân và báo cáo nhóm về kết quả học tập. Nội dung các bài kiểm tra được thực hiện trong quá trình học tập trên hiện trường.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

* **Hình thức thi:** Kiểm tra thực hành trên hiện trường các nội dung đã học và thi vấn đáp sau đó tính trung bình theo thang điểm 10 để lấy điểm thi đánh giá kết thúc học phần. Trọng số điểm thi thực hành thao tác kỹ thuật rèn nghề là 2 và vấn đáp là 1.

Tiến hành đánh giá kết thúc học phần ngay trên quá trình học tập hiện trường và nộp điểm cho phòng Đào tạo Đại học ngay sau lịch kết thúc đợt thao tác nghề 1 tuần.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Lê Đình Khả, Dương Mộng Hùng, 2003. *Giáo trình Giống cây rừng*. Trường Đại học Lâm nghiệp.

2. Lê Quang Bảo, 2003. *Bài giảng Giống cây rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

3. Bài giảng Giống cây rừng, Trường Đại học Lâm nghiệp, 1992.

4. Đặng Thái Dương, 2011. *Giáo trình Trồng rừng*. Trường Đại học Nông Lâm Huế. NXB Nông nghiệp.

5. Đặng Thái Dương, 1998. *Bài giảng kỹ thuật trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ NN&PTNT (2006). **Cẩm nang ngành lâm nghiệp. Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và các đối tác. Website: <http://www.vietnamforestry.org.vn/>.**

2. Đặng Thái Dương, *Giáo trình trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế 2006. Website:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=54&mode=detail&document_id=76317;

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN HỌC TẬP THỰC TẾ, HIỆN TRƯỜNG

Chương 1: Kỹ năng sử dụng trang thiết bị chuyên ngành lâm nghiệp (2 tiết)

- 1.1. Nhóm trang thiết bị quan trắc
- 1.2. Nhóm trang thiết bị đo đếm
 - 1.2.1. Nhóm trang thiết bị đo kích thước
 - 1.2.2. Nhóm trang thiết bị đo trọng lượng
 - 1.2.3. Nhóm trang thiết bị đo độ ẩm
 - 1.2.4. Nhóm trang thiết bị đo khí tượng
- 1.3. Nhóm trang thiết bị hỗ trợ

Chương 2: Cây rừng (6 tiết)

- 2.1. Phân loại cây rừng
- 2.2. Đánh giá đa dạng sinh học

Chương 3: Sản xuất cây giống lâm nghiệp (22 tiết)

- 3.1. Kỹ thuật xây dựng vườn ươm
 - 3.1.1. Thiết kế vườn ươm
 - 3.1.2. Làm đất vườn ươm
 - 3.1.3. Kỹ thuật làm luống gieo ươm
 - 3.1.4. Kỹ thuật tạo bầu dinh dưỡng
- 3.2. Kỹ thuật gieo ươm
 - 3.2.1. Kỹ thuật xử lý hạt giống
 - 3.2.2. Gieo ươm

- 3.2.3. Chăm sóc cây con sau khi gieo
- 3.3. Kỹ thuật nhân giống sinh dưỡng
 - 3.3.1. Kỹ thuật xây dựng vườn giống (vườn nhân nhanh)
 - 3.3.2. Kỹ thuật cắt cành, cắt hom
 - 3.3.3. Kỹ thuật xử lý hom giâm
 - 3.3.4. Chăm hom và chăm sóc hom giâm

Chương 4. Thiết kế, trồng rừng và chăm sóc rừng (15 tiết)

- 4.1. Thiết kế trồng rừng
 - 4.1.1. Điều tra lập địa
 - 4.1.2. Thiết kế trồng rừng
- 4.2. Kỹ thuật trồng rừng
 - 4.2.1. Kỹ thuật xử lý thực bì
 - 4.2.2. Kỹ thuật làm đất
 - 4.2.3. Trồng cây chính
 - 4.2.3. Trồng dặm
- 4.3. Chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng
 - 4.3.1. Nội dung chăm sóc rừng trồng
 - 4.3.2. Quản lý, bảo vệ rừng trồng

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Phạm Cường

Chức danh, học hàm học vị: GV, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0905 801 501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Kỹ thuật lâm nghiệp, Trồng rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, Lâm sản ngoài gỗ và Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phùng Xuân Linh

Chức danh, học hàm, học vị: NCV, Kỹ sư.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0968701456

Email: Phungxuanlinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Trồng rừng, Kỹ thuật lâm sinh.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

TM. Tập thể Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS. Phạm Cường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ
KHOA LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thực tế nghề lâm nghiệp (Professional Practice)
- Mã học phần: LNGH31346
- Số tín chỉ: 6
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 0 tiết; Số bài học: 0 bài
 - + Thực hành/thực tế: 90 tiết
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng (24302), Trồng rừng (LNGH25803), Kỹ thuật lâm sinh (23002), Điều tra rừng (LNGH21702).

2. Mục tiêu của học phần

Học phần Thực tế nghề lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

*** Kiến thức:**

Giúp sinh viên củng cố những kiến thức cơ bản và thực hành thành thạo các thao tác kỹ thuật trên hiện trường về sinh thái rừng, kỹ thuật giống cây rừng, kỹ thuật trồng rừng, điều tra các chỉ tiêu lâm nghiệp học của rừng, xây dựng các phương án điều chế nuôi dưỡng rừng và biện pháp kỹ thuật lâm nghiệp phù hợp cho các loại rừng khác nhau.

*** Kỹ năng:**

Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải nắm chắc về các nội dung, phương pháp pháp nghiên cứu về lâm nghiệp.

*** Thái độ:**

Sinh viên nghiêm túc thực hiện đầy đủ các công việc theo kế hoạch học tập của khoa và nhà trường. Có tinh thần học hỏi cao nhằm tìm hiểu và thực hành thành thạo các nội dung theo từng chuyên đề học tập. Định hướng được lĩnh vực và chủ đề nghiên cứu cho đề tài tốt nghiệp của mình..

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần học tập thực tế lâm nghiệp nhằm giúp sinh viên vận dụng và củng cố những kiến thức đã học vào thực tế sản xuất. Trong đó, sinh viên thành thạo các kỹ năng thực tế trong tổ chức thực hiện các khối kiến thức chuyên ngành như kỹ thuật giống, trồng rừng, lâm nghiệp, điều tra rừng, xây dựng phương án điều chế và nuôi dưỡng rừng, quản lý bảo vệ rừng và tiếp cận cộng đồng. Những kiến thức, kinh nghiệm và các nghiệp vụ trên thực tiễn là cơ sở giúp sinh viên định hướng và thực hiện tốt đề tài tốt nghiệp, đồng thời phát triển và hoàn thiện chúng sau khi tốt nghiệp và công tác tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Lâm sinh sinh	30					28	
1.1. Thổ nhưỡng	6					6	
1.2. Sinh thái rừng	6					6	
1.3. Giống cây rừng	6					6	
1.4. Trồng rừng	6				1	5	
1.5. Kỹ thuật lâm sinh	6				1	5	
Chương 2. Điều tra và quy hoạch lâm nghiệp	15					14	
2.1. Điều tra rừng	8				1	7	
2.2. Quy hoạch lâm nghiệp	7					7	
Chương 3. Quản lý bảo vệ rừng	15					14	
3.1. Đa dạng sinh học	5				1	4	
3.2. Côn trùng, bệnh hại rừng	4					4	
3.3. Phòng chống cháy rừng	4					4	
3.4. Quản lý khai thác, sử dụng lâm sản	2					2	
Chương 4. Lâm nghiệp xã hội	15					14	
4.1. Đánh giá hệ thống nông lâm kết hợp	6				1	5	
4.2. Quản trị rừng	9					9	
Chương 5. Chuyên môn hoá	15					15	
TỔNG	90				5	85	

Do khối lượng thời gian học phần Thực tế nghề lâm nghiệp rất lớn (90 tiết) và bao gồm nhiều học phần học ở các học kỳ khác nhau, vì vậy thời gian học được chia ra làm hai đợt trong học kỳ. Thời gian phân bổ đầu học kỳ (45 tiết) và cuối học kỳ (45 tiết) để sinh viên thuận lợi trong quá trình học tập lý thuyết tại trường cũng như hoàn thiện nội dung phần chuyên môn hoá.

Đối với Chương 5 (Chuyên môn hoá), sinh viên sẽ chọn các chủ đề nghiên cứu trường hợp cụ thể, làm theo nhóm. Kết quả các chủ đề nghiên cứu có thể kế thừa trong quá trình học các nội dung hoặc tiến hành nghiên cứu mới để viết báo cáo nghiên cứu của nhóm. Các báo cáo trong phần chuyên môn hoá là báo cáo khoa học, làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận về hướng nghiên cứu cũng như cách viết báo cáo nghiên cứu khi làm khoá luận hay báo cáo tốt nghiệp cuối khoá.

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế. Sinh viên tham gia học phần Thao tác nghề lâm nghiệp không được phép vắng. Nếu vắng sẽ không đủ điều kiện dự thi.

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

Cách đánh giá và cho điểm kiểm tra-đánh giá chiếm 20% trọng số và được tính dựa trên thái độ học tập thực tế của sinh viên bao gồm: thái độ học tập, tuân thủ các quy định trong quá trình học trên thực tế, bài tập kiểm tra cá nhân và báo cáo nhóm về kết quả học tập. Nội dung các bài kiểm tra được thực hiện trong quá trình học tập trên hiện trường và được tính trung bình của các nội dung môn học.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

* Hình thức thi:

Đối với các nội dung học từ chương 1 đến chương 4 có 3 hình thức thi được áp dụng tùy thuộc vào các nội dung môn học và giảng viên phụ trách, bao gồm: Thi tự luận, báo cáo và trình bày nhóm hay báo cáo thu hoạch cá nhân.

Đối với nội dung chuyên môn hoá: Đánh giá kết quả bằng báo cáo nghiên cứu chuyên đề theo nhóm.

Điểm thi đánh giá kết thúc học phần được tính trung bình của 5 chương học theo trọng số như sau: Chương 1 (Lâm sinh học) trọng số 2 và các chương còn lại điểm có trọng số 1. Trung bình điểm các phần tính theo trọng số và chia cho 6 ra điểm thi đánh giá kết thúc học phần Thực tế nghề lâm nghiệp.

Tiến hành đánh giá kết thúc học phần ngay trên quá trình học tập hiện trường và nộp điểm cho phòng Đào tạo Đại học ngay sau lịch kết thúc đợt thao tác nghề 1 tuần.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Lê Đình Khả, Dương Mộng Hùng, 2003. *Giáo trình Giống cây rừng*. Trường Đại học Lâm nghiệp.

2. Lê Quang Bảo, 2003. *Bài giảng Giống cây rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

3. Bài giảng Giống cây rừng, Trường Đại học Lâm nghiệp, 1992.

4. Đặng Thái Dương, 2011. *Giáo trình Trồng rừng*. Trường Đại học Nông Lâm Huế. NXB Nông nghiệp.

5. Đặng Thái Dương, 1998. *Bài giảng kỹ thuật trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ NN&PTNT (2006). **Cẩm nang ngành lâm nghiệp. Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và các đối tác.** Website: <http://www.vietnamforestry.org.vn/>.

2. Đặng Thái Dương, *Giáo trình trồng rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Huế 2006.
Website:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=54&mode=detail&document_id=76317;

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN HỌC TẬP THỰC TẾ, HIỆN TRƯỜNG

Chương 1: Lâm sinh học (30 tiết)

1.1. Thổ nhưỡng

1.1.1. Phẫu diện đất

1.1.2. Đánh giá một số đặc điểm lý hoá tính của đất lâm nghiệp

1.2. Sinh thái rừng

1.2.1. Đánh giá cấu trúc rừng

1.2.2. Ảnh hưởng của rừng đến nhân tố môi trường

1.2.3. Tái sinh, sinh trưởng và phát triển rừng

1.3. Giống cây rừng

1.3.1. Chọn lọc cây trội

1.3.2. Chọn giống cây rừng cho các mục đích kinh doanh

1.3.3. Đánh giá chất lượng giống cây trồng rừng

1.4 Trồng rừng

1.4.1. Kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng trồng

1.4.2. Cấu trúc và sinh trưởng rừng trồng

1.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng rừng trồng

1.4.4. Đánh giá hiệu quả rừng trồng

1.5. Kỹ thuật lâm sinh

1.5.1. Chặt nuôi dưỡng rừng

1.5.2. Khai thác và tái sinh rừng

1.5.3. Phục hồi rừng thứ sinh nghèo

Chương 2: Điều tra và quy hoạch lâm nghiệp (15 tiết)

2.1. Điều tra rừng

2.2. Quy hoạch lâm nghiệp

Chương 3: Quản lý bảo vệ rừng (15 tiết)

3.1. Đa dạng sinh học

3.1.1. Phân loại thực vật rừng

3.1.2. Điều tra đánh giá đa dạng sinh học

3.1.3. Bảo tồn đa dạng sinh học tài nguyên rừng

3.2. Côn trùng và bệnh cây rừng

3.2.1. Điều tra côn trùng, bệnh hại

3.2.2. Biện pháp phòng trừ côn trùng, bệnh hại cây rừng

3.3. Phòng chống cháy rừng

3.3.1. Điều tra xác định nguyên nhân cháy rừng

3.3.2. Đánh giá vật liệu cháy dưới tán rừng

3.3.3. Phương pháp phòng cháy rừng

3.3.4. Biện pháp chữa cháy rừng

3.4. Quản lý khai thác, sử dụng lâm sản

3.4.1. Lâm sản gỗ

3.4.2. Lâm sản ngoài gỗ

Chương 4. Lâm nghiệp xã hội

- 4.1. Đánh giá hệ thống nông lâm kết hợp
 - 4.1.1. Sử dụng các công cụ PRA
 - 4.1.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất
 - 4.1.3. Đánh giá hiệu quả sản xuất nông lâm kết hợp
- 4.2. Quản trị rừng
 - 4.2.1. Giao đất giao rừng
 - 4.2.2. Quản lý rừng cộng đồng
 - 4.2.3. Chi trả dịch vụ môi trường rừng

Chương 5. Chuyên môn hoá (15 tiết)

- 5.1. Lâm sinh học
- 5.2. Điều tra và quy hoạch lâm nghiệp
- 5.3. Quản lý bảo vệ rừng
- 5.4. Lâm nghiệp xã hội

Ghi chú: Đối với Chương 5 (Chuyên môn hoá), Sinh viên chỉ chọn một trong 4 lĩnh vực nêu trên và tiến hành chọn một chủ đề cụ thể, quan tâm để tiến hành thu thập số liệu, đánh giá, phân tích kết quả và viết thành một báo cáo nghiên cứu khoa học.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Phạm Cường

Chức danh, học hàm học vị: GV, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0905 801 501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Kỹ thuật lâm nghiệp, Trồng rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, Lâm sản ngoài gỗ và Nông lâm kết hợp.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phùng Xuân Linh

Chức danh, học hàm, học vị: NCV, Kỹ sư.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0968701456

Email: Phungxuanlinh@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Trồng rừng, Kỹ thuật lâm sinh.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

TM. Tập thể Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ThS. Phạm Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Công nghệ sinh học trong chọn tạo giống trồng rừng (*Biotechnology in forest tree breeding*)
- Mã học phần: LNGH29202
- Số tín chỉ:
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 22 tiết; Số chương học: 4 chương
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 8 tiết; Số bài học: 2 bài
- Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các học phần: Hóa sinh thực vật; Giống cây rừng.

2. Mục tiêu của học phần (cần bám sát chuẩn đầu ra và ma trận chung của CTĐT để xác định mục tiêu học phần)

Học phần Công nghệ sinh học trong chọn tạo giống trồng rừng đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức: Giúp sinh viên có kiến thức thay thế tốt nghiệp bao gồm:
 - + Những kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học và các ứng dụng của chúng nhất là trong nuôi cấy mô, chỉ thị phân tử và lập bản đồ liên kết gen.
 - + Đánh giá đa dạng di truyền, khả năng sinh trưởng, khả năng chống chịu của cây lâm nghiệp bằng chỉ thị phân tử, làm cơ sở chọn tạo các dòng cây ưu tú.
 - + Nghiên cứu công nghệ nhân giống In-vitro các dòng, loài cây lâm nghiệp được lựa chọn.
- Kỹ năng: Sinh viên có khả năng
 - + Sử dụng các kiến thức khoa học làm nền tảng lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực Lâm nghiệp hiện đại.
 - + Nắm được một số thao tác và quy trình cơ bản trong công nghệ sinh học thực vật
 - + Cách chọn đối tượng, chọn mẫu, lấy mẫu cây rừng để sử dụng trong nghiên cứu công nghệ sinh học.
 - + Sử dụng hợp lý các sản phẩm công nghệ sinh học trong sản xuất và nghiên cứu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp.
 - + Xây dựng được kỹ năng tự chủ (kỹ năng học, lập kế hoạch, quản lý thời gian...)
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn
- Thái độ: Giúp sinh viên củng cố nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng. Nắm vững kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học trong lâm nghiệp, sinh viên sẽ tự tin áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp; từ đó có thể tự nghiên cứu và có thể đề xuất được những biện pháp kỹ thuật để áp dụng vào thực tế sản xuất lâm nghiệp

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Sử dụng công nghệ sinh học để chọn tạo giống cây trồng lâm nghiệp hiện nay là một hướng đi hết sức cần thiết, rút ngắn được thời gian nghiên cứu đối với cây dài ngày, tạo ra sản phẩm, nâng cao sản lượng, chất lượng gỗ và các lâm sản ngoài gỗ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao thị trường trong nước và thế giới hiện nay. Đặc biệt là theo chứng chỉ rừng (FSC) và các chứng chỉ đảm bảo chất lượng khác. Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên (1) những kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong lâm nghiệp và một số khái niệm liên quan; (2) những kiến thức về các lĩnh vực về công nghệ sinh học được ứng dụng nhiều nhất trong chọn tạo giống cây lâm nghiệp là nuôi cấy mô, chỉ thị phân tử và lập bản đồ liên kết gen; (3) từ đó ứng dụng đánh giá đa dạng di truyền, khả năng sinh trưởng, khả năng chống chịu của cây lâm nghiệp bằng chỉ thị phân tử, làm cơ sở chọn tạo các dòng cây ưu tú, và (4) nghiên cứu công nghệ nhân giống In-vitro các dòng, loài cây lâm nghiệp được lựa chọn.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		
Chương 1. Mở đầu	3	2	1				
1.1. Khái quát về công nghệ sinh học	1,5	1	0,5				
1.2. Một số kết quả ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống cây lâm nghiệp	1,5	1	0,5				
Chương 2. Nuôi cấy mô và cải thiện giống cây rừng	9	6	2,5		0,5		
2.1. Cơ sở di truyền của nuôi cấy mô tế bào	1,25	1	0,25				
2.2. Những điều cần lưu ý trong nuôi cấy mô tế bào	1,25	1	0,25				
2.3. Nuôi cấy đỉnh phân sinh làm sạch virus	1,25	1	0,25				
2.4. Nuôi cấy phôi trong chọn giống	1,25	1	0,25				
2.5. Nuôi cấy bầu nhụy và noãn	0,75	0,5	0,25				
2.6. Thụ tinh in-vitro	0,5	0,25	0,25				
2.7. Cây đơn bội và nuôi cấy bao phấn	0,75	0,5	0,25				
2.8. Nuôi cấy bào tử (hạt phấn)	0,5	0,25	0,25				
2.9. Hạt nhân tạo	0,5	0,25	0,25				
2.10. Lai tế bào soma	0,5	0,25	0,25				
Chương 3. Chỉ thị phân tử và lập bản đồ liên kết gen	8	5	2,5		0,5		
3.1. Điểm lại những khái niệm di truyền liên quan	1,5	1	0,5				
3.2. Khái niệm và các loại chỉ thị	1,5	1	0,5				
3.3. Các loại chỉ thị DNA	1,5	1	0,5				
3.4. Những ưu điểm khi dùng các chỉ thị DNA đánh dấu gen trong chọn giống	1,5	1	0,5				

3.5. Trình tự các bước ứng dụng chỉ thị DNA đánh dấu gen	1,5	1	0,5				
Chương 4. Ứng dụng công nghệ sinh học chọn tạo cây keo lá liềm	10	6				4	12
4.1. Điều tra, đánh giá nguồn vật liệu giống keo lá liềm làm cơ sở để thu thập và tuyển chọn giống canh tác.		2				2	2
4.1.1. Điều tra nguồn vật liệu giống dựa trên các tiêu chí sinh trưởng		1				1	1
4.1.2. Tuyển chọn và hình thành hồ sơ nguồn vật liệu giống		1				1	1
4.2. Tuyển chọn các dòng keo lá liềm ưu tú dựa trên đặc điểm sinh lý (khả năng chịu nóng, chịu hạn) và đặc điểm sinh trưởng.		2				2	2
4.2.1. Cơ sở đánh giá khả năng chịu nóng của keo lá liềm		0,5					2
4.2.2. Cơ sở đánh giá khả năng chịu hạn của keo lá liềm		0,5					1
4.2.3. Tuyển chọn dòng keo lá liềm dựa trên đặc điểm sinh lý và đặc điểm sinh trưởng		1				2	1
4.3. Đánh giá đa dạng di truyền và khả năng chống chịu bằng các chỉ thị phân tử làm cơ sở cho việc tuyển chọn các dòng keo ưu tú.		1					1
4.4. Nghiên cứu quy trình chọn giống cây keo lá liềm bằng các marker phân tử.		1					1

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (chiếm 10% trọng số)

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ (chiếm 20% trọng số)

- Điểm chuẩn bị bài ở nhà, thái độ học tập có trọng số 5%.
- Điểm kiểm tra giữa học phần, thảo luận có trọng số 17,5%.
- Điểm đánh giá thực hành có trọng số 7,5%.

5.3. Thi – đánh giá kết thúc học phần (chiếm 70% trọng số)

Hình thức thi: **Trắc nghiệm** với các câu hỏi thỏa mãn đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 6 cấp độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được người học một cách công bằng và rõ ràng theo thang điểm.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc: Bài giảng *Công nghệ sinh học trong chọn tạo giống trồng rừng* của PGS.TS. Đặng Thái Dương và Th.S Đinh Thị Hương Duyên

6.2. Tài liệu tham khảo: Giáo trình *Công nghệ sinh học thực vật* của Trần Thị Lệ, Trần Thị Triều Hà, Trương Thị Bích Phượng, 2008, NXB Nông nghiệp Hà Nội; *Hướng dẫn triển khai chương trình công nghệ sinh học nông nghiệp đến năm 2020* của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2009, NXB Nông nghiệp Hà Nội; *Công nghệ sinh học trong cải tiến giống cây trồng*, 1997, Lê Trần Bình, Hồ Hữu Nghi, Lê Thị Muội- Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, NXB Nông nghiệp Hà Nội. Đặng Thái Dương, Báo cáo tổng kết đề tài cấp quốc gia: *Sử dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây keo lá liềm cho vùng đất cát ven biển khu vực miền Trung*, 2015- Bộ khoa học & công nghệ.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHÂN LÝ THUYẾT

Chương 1. Mở đầu.

- 1.1. Khái quát về công nghệ sinh học
 - 1.1.1. Định nghĩa
 - 1.1.2. Nội dung khoa học của công nghệ sinh học
 - 1.1.3. Sơ lược lịch sử hình thành công nghệ sinh học
- 1.2. Một số kết quả ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống cây lâm nghiệp
 - 1.2.1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong cải thiện giống cây rừng
 - 1.2.2. Một số thành tựu về ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống cây rừng
 - 1.2.3. Kết luận

Chương 2. Nuôi cấy mô và cải thiện giống cây rừng

- 2.1. Cơ sở di truyền của nuôi cấy mô tế bào
 - 2.1.1. Một số thuật ngữ
 - 2.1.2. Cơ sở di truyền và mục đích
 - 2.1.2.1. Cơ sở di truyền
 - 2.1.2.2. Mục đích
- 2.2 Những điều cần lưu ý trong nuôi cấy mô tế bào
 - 2.2.1. Những điều thường gặp khi nuôi cấy mô
 - 2.2.2. Các giai đoạn chủ yếu trong nhân giống cây con bằng biện pháp nuôi cấy mô
 - 2.2.2.1. Kiến lập và ổn định mẫu cấy
 - 2.2.2.2. Nhân giống
 - 2.2.2.3. Hình thành rễ
 - 2.2.2.4. Làm cho các cây tái sinh thích nghi khí hậu
- 2.3 Nuôi cấy đỉnh sinh trưởng (meristem) làm sạch vi- rút
- 2.4 Nuôi cấy phôi trong chọn giống
 - 2.4.1. Tóm lược ội dung
 - 2.4.2. Cơ chế tạo hạt và các loại phôi hạt
 - 2.4.2.1. Cơ sở di truyền
 - 2.4.2.2. Tách phôi cây sinh sản vô phôi
 - 2.4.3. Trình tự nuôi cấy
 - 2.4.4. Tái sinh cây từ callus phôi lai xa khác loài
 - 2.4.5. Ứng dụng

- 2.5 Nuôi cấy bào nhụy và noãn
 - 2.5.1. Nội dung
 - 2.5.2. Cấu trúc giải phẫu và thành phần tế bào bào nhụy
 - 2.5.3. Nuôi cấy noãn (Ovule)
- 2.6 Thụ tinh in-vitro
- 2.7 Cây đơn bội và nuôi cấy bao phấn
 - 2.7.1. Cây đơn bội và đặc điểm di truyền
 - 2.7.2. Các hướng tạo cây đơn bội
 - 2.7.3. Nuôi cấy bao phấn
 - 2.7.4. Kỹ thuật nuôi cấy bao phấn
 - 2.7.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả nuôi cấy bao phấn
- 2.8 Nuôi cấy bào tử (hạt phấn)
- 2.9 Hạt nhân tạo
 - 2.9.1. Tóm lược nội dung và cơ sở di truyền
 - 2.9.2. Quy trình tạo vỏ hạt nhân tạo
 - 2.9.3. Quá trình nảy mầm hạt nhân tạo và trạng thái bôi thể
 - 2.9.4. Hạt nhân tạo chuyển gen
 - 2.9.5. Bảo quản và dự trữ hạt nhân tạo
 - 2.9.6. Hướng tương lai kỹ thuật hạt nhân tạo tương lai
- 2.10 Lai tế bào soma
 - 2.10.1. Nội dung và cơ sở di truyền
 - 2.10.2. Kỹ thuật tạo cây lai soma
 - 2.10.3. Trở ngại của phương pháp
 - 2.10.4. Tạo cây lai bào chất và tái tổ hợp cơ quan tử
 - 2.10.5. Truyền tính bất dục đực tế bào chất

Chương 3: Chỉ thị phân tử và lập bản đồ liên kết gen

- 3.1 Cơ sở di truyền
- 3.2 Khái niệm về chỉ thị phân tử và các loại chỉ thị phân tử
- 3.3 Các loại chỉ thị DNA
- 3.4 Những ưu điểm khi dùng chỉ thị DNA đánh dấu gen trong chọn giống
- 3.5 Trình tự các bước ứng dụng chỉ thị DNA đánh dấu gen
 - 3.5.1. Chọn lọc tính trạng để đánh dấu gen
 - 3.5.2. Chọn bố mẹ để lai và tạo quần thể
 - 3.5.3. Tạo ra quần thể dùng để lập bản đồ gen
 - 3.5.4. Quan sát, đo và đánh giá kiểu hình
 - 3.5.5. Phân tích kiểu gen
 - 3.5.6. Phân tích mức độ liên kết

Chương 4. Ứng dụng công nghệ sinh học chọn tạo cây keo lá liềm

- 4.1. Điều tra, đánh giá nguồn vật liệu giống keo lá liềm làm cơ sở để thu thập và tuyển chọn giống canh tác.
 - 4.1.1. Điều tra nguồn vật liệu giống dựa trên các tiêu chí sinh trưởng
 - 4.1.2. Tuyển chọn và hình thành hồ sơ nguồn vật liệu giống
- 4.2. Tuyển chọn các dòng keo lá liềm ưu tú dựa trên đặc điểm sinh lý (khả năng chịu nóng, chịu hạn) và đặc điểm sinh trưởng.
 - 4.2.1. Cơ sở đánh giá khả năng chịu nóng của keo lá liềm
 - 4.2.2. Cơ sở đánh giá khả năng chịu hạn của keo lá liềm
 - 4.2.3. Tuyển chọn dòng keo lá liềm dựa trên đặc điểm sinh lý và đặc điểm sinh trưởng
- 4.3. Đánh giá đa dạng di truyền và khả năng chống chịu bằng các chỉ thị phân tử làm cơ sở cho việc tuyển chọn các dòng keo ưu tú.
- 4.4. Nghiên cứu quy trình chọn giống cây keo lá liềm bằng các marker phân tử.

HÀN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. (2 tiết) Nuôi cấy mô- tế bào thực vật (chọn nội dung 1 hoặc nội dung 2 và 3)

Nội dung 1: Quan sát hoạt động nuôi cấy mô ở các cơ sở nhân giống cây lâm nghiệp trên địa bàn

Nội dung 2: Chọn mẫu cây và khử trùng mẫu cây

Nội dung 3: Pha chế môi trường nuôi cấy

Bài 2. Điều tra vật liệu giống keo lá liềm để làm cơ sở thu thập và tuyển chọn giống canh tác

Nội dung 1: Đo đếm các tiêu chí sinh trưởng làm cơ sở tuyển chọn các dòng ưu tú

Nội dung 2: Thành lập cơ sở dữ liệu của nguồn vật liệu giống

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đinh Thị Hương Duyên

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ-Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Lâm sinh- Khoa Lâm nghiệp

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng Huế; 63 Đào Duy Từ-Huế

Điện thoại, email: dinhthihuongduyen@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Hóa sinh thực vật; Di truyền thực vật

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đặng Thái Dương

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – Huế

Điện thoại, email: Dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Cải thiện giống, Bảo tồn nguồn gen, trồng rừng.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

PGS.TS. Đặng Thái Dương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Trồng rừng phòng hộ (Planting protection forest)
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02
- Phân bổ thời gian:
 - + Lý thuyết: 24 tiết; Số chương: 04;
 - + Thực hành, thảo luận, báo cáo: 6 tiết; Số bài học: 02 bài
- Điều kiện tiên quyết: Đây là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp điều kiện tiên quyết phải hoàn thành tất cả các học phần ở các phân kỳ trước đó. Tuy nhiên tiên quyết phải nắm vững các kiến thức về trồng rừng, sinh hóa thực vật và kỹ thuật lâm sinh.

2. Mục tiêu của học phần

Học phần “Trồng rừng phòng hộ” đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp như sau:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, tác dụng cũng như các kỹ thuật trồng các loại rừng phòng hộ, giảm bớt những tác động và ảnh hưởng của thiên tai.
- Kỹ năng: Sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức về chăm sóc, quản lý các loại rừng phòng hộ một cách hợp lý. Biết tính toán, dự toán, thiết kế và triển khai thi công trồng các loại rừng phòng hộ. Về kỹ năng mềm: thực hiện và nắm bắt được kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

- Thái độ: có khả năng thích ứng với hoàn cảnh công việc, nâng cao khả năng và tinh thần tự học, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế. Sinh viên phải có tinh thần, thái độ nghiêm túc tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp cũng như thực hành thực tế.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần: Học phần trồng rừng phòng hộ là học phần kế thừa các nội dung từ học phần trồng rừng. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về trồng và quản lý các loại rừng phòng hộ giúp giảm thiểu các ảnh hưởng và tác động tiêu cực của thiên tai. Cung cấp cho học viên những kiến thức về cách thức trồng, đánh giá từng loại rừng phòng hộ cụ thể: chắn gió, chắn cát, giữ nước... cách vận dụng các biện pháp kỹ thuật vào việc trồng và quản lý, bảo vệ chúng.

4. Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Nội dung học phần	Thời gian phân bổ (tiết)						
	Lên lớp					Thực hành	Tự học
	Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Kiểm tra		

<i>Chương I. Trồng rừng chắn gió</i>	7	5	2				15
1.1. Cơ sở lý luận của trồng rừng chắn gió		0.5					2
1.2.Ảnh hưởng của đai rừng đến tốc độ gió		0.5	2				3
1.3.Ảnh hưởng của hướng gió, tốc độ gió và trạng thái khí quyển đến tốc độ gió sau đai rừng		1					4
1.4.Ảnh hưởng của đai rừng đến các nhân tố tiểu khí hậu		1					3
1.5. Kỹ thuật trồng rừng chắn gió		2					3
<i>Chương II. Trồng rừng phòng hộ chống cát di động và biện pháp cố định cát</i>	4	4				2	8
2.1. Phân loại bãi cát cát		1					4
2.2. Quy luật di động của cát bay ven biển và sự hình thành địa hình vùng cát		2					4
2.3. Biện pháp cố định cát		1				2	
<i>Chương III. Trồng rừng, nuôi dưỡng nguồn nước, chống xói mòn, bảo vệ nguồn đất</i>	6	5			1		12
3.1. Khái niệm về xói mòn đất		1					2
3.2. Các nhân tố		1					3

ảnh hưởng đến xói mòn đất							
3.3. Tác dụng của rừng đối với việc phòng chống xói mòn		1					3
3.4. Sử dụng hợp lý đất đồi núi và vấn đề phòng chống xói mòn		1					2
3.5. Kỹ thuật phòng chống xói mòn		1			1		2
Chương IV. Trồng rừng phòng hộ chắn sóng, chống xói lở và cố định đất ven biển.	3	2	1				8
4.1. Đặc điểm phân bố, sinh thái và giá trị của rừng ngập mặn		1					4
4.2. Thiết kế trồng rừng ngập mặn		1	1				4
Chương V. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây rừng phòng hộ	4	4				4	12
5.1. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây rừng phòng hộ chắn gió		1				2	3
5.2. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây rừng phòng hộ chắn cát và cố định cát.		1				1	3
5.3. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây rừng phòng hộ đầu nguồn		1					3
5.4. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây rừng rừng ngập mặn.		1				1	3
Tổng	24	20	3		1	6	55

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (cần nêu rõ tỷ lệ và phương pháp đánh giá 30%)

Chuyên cần, tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp và thực hành chiếm 10% trọng số tổng số điểm.

20% trọng số điểm được tính bằng tổng điểm trung bình chung của các bài tập kiểm tra, thảo luận nhóm và thực hành học phần tại phòng thực hành thực tập chế biến lâm sản.

Điểm chuyên cần được quy định tại quyết định số 1094/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm-ĐH Huế, cụ thể:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10	8
10 - <20	6
20 - 30	4
> 30	Nhận điểm 0 (không đủ điều kiện dự thi)

5.2 Kiểm tra - đánh giá định kỳ, bao gồm

- Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận): 10% trọng số;
- Hoạt động theo nhóm: Các bài thực hành sẽ tính trung bình cộng và chiếm 20% trọng số;
- Thi đánh giá cuối kỳ: 70% trọng số.
- Hình thức thi kết thúc học phần: thi viết áp dụng theo quy chế thi, chọn 02 câu hỏi từ ngân hàng đề thi. Câu hỏi được biên soạn theo thang điểm 10.

Điểm A từ 8,5 – 10 điểm: bài thi đáp ứng toàn bộ ý chính của câu hỏi, biết vận dụng phân tích làm rõ các nội dung mà câu hỏi yêu cầu. Đưa ra các ví dụ làm rõ phân tích, hành văn mạch lạc.

Điểm B từ 7,0 – 8,4 điểm: bài làm đáp ứng được cơ bản các ý chính của nội dung câu hỏi yêu cầu, biết trình bày và phân tích sơ lược nội dung câu hỏi yêu cầu, đưa ra các ví dụ minh họa.

Điểm C từ 5,5 – 6,9 điểm: trình bày được một số ý chính và diễn dài nội dung câu hỏi yêu cầu. Có thể có ví dụ minh họa làm rõ ý

Điểm D từ 4,0 – 5,4 điểm: nêu được một số ý cơ bản, nội dung trình bày sơ sài, thiếu sự phân tích và cách diễn đạt không mạch lạc.

Điểm F từ 0 – 3,9 điểm: nêu các ý lệch lạc, không đúng với yêu cầu của đề bài, thiếu kỹ năng trình bày bài, phân tích và triển khai ý.

5.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có, nói rõ cách đánh giá và cho điểm)

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đặng Thái Dương, (2016) Bài giảng trồng rừng phòng hộ, Trường đại học nông lâm Huế

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Thái Dương, Võ Đại Hải (2012) Giáo trình *Trồng rừng*, NXB NN Hà Nội
2. Đặng Thái Dương (2010), Quy hoạch cảnh quan cây xanh đô thị ven bờ sông Hương, NXB NN Hà Nội.
3. Đặng Thái Dương, Nguyễn Hợi (2010) Kỹ thuật trồng rừng trên vùng đất cát ven biển, NXB NN, Hà Nội.
4. Đặng Thái Dương (2009) Kỹ thuật gây trồng sỡ, NXB NN Hà Nội
5. Đặng Thái Dương, 2013, Kỹ thuật gây trồng mây, NXB NN Hà Nội
6. Đặng thái Dương, 2016, Giáo trình Kỹ thuật chọn tạo và nhân giống cây đô thị, NXB NN Hà Nội.
7. Ngô Quang Đê (1985), Cơ sở chọn giống và nhân giống cây trồng, NXB NN, Hà Nội, 1985.

8. Lê Đình Khả (2003), Chọn tạo giống và nhân giống cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu ở Việt Nam, NXB NN, Hà Nội, 2003, 292 trang.
9. Lê Đình Khả và Dương Mộng Hùng (2003), Giáo trình Giống cây rừng, NXB NN, Hà Nội, 2003.

7. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương I. Trồng rừng chắn gió

- 1.1. Các loại gió và tác hại của nó
- 1.2. Nguyên lý chắn gió của đai rừng
- 1.3. Ảnh hưởng của đai rừng đến tốc độ gió
- 1.4. Ảnh hưởng của gió, tốc độ gió và trạng thái khí quyển đến tốc độ gió sau đai rừng
- 1.5. Ảnh hưởng của đai rừng đến các nhân tố tiểu khí hậu

Chương II. Kỹ thuật trồng rừng chắn gió

- 2.1. Quy hoạch đất đai và hệ thống đai rừng chắn gió
- 2.2. Kỹ thuật trồng đai rừng chắn gió

Chương III. Cát di động và biện pháp cố định cát

- 3.1. Phân loại bão cát
- 3.2. Quy luật di động của cát bay ven biển và sự hình thành địa hình vùng cát

Chương IV. Trồng rừng, nuôi dưỡng nguồn nước, chống xói mòn, bảo vệ nguồn đất

- 4.1. Khái niệm về xói mòn đất
- 4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến xói mòn đất
- 4.3. Tác dụng của rừng đối với việc phòng chống xói mòn
- 4.4. Sử dụng hợp lý đất đồi núi và vấn đề phòng chống xói mòn
- 4.5. Kỹ thuật phòng chống xói mòn

PHẦN THỰC HÀNH – THỰC TẬP HỌC PHẦN

Bài 1. Thảo luận vai trò của rừng phòng hộ trong vấn đề giảm thiểu hậu quả ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Nội dung 1: Trình bày các hiện tượng biến đổi khí hậu, phân tích các nguyên nhân dẫn đến các hậu quả mà hiện tượng biến đổi khí hậu gây ra: về đời sống kinh tế xã hội, về môi trường và đa dạng sinh học...

Nội dung 2: Phân tích vai trò của các dạng rừng phòng hộ trong việc giảm thiểu hậu quả của vấn đề biến đổi khí hậu: rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn chắn sóng....

Thực hiện trên các phần mềm tin học và tiến hành trình chiếu báo cáo theo phương thức nhóm.

Bài 2. Thảo luận hiện trạng của rừng phòng hộ và xây dựng các giải pháp quản lý, bảo vệ trong tương lai

Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng của rừng phòng hộ tại các vùng, các vườn quốc gia hoặc một số tỉnh trên cả nước. Phân tích các nguyên nhân và mức độ xâm hại của các loại rừng phòng hộ.

Nội dung 2: Xây dựng ý tưởng, đề xuất các giải pháp giúp nâng cao công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ trong tương lai.

Sử dụng các công cụ trình chiếu chuyên dụng, đưa các hình ảnh, các số liệu cụ thể để dẫn chứng ra để thực hiện phân tích, thảo luận.

THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đặng Thái Dương

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Lâm Nghiệp – Đại học Nông Lâm Huế

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng – thành phố Huế

Điện thoại, email: dangthaiduong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành sâu): Cải thiện giống, Lâm sinh học, trồng rừng, bảo tồn nguồn gen.

Giảng viên 2:

Họ và tên: **Phạm Cường**

Chức danh, học hàm học vị: GV, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Địa chỉ liên hệ: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0905 801 501

Email: phamcuong@huaf.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giống cây rừng, Kỹ thuật lâm nghiệp, Trồng rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, Lâm sản ngoài gỗ và Nông lâm kết hợp.

Duyệt
Hiệu trưởng

Trưởng Khoa
(Ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Văn An

PGS.TS. Đặng Thái Dương

PGS.TS. Đặng Thái Dương